

LỊCH SỬ
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG NAM
(1930 - 2015)

ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG NAM

LỊCH SỬ
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG NAM
(1930 - 2015)

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG - 2019

Chịu trách nhiệm nội dung:

**BAN THƯỜNG TRỰC
ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG NAM**

Chủ nhiệm công trình:

Ông VÕ XUÂN CA
Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam

Biên soạn:

ThS. PHẠM VĂN THẮNG
Trường Đại học Quảng Nam

Thành viên Ban Chủ nhiệm công trình:

Ông NGUYỄN PHI HÙNG

Phó Chủ tịch Thường trực

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Ông NGUYỄN VĂN LONG

Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Ông LÊ THÁI BÌNH

Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

Bà NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG

UVTT, Trưởng ban Tuyên giáo

Bà HUỖNH THỊ MỸ LỆ

UVTT, Trưởng ban Tổ chức

Bà HỒNG THỊ NGÀ

UVTT, Chánh Văn phòng

Bà LÊ THỊ NHƯ THỦY

UVTT, Trưởng ban Phong trào

Bà NGUYỄN THỊ THANH THU

UVTT, Trưởng ban Dân chủ - Pháp luật

Bà TRẦN THỊ HÀ

Phó Văn phòng

Bà CHÂU THỊ HẬU

Chuyên viên Ban Tuyên giáo

BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH QUẢNG NAM





*Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất
cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng nam - 2010*

Lời giới thiệu

Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo, được thành lập ngày 18 tháng 11 năm 1930. Trải qua 85 năm hoạt động với nhiều tên gọi khác nhau, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam không ngừng phát huy tinh thần yêu nước, truyền thống đại đoàn kết dân tộc - một nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày nay là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là bộ phận của hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng, tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; nơi hiệp thương, phối hợp và thống nhất hành động của các thành viên.

Cùng với cả nước, trên mảnh đất Quảng Nam “*trung dũng kiên cường*”, giàu lòng yêu nước và truyền thống cách mạng, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Quảng Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam sớm ra đời, tổ chức tập hợp

rộng rãi các tầng lớp Nhân dân, không phân biệt thành phần, giai cấp, dân tộc, tôn giáo, tạo nên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, giành thắng lợi trong các cuộc đấu tranh chống kẻ thù xâm lược bảo vệ Tổ quốc, cũng như trong công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển tỉnh Quảng Nam ngày nay.

Lịch sử vẻ vang của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam trong 85 năm qua đã khẳng định: Đại đoàn kết toàn dân tộc trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, truyền thống quý báu, bài học lớn, vấn đề có ý nghĩa chiến lược, nhân tố quyết định đảm bảo thành công của cách mạng nước ta.

Để góp phần giáo dục truyền thống cách mạng; khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong công tác vận động, tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và phát triển tỉnh Quảng Nam, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức nghiên cứu, biên soạn tập sách *Lịch sử Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam (1930 - 2015)*.

Qua hơn 2 năm triển khai thực hiện với tinh thần nghiêm túc và thực sự cầu thị, Ban biên soạn tập sách *Lịch sử Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam (1930 - 2015)* đã ghi lại một cách trung thực, khách quan sự ra đời và hoạt động của các tổ chức Mặt trận trên địa bàn tỉnh qua các thời kỳ lịch sử; tôn vinh sự cống hiến to lớn của các tầng lớp Nhân dân, đồng bào các dân tộc, các tôn giáo..., rút ra những bài học kinh nghiệm quý về công tác tập hợp, vận động quần chúng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong giai đoạn 1930 - 2015 để tiếp

tục kế thừa, phát huy trong các giai đoạn tiếp theo, góp phần xây dựng tỉnh Quảng Nam ngày càng giàu đẹp.

Trong quá trình biên soạn tập sách, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Ban biên soạn đã nhận được nhiều tư liệu quý do các tổ chức, cá nhân cung cấp; tổ chức sưu tầm và xử lý hàng trăm loại tư liệu khác nhau, gặp gỡ nhiều nhân chứng lịch sử. Và qua các hội thảo khoa học, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Ban biên soạn đã nhận được nhiều ý kiến góp ý của các vị cán bộ lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh qua các thời kỳ, các nhà nghiên cứu văn hóa, lịch sử trong và ngoài tỉnh, trên cơ sở đó Ban biên soạn đã tiếp thu, chỉnh sửa để từng bước hoàn thiện bản thảo.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng do nguồn tư liệu lưu trữ về công tác Mặt trận tỉnh Quảng Nam không nhiều, các nhân chứng lịch sử giai đoạn từ 1975 trở về trước hiện còn ít nên Ban biên soạn gặp không ít khó khăn trong quá trình sưu tầm, đối chiếu các nguồn tư liệu, nhất là một số nội dung lịch sử đang còn có ý kiến khác nhau. Do vậy tập sách sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế nhất định, rất mong sự lượng thứ và góp ý chân thành của bạn đọc để lần tái bản sau được hoàn thiện hơn.

Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chân thành cảm ơn sự quan tâm của Tỉnh ủy, sự giúp đỡ tận tình của các tổ chức, cá nhân, nhất là các vị nguyên lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh qua các thời kỳ, các tổ chức thành viên của Mặt trận, các nhà nghiên cứu văn hóa, lịch sử đã cung cấp nhiều tư liệu quý, đóng góp nhiều ý kiến xác đáng để hoàn thành tập sách này.

Chào mừng Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tiến tới Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ X, nhiệm kỳ 2019 - 2024, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trân trọng giới thiệu tập sách *Lịch sử Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam (1930 - 2015)* đến với bạn đọc.

Quảng Nam, tháng 6 năm 2019

BAN THƯỜNG TRỰC

**ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM
TỈNH QUẢNG NAM**

Chương mở đầu

QUẢNG NAM - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, QUÁ TRÌNH MỞ ĐẤT LẬP LÀNG VÀ ĐẶC ĐIỂM VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Vài nét về điều kiện tự nhiên

Địa giới Quảng Nam hiện nay được xác định từ khi chia tách tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng thành 2 đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương là tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng¹. Là một tỉnh thuộc khu vực ven biển miền Trung, nằm ở 108°26'16" đến 108°44'04" độ kinh Đông và từ 15°23'38" đến 15°38'43" độ vĩ Bắc, phía bắc giáp thành phố Đà Nẵng và tỉnh Thừa Thiên - Huế, phía nam giáp tỉnh Quảng Ngãi, phía tây giáp tỉnh Kon Tum và tỉnh Sê Koong nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, phía đông giáp biển Đông. Diện tích tự nhiên toàn tỉnh là 10.438,4 km², chiếm 3,25% diện tích cả nước. Dân số hơn 1.480.000 người (2015), mật độ dân số trung bình là 141 người/km², phân bố chủ yếu ở vùng đồng bằng sông Vu Gia, Thu Bồn, Tam Kỳ, Bà Rén, Ly Ly và vùng ven biển, dọc quốc lộ 1A. Riêng mật độ dân số của các thành phố Tam Kỳ, Hội An và thị xã Điện Bàn vượt quá 1.000 người/km²; trong khi rất thưa thớt ở các huyện miền núi phía tây. Với 81,4% dân số sinh sống ở nông thôn, Quảng Nam là một địa phương có tỷ lệ

1. Theo Nghị quyết ra ngày 6-11-1996 của kỳ họp thứ 10 Quốc hội khoá IX.

dân số sinh sống ở nông thôn cao hơn tỷ lệ trung bình của cả nước¹. Nhìn chung, so với 63 tỉnh, thành phố trong cả nước thì Quảng Nam đứng hàng thứ 6 về diện tích, thứ 19 về dân số, thứ 45 về mật độ dân số².

Quảng Nam là vùng lãnh thổ trọng yếu, là địa bàn sinh sống của nhiều dân tộc anh em trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Trong đó đông nhất là người Kinh (91,1%), người Cotu (2,71%), người Xơ Đăng (2,2%), người Gié Triêng (0,33%), người Cor (0,33%), còn lại là của các tộc người thiểu số khác³. Quảng Nam từng được coi là “*đất yết hầu của miền Thuận - Quảng*”, làm thành trì bảo vệ đất nước trước họa xâm lăng của các thế lực phong kiến phương Bắc; làm phen dậu, bàn đạp để tiến công mở rộng lãnh thổ về phương Nam; vượt trùng dương sóng lớn đến các đảo xa, từng thấm bao máu, mồ hôi, nước mắt của các thế hệ tiền nhân để tạo dựng cơ nghiệp cho muôn đời con cháu mai sau.

Địa hình Quảng Nam khá phức tạp, có độ chia cắt mạnh nên sự phân bố địa lý hình thành rõ rệt 3 vùng: miền núi, trung du; đồng bằng và vùng cát ven biển. Miền núi Quảng Nam bao gồm các vùng đất ở phía tây, tây bắc và tây nam của tỉnh, chiếm 72% diện tích tự nhiên có độ cao trung bình so với mặt nước biển từ 500 đến 1.000 mét, với nhiều ngọn núi cao như Lum Heo (2.045m), núi Tion (2.032m), Gole-Lang (1.855m), cao nhất là núi Ngọc Linh (2.598m) nằm giữa ranh giới 2 tỉnh Quảng Nam và Kon Tum, là đỉnh núi cao nhất của dãy Trường

1. <http://www.thuongmaibiengioimiennui.gov.vn/vn/thong-tin-dia-phuong/index.phtml?Code=46>.

2. https://vi.wikipedia.org/wiki/Quang_Nam.

3. <http://vanhoaquangnamonline.gov.vn/nghien-cuu-trao-doi/dia-vuc-cu-tru-cua-cac-toc-nguoi-o-mien-nui-quang-nam.html>.

Sơn. Về mặt thổ nhưỡng, toàn tỉnh có 9 loại đất khác nhau gồm: đất đỏ vàng, đất phù sa, đất thung lũng, đất xám bạc màu, đất cồn cát và đất cát ven biển... Trong đó, nhóm đất phù sa thuộc hạ lưu các con sông thích hợp với việc trồng lúa, cây công nghiệp ngắn ngày, rau đậu; nhóm đất đỏ vàng ở vùng trung du, miền núi thích hợp với việc phát triển rừng, cây công nghiệp dài ngày, cây đặc sản, cây dược liệu; đất mặn ở vùng đầm phá thích hợp cho việc nuôi trồng thủy sản và trồng rừng ngập mặn...

So với một số tỉnh miền Trung, Quảng Nam có vùng đồng bằng tương đối rộng với những cánh đồng ở Đại Lộc, Điện Bàn, Duy Xuyên. Hai con sông Thu Bồn và Vu Gia ở phía bắc đã bồi đắp phù sa cho vùng đồng bằng rộng 540 km², còn ở phía nam cũng có một đồng bằng rộng 510 km² chạy dọc theo sông Tam Kỳ. Đặc biệt, sông Thu Bồn đã tạo nên những bãi bồi phù sa màu mỡ, cho những “*nuơng dâu xanh biếc*” của Đại Lộc, Điện Bàn, Duy Xuyên, những trung tâm tằm tơ, những làng xóm trù phú và đó cũng chính là những “*cái nôi học hành*”, những “*cái ổ khoa bảng*” của đất Quảng như: Xuân Đài, Đông Bàn, Bảo An, Phú Mỹ, Trà Kiệu...

Là địa phương có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú: vàng ở Bồng Miêu (Phú Ninh); than đá ở Ngọc Kinh, An Điem (Đại Lộc), Nông Sơn; Silicat ở vùng đông Quế Sơn, Thăng Bình, Núi Thành; đá granit ở Quế Sơn, Hiệp Đức, Tiên Phước, Núi Thành, nước khoáng ở Phú Ninh, Quế Lộc với trữ lượng lớn đã và đang được khai thác, ngoài ra còn có cao lanh, đồng sắt, kẽm, thiếc, yến sào, hải sản, quế, tiêu... Quảng Nam cũng là mảnh đất có nhiều tiềm năng để phát triển về thủy điện như An Điem, A Vương, Sông Tranh, sông Bung...

Quảng Nam là một trong những địa phương có diện tích đất rừng cao nhất cả nước (400.000 ha). Nơi hỗn giao của hai luồng thực vật phía bắc và phía nam nên hệ thực vật ở đây rất phong phú, có đến 385 loài thực vật bậc cao, 28 loài thú, 172 loài chim. Rừng đặc dụng Sông Thanh là khu bảo tồn lớn nhất tỉnh, nơi các động vật hoang dã khu vực trung Trường Sơn đang được bảo tồn. Nhân sâm Ngọc Linh là cây dược liệu quý phân bố chủ yếu ở độ cao trên 1.000 m của núi Ngọc Linh (Trà Mai - Nam Trà My). Ngoài ra, còn có nhiều loại gỗ quý như gõ, kiền kiền, sao đen, huỳnh, dổi, chò, lim..., và nhiều loại lâm đặc sản có giá trị kinh tế cao như quế, trầm hương và hàng chục loại dược liệu quý.

Bờ biển Quảng Nam dài 125 km, với hai ngư trường chính là Núi Thành và Hội An, diện tích rộng 40.000 km² và trên 10.000 ha có khả năng nuôi trồng thủy sản. Trữ lượng hải sản gần 9 vạn tấn. Các hải đặc sản có tôm, mực, hải sâm, bào ngư, yến sào..., và nhiều bãi cá nổi. Cạnh đó, vùng ven biển có nhiều bãi tắm đẹp, nổi tiếng, như: Hà My (Điện Bàn), Cửa Đại (Hội An), Bình Minh (Thăng Bình), Tam Thanh (Tam Kỳ), Bãi Rạng (Núi Thành)... Cù Lao Chàm là cụm đảo ven bờ với hệ sinh thái phong phú được công nhận là khu dự trữ sinh quyển của thế giới.

Quảng Nam nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, chỉ có 2 mùa là mùa mưa và mùa khô, chịu ảnh hưởng của mùa đông lạnh miền Bắc. Nhiệt độ trung bình năm 25,6°C. Mùa đông nhiệt độ vùng đồng bằng có thể xuống dưới 12°C và nhiệt độ vùng núi thậm chí còn thấp hơn. Độ ẩm trung bình trong không khí đạt 84%. Lượng mưa trung bình 2.000 - 2.500mm. Mùa mưa thường kéo dài từ tháng 10 đến tháng 12. Mùa khô

kéo dài từ tháng 2 đến tháng 8. Tháng 1 và tháng 9 là các tháng chuyển tiếp với đặc trưng là thời tiết hay nhiễu loạn và khá nhiều mưa. Mưa lớn lại tập trung trong một thời gian ngắn trong 3 tháng mùa mưa trên một địa hình hẹp, dốc làm cho lũ các sông lên nhanh, gây ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất và giao thông giữa các vùng.

Về giao thông vận tải, Quảng Nam có hệ thống quốc lộ 1A, đường Hồ Chí Minh và đường sắt xuyên Việt từ Bắc vào Nam; các trục đường quốc lộ 14B, 14D, 14E, 14G, 14H, đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, đường 129 (từ Duy Xuyên đến Tam Kỳ) và đường Thanh niên ven biển đi qua. Trên địa bàn tỉnh còn có 442 km đường trục ngang nối kết liên vùng, nối đồng bằng với miền núi, các thành phố, thị xã với vùng nông thôn, tạo điều kiện cho việc khai thác tối đa các nguồn lực tại chỗ, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân. Quảng Nam còn có một hệ thống sông ngòi với các con sông lớn: Thu Bồn, Vu Gia, Tam Kỳ... Các con sông này đều bắt nguồn từ vùng núi phía tây đổ ra biển Đông theo 2 cửa sông lớn là Cửa Đại (Hội An), An Hoà (Núi Thành), duy có sông Trường Giang thì chạy dọc vùng cát phía đông của tỉnh. Các con sông này chẳng những mang phù sa và là nguồn thủy lợi quan trọng nhất cho nền nông nghiệp lúa nước, mà còn tạo thành một mạng lưới giao thông đông - tây, bắc - nam, là phương tiện giao lưu giữa 2 miền *nguồn, biển* từ nhiều thế kỷ trước. Cảng biển Kỳ Hà, sân bay Chu Lai có vị trí quan trọng trên đường hàng hải và hàng không quốc tế. Với mạng lưới giao thông đa dạng, phong phú ấy, Quảng Nam có điều kiện trao đổi liên vùng và là cửa ngõ ra biển, nối Tây Nguyên, các tỉnh miền Trung, vươn ra với thế giới bên ngoài, tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội.

2. Quá trình mở đất, lập làng và nguồn gốc cư dân

Vùng đất Quảng Nam ngày nay trước thế kỷ XIV là phần lãnh thổ nằm dưới quyền quản lý của chính quyền thuộc vương quốc Chăm-pa. Năm 1301, vua Trần Nhân Tông sau khi nhường ngôi cho con là Trần Anh Tông đã có cuộc viếng thăm Chăm-pa và hứa gả công chúa Huyền Trân cho vua Chăm-pa là Chế Mân. Năm 1306, Chế Mân sai sứ đến kinh đô Thăng Long dâng sinh lễ là hai châu Ô và Lý để làm lễ cưới Huyền Trân. Năm 1307, vua Trần Anh Tông sai quan Hành khiển Đoàn Nhữ Hài đến vùng đất mới tuyên bố ý đức của triều đình, đổi hai châu ấy thành châu Thuận và châu Hoá. Amaravati (phần đất quan trọng của Quảng Nam hiện nay) trở thành một bộ phận lãnh thổ của Đại Việt. Tuy nhiên, kể từ năm 1306 cho đến đầu thế kỷ XV, vì nhiều lý do khác nhau, trên thực tế vùng đất từ đèo Hải Vân trở vào chỉ chịu sự ràng buộc, chứ chưa chịu sự quản lý trực tiếp của Đại Việt.

Năm 1402, Hồ Quý Ly dùng biện pháp quân sự để mở rộng đất đai, vua Chiêm là Đa Bích Lai đã phải cắt 2 châu Chiêm Động và Cổ Luỹ để cầu hoà. Bằng những kinh nghiệm đã trải qua và nhãn quan chính trị nhạy bén, Hồ Quý Ly lấy đất ấy lập ra 4 châu Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa¹, đặt quan An Phủ sứ để cai trị và thực hiện chính sách di dân đến ở lâu dài để giữ đất. Miền Tây Quảng Nam - vùng thượng nguồn các sông Thu Bồn, Vu Gia, Tam Kỳ được đặt tên là trấn Tân Ninh. Nhà Hồ tồn tại không được bao lâu thì bị nhà Minh (Trung Quốc) sang xâm

1. Châu Thăng và châu Hoa bao gồm vùng đất Chiêm Động, tức là các huyện từ Duy Xuyên vào đến Núi Thành. Châu Tư và châu Nghĩa bao gồm vùng đất Cổ Luỹ, tức là các huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ của tỉnh Quảng Ngãi ngày nay. Vùng đất phía Bắc sông Thu Bồn trước đó đã thuộc về châu Hóa.

lược. Nhân cơ hội đó người Chiêm đã liên tục phản kích, đánh bật những tiên dân người Việt ra khỏi những vùng đất mà họ đã từng đứng chân và gắn bó. Do đó, trong thực tế đất Quảng trở lại chịu sự thống trị của nhà nước Chăm-pa.

Phải mất vài thập kỷ sau, trong hoàn cảnh mới và những điều kiện hoàn toàn khác với nhà Hồ, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn của Lê Lợi chống quân xâm lược nhà Minh thắng lợi (1427), dưới thời trị vì của nhà Hậu Lê, chế độ phong kiến Đại Việt được tổ chức chặt chẽ và đạt đến đỉnh cao của sự hưng thịnh dưới thời của vua Lê Thánh Tông, chủ quyền của Đại Việt đối với đất Quảng Nam mới dần dần được khôi phục. Năm 1470, vua Lê Thánh Tông quyết định mở cuộc hành quân lớn đánh sâu vào đất Chiêm Thành thắng lợi. Sách Đại Việt sử ký toàn thư viết rằng, vua Lê Thánh Tông hành động “*Thuận theo lẽ âm dương để đón lấy khí hoà của trời đất*”¹ Khi chiến tranh chấm dứt, nhà vua lấy núi Thạch Bi, khu vực đèo Cả (nằm giữa 2 tỉnh Phú Yên, Khánh Hoà ngày nay) làm ranh giới giữa 2 nước Đại Việt - Chiêm Thành. Tháng 6 năm Tân Mão (1471), vua Lê Thánh Tông quyết định lấy Chiêm Động (tức Đại Chiêm), Cổ Lũy và phần đất kéo dài đến tận núi Thạch Bi đặt tên là đạo Thừa tuyên Quảng Nam.

Đạo Thừa tuyên Quảng Nam bao gồm 3 phủ là Thăng Hoa, Tư Nghĩa, Hoài Nhơn. Phủ Thăng Hoa gồm 3 huyện là Lệ Giang, Hà Đông, Hy Giang (bao gồm phần đất các huyện Duy Xuyên, Quế Sơn, Hiệp Đức, Nông Sơn, Tiên Phước, Thăng Bình, Phú Ninh, Tam Kỳ, Núi Thành hiện nay). Các huyện Điện Bàn, Hoà Vang, Đại Lộc, Hội An vẫn thuộc về phần cực nam của phủ Triệu Phong trong đạo Thừa tuyên Thuận Hóa.

1. *Đại Việt sử ký toàn thư*, Bản Kỷ thực lục, quyển XIII, Kỷ nhà Lê, trang 1023.

Khi tình hình chính trị đã ổn định, bộ máy hành chính đã được tổ chức chặt chẽ, nhà Lê tiến hành các cuộc di dân để khẩn hoang lập ấp, nhanh chóng biến Quảng Nam từ vùng đất đầy “*son lam chương khi*” thành một vùng đất đông dân nhiều của, góp phần rất đáng kể vào quá trình tăng cường sức mạnh của quốc gia Đại Việt.

Những người Việt chuyển cư từ quê hương Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh..., vào Quảng Nam dưới thời nhà Lê bao gồm nhiều nguồn gốc xã hội khác nhau: Các tướng lĩnh, quan lại, binh lính và gia đình được nhà vua cử hoặc tình nguyện ở lại vùng đất “*quê hương mới*” sau đại thắng 1471. Lực lượng này thường được gọi chung là những người “*tòng binh lập nghiệp*”. Đó là những con người từng xông pha trận mạc, trí dũng có thừa, dám nghĩ dám làm, nhất là hàng tướng lĩnh. Với năng lực và óc nhạy bén được tôi luyện từ chiến trường, hơn ai hết họ đã sớm phát hiện ra những ưu việt của đối phương mà chính họ đã đánh bại, nhanh chóng học lấy và vận dụng những kinh nghiệm mới đó vào việc tổ chức sản xuất, xây dựng đời sống cho đồng bào mình. Ngoài ra, còn có những tội đồ, nghịch dân, cả những tù binh, những người trốn lính và lính trốn... Qua các gia phả và các bia đá còn giữ lại được, có thể biết được từ cuối thế kỷ XV có khá nhiều tộc họ đến khai khẩn vùng đất Quảng Nam như thủy tổ các tộc Phạm ở Hương Ly và Cẩm Sa; tộc Nguyễn Văn, Đào, Võ, Mai, Lê, Nguyễn, Hồ ở làng Nông Sơn; tộc Phan, Ngô, Nguyễn ở làng Bảo An; tộc Thân, Nguyễn, Đỗ, Trần, Ngô ở Câu Nhi; tộc Lê Thọ, Lê Nho, Lê Viết, Đoàn, Đinh, Nguyễn Đức, Trần Công, Huỳnh Kim ở Bàn Thạch...¹.

1. Huỳnh Công Bá, *Công cuộc khai khẩn và phát triển làng xã ở Bắc Quảng Nam từ giữa thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XVIII*. Bản tóm tắt luận án Tiến sĩ Sử học, Hà Nội, 1996, trang 8.

Dưới thời Lê - Mạc, con đường di dân từ Bắc vào Quảng Nam chủ yếu thực hiện bằng đường thủy dọc theo bờ biển, hoặc theo các cửa sông đi sâu vào đất liền rồi toả ra trên vùng đồng bằng thuộc lưu vực các con sông lớn. Lần theo danh mục 66 làng của huyện Điện Bàn ghi trong sách *Ô châu cận lục* hình thành sau gần một thế kỷ định cư của người Việt, ta thấy hơn 50% số làng này đều nằm dọc đôi bờ các con sông chính, hoặc sông nhánh của dòng Thu Bồn và Vu Gia, hay từ nguồn Lỗ Đông, Cu Đê.

Để khai khẩn vùng đất mới đạt hiệu quả, bên cạnh việc đồn điền, khuyến khích dân tự tổ chức đi khai hoang; nhà Lê đã thi hành nhiều chính sách tích cực như trực tiếp tổ chức và giúp đỡ vật chất việc di dân khai khẩn; nới lỏng thuế khóa cho nông dân, ban chiếu lập đồn điền (1481) ở những nơi xung yếu, có nhiều đất hoang, theo chế độ “*động vi binh, tịnh vi dân*”. Trên những vùng đất người Việt đến ở đầu tiên như Trà Kiệu, Đồng Dương, Hà Lam, Chiên Đàn, Khương Mỹ vốn đã được người Chăm khai phá từ trước, nhưng bấy giờ đó là những lùm đồng ruộng nằm lọt giữa bốn bề còn dày đặc rừng rú. Từ những lùm đồng đã ổn định như vậy, các tiên dân Việt đã hợp lực với nhau, khắc phục chướng khí, đuổi thú dữ, phá rừng rú, đào mương đắp đường, “*chỗ núi đồi thì trồng cây, chỗ khe ngòi thì đánh cá, chỗ đất thuộc thì làm ruộng, chỗ cỏ tốt thì chăn trâu thả bò*”, từng bước mở rộng địa bàn cư trú và sản xuất cho mình. Ở Quảng Nam, ta dễ dàng nhận thấy vết tích những làng Việt đan xen với các địa bàn cư trú của người Chăm và không ít những làng Việt được hình thành ngay trên nền các phế tích Chăm-pa. Ở những nơi này, nhiều công trình như đình, chùa, miếu, nhà thờ tộc được xây dựng với những vật liệu gạch đá cũ như ở làng

Chiêm Sơn, làng Trà Kiệu (Duy Sơn, Duy Xuyên), ở Thanh Chiêm (Điện Phương, Điện Bàn), ở Cù Lao Chàm (Hội An), Đồng Dương (Bình Định, Thăng Bình), Hương Quế (Quế Phú, Quế Sơn)... Dấu ấn Chăm-pa còn lưu lại khá rõ ở các tên làng đã được Việt hoá như Đà Ly, Đà Sơn, Đà Bàn, Trà Quế, Trà Nhiêu, Trà Câu, Trà Đoả, Trà Nô, Trà Ngâm, Trà Kiệu hay Cà Đó, Cà Chớ, Cà Tang, Chiêm Sơn, Chiêm Bất Lao (Cù Lao Chàm), Thanh Chiêm, Thi Lại...

Bước sang thế kỷ XVI, diện mạo của vùng đất từ phía nam đèo Hải Vân đến Núi Thành ngày nay đã thay đổi rõ rệt. Đặc biệt, có những làng quê trở nên sung túc của xứ Quảng, được nhắc đến qua câu thành ngữ: “*Thứ nhất Trà Kiệu, thứ nhì La Qua, thứ ba Tú Tràng*”, phản ánh rõ nét công cuộc di dân, lập nghiệp của người Việt. Xuôi xuống phía đông, các làng Việt cũng dần dần được hình thành trên vùng đất Hội An như làng chài Vông Nhi (Cẩm Thanh), Hoài Phố (Cẩm Châu), Cẩm Phố (Cẩm Phô)... , minh chứng cư dân Việt đã trở thành chủ thể của vùng cửa sông lớn nhất khu vực, với các làng trồng trọt, làng đánh cá, làng thủ công, vạn thuyền, những trại đóng ghe bầu làm nền tảng cho sự ra đời của những làng nghề và cảng thị Hội An nổi tiếng ở giai đoạn lịch sử tiếp theo.

Ngược về phía nam, nơi có địa bàn thuận lợi cả về giao thông đường thủy lẫn đường bộ, có con sông Ba Kỳ thông ra cửa An Hoà (còn gọi là cửa Đại Áp), rồi ngược dòng Bến Ván đến An Tân, sát địa giới phủ Tư Nghĩa (Quảng Ngãi) - có cả con đường thiên lý đi qua. Vùng đất Tam Kỳ do đó đã nhanh chóng trở thành nơi hội tụ của nhiều thành phần dân cư khác nhau. Những ngôi làng cổ như Trường Xuân (Tam Kỳ), Phú Hưng (Núi Thành), Chiên Đàn (Phú Ninh)... , gần với các vị

tiền hiền của các tộc Lê, Đỗ, Đồng, Phan, Nguyễn, Võ, Cao..., đã có công khai khẩn các vùng đất này từ rất sớm.

Ngoài những khu vực khai phá có qui mô lớn nêu trên, gia phả một số dòng họ ở một số địa phương khác như Quế Sơn, Duy Xuyên, Điện Bàn..., còn ghi lại khá cụ thể về tên các vị tiền hiền, hậu hiền đã có công khai khẩn, lập nên các làng như Mông Lảnh, Mông Nghệ, Quế Trạch (Quế Sơn); Vân Ly, Bàn An, Thanh Quýt (Điện Bàn)...

Đến thời các chúa Nguyễn, nhất là các chúa Nguyễn Hoàng, Nguyễn Phúc Nguyên lại có thêm các đợt di dân lớn vào vùng đất Quảng Nam, với tuyệt đại đa số là những nông dân nghèo thiếu ruộng đất hoặc ở vùng chiến sự phải rời bỏ quê hương đi tìm vùng đất mới. Những lưu dân này được chính quyền Đàng Trong chia thành từng đoàn, cấp lương thực, công cụ cho đi khai thác đất hoang lập thành làng ấp mới theo mẫu làng ấp ở Đàng Ngoài, lại khuyến khích bà con họ hàng và các gia đình quê Thanh Hoá theo vào khai khẩn. Không lâu sau, vùng đất này đã có được diện mạo và phong khí mới: “*xóm làng vui vẻ*”, “*nhà cửa xinh tươi*”, “*Nhân dân đông đúc*”, là một vùng đất giàu có: “*Nhân dân làm giàu bằng thóc, nhà nông đập lúa bằng trâu. Đường bộ thì có xe, đường thủy thì sẵn thuyền...*”¹. Năm 1604, Nguyễn Hoàng quyết định tách huyện Điện Bàn ra khỏi dinh Thuận Hoá, thăng làm 1 phủ, quản lĩnh 5 huyện Hoà Vang, An Nông, Diên Khánh, Tân Phúc, Phú Châu cho trực thuộc vào dinh Quảng Nam. Khoảng giữa thế kỷ XVII, sách *Đại Nam thực lục tiền biên* cho biết “*từ Thăng - Điện trở vào đến Phú Yên, làng mạc đều đã liền nhau*”; và đến cuối thế kỷ

1. Khuyết danh, *Ô châu cận lục*. Văn hóa Á Châu xuất bản, Sài Gòn, 1961, trang 46.

này, nhà sư Thích Đại Sán người Trung Quốc có dịp đến Quảng Nam đã nhìn thấy ở đây “*nơi làng xóm ở, nhà tranh phên trúc ngang dọc như bàn cờ*”. Đến giữa thế kỷ XVIII, Quảng Nam đã có gần 600 đơn vị xã, châu, thôn, giáp, phường, trong đó số đơn vị xã, châu đã trên 300¹. Số làng xã nhiều như vậy nên sau khi chiếm được Phú Xuân vào năm 1801, Nguyễn Ánh đã cắt riêng 2 phủ Thăng Hoa và Điện Bàn đặt làm dinh Quảng Nam. Đây là lần đầu tiên toàn bộ vùng đất của Quảng Nam và Đà Nẵng hiện nay trùng khớp với địa giới hành chính (dinh) vì trước đó địa giới dinh Quảng Nam kéo dài từ phía nam đèo Hải Vân đến tận huyện Hoài Nhơn của tỉnh Bình Định.

Công cuộc khẩn hoang lập ấp vẫn được tiếp tục cho đến cuối thế kỷ XIX sang đầu thế kỷ XX, các xã hiệu cũng theo đó mà tiếp tục ra đời. Vào đầu thế kỷ XIX dinh Quảng Nam có đến 937 làng. Đến năm 1930, dân số Quảng Nam có 655.000 người, diện tích 12.127 km², trong đó diện tích ruộng là 133.119 ha, bình quân mỗi người 0,203 ha².

Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp (1954), Quảng Nam và Đà Nẵng hai lần được sáp nhập và chia tách cho phù hợp với hoàn cảnh kháng chiến và sự lãnh đạo của Đảng. Thời gian này, Chính phủ ta cũng đã quyết định thành lập thêm các châu ở các địa bàn miền núi. Trên địa bàn Quảng Nam, có thêm các châu (năm 1948 các châu được đổi thành các huyện): Bến Hiên, Bến Giằng, Trà My, Phước Sơn.

1. Huỳnh Công Bá, *Công cuộc khai khẩn và phát triển làng xã ở Bắc Quảng Nam từ giữa thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XVIII*. Bản tóm tắt luận án Tiến sĩ Sử học, Hà Nội, 1996, trang 8.

2. *Lịch sử phong trào nông dân và Hội Nông dân tỉnh Quảng Nam*, Tam Kỳ, tháng 1 - 2008, trang 17.

Trong kháng chiến chống Mỹ, tháng 11 - 1962, Khu uỷ Khu 5 chia tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng thành 2 tỉnh là Quảng Nam và Quảng Đà. Tỉnh Quảng Nam gồm các huyện Quế Sơn, Thăng Bình, Tam Kỳ¹, Tiên Phước, Trà My², Phước Sơn, năm 1969 thành lập thêm huyện Quế Tiên. Tỉnh Quảng Đà gồm các huyện Duy Xuyên, Điện Bàn, Đại Lộc, Hiên³, Giăng⁴, Hoà Vang, Hội An, Đà Nẵng. Đến năm 1964, thành phố Đà Nẵng được tách ra khỏi tỉnh Quảng Đà. Tháng 10 - 1967, tỉnh Quảng Đà và thành phố Đà Nẵng hợp nhất thành Đặc khu Quảng Đà. Về phía địch, trước đó vào tháng 7 - 1962, chính quyền Ngô Đình Diệm tách Quảng Nam thành 2 tỉnh là Quảng Nam và Quảng Tín⁵. Thành phố Đà Nẵng trở thành một đơn vị hành chính trực thuộc trung ương Sài Gòn.

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, thống nhất đất nước, đến tháng 10 - 1975, ta giải thể các huyện mới được lập ra trong chiến tranh, sáp nhập tỉnh Quảng Nam và Đặc khu Quảng Đà thành tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng. Tại kỳ họp thứ X của Quốc hội khoá IX (6-11-1996) đã quyết định tách Quảng Nam - Đà Nẵng thành 2 đơn vị hành chính trực thuộc trung ương là tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

1. Từ tháng 4 - 1963, huyện Tam Kỳ tách thành 3 đơn vị hành chính là: Nam Tam Kỳ (Núi Thành ngày nay), Bắc Tam Kỳ và thị xã Tam Kỳ (nay là thành phố Tam Kỳ và huyện Phú Ninh).

2. Trà My được tách thành 2 đơn vị là Nam Trà My và Bắc Trà My (sau đó nhập cùng với huyện Phước Sơn thành huyện Trà Sơn).

3. Hiên được tách thành huyện Tây Giang và Đông Giang (sau đó được nhập cùng với huyện Nam Giang thành huyện Thông Nhất).

4. Giăng được đổi tên thành huyện Nam Giang.

5. Tỉnh Quảng Nam có địa giới từ huyện Duy Xuyên ra đến đèo Hải Vân, tỉnh lỵ đặt tại thị xã Hội An. Tỉnh Quảng Tín có địa giới từ huyện Quế Sơn vào đến giáp tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh lỵ đặt tại thị xã Tam Kỳ.

Hiện nay, Quảng Nam có 2 thành phố là Tam Kỳ, Hội An; 1 thị xã là Điện Bàn và 15 huyện: 6 huyện đồng bằng là Đại Lộc, Duy Xuyên, Quế Sơn, Thăng Bình, Phú Ninh, Núi Thành; 9 huyện miền núi và trung du là Tiên Phước, Hiệp Đức, Nông Sơn, Đông Giang, Tây Giang, Nam Giang, Phước Sơn, Bắc Trà My, Nam Trà My. Tỉnh lỵ đặt tại thành phố Tam Kỳ.

3. Đặc điểm văn hóa - xã hội

Quảng Nam không chỉ là nơi hội tụ những giá trị của văn hóa tiền Sa Huỳnh, văn hóa Sa Huỳnh, văn hóa Chăm pa; mà còn là nơi giao hòa của những sắc thái văn hóa giữa 2 miền Nam - Bắc và giao lưu văn hóa với bên ngoài.

Điều dễ nhận thấy, từ sau khi phần đất phía Nam đèo Hải Vân trở thành bộ phận lãnh thổ ổn định vững chắc trong bản đồ Đại Việt, thì những giá trị văn hoá mới đã được hình thành trên vùng đất Quảng. Đó là một bộ phận hữu cơ của văn hoá Đại Việt. Văn hoá Đại Việt trên vùng đất Quảng mới được khai phá có nguồn gốc sâu xa từ văn hoá Lý - Trần - Lê. Những cư dân có gốc gác từ Hải Dương, Thanh Hoá, Nghệ An..., vượt qua đèo Hải Vân để tham gia mở nước mang theo trong suy nghĩ, trong nếp sống, trong tình cảm của họ những giá trị văn hoá của quê cha đất tổ.

Nhớ về những tiền nhân đã tham gia những cuộc di dân lớn, nghĩ về “Đất nước”, nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm viết:

*“Họ giữ và truyền cho ta hạt lúa ta trồng
Họ truyền lửa qua mỗi nhà, từ hòn than qua con cúi
Họ truyền giọng điệu mình cho con tập nói
Họ gánh theo tên xã, tên làng những chuyến di dân”
Họ “Dặn dò con cháu chuyện mai sau*

*Hằng năm ăn đâu làm đâu
Cũng biết cúi đầu nhớ ngày giỗ tổ”.*

Đặc biệt, theo các nguồn sử liệu, thì sau chiến thắng Trà Bàn của Lê Thánh Tông, đa số người Chăm không rút chạy về phía Nam nữa, mà ở lại trên đất đai ruộng vườn của họ. Quá trình cộng cư của người bản địa với những lưu dân Việt diễn ra tương đối êm thấm, không thấy sử liệu ghi lại những cuộc tranh chấp lớn giữa đôi bên. Chính yếu tố lịch sử, xã hội và tự nhiên đó đã tạo nên cá tính địa phương: tuy có phần thô vụng, thật thà, chất phát, nhưng mạnh mẽ, kiên cường khí khái, không rào đón, không che đậy, tính tình tuy không đến mức quá phóng khoáng nhưng cũng không quá câu nệ lễ nghi, lại thiên về biện bác lý sự - cãi để tự khẳng định mình. Người dân Quảng Nam rất coi trọng tình nghĩa thủy chung, trong đó có tình nghĩa vợ chồng, tình làng nghĩa xóm và cao cả hơn là vì đại nghĩa đối với quốc gia, dân tộc.

Mặt khác, Quảng Nam là đất đế đô của nhiều triều đại vua chúa Chiêm Thành, là nơi tập trung tiêu biểu nhất những tinh hoa văn hoá, thành tựu kinh tế của xã hội Chămpa. Sống trên vùng đất này, cùng chung lưng đấu cật, hoà huyết với cư dân bản địa, tiếp thu kinh nghiệm nhiều mặt của cư dân Chăm; người Việt phát hiện ra rằng, người Chăm ngoài nghề nông trồng lúa nước, canh tác trên đất khô, các giống lúa mới (bát ngoạt, ba trắng, mạn chùm, nếp đắng, lúa đỏ...) và hoa màu, cây có củ; kỹ thuật đắp đập lớn và tưới ruộng bằng hệ thống bờ xe nước quy mô; kinh nghiệm tài tình về việc tìm mạch nước ngầm và thiết lập hệ thống giếng nước ven các chân đồi; những nghề thủ công gia dụng, còn giỏi nhiều nghề khác như khai thác lâm thổ sản quý, đặc biệt là quế và trầm hương, luyện

kim, nấu lọc vàng, kiến trúc, chế tác đồ mỹ nghệ, nuôi tằm, ươm tơ, dệt, chế biến đường từ mía (ở ngoài Bắc chỉ nấu mật), chế biến mắm từ cá biển. Người Chăm cũng rất giỏi nghề đóng ghe bầu để đi sông, đi biển, thậm chí vượt đại dương đi buôn bán với các nước bên ngoài... Những người Việt khi đến vùng đất mới mang theo kinh nghiệm trồng lúa nước (nước, phân, cày, giống; nhất thì (thời) nhì thực...) và nhiều kỹ thuật canh tác cổ truyền khác, đồng thời nhanh chóng tiếp thu những kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp, khai thác biển từ những nông, ngư dân Chăm ở lại, trên cơ sở đó, các thể hệ lưu dân người Việt đã hình thành nên một tập quán sản xuất mới với những phương pháp xen canh, luân canh trong trồng trọt, cùng nhiều ngành nghề truyền thống in đậm trên hầu hết các làng quê xứ Quảng sau này.

Những giá trị văn hoá vật chất của người dân Quảng Nam thể hiện ở cấu trúc nhà ở, ăn, mặc, công cụ lao động và nhiều phương diện khác. Nhà ở có hai loại chính là nhà rội và nhà rường, hầu hết làm bằng tre nhưng rất tinh tế (nứt lạt bát com). Công cụ lao động của người nông dân chủ yếu là cuốc, cày. Sức kéo là trâu bò, với những nhà nghèo phải dùng sức người. So với cái cày ở ngoài Bắc, cái cày của người dân Quảng Nam có phần cứng cáp hơn, do được cải tiến, nhất là ở phần đế, lưỡi cày và thân cày có thêm thanh phụ, dùng ách mắc trâu hoặc bò kéo để cày được sâu, thích hợp với đất cứng. Ở những làng ven sông thuộc các huyện Điện Bàn, Đại Lộc, Duy Xuyên, nông dân sử dụng các loại phương tiện lấy nước đưa lên tưới cho các cánh đồng như xe đạp nước, xe gió, xe khe, xe sông mà mãi đến trước Cách mạng Tháng Tám 1945 vẫn còn. Ở vùng trung du thì gần đập lớn để trữ nước. Phương tiện thô sơ nhất là tát nước bằng gàu giai hoặc bằng gàu sòng. Về đi biển ngư dân

Việt sử dụng loại ghe bầu đặc trưng của người Chăm. Nhà cửa thì làm kiểu nhà rọi hoặc nhà rường đều trống ở chân phen để khi gặp phải lũ lụt nước có thể chảy qua được...

Quảng Nam còn là nơi có nhiều làng nghề truyền thống. Trong đó, nghề và làng nghề đã tồn tại và phát triển như một phần không thể tách rời lịch sử mỗi làng quê, thôn xóm của vùng đất này. Đó là những làng nghề nổi tiếng như nghề làm chiếu ở Bàn Thạch (Duy Xuyên), Triêm Tây (Điện Bàn), Thạch Tân (Tam Kỳ); nghề mộc ở Kim Bồng (Hội An), Văn Hà (Phú Ninh); nghề chằm nón ở Xuyên Đông, Mã Châu (Duy Xuyên), Mông Lãnh, Dưỡng Mông (Quế Sơn); nghề làm mảnh sáo, làm trống ở Lâm Yên (Đại Lộc); nghề thêu trướng, hoành phi liễn đối ở Ngũ Giáp (Điện Bàn); nghề trồng rau ở Trà Quế (Hội An); nghề làm thuốc lá ở Trường Xuân (Tam Kỳ); làm mì ở Phú Chiêm (Điện Bàn); làm bún ở Chợ Chùa (Nam Phước, Duy Xuyên); làm gióng ở làng Mỹ Nam (Đại Lộc); đan cót ở An Thanh (Điện Bàn); nghề đóng cối xay ở Đồng Tràm (Quế Sơn); làm đồ gốm ở Thanh Hà (Hội An), Châu Xuân (Thăng Bình), Thăng Trà (Quế Sơn); nghề trồng mía nấu đường ở Bảo An (Điện Bàn), Phương Trì (Quế Sơn); nghề làm nước mắm ở Cửa Khe (Thăng Bình)...Đặc biệt, ngay từ thời vương quốc Chăm-pa, cư dân Chăm đã phát triển nghề trồng bông nuôi tằm, dệt vải, nên khi vào đây, cùng với làm ruộng, chăn nuôi, người Việt tiếp thu thêm kinh nghiệm của cư dân bản địa về nghề này. Vì thế, tại những vùng có bãi bồi thuộc các huyện Duy Xuyên, Đại Lộc, Điện Bàn từ rất sớm đã hình thành nên những làng nghề trồng dâu, nuôi tằm, ươm tơ dệt lụa rất nổi tiếng như Bảo An, Mã Châu, Thi Lai, Đông Yên... Từ giữa thế kỷ XVI, tác giả sách *Ô châu cận lục* đã ghi nhận “*xã Lang Châu sản nhiều lụa trắng*”. Điều này cho thấy các sản phẩm từ nghề dệt

tơ tằm truyền thống do Nhân dân Quảng Nam sản xuất luôn là mặt hàng nổi tiếng.

Đời sống tâm linh của Nhân dân Quảng Nam thuộc văn hoá thể tục và tín ngưỡng thờ cúng ông bà với bàn thờ ngũ tự, thờ tổ tiên trong nhà, nhà thờ tộc, gia phả và ruộng hương hoả, tảo mộ tổ tiên vào tháng chạp hoặc tiết thanh minh. Về tôn giáo, trong số những người có đạo thì phần đông theo đạo Phật, xưa kia ở làng nào bên cạnh ngôi đình cũng có một ngôi chùa, dần về sau mới có một bộ phận Nhân dân vào đạo Thiên Chúa, Tin Lành và Cao Đài, nhưng không nhiều lắm. Phật giáo được hình thành ở Quảng Nam khá sớm, dưới thời vua Lê Thánh Tông (1470 - 1496), sau cuộc “*bình Chiêm*” thắng lợi, lập đạo Thừa tuyên Quảng Nam, nhà vua đã hạ chiếu sắc dựng lập Chùa - Đền - Đình - Miếu, để Nhân dân các làng xã có nơi vọng bái, tế lễ, hương khói, cầu nguyện “*Quốc thái dân an - An cư lạc nghiệp*”. Theo đó, cùng với các vị cao tăng như Samôn Minh Phước Quảng tu khổ hạnh ở động Hoa Nghiêm (Ngũ Hành Sơn), Samôn Từ Tâm lập chùa Thái Bình, chùa Từ Tâm, chùa Tam Thai trên núi Ngũ Hành (Đà Nẵng), thì tại Hội An, Tổ Minh Hải Pháp Bảo đã khai sơn chùa Chúc Thánh và khai sáng một dòng thiền mới là Thiền Phái Lâm Tế Chúc Thánh.

Quảng Nam cũng là nơi lưu giữ nhiều dấu ấn rực rỡ của nền văn hóa Chăm-pa như kinh đô cổ Trà Kiệu, Phật viện Đồng Dương, khu đền tháp Mỹ Sơn; các tháp Chăm Khương Mỹ, Chiên Đàn, Bằng An..., với hàng ngàn đài, tượng điêu khắc tinh tế, đầy sáng tạo; cùng hàng trăm công trình kiến trúc Việt cổ như khu đô thị cổ Hội An, đình, chùa, văn thánh, lăng mộ, nhà ở..., có niên đại từ 300 đến 500 năm. Về sau này có trên 260 di tích văn hóa, lịch sử cách mạng, trong đó có 15 di tích xếp hạng quốc gia như khu căn cứ Nước Oa, Phước Trà, địa

đạo Kỳ Anh... Các di tích này không chỉ có giá trị về mặt văn hóa, nghệ thuật, mà còn có ý nghĩa lịch sử quan trọng, thể hiện sự phát triển liên tục của một vùng đất, mãi mãi là niềm tự hào của mỗi người dân xứ Quảng trên hành trình xây dựng và bảo vệ quê hương.

Giá trị văn hóa của Quảng Nam không chỉ tỏa sáng từ những công trình kiến trúc cổ, mà còn được tạo nên bởi những sắc màu văn hóa độc đáo ẩn chứa trong các phong tục, tập quán, lễ hội của các dân tộc sinh sống trên vùng đất này. Ngoài các lễ tết hằng năm: *nguyên đán, nguyên tiêu, thanh minh, đoan ngo, trung thu*, còn lại lễ hội của người Quảng Nam chủ yếu liên quan đến quá trình khai khẩn đất đai như *lễ Thành hoàng, lễ Kỳ yên, lễ giỗ Tiên hiền*. Lại do sống bằng nghề nông nên có nhiều lễ hội liên quan đến sản xuất nông nghiệp: vùng đồng bằng có *lễ cầu mưa, lễ cúng đất, lễ cúng cơm mới, lễ mục đồng, lễ cúng cầu bông, lễ hội bà Thu Bồn, lễ hội rước Cô Bà (Chợ Đước, Thăng Bình)*... Đặc biệt có *lễ tá thổ* (lễ cúng chủ đất cũ), trong các văn cúng của người dân nơi đây bao giờ cũng có nói đến tên xứ đất xưa. Đây là thể hiện sự ứng xử văn hoá của dân Việt đối với người Chăm. Các lễ hội ở vùng biển có *lễ cầu ngư, lễ tế cá Ông*.... Với những vùng ven sông lớn thì có *lễ hội vạn, lễ hội đua ghe* (liên quan đến tín ngưỡng Chăm). Với các huyện trung du, miền núi có *hội vầy cọp, lễ cúng rừng, lễ mở cửa rừng* của đồng bào người Kinh, *lễ hội ăn mừng nhà rông, lễ hội đâm trâu, lễ mừng lúa mới, lễ hội cúng máng nước*... , của đồng bào các dân tộc thiểu số. Những làng nghề có lễ tế các tổ sư ngành nghề.

Trong quá trình lao động sản xuất, các thế hệ nhân dân đất Quảng đã sáng tác nên nhiều thể loại văn học, diễn xướng dân gian như tục ngữ, ca dao, đồng dao, nói về, câu đố, nói lái,

nhất là các làn điệu dân ca như *hát ru, hò khoan đối đáp, hò chèo thuyền, hò kéo lưới, hò giã vôi, hò giã gạo, hò đi cấy, hò ba lý, hát nhân ngãi, hát bội, hát đồng dao của trẻ con, nghệ thuật bài chòi*¹...; các loại lý với giai điệu tiết tấu hoàn chỉnh như *lý thương nhau, lý thiên thai, lý đi chợ, lý năm canh, lý con sáo, lý hái dâu*... Đồng bào các dân tộc miền núi còn có nhiều điệu múa như múa Cra, Antul, múa Tân tung Za Zá trong các lễ hội của người Cotu, múa Khvô của người Cadong và cả một kho tàng truyện kể dân gian rất đặc sắc.

Đặc biệt, Quảng Nam có 2 di sản văn hóa vật thể được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hiệp Quốc (UNESCO) công nhận di sản văn hóa thế giới là Đô thị cổ Hội An, Khu đền tháp Mỹ Sơn².

Đô thị cổ Hội An nằm ở hạ lưu sông Thu Bồn, thuộc vùng đồng bằng ven biển tỉnh Quảng Nam. Nhờ những yếu tố địa lý và khí hậu thuận lợi, Hội An từng là một thương cảng quốc tế sầm uất, nơi gặp gỡ của những thuyền buôn Nhật Bản, Trung Quốc và phương Tây trong suốt thế kỷ XVII, XVIII. Trước thời kỳ này, nơi đây cũng từng có những dấu tích của thương cảng Chămpa hay được nhắc đến cùng con đường tơ lụa trên biển. Đô thị cổ Hội An là một điển hình đặc biệt về cảng thị truyền thống ở Đông Nam Á được bảo tồn nguyên vẹn và chu đáo. Hội An cũng là vùng đất ghi nhiều dấu ấn của sự tiếp biến và giao thoa văn hóa. Các hội quán, đền miếu mang dấu tích của người Hoa nằm bên những ngôi nhà phố truyền thống

1. Nghệ thuật Bài chòi Trung Trung bộ (có phạm vi gồm 11 tỉnh, thành phố miền Trung từ Quảng Bình đến Bình Thuận) là di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại được UNESCO công nhận tháng 12 - 2017.

2. Đô thị cổ Hội An và Khu đền tháp Mỹ Sơn được UNESCO công nhận tháng 12 - 1999.

của người Việt và những ngôi nhà mang phong cách kiến trúc Pháp. Bên cạnh những giá trị văn hóa qua các công trình kiến trúc, Hội An còn lưu giữ một nền văn hóa phi vật thể đa dạng và phong phú.

Khu đền tháp Mỹ Sơn (xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên) là thánh địa Ấn Độ giáo của vương quốc Chăm-pa. Mỗi vị vua, sau khi lên ngôi đều đến Mỹ Sơn làm lễ thánh tẩy, dâng cúng lễ vật và xây dựng đền thờ. Mỹ Sơn là điểm duy nhất của nghệ thuật Chăm có quá trình phát triển liên tục từ thế kỷ VII đến thế kỷ XIII. Đền tháp ở Mỹ Sơn được chia thành nhiều cụm, xây dựng theo cùng một nguyên tắc. Kết cấu mỗi cụm gồm có một ngôi đền thờ chính (Kalan), bao quanh bằng những ngôi tháp nhỏ hoặc công trình phụ. Ngôi đền chính tượng trưng cho núi Meru - trung tâm vũ trụ, là nơi hội tụ của thần linh và thờ thần Siva. Các đền phụ (miếu phụ) thờ các vị thần trông coi hướng trời.

Nghệ thuật Bài chòi thường được tổ chức ở làng quê vào dịp tết Nguyên Đán. Người ta dựng 9 hoặc 11 chòi, chia thành 2 bên, mỗi bên 5 chòi, mỗi chòi cao độ 2 - 3m, rộng đủ vài ba người ngồi và một chòi trung tâm (chòi mẹ) ở giữa dành cho các vị chức sắc địa phương.

Văn hóa ẩm thực của người Quảng khá phong phú, đa dạng. Thức ăn có mì Quảng, cao lầu Hội An, bê thui Cầu Mống, bánh tráng cuốn thịt heo, bánh tráng đập, giò ốc, ốc vú nàng, bánh tổ... Thức chấm có mắm cá. Thức uống có chè xanh... Tất cả đã làm nên nét riêng với đặc trưng chung về văn hoá ẩm thực của vùng đất này là *ăn đậm, uống đậm, hút đậm*.

Trong suốt lịch sử hình thành và phát triển, Quảng Nam còn được coi là một vùng “*đất học*”, “*đất khoa bảng*”, đất “*địa linh nhân kiệt*”, là nơi sản sinh ra nhiều chí sĩ yêu nước, lãnh tụ

cách mạng, trí thức lớn trên mọi lĩnh vực, thể hiện đức độ, trí tuệ và bản lĩnh phi thường làm rạng danh đất nước, quê hương như Hoàng Diệu, Phạm Phú Thứ, Lê Vĩnh Khanh, Nguyễn Đình Tự, Nguyễn Dục, Trần Văn Dư, Nguyễn Duy Hiệu, Phan Bá Phiến, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp, Tiểu La - Nguyễn Thành, Châu Thượng Văn, Lê Cơ, Đỗ Đăng Tuyển, Trần Cao Vân, Lê Đình Dương, Phan Thành Tài, Huỳnh Ngọc Huê, Phan Thanh, Phan Bội, Lê Thị Xuyên, Võ Chí Công; bác sĩ Lê Đình Thám, giáo sư Hoàng Châu Ký, giáo sư Lê Đình Kỳ, giáo sư Lê Trí Viễn, giáo sư Hoàng Tuy...

II. TRUYỀN THỐNG ĐOÀN KẾT ĐÁU TRANH CHỐNG PHONG KIẾN, THỰC DÂN TRƯỚC KHI CÓ ĐẢNG

1. Ý chí quật khởi, truyền thống đoàn kết của Nhân dân

Trải qua hàng trăm năm khai phá, định cư trên vùng đất mới, các thế hệ cư dân Quảng Nam phải “*gồng mình*” chống chọi với sự khắc nghiệt của điều kiện tự nhiên nơi “*ô châu ác địa*” uy hiếp bởi thú dữ, bão lũ, hạn hán, giặc giả cướp bóc, ốm đau bệnh tật đe dọa sinh tồn.

Theo số liệu thống kê từ sách *Đại Nam thực lục* của Quốc sử quán triều Nguyễn cho thấy, chỉ trong 82 năm (1802 - 1884), Quảng Nam đã phải chịu đến 33 trận bão, lũ, bị thiệt hại hết sức nặng nề về người và tài sản.

Nhưng nguyên nhân chính dẫn đến sự khốn cùng của người dân là do chế độ phong kiến chuyên chế khắc nghiệt, sự bất công lộng hành, nạn tham quan ô lại trong bộ máy cai trị câu kết chặt chẽ với địa chủ ở địa phương, nạn thuế khóa và lao dịch nặng nề. Dưới mắt dân chúng, quan lại thời ấy cũng chỉ là một thứ giặc cướp công khai.

*Con ơi! Nhớ lấy câu này,
Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan!*

Theo quy định, mỗi năm một dân đinh phải chịu 60 ngày lao dịch. Người lao động phải làm việc nặng nhọc trong hoàn cảnh phải dãi nắng, dầm mưa, ăn uống kham khổ. Để xây kinh thành Phú Xuân (Huế), vua Gia Long (1802 - 1820) đã điều động đến 8 vạn người từ các nơi trong cả nước đến lao động suốt nhiều năm tháng. Tác giả John White viết: “Nhà vua (Gia Long) đã vung ra những khoản tiền lớn và hy sinh tính mạng của hàng chục ngàn dân chúng, vì họ phải làm việc cật lực trên các tường lũy của kinh thành”¹.

Các vua kế tiếp Gia Long đều lấy công quỹ, sức lực của dân để xây cung điện, lăng tẩm với quy mô đồ sộ và thực hiện các cuộc tuần du đến các địa phương, thăm thú những thắng cảnh vô cùng tốn kém. Vua Minh Mạng trong 20 năm ở ngôi (1820 - 1840) đã 3 lần tổ chức ngự du và chiêm bái Ngũ Hành Sơn, một danh thắng bậc nhất của Quảng Nam vào các năm 1825, 1827 và 1831. Năm 1831, Quảng Nam lâm vào cảnh hạn hán, nên mất mùa nghiêm trọng, nhưng vua Minh Mạng vẫn tiến hành tuần du Ngũ Hành Sơn. Quan hiệp trấn Quảng Nam lúc bấy giờ là Phan Thanh Giản được lệnh chuẩn bị cuộc nghênh đón, đã dâng sớ can vua với lý do tỉnh đang mất mùa nghiêm trọng, dân đói. Nhưng vua Minh Mạng vẫn cứ thực hiện cuộc thưởng lãm, còn Phan Thanh Giản sau đó bị giáng chức sung quân ở đồn Trà My, để chống lại sự quấy phá của tộc người thiểu số ở miền tây Quảng Nam vì tội “*phạm thượng*”. Cũng trong chuyến tuần du này, trên đường trở lại kinh đô Huế, có một thư sinh người huyện Duy Xuyên tên là Nguyễn Tiến

1. John White, *A history of a voyage to the China sea*, Boston, 1823.

Chương đã quỳ giữa đường, đón xa giá của nhà vua, dâng sớ nói lên nỗi thống khổ của người dân và có ý phê phán cuộc tuần du này trong lúc dân đói khổ. Tức thì, người thư sinh này bị bắt và giao cho Bộ Hình kết tội “*trảm giam hậu*” (giam lại chờ chém) theo luật “*Yêu ngôn*” (nói điều yêu quái) của nhà Nguyễn lúc bấy giờ¹.

19 năm sau cũng dưới triều Nguyễn, quan đại thần Phạm Phú Thứ cũng vì bản tính cương trực, không chịu nhắm mắt làm ngơ trước quyền uy, đã dũng cảm dâng sớ lên triều đình can gián vua Tự Đức ham chơi, thích việc săn bắn, lơ là việc triều chính, trong lúc đất nước đang đứng trước nguy cơ xâm lược của ngoại bang bằng lời lẽ thẳng thắn: “*Lễ đại định ít ra triều thi, nhạc nội uyển kèn trống suốt cả đêm, nhà Kinh diên lâu không tới giảng, chốn triều đình lâu không hạn hỏi, thần tử ở bốn phương, phủ huyện cũng lâu không được thừa chỉ...*”². Sớ tâu lên, ông bị nhà vua cách chức, đày đi cắt cỏ ngựa hơn một năm trời ở phía nam kinh đô Huế.

Đặc biệt, từ khi thực dân Pháp đô hộ nước ta (1884), tiến hành công cuộc khai thác thuộc địa, vua quan nhà Nguyễn từ triều đình đến địa phương trở thành bù nhìn, cam tâm bán nước cầu vinh, câu kết với thực dân Pháp tăng cường áp bức, bóc lột Nhân dân ta dưới nhiều hình thức. Thâm độc hơn nữa, để làm suy yếu sức mạnh dân tộc, thực dân Pháp thực hiện chính sách chia để trị, chúng chia nước ta ra 3 kỳ với 3 chế độ cai trị khác nhau. Trung Kỳ là xứ bảo hộ, nên bên cạnh bộ máy cai trị của người Pháp, chúng còn xây dựng bộ máy tay sai Nam Triều. Ở

1. Trương Hữu Quỳnh (chủ biên), *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998, trang 455.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện*, tập 4 (bản dịch Viện Sử học), Nxb. Thuận Hóa, 1993, trang 226.

phủ huyện, đứng đầu là tri phủ, tri huyện, có thừa phái ban tá, nha lại, lính lệ giúp việc, dưới sự giám sát của đồn Đại lý; ở tổng có chánh, phó tổng; ở xã có lý trưởng và ngũ hương giúp việc. Bộ máy này có nhiệm vụ kiểm soát Nhân dân trong xã và thu các loại sắc thuế, chúng kiểm soát gặt gao, cấm dân không được chống đối, không bàn việc nước, các hoạt động yêu nước đều bị nghiêm trị và cấm “*quần tam tỵ ngũ*”, người dân không có tự do, phụ nữ bị bạc đãi.

Đã khổ cực vì thiên tai hạn hán, lại càng khổ cực hơn dưới hai tầng áp bức bóc lột của chế độ phong kiến và thực dân. Đó là nạn cường hào những lạm, bao chiếm đất công, địa chủ phát canh thu tô, cho vay nặng lãi... Mỗi khi đến kỳ quân cấp công điền thì địa chủ, cường hào lo tranh lấy phần ruộng tốt, người dân chỉ được nhận phần ruộng xấu, đầu bờ đuôi theo mà bình quân mỗi suất đình (đàn ông từ 18 tuổi trở lên) cũng chỉ được khoảng 2 sào. Đã thế, địa chủ còn nhân cơ hội khi người dân mất mùa đói kém, bệnh tật, khi mùa thu thuế đến không đủ tiền nộp để cho vay nặng lãi, ép dân phải cầm cố, thế chấp, bán lúa non, hoặc phải bán ruộng với giá rẻ để rồi phải đi làm thuê: đàn bà đi cấy mỗi ngày chỉ được nhận 1 chén gạo, đàn ông đi làm những việc nặng nhọc hơn như cày, gánh lúa..., mỗi ngày cũng chỉ được 1 chén rượu. Có trường hợp cùng quần đến mức người dân phải thế con ở đợ cho địa chủ.

Bằng nhiều cách bóc lột tinh vi, số ruộng đất của địa chủ ở Quảng Nam lên đến 85.220 ha, chiếm một nửa tổng số ruộng đất trong tỉnh. Các địa chủ lớn như Thất Sáu (Thăng Bình), Cai Nghi (Quế Sơn); Lê Khâm Duy (Tam Kỳ), Hồ Lượng (Phước Ninh)..., mỗi người chiếm từ 500 đến 1.000 mẫu. Trong khi đó, bình quân ruộng đất của mỗi khẩu lao động trong tỉnh chỉ 5 thước Trung Bộ.

Thuế má, phu phen tạp dịch lại triền miên. Hai thứ thuế đè nặng lên người dân là thuế đinh và thuế điền, ngoài ra còn bao nhiêu thứ thuế khác như thuế hoa lợi, thuế ma chay, thuế cưới xin, thuế đò, thuế chợ....

Hàng năm cứ đến kỳ nộp thuế là mỡ thúc trống dồn khắp đầu làng cuối xóm, buộc người dân phải mau chóng đem tiền đến huyện lỵ để nộp, mà mỗi lần đi lại như thế cũng phải mất 3 - 5 ngày chờ chực mới nộp được, nếu chậm trễ sẽ bị lý hương đóng gông phạt roi vọt. Ở thời điểm năm 1897, thuế thân đối với một trảng đình Trung Kỳ là 2,3 đồng, tương đương với giá 1 tạ gạo lúc bấy giờ. Đến những năm đầu thế kỷ XX lại tăng đến 3,6 đồng. Thuế điền thổ cũng rất nặng. Chính quyền thực dân và phong kiến Nam triều chia ruộng ra nhiều loại để đánh thuế.

Tàn nhẫn nhất là với người chết trong năm, hay gặp khi mùa màng mất trắng, nhà sập, gia đình người chết phải đi ăn xin cũng không được tha thuế. Cứ xem một đoạn báo cáo chính trị của viên Công sứ Quảng Nam năm 1920, đủ rõ sự độc ác của bọn thực dân đối với người nông dân cả trong khi họ đang hoạn nạn như thế nào: *“Mặc dù gặp hai vụ mất mùa và nạn đói hoành hành dữ dội trong tỉnh, việc thu thuế được thực hiện bình thường không có việc gì xảy ra”*¹.

Một loại thuế đặc biệt khác mà người dân Quảng Nam nói riêng, người dân Việt Nam nói chung phải gánh chịu, đó là thuế máu. Họ bị bắt đi lính làm bia đỡ đạn tận bên chiến trường châu Âu mà không hy vọng có ngày còn gặp lại cha mẹ vợ con, Tổ quốc mình. Trong chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) ở Quảng Nam đã có đến 2.470 người bị bắt lính đưa sang Pháp.

1. Dẫn lại từ tập sách *Lịch sử phong trào nông dân và Hội Nông dân tỉnh Quảng Nam*, Tam Kỳ, tháng 1- 2008, trang 29.

Ngoài thuế, mỗi tráng đinh còn phải chịu nhiều loại sưu dịch: dịch đón rước quan lại Pháp, Nam; dịch khiêng vác hàng hoá; dịch tu bổ đường sá và nhiều loại sưu dịch khác, đến mức như lời chí sĩ Phan Châu Trinh: *“nay tạp dịch vừa xong tiếp theo là quan dịch, quan dịch xong lại đến hương dịch, hương dịch xong lại có lệnh của cố dịch (dịch trả nợ cũ) lại tiếp đến. Trong một năm lại hết 5, 6 tháng phải đi làm sưu dịch. Ngã gục ngoài đường, bị roi đánh, đói chết, đau chết. Không có ngày nào là không nghe nói. Ôi! thảm thương!”*.

Phải đi vay nợ là con đường dẫn đến khốn cùng, nguy hại nhất đối với người dân, bởi địa chủ nhân những lúc đó dễ cho vay lấy lãi cao. Cái lỗi cho vay nặng lãi đó của địa chủ lẫn tư sản Pháp làm cho cả tầng lớp trung nông cũng phải nghèo đi nhanh chóng chứ đừng nói gì đến bần nông và cố nông. Với trường hợp tá điền, ở thời điểm năm 1927, người dân lãnh canh một mẫu ruộng quy ra tiền 25 đồng nhưng phải chi phí đến 11,3 đồng, nộp tô cho địa chủ 12,5 đồng. Như vậy, lãnh canh một mẫu gặp mưa thuận gió hoà, sau một mùa người dân chỉ còn lại 1,2 đồng.

Lam lũ quanh năm nhưng hết đời này sang đời nọ người dân vẫn phải sống trong cảnh thiếu đói, một hạt cơm cỡ 4 - 5 lát khoai, lát sắn. Những khi giáp hạt, mất mùa phải *“tối ăn khoai đi ngủ, sáng ăn củ đi làm”*. Thức ăn kèm theo chỉ là rau, muối, thi thoảng mới kiếm được con cua, con cá để cải thiện bữa ăn.

Quần áo chỉ là vải thô nhuộm chàm, nhuộm nâu. Đàn ông quanh năm chỉ quần đùi áo cộc hoặc cởi trần, chỉ những trường hợp trung nông mới có bộ áo dài the, khăn đóng dùng trong những ngày giỗ, tết hoặc đám cưới, đám hỏi; trẻ con 9-10 tuổi

vẫn chưa có áo quần để mặc. Vật dụng di lại của người dân là những đôi guốc gỗ, hoặc dép chằm bằng mo cau, phương tiện vận tải là đôi đòn gánh. Tuyệt đại đa số người dân không biết chữ, bởi mỗi huyện đồng bằng cho đến năm 1940 mới có được 1 - 2 trường tiểu học; bậc cao đẳng tiểu học¹ (tương đương bậc trung học cơ sở hiện nay) trên cả địa bàn Quảng Nam - Đà Nẵng chỉ có 2 trường do tư nhân mở, một ở Hội An, một ở Đà Nẵng và cũng chỉ con em những gia đình khá giả mới có điều kiện để cấp sách đến trường.

Khi đau ốm người dân chủ yếu tự chữa bệnh bằng các bài thuốc dân gian được các thế hệ đi trước truyền lại. Vấn đề vệ sinh bệnh tật không được nhà nước thực dân chú trọng. Cả tỉnh có 1 nhà thương ở Hội An, không quá 100 giường bệnh, còn ở mỗi huyện đến những năm 1930 - 1940 mới có 1 trạm xá với 1 y tá và 1 nhà hộ sinh. Người bệnh cố gắng đến trạm xá cũng chỉ nhận được vài viên thuốc ký ninh và berberin. Chỉ một làng Thanh Bôi (huyện Tiên Phước) cách xa trung tâm huyện có 7 - 8 km vậy mà chỉ trong nửa tháng 12 - 1932 đã có đến mấy chục người chết bệnh, vì muốn cắt một thang thuốc phải bán đến 3 - 4 ang lúa nên không đủ tiền. Trong chốn hương thôn, các dịch bệnh sốt rét, chàm bao, phù thũng, đậu mùa mặc sức phát sinh. Hai trận dịch bệnh khủng khiếp trong các năm 1919, 1944 làm cho hàng ngàn người chết. Cho đến trước Cách mạng Tháng Tám ở Quảng Nam vẫn còn những làng ăn mày nòi ở Tam Kỳ, Phú Ninh đến nay vẫn còn di tích nghĩa địa “*Trường chẵn*” và những địa danh “*Gò mả đông*”, “*Gò mả chẵn*” (mộ

1. Ngày 21-12-1917, Toàn quyền Đông Dương Albert Sarraut ký nghị định ban hành tổng quy chế nền học chính toàn cõi Đông Dương. Nền học chính lúc này được chia làm ba cấp: Cấp một là các trường tiểu học, cấp hai là cao đẳng tiểu học, cấp ba là bậc trung học (tú tài).

những người xin chân, bị chết đói). Đó là dấu ấn bi thương của những nạn đói và dịch bệnh tập thể trong quá khứ.

Đã không chăm lo đến sức khỏe, giáo dục cho người dân, thực dân Pháp còn khuyến khích, hay nói đúng hơn là bắt dân uống rượu cồn và hút thuốc phiện. Theo thống kê của Pháp, năm 1929 trong 1.500 dân tại khu vực thị trấn Tam Kỳ có 472 người nghiện thuốc phiện¹. Đó là một cách đầu độc người dân Việt Nam của bọn thực dân xâm lược.

Không chỉ khổ vì sưu thuế, vì nghèo đói, bệnh tật, người dân còn phải chịu bao nhiêu cảnh khổ khác của sự những nhieu, ức hiếp của quan lại tổng lý địa phương. Những năm 30 của thế kỷ trước, báo *Tiếng Dân* của cụ Huỳnh Thúc Kháng đăng hàng loạt bài về “cái khổ trong cái khổ” của người dân Quảng Nam, với các tiêu đề: “*Chú lính đánh ngang quã*”, “*Phó tổng làm ngang! Hiếp dân*”, “*Tội lắm mà!*”, “*Cái khổ con nhà nông*”, “*Mọi điều oan khổ quan trên có thấu cho chăng?*”, “*Cái khổ dân ngụ*”, “*Tuần tổng bóc lột*”, “*Tuần tổng bóc dân*”...

Tô thuế chồng chất, sưu dịch nặng nề, thiên tai, nghèo đói, bệnh tật, lại thêm sự những nhieu của quan lại, cường hào địa phương, đẩy họ đến bước đường cùng, gây nên sự nung nấu căm hờn trong dân chúng.

2. Các phong trào đấu tranh yêu nước của Nhân dân Quảng Nam

Sống trên vùng đất không mấy thuận lợi về điều kiện tự nhiên và chịu biết bao bất công, chèn ép của thực dân, phong kiến, người dân Quảng Nam qua các thế hệ đã được tôi luyện và hun đúc nên truyền thống vô cùng tốt đẹp, đó là đoàn kết,

1. Dẫn lại từ tập sách *Lịch sử phong trào nông dân và Hội Nông dân tỉnh Quảng Nam (1930 - 2005)*, Tam Kỳ, tháng 1- 2008, trang 32.

cần cù, nhẫn nại, chịu khó, chịu thương nhưng sáng tạo trong lao động; giản dị, thật thà trong cuộc sống; giàu lòng yêu nước, gắn bó mật thiết với quê hương xứ sở; căm thù sự bất công, bóc lột của vua quan phong kiến và thực dân; khao khát xóa bỏ mọi áp bức, bất công, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc, sẵn sàng dời thời cơ hành động vì nghĩa lớn.

Kế thừa truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh kiên cường, bất khuất chống áp bức và chống ngoại xâm của dân tộc, cuối thế kỷ XVIII, trên con đường hành quân từ Bình Định ra Phú Xuân (Huế), nghĩa quân Tây Sơn đã nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của biết bao người dân Quảng Nam trong việc tiếp tế lương thực, mở đường xuyên núi ở vùng núi phía Đông thác Diết trên đèo Ba Vỹ (Núi Thành). Đặc biệt, trong đoàn quân thần tốc ra Thăng Long đại phá 20 vạn quân Thanh đầu xuân Kỷ Dậu (1789) của vua Quang Trung, có 1 cơ¹ người Hà Đông được mang phiên hiệu “*Tiền cơ trung nghĩa*”², do Thủ tài hầu Lê Văn Thủ - hậu duệ Bình Chiêm Triệu Quốc Công Lê Tấn Trung đứng đầu, góp phần quan trọng cùng đạo quân chủ lực, do đích thân vua Quang Trung trực tiếp chỉ huy tiêu diệt đồn Hà Hồi và đại đồn Ngọc Hồi - những vị trí quan yếu của giặc cách không xa kinh thành Thăng Long. Cạnh đó, người con trai của Thủ tài hầu Lê Văn Thủ là Đô đốc Lê Văn Long - người từng được vua Quang Trung sắc phong “*Võ tướng hữu quân*” khi còn ở Thuận Hóa, trước khi lên đường ra Bắc tiêu diệt quân Thanh, lần này được nhà vua tin cậy giao nhiệm vụ cầm quân tiêu diệt đồn Khương Thượng, bức tử tên tướng giặc Thái thú Sầm Nghi Đống ở gò Đống Đa, tạo đà cho quân ta

1. Tương đương với 01 trung đoàn, quân số khoảng 4.500 người.

2. Đơn vị tiên phong trung nghĩa.

tiến thẳng về trung tâm Thăng Long, đến nỗi Tôn Sĩ Nghị và quân lính của nó “*người không kịp mặc áo giáp, ngựa không kịp đóng yên*” đua nhau bỏ đồn chạy thục mạng về Trung Quốc. Công lao của hai ông đã góp phần to lớn vào sự nghiệp giải phóng đất nước của nghĩa quân Tây Sơn.

Ngày 1 - 9 -1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha nổ súng vào bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng), mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta. Sát cánh cùng với quân đội chính quy của triều đình là những đội “*thân biên binh đông*” của Nhân dân xứ Quảng, trong đó có cả những hậu duệ của Thủ tài hầu Lê Văn Thủ, Đô đốc Lê Văn Long như Lê Văn Ché, Lê Văn Ngữ tham gia chỉ huy các đội Nghĩa dũng của huyện Hà Đông kéo ra tham chiến tại mặt trận Đà Nẵng, đánh nhiều trận xuất sắc ở Thạch Gián, Thạch Thang, Hải Châu... Mặt khác, không chỉ có những làng xã xung quanh nơi xảy ra chiến trận, dân chúng mới tham gia rào làng, đắp ụ, đào chiến hào..., để chặn đường tiến của giặc, mà là toàn dân đã đem hết sức mình phục vụ kháng chiến. Họ tham gia tải thương, cung cấp nước uống, xay lúa, giã gạo gánh ra tiếp tế chiến trường; đan sọt tre, chở đất đá ngăn sông Vĩnh Điện không cho thuyền tam bản của quân Pháp ngược sông Hàn vào đánh tỉnh thành Quảng Nam, góp phần làm phá sản chiến lược “*đánh nhanh thắng nhanh*” của thực dân Pháp.

Từ năm 1885 đến năm 1887, hưởng ứng lời kêu gọi Nhân dân đoàn kết chống Pháp của tiến sĩ Trần Văn Dư, hoàng giáp Phạm Như Xương, cử nhân Phan Bá Phiến, phó bảng Nguyễn Duy Hiệu, các tầng lớp Nhân dân Quảng Nam đã bí mật gia nhập phong trào Nghĩa hội Quảng Nam, đóng góp tiền bạc, lương thực, tham gia xây dựng các căn cứ của Nghĩa hội tại Tam Kỳ, Tiên Phước, Quế Sơn, Đại Lộc...; góp phần quan

trọng cùng Nghĩa hội đánh chiếm tỉnh thành La Qua (Điện Bàn), chiếm lại sơn phòng Dương Yên (Tiên Phước), tiêu diệt quân Pháp tại Nam Chơn dưới chân đèo Hải Vân (Đà Nẵng); tập kích quân địch ở Phong Thử, Bãi Chài (Điện Bàn), Gò Muồng (Đại Lộc)...; phối hợp với phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi, Bình Định, đánh tan quân của triều đình Huế ở Bình Sơn (Quảng Ngãi).

Phong trào Nghĩa hội Quảng Nam, mặc dù chỉ tồn tại không đầy 3 năm, kết thúc bằng cái chết bi tráng và anh hùng của 3 nhân vật kiệt xuất là Trần Văn Dư, Nguyễn Duy Hiệu và Phan Bá Phiến, đã thể hiện tinh thần yêu nước, đấu tranh bất khuất của Nhân dân Quảng Nam. Sự hy sinh của họ đã tạo dựng mầm sống, nuôi chí lớn trong lòng dân đất Quảng, buộc kẻ thù phải kính phục, ngời sáng trên trang sử đấu tranh giải phóng dân tộc.

Từ năm 1904, bộ ba chí sĩ Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp phát động phong trào Duy Tân, nêu ra chí hướng cứu nước mới, không theo con đường quân chủ phong kiến đã bế tắc, mà theo 3 phương châm: *“khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”*.

Để thực hiện được các nhiệm vụ nêu trên trong điều kiện thống trị của thực dân Pháp, các ông chủ trương không bạo động; đồng thời cũng không kỳ vọng, cầu viện một thế lực nào ở bên ngoài. Lấy *“tự lực khai hoá”* làm chính. Dùng diễn thuyết, sách báo để tuyên truyền tư tưởng dân quyền, dân chủ, thức tỉnh mọi người cùng nhau chung sức, chung lòng phát triển kinh tế - xã hội.

Năm 1905, các ông lên đường *“Nam du”* (đi về phía Nam) để quảng bá tư tưởng Duy Tân. Cụ Phan Châu Trinh

và các nhà nho mới cắt cái búi tóc cổ truyền, được cho là biểu tượng phong tục lạc hậu, để tóc ngắn như người phương Tây, để biểu thị sự canh tân:

Phen này cắt tóc đi tu

Tụng kinh ĐỘC LẬP ở chùa DUY TÂN

Lên án lối học từ chương, ngu dân, các nhà duy tân đã đẩy lên một phong trào học tập theo lối mới, tìm mọi cách để nâng cao dân trí, chấn hưng dân khí, cải thiện dân sinh, phát cao cò “*thực nghiệp, giống trồng tân dân*”, nâng cao trình độ mọi mặt của người dân lên một bước cả trong nhận thức và hành động.

Do hoạt động trực tiếp của Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, Phan Thúc Duyệt, Phan Thành Tài, Lê Cơ, Mai Dịch..., phong trào Duy Tân đã phát triển sâu rộng trên đất Quảng Nam những năm 1905 - 1907. Trong thời gian này, có hàng chục trường dân lập kiểu mới đã được mở ra như trường Phú Lâm (Tiên Sơn, Tiên Phước), Diên Phong (Phong Thử, Điện Bàn), Phước Bình (Trung Lộc, Nông Sơn), Quảng Phước (Phước Kiều, Điện Bàn)..., thu hút hàng ngàn học sinh theo học. Các trường đó dạy chữ quốc ngữ, toán, cách trí, sử Việt Nam, chữ Hán, thể dục và một ít tiếng Pháp, võ ta...Đặc biệt, tại trường Phú Lâm còn khuyến khích cả nữ sinh, cấp cả giấy bút cho con nhà nghèo đi học, được một phái đoàn các nhà duy tân ở Hà Nội do Dương Bá Trạc dẫn đầu vào tham quan, học hỏi.

Ngoài việc lập ra nhiều trường học mới, phong trào Duy Tân còn cổ vũ việc lập các “*Hội buôn*” với mục đích “*dĩ thương hợp quần*” để tập hợp những người yêu nước. “*Quảng Nam hiệp thương công ty*” (Hội An), “*Thương học công ty*”

(Tiên Phước)..., lần lượt ra đời. Nhiều nhà nho thi đỗ không ra làm quan, cùng nhiều người có học khuyến khích việc lập các doanh điền ở Đồng Nghệ, Đồng Xanh (Hòa Vang), Quế Sơn, Tiên Phước. Nông hội được thành lập ở một số nơi. Những máy dệt vải khổ rộng ra đời thay thế những khung cửi dệt tay, những hiệu làm mũ trắng bắt đầu xuất hiện.

Đồng thời phong trào Duy Tân còn cổ vũ việc bài trừ hủ tục, mê tín, vạch trần sự giả dối xấu xa của các khẩu hiệu “*Khai hóa văn minh*” của thực dân Pháp. Họ dựa vào tư tưởng của các nhà khai sáng Pháp để lên án tội ác của thực dân Pháp và thực trạng chính trị ở Đông Dương, thức tỉnh dân tộc, trang bị cho Nhân dân một cái nhìn mới về thời cuộc, về một con đường cứu nước mới.

Đầu thế kỷ XX, trên đất Quảng Nam ngoài phong trào Duy Tân, còn có Hội Duy Tân gắn liền với nhà yêu nước Phan Bội Châu và một số danh nhân Quảng Nam như Tiểu La - Nguyễn Thành, Châu Thượng Văn, Đỗ Đăng Tuyển, Thái Phiên..., đứng ra tập hợp, tổ chức thân hào, nhân sĩ, quần chúng yêu nước chống Pháp và triều đình phong kiến tay sai bán nước.

Tháng 5 - 1904, tại nhà Nguyễn Thành (Thăng Bình), hơn 20 đồng chí từ Nam chí Bắc, có cả Kỳ Ngoại Hầu Cường Để đã họp hội nghị thành lập một Hội đảng bí mật mà sau này có tên gọi là Hội Duy Tân, tôn Cường Để làm Hội chủ, đề ra 3 nhiệm vụ: Phát triển hội viên, tài chính, chuẩn bị cho bạo động vũ trang và xuất dương cầu viện (sau đó gọi là phong trào Đông Du, hướng sang Nhật Bản); phối hợp với các sĩ phu của phong trào Duy Tân để phát triển phong trào; tổ chức các hội buôn, mở các cửa hiệu làm nơi tập hợp lực lượng, thu hút nhân tài, làm cơ quan liên lạc và cung cấp tài chính cho Hội. Mục đích

của Hội là: “*Cốt khôi phục Việt Nam, lập nên một chính phủ độc lập, ngoài ra chưa có chủ nghĩa gì khác*”¹.

Việc cầu viện Nhật Bản nhờ giúp cho binh lính, khí giới, lương thực về sau không thành, Phan Bội Châu đã kịp chuyển hướng “*cầu viện*” thành “*cầu học*” và bắt đầu hình thành phong trào Đông Du khá rầm rộ².

Qua lời kêu gọi khảng khái sôi động lòng người trong thơ văn Phan Bội Châu và sự vận động của các sĩ phu, một số thân hào, công thương gia có xu hướng chống Pháp ở Quảng Nam đã đóng tiền và cho con em xuất dương sang Nhật học. Đến năm 1908, phong trào lan rộng khắp nước, số học sinh sang Nhật đã lên tới 200 người, trong đó có hơn 100 người ở Nam Kỳ, 50 người ở Bắc Kỳ và 40 người ở Trung Kỳ.

Các hoạt động của phong trào Duy Tân và Hội Duy Tân đã châm ngòi cho phong trào chống thuế. Nguyên nhân sâu xa của phong trào chống thuế năm 1908 ở Quảng Nam, trước hết là nông dân không thể chịu đựng nổi tình cảnh sưu thuế nặng nề, như Nguyễn Ái Quốc viết trong tác phẩm Bản án chế độ thực dân Pháp: “*Năm 1908, Nhân dân miền Trung không chịu nổi sưu cao thuế nặng và bao nhiêu sự hà lạm áp bức, đã phải biểu tình*”.

Vào thượng tuần tháng 3-1908, ở làng Phiêm Ái (Đại Nghĩa, Đại Lộc) có đám giỗ. Các ông Trương Tôn, Trương Liên, Trương Côn, Trương Đính, Trương Hoàn, Hứa Tạo, Lương Châu bàn nhau viết đơn xin giảm sưu thuế rồi đi các làng lấy chữ ký. Sáng ngày 11 - 3 - 1908, được những người trong các nhóm “*Đồng dân*” khuyến khích, khoảng 400 người dân của

1. Phan Bội Châu, Toàn tập, tập 6, Nxb. Thuận Hoá, 2000, trang 120.

2. Sở VH TT Quảng Nam, 100 năm thành lập Duy tân hội - Thân thể và sự nghiệp Tiểu La Nguyễn Thành (Kỷ yếu hội thảo), Thăng Bình, 5-2004, trang 27.

huyện Đại Lộc mặc áo rách, đội nón cời, mang các mo cơm xuống tòa Công sứ Pháp ở Hội An để xin xâu. Đi đến đâu, người ở hai bên đường đều hưởng ứng, do đó đoàn biểu tình mỗi lúc một đông. Khi đến tòa Công sứ Hội An, đoàn người tham gia đã có hàng vạn. Charles (Sác-lơ), tên công sứ Pháp ở Hội An hứa sẽ báo lên Khâm sứ Trung Kỳ (Résident supérieur de l'Annam) và chính phủ Nam Triều xem xét. Dĩ nhiên quần chúng biết đó chỉ là lời hứa suông nên không về, Charles liền cho lính tập bắt giam Hứa Tạo, Trương Hoàn, Lương Châu và dùng roi, gậy gộc, báng súng đàn áp, nhưng không sao giải tán được.

Sau khi 3 đại biểu bị bắt, đoàn biểu tình cử người đi khắp 7 phủ, huyện trong tỉnh để vận động người đổ dồn về Hội An vây lấy Tòa Công sứ Pháp, đã làm cho không khí đấu tranh chống sưu cao thuế nặng của Nhân dân Quảng Nam thêm sinh động và huy động được nhiều người ở nhiều độ tuổi tham gia, kể cả các cụ già chứ không đơn thuần là tráng dân nữa.

Mười lăm cho chí ông già

Cơm thời ruột tượng xuống tòa đối ban

(Về xin xâu)

Mười ngày sau cuộc biểu tình “*xin sưu*” đầu tiên của Nhân dân huyện Đại Lộc, tại tỉnh thành La Qua (Vĩnh Điện), quần chúng đã kéo đến nhà Tổng đốc Hồ Đắc Trung yêu cầu viên quan đầu tỉnh can thiệp với Công sứ Pháp giảm sưu thuế cho dân. Ở Điện Bàn, ngày 22 - 3 - 1908, quần chúng tràn vào phủ đường bắt viên tri phủ Trần Văn Thống đi xin sưu, giảm thuế cho dân. Tại Thăng Bình, ngày 26 - 3 - 1908, đoàn biểu tình bao vây phủ đường. Chiều ngày 30 - 3 - 1908, một đoàn biểu tình gần 4.000 người vây phủ đường Tam Kỳ, đòi Tri phủ giao Đề sự Trần Tuệ - một tên cai xâu vừa tham lam, vừa hung

bạo cho dân xử lý. Tại đây, chỉ với một tiếng “*dạ*” vang lừng của đoàn biểu tình, hưởng ứng lời đề nghị của Trùm Thuyết (Trần Thuyết): “*Dân ta xin quan Đại lý giao ông Đề để cho dân ăn gan!*” đã làm cho Đề Sự sợ hãi, học cả máu mồm mà chết. Ở Duy Xuyên vào tối ngày 7 - 4 - 1908, quần chúng bao vây nhà chánh tổng Trần Quát (Chánh Năm) - một tên gian ác khét tiếng, bắt hấn đưa ra sông, buộc một hòn đá nặng vào người, chìm xuống nước, kết liễu đời kẻ bán nước, hại dân... Phong trào chống sưu thuế ở Quảng Nam đã nhanh chóng lan rộng ra các tỉnh Thừa Thiên - Huế, Quảng Trị, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên...

Lo sợ phong trào quần chúng, thực dân Pháp và tay sai bằng mọi cách đã đàn áp phong trào chống thuế năm 1908. Nhân đó, chúng tìm mọi cách dập tắt phong trào Duy Tân; những trường học, hội buôn, hội nông..., đều bị giải tán; thương lượng với Nhật trục xuất du học sinh Việt Nam. Phan Châu Trinh, Nguyễn Thành, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Cao Vân, Phan Thúc Duyện, Lê Bá Trinh, Trương Bá Huy bị kết án khổ sai chung thân đày đi Côn Đảo. Châu Thượng Vãn, Thông Cào, Dương Thương bị đày đi Lao Bảo. Trần Quý Cáp bị chém ở chợ Cạn (Khánh Hoà).

Song, dù bị đàn áp khốc liệt, tinh thần đấu tranh chống áp bức bóc lột và ngọn lửa yêu nước của Nhân dân Quảng Nam vẫn được nuôi dưỡng, giữ gìn, như Ông Ích Đường trước khi bị chém vẫn đồng dạ tuyên bố: “*Dân nước Nam như cỏ cú, giết Đường này thì trăm ngàn Đường khác nổi lên. Bao giờ hết mía mới hết đường*”. Lịch sử đã chứng minh điều đó. Chỉ mấy năm sau phong trào chống sưu cao thuế nặng, Nhân dân ta đã chuẩn bị cho một cuộc nổi dậy mới, đó là khởi nghĩa Duy Tân, do tổ chức Việt Nam Quang Phục hội lãnh đạo.

Đầu năm 1916, Thái Phiên và Trần Cao Vân bí mật gặp vua Duy Tân, vận động vị vua yêu nước trẻ tuổi này tham gia cuộc khởi nghĩa. Các chiến sĩ còn lại trong phong trào Cần vương, các văn thân và một bộ phận tư sản, phú hào, quan lại có tinh thần yêu nước đã tham gia hoặc ủng hộ công cuộc khởi nghĩa. Vì vậy, chỉ trong một thời gian ngắn, lực lượng khởi nghĩa đã phát triển khắp các tỉnh Trung Kỳ, mạnh nhất là Quảng Nam và Quảng Ngãi. Tại Quảng Nam, không khí chuẩn bị khởi nghĩa rất sôi nổi như thành lập các đội nghĩa binh, lạc quyên tiền bạc, rèn vũ khí. Chị em dệt vải, dệt lụa ở Tư Phú, Giao Thủy được huy động đem cả khung cửi xuống thuyền dệt vải để may quân trang cho nghĩa quân. Thuyền đậu ở những nơi thanh vắng trên các sông: Thu Bồn, Vĩnh Điện, Tam Kỳ..., bí mật dệt vải. Các thợ rèn Phú Xuân, Thanh Hà được gọi về các căn cứ Phước Sơn, Phú Vinh nổi lửa ngày đêm sản xuất vũ khí, công nhân mỏ vàng Bồng Miêu, than Nông Sơn, các đồn điền Tùng Sơn, Đức Phú phần lớn bỏ việc về quê tham gia chuẩn bị khởi nghĩa.

Công việc chuẩn bị khá công phu, nhưng sắp đến ngày hành động (3 - 5 - 1916), thì kế hoạch bại lộ từ Quảng Ngãi, vua Duy Tân cùng Thái Phiên và Trần Cao Vân bị Pháp bắt. Ở Quảng Nam, dân binh đã sẵn sàng đợi lệnh đánh chiếm thành La Qua, nhưng lính ở Hội An bị thu súng nên dân binh phải giải tán. Ở Tam Kỳ, mặc dù không thấy hiệu lệnh khởi nghĩa, nhưng dưới sự chỉ huy của chánh lãnh binh Trần Huỳnh, dân binh đã vây Toà Đại lý, bắn chết viên quan Pháp, kéo đến phủ đường bắt trói tri phủ Tạ Thúc Xuyen.

Cuộc khởi nghĩa bị thất bại ngay từ khi mới nổ ra. Giặc Pháp đàn áp dã man. Thái Phiên, Trần Cao Vân, Phan Thành Tài cùng U Thay (người Cotu), Khánh Kiểm, Nguyễn Bàng

bị thực dân Pháp xử chém. Lê Đình Dương, Lê Cơ, Trương Bá Huy, Đỗ Tự, Lâm Nhĩ, Trần Chương bị bắt đi đày Lao Bảo (Quảng Trị)...

Cũng trong những năm đầu thế kỷ XX, ở các huyện miền núi có nhiều cuộc nổi dậy của đồng bào các dân tộc thiểu số, như đồng bào dân tộc Xơ Đăng ở vùng Mò O kéo đến vây đồn Trà My phản kháng sự gian ác của quân Pháp trong các cuộc đi càn dã đốt làng, cướp tài sản, giết người (1905); người Cotu tấn công đồn An Diêm (Đại Lộc, 6 - 1907), cuộc nổi dậy của đồng bào dân tộc tại 32 nóc ở Trà My, do Thăng Mậu (Đ'ThănKmaüt) chỉ huy (8 - 1910).

Ở Quảng Nam, số lượng công nhân không đông đảo như ở các địa phương trong nước có nhiều trung tâm công nghiệp lớn, nhưng phong trào công nhân cũng có những hành động quyết liệt. Tháng 7 - 1918, công nhân lục lộ Hội An đã tổ chức bãi công, đòi tăng lương, cải thiện đời sống. Đây là cuộc bãi công đầu tiên của công nhân lao động Quảng Nam¹. Tiếp theo, ngày 6 - 12 - 1920, công nhân đồn điền lúa An Hòa đã tổ chức bãi công, đòi tăng giá công cày cấy; ngày 12 - 12 - 1920, 400 công nhân đẩy xe goòng, khoan lỗ mìn ở mỏ vàng Bồng Miêu bãi công đòi chủ mỏ tăng tiền công, dựng thêm nhà ở, đào giếng lấy nước sinh hoạt; từ ngày 1 - 4 - 1925 đến giữa năm 1927, liên tục nổ ra các cuộc bãi công của công nhân làm đường Quốc lộ 1, đường 16 (nay là quốc lộ 14 E), xe lửa, bưu điện, Staca, nhà máy điện Hội An, Hội ái hữu lái xe Tam Kỳ ở Đà Nẵng, thợ quế ở Trà My..., đã tổ chức bãi công đòi bọn chủ tăng lương, giảm giờ làm, chống cúp phạt, đánh đập vô tội vạ công nhân.

1. Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Nam, *Lịch sử phong trào công nhân lao động và Công đoàn tỉnh Quảng Nam (1929 - 2000)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2005, trang 28.

Bên cạnh phong trào công nhân, các phong trào yêu nước của các tầng lớp học sinh, tiểu tư sản ở Quảng Nam cũng đã diễn ra khá sôi nổi. Cùng với mọi giai cấp, tầng lớp khác nhau trong xã hội, công nhân, học sinh, tiểu tư sản Quảng Nam đã tích cực tham gia các phong trào yêu nước với nhiều hình thức phong phú như phong trào đòi ân xá Phan Bội Châu (1925), phong trào đề tang Phan Châu Trinh (1926), bãi trừ hàng ngoại hoá; vận động bỏ cúng bái, mê tín, dị đoan; tìm đọc các sách báo có nội dung tiến bộ đang được lưu hành rộng rãi như “*Tiếng dân*”, “*Tiếng chuông rền*”, “*Thực nghiệp dân báo*”, “*Tân thế kỷ*”, “*Quốc dân tu trí*”, “*Hội trống tự do*”, “*Thư thất điều*”, “*Ấm băng tập*”...

Đặc biệt, trong 2 năm 1926 - 1927, tình hình chính trị trong nước có sự chuyển biến mới, hai tổ chức cách mạng là Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và Tân Việt cách mạng đảng lần lượt ra đời và hoạt động theo khuynh hướng vô sản. Ở Quảng Nam, từ các đầu mối chi bộ ở Hội An và Đà Nẵng, sau một thời gian vận động, Tỉnh bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên Quảng Nam được thành lập vào đầu năm 1928 và tổ chức Tân Việt cách mạng đảng được hình thành từ tháng 12 - 1926 phát triển lên thành tỉnh bộ trong năm 1927. Cả hai tổ chức cách mạng sau khi thành lập đều hướng hoạt động vào hầu hết các địa bàn, hình thành các tổ chức như công hội, nông hội, hội ái hữu, hội nữ công, hội cứu tế, hội học nghề..., để tập hợp, tổ chức quần chúng đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ. Đặc biệt, Hội Việt Nam cách mạng thanh niên Quảng Nam đã nhanh chóng trở thành một tổ chức chính trị có ảnh hưởng lớn trong tỉnh, tích cực chuẩn bị về mọi mặt cho sự thành lập Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh.

Nhìn chung, các phong trào đấu tranh chống phong kiến, thực dân của Nhân dân Quảng Nam, nhất là vào cuối thế kỷ XIX và 2 thập niên đầu thế kỷ XX, tuy diễn ra sôi nổi, kiên cường và liên tục, nhưng không tránh khỏi tổn thất lớn lao và có những thời kỳ cam go, thoái trào, thất bại. Nguyên nhân chính là do thiếu một đường lối cách mạng đúng đắn và khoa học, thiếu sự lãnh đạo của một giai cấp tiên tiến và thiếu cả sự tiếp sức của thời đại. Tuy nhiên, với tất cả những gì đã diễn ra trên mảnh đất này trải qua hàng trăm năm của lịch sử, con người Quảng Nam đã thể hiện sự gắn bó mật thiết với quê hương xứ sở, đoàn kết cùng nhau đấu tranh chống lại mọi sự bất công, đàn áp của kẻ thù; chấp nhận mọi thử thách khốc liệt, sẵn sàng hy sinh vì nghĩa lớn. Đó cũng là những viên đá tảng rắn chắc của truyền thống đoàn kết, anh hùng, bất khuất trên hành trình đi đến độc lập, tự do của đất nước và dân tộc.

Chương 1

CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC MẶT TRẬN DÂN TỘC THỐNG NHẤT Ở QUẢNG NAM VÀ CUỘC VẬN ĐỘNG NHÂN DÂN ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930 - 1945)

I. SỰ RA ĐỜI VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC QUẦN CHÚNG Ở QUẢNG NAM TRONG CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG ĐẾ QUỐC, PHONG KIẾN (1930 - 1935)

1. Sự ra đời và hoạt động của các tổ chức quần chúng trong phong trào cách mạng 1930 - 1931

Vào năm 1929, trong lúc hoạt động của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên và Tân Việt cách mạng đảng ở Quảng Nam có chiều hướng phát triển thì vào đầu tháng 6-1929, Tỉnh bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên Quảng Nam nhận được thông tin có sự phân liệt ở Đại hội Tổng bộ. Tiếp đến lại có truyền đơn kêu gọi thành lập Đông Dương Cộng sản đảng. Ngay sau đó, Tỉnh bộ Hội Việt Nam cách mạng thanh niên Quảng Nam đã nhanh chóng chuyển thành Đảng bộ Đông Dương Cộng sản đảng (9 - 1929)¹. Tỉnh ủy lâm thời có các ông Phan Văn Định, Phạm Thâm, Nguyễn Thái, do Phan Văn Định làm Bí thư, Phạm Thâm làm Phó Bí thư chuyên lo phát

1. Kỳ yếu toạ đàm, *Một số vấn đề Đảng bộ Quảng Nam, 70 năm hoạt động và trưởng thành*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Nam - Trường Chính trị tỉnh Quảng Nam, 12-2000, trang 36.

triển phong trào ra các phủ, huyện. Sau khi ra đời, Đảng bộ chủ trương tiếp tục duy trì nông hội, công hội, hội ái hữu, hội nữ công, hội cứu tế, hội học nghề... Đặc biệt, tháng 12 - 1929, Tổng Công hội Đà Nẵng¹ được thành lập, làm nòng cốt trong việc vận động công nhân, đoàn kết với các giai cấp, tầng lớp khác đấu tranh chống bọn thực dân phong kiến, tạo thành một làn sóng đòi độc lập dân tộc, dân chủ mạnh mẽ ở khắp nơi.

Từ ngày 3 đến ngày 7-2-1930, tại Cửa Long, Hương Cảng (Trung Quốc), Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản để thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam do Nguyễn Ái Quốc chủ trì đã thông qua *Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt* của Đảng Cộng sản Việt Nam. Các văn kiện trên không chỉ đề ra đường lối chung của cách mạng Việt Nam mà còn đề ra chủ trương, phương hướng cơ bản về tập hợp lực lượng và chỉ rõ: Phải thu phục cho được đại đa số dân cày, dựa vững vào dân cày nghèo; ra sức liên lạc tiểu tư sản, trí thức, trung nông. Đối với phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa ra mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, chí ít làm cho họ trung lập...

Cùng với việc thông qua *Điều lệ vắn tắt* của Đảng và các đoàn thể quần chúng như Công, Nông, Thanh, Phụ, Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản cũng đã thông qua *Điều lệ vắn tắt* của Hội Phản đế Đồng minh An Nam (Việt Nam), xác định hội là một bộ phận của “*Hội Thế giới Phản đế Đồng minh*” có tôn chỉ là đánh đổ thực dân Pháp. Hội bao gồm cả cá nhân và tổ chức, những người nào tán thành phản đối thực dân Pháp, phục tùng Điều lệ Hội, chịu làm việc cho Hội, chịu nộp hội phí và được hai hội viên giới thiệu. Hệ thống tổ chức gồm: tổng, xứ,

1. Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng, *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng* (1930 - 1975), Nxb. CTQG, trang 75.

tỉnh và huyện Hội. Bỏ các tổ chức “*xích tổ*”. Đưa những người ở các tầng lớp khác, tri thức, tiểu tư sản..., vào Hội Phản đế¹.

Ngày 5-3- 1930, trong *Báo cáo gửi Quốc tế Cộng sản về phong trào cách mạng ở An Nam* của Nguyễn Ái Quốc, sau khi khái quát diễn biến, tính chất, đặc điểm và nguyên nhân thất bại của các phong trào từ năm 1905 đến đầu năm 1930, Người đã nhận định: Sau khi hai tổ chức cộng sản ra đời tuy công kích nhau, nhưng đều tích cực đi vào quần chúng, vận động công nhân, nông dân, đã ra nhiều báo chí tuyên truyền cho nên ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản càng lan rộng, phong trào đấu tranh của quần chúng càng phát triển. Người khẳng định: “*Chúng ta có thể tin tưởng chắc chắn rằng với kinh nghiệm và lòng hy sinh, với quần chúng ở bên cạnh, những người cộng sản nhất định sẽ chiến thắng*”².

Ngày 28-3- 1930, Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Nam được thành lập. Đồng thời với việc thành lập các tổ chức cơ sở đảng, Tỉnh ủy đẩy mạnh phát triển các tổ chức quần chúng và mở rộng diện tập hợp lực lượng. Tỉnh ủy xác định công tác vận động quần chúng là thông qua công tác tuyên truyền, vận động quần chúng tham gia các phong trào đấu tranh với các hình thức và khẩu hiệu khác nhau để lựa chọn những người ưu tú kết nạp vào các hội, đoàn thể. Các tổ chức công hội, nông hội, cứu tế đã có ở các huyện, xã trước đó, nay được chuyển thành công hội đỏ, cứu tế đỏ, nông hội đỏ để làm nòng cốt cho các phong trào đấu tranh chống bọn thực dân, phong

1. *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1998, tập 2 (lược trích nội dung từ trang 1 - 10).

2. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập 1 (1930 - 1954), Nxb. CTQG, 2004, trang 21.

kiến. Công tác phát triển hội viên, mở rộng tổ chức công hội đỏ, nông hội đỏ, cứu tế đỏ..., được Đảng bộ quan tâm đặc biệt và thu hút nhiều đối tượng tham gia. Ở Điện Bàn có bảy tổ nông hội đỏ ở các xã Bích Trâm, Hà Thanh, La Thọ, Lục Giáp, Câu Lâu, Thi Nhơn, Hà Mật. Các tổ nông hội đỏ ở Quế Sơn nằm rải rác ở các xã Phú Trạch, Hoà Mỹ, Phú Trang, Phương Trì, Mông Nghệ, Mông Lãnh, Đồng Tràm, Hương Quế, Nghi Hạ, Nghi Lộc. Cùng với Quế Sơn, Điện Bàn, tổ chức nông hội đỏ cũng lần lượt ra đời ở các phủ, huyện khác trong tỉnh, như Ái Nghĩa (Đại Lộc), Tân Mỹ Đông, Mã Châu, Đông Yên, Thi Lai, Trà Kiệu (Duy Xuyên), các xã vùng ven Hội An, Tam Kỳ... Tiêu biểu như ở Tân Mỹ Đông (Duy Xuyên) có tới 8 tổ Nông hội đỏ với 24 hội viên. Ở Đà Nẵng, Hội An, Điện Bàn đều có tổ chức cứu tế đỏ, lo việc thu góp tiền ủng hộ cách mạng. Lực lượng tự vệ ở Hội An tuyển chọn từ trong số bà con lao động nghèo, công nhân khuân vác, thợ thủ công, đêm đêm bí mật luyện tập võ nghệ ở bãi cát vắng. Các nhóm đọc sách báo ở Đại Lộc, Duy Xuyên đã cố gắng ủng hộ tài chính cho Đảng. Đặc biệt, ngay từ tháng 8 - 1930, tại Điện Bàn đã hình thành tổ chức Hội Phụ nữ phản đế với các thành viên như Phạm Thị Diệu, Nguyễn Thị Niu, Nguyễn Thị Cúc, Nguyễn Thị Đăng... Các thành viên này đã cắt tóc ngắn, lên núi Đất Ký thề nguyện giữ bí mật và trung thành với tổ chức, với cách mạng¹. Các tổ chức biến tướng như hội đọc sách báo tiến bộ, nhóm tập võ nghệ, hội bóng đá..., tiếp tục được duy trì. Những quần chúng tích cực trong các hội biến tướng được lựa chọn kết nạp vào công hội đỏ, nông hội đỏ, cứu tế đỏ. Những hội viên tích cực của công hội đỏ, nông hội đỏ, cứu tế đỏ là những đối tượng cảm tình của Đảng.

1. *Lịch sử phong trào Phụ nữ tỉnh Quảng Nam (1930 - 2005)*, tháng 11-2006, trang 42.

Việc các tổ chức quần chúng được thành lập ở khắp các phủ, huyện đồng bằng trong tỉnh có ý nghĩa rất quan trọng trong việc tập hợp, đoàn kết các lực lượng cách mạng, đánh dấu bước phát triển mới của phong trào cách mạng trên địa bàn. Mặt khác, thông qua các tổ chức quần chúng, Đảng phổ biến được chủ trương, đường lối và tập hợp, giáo dục một đội quân chính trị rộng lớn, hình thành khối liên minh công nông - một trong những nhân tố cơ bản đảm bảo sự thành công của cách mạng giải phóng dân tộc. Đặc biệt, qua các hoạt động, nhiều hội viên được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam, trở thành hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng ở các địa phương.

Trên cơ sở các hội quần chúng được xây dựng, phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, ủng hộ Xô viết Nghệ - Tĩnh ở các phủ huyện cũng phát triển. Ngày 1 - 5 - 1930, lần đầu tiên Nhân dân lao động Quảng Nam cùng với Nhân dân lao động cả nước kỷ niệm ngày Quốc tế lao động. Tại Hội An, cờ đỏ búa liềm được treo vào đường dây tải điện giữa ngã tư đường Chùa Cầu và đường Hội An; truyền đơn được rải trên các đường Quảng Nam (nay là đường Phan Đình Phùng và Trần Hưng Đạo), đường Nhật Bản (nay là đường Trần Phú và Nguyễn Duy Hiệu) và đường Quảng Đông (nay là đường Nguyễn Thái Học). Ở Đà Nẵng cờ đỏ búa liềm và truyền đơn cách mạng xuất hiện trong rạp chiếu bóng Nguyễn Khoa Lê (nay là rạp 29 - 3) giữa lúc mọi người đang xem phim. Ở Điện Bàn, cờ đỏ cách mạng được treo ngay trước dinh Tổng đốc Quảng Nam, trước Phủ đường và trên Cầu Mống. Ở Duy Xuyên, cờ bay trên một trụ thép cao tại Tiệm Rượu, thuyền bè xuôi ngược trên sông Thu Bồn đều trông thấy. Từ cầu Bà Rén đến Hương An, từ Nam Phước đến Cầu Chìm, đâu đâu cũng thấy truyền đơn cách mạng. Nội dung truyền đơn kêu gọi công nhân đấu tranh đòi

tăng lương, bớt giờ làm, chống đánh đập, đòi hoãn sưu thuế cho nông dân.

Ngoài truyền đơn, ở Quảng Nam có những tờ báo bí mật được lưu hành: Tờ báo *Bể xiềng* của Xứ ủy Trung Kỳ, Tỉnh ủy Quảng Nam có báo *Lưỡi cày*; Thị ủy Đà Nẵng có báo *Còi nhà máy* đã trang bị lý luận cách mạng giải phóng dân tộc cho cán bộ của Đảng để tuyên truyền đến các giai cấp, tầng lớp trong Nhân dân. Ở đâu cũng có cờ đỏ búa liềm, báo chí và truyền đơn cách mạng, xuất hiện ở những nơi mà bọn thống trị cho là an toàn nhất, cộng sản không thể nào đột nhập được như trên nóc dinh Tổng đốc Quảng Nam, phủ đường Điện Bàn, Sở Cảnh sát Đà Nẵng đã làm cho bọn thực dân thống trị kinh hoàng và thối một khí thế mới trong Nhân dân đang sôi sục lòng căm thù đế quốc, phong kiến.

Sau ngày 1 - 5 đến tháng 8 - 1930, tại Điện Bàn liên tiếp nổ ra các cuộc đấu tranh đòi lại công điền của Nhân dân làng Đông Quang (Điện Hòa), buộc phú hương làng xã phải trả lại đất đai mà Nhân dân mới khai phá (mới sản xuất được 3 năm), để chia cho dân làng cày cấy; tá điền thôn Bích Trâm (Điện Hòa) đấu tranh đòi chủ đất Nghè Dung giảm thu tô từ chỗ chia hai xuống chia ba, Nhân dân làng Trà Nhiều đồng loạt kéo qua bãi Thanh Châu chống bọn hào lý chiếm đất sa bồi của họ; Nhân dân một số xã đấu tranh đòi bọn chủ có thuê người lao động phải quy định giờ giấc làm việc, hết giờ phải đánh trống làm hiệu..., để người lao động được nghỉ ngơi. Tại Hội An, công nhân ngành vệ sinh đấu tranh đòi tăng lương; cơ sở nông hội đồ thực hiện rải truyền đơn dọc theo đường từ Chùa Cầu đến tòa Công sứ Pháp, kêu gọi quần chúng đấu tranh chống đế quốc, đòi công sứ và quan lại Nam triều giảm thuế; hàng trăm nông dân ở vùng phụ cận tham dự mít tinh và làm mạng lưới

bảo vệ từ vòng ngoài, còn tự vệ mật bảo vệ vòng trong cho cuộc mít tinh do Tỉnh ủy lâm thời Quảng Nam tổ chức (8 - 1930). Tại Quế Sơn, nông hội đỏ mở đại hội toàn huyện nhằm phát triển hội viên và quyên góp ủng hộ cuộc đấu tranh của công nhân Trường Thi - Nam Định; hàng trăm người thuộc các tầng lớp khác nhau kéo đến Khe Muôn tham dự mít tinh do Đảng tổ chức. Tại Duy Xuyên, trên 200 nông dân gồm các làng Chiêm Sơn Đông, Phú Nham Đông, Phú Nham Tây, Trà Kiệu Tây đồng loạt kéo về tham dự cuộc mít tinh ở Chiêm Sơn Đông. Tháng 9 - 1930, phong trào công nông đã phát triển tới đỉnh cao, đặc biệt ở 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, Nhân dân các huyện Nam Đàn, Thanh Chương, Diễn Châu, Hương Sơn..., vũ trang khởi nghĩa, kéo vào huyện đường, phá nhà giam, đốt dinh tri huyện cùng toàn bộ giấy tờ, sổ sách, giải tán chính quyền tay sai, lập chính quyền cách mạng theo hình thức Xô Viết. Hưởng ứng phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh, Nhân dân nhiều nơi trong tỉnh đã tổ chức đấu tranh, ngoài những khẩu hiệu kinh tế thông thường, đã có nhiều khẩu hiệu chính trị mới, nêu rõ: ủng hộ Xô viết Nghệ Tĩnh. Những cuộc đấu tranh nói trên ở những mức độ khác nhau đều giành được thắng lợi, chính quyền thực dân và tay sai phải chấp nhận các yêu sách của quần chúng.

Tháng 10 - 1930, giữa lúc cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp đang diễn ra quyết liệt trong cả nước, Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng Cộng sản Việt Nam họp Hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng (Trung Quốc) đã thông qua *Luận cương chính trị, Điều lệ Đảng...*, và hàng loạt nghị quyết về các tổ chức quần chúng. Trong *Án Nghị quyết về vấn đề phản đế*, Đảng đã nêu rõ “ở Đông Dương có nhiều lực lượng phản đế mà hiện nay cần phải hiệp lại làm một phong trào cách mạng thống nhất để đánh đổ đế quốc chủ nghĩa mưu sự giải phóng

cho xứ Đông Dương. Bởi vậy cho nên Đảng cần phải tổ chức ra ở Đông Dương một phân bộ của Đại đồng minh phản đế. Những điều kiện để tổ chức đã có đủ”¹. Ngày 18 - 11 - 1930², Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã ra Chỉ thị về thành lập *Hội Phản đế Đồng minh*, hình thức đầu tiên của Mặt trận Dân tộc thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng. Để mở rộng Hội Phản đế, Chỉ thị nêu rõ “*phải hấp thụ các tầng lớp trí thức dân tộc, tư sản dân tộc, họ là tầng lớp trên hay ở vào lớp giữa cũng vậy và cho tới cả những người địa chủ, có đầu óc oán ghét đế quốc Pháp, mong muốn độc lập quốc gia, để đưa tất cả những tầng lớp và cá nhân đó vào trong hàng ngũ chống đế quốc Pháp...*”³. Đây là văn kiện đầu tiên phân tích khá đầy đủ những quan điểm cơ bản của Đảng và đặt nền tảng định hướng cơ bản cho tiến trình phát triển của tổ chức Mặt trận Dân tộc thống nhất ở Việt Nam.

Chỉ thị về thành lập *Hội Phản đế Đồng minh* của Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời trong bối cảnh phong trào cách mạng 1930 - 1931 đang diễn ra sôi nổi trong phạm vi cả nước, có ý nghĩa lớn lao trong việc vận động, tập hợp, đoàn kết các lực lượng dân tộc chống đế quốc và tay sai. Tuy nhiên, trước đó trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (khoảng tháng 10 - 1930), một số cán bộ trong tổ chức của ta như Nguyễn Hứa (Phó Cội), Nguyễn Lộc bị thực dân Pháp bắt, không chịu đựng nổi sự tra tấn tàn bạo của kẻ thù đã đầu hàng,

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập 1 (1930 - 1954), trang 37 - 38.

2. Năm 1986, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã có quyết định lấy ngày 18-11 hằng năm là Ngày thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam. Nay là Ngày Truyền thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

3. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập 1 (1930 - 1954), trang 42.

khai báo làm cho phong trào cách mạng bị bế vỡ trên toàn tỉnh. Cuối tháng 10 - 1930, địch phát hiện ra cơ quan Tỉnh ủy Quảng Nam. Các vị trong Tỉnh ủy bị bắt. Toàn bộ tài liệu cơ quan Tỉnh ủy bị tịch thu. Cơ quan phân Xứ ủy Trung Kỳ đóng tại Đà Nẵng cũng bị địch phát hiện. Phần lớn các đảng viên, các hội viên nông hội đỏ, công hội đỏ, cứu tế đỏ trong tỉnh đều bị bắt.

Qua vụ bế vỡ này, tổ chức đảng và phong trào cách mạng ở Quảng Nam đứng trước một thử thách rất lớn. Nhưng nhờ ảnh hưởng của Đảng đã khá sâu trong quần chúng Nhân dân, nên một số hội viên công hội đỏ, nông hội đỏ còn lại đã tạm thời phân tán vào Sài Gòn và các nơi khác chờ qua đợt khủng bố để về lại địa phương hoạt động.

Sang năm 1931, số hội viên công hội đỏ, nông hội đỏ tạm lánh vào Sài Gòn và Quảng Ngãi đã trở về Quảng Nam thành lập công hội ở Thi Nhơn - Đông Yên (Duy Xuyên) và tổ chức nhóm phản đế ở phủ Điện Bàn. Ở Hội An, những chiến sĩ cách mạng chưa bị sa lưới địch trong vụ bế vỡ tháng 10 - 1930 vẫn tiếp tục hoạt động. Tuy vậy, khi các tổ chức quần chúng cách mạng ở Quảng Nam vừa được nhen nhóm xây dựng lại thì bị địch phát hiện và đánh phá. Số người bị bắt lần này khá đông, phong trào cách mạng ở Quảng Nam tạm thời lắng xuống.

Từ cuối năm 1931, mặc dù phong trào cách mạng nói chung có lắng xuống, nhưng sức sống của Đảng không thể bị tiêu diệt. Trong ngục tù đế quốc, những hội viên của các đoàn thể quần chúng vẫn giữ vững niềm tin vào cách mạng, đấu tranh chống lại chế độ giam cầm khắc nghiệt của nhà tù, đòi cải thiện đời sống và vẫn tìm cách liên hệ với bên ngoài. Số hội viên còn lại ở bên ngoài vẫn âm thầm hoạt động, trở thành cơ sở bí mật để cán bộ, đảng viên móc nối, liên lạc, phục hồi, gây dựng lại các tổ chức cơ sở của Đảng và quần chúng.

2. Sự hồi phục lực lượng cách mạng sau khủng bố của thực dân Pháp 1932 - 1935

Những năm 1932 - 1935, là những năm tháng thử thách nặng nề đối với các chiến sĩ cộng sản trên cả nước nói chung, Quảng Nam nói riêng. Đây là những năm đấu tranh để giữ gìn lực lượng và hồi phục phong trào trước những thủ đoạn tàn bạo, nham hiểm của kẻ thù. Để giữ gìn lực lượng cách mạng, dù bị địch tra tấn rất dã man, các chiến sĩ cộng sản và những quần chúng cảm tình của Đảng vẫn một mực không khai báo. Nguyễn Thành - Bí thư chi bộ Bát Nhị, bị tra tấn mấy ngày liền vẫn không khai. Cuối cùng để bảo vệ cơ sở cách mạng khỏi bị lộ, đã uống thuốc độc tự tử trong nhà lao. Sự hy sinh của người bí thư chi bộ Bát Nhị đã có nhiều tác động tích cực đối với các tù nhân yêu nước khác. Đoàn Xuân Trinh - Bí thư Đảng bộ huyện Quế Sơn bị địch tra tấn quần quai bên chiếc gông tạ vẫn không nhận là Bí thư Huyện uỷ Quế Sơn; Nguyễn Ngọc Kinh bị bắt vào giữa năm 1931, trong thời gian vận động xây dựng các tổ chức phản đế ở Điện Bàn bị chúng tra tấn rất dã man, đầm máu nhưng ông vẫn nêu cao khí tiết cách mạng, thẳng thắn vạch mặt Tổng đốc Quảng Nam Ngô Đình Khôi hại dân, phản nước... Đó chỉ là một số ít những tấm gương của các chiến sĩ cộng sản kiên trung, bất khuất đã góp phần quan trọng vào việc bảo vệ cơ sở cách mạng.

Không đủ chứng cứ để có thể kết tội và giết hại những người cộng sản yêu nước, bọn đế quốc thống trị thực hiện chế độ lao tù khắc nghiệt mong làm cho họ chết dần chết mòn. Nhưng trong nhà tù, các chiến sĩ yêu nước kiên gan đấu tranh, bên ngoài một số tạm lánh vào Sài Gòn rồi quay trở về móc nối, gây dựng lại cơ sở. Từ cuối năm 1931 đầu năm 1932, nhiều anh em tù chính trị cộng sản mãn hạn về lại địa phương móc nối cơ

sở, lãnh đạo phong trào. Họ đã tìm cách che mắt địch, móc nối với các cơ sở cách mạng còn lại để hoạt động. Phong trào cách mạng trong tỉnh nhờ đó dần dần được hồi phục.

Nội dung đấu tranh của thời kỳ này chủ yếu tập trung đấu tranh chống áp bức bóc lột, chống xâm thuế, chống bọn thống trị hà hiếp, đòi quyền sống, đòi cấp lại công thổ cho công bằng; chống nạn hào lý bao chiếm, bao tá ruộng đất, quân cấp công điền công thổ bất minh, phụ thu lạm bổ; vạch mặt bọn quan lại cường hào tham nhũng, hối lộ, cướp đoạt rộng công điền của anh em tù chính trị; đấu tranh chống chủ thầu làm đường xe lửa trả tiền công chậm trễ... diễn ra ở nhiều nơi như Trà My, Quế Sơn, Tam Kỳ, buộc chính quyền thực dân, phong kiến phải nhượng bộ, giải quyết các yêu sách cho Nhân dân. Bên cạnh các hình thức đấu tranh vì mục tiêu kinh tế, nhiều nơi Nhân dân còn vũ trang tự vệ, tiến công vào các căn cứ của địch, như vào cuối tháng 12 - 1932, đồng bào Xơ Đăng ở vùng cao Trà My dùng cung nỏ, chông thò phục kích đánh đồn Tak Chanh. Nhân dân làng Mường Chán lập một đội nghĩa dũng gồm hơn 10 thanh niên do Nok Non chỉ huy, tổ chức phục kích, chém được 7 tên địch ở đồn này, khiến cho bọn còn lại hoảng sợ bỏ chạy về đồn Trà My, kể từ đó, giặc Pháp bỏ luôn đồn Tak Chanh, không dám đưa quân lên đóng lại. Cùng thời gian này, Nhân dân vùng cao Đăk Lay cũng tổ chức phục kích tiêu diệt 3 tên lính tập ở Nước Vin, đồng bào dân tộc thiểu số ở Trà My đánh bọn địa chủ ở Phương Xá, Đông Hội, làm cho bọn hào lý hoảng sợ phải báo thực dân Pháp đưa quân lên đàn áp.

Đặc biệt, sau khi Tỉnh ủy lâm thời Quảng Nam được lập lại vào cuối năm 1932, công tác phát triển các tổ chức đoàn thể quần chúng được chú trọng. Nhiều nơi đã lập lại công hội đỏ, nông hội đỏ, cứu tế đỏ, Thanh niên cộng sản đoàn và phụ nữ

cảm tình cộng sản. Các nhóm đọc sách báo tiên bộ được hình thành ở Đà Nẵng, Hội An, Vĩnh Điện, Tam Kỳ, Đại Lộc, Quế Sơn... Trong số các tổ chức quần chúng được lập lại ở Quảng Nam sau thời kỳ khủng bố trắng của thực dân Pháp, thì chỉ có tổ chức công hội đỏ và phong trào công nhân là có chuyển biến. Ngày 14 - 2 - 1933, tổ chức công hội đỏ đã vận động 150 công nhân làm đường xe lửa tại Trà Lý, Bích Ngô (Tam Kỳ) tổ chức bãi công buộc bọn chủ thầu phải giảm giờ lao động. Trong 2 ngày 20 và 21 - 2 - 1933, 250 công nhân mỏ vàng Bồng Miêu đấu tranh đòi bảo hiểm xã hội, đòi phụ cấp đất đỏ. Ngày 24 - 2 - 1933, công nhân bốc vác bên tàu Đà Nẵng đấu tranh đòi cải thiện đời sống và đã giành thắng lợi. Tuy nhiên, đó cũng chỉ mới là hoạt động đơn lẻ, thuần túy về kinh tế, còn tình hình ở đa số các địa phương thì *“Lúc này quần chúng quá ít, hơn nữa sợ bị lộ nên công nhân vận động và nông dân vận động cũng yếu”*¹. Mặc dù: *“thợ thuyền, dân cày, binh lính, học sinh và các hạng người lao khổ không sợ cộng sản mà còn có xu hướng cộng sản, ai nấy đều căm giận đế quốc, phong kiến”*².

Từ ngày 27 đến ngày 28-2-1933, Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ Quảng Nam họp, nhận định tình hình và đề ra phương hướng hoạt động. Đối với công tác quần chúng, Hội nghị chỉ rõ: *“Chú tâm việc tổ chức công hội đỏ trong các sản nghiệp công sở, đặc biệt ngó vào Tourane nhiều hơn, bổ sung đồng chí ra đó hoạt động, mở rộng tổ chức thanh niên cộng sản thu nạp luôn sinh hội vào đó, tổ chức nông hội làng ở miền biển rồi từ miền biển ăn lan vào miền nguồn, tổ chức cứu tế đỏ mạnh lên... Việc tổ chức các hội viên công hội, nông hội, thanh niên cộng sản và cứu tế đỏ phải tiến hành tuyên truyền, giác ngộ*

1. Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975), trang 93.

2. Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975), trang 93.

cho kỹ, sau đó cử soát lại rồi hãy kết nạp lại cho cẩn thận đừng để bọn chúng lỏng vào cơ sở, chú ý không nên gần gia quyến những người khai báo mà lộ tin ra”. Về khẩu hiệu đấu tranh cụ thể: “... Phải xoay quanh vấn đề chống thuế chống xấu, đòi thả chính trị phạm để tập hợp quần chúng lao khổ chống đế quốc và phong kiến Nam triều đưa lao khổ tiến tới giành chính quyền lập xô viết công nông binh”¹.

Tiếp theo, từ ngày 14 đến ngày 26 - 4 - 1934, Hội nghị Ban Chỉ huy ở ngoài nước và đại biểu các cấp ủy địa phương trong nước ra Nghị quyết tăng cường củng cố và mở rộng Liên minh phản đế và các hội quần chúng. Về công tác vận động quần chúng, Nghị quyết nhấn mạnh: “Đảng phải lôi kéo vào “Liên minh phản đế” tất cả các phần tử và tổ chức ít nhiều có tính chất chống đế quốc. Đảng nên bỏ việc tuyển lựa quần chúng có tính chất khắt khe như tuyển lựa đảng viên, Đảng cần giữ vững sự lãnh đạo “Mặt trận Liên minh phản đế” và tìm mọi cách ngăn ngừa đừng để Mặt trận thành một tổ chức chính trị độc lập. Hội “Cứu tế đỏ” phải tổ chức trên cơ sở thật rộng rãi, cần chú ý đến một điều “Cứu tế đỏ” không những là tổ chức cứu tế mà còn là một tổ chức đấu tranh cách mạng. Các đảng bộ cần phải đấu tranh mở rộng và tăng cường tổ chức phụ nữ và học sinh, những hội tương tế, những hợp tác xã, hội thể thao, những lớp học của trung niên, những hội giúp nhau làm nhà cửa, ma chay... Các đảng viên của Đảng phải thâm nhập vào các tổ chức công khai, phải lập ra nhiều tổ chức quần chúng, nhất là trong phạm vi hoạt động hợp pháp để mở rộng phong trào cách mạng một cách hợp pháp”².

1. Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975), trang 94.

2. Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam, tập 1 (1930 - 1954), trang 102 - 103.

Trong những năm 1933 - 1935, cùng với việc đẩy mạnh phục hồi tổ chức đảng, các tổ chức công hội đỏ, nông hội làng, cứu tế đỏ, Đoàn thanh niên cộng sản dần dần mở rộng và phát triển. Nhiều nhóm đọc sách báo tiến bộ được hình thành ở Hội An, Điện Bàn, Thăng Bình, Tam Kỳ, Đại Lộc, Quế Sơn... Tại Điện Bàn, nhân lính tuần sai về Cẩm Lậu bắt chính trị phạm ra kiểm diện, một bức thư tay được bí mật phổ biến kêu gọi đảng viên và hội viên nông hội đỏ tập hợp lại thành tổ chức, từ đó anh em tìm cách liên hệ móc nối nhau hoạt động trở lại. Tại Đại Lộc, một số nơi tổ chức nông hội đỏ không còn, cán bộ, đảng viên của ta đã khéo léo tuyên truyền cách mạng, hướng dẫn cách tập hợp lực lượng như thành lập các đội bóng đá Ở Hà Nha, Đông Lâm, Hòa Mỹ, Ái Nghĩa. Ở Tam Kỳ, bên cạnh tổ chức cứu tế đỏ, một số địa phương còn có tổ chức nông hội đỏ như ở Ngọc Mỹ, An Hòa, Hòa Thanh, hoặc tổ chức ngư hội với sự tham gia của hàng trăm ngư dân. Các tổ chức biến tướng của nông hội như hội đồng dân, đồng canh, lương bằng, trợ tang..., phát triển ở nhiều nơi trên địa bàn.

Phong trào đấu tranh của quần chúng dưới các khẩu hiệu đòi dân sinh, dân chủ lúc này tuy không có qui mô lớn, nhưng lại xuất hiện ở nhiều nơi, cả thành thị và nông thôn. Tại Đà Nẵng, năm 1935, một nhóm thanh niên yêu nước đã lập nên trường học Thanh Huy ở Thanh Khê, để dạy học và tuyên truyền cách mạng trong thanh niên, học sinh, do Nguyễn Văn Ám làm hiệu trưởng; ở Tân Hạnh (Hòa Vang), ông Nguyễn Ngọc Kinh sau khi mãn hạn tù (1935) về làng, đã thúc đẩy lý trưởng thực hiện những cải cách văn hóa nông thôn và không gây căng thẳng trong dân vào mùa thu thuế; công nhân làm đường xe lửa Đà Nẵng - Quảng Ngãi đấu tranh chống bọn chủ thầu trả tiền công chậm trễ. Tại Tam Kỳ, các cuộc đấu tranh của nông dân diễn

ra sôi nổi, điển hình là vụ nông dân làng Tịch Tây (nay thuộc xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành) làm đơn lên phủ kiện bọn lý hương cầm đoán, bắt bớ, phạt vạ dân làng đồn củi, cắt lá ở rừng, dẫn đến xô xát giữa dân và tên xã Tứ tại làng, chính quyền phủ Tam Kỳ buộc phải nhượng bộ, giải quyết cho nông dân thắng kiện; nông dân Đức Phú (Tam Sơn) đấu tranh phản đối thái độ ngang ngược, ức hiếp dân làng của tên chủ đồn điền chè Đức Phú. Phối hợp với cuộc đấu tranh của công nhân mỏ vàng Bồng Miêu, hàng trăm nông dân làng Bồng Miêu đã biểu tình, đưa đơn kêu kiện tên chủ sở mỏ vàng cướp ruộng đất canh tác để mở rộng nhà máy khai thác vàng, buộc chúng phải bồi thường. Tại Quế Sơn, nông dân Tổng Xuân Phú kéo đến đình làng, để chống hào lý tham nhũng, đòi chia ruộng cho công bằng. Ở Đại Lộc vào giữa năm 1935, đã lập được 2 nhóm thanh niên phản đế ở Đại An, Đức Hạ và các hội bóng đá ở Hà Nha, Đông Lâm, Hòa Mỹ, Ái Nghĩa. Ở Điện Bàn, tổ chức công hội đỏ hoạt động mạnh, các cơ sở đảng và cơ sở quần chúng trong phủ liên lạc với nhau rất chặt chẽ. Ở Thăng Bình, các cuộc bút chiến về “*Duy vật hay duy tâm*”, “*Nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh*” trên các báo *Đời Mới*, *Ánh Sáng*, *Trung Kỳ* đã cuốn hút nhiều thanh niên, hình thành các nhóm đọc sách ở An Thạch, Hà Lam, Tây Giang, Hiền Lương, Chợ Được...¹

Từ ngày 27 đến ngày 31-3-1935, Đại hội đại biểu lần thứ I của Đảng chủ trương mở rộng hàng ngũ mặt trận. Về tổ chức Mặt trận, nghị quyết chỉ rõ cần có nhiều hình thức phù hợp, linh hoạt, Mặt trận Thống nhất Phản đế phải tùy theo điều kiện mà định. Đối với quần chúng trong các đảng phái phản động thì phải tổ chức mặt trận thống nhất bên dưới, đối với các đoàn

1. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, trang 97.

thể cách mạng tiểu tư sản thì có thể tổ chức mặt trận thống nhất bên dưới (với quần chúng) và bên trên (với lãnh tụ). Đại hội còn thông qua Điều lệ của Đông Dương Phản đế Liên minh với tôn chỉ, mục đích là: *“Liên kết hết thảy các lực lượng phản đối đế quốc Pháp ở xứ Đông Dương tham gia cuộc vận động dân tộc giải phóng ở xứ Đông Dương và hết thảy các cuộc cách mạng tranh đấu ở trên thế giới”*. Về tiêu chuẩn và tư cách hội viên, Điều lệ quy định: Hễ người nào (vô luận đàn ông, đàn bà, già, trẻ, tôn giáo nào, xu hướng chính trị nào) hoặc đoàn thể nào thừa nhận Điều lệ và Nghị quyết của Đông Dương Phản đế Liên minh và thường xuyên nộp hội phí thì được nhận vào Liên minh. Từ hệ thống tổ chức 4 cấp trước đây nay mở ra thành 6 cấp nhằm đưa công tác phản đế liên minh đến tận các nhà máy, hầm mỏ, đồn điền, công sở, trường học, đường phố để lập ra các chi hội Phản đế Liên minh. Cơ quan cao nhất là Hội nghị toàn chi hội, tiếp đến là cấp tổng, huyện, tỉnh thành, xứ và toàn Đông Dương đại biểu Hội nghị. Lần đầu tiên Điều lệ cho phép các ủy viên được lập ra các bộ chuyên môn giúp việc như các Tổ chức, Tuyên truyền, Tài chính¹.

Nhìn chung, mặc dù trong bối cảnh cách mạng bị địch khủng bố, đàn áp, song các phong trào cách mạng của Nhân dân Quảng Nam liên tục được giữ vững, diễn ra đều khắp trên mọi địa bàn, từ nông thôn đến rừng núi, từ đồng bằng đến đô thị, hình thức đấu tranh rất phong phú, đa dạng. Điều đó chứng tỏ ngay cả trong thời kỳ cách mạng bị tạm thời thoái trào, trên cơ sở của liên minh công nông, nếu biết tập hợp, đoàn kết rộng rãi các giai cấp, tầng lớp trong xã hội, sẽ tạo nên một lực lượng cách mạng hùng hậu, góp phần quan trọng vào việc nuôi dưỡng

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập 1 (1930 - 1954), trang 110 - 111.

phong trào, tạo điều kiện để Đảng khôi phục và phát triển thực lực, tiếp tục lãnh đạo phong trào đấu tranh mới.

II. MẶT TRẬN NHÂN DÂN PHẢN ĐỐI ĐÔNG DƯƠNG VÀ MẶT TRẬN DÂN CHỦ ĐÔNG DƯƠNG VỚI PHONG TRÀO ĐẤU TRANH ĐÒI DÂN SINH DÂN CHỦ CỦA NHÂN DÂN QUẢNG NAM (1936 - 1939)

1. Hoạt động của các đoàn thể quần chúng trong thời kỳ Đảng lãnh đạo Mặt trận Nhân dân phản đối Đông Dương (1936 - 1938)

Từ 1936 tình hình thế giới và trong nước có một số biến đổi nghiêm trọng. Chủ nghĩa phát xít đã nắm được chính quyền ở một số nước tư bản (Đức, Italia, Nhật Bản), âm mưu gây chiến tranh thế giới để thống trị toàn bộ thế giới. Trước tình hình đó, Quốc tế Cộng sản (do Lênin sáng lập từ năm 1919) đã họp Đại hội lần thứ VII tại Moskva (Mat-xơ-va, 1935) và quyết định tập trung mọi lực lượng, thành lập Mặt trận Nhân dân ở các nước để chống chủ nghĩa phát xít. Ở Pháp, Mặt trận Nhân dân Pháp sau khi đánh bại âm mưu của lực lượng phát xít muốn giành chính quyền ở Pháp (1936), Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp đã ban bố một số chính sách có lợi cho cách mạng ở các nước thuộc địa: công bố quyền tự do báo chí, quyền lập hội, trả tự do cho tù chính trị.

Trong bối cảnh nói trên của tình hình thế giới, đời sống của các tầng lớp Nhân dân lao động ở Việt Nam vẫn tiếp tục căng thẳng do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới 1929 - 1933.

Ở Quảng Nam, thực dân Pháp vẫn tiếp tục công cuộc khai thác thuộc địa, tổ chức nạo vét sông Hàn để tàu trọng tải 1.500 tấn có thể cập bến, tiếp tục mở đoạn đường sắt Đà Nẵng

- Quảng Ngãi, bắt dân đi sâu để làm đường 14 và 16. Do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới nên ở Quảng Nam các nhà buôn bán nhỏ cũng khó khăn. Ở nông thôn, địa chủ lợi dụng khó khăn của nông dân để cho vay nặng lãi. Một số nông dân tán gia bại sản phải bỏ vào Sài Gòn, Đông Nam Bộ để kiếm kế sinh nhai. Nhân dân cả nước nói chung và Nhân dân Quảng Nam nói riêng trong tình hình chủ nghĩa phát xít đe dọa chiến tranh, cuộc sống muôn vàn khó khăn, không có mong muốn gì hơn là hòa bình, tự do, cơm áo, đời sống được cải thiện.

Ngày 1-5-1936, công nhân mỏ vàng Bồng Miêu bãi công đòi chủ tăng lương 100%, công nhân xưởng chè Phia đấu tranh đòi cải thiện đời sống, công nhân các hãng buôn Quảng Hòa Hưng, Lê Văn Tập, Trương Côn, Sacric (Sa-cơ-rít)..., đấu tranh đòi chủ tăng tiền công bốc vác hàng hoá. Cùng thời gian này, trên địa bàn vùng cao, đồng bào Bến Hiên - Bến Giằng bị bắt sâu làm đường 14 đã lần công, phá hoại công cụ làm đường, dùng ná bắn lính coi sâu, buộc bọn Pháp phải làm thêm hàng rào chạy dọc từ An Diêm đến Hà Tân để ngăn nạn “*giặc mùa*”, lập đồn Bến Hiên và Bót Xít để canh gác. Đồng bào vùng Cady-Tabhing (Bến Giằng), Cadoat, Giá, Canâng (Phước Sơn) nhờ người làm đơn gửi lên đến tòa khâm sứ Huế phản đối các cai, đội người Pháp đánh đập người đi sâu. Tại Trà My, dân các làng bản thuộc các xã Trà Nam, Trà Linh, Trà Cang, Trà Mai..., rào làng, làm lễ cúng Giằng, tổ chức lực lượng nổi dậy chống Pháp. Có nơi, lính đến bắt sâu đồng bào viện có làng “*có cữ*” không đi, hoặc ban ngày đi làm sâu, ban đêm bắn tên vào đồn lính hù dọa nạn “*giặc mùa*”.

Tháng 7 - 1936, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp ở Thượng Hải (Trung Quốc)

định ra đường lối, phương pháp cách mạng trong thời kỳ mới, chỉ rõ mục tiêu trực tiếp, trước mắt là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít và chiến tranh, đòi tự do, cơm áo và hòa bình. Hội nghị chủ trương thay đổi nội dung và hình thức đấu tranh cho phù hợp với tình hình mới, triệt để lợi dụng khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp để tập hợp và hướng dẫn quần chúng đấu tranh từ thấp đến cao nhằm giáo dục, phát triển đội ngũ cách mạng. Đặc biệt, ngày 26 - 7 - 1936, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã thông qua bản Chỉ thị gửi các tổ chức của Đảng. Chỉ thị nhấn mạnh: *“Việc thành lập Mặt trận Dân tộc Phản đế không thể trì hoãn thêm một phút... Mặt trận Dân tộc Phản đế phải trở thành tổ chức công khai nhất của đông đảo quần chúng... Mặt trận đó phải bao gồm tất cả các đảng phái và tất cả các tầng lớp Nhân dân, không phụ thuộc vào dân tộc nào, dù là người Pháp, người Việt, người Lào hay các dân tộc thiểu số khác, miễn là họ nhất trí tranh đấu để thực hiện những yêu sách đã nêu trên”*¹. Về Hội Phản đế, Chỉ thị nêu rõ: *“Đến nay tồn tại chỉ theo tên. Số lượng hội viên của Hội rất ít. Đảng ta, các tổ chức quần chúng, cũng như các đảng khác đều đặt nhiệm vụ trọng tâm là*

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập 1 (1930 - 1954), trang 139. Tuy nhiên, cũng tại tài liệu này thì tên gọi của Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam từ năm 1936 đến năm 1938 cũng không thống nhất: Mặt trận dân chúng Thống nhất đấu tranh phản đế (trang 134), Mặt trận Thống nhất đấu tranh phản đế (trang 135), Mặt trận Thống nhất phản đế (trang 136, 137), Mặt trận Dân tộc phản đế (trang 137, 138, 139), Mặt trận Thống nhất phản đế (trang 154), Mặt trận Nhân dân phản đế (trang 154, 155), Mặt trận Nhân dân Đông Dương (trang 156, 157), Mặt trận chống đế quốc (trang 160), Mặt trận Thống nhất Nhân dân (trang 169), Mặt trận Nhân dân Thống nhất Đông Dương (trang 170), Mặt trận Thống nhất Nhân dân Đông Dương (trang 172), Mặt trận Thống nhất Dân chủ (trang 199)... Tại tập sách này, để thống nhất với cách gọi của tập sách *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, tại trang 100, chúng tôi xin được viết là Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương.

tranh đấu chống chủ nghĩa đế quốc và vì thế không thành lập một tổ chức đặc biệt là Hội Phản đế”¹.

Ở Quảng Nam, các chiến sĩ cộng sản ra tù về lại địa phương là nhân tố bước đầu quan trọng để chuyển hướng lãnh đạo theo chủ trương mới của Đảng. Giữa năm 1936, được tin Quốc hội Pháp sẽ cử một phái đoàn sang điều tra tình hình Đông Dương, Đảng chủ trương vận động và tổ chức Nhân dân họp bàn về các yêu cầu tự do, dân chủ để thảo ra các bản “*dân nguyện*” gửi tới phái đoàn, tiến tới triệu tập Đông Dương Đại hội. Vì vậy, trong một lần gặp gỡ bí mật ở bãi cát nhà ga Đà Nẵng, các ông Nguyễn Trác, Trịnh Quang Xuân, Trần Học Giới đã hình thành Ủy ban vận động Đông Dương Đại hội Quảng Nam (khoảng tháng 9 - 1936). Ngày 20 - 9 - 1936, tại trụ sở Viện Dân biểu Trung Kỳ (Huế) đã diễn ra Hội nghị toàn kỳ Đại hội Đông Dương. Hơn 700 đại biểu, phần đông là giới lao động và những thành phần tiên bộ thuộc các tầng lớp Nhân dân được huy động đến làm hậu thuẫn cho lực lượng tiên bộ, dân chủ do Phan Đăng Lưu đứng đầu. Trong số đó, có rất nhiều tù chính trị được trả tự do của Quảng Nam đã có mặt trong hội nghị quan trọng này. Hội nghị toàn kỳ đã biến thành diễn đàn phát biểu nguyện vọng chính đáng của quần chúng lao động, vạch mặt lực lượng tay sai thực dân trong Viện Dân biểu và tuyên truyền chủ trương của những người cộng sản.

Sau 2 ngày làm việc, Hội nghị toàn kỳ đi đến quyết định yêu cầu chính quyền để quần chúng thành lập các ủy ban hành động tại các địa phương và cơ sở kinh doanh; các ủy ban này hoạt động công khai để thu thập “*dân nguyện*” và cử người đại

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập 1 (1930 - 1954), trang 140.

diện của mình. Hội nghị toàn kỳ cũng cử ra Ủy ban lâm thời gồm 26 người, trong đó có 9 dân biểu, 17 “*chính trị phạm*” và đại biểu của giới lao động để vận động tiến tới Đại hội toàn kỳ chính thức khi đã tập hợp đầy đủ “*dân nguyện*” từ các cơ sở.

Chính quyền thực dân và Nam triều hoàn toàn bất ngờ trước kết quả Hội nghị toàn kỳ, nên Khâm sứ Trung Kỳ Graffeuit (Gơ-ráp-phơ) lập tức tuyên bố bác bỏ mọi yêu cầu của Hội nghị và ngay trong ngày 21 - 9 - 1936, thực dân Pháp ra lệnh cấm triệu tập Đông Dương Đại hội toàn xứ Trung Kỳ. Tiếp theo, ngày 29 - 9 - 1936, giới cầm quyền Đông Dương ra lệnh cấm hội họp công khai hoặc phát truyền đơn cổ động cho Đông Dương Đại hội.

Mặc dù phái đoàn của Quốc hội Pháp không sang, phong trào Đông Dương Đại hội bị cấm hoạt động, song đông đảo quần chúng lao động đã thức tỉnh. Những người cộng sản Quảng Nam sau khi dự họp ở Huế về, thông qua các tổ chức quần chúng đã tích cực tận dụng các cơ hội hợp pháp, xúc tiến họp Nhân dân thu thập nguyện vọng, lấy chữ ký. Khắp các phủ huyện từ Tam Kỳ, Quế Sơn, Hội An, Duy Xuyên, Điện Bàn đến Đà Nẵng đều tổ chức cuộc họp với nội dung trên. Sôi nổi nhất là cuộc họp ở nhà Võ Đề (Trà Kiệu, Duy Xuyên), có hơn 30 đại biểu, trong đó có cả nhân sĩ, trí thức tham gia, do Nguyễn Trác chủ trì. Cuộc họp đã lập bản dân nguyện rồi vận động lấy chữ ký. Từ Trà Kiệu lan sang Chiêm Sơn, Phú Nham, Thi Lai, Mã Châu, Chợ Chùa..., đâu đâu cũng hùng hực khí thế cách mạng, góp phần cổ vũ giải tỏa tâm lý của Nhân dân sợ địch khủng bố.

Cuối năm 1936, Tỉnh ủy lâm thời Quảng Nam được lập lại, chủ trương phát triển thực lực Đảng, thực lực quần chúng

cả bí mật và công khai, lập nhiều hội ái hữu, hội tương tế, nhóm đọc sách báo, tận dụng báo chí công khai, kết hợp giữa hoạt động hợp pháp và hoạt động bất hợp pháp, phát động quần chúng, đẩy mạnh phong trào đấu tranh theo khẩu hiệu của Mặt trận Nhân dân Phản đế Đông Dương. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ trong tỉnh có sự chuyển biến mạnh mẽ, diễn ra liên tục, đều khắp ở cả 3 địa bàn quan trọng: rừng núi, đồng bằng và đô thị.

Đầu năm 1937, Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp cử phái đoàn do Justin Godart (Giut-tanh Gô-đa) đứng đầu sang Việt Nam tìm hiểu tình hình và việc thi hành các chính sách của Chính phủ Mặt trận Nhân dân Pháp. Lợi dụng sự kiện này, Đảng tổ chức quần chúng mít tinh “*đón rước*”, nhưng thực chất là để huy động đông đảo quần chúng đủ các tầng lớp xuống đường biểu dương lực lượng, đòi trả tự do cho tất cả tù chính trị, giải quyết các vấn đề dân sinh, dân chủ; bỏ thuế thân, tự do nghiệp đoàn, tự do ngôn luận.

Ở Quảng Nam, một ban vận động quần chúng đón tiếp Justin Godart được thành lập gồm Phan Bôi, Lê Văn Hiến, Nguyễn Sơn Trà, Trịnh Quang Xuân...

Phan Bôi được phân công dịch ra tiếng Pháp các tài liệu, đơn từ để trao cho phái bộ Justin Godart. Lê Văn Hiến được giao nhiệm vụ viết hồi ký “*Ngục Kon Tum*” để tố cáo tội ác trong chế độ lao tù của thực dân Pháp. Biết tin công sứ Pháp và tổng đốc Quảng Nam muốn ngăn cản Nhân dân đón tiếp Justin Godart, Trịnh Quang Xuân cùng một số đảng viên cộng sản đã ra Đà Nẵng nhờ Jean Boneau (Giăng Bô-nô, thư ký chi bộ Đảng xã hội Pháp - chi nhánh Đà Nẵng) can thiệp với Đốc lý thành phố để Nhân dân được gặp Justin Godart.

Ngày 22 - 2 - 1937, trước khi phái bộ Justin Godart đến Đà Nẵng, toàn thể công nhân hãng Staca đấu tranh nghỉ việc, yêu cầu chủ tăng lương 30%, ngày làm 8 giờ, đau ốm được lĩnh lương và điều trị, không được đuổi thợ, các ngày lễ và chủ nhật được nghỉ việc. Ngày 28 - 2 - 1937, lúc 14 giờ, Nhân dân Đà Nẵng và các phủ, huyện đổ về thành phố, đứng chật cả hai bên đường từ ga xe lửa xuống dọc bờ sông Hàn đến Tòa Đốc lý. Có đến 5.000 người đứng thành hàng ngũ với nhiều phù hiệu khác nhau. Thợ hớt tóc, thợ may thì đeo phù hiệu có hình chiếc kéo, phù hiệu của thợ đóng giày có hình chiếc giày, công nhân khuân vác có chiếc khăn vải lót trên vai, chị em tiểu thương buộc quai nón màu đen. Khi đoàn xe của Justin Godart đến ngã tư đường Pigneau de Béhaine - Jules Ferry (nay là ngã tư đường Lê Duẩn - Trần Phú) đổ xuống bờ sông Hàn thì quần chúng tràn ra lòng đường giương cao các khẩu hiệu viết bằng chữ đỏ: “Ủng hộ Mặt trận Bình dân Pháp”, “Tự do lập nghiệp đoàn!”. Quần chúng hô vang: “Hoan hô Mặt trận Bình dân Pháp”, “Hoan hô đặc sứ Justin Godart”. Đường phố bị tắc nghẽn, Justin Godart phải xuống xe đi bộ. Nhân dân tranh thủ đưa tận tay Justin Godart các đơn từ và các bản yêu sách.

Khi phái bộ và đoàn biểu tình kéo đến trước khách sạn Morin Frères (Mô ranh Phờ-re, nay là khách sạn Bạch Đằng), có 50 tên Tây đầm do tên Tutier (chủ đồn điền Pháp) dẫn đầu, vung tay hô lớn: “*A bas politique de la rue!*”, “*A bas Front populaire!*”, “*A bas les profiteurs!*”, “*A bas Godart!*” (Đả đảo chính trị xuống đường! Đả đảo Mặt trận Bình dân! Đả đảo những kẻ lợi dụng! Đả đảo Gô-đa). Lập tức các ông Phan Bôi, Trịnh Quang Xuân áp đảo chúng bằng tiếng Pháp: “*A bas le fascism*” (Đả đảo phát xít), “*Français Front populaire Viva*”

(Mặt trận Bình dân Pháp muôn năm). Cả đoàn biểu tình hưởng ứng hô theo vang trời. Tại Tòa Đốc lý, Justin Godart đã tiếp Phan Bôi ở phòng khách và lịch sự nhận từ Phan Bôi các đơn từ, kiến nghị của dân¹. Đầu tháng 3-1937, Justin Godart đến Vĩnh Trinh và Thi Lai (Duy Xuyên). Quần chúng được tập hợp để gặp Justin Godart nhưng bị tổng đốc Ngô Đình Khôi tìm mọi cách ngăn cản.

Báo Tiếng Dân số 1030 ngày 9 - 3 - 1937, đề cập đến việc quần chúng đón tiếp Justin Godart ở Đà Nẵng đã viết: *“Những nắm tay đưa ra hoan nghênh đại sứ không khác nào một rừng cây trụi lá”*. Phong trào đón Justin Godart vừa nói lên sức mạnh của quần chúng, vừa chứng tỏ khả năng đấu tranh hợp pháp do Đảng lãnh đạo. Quần chúng có dịp biểu dương lực lượng, tôi luyện đấu tranh.

Nhằm mục đích mở rộng lực lượng của Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương và vạch trần chính sách phản động của bọn thực dân và tay sai, bên vực quyền lợi của Nhân dân lao động. Nhân việc Viện Dân biểu Trung Kỳ tổ chức bầu cử khóa III (8 - 1937), Đảng vận động để đưa người của Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương ra ứng cử, đồng thời sử dụng báo chí để tuyên truyền, vận động cử tri bỏ phiếu cho những ứng viên của Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương. Ở hạt Đại Lộc - Hòa Vang có hai người ứng cử là Phan Thanh (người của cách mạng) và Nguyễn Quốc Túy - tay chân của thực dân đế quốc. Phan Thanh quê ở Điện Bàn, từng viết báo *“Tiếng chuông rền”*, là một thầy giáo có tài, thông minh, giỏi tiếng Pháp, đang dạy học ở trường Thăng Long (Hà Nội) và có chân trong chi nhánh Đảng xã hội Pháp ở Hà Nội.

1. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, trang 114.

Hiệu sách Việt Quảng (Đà Nẵng) do Thái Thị Bôi làm chủ hiệu đã công khai cổ động cho Phan Thanh. Học sinh trường Mỹ Hòa ở Đại Lộc phân công nhau nhặt hết truyền đơn cổ động cho Nguyễn Quốc Túy của địch và phát rộng rãi truyền đơn cổ động Phan Thanh đến tận gia đình các cử tri. Ở Hòa Vang, ngày bầu cử có lính canh gác nghiêm ngặt nhưng vẫn có băng cổ động Phan Thanh treo trước huyện đường. Kết quả là Phan Thanh đã giành thắng lợi vào Viện Dân biểu Trung Kỳ với đa số phiếu áp đảo.

Cùng thời gian này, rất nhiều báo chí công khai do Đảng chỉ đạo như *Tiến lên*, *Tin tức*, *Tiền phong*, *Lao động*, *Bạn dân* được phổ biến rộng rãi ở Quảng Nam, đông đảo các tầng lớp Nhân dân được giác ngộ về con đường cách mạng. Hiệu sách mọc lên ở nhiều nơi. Từ chỗ ban đầu là hiệu sách do Thái Thị Bôi đứng làm chủ hiệu đóng ở đường Quai Courbet (Bạch Đằng, Đà Nẵng hiện nay) dần dần trở thành hiệu sách Việt Quảng nổi tiếng. Việt Quảng trở thành trung tâm đại lý sách báo cách mạng trong tỉnh, thu hút nhiều khách hàng ở khắp các phủ, huyện. Nhiều sách báo tiến bộ, kể cả sách báo Mác - Lênin được giới thiệu công khai. Các nhóm thanh niên dân chủ ở các phủ, huyện hăng hái chuyền tay nhau và tổ chức đọc sách báo cách mạng. Thanh niên tranh luận duy tâm hay duy vật, tổ chức những đám cưới tiến bộ, ít tốn kém, chép tay cho nhau những bài thơ cách mạng...Ngoài ra, cán bộ của Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương còn vận động Nhân dân đi học truyền bá quốc ngữ. Trường Thành chung mở ở Đà Nẵng thu hút được nhiều người theo học bậc trung học miễn phí. Ban đêm có các lớp truyền bá quốc ngữ do các đảng viên cộng sản như Trần Tổng, Nguyễn Xuân Nhị, Nguyễn Đức Thiệu..., trực tiếp giảng dạy.

Cạnh đó, việc xuất hiện và hoạt động của các nghiệp đoàn, các hội tương tế đã làm cho cuộc vận động dân chủ thêm sinh động. Ngày 12 - 12 - 1937, Ủy ban lâm thời Hội ái hữu thợ may Đà Nẵng được thành lập, đóng trụ sở ở đường Đỗ Hữu Vị (nay là đường Hoàng Diệu). Mặc dù bị chính quyền thực dân ngăn cản nhưng công nhân khuân vác các hãng buôn Đà Nẵng, thợ đóng giày, bồi bếp, công nhân các công sở..., đấu tranh mạnh mẽ đòi lập nghiệp đoàn. Các hội ái hữu thợ giặt, thợ nhà đèn, lái xe..., hình thành, bất chấp sự cấm đoán của Toà Đốc lý. Đặc biệt, Hội ái hữu của công nhân khuân vác Đà Nẵng hoạt động rất sôi nổi, thu hút hàng ngàn hội viên tham gia. Họ giúp đỡ nhau khi có ma chay, cưới hỏi, phát triển tình hữu ái giai cấp, chống chủ lợi dụng gây chia rẽ giữa công nhân với nhau. Ngoài Đà Nẵng, Hội ái hữu cũng được xây dựng ở hầu hết các địa phương trong tỉnh. Ở Hội An có các hội ái hữu thợ may, thợ mộc. Điện Bàn có hội ái hữu của anh chị em hát tuồng. Duy Xuyên có hội ái hữu thợ dệt. Quế Sơn có nhóm phụ nữ tân tiến. Thông qua hoạt động của các hội ái hữu, Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương các cấp thực hiện công tác tuyên truyền giáo dục tinh thần đoàn kết, đấu tranh cách mạng.

Tháng 2 - 1938, Thái Thị Bôi - chủ hiệu sách Việt Quảng qua đời vì lâm bệnh nặng. Đám tang của bà đã gây nhiều niềm thương tiếc trong Nhân dân. Các đoàn đại biểu từ các phủ huyện về dự tang lễ mang theo vòng hoa có dòng chữ “*Vết thương tâm*”. Quan tài của bà được ông Trần Văn Cung cùng nhiều đảng viên cộng sản khiêng tay từ nhà ra đến đường trong không khí trang nghiêm và xúc động. Hơn 600 người dự lễ tang, có cả Jean Boneu (thư ký của SFIO), nhiều Ấn kiều với rất nhiều vòng hoa. Từ Huế, cụ Phan Bội Châu đã gửi một bài

văn phú thương tiếc người con gái đất Quảng kiên cường. Đám tang Thái Thị Bôi vừa thể hiện niềm yêu thương của cách mạng đối với bà, vừa là sự biểu dương thanh thế chính trị của quần chúng trước bọn thực dân và tay sai.

2. Các đoàn thể quần chúng tiếp tục hướng dẫn Nhân dân đấu tranh đòi quyền dân sinh dân chủ trong thời kỳ Đảng lãnh đạo Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1938 - 1939)

Từ ngày 29 đến ngày 30 - 3 - 1938, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương quyết định lập Mặt trận Thống nhất Dân chủ Đông Dương (gọi tắt là Mặt trận Dân chủ Đông Dương), thay cho Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương, xem đây là một trong những nhiệm vụ trung tâm của Đảng trong giai đoạn hiện tại. Nghị quyết Hội nghị còn đề ra nhiều chủ trương, biện pháp cụ thể đẩy mạnh công tác vận động, giác ngộ quần chúng tham gia các tổ chức, đoàn thể như công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ... Hội nghị quyết định tổ chức ra một đoàn thể của thanh niên vừa có tính chất chính trị vừa có tính chất quần chúng rộng rãi với tên gọi là: *“Thanh niên Tân tiến Hội”* để thay cho *“Thanh niên Cộng sản Đoàn”*¹.

Thực hiện chủ trương của Trung ương, Đảng bộ tỉnh chủ trương sử dụng nhiều hình thức tổ chức mới một cách khôn khéo, linh hoạt, tận dụng khả năng hợp pháp và nửa hợp pháp để tập hợp lực lượng rộng rãi hơn, mở rộng phong trào hơn nữa. Nhiều quyết định về tổ chức đã được thực hiện, các hình thức tổ chức như Nghiệp đoàn, Hội cấy, Hội lợp nhà, Hội ái hữu được phát triển rộng khắp, tập hợp đông đảo quần chúng vì những mục tiêu cụ thể, thiết thực. Để phù hợp với tên gọi mới của Mặt trận Dân chủ Đông Dương, các tổ chức thành

1. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng 1930 - 1975*, trang 200.

viên của Mặt trận Dân chủ Đông Dương các cấp ở tỉnh cũng được đổi tên: Đoàn Thanh niên dân chủ được lập ra để thay thế cho Thanh niên cộng sản Đoàn, Công hội thay cho Công hội đỏ, Nông hội thay cho Nông hội đỏ, Hội Phụ nữ dân chủ thay cho Hội Phụ nữ giải phóng, Cứu tế bình dân thay cho Cứu tế đỏ...

Giữa năm 1938, Khâm sứ Trung Kỳ và Chính phủ Nam triều yêu cầu Viện Dân biểu Trung Kỳ thông qua dự án tăng thuế đánh vào dân nghèo và tầng lớp trung sản, nhưng lại đánh thuế nhẹ với người giàu. Trước tình hình đó, thông qua Mặt trận Dân chủ Đông Dương, Đảng chủ trương lãnh đạo Nhân dân đấu tranh chống dự án tăng thuế. Cuộc đấu tranh đã diễn ra sôi nổi cả trong và ngoài Viện Dân biểu Trung Kỳ.

Trên địa bàn Quảng Nam - Đà Nẵng, từ tháng 3 đến tháng 9 - 1938, nhiều nơi các tổ chức thành viên của Mặt trận Dân chủ Đông Dương đã tích cực vận động công nhân, nông dân cùng với tiểu thương, tiểu chủ đấu tranh đòi giảm thuế môn bài, tổ chức bãi công, bãi thị, phản đối thu thuế quá nặng và thái độ hách dịch của bọn thu thuế... Ở Đà Nẵng, bên cạnh việc anh em xe kéo bãi công, chị em tiểu thương chợ Hàn bãi thị đòi giảm thuế, đòi tự do lập hội, buộc Đốc lý Valet hạ mức thuế từ 7,5 đồng xuống còn 2,5 đồng; các tầng lớp Nhân dân còn cử 5 đoàn đại biểu gặp nghị viên Quang Cự, nhờ chuyển đạt nguyện vọng của dân lên Viện Dân biểu Trung Kỳ. Tại Hòa Vang, lý trưởng làng Tân Hạnh đã vận động các hào lý tổng Thanh An cùng ký vào đơn chống dự án tăng thuế. Ở Duy Xuyên, nhân dịp nghị viên Đỗ Phiên ghé Trà Kiệu, 150 đồng bào các vùng lân cận đã đến gặp bày tỏ nguyện vọng đòi giảm thuế điền thổ, giảm xâu công ích; tiểu thương, tiểu chủ làm đơn, lấy chữ ký

chống thuế môn bài, thuế khung cử quá nặng. Ở Điện Bàn, chị em tiểu thương đòi giảm thuế môn bài; bà con buôn bán ở chợ Đông Quang đòi chủ thầu phải niêm yết công khai biểu thuế và thu thuế đúng tỷ lệ. Ở Đại Lộc, ta vận động lý trưởng Trương Khoảnh và các lý trưởng khác đứng ra chống dự án tăng thuế. Ở Tam Kỳ, Nhân dân đến gặp nghị viên Nguyễn Quý Hương đưa nguyện vọng đòi sửa đổi lệ Thương chánh phạt thuốc lá, miễn thu thuế đối với số đất có diện tích thước đất lẻ trong trích lục, bỏ các loại thuế lò rèn, bông ép dầu, cắt tóc, trừng phạt bọn những lạm, sách nhiễu Nhân dân trong việc đo ruộng đất, đòi các lớp học thu nhận con em nông dân vào học...Tiêu biểu là cuộc đấu tranh của đồng bào Vạn Rỗi, xóm Cồn Sụp kéo dài hàng tuần phản đối bọn thầu thu thuế chợ quá nặng, đòi giảm thuế và chống thái độ hách dịch của viên thu thuế. Cuộc đấu tranh đạt kết quả thắng lợi, buộc chính quyền giảm thuế và thay đổi nhân viên thu thuế. Học sinh trường tiểu học Pháp - Việt (Tam Kỳ) đồng ký đơn đòi giảm thuế và gửi đi các nơi đề cổ động lấy chữ ký gửi lên Viện trưởng Viện Dân biểu Trung Kỳ Hoàng Văn Khải. Tại Tiên Phước, nhiều lý trưởng có tư tưởng tiến bộ cùng viết đơn gửi lên Viện Dân biểu. Riêng lá đơn của xã Thụy ở làng Cẩm Y đã có hơn 100 chữ ký của đại diện các tầng lớp Nhân dân.

Cùng với Quảng Nam, Thừa Thiên - Huế, cuộc đấu tranh chống dự án tăng thuế cũng nổ ra khắp các tỉnh miền Trung đã gây sức ép lên cuộc đấu tranh trên bàn nghị viện. Tại cuộc họp của Viện Dân biểu Trung Kỳ ngày 16 - 9 - 1938, được sự hỗ trợ của phong trào quần chúng và báo chí hợp pháp, nhất là sự ủng hộ của các nghị viên tiến bộ, đứng đầu là Viện trưởng, phó Viện trưởng Hoàng Văn Khải và Hoàng Đức Trạch. Phan Thanh đã tỏ rõ là một nghị viên xuất sắc của Mặt trận Dân chủ

Đông Dương. Với khả năng tiếng Pháp, với tài hùng biện, sự lập luận chặt chẽ, lôgic, Phan Thanh đã công khai chỉ trích, phê phán sự bất công của dự án tăng thuế, bênh vực lợi ích của Nhân dân. Các nhà báo dự họp nhất loạt vỗ tay tán thưởng Phan Thanh làm tên Khâm sứ Trung Kỳ bề mặt. Kết quả đa số nghị viên trong Viện Dân biểu Trung Kỳ đã nhất trí bác bỏ dự án tăng thuế của chính quyền thực dân và Nam triều, như báo France Annam đã đưa tin: “*Nghị án thuế, đa số nghị viện không tán thành*”.

Sau phiên họp ngày 16 - 9 - 1938, Phan Thanh được Viện Dân biểu Trung Kỳ cấp giấy phép để báo cáo thắng lợi chống dự án tăng thuế tại Đà Nẵng. Chính quyền thực dân cố tình ngăn cản, gây khó khăn, nhưng trước quần chúng đông đảo, buổi nói chuyện kết thúc vào lúc nửa đêm trong tiếng vỗ tay tán thưởng nhiệt liệt của những người tham dự. Phan Thanh là một trong hai dân biểu của Mặt trận Dân chủ Đông Dương giành được số phiếu cao nhất của Viện Dân biểu Trung Kỳ trong việc cử người vào Hội đồng kinh tế lý tài Đông Dương.

Cuộc đấu tranh thắng lợi bác bỏ dự án tăng thuế ở Viện Dân biểu Trung Kỳ đã có tiếng vang lớn, từ đó ảnh hưởng của Mặt trận Dân chủ Đông Dương đã tăng lên rất nhiều. Phát huy thắng lợi, tháng 10 - 1938, Tỉnh ủy và Mặt trận Dân chủ Đông Dương phát động quần chúng Nhân dân làm đơn, lấy chữ ký rộng rãi ở các phủ, huyện gửi lên Viện Dân biểu Trung Kỳ yêu cầu can thiệp hủy bỏ dự án thuế lần 2. Ở Điện Bàn, Nhân dân tham dự mít tinh kịch liệt phản đối và coi dự án thuế của bọn thực dân Pháp ở Trung Kỳ là dự án giết người. Nhân dân Quế Sơn, Tam Kỳ..., đồng loạt ký đơn đòi bỏ dự án tăng thuế. Nét nổi bật của cuộc đấu tranh lần này là không chỉ có sự tham gia

của đông đảo Nhân dân, mà còn có cả một số lý tưởng, chánh tông cùng ký tên, đóng dấu vào đơn chống thuế.

Cùng thời gian này, ở một số nơi, do tác động của sách báo công khai và ảnh hưởng của Mặt trận Dân chủ Đông Dương, quần chúng tự đứng ra tổ chức các nhóm biến tướng. Phủ, huyện nào có phong trào thì mỗi xã ít nhất cũng có một hay hai nhóm biến tướng, mỗi nhóm có từ 5 đến vài chục người. Một số nhóm có qui ước hoặc chương trình, điều lệ, có qui định họp thường kỳ. Có nhóm không hội họp, nhưng khi có việc thì trao đổi với cốt cán để phổ biến lại cho hội viên. Tên của nhóm thì thường là do tính chất sinh hoạt, công việc làm ăn mà gọi như vòng công, cứu hỏa, lương bằng, trợ tang, tương tế, đồng môn, hộ sinh, đồng dân, đồng canh, đọc sách, đi cò, đi tranh cũi, làm biển, nuôi heo, đi săn, xây giếng, đá bóng... Có những nhóm có dáng dấp riêng biệt: Đại Lộc có nhóm tắm sông buổi sáng, Hội An có hội hiếu học, Quế Sơn có hội chống cờ bạc, Tam Kỳ có hội trồng dương liễu... Hội viên lúc gặp khó khăn, tai nạn, nghèo túng có hội giúp đỡ công, của nên đỡ vay mượn tốn kém. Hội gây quỹ bằng lạc quyền, có nơi hội viên đi gặt lấy tiền công hoặc chung nhau lãnh ruộng hoang của làng cày cấy để gây quỹ. Sự hình thành các tổ chức biến tướng ở nông thôn là chỗ dựa quan trọng để Đảng và Mặt trận Dân chủ Đông Dương nắm lực lượng chính trị, làm hậu thuẫn cách mạng. Các cuộc lạc quyền giúp 360 gia đình bị cháy nhà ở Trà Kiệu, ủng hộ các cuộc đình công của thợ thuyền, gởi quà tặng tù chính trị ở Vĩnh Điện, Hội An, ủng hộ quỹ Đảng..., đều do các tổ chức biến tướng huy động hội viên đóng góp.

Phối hợp với các cuộc đấu tranh của công nhân, phong trào đấu tranh chống xâm thuế, chống cường hào hà hiếp, chống

cướp đoạt ruộng đất công, đòi cải cách xã hội, văn hóa ở nông thôn như đổi mới một số tục lệ cũ gây phiền hà, chi tiêu tốn kém, giảm ăn uống linh đình trong lễ cưới hỏi và việc cúng tế ở đình làng, miếu xóm..., của nông dân diễn ra sôi nổi ở Điện Bàn, Duy Xuyên, Quế Sơn. Đặc biệt có nơi Nhân dân còn sử dụng cả bạo lực cách mạng để chống lại chính quyền sở tại, ngay cả tri phủ Điện Bàn Phạm Như Phiên cũng bị nông dân Trà Nhiêu (Duy Xuyên) chặn đánh trong vụ kiện bọn hào lý chiếm đất bồi tại bãi Thanh Châu (Cẩm Thanh, Hội An) vào cuối năm 1938.

Đồng bào các dân tộc thiểu số ở miền núi phía tây Quảng Nam bỏ bản làng vào núi sâu, tổ chức đánh Tây. Năm 1938, tại Trà My, dưới sự chỉ huy của ông Điền, ông Đức¹, đồng bào tiếp tục nổi dậy hưởng ứng phong trào “*Nước Xu*”², hay “*Nước Xu đồng*”, tổ chức sôi nổi nhiều cuộc đánh Pháp. Tiêu biểu như ở làng Tu Du (xã Trà Cang hiện nay) của đồng bào Cadong, thủ lĩnh Xen Đung đã hướng dẫn người già, phụ nữ, trẻ em cắm chông, đặt bẫy, dựng chướng ngại vật quanh làng, đồng thời bố trí thanh niên phục kích tại Non Đoan, vì vậy khi thực dân Pháp mở cuộc hành quân càn quét vào làng, lập tức vấp phải sự chống trả quyết liệt của đồng bào, buộc chúng phải tháo chạy về đồn

1. Đây là 2 anh em ruột, cha là người Kinh (ông Quế), quê ở Quảng Ngãi, mẹ là người Xêđăng quê ở Non Dắt. 2 ông sinh ra và lớn lên ở quê mẹ, trong một gia đình rất giàu và có thế lực ở Non Dắt, sống và lao động theo phong tục, tập quán của người Xêđăng.

2. Những người tham gia phong trào này tin rằng nước phép do Sămbrăm - một người Chăm ở Tây Phú Yên, lấy từ con suối linh thiêng, mua bằng xu đồng, ai uống vào thì đạn Pháp bắn vào không thủng. Việc mua nước phép bằng xu đồng để tính số lượng người tham gia phong trào. Năm 1937, phong trào “*Nước xu*” lan ra nhiều tỉnh ở Tây Nguyên, hai anh em ông Điền, ông Đức lên Kon Tum liên hệ với Kay Riêm, Kay Tum đổi “*Nước xu*” về bán lại cho Nhân dân trong vùng, từ đó đẩy lên phong trào chống Pháp sôi nổi ở Trà My.

Trà My. Cùng thời gian này, đồng bào tổ chức mai phục tại Dốc Dược, đánh bại một cánh quân khác của địch, một số tên bị tiêu diệt tại chỗ, trong đó có 1 tên sĩ quan chỉ huy Pháp, quân địch phải bỏ dở cuộc hành quân, tạm lui về Nước Xa. Chiến thắng Dốc Dược (1938) là một chiến công lớn của phong trào “*Nước Xu*” ở Trà My, có ý nghĩa lịch sử lớn, bước đầu làm phá sản kế hoạch mở rộng địa bàn chiếm đóng lên vùng cao của địch, củng cố niềm tin của đồng bào các dân tộc thiểu số vào khả năng đánh thắng thực dân Pháp bằng vũ khí thô sơ. Tại Nam Giang, cuối tháng 2-1939, được tin tên Lơpixon - một sĩ quan Pháp chỉ huy dẫn 20 lính khố xanh càn quét lên Laêê. Nhóm thanh niên làng Hhngoh do Trgia đứng đầu đã chọn khu vực núi Conconeng để xây dựng trận địa phục kích đánh địch. Ở đây địa thế rất hiểm trở, địch phải vượt qua nhiều ghềnh đá cheo leo mới đến được Laêê. 10 giờ sáng, địch lọt vào trận địa phục kích của ta, Trgia cùng đồng đội từ trong các hốc đá, dùng ná bắn tên tẩm thuốc độc tấn công địch. Cuộc chiến đấu anh dũng của Trgia và những thanh niên yêu tự do của núi rừng Nam Giang đã giành được thắng lợi rất quan trọng, tiêu diệt và làm bị thương 5 tên, buộc chúng phải bỏ dở cuộc càn quét. Sau trận này, uy tín của Trgia được lan rộng đến vùng Đakchung của Lào, 13 bản làng với trên 1.000 dân theo Trgia về Paná làm lễ ăn mừng chiến thắng, thành lập làng đoàn kết chống giặc Pháp.

Tháng 5 - 1939, nhân cơ hội thực dân Pháp mở hội chợ ở Hội An, Tỉnh ủy chỉ đạo tổ chức một gian hàng đặc biệt tại hội chợ để cổ động, phát huy thanh thế cách mạng ra khắp các phủ huyện, nhằm tiến tới thành lập các đoàn thể công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ ở cấp tỉnh. Ban chấp hành nghiệp đoàn và Đoàn Thanh niên Dân chủ Hội An mua mặt bằng, bố trí

người thu gom hàng, trang trí và đứng bán hàng. Do khéo trang trí, “gian hàng đặc biệt” của cách mạng nổi bật hơn các gian hàng khác, thu hút sự chú ý của nhiều người. Các mặt hàng như khăn, gối đều được thêu nổi các dòng chữ “*đả đảo cường quyền*”, “*đả đảo chiến tranh*”, “*ủng hộ hòa bình*”, “*thực hiện dân chủ bình đẳng*”... Những chiếc bánh tổ có in đậm những dòng chữ “*đoàn kết*” “*thân ái*”, “*tự do*”, “*dân chủ*”, “*hạnh phúc*”... Khách hội chợ gồm dân Hội An, Duy Xuyên, Điện Bàn, Thăng Bình, Quế Sơn..., tập trung đến xem rất đông và mua quà lưu niệm, qua đó ta đã tuyên truyền sâu rộng chủ trương, đường lối của Đảng đến với quần chúng.

Phát hiện có dấu hiệu tuyên truyền cách mạng tại gian hàng của ta, ngay lập tức bọn mật thám đến tịch thu hàng hóa trưng bày. Tuy “*gian hàng đặc biệt*” chỉ tồn tại một thời gian ngắn song để lại ấn tượng sâu sắc trong dư luận về đường lối của Mặt trận Dân chủ Đông Dương.

Cũng trong tháng 5 - 1939, được tin Phan Thanh tù trần. Theo chủ trương của Đảng, các chi bộ Đảng, Đoàn Thanh niên dân chủ, Công hội, Nông hội, Hội Phụ nữ dân chủ, Cứu tế bình dân cùng các tổ chức biến tướng vận động các tầng lớp Nhân dân tham gia lễ truy điệu nhà trí thức cách mạng. Trưa ngày 29 - 5 - 1939, trên quê hương Phan Thanh đã có trên 300 người dân tập trung về chợ Bảo An (Điện Bàn) để dự lễ. Tưởng niệm Phan Thanh, Tỉnh ủy có những vần thơ đối trang trọng:

Là nghị viên đặc lực

Là chiến sĩ tận tâm,

Trang sử tương lai

Tên bạn viết to hàng chữ trước.

*Vì hạnh phúc hoà bình,
Vì lợi quyền dân chúng,
Con đường tranh đấu
Hôn anh nâng mạnh bước người sau.*

Đọc những vần thơ ấy, mọi người xúc động nghĩ đến người chiến sĩ tài năng, dũng cảm, đức độ đã không còn nữa. Lễ truy điệu Phan Thanh còn được tổ chức ở Tam Kỳ, Đà Nẵng. Riêng ở Tam Kỳ, ngoài việc huy động 30 người ra dự lễ truy điệu ở Điện Bàn, còn tổ chức lễ truy điệu Phan Thanh tại các điểm bãi Bà Tình, Xuân Quang (nay thuộc huyện Núi Thành), Quảng Phú, Xóm Rỗi, Cồn Súp (Tam Kỳ), mỗi nơi có hàng trăm người dân đeo sắn băng tang đến dự lễ.

Phan Thanh mất, trên mặt trận đấu tranh công khai, hợp pháp, Đảng mất đi một nhân vật tiêu biểu cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương. Để bù đắp sự tổn thất này, Đảng quyết định đưa Đặng Thai Mai - một trí thức lớn, con cụ Đặng Thái Thân - một nhà yêu nước nổi tiếng đã bị địch bắt và đem chém ở Vinh vào Quảng Nam ứng cử vào Viện Dân biểu Trung Kỳ để thay Phan Thanh. Cũng vào thời gian này, tên Khâm sứ Pháp ở Trung Kỳ chỉ thị cho Tổng đốc Ngô Đình Khôi đưa Lê Huân ra tranh cử và bằng mọi cách phải làm cho Đặng Thai Mai thất cử. Nhân dân Quảng Nam đã dùng vé, tuồng để cổ vũ, vận động bầu cho những người được Đảng và Mặt trận Dân chủ Đông Dương giới thiệu. Kết quả, Đặng Thai Mai đắc cử một cách vẻ vang, với số phiếu nhiều hơn dự kiến. Báo “*Đời Nay*” xuất bản ở Hà Nội (số 33 ra ngày 3 đến ngày 10 - 8 - 1939) đưa tin về cuộc bầu cử nghị viên thay thế Phan Thanh ở Quảng Nam: “*Mười giờ sáng ngày 31- 7 - 1939, chúng tôi nhận được bức điện của anh em Tourane (Đà Nẵng) đánh ra như sau: Mặc dù bị đàn áp, nhờ có sự giác*

ngộ chính trị rất cao của cử tri, đồng chí Đặng Thai Mai của chúng ta trúng cử thay anh Phan Thanh 884 phiếu, chống với 708 phiếu của Candidat (Căng-đi-đa) ứng cử viên Chính phủ. Cuộc tuyển cử hết sức gay go, cảm động vô cùng”. Sự kiện này là một thắng lợi của Mặt trận Dân chủ Đông Dương dưới sự lãnh đạo của Đảng trên đất Quảng Nam.

Cho thấy thời kỳ 1936 - 1939, dưới sự lãnh đạo của Đảng, thông qua chương trình của Mặt trận Dân chủ Đông Dương, phong trào dân chủ ở Quảng Nam không chỉ diễn ra sôi nổi ở thành thị mà cả ở nông thôn, có tác dụng cách mạng hóa quần chúng từ thấp đến cao. Các cuộc vận động của Đảng và Mặt trận Dân chủ Đông Dương đều được đông đảo các tầng lớp Nhân dân hưởng ứng, tham gia cả bí mật lẫn công khai, kết hợp giữa đấu tranh trực diện ở nghị trường với phong trào ở khắp các phủ huyện, xã, góp phần tạo ra khí thế mới và trận địa mới cho cao trào cứu nước lớn trong những năm tiếp theo, chuẩn bị giành chính quyền.

III. MẶT TRẬN THỐNG NHẤT DÂN TỘC PHẢN ĐỐI ĐÔNG DƯƠNG VÀ MẶT TRẬN VIỆT MINH TỈNH QUẢNG NAM TRONG CUỘC VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1939 - 1945)

1. Thực hiện chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, sách lược cách mạng của Đảng, xúc tiến thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế Đông Dương, đẩy mạnh các phong trào cách mạng của quần chúng (1939 - 1941)

Ngày 1-9-1939, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Chính phủ cánh tả ở Pháp đổ, bọn tư bản phản động Pháp ra lệnh giải tán Đảng Cộng sản Pháp. Ngày 28 - 9 - 1939, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định giải tán các tổ chức ái hữu, thi

hành chính sách thời chiến trên toàn Đông Dương. Tiếp đến, ngày 5 - 10 - 1939, vua Bảo Đại ban hành Dụ cấm dân hội họp, tuyên truyền cộng sản. Các sự kiện đó đã tác động trực tiếp đến tình hình Đông Dương.

Thực dân Pháp một mặt thi hành chính sách thời chiến, trắng trợn phát xít hoá bộ máy thống trị, chĩa mũi nhọn vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Hàng ngàn vụ khám xét, bắt bớ đã diễn ra khắp nơi, lệnh “*tổng động viên*” được ban bố cùng với chính sách “*kinh tế chỉ huy*” được thi hành nhằm tăng cường vơ vét sức người, sức của ở thuộc địa để cung ứng cho cuộc chiến tranh đế quốc. Chính sách phản động trên của thực dân Pháp đã đẩy Nhân dân ta vào cảnh sống ngột ngạt về chính trị, bần cùng về kinh tế. Mâu thuẫn giữa dân tộc ta với đế quốc Pháp và tay sai càng trở nên gay gắt hơn.

Trong bối cảnh đó, từ ngày 6 đến ngày 8 - 11 - 1939, Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, họp tại Bà Điểm (huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh ngày nay) đã phân tích diễn biến chiến tranh, tình cảnh các giai cấp, tầng lớp Nhân dân Đông Dương, từ đó xác định mục tiêu chiến lược trước mắt của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc ở Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Đây là sự chuyển hướng quan trọng nhất về chỉ đạo chiến lược. Để phù hợp với sự chuyển hướng đó, khẩu hiệu cách mạng cũng thay đổi. Hội nghị chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất và đề ra khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc, chống tô cao, chống lãi nặng. Khẩu hiệu lập chính quyền Xô viết công, nông, binh được thay thế bằng khẩu hiệu lập chính quyền dân chủ cộng hòa.

Về phương pháp cách mạng, chuyển từ đấu tranh đòi quyền dân sinh, dân chủ sang đấu tranh trực tiếp đánh đổ chính quyền của đế quốc và tay sai; từ hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật và bất hợp pháp.

Để tập trung mọi lực lượng của dân tộc vào nhiệm vụ chủ yếu là chống chiến tranh đế quốc và ách thống trị phát xít thuộc địa, Đảng Cộng sản Đông Dương chủ trương thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương không còn phù hợp trong tình hình và nhiệm vụ mới.

Lực lượng tham gia Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế Đông Dương bao gồm tất cả các giai cấp, các đảng phái, các phần tử phản đế muốn giải phóng dân tộc, thực hiện Đông Dương hoàn toàn độc lập với quyền dân tộc tự quyết. Lực lượng đó bao gồm công nhân, nông dân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc, trung, tiểu địa chủ. Hội nghị nhấn mạnh hai nhân tố cơ bản của Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế Đông Dương là công nông là lực lượng chính và do giai cấp công nhân lãnh đạo. *“Sự đồng minh chặt chẽ của công nông là vấn đề sống chết của cách mệnh”*¹.

Tuy nhiên, chủ trương mới của Đảng vừa phổ biến đến một số cán bộ chủ chốt trong Tỉnh ủy Quảng Nam, nhưng chưa kịp chuẩn bị thì thực dân Pháp điên cuồng đàn áp cách mạng, các tổ chức cơ sở Đảng trong tỉnh bị vỡ, hầu hết Tỉnh ủy viên bị sa vào tay giặc. Các tổ chức thành viên của Mặt trận như Đoàn Thanh niên dân chủ, Công hội, Nông hội, Hội Phụ nữ dân chủ, Cứu tế bình dân cùng các tổ chức biến tướng, mặc dù đã phát triển thêm được một số cơ sở, nhưng vẫn hoạt động theo

1. *Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập*, Nxb. Giáo dục, trang 806.

phương châm cũ, lúng túng chưa biết cách chuyển hướng tổ chức và hoạt động, nên địch tập trung bắt bớ gây bể vỡ ở một số nơi. Mặt khác, chúng bắt hàng ngàn thanh niên trong tỉnh đưa đi tập luyện cấp tốc ở Chiêm Sơn (Duy Xuyên) rồi đưa sang Pháp làm lính phục vụ chiến tranh; bắt Nhân dân bán dầu, bán lúa với giá rẻ mạt, quy định mỗi gia đình chỉ để lại lúa gạo đủ ăn, còn thừa thì phải bán cho chúng. Các sắc thuế cũ tăng lên rất cao. Ngoài ra, người dân còn phải chịu thuế cư trú, thuế đảm phụ quốc phòng và hàng chục thứ thuế mới. Thêm vào đó, nạn đầu cơ, lạm phát hoành hành, giá cả tăng vọt..., làm cho đời sống các tầng lớp Nhân dân, nhất là nông dân lâm vào cảnh bần cùng, điêu đứng, do đó Nhân dân càng căm ghét đế quốc, phong kiến, hướng về cách mạng.

Ngày 6 - 1 - 1940, chính quyền thống trị mở phiên toà xét xử cộng sản. Ngay tại vảnh móng ngựa của toà án thực dân cũng là nơi đề các chiến sĩ cộng sản thể hiện tư tưởng, hành động yêu nước và tiến công địch về mặt tư tưởng. Tại phiên toà xét xử của thực dân, phong kiến ở Quảng Nam, những người cộng sản bị kết án là *“đã lập hội kín lật đổ chính phủ”*. Khi trả lời câu hỏi của viên chánh án *“Có người nào xin ân giảm không?”*, ông Trần Tổng dũng dạc: *“Là người dân mất nước, mất tự do, chúng tôi phải tổ chức lực lượng cách mạng để giành lại độc lập cho dân tộc. Là những chiến sĩ yêu nước, chúng tôi chẳng có tội tình gì cả, nên chẳng cần phải van xin ai cả! Chính các ông và triều đình Huế làm tay sai cho Pháp mới là kẻ có tội! Đảng Cộng sản kiên quyết đánh đổ chế độ các ông!”*.

Và ngay tại phiên toà, các chiến sĩ cộng sản đồng thanh hát vang bài ca cách mạng đã được chuẩn bị trước trong nhà lao:

*“Guom mài đi, phát cò lên!
Đồng tâm công nông ta ra sức
Mau xông tới cướp lấy chính quyền!
Cùng nhau ta lướt tới xung phong
Mau, mau, mau!”*

Tiếng hát đã làm cho trên 200 đồng bào tham dự phiên toà hết sức phấn khởi, đồng thời có tác dụng cổ vũ đông đảo Nhân dân trong tỉnh hướng về đường lối giải phóng dân tộc của Đảng.

Tháng 3 - 1940, Tỉnh ủy lâm thời Quảng Nam được lập lại do ông Võ Toàn (Võ Chí Công) làm Bí thư. Tháng 10 - 1940, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng được tổ chức tại chùa Hang, phủ Tam Kỳ, bầu Ban Chấp hành Đảng bộ chính thức do ông Hồ Ty làm Bí thư. Trên cơ sở tiếp thu đường lối giải phóng dân tộc của Trung ương, Hội nghị đã đề ra một số nhiệm vụ trước mắt: Quán triệt nhiệm vụ hàng đầu là giải phóng dân tộc, củng cố tổ chức Đảng, đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên mới, ra tờ báo “*Khởi Nghĩa*” để đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục quần chúng, hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (11 - 1940). Đối với các tổ chức quần chúng, Hội nghị quyết định chuyển tất cả thành Hội Phản đế, ra sức phát triển hội viên. Hội nghị Chùa Hang là một cột mốc quan trọng của Quảng Nam trên đường đi đến thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945.

Sau hội nghị Chùa Hang, tờ báo “*Khởi Nghĩa*” ra được hai số, được phân phát tận cơ sở. Nhiều hình thức động viên quần chúng chống đế quốc, giành độc lập dân tộc được phát động mạnh mẽ. Ở Tam Kỳ có tranh cổ động vẽ hình công nhân và nông dân cùng ra sức đập vỡ xích xiềng đế quốc. Các tổ chức quần chúng có điều kiện phát triển mạnh mẽ hơn. Hội

Công nhân phản đế tổ chức thành từng nhóm nhỏ gồm những cá nhân tích cực, cùng ngành nghề để tiện việc truyền đạt và đối phó kịp thời khi có báo động trong công nhân khuân vác, công nhân hỏa xa... Hội Nông dân phản đế đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, xây dựng tổ chức bí mật, lựa chọn những hội viên và quần chúng tích cực để giới thiệu vào Đảng. Ngày 1 - 5 - 1940, Hội Nông dân phản đế Tam Kỳ bí mật vận động nông dân đến dự kỷ niệm ngày Quốc tế Lao động. Tháng 8 - 1940, Hội Nông dân phản đế Điện Bàn vận động hơn 100 nông dân hợp pháp đi viếng cảnh chùa Non Nước, nhân đó tổ chức mít tinh tuyên truyền về cách mạng. Đoàn Thanh niên phản đế ở Tam Kỳ vận động thanh niên tổ chức đám cưới theo nếp sống mới, qua mừng cô dâu chú rể có dòng chữ “*Chung tât biển Đông*”... Phong trào phụ nữ một số nơi được củng cố, phát triển, số hội viên nữ và chị em cảm tình cách mạng ngày càng đông hơn nhưng chưa được đều khắp. Đặc biệt, tại tổng Thuận An (Quế Sơn), thời gian này ta đã thành lập được Hội Phụ nữ phản đế...

Tuy nhiên, trong lúc phong trào cách mạng đang dần hồi phục thì tháng 9 - 1940, Nhật kéo vào Lạng Sơn, thực dân Pháp thoả hiệp với phát xít Nhật cùng thống trị Đông Dương, Nhân dân ta phải chịu cảnh một cổ hai tròng, nhất là nông dân họ bị tước đoạt đến hạt gạo mà họ năm nắng, mười sương mới kiếm được, hay mảnh vải mà họ phải thức khuya dậy sớm để dệt thành, họ sống cầm hơi với hóp cháo nhạt và trần mình chịu rét lúc đêm đông.

Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương lâm thời được triệu tập từ ngày 6 đến ngày 9 - 11 - 1940 tại làng Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đã tập trung làm

sáng tỏ những nội dung, nguyên tắc cơ bản và phương thức tổ chức, hoạt động của Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế Đông Dương và các tổ chức đoàn thể quần chúng. Phê phán, uốn nắn những thiếu sót, khuyết điểm trong công tác tổ chức, vận động quần chúng. Hội nghị chỉ rõ: Một số nơi sao nhãng tổ chức Công hội, Nông hội hoặc chỉ chú trọng lập các hội phản đế cứu quốc nhưng lại chưa thành lập được Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế. Hội nghị khẳng định lại nguyên tắc căn bản để thành lập Mặt trận: Sự liên minh của công nông là xương sống của Mặt trận, do đó Công hội và Nông hội cần phải mở rộng. Cùng với Đảng, các tổ chức ấy phải làm cơ sở cho Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế.

Chiến thuật của Đảng là tập trung mọi lực lượng phản đế, phản phong ở Đông Dương thành một Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế để đánh đổ bọn đế quốc và các hạng tay sai của chúng. *“Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế là sự liên minh giữa các lực lượng cách mạng phản đế không phân biệt giai cấp, đảng phái, dân tộc, tôn giáo với mục đích là thực hiện thống nhất hành động giữa các lực lượng ấy đặng tranh đấu tiến lên vũ trang bạo động đánh đổ đế quốc Pháp - Nhật và các lực lượng phản động ngoại xâm, diệt trừ phong kiến và các hạng phản bội quyền lợi dân tộc, làm cho Đông Dương được hoàn toàn giải phóng”*¹.

Về cơ cấu, thành phần của Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế bao gồm: Đảng Cộng sản Đông Dương, các hội phản đế và các đội tự vệ. Nơi nào có ba đoàn thể phản đế trở lên là nơi ấy phải thành lập Ủy ban Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế của địa phương ấy.

1. Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập, trang 808 - 809.

Cùng với việc chỉ rõ phương thức lãnh đạo của Đảng và phương pháp tuyên truyền, cổ động của Mặt trận, Hội nghị nêu rõ: Muốn thực hiện Mặt trận và mở rộng nó không gì bằng tổ chức những cuộc liên hiệp hành động, liên hiệp tranh đấu giữa các đoàn thể trong Mặt trận; đồng thời, thực hiện sự liên hiệp giữa Mặt trận Phản đế Đông Dương với Mặt trận kháng Nhật của Trung Quốc, trước hết phải giúp cho Hoa kiều thống nhất các đoàn thể kháng Nhật lại.

Về vai trò và sứ mệnh lịch sử của Mặt trận, Hội nghị nhấn mạnh: Trong giờ tranh đấu quyết liệt, Mặt trận phải trực tiếp võ trang cho dân chúng, cùng Đảng tổ chức Nhân dân cách mạng, trực tiếp tham gia điều khiển bạo động. Khi nào xứ Đông Dương hoàn toàn độc lập, khi nào thành lập Chính phủ Cộng hòa... thì nhiệm vụ của Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế sẽ hết, Mặt trận sẽ giải tán¹.

Tinh thần của Hội nghị Trung ương lần thứ 7 đến với Quảng Nam trong bối cảnh Pháp - Nhật đang cấu kết chặt chẽ để cai trị Nhân dân ta, tăng cường khủng bố cách mạng. Tại Quảng Nam - Đà Nẵng, Pháp vơ vét rất nhiều nguyên liệu dầu để cung cấp cho phát xít Nhật ở Hải Phòng. Đồng bạc Đông Dương bị phá giá. 1 kg thóc chỉ bán được 1 đồng trong khi phải mua 1 thước vải 13 đồng. Nhiều hiệu buôn ở Đà Nẵng, Hội An phải đóng cửa vì thua lỗ. Quân Nhật đóng giữ sân bay, hải cảng Đà Nẵng và các đường giao thông chiến lược quan trọng ở Quảng Nam. Nhật đóng quân ở cầu Vòng (Đà Nẵng), ở

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập 1 (1930 - 1954), trang 260, 261, 262. Tuy nhiên, xưa nay trong các tài liệu hầu hết các nhà nghiên cứu đều gọi tổ chức *Mặt trận Thống nhất Dân tộc Phản đế Đông Dương (11-1939)* và tổ chức *Mặt trận Dân tộc Thống nhất Phản đế (11-1940)* bằng một tên chung (gọi tắt) là *Mặt trận Phản đế Đông Dương*.

cầu Chợ Cui trên đường quốc lộ 1, ở Hà Tân trên đường số 14 (Đại Lộc). Vừa mở rộng sân bay Đà Nẵng, phát xít Nhật vừa xúc tiến việc làm sân bay mới ở các xã Thanh Quýt, Hà Thanh, Bích Trâm, La Thọ (xã Điện Thắng, Điện Hòa hiện nay). Dân đi làm xây, xây dựng sân bay bị phát xít Nhật hành hạ, đánh đập, có người bị thương tật hoặc phải bỏ mạng. Nơi Nhật xây dựng sân bay, dân bị mất ruộng vườn, phải dời mồ mả của cha ông đi nơi khác...

Để xây dựng căn cứ quân sự, phát xít Nhật bắt dân phải đi xây mỗi tháng 10 ngày, khi đi phải mang theo dụng cụ riêng, mỗi ngày chỉ được trả 3 chén gạo. Thời gian làm việc từ tờ mờ sáng đến lúc mặt trời lặn mới về. Chúng bắt lý trưởng đến từng xóm, từng nhà để huy động cho đủ số lượng. Ai không đi được phải nộp tiền, nếu không thì bị đánh đập rất dã man. Những tên phát xít Nhật ở Hà Thanh, Bích Trâm, La Thọ khác nhau về diện mạo, nhưng tên nào cũng độc ác cả. Có một tên quan ba mà dân gọi là *Nhược gọng bừa* đánh dân rất ác, mỗi khi đánh xong nó lại bắt dân ngồi phơi ngoài nắng, đồng thời cho lính lùng sục cướp bóc tài sản của dân. Tên quan năm Nhật (đại tá) chỉ huy việc xây dựng căn cứ, có trụ sở đặt tại Thanh Quýt là một tên hám gái, đã nhần tâm bắt một ông nhà giàu phải gả cô gái đẹp nhất làng cho hắn.

Đối với tổ chức Đảng, để tránh sự khủng bố, truy lùng của địch, cơ quan chỉ đạo của Tỉnh ủy phải di chuyển liên tục từ Tam Kỳ ra Thăng Bình, lên Quế Sơn; dựa vào vùng núi Nghi Sơn, Nghi Hạ, Nghi Trung (Quế Sơn), qua núi Hòn Tàu đến Phú Nham Tây (Duy Xuyên) làm căn cứ đóng cơ quan, in tài liệu, ra báo chí. Các vị Tỉnh ủy viên đều thoát ly gia đình, phụ trách công tác xây dựng cơ sở ở các phủ huyện, tập trung kiện toàn các Phủ ủy, Huyện ủy, các tổ chức quần chúng. Trong tình

hình đó Mặt trận Dân tộc Thống nhất Phản đế các cấp ở Quảng Nam chưa thể hình thành, ngay cả các Hội phản đế đến tháng 1- 1941 mới thật sự được tăng cường củng cố, bổ sung nhiều hội viên mới, làm nòng cốt cho các cuộc đấu tranh chống đế quốc, phong kiến bóc lột.

2. Mặt trận Việt Minh tỉnh Quảng Nam và hoạt động của các Hội Cứu quốc trong thời kỳ 1941 - 1945

Chiến tranh thế giới thứ hai ngày càng lan rộng và trở nên khốc liệt. Trước tình hình đó, Nguyễn Ái Quốc quyết định trở về nước, trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng. Ngày 28 - 1 - 1941, Người về nước. Sau một thời gian chuẩn bị, Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Pác Bó (Cao Bằng) từ ngày 10 đến ngày 19 - 5 - 1941. Hội nghị đã hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, sách lược của cách mạng Việt Nam đã được đề ra từ Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 (11 - 1939), khẳng định giải phóng dân tộc là nhiệm vụ trên hết, trước hết của cách mạng. Bởi lẽ, *“Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”*¹. Hội nghị đã quyết định thành lập Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh), thay cho Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế Đông Dương.

Hội nghị nhấn mạnh sự cần thiết phải thay đổi tổ chức và phương thức vận động của Mặt trận, Nghị quyết chỉ rõ: *“Phải vận dụng một phương pháp hiệu triệu hết sức thống thiết làm*

1. Văn kiện Đảng toàn tập, tập 7, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2000, trang 113.

sao đánh thức được tinh thần dân tộc xưa nay trong Nhân dân, cho nên Mặt trận hiệu triệu của Đảng ta hiện nay không thể gọi như trước là Mặt trận Dân tộc Thống nhất phản đế Đông Dương mà phải đổi ra cái tên khác cho có tính chất dân tộc hơn, cho có một mãnh lực để hiệu triệu hơn và nhất là có thể thực hiện được trong tình thế hiện tại”¹.

Mặt trận Việt Minh lấy lá cờ đỏ có ngôi sao vàng năm cánh làm huy hiệu, khẩu hiệu chính của Mặt trận Việt Minh là: Phản Pháp - kháng Nhật - liên Hoa - độc lập. Về cách thức tổ chức, Mặt trận Việt Minh lấy làng, đường phố, nhà máy làm cơ sở. Để Mặt trận Việt Minh thực sự đóng vai trò quan trọng, thiết thực trong sự nghiệp cứu nước, Nghị quyết nhấn mạnh: *“Việc tổ chức Mặt trận không phải chú trọng trên hình thức và lý thuyết của sự thống nhất mà có giá trị và hiệu quả hơn cả là căn cứ vào sự hành động chung của các đoàn thể cứu quốc”².*

Cùng ngày, Việt Minh công bố Chương trình cứu nước gồm 44 điểm, là một hệ thống các chính sách về chính trị, kinh tế, văn hóa và những chính sách cụ thể đối với các tầng lớp công nhân, nông dân, binh lính, công chức, học sinh, phụ nữ, thiếu nhi, người già và kẻ tàn tật, tư sản, địa chủ, nhà buôn. Chương trình này sau được đúc kết lại thành 10 chính sách lớn, nhằm hiệu triệu toàn dân giương cao cờ đỏ sao vàng, đánh Pháp, đuổi Nhật, cứu nước, giữ nhà; kêu gọi toàn dân hãy phấn đấu tự cường, tự lực cánh sinh, vì *“việc giải phóng của ta phải do ta làm”*. Chủ trương cứu nước của Việt Minh *“cốt thực hiện 2 điều mà toàn thể đồng bào mong ước:*

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập 1 (1930 - 1954), trang 279.

2. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập 1 (1930 - 1954), trang 280.

1. *Làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập.*
2. *Làm cho dân Việt Nam được sung sướng tự do*¹.

Theo Chương trình Việt Minh, Nguyễn Ái Quốc đã soạn bài thơ *Mười chính sách của Việt Minh*, được Bộ Tuyên truyền Việt Minh xuất bản và giới thiệu rộng rãi. Đánh giá về sự ra đời và nội dung Chương trình cứu nước của Việt Minh, sau này Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận xét: *“Cái tên Việt Nam độc lập đồng minh rất rõ rệt, thiết thực và hợp với nguyện vọng của toàn dân”*. Thêm vào đó, chương trình đơn giản, thiết thực mà đầy đủ của Mặt trận gồm 10 điểm như bài ca tuyên truyền đã kể:

“Có mười chính sách bày ra

Một là ích nước hai là lợi dân...”

“Mười điểm ấy gồm những điểm chung cho toàn dân tộc và những điểm đấu tranh cho quyền lợi của công nhân, nông dân và mọi tầng lớp Nhân dân; vì thế Việt Minh được Nhân dân nhiệt liệt hoan nghênh và cũng do cán bộ rất cố gắng đi sát với dân, cho nên Việt Minh phát triển mau và rất mạnh”. “Bản chương trình Việt Minh là một ngôi sao chiếu sáng cho đồng bào tiến tới cõi vinh quang”, “Chỉ có Chương trình cứu nước của Việt Minh mới đoàn kết được tất cả các giới đồng bào đang mau giải phóng cho Tổ quốc khỏi ách Nhật - Pháp”, “Làm cho nước Việt Nam sau này thành một nước dân chủ mạnh mẽ, văn minh và tiến bộ, mang lại độc lập, tự do thực sự, cơm áo đầy đủ cho Nhân dân”.

5 tháng sau, Mặt trận Việt Minh công bố Tuyên ngôn, Chương trình và Điều lệ, nói rõ tôn chỉ, mục đích của mình: *“Liên hiệp tất cả các tầng lớp Nhân dân, các đảng phái cách*

1. Văn kiện Đảng toàn tập, trang 446.

mạng, các đoàn thể dân chúng yêu nước, đang cùng nhau đánh đuổi Nhật - Pháp, làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập, dựng lên một nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”¹. Tôn chỉ đó đã quy định điều kiện gia nhập Mặt trận Việt Minh: “Việt Minh kết nạp từng đoàn thể, không cứ đảng phái, đoàn thể nào của người Việt Nam hay của các dân tộc thiểu số sống trong nước Việt Nam, không phân biệt giai cấp, tôn giáo và xu hướng chính trị, hễ thừa nhận mục đích, tôn chỉ và chương trình của Việt Minh và được Tổng bộ Việt Minh thông qua, thời được gia nhập Việt Minh”².

Về hệ thống tổ chức, ở các xã có Ban Chấp hành Việt Minh do các đoàn thể Việt Minh ở làng hay xã cử ra; tổng, huyện (hay phủ, châu, quận), tỉnh, kỳ có Ban Chấp ủy Việt Minh tương ứng; Việt Minh toàn quốc có Tổng bộ. Phương pháp tổ chức các hội quần chúng rất mềm dẻo, thích hợp từng lúc, từng nơi. Ngoài những đoàn thể có tính chất chính trị, cách mạng rõ rệt như Hội Nông dân cứu quốc, Hội Công nhân cứu quốc, Hội Thanh niên cứu quốc, Hội Phụ nữ cứu quốc...; còn có những đoàn thể không có điều lệ, hoạt động công khai, bán công khai như Hội Cứu tế thất nghiệp, Hội Tương tế, Hội Hiếu hỷ, phường bạn, nhóm học Quốc ngữ, nhóm đọc sách, xem báo... Đó là những bậc thang đưa quần chúng từng bước lên các tổ chức cứu quốc. Chỉ thị về công tác của Ban Chấp hành Trung ương ngày 1 - 12 - 1941 chỉ rõ: “Cần phải chú ý là không nên dùng phương pháp Đảng mà tổ chức quần chúng, vì Đảng là một tổ chức gồm những phần tử giác ngộ nhất, hăng hái, trung thành nhất, hoạt động nhất của vô sản giai cấp. Tổ chức của

1. Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập, trang 815.

2. Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập, trang 815.

Đảng cần phải chặt chẽ và nghiêm ngặt. Còn những tổ chức quần chúng cần phải rộng rãi, nhẹ nhàng”¹.

Trong quan hệ với Mặt trận Việt Minh, Đảng xác định: “*Đảng ta cũng là một bộ phận trong Mặt trận phản đế Đông Dương, bộ phận trung kiên và lãnh đạo*”², là “*một bộ phận linh động nhất trong Mặt trận Dân tộc Thống nhất chống Nhật - Pháp*”³. Tuy nhiên, trong Mặt trận Việt Minh không chỉ có Đảng Cộng sản Đông Dương, các đoàn thể quần chúng cứu quốc, mà còn có các đảng phái cách mạng khác của người Việt Nam. Đảng phải góp phần vào việc nâng cao uy tín của Mặt trận Việt Minh.

Sau khi Mặt trận Việt Minh ra đời, những chủ trương, nghị quyết của Đảng nhằm xây dựng lực lượng cách mạng đều được quán triệt trong các văn kiện của Mặt trận Việt Minh và trong thực tiễn hoạt động cách mạng thì “*toàn bộ phong trào chống phát xít Pháp - Nhật của Nhân dân ta mang tên là phong trào Việt Minh, cái tên tiêu biểu cho lòng yêu nước, chí quật cường của dân tộc ta*”⁴.

Tháng 10 - 1941, Lê Chương với trách nhiệm Bí thư Xứ ủy đã tham gia Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Nam được tổ chức tại Quế Sơn. Hội nghị đã tiếp thu nghị quyết của Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8, do Xứ ủy Trung Kỳ trực tiếp truyền đạt. Đồng thời quyết định một số vấn đề quan trọng, chuyển các tổ chức quần chúng phản đế, chưa phản đế thành các đoàn thể cứu quốc; đẩy mạnh tuyên truyền, thu hút đông đảo các tầng lớp

1. *Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập*, trang 816.

2. *Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập*, trang 816.

3. *Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập*, trang 816.

4. Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, *Cách mạng tháng Tám (1945)*, Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1971, trang 27.

Nhân dân vào các đoàn thể cứu quốc; xây dựng đội tự vệ, du kích, tổ chức huấn luyện quân sự, rèn sắm vũ khí, xúc tiến việc thanh lập các chiến khu, chuẩn bị mọi điều kiện để đón thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền; kết hợp mục tiêu giải phóng dân tộc với việc lãnh đạo quần chúng đấu tranh giành các quyền lợi hàng ngày như chống khủng bố, cướp bóc, chống quốc trái, lạc quyền, bắt xâu, bắt lính...; thành lập Mặt trận Việt Minh tỉnh do Bí thư Tỉnh ủy Trương Hoàn làm Chủ nhiệm, nhằm tập hợp đông đảo các tầng lớp Nhân dân, các tôn giáo, đảng phái hướng vào một mục tiêu chung là đánh đổ đế quốc Pháp - Nhật, giải phóng dân tộc.

Sau hội nghị này, phong trào cách mạng Quảng Nam phát triển rất nhanh. Ở tất cả các phủ huyện đều có cơ sở Đảng, các hội Cứu quốc. Báo *Bể xiềng sắt* của Trung ương, báo *Cứu quốc* của Xứ ủy mỗi số in ra từ 400 đến 500 bản, phân phối đi các nơi vẫn không đáp ứng đủ nhu cầu. Nhiều tác phẩm thơ ca, hò vè vận động cách mạng cũng được phổ biến rộng rãi. Nhiều cuộc mít tinh của quần chúng cũng được tổ chức thu hút hàng trăm người đến nghe phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, nghe hát các bài ca cách mạng.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, sự vận động tích cực của các hội Cứu quốc ở cơ sở, phong trào cách mạng trong tỉnh có bước phát triển mới. Nhân dân Bích Trâm, Gò Nổi, La Thọ (Điện Bàn) nổi dậy đấu tranh chống sưu thuế, chống Nhật cướp dầu phụng, bông vải; hàng trăm người dân Lạc Cầu (Bình Dương), Ngọc Khô (Bình Tú) huyện Thăng Bình đuổi bọn tay sai Nhật - Pháp mua dầu phụng với giá rẻ, đòi chia lại công điền, chống chính sách vơ vét nông sản, chống bắt phu đi xây dựng sân bay Thanh Quýt (Điện Bàn); nông dân Hòa

Xuân (Tam Hòa), Diêm Trường (Tam Giang)..., chống lệnh phá lúa trồng đậu phụng và chính sách độc quyền đậu phụng, chống lệnh cấm làm muối. Đặc biệt, ở hầu hết các vùng nông thôn, Nhân dân tích cực đấu tranh đòi bãi bỏ nạn xôi thịt, rượu chè, chống lại thái độ hống hách của lý trưởng, kỳ hào đối với dân, chống cường hôn, chống mê tín, cổ vũ tinh thần đoàn kết lẫn nhau.

Hướng ứng cuộc vận động đấu tranh giành quyền lợi kinh tế, Nhân dân Duy Xuyên, Thăng Bình, Quế Sơn..., ký đơn kiện không chịu nộp dầu phụng, không chịu bán đủ số lượng dầu như chúng quy định. Khi ép dầu xong, Nhân dân đã tìm cách chuyển dầu ra khỏi xưởng, dây dưa, kéo dài việc nộp dầu. Tại Tam Kỳ, Nhân dân xông vào xưởng ép dầu ở Đồng Lớn, đánh sếp xưởng, cướp dầu. Nhân dân vùng Thành Mỹ, Xuân Mỹ (Tam An) tổ chức đón đường đánh bọn lính đoan, lính tập lùng bắt cướp đoạt dầu phụng của dân khi đi bán. Trong đấu tranh chống quân cấp công điền bất minh, Nhân dân có thư gửi thẳng cho từng lý hương và tham gia rải truyền đơn kêu gọi các tổng, lý, kỳ hào ủng hộ phong trào cứu quốc của toàn dân. Nhân dân nhiều xã ở Duy Xuyên đấu tranh chống thu thuế nước tưới, chống cường hào bao chiếm, bao tá, đòi đòi tên tri phủ gian ác Nguyễn Sĩ Túc đi nơi khác. Tại Quế Sơn, Nhân dân phản đối việc bắt thanh niên đi lính cho Nhật, chống lý hương chiếm đoạt ruộng đất công bằng cách đấu giá công điền.

Đầu năm 1942, Tỉnh ủy Quảng Nam mở Hội nghị kiểm điểm và ra Nghị quyết quan trọng gọi là *Thông báo khẩn cấp của Thường vụ Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Tứ Xuyên*¹. Sau khi phân tích tình hình, Tỉnh ủy đặc biệt nhấn mạnh hãy tập trung toàn

1. Tứ Xuyên là mật danh của Tỉnh ủy Quảng Nam.

bộ các hoạt động hướng vào mục tiêu: “*Chuẩn bị đầy đủ lực lượng chính trị, kinh tế, quân sự và phương pháp cách mạng để đón thời cơ vũ trang khởi nghĩa đánh đổ kẻ thù Pháp, Nhật và bọn Việt gian, giành lại cho đất nước ta một tương lai chói lọi*”. Về công tác tập hợp lực lượng cách mạng, Tỉnh ủy yêu cầu: “*Tuyên truyền đến đâu tiến hành tổ chức đội ngũ đến đó. Chú ý tổ chức Đảng, Mặt trận, các đoàn thể cứu quốc. Tổ chức các lực lượng tự vệ, du kích, kể cả các tổ chức biến tướng nhằm để tập hợp quần chúng rộng rãi*”¹.

Sau Hội nghị Tỉnh uỷ, các cơ sở Đảng trong tỉnh liên tục tổ chức các cuộc mít tinh công khai tại Hội An, Đại Lộc, Điện Bàn, Duy Xuyên, Quế Sơn, Thăng Bình, Tam Kỳ, thu hút đông đảo quần chúng đến dự. Qua các buổi mít tinh, nghe diễn thuyết..., hội viên các đoàn thể cứu quốc hiểu hơn về Chương trình, Điều lệ Việt Minh, tích cực phổ biến thơ ca cách mạng và thư kêu gọi của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Ở Tam Kỳ, Quế Sơn còn có hình thức tuyên truyền hội *Khóc dạ* của đội thiếu niên, đêm đêm các em dùng loa kêu gọi quần chúng hưởng ứng Chương trình của Mặt trận Việt Minh.

Đến giữa năm 1942, Mặt trận Việt Minh thành lập được 20 Ban vận động cứu quốc (tức Việt Minh) ở các huyện. Các đoàn thể cứu quốc như nông dân, thanh niên, phụ nữ, lão thành trong tỉnh phát triển, số hội đoàn viên lên đến 5.000 người. Ở Quế Sơn còn có tổ chức Hội Nhi đồng cứu vong; ở Tam Kỳ thành lập Ban vận động phụ nữ huyện, một số nơi còn tranh thủ nắm các hội biến tướng như hội đá bóng, hội trợ tang..., để tập hợp quần chúng. Vùng núi Nghi Sơn (Quế Sơn) sang Phú Nham Tây (Duy Xuyên) được chọn xây dựng thành căn cứ của

1. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, trang 162.

cách mạng. Lực lượng bán vũ trang được thành lập với hàng chục tiểu đội tự vệ cứu quốc ở các phủ huyện, tiến hành rèn giáo mác, chuẩn bị vũ khí, tập luyện để đón thời cơ khởi nghĩa giành chính quyền. Một số nơi chỉ trong một thời gian ngắn đã xây dựng được Đội tự vệ cứu quốc như Tam Kỳ (18 tiểu đội), Quế Sơn (8 tiểu đội), Điện Bàn (3 tiểu đội)... Riêng Quế Sơn, hội viên Hội Nông dân cứu quốc còn tổ chức lực lượng tự vệ, đồng diễn thể dục, võ thuật. Nhiều cuộc đấu tranh của quần chúng chống đế quốc, phát xít, phong kiến diễn ra nhiều nơi trên địa bàn. Ở Duy Xuyên có phong trào đấu tranh chống thu thuế nước tưới lúa cao, chống cường hào bao chiếm đất công. Quế Sơn có phong trào đấu tranh chống bắt thanh niên đi lính cho Nhật, chống lý trưởng chiếm đoạt ruộng đất công. Tam Kỳ có cuộc đấu tranh chống bắt công trong việc chia công điền. Điện Bàn có phong trào đấu tranh đòi chủ tăng tiền công cho người lao động...

Sự lớn mạnh của phong trào cứu quốc trong tỉnh là điều kiện thuận lợi cho việc thắt chặt mối quan hệ giữa dân với Đảng. Các phong trào cứu quốc ở Quế Sơn, Tam Kỳ thu hút cả tầng lớp trên. Có cả phú nông, địa chủ nhỏ, lý hương tham gia Mặt trận Việt Minh. Một số cán bộ thoát ly của Tỉnh ủy, Xứ ủy được một số hương kiểm, lý trưởng nuôi giấu trong nhà. Báo cáo của mật thám Hội An gửi cho Khâm sứ Pháp Trung Kỳ hồi tháng 6 - 1942 ghi rõ: *“Một số lý trưởng, hương kiểm dùng đầu các xã đã chứa hàng tháng trong nhà họ những kẻ đang bị chính quyền truy nã, những kẻ mà đáng ra phải bị họ bắt. Thật khó mà giải thích nguyên nhân!”*. Nhiều gia đình dù nghèo, nhưng vẫn hết lòng giúp đỡ, ủng hộ cách mạng tiêu biểu như gia đình ông Nguyễn Yên ở La Thọ (Điện Bàn), gia đình ông Hoan, bà Lý ở Phương Trì, gia đình ông Võ Dương, bà Lê Thị

Phương, bà Hạnh, bà Dương (Quế Sơn), bà Bạn, bà Viện (Lộc Đại), gia đình ông Nguyễn Câu, Lương Hiệp ở Diêm Trường (Tam Giang), nhà bà Sầm ở Thọ Khương (Tam Hiệp)...

Trong việc bảo vệ, giúp đỡ cách mạng, người dân Quảng Nam đã âm thầm hành động dưới nhiều hình thức kín đáo, tế nhị... Khi người dân biết là cán bộ Việt Minh thì không phân biệt người đó quê quán ở đâu, bà con đều nuôi giấu, bảo vệ như anh em ruột thịt. Không chỉ người Kinh ở đồng bằng, mà cả đồng bào các dân tộc thiểu số cũng một lòng hướng về Mặt trận Việt Minh. Trước đó vào tháng 2 - 1942, khi Tổ Hữu, Huỳnh Ngọc Huệ từ nhà lao Đắc Lay vượt ngục, về đến Bến Giằng đã được người làng Rô (Nam Giang) hết lòng cứu mang, che chở thoát khỏi sự truy lùng của địch. Cùng thời gian này, khi giặc Pháp tiến hành bắt xây làm đường 14, đồng bào ở làng Cà Đoạt (Phước Sơn) do ông Giang, ông Rẫy cầm đầu dùng tên, ná, chông, thò tự tạo đánh bọn địch ở đồn Đắc Lây xuống làng bắt xây, làm mấy tên bỏ mạng. Đồng bào Bến Giằng theo ông Người ký đơn kêu kiện đến tận Khâm sứ Trung Kỳ đòi miễn xây, nhưng không thành. Sau đó ông Trgia dẫn đầu một đoàn mấy chục người mang theo cả giáo, cung tên, ná xuống Hội An đòi tên Công sứ miễn xây. Do sợ dân miền núi làm “*giặc mùa*” đánh Pháp, trong khi bọn chúng muốn khai thông biên giới Việt - Lào để đối phó với quân Nhật, tên Công sứ Pháp đành phải chấp nhận miễn xây cho đồng bào. Những việc làm này của bà con các dân tộc đã góp phần cùng với cả tỉnh làm cho thực dân Pháp không thể hoàn thành con đường 14 theo kế hoạch.

Báo cáo của mật thám Hội An gửi cho Khâm sứ Pháp ở Trung Kỳ phải thú nhận: “*Quảng Nam phải đối phó với một tổ chức cộng sản loại cừ*”. Tuy nhiên các hoạt động cách mạng

sôi nổi trong năm 1942 của Quảng Nam có khi quá công khai, chưa chú ý đúng mức việc giữ gìn bí mật, che giấu lực lượng nên bị mật thám Pháp theo dõi, phát hiện, truy nã, bắt bớ hơn 1.000 vụ. Từ tháng 6 đến tháng 8 - 1942, chỉ riêng ở Quế Sơn, Đại Lộc, Thăng Bình, Tam Kỳ đã có 691 người bị bắt. Cơ quan in ấn của Xứ uỷ tại Phú Nham Tây (Duy Xuyên) cũng bị địch phát hiện, tịch thu phương tiện. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh có 5 người, thì 3 người bị địch bắt, một lần nữa Đảng bộ Quảng Nam bị đứt liên lạc với cấp trên.

Một lần bề là một lần tổn thất của phong trào cách mạng, song cũng thêm một lần thử thách rèn luyện đối với đảng viên, cơ sở và quần chúng. Nhiều người bị địch đánh chết đi sống lại vẫn giữ vững khí tiết. Quần chúng thì một lòng bảo vệ Đảng. Có bà mẹ có con bị địch bắt, nhà bị cả trung đội lính đến ở vẫn bình tĩnh che giấu cán bộ, tiếp tục làm công tác liên lạc cho Mặt trận Việt Minh. Nhờ vậy, mà nhiều cán bộ, đảng viên không rơi vào tay giặc, tổ chức Đảng, Mặt trận Việt Minh và cơ sở quần chúng cách mạng vẫn tồn tại ở nhiều nơi, tạo điều kiện cho việc khôi phục, phát triển phong trào ở những năm tiếp theo.

Đầu năm 1943, nhằm đưa phong trào cách mạng của tỉnh phát triển kịp với phong trào Việt Minh ở miền Bắc. Mặt trận Việt Minh và các hội Cứu quốc Duy Xuyên, Tam Kỳ, Điện Bàn, Thăng Bình, Tiên Phước, Quế Sơn..., vận động hội viên vào các đội tự vệ, trang bị giáo, mác sẵn sàng đón thời cơ khởi nghĩa. Cũng trong thời gian này, Tỉnh uỷ chỉ đạo phát hành vé số cứu quốc nhằm gây quỹ hoạt động. Mặt trận Việt Minh các địa phương hưởng ứng tích cực, vừa mua vé ủng hộ, vừa tuyên truyền, vận động các giai cấp, tầng lớp tham gia. Phong trào diễn ra sôi nổi và mạnh mẽ nhất là ở Hội An, Duy Xuyên.

Đây cũng là nơi được Tỉnh ủy chọn để tổ chức in ấn tài liệu cách mạng, trong đó có tài liệu bồi dưỡng kiến thức vận động quần chúng cho cán bộ cốt cán các hội Cứu quốc. Đến tháng 4 - 1943, do việc bán vé số bị lộ, địch ráo riết truy lùng, bắt giam nhiều người. Một số địa phương như Duy Xuyên, Hội An, Điện Bàn cách mạng bị tổn thất nặng nề. Song nhìn chung trên địa bàn toàn tỉnh, phong trào cách mạng vẫn được giữ vững. Ở Tiên Phước, Tam Kỳ, Thăng Bình, Quế Sơn, Đại Lộc..., các tổ chức biến tướng của các hội Cứu quốc xung quanh Mặt trận Việt Minh tiếp tục hoạt động, thu hút hàng nghìn hội viên tham gia, kiên nhẫn chờ thời cơ cách mạng.

Từ giữa năm 1944, tình hình nước ta và trên thế giới có những chuyển biến thuận lợi cho cách mạng. Cuộc chiến tranh chống phát xít bước vào giai đoạn kết thúc, quân đội Liên Xô phản công quân Đức trên nhiều mặt trận và đẩy lùi chúng ra khỏi biên giới. Chủ nghĩa phát xít đang đứng trước nguy cơ bị thất bại hoàn toàn. Chính phủ Peten thân Đức ở Pháp đổ. Quân Nhật đang thua đậm ở Thái Bình Dương.

Ngày 7 - 5 - 1944, Tổng bộ Việt Minh ra Chỉ thị cho các cấp sửa soạn khởi nghĩa và kêu gọi Nhân dân “*Sấm vũ khí đuổi thù chung*”. Ở Quảng Nam, tháng 2 - 1945, Hội nghị Tỉnh ủy nhận định tổ chức Đảng ở nhiều phủ, huyện chưa được phục hồi, khâu cán bộ hoạt động đang thiếu nghiêm trọng. Vì vậy, nhiệm vụ cấp bách của Tỉnh ủy trong lúc này là phải lập lại tổ chức Đảng và Mặt trận Việt Minh các huyện; chú trọng xây dựng cơ sở ở miền núi, vùng giáp ranh tạo thế liên hoàn cho khởi nghĩa vũ trang, đồng thời phân công cán bộ bám cơ sở những nơi gần cơ quan đầu não của địch để nắm tình hình, kịp thời đối phó trong mọi tình huống.

Đêm mùng 9 - 3 - 1945, Nhật nổ súng lật đổ Pháp trên toàn cõi Đông Dương, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị: “*Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*”, quyết định phát động một cao trào “*Kháng Nhật cứu nước*” mạnh mẽ làm tiền đề cho tổng khởi nghĩa. Tiếp đó, Mặt trận Việt Minh cũng đã ra “*hịch*” kêu gọi đồng bào toàn quốc đẩy mạnh cao trào kháng Nhật, cứu nước, tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Đầu tháng 5 - 1945, phát xít Đức đầu hàng Liên Xô và Đồng Minh. Trên mặt trận châu Á - Thái Bình Dương, phát xít Nhật cũng khốn đốn trước các đòn tấn công dồn dập của quân Đồng Minh. Ở Việt Nam, phong trào kháng Nhật do Việt Minh lãnh đạo diễn ra khắp nơi. Cùng thời gian này, tại Đại Lộc, Hội nghị mở rộng của Tỉnh ủy Quảng Nam đã quyết định kiện toàn Ủy ban Mặt trận Việt Minh tỉnh lấy mật danh là Việt Minh Vụ Quang để công khai tuyên truyền hiệu triệu quần chúng và củng cố hệ thống Việt Minh từ xã tổng lên phủ, huyện. Ban Chấp hành Việt Minh Vụ Quang là những vị trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh¹, do ông Trần Văn Quế - Bí thư Tỉnh ủy làm Chủ nhiệm. Từ đây, hoạt động của Mặt trận Việt Minh các cấp đồng nhất với hoạt động của các cấp ủy Đảng và ngược lại. Tiếp theo, tháng 6 - 1945, Tỉnh ủy họp mở rộng tại Thọ Khương (Núi Thành), chủ trương đẩy mạnh sử dụng hình thức mít tinh, tuyên truyền, hoặc thông qua các lễ hội để phát động quần chúng... Quyết định bổ sung vào Tỉnh ủy và Ủy ban Việt Minh tỉnh các ông, bà Phan Quang Trọng, Phan Tôn, Phan Thị Nễ, Nguyễn Quang Chung, Hồ Tên, Phan Thêm. Sau hội nghị Tỉnh ủy, công cuộc chuẩn bị khởi nghĩa ở Quảng Nam phát triển với nhịp độ

1. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, trang 177.



Ông **TRẦN VĂN QUẾ**
*Chủ nhiệm Ủy ban Mặt trận
Việt Minh tỉnh Quảng Nam
(5/1945 - 9/1945)*

Đại Lộc, Tiên Phước..., đã lập xong Ủy ban Việt Minh huyện. Ở những nơi chưa lập lại tổ chức Đảng, thì ở đó Ủy ban Việt Minh làm nhiệm vụ lãnh đạo phong trào cách mạng như một cấp ủy Đảng.

Tính đến đầu tháng 8 - 1945, hầu hết các tổng và phần lớn các xã trong tỉnh đã lập xong Ủy ban Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc. Ngay trong hàng ngũ địch ta cũng có cơ sở trong các đồn lính Bảo An ở Hội An, Đà Nẵng; trong Sở hiến binh Nhật và một số lính lệ ở các phủ huyện, sẵn sàng cung cấp tình hình và làm nội ứng cho ta khi khởi nghĩa nổ ra. Đội du kích Vũ Hùng phát triển lên 200 đội viên, lấy 2 tổng Đức Hòa và An Hòa của phủ Tam Kỳ làm căn cứ đứng chân hoạt động. Lực lượng tự vệ cứu quốc ở một số địa phương như Hội An, Quế Sơn, Duy

khân trương, sôi nổi. Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Ban Phụ vận tỉnh (gồm 6 thành viên) do bà Phan Thị Nễ làm Trưởng ban, bà Trần Thị Nguyên làm Phó ban và phân công từng thành viên phụ trách đẩy mạnh công tác phụ nữ ở các phủ, huyện. Từng thành viên của Mặt Việt Minh tỉnh được phân công chỉ đạo từng phủ, huyện và từng mặt công tác quan trọng. Hơn 400 tù chính trị của tỉnh ở khắp các nhà lao đã về hết và tham gia vào các Ủy ban Việt Minh. Một số nơi như Thăng Bình,

Xuyên..., đã thành lập đội tự vệ vũ trang, vũ trang tuyên truyền xung phong. Riêng Hội An có trên 1.000 đội viên.

Các cuộc mít tinh do Ủy ban Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc tổ chức nổ ra hàng loạt, thu hút đông đảo quần chúng tham gia, có cả lực lượng tự vệ vũ trang canh gác. Tại các cuộc mít tinh, quần chúng cách mạng được nghe cán bộ Việt Minh diễn thuyết kêu gọi đả đảo nền độc lập giả hiệu của Nhật, ủng hộ Việt Minh, ủng hộ tiền bạc, thóc gạo vào quỹ cứu quốc, góp sắt đồng để rèn đúc vũ khí, mua sắm băng cờ chuẩn bị khởi nghĩa đánh đuổi phát xít Nhật.

Phong trào cách mạng toàn tỉnh và cả nước lên cao, Nhân dân không đi sưu, không nộp thuế, không nộp thóc, không nộp dầu phụng cho Nhật. Quân Nhật đành chịu bất lực, bộ máy tay sai của chúng hoang mang cực độ. Các tên phủ trưởng, huyện trưởng Tam Kỳ, Duy Xuyên, Quế Sơn, Điện Bàn..., và cả thị trưởng Đà Nẵng tìm đường liên lạc với Việt Minh, hy vọng sau này được tha tội chết. Một số tổng lý tự nguyện tham gia vào các hội cứu quốc; những tên cường hào ngoan cố chống lại đều bị trừng trị. Tiêu biểu nhất là quần chúng cách mạng ở tổng Xuân Phú (Quế Sơn) đã hạ cờ quẻ ly của chính quyền bù nhìn Trần Trọng Kim xuống, treo cờ đỏ sao vàng của cách mạng lên, bọn lính tuần sai được huyện trưởng phái đến đàn áp, nhưng không dám hành động chỉ đứng nhìn và lạng lẽ rút lui.

Nhìn chung, đến đầu tháng 8 - 1945, bộ máy thống trị tay sai của Nhật từ phủ, huyện đến cơ sở đã bị tê liệt, quần chúng được tập hợp dưới ngọn cờ hiệu triệu của Mặt trận Việt Minh, sẵn sàng hành động vì nghĩa lớn.

Ngày 8 - 8 - 1945, Liên Xô tuyên chiến với Nhật và đã tiêu diệt đội quân chủ lực Quan Đông của Nhật trên đất Trung

Quốc. Ngày 15 - 8 - 1945, Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng Minh không điều kiện. Quân Nhật và tay sai ở Đông Dương tan rã, quân Đồng Minh chưa kịp kéo vào nước ta, quần chúng Nhân dân đã sẵn sàng, thời cơ cứu nước ngàn năm đã tới.

Ngay khi nhận được tin Nhật đầu hàng Đồng Minh, mặc dù chưa nhận được lệnh khởi nghĩa của Trung ương, nhưng do thấm nhuần Chỉ thị “*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*” của Trung ương trước đó, nắm bắt kịp thời sự thay đổi của tình hình thế giới và trong nước. Không bỏ lỡ thời cơ, Tỉnh ủy Quảng Nam quyết định phát động toàn dân trong tỉnh nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền; chuyển tất cả các cấp ủy Đảng và Ủy ban Việt Minh các cấp thành Ủy ban bạo động khởi nghĩa giành chính quyền ở địa phương; thành lập Ủy ban bạo động giành chính quyền tỉnh Quảng Nam gồm 17 thành viên, trong đó có 15 người là Tỉnh ủy viên.

Ngày 17 - 8 - 1945, không khí khởi nghĩa bao trùm lên các huyện, thị trong tỉnh. Tại tỉnh lỵ Hội An, hàng ngàn quần chúng tay dao, tay gậy từ các xã Cẩm Phô, Kim Bồng, Thanh Hà kéo về Ngọc Thành (nay là góc đường Trần Hưng Đạo - Phạm Hồng Thái) chờ lệnh. 3 giờ ngày 18 - 8 - 1945, cuộc khởi nghĩa bùng nổ. Chưa đầy 4 giờ đồng hồ sau, Hội An giành được chính quyền. Ở Điện Bàn, ngay trong đêm 17 - 8 - 1945, Ủy ban bạo động phủ huy động hàng ngàn quần chúng nổi dậy làm hậu thuẫn cho việc giành chính quyền ở Hội An. Nhân dân được huy động hạ cây, cản đường làm chướng ngại vật, không cho lính Nhật từ Đà Nẵng và các nơi khác kéo vào Vĩnh Điện chi viện cho bọn tay sai ở Hội An. Sáng sớm ngày 18 - 8, các cánh quân xuất phát từ nơi tập trung tiến ra quốc lộ 1A và tỉnh lộ 100 đồng loạt kéo về phía phủ lỵ. Mặc dù, trong lúc ngăn chặn lính Nhật, một số quần chúng ở Điện Bàn bị quân Nhật bắn gây



Cơ quan Mặt trận Việt Minh Cửu Long (Hội An) - nay là số 2, đường Nguyễn Huệ, thành phố Hội An.

thương vong, nhưng đoàn quân khởi nghĩa ở các hướng khác vẫn tiếp tục biểu tình, kéo về giành chính quyền ở phủ lý. Riêng cánh quân khởi nghĩa từ Gò Nổi đến bến đò Phương Trà, được tin các cánh quân trên quốc lộ 1A gặp trở ngại, đã lập tức hạ lệnh trưng dụng thuyền bè của Nhân dân trên sông Thu Bồn vào việc chuyển quân cho kịp giờ khởi nghĩa. 9 giờ sáng cùng ngày, Điện Bàn giành được chính quyền. Ở Tam Kỳ, chiều ngày 18 - 8 - 1945, Ủy ban bạo động phủ đã vận động Nhân dân nhiều xã nổi dậy hỗ trợ lực lượng cứu quốc, bắt giam lý trưởng và bọn phản động, chặt cây cản đường xe Nhật, làm chướng ngại vật, rồi dùng trống, mõ, dây, giáo, mác cầm tay kéo đi chiếm nhà ga, kho dầu, xưởng ép dầu của Nhật, bưu điện, đồn thương chánh, đồn đại lý, phủ đường. Đến 23 giờ 30, ngày 18 - 8 đã giành được chính quyền ở phủ lý. Tại các xã vùng núi thuộc 2

tổng Phước Lợi và Đức Tân (thuộc huyện Núi Thành và Phú Ninh hiện nay), mặc dù quần chúng đã được chuẩn bị từ trước, nhưng do điều kiện núi rừng cách trở, nên sáng ngày 19 - 8 mới triển khai kế hoạch giành chính quyền ở các xã trong vùng. Đến chiều ngày 19 - 8, lực lượng tự vệ cứu quốc và công nhân cứu quốc đã chiếm giữ, quản lý toàn bộ máy móc, phương tiện sản xuất và tài sản ở đồn điền chè Đức Phú và mỏ vàng Bồng Miêu, thu toàn bộ sổ sách và triện đồng của bọn chủ, đưa những tên gian ác ra nhận tội trước Nhân dân. Đặc biệt, đông đảo tín đồ Thiên Chúa giáo ở khu vực Thuận Yên, Hòa Mỹ (Tam Sơn) đã đồng loạt nổi dậy, cùng đồng bào giành chính quyền ở địa phương mình¹. Trên địa bàn Đại Lộc, ngày 17 - 8 - 1945, nông dân tổng Đại An, Mỹ Hòa cùng với công nhân nhà máy ươm tơ Giao Thủy kéo về chợ Quảng Huế dự mít tinh, rồi biến thành cuộc biểu tình tuần hành thị uy khắp tổng. Ở các tổng khác, Nhân dân tham gia nổi dậy khởi nghĩa ở thôn, xã. Ngày 18 - 8 - 1945, Nhân dân ở 6 tổng của Đại Lộc nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền ở huyện đường. Sau khi dự mít tinh mừng thắng lợi, hàng ngàn quần chúng trong huyện tham gia vào đoàn khởi nghĩa kéo lên vùng Bến Hiên, Bến Giằng gây áp lực buộc bọn lính địch ở đây phải bàn giao đồn cho Nhân dân. Cùng thời gian này, khởi nghĩa cũng đã nổ ra và giành được thắng lợi ở nhiều nơi khác như Duy Xuyên (trưa 18 - 8), Quế Sơn (chiều 18 - 8), Thăng Bình, Tiên Phước (tối 18 - 8)...

Như vậy, chỉ trong một khoảng thời gian rất ngắn, cùng với Quảng Ngãi, Hà Tĩnh, Hải Dương, Bắc Giang. Quảng Nam trở thành tỉnh giành được chính quyền sớm nhất trong cả nước. Lần đầu tiên trong lịch sử, chính quyền thuộc về tay Nhân dân.

1. Thành ủy Tam Kỳ - Huyện ủy Núi Thành - Huyện ủy Phú Ninh, *Lịch sử Đảng bộ huyện Tam Kỳ (1930 - 1954)*, tháng 1- 2007, trang 165.

Ngày 2 - 9 - 1945, tại thị xã Hội An, Tỉnh ủy và Ủy ban Việt Minh tỉnh tổ chức mít tinh mừng thắng lợi cuộc Tổng khởi nghĩa và ra mắt Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Quảng Nam do ông Nguyễn Xuân Nhĩ làm Chủ tịch; ban bố chương trình hành động của chính quyền cách mạng và 10 chính sách lớn của Ủy ban giải phóng Việt Minh.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Quảng Nam là kết quả của cả quá trình vận động thành lập tổ chức Đảng và gần 15 năm (1930 - 1945) đấu tranh kiên cường, bất khuất của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân được tôi luyện, thử thách trong những tháng năm đầy hy sinh, gian khổ; đó cũng là kết quả của đường lối cách mạng đúng đắn, đầy sáng tạo của Đảng, mà trực tiếp là của Tỉnh ủy Quảng Nam, nhất là trong việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tạo nên sức mạnh vô địch trong đấu tranh chống kẻ thù xâm lược và ách thống trị của chế độ phong kiến. Cũng như cả nước, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở Quảng Nam nổ ra trong điều kiện hết sức thuận lợi. Kẻ thù cách mạng là thực dân Pháp đã bị phát xít Nhật - Đức đánh bại, tiếp theo là phát xít Nhật bị Liên Xô và Đồng Minh buộc phải đầu hàng vô điều kiện. Tranh thủ thời cơ đó, Nhân dân đã nhất tề đứng dậy dưới sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện đúng lời dạy của lãnh tụ Hồ Chí Minh: *“Đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”*.

Ngoài những nguyên nhân chung, cuộc khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi nhanh chóng ở Quảng Nam, còn có những nguyên nhân cụ thể sau đây:

Một là, chọn đúng thời cơ phát động khởi nghĩa. Khi được tin Nhật đầu hàng Đồng minh không điều kiện, Tỉnh ủy và Ủy ban Việt Minh tỉnh đã sáng suốt vận dụng Chỉ thị *“Nhật*

- *Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*” của Trung ương Đảng. Đây là một quyết định kịp thời làm cho cuộc khởi nghĩa ở Quảng Nam diễn ra trùng hợp với thời gian cao điểm của Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc, giành thắng lợi nhanh gọn. Do vậy, cùng với cả nước, Quảng Nam đã có được sự nhạy bén sáng tạo, đề ra những quyết định đúng đắn, đáp ứng kịp thời trong mỗi giai đoạn có tính bước ngoặt của lịch sử để làm nên sự thành công của cách mạng.

Hai là, biết phát huy sức mạnh của các đoàn thể cứu quốc, lực lượng tự vệ, đội ngũ cán bộ cốt cán xung quanh Mặt trận Việt Minh, trong đó lực lượng chính trị đóng vai trò tích cực. Trong khởi nghĩa, Tỉnh ủy và Ủy ban Việt Minh tỉnh biết kết hợp giữa đấu tranh chính trị của quần chúng với việc sử dụng lực lượng tự vệ, kết hợp hình thức huy động quần chúng vũ trang biểu tình thị uy, tạo thế áp đảo địch để nhanh chóng dập tắt những hành động chống đối, cản trở khởi nghĩa của các lực lượng phản cách mạng.

Ba là, sự đồng tâm nhất trí, trên dưới một lòng của Đảng bộ, quân và dân Quảng Nam. Khi thời cơ đến đã đồng loạt nổi dậy, khởi nghĩa giành chính quyền, lập chính quyền cách mạng trong toàn tỉnh một cách nhanh gọn và ít đổ máu, đem lại thế và lực cho phong trào cách mạng cả tỉnh trong nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ chính quyền Nhân dân còn non trẻ.

Vì thế, có thể nói thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là thắng lợi của “*Thiên thời - địa lợi - nhân hòa*”. “*Thiên thời*” ở đây có thể hiểu là thời cơ; “*Địa lợi*” là những tinh túy của một vùng đất có bề dày truyền thống yêu nước, truyền thống văn hóa của xứ Quảng; “*Nhân hòa*” là sự thống nhất giữa lòng dân và ý Đảng.

Chương 2

TẬP HỢP RỘNG RÃI LỰC LƯỢNG DÂN TỘC, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, XÂY DỰNG HẬU PHƯƠNG, KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 - 1954)

I. TĂNG CƯỜNG SỨC MẠNH ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC, XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, CHUẨN BỊ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1946)

1. Mặt trận Việt Minh tỉnh Quảng Nam đoàn kết toàn dân, góp phần củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, xây dựng nền móng của chế độ mới

Ngày 2 - 9 - 1945, tại Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hoà. Cùng thời gian này, tỉnh Quảng Nam cũng tổ chức cuộc mít tinh trọng thể tại sân vận động Hội An để chào mừng thắng lợi Cách mạng Tháng Tám. Sau chương trình tiếp âm tường thuật lễ Quốc khánh tại Hà Nội là lễ ra mắt các thành viên Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Quảng Nam. Chính quyền mới tuyên bố 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh và kêu gọi Nhân dân trong tỉnh đoàn kết để bảo vệ chính quyền cách mạng, xây dựng cuộc sống mới và kiên quyết bảo vệ nền độc lập vừa giành được.

Tuy nhiên, cũng như tình hình chung của cả nước sau Cách mạng Tháng Tám 1945, Nhân dân Quảng Nam đứng

trước những khó khăn, thách thức lớn cả về chính trị, kinh tế và xã hội. Tại các huyện phía Bắc của tỉnh, hàng ngàn quân Tưởng dưới danh nghĩa Đồng Minh vào giải giáp phát xít Nhật, bắt chấp các qui định của Hiệp ước Potsdam¹ (Pôttxđam), đưa quân vào chiếm đóng Vĩnh Điện, Hội An. Chúng ra sức giúp đỡ, khuyến khích bọn Quốc dân đảng hoạt động chống phá cách mạng, công khai tuyên truyền nói xấu Việt Minh. Một số nơi thuộc vùng tây Duy Xuyên, đông Thăng Bình, tay sai của chúng còn chi phối các Ban bình dân học vụ, chui vào chính quyền một số xã, vận động chia rẽ trong lúc ta bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Tại các địa phương khác, các lực lượng phản cách mạng vẫn ngấm ngầm hoạt động, chờ chủ cũ quay lại...

Trong khi đó, mọi ngành kinh tế thì ngừng trệ, bế tắc, tiêu điều bởi hậu quả của chính sách cai trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật. Các loại tiền mất giá của quân đội Tưởng² được tung vào thị trường, vơ vét hàng hoá càng làm cho nền kinh tế của ta thêm rối loạn. Nạn đói năm 1945 chưa khắc phục xong, thì nguy cơ nạn đói mới đang đe dọa. Chế độ thực dân phong kiến để lại nhiều hậu quả xã hội nặng nề, nổi bật nhất là trên 90% dân số mù chữ.

1. Hội nghị Potsdam được tổ chức ở Cecilienhof, cung điện của thái tử Wilhelm Hohenzollern, tại Potsdam, Đức từ 16-7 đến 2-8-1945. Các quốc gia tham dự hội nghị là Liên Xô, Anh và Mỹ. Đại diện của ba quốc gia gồm có tổng bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô Stalin, thủ tướng Anh Winston Churchill và tổng thống Mỹ Harry S Truman đã nhóm họp để thống nhất về cách tái tổ chức nước Đức thời hậu chiến, quốc gia đã đồng ý đầu hàng vô điều kiện chín tuần trước đó. Mục đích của hội nghị bao gồm cả việc thành lập trật tự thế giới mới thời hậu chiến, những vấn đề về hiệp ước hòa bình và cách thức đối đầu với hậu quả của chiến tranh. Theo Hiệp ước này quân Tưởng chỉ được chiếm đóng từ ngoài vĩ tuyến 16 (tức từ sông Cẩm Lệ, Hoà Vang trở ra).

2. Tiền Quan Kim, Quốc tệ.

Tuy nhiên, bên cạnh những khó khăn, chúng ta vẫn còn có những thuận lợi cơ bản: Cách mạng thành công, nước nhà độc lập, Nhân dân vừa được hưởng những thành quả do Cách mạng Tháng Tám mang lại nên rất phấn khởi, sẵn sàng chiến đấu, hy sinh để bảo vệ Tổ quốc.

Bảo vệ và củng cố chính quyền cách mạng là nhiệm vụ bao trùm, khó khăn và nặng nề nhất vì trong điều kiện nước ta lúc bấy giờ *“việc giành chính quyền dễ bao nhiêu thì việc giữ chính quyền càng khó bấy nhiêu”*¹. Muốn hoàn thành các nhiệm vụ đó, Đảng phải tăng cường và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, hòa hợp dân tộc, xây dựng và củng cố đất nước về mọi mặt: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội và ngoại giao; chống giặc ngoại xâm gắn liền với chống giặc đói và giặc dốt. Các nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ được khái quát thành khẩu hiệu chiến lược *“Kháng chiến và kiến quốc”*. Ngày 3 - 9 - 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra sáu công tác khẩn cấp để xây dựng nước nhà: Phát động chiến dịch tăng gia sản xuất để chống đói; mở lạc quyền để giúp đồng bào nghèo; phát động phong trào chống nạn mù chữ; tổ chức tổng tuyển cử; phong trào cần, kiệm, liêm, chính, bài trừ những thói hư tật xấu; bỏ thuế thân, thuế chợ, thuế đò, cấm hút thuốc phiện; tuyên bố tự do tín ngưỡng, lương giáo đoàn kết. Ngày 25 - 11 - 1945, Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị *“Kháng chiến kiến quốc”*, trong đó nêu rõ: *“Mặt trận Việt Minh phải hết sức phát triển các tổ chức cứu quốc, sửa lại Điều lệ cho thích hợp hoàn cảnh mới, tổ chức thêm các đoàn thể cứu quốc vào Mặt trận Việt Minh; giúp cho Việt Nam Dân chủ Đảng (tức Đảng Dân chủ Việt Nam) thống nhất và phát*

1. *Văn kiện Đảng 1945 - 1954*, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, tập I, Hà Nội 1978, trang 28.

triển để thu hút tầng lớp tư sản, địa chủ yêu nước, để phòng những xung đột, xích mích trong nội bộ Mặt trận; chấn chỉnh lại Tổng bộ Việt Minh, làm cho nó có sức hoạt động, thành lập Bộ Tuyên truyền điều khiển các tờ báo trong Mặt trận và ra loại sách phổ thông của Mặt trận... ”¹.

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy Quảng Nam đã nhanh chóng triển khai, chỉ đạo thực hiện đạt kết quả tốt, trong vòng ba tháng đầu sau Cách mạng Tháng Tám, dựa vào Nhân dân, tỉnh đã tổ chức xong hệ thống chính quyền cách mạng lâm thời từ tỉnh đến huyện, thị và xã. Riêng tại các vùng đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống, do những điều kiện khách quan thời gian này ta chưa thể thành lập chính quyền cách mạng, nhưng Mặt trận Việt Minh các huyện Đại Lộc, Quế Sơn, Tiên Phước..., thường xuyên phân công cán bộ bám sát địa bàn; tuyên truyền, vận động đồng bào giảm bỏ các hủ tục lạc hậu, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, xây dựng tình đoàn kết Kinh - Thượng, ủng hộ kháng chiến².

Cùng với chính quyền các cấp, các đoàn thể cách mạng như thanh niên, nông dân, phụ lão, phụ nữ..., cũng lần lượt được củng cố và đi vào hoạt động. Mặt trận Việt Minh tỉnh do ông Nguyễn Xuân Nhĩ - Bí thư Tỉnh ủy làm Chủ nhiệm, ông Nguyễn Quang Chung - Phó Bí thư Tỉnh ủy làm Phó Chủ nhiệm. Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Quảng Nam mở rộng, tiếp nhận các nhà trí thức tiến bộ vào cơ quan quản lý nhà nước địa phương. Bà Phan Thị Châu Liên (Độc ảm) làm Ủy trưởng Cứu tế - Xã hội, ông Trần Đình Đàn làm Ủy trưởng Giáo dục... Các

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập 1 (1930 - 1954), trang 461, 462.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Phước Sơn, *Lịch sử Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Phước Sơn (1945 - 2010)*, tháng 11- 2012, trang 37, 38.



Ông **NGUYỄN XUÂN NHĨ**
Chủ nhiệm Ủy ban Mặt trận
Việt Minh tỉnh QN - ĐN
(9/1945-1/1947)

Trần Thượng Hàm làm Bí thư, ông Nguyễn Văn Hà làm Phó Bí thư. Ngoài ra, các tổ chức như Thiên Chúa giáo cứu quốc, Phật giáo cứu quốc, hội Văn hóa cứu quốc..., cũng lần lượt ra đời và trở thành thành viên của Mặt trận Việt Minh. Riêng tổ chức của công nhân lao động, do số lượng hội viên ít, nên chưa có đoàn thể công nhân riêng, Tỉnh ủy phân công ông Phan Tích (Bích) làm Trưởng ban Công vận, thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn phát triển hội viên công nhân cứu quốc, tham gia trong tổ chức Mặt trận Việt Minh¹.

Sau khi kiện toàn tổ chức, Ban Chấp hành các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở tiến hành phổ biến Chương trình Việt Minh, chủ

phủ, huyện, xã cũng thực hiện củng cố hệ thống bộ máy chính quyền, đưa thêm nhân sĩ, trí thức tiến bộ vào các Ủy ban nhân dân địa phương. Mặt trận Việt Minh, các đoàn thể cứu quốc đều được củng cố và mở rộng, thành lập Ban Chấp hành các đoàn thể như Nông hội cứu quốc tỉnh do ông Trần Viện làm Bí thư; các ông Đặng Xuân Cúc, Nguyễn Xung và Trần Nhiệm làm Phó Bí thư; Phụ nữ cứu quốc tỉnh do bà Phan Thị Nễ làm Bí thư, bà Lê Thị Kinh làm Phó Bí thư; Đoàn Thanh niên cứu quốc tỉnh do ông

1. *Lịch sử phong trào công nhân lao động và Công đoàn tỉnh Quảng Nam (1929 - 2000)*, trang 62.

trương của Đảng cho hội viên, trong đó tập trung lãnh đạo, vận động Nhân dân thực hiện 3 công tác lớn của Chính phủ đề ra là chống “*giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm*”. Tuy nhiên, do hoạt động của các đoàn thể Công - Nông - Thanh - Phụ trong thời gian đầu sau khi giành được chính quyền còn khá lúng túng, chông chéo nhau, nên theo chủ trương của Tỉnh, Mặt trận Việt Minh tỉnh đã tổ chức Hội nghị gồm Chủ nhiệm Việt Minh các huyện, thị, thành phố; Ban Chấp hành các đoàn thể nông dân, thanh niên, phụ nữ và Trưởng ban Công vận tỉnh Quảng Nam để bàn bạc, thảo luận và đi đến nhất trí tạm thời các đoàn thể không hoạt động riêng, Mặt trận Việt Minh tỉnh sẽ thống nhất chỉ đạo cán bộ các ngành, các giới xuống các địa phương lo việc phát triển, củng cố tổ chức chung và vận động quần chúng thực hiện các nhiệm vụ cấp bách trước mắt. Mỗi đoàn thể chỉ cử một cán bộ chủ chốt làm nhiệm vụ trực, để phối hợp thực hiện các nhiệm vụ chung của Mặt trận Việt Minh¹.

Cùng với việc xây dựng vũ trang toàn dân và lực lượng dân quân tự vệ chiến đấu, Tỉnh ủy và Mặt trận Việt Minh rất coi trọng nhiệm vụ xây dựng các đơn vị vũ trang tập trung. Tỉnh Quảng Nam thành lập Chi đội² Trần Cao Vân, do ông Phan Quang Trọng - Ủy trưởng Quân sự làm Chi đội trưởng, tích cực rèn sắm vũ khí; xây dựng các khu căn cứ để kháng chiến, như chiến khu Nguyễn Huệ ở Đại Lộc, Phú Nam ở Duy Xuyên, Trung Lộc ở Quế Sơn...

Tiếng súng Nam Bộ kháng chiến từ ngày 23 - 9 - 1945 thôi thúc đồng bào cả nước. Hoà chung với phong trào Nam

1. *Lịch sử phong trào công nhân lao động và Công đoàn tỉnh Quảng Nam* (1929 - 2000), trang 62 - 63.

2. Lúc này, quân đội được tổ chức theo Tiểu đội, Phân đội, Trung đội, Đại đội, Chi đội.

tiến, thanh niên Quảng Nam hăng hái xung phong gia nhập Vệ quốc quân lên đường vào Nam chiến đấu, thề Quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh. “*Tính chung, ở Quảng Nam, Đà Nẵng, cứ 100 Vệ quốc quân thì có tới 37 người vào Nam chiến đấu*”¹. Riêng huyện Tiên Phước có 47 chiến sĩ, Điện Bàn có cả 1 trung đội tăng cường khoảng 40 chiến sĩ, vừa tốt nghiệp khóa 1 trường Quân chính do Hồ Kỳ Hiếu và Hà Bồng chỉ huy. Ngoài tham gia chiến đấu trên chiến trường Nam Bộ, một số chiến sĩ của Quảng Nam còn được điều sang chiến đấu ở mặt trận Savanakhét (Lào). Không chỉ động viên con em lên đường Nam tiến, đồng bào Quảng Nam còn quyên góp gửi ủng hộ đồng bào Nam Bộ 1 triệu đồng.

Thực hiện Sắc lệnh Tổng tuyển cử bầu Quốc hội do Chính phủ lâm thời công bố (8 - 9 - 1945), tỉnh Quảng Nam có 78 người ra ứng cử, trong đó có 14 ứng cử viên do Mặt trận Việt Minh tỉnh giới thiệu. Tuy nhiên, cũng như cả nước, quá trình chuẩn bị và tiến hành Tổng tuyển cử ở Quảng Nam đã diễn ra trong điều kiện các lực lượng đế quốc và tay sai ráo riết chống lại chính quyền cách mạng, chống lại độc lập tự do. Vì vậy, đây không phải là một cuộc Tổng tuyển cử bình thường mà thực sự là một cuộc đấu tranh chính trị, đấu tranh dân tộc gay go, quyết liệt. Để tránh sự công kích của kẻ thù, Đảng phải đi vào hoạt động bí mật, tuyên bố tự giải tán và chỉ để lại một bộ phận hoạt động dưới danh nghĩa “*Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương*” và mọi hoạt động của Đảng từ Trung ương đến địa phương đều thông qua Mặt trận Việt Minh các cấp, đó là biện pháp lãnh đạo kín đáo và có hiệu quả hơn.

1. Võ Nguyên Giáp, *Những năm tháng không thể nào quên*, Nxb. QĐND, Hà Nội, 1964, trang 127.

Tại Quảng Nam, để chuẩn bị cho cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên, Tỉnh ủy chỉ đạo tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động bầu cử. Trong quá trình tổ chức vận động bầu cử, Mặt trận Việt Minh sáng tạo nhiều loại hình nghệ thuật dân gian như thơ ca, hò, vè..., để tuyên truyền. Đây là những hình thức vận động hết sức thông minh và hiệu quả, bởi cách làm này vừa dễ tuyên truyền, vận động, vừa dễ thuộc, dễ nhớ để cử tri bầu đúng, bầu đủ số người của Đảng, của Mặt trận Việt Minh giới thiệu vào Quốc hội như: “...*Ông Lê Văn Hiến người đáng là thăm/ Ráng bỏ cho nhằm Phan Thao, Trần Viện/ Có tài hùng biện hợp với khả năng/ Võ Sạ, Phạm Bằng, anh Huỳnh Ngọc Huệ...*”. Hoặc: “*Lẳng lẳng mà nghe/ Cái về bầu cử/ Ông Tri, ông Thự/ Ông Hiến, bà Thanh/ Cùng là các anh/ Huệ - Bôi - Sạ - Nhĩ/ Tổng - Bằng - Thao - Kỷ/ Với lại Viện, Diêu/ Người khác cũng nhiều/ Đầu đơn ứng cử/ Đồng bào xét thử/ Ai đáng ai không/ Trên là các ông/ Nhiều năm tranh đấu...*”¹.

Bên cạnh việc sáng tác thơ ca, hò, vè, các cuộc mạn đàm, trò chuyện về tài, đức của những người được Mặt trận Việt Minh giới thiệu ra tham gia ứng cử lan truyền không dứt làm cho không khí trước ngày Tổng tuyển cử ở Quảng Nam thật sôi động. Riêng đối với địa bàn miền núi, Mặt trận Việt Minh tính cử 2 đoàn lên để tuyên truyền, vận động Nhân dân ứng cử và tham gia bầu cử. Một đoàn lên Bến Hiên - Bến Giằng do ông Trần Tường phụ trách, một đoàn lên Trà My - Phước Sơn do ông Hồ Tuân phụ trách. Ngày 6 - 1 - 1946, cùng với cả nước, Nhân dân tỉnh Quảng Nam nô nức rủ nhau đi bầu cử. Đây là lần đầu tiên, các tầng lớp Nhân dân Quảng Nam được

1. *70 năm đấu ẩn và niềm tin (1946 - 2016)*, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam xuất bản tháng 12 - 2015, trang 14.



Một điểm bỏ phiếu bầu Đại biểu Quốc hội khóa đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Quảng Nam (1946).

cầm trên tay lá phiếu để tự bầu cho người mà họ tin rằng là làm việc vì “*ích nước lợi dân*”. Nhờ học chữ quốc ngữ, nên nhiều người dân rất phấn khởi khi tự tay mình viết vào phiếu bầu, một số khác không viết được thì nhờ người biết chữ viết và vô cùng tin tưởng ở 14 đại biểu do Mặt trận Việt Minh giới thiệu. Kết quả, cả 14 vị đại biểu do Mặt trận Việt Minh giới thiệu và ông Đinh Tựu (dân tộc Cor) ở Trà My do đồng bào dân tộc thiểu số các huyện miền núi đề cử đều trúng cử đại biểu Quốc hội khóa I¹. Các đại biểu được Nhân dân tin tưởng bầu vào Quốc hội đã dành tâm huyết, tài năng và trí tuệ cống hiến hết mình vì dân, vì nước và trở thành những cán bộ cấp cao của Đảng, Quốc hội, Chính phủ.

1. Tại kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khoá I (2 - 3 - 1946), Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Quảng Nam đề nghị và được Quốc hội phê chuẩn bổ sung thêm ông Đinh Tựu, dân tộc Cor ở châu Trà My (nay thuộc huyện Bắc Trà My) do đồng bào dân tộc thiểu số đề cử làm đại biểu Quốc hội thứ 15 của Quảng Nam.

Tiếp đến, ngày 17 - 2 - 1946, Nhân dân trong tỉnh nô nức đi bầu cử Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và cấp xã¹. Cuối tháng 2-1946, Hội đồng nhân dân tỉnh họp phiên đầu tiên và bầu ra Ủy ban hành chính tỉnh thay cho Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời, trở thành cơ quan quyền lực thực hiện quyền làm chủ của Nhân dân. Ủy ban hành chính tỉnh Quảng Nam do ông Nguyễn Thuý làm Chủ tịch. Ủy ban hành chính Đà Nẵng² do ông Trần Đình Tri làm Chủ tịch.

Qua cuộc bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp đã khơi dậy và phát huy tinh thần yêu nước, ý thức làm chủ và nghĩa vụ của Nhân dân Quảng Nam đối với nhà nước cách mạng. Mặt khác, đây còn là một cuộc vận động chính trị rộng lớn, biểu lộ sức mạnh và ý chí sắt đá của khối đoàn kết toàn dân, tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho chính quyền cách mạng.

Tháng 11 - 1946, cấp trên quyết định thống nhất tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng thành Liên tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, ông Trương Quang Giao - Ủy viên Ban thường vụ Xứ ủy làm Bí thư Tỉnh ủy. Ủy ban quân dân chính liên tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng do ông Vũ Khương Ninh, đặc phái viên Xứ ủy Trung bộ làm Chủ tịch³. Ban chỉ huy quân sự mặt trận liên tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng do ông Đàm Quang Trung làm Chỉ huy trưởng.

1. Để thống nhất hệ thống tổ chức hành chính trong phạm vi toàn quốc. Tháng 2 - 1946, Chính phủ chủ trương hợp xã lần thứ nhất, hơn 1.000 thôn xã, làng cũ ở Quảng Nam thời thuộc Pháp, được nhập lại gần 300 xã (chưa kể miền núi), bỏ cấp tổng. Các phủ đều thống nhất gọi chung là huyện.

2. Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, theo chủ trương của Trung ương, thành phố Đà Nẵng tách ra khỏi tỉnh Quảng Nam, trở thành đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương. Tháng 11-1946, Đà Nẵng và Quảng Nam lại hợp nhất thành liên tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

3. Ông Vũ Khương Ninh chỉ làm Chủ tịch một thời gian ngắn thì chuyển công tác khác, Xứ ủy cử ông Trần Đình Tri về thay.

2. Mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động toàn dân tham gia diệt giặc đói, giặc dốt, xây dựng đời sống văn hóa mới và chuẩn bị kháng chiến

Muốn tiến tới tiêu diệt giặc ngoại xâm, trước mắt phải lo giải quyết nạn đói. Nghe theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và noi gương Người “*Mười ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ăn ba bữa*” để đem gạo cứu dân nghèo. Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc các cấp ở Quảng Nam đã vận động Nhân dân thực hiện phong trào “*Nhường cơm xẻ áo*”, “*Lá lành đùm lá rách*”, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau vượt qua khó khăn bằng nhiều biện pháp như thành lập “*Quỹ cứu tế*”, tổ chức các “*Kho thóc cứu tế*” lập các hũ gạo tiết kiệm, thực hiện “*Ngày đồng tâm*” và không dùng gạo, ngô để nấu rượu. Tinh thần đồng cam cộng khổ, thương yêu đùm bọc lẫn nhau của đồng bào các dân tộc trong tỉnh được khơi dậy mạnh mẽ, lôi cuốn các tầng lớp Nhân dân tham gia, gạo được chuyển đến tay người nghèo, nạn đói nhanh chóng được đẩy lùi. Không những cứu giúp người nghèo trong tỉnh, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc trong tỉnh còn tổ chức quyên góp để ủng hộ đồng bào các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ đang bị đói nặng do hậu quả chính sách cướp bóc của Pháp - Nhật và sự khắc nghiệt của thiên tai.

Nguy cơ “*giặc đói*” đã được giảm dần, song để xóa bỏ hẳn nạn đói, điều cơ bản là phải phát triển sản xuất. Với khẩu hiệu: “*Không một tấc đất bỏ hoang*”, *Tắc đất tắc vàng*” và thực hiện lời kêu gọi của Hồ Chí Minh: “*Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa!*”, phong trào thi đua sản xuất được đẩy lên ở khắp các địa phương. Ruộng đất hoang hoá được nhanh chóng đưa vào gieo trồng các loại

cây lương thực và hoa màu, ai làm ra hoa lợi trên đất hoang được hưởng trọn vẹn thành quả đạt được; đẩy mạnh các biện pháp thâm canh, tăng canh, gối vụ; khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống như trồng dâu nuôi tằm, ương tơ dệt lụa, làm đồ gốm, rèn, đúc đồng, làm trống, làm nước mắm, trồng thuốc lá, làm chiếu, chằm nón...Nhân dân Điện Bàn, Duy Xuyên, Đại Lộc trồng dâu dọc hai bờ sông Thu Bồn, Vu Gia; vùng cát Thăng Bình trồng bông, khoai lang, hoa màu; Quế Sơn có giống dâu bầu sản xuất được nhiều trứng tằm, cung cấp cho các địa phương chăn tằm, ương tơ. Các chợ Phong Thù (Điện Bàn), chợ Quảng Huế (Đại Lộc) bắt đầu bán nhiều loại bông, vải tốt...

Chính quyền cách mạng còn tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho nông dân nghèo; chia lại “*công điền*” cho tất cả cử tri bất kể nam hay nữ từ 18 tuổi trở lên, không kể ruộng tốt hay xấu, gần hay xa; thực hiện giảm tô, giảm tức; bãi bỏ thuế thân và các thứ thuế vô lý khác. Sau khi chia lại công điền, một số địa phương tổ chức nông đoàn, huyện cử cán bộ về hướng dẫn hoạt động, xây dựng tổ vòng đổi công, giúp nhau nhân công, trâu bò để cày cấy hết diện tích được chia; kêu gọi nông dân đào mương tưới ruộng để chống hạn...Nhờ có những biện pháp tích cực trên đây, sản xuất nông nghiệp nhanh chóng khôi phục; sản lượng ngô, khoai, sắn và các cây lương thực khác tăng lên, đời sống của mọi tầng lớp Nhân dân dần dần được ổn định.

Một thành tựu to lớn khác của Nhân dân đất Quảng dưới chế độ mới là công tác xoá nạn mù chữ. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “*Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu*”. Vì vậy, Người đã đề ra chủ trương mở chiến dịch chống nạn mù chữ và yêu cầu Chính phủ thành lập “*Nha bình dân học vụ*” để phụ trách công

việc hệ trọng này. Hưởng ứng chủ trương của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc tỉnh Quảng Nam vận động Nhân dân mở các lớp bình dân học vụ ở khắp nơi, theo nguyên tắc những người đã biết chữ dạy cho người chưa biết chữ, những người chưa biết chữ gắng sức học cho biết chữ. Thanh niên, học sinh tự nguyện tham gia dạy học rất đông, kể cả các cụ già từ 60 đến 70 tuổi cũng đi học. Tại mỗi gia đình hay trong các lớp bình dân học vụ, người ta thường thấy cảnh cha dạy cho con, vợ dạy cho chồng, anh dạy cho em... Đêm đêm, dầu qua một ngày lao động mệt nhọc, nhưng bà con vẫn miệt mài bên ngọn đèn dầu để đánh vần từng con chữ:

“... *I tờ có móc cả hai*

I ngắn có dấu, tờ dài có ngang...”

Họ phải học chăm chỉ để hôm sau các bà, các cô khỏi phải vào “*chợ dốt*”¹, thanh niên khỏi thẹn với bạn bè vì không đọc được một câu khẩu hiệu bên đường. Việc giảng dạy hỏi chữ cũng được làm khá quyết liệt, nếu người nào mù chữ mà không chịu đi học, cán bộ bình dân học vụ chặn lại hỏi chữ (tất nhiên là những chữ khá đơn giản, gần gũi với những vật dụng, trang phục hàng ngày của dân thôn), mà không trả lời được, thì họ ghi ngay chữ *mù* bằng lọ ngệ lên trên chiếc mũ, hoặc chiếc nón đang đội trên đầu, có khi chiếc mũ, chiếc nón bà con mới mua ngoài chợ và mới đội lần đầu... Đồng bào còn có nhiều sáng kiến khắc phục khó khăn về giấy, bút, mực, phấn, bảng để học tập. Cán bộ bình dân học vụ có nhiều sáng kiến trong việc kiểm tra và động viên mọi người đi học.

1. Các cán bộ bình dân học vụ, mỗi sáng giảng dạy ngang qua cổng chợ gọi là “*giăng dây hỏi chữ*”, buộc chị em đi chợ phải đánh vần được một số từ thì mới cho vào chợ, ai chưa biết chữ thì phải vào khu chợ dành cho người chưa biết chữ. Bà con thường gọi là “*chợ dốt*”.

Em khoe em đẹp em giòn

Em không biết chữ, ai còn yêu em

Nhìn chung, tinh thần học chữ quốc ngữ ở nơi nào cũng cao, chính tinh thần ham học đó, mà chỉ trong một thời gian ngắn, hơn 90% người dân Quảng Nam đã cơ bản biết đọc, biết viết. 2 xã Lương Sơn, Kiến Tân (nay thuộc xã Duy Nghĩa, huyện Duy Xuyên) là nơi có thành tích xóa nạn mù chữ sớm nhất tỉnh, được Chính phủ tặng cờ *Diệt giặc đói, xóa mù chữ*. Ông Giang Lý, cán bộ bình dân học vụ huyện Quế Sơn có nhiều thành tích được tỉnh khen thưởng.

Ngoài phong trào bình dân học vụ, Mặt trận Việt Minh và chính quyền cách mạng tỉnh còn chỉ đạo các địa phương tổ chức khai giảng trở lại các trường từ tiểu học đến trung học, nhất là việc mở lại các trường trung học cũ: Trường Trung học Phan Châu Trinh ở Hội An, trường Trung học Thái Phiên ở Đà Nẵng. Nội dung giáo dục được thực hiện theo Sắc lệnh số 146/SL của Chính phủ, với 3 nguyên tắc cơ bản là: *Đại chúng hóa, dân tộc hóa, khoa học hóa và theo tôn chỉ phụng sự lý tưởng quốc gia và dân tộc*. Lần đầu tiên, các môn học đều được giảng bằng tiếng mẹ đẻ, học sinh được học kỹ các môn Văn và Lịch sử dân tộc.

Cuộc vận động xây dựng nếp sống mới, nền văn hóa mới được Nhân dân hưởng ứng. Nhiều phong tục tập quán lạc hậu, các tệ nạn xã hội như việc cúng tế linh đình, mê tín dị đoan, rượu chè, cờ bạc..., từng bước được bãi bỏ, thay vào đó là những nếp sống mới có nội dung tiến bộ, dân chủ, văn minh. Truyền thống dân tộc, tính cộng đồng, nhân văn được đề cao, trân trọng và phát huy.

Ngày 25 - 11 - 1945, Trung ương Đảng ra chỉ thị “*Kháng chiến, kiến quốc*” kêu gọi cả nước góp “*Quỹ độc lập*”, mở

“*Tuần lễ vàng*” để chuẩn bị điều kiện cho công cuộc kháng chiến lâu dài. Tại Quảng Nam, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc tổ chức lạc quyền và vận động ủng hộ lạc quyền giúp Chính phủ. Tại mỗi điểm lạc quyền, cán bộ Mặt trận Việt Minh làm một bàn thờ Tổ quốc, có ảnh Bác Hồ, có cờ đỏ sao vàng, trong không khí hương trầm nghi ngút, nhiều gia đình đã ủng hộ xuyên vàng, hoa tai, dây chuyền, nhẫn cưới để góp vào quỹ cứu quốc mà không hề so đo tính toán thiệt hơn; thậm chí có người còn mang cả nồi đồng, mâm thau, lư hương, đỉnh đồng đến góp.

Trong Nhân dân truyền nhau câu về vận động góp đồng của Mặt trận Việt Minh như sau:

*Một nồi đồng đúc mười viên đạn,
Trăm viên đạn giết vạn thằng Tây
Ai ơi có biết có hay
Đồng kia đúc đạn, thằng Tây đi đời.*

Hoặc

*Đồng vàng cất để làm chi
Hãy đem đúc đạn, đập đầu Đờ Gôn¹*

Chỉ trong một thời gian ngắn, Nhân dân trong tỉnh đã đóng góp được 20 kg vàng và hàng chục tấn sắt, đồng. Tuy không lớn, nhưng tấm lòng của đồng bào đối với chính quyền cách mạng đang trong tình thế “*ngàn cân treo sợi tóc*”, thì không gì có thể so sánh được.

Mặt trận Việt Minh và chính quyền cách mạng tỉnh Quảng Nam đã chỉ đạo các địa phương nhanh chóng xây dựng lực

1. Charles de Gaulle hay Charles André Joseph Marie de Gaulle, phiên âm tiếng Việt: Sác - Đờ - gôn.

lượng, sẵn sàng chiến đấu. Nhân dân vận động con em tham gia lực lượng vũ trang và bán vũ trang các cấp. Ở thôn nào cũng có hàng chục người tham gia lực lượng tự vệ chiến đấu. Ban ngày họ thực hiện tăng gia sản xuất, ban đêm tập luyện quân sự, huấn luyện cách khiêng và cứu chữa thương binh, cách tiếp tế lương thực, thực phẩm..., chị em phụ nữ ngày đêm hăng say luyện tập với tinh thần *“giặc đến nhà đàn bà cũng đánh”*, tạo nên một khí thế sẵn sàng chiến đấu trong đại bộ phận Nhân dân. Tại các vùng miền núi như: Bến Giằng, Bến Hiên, Phước Sơn, Trà My, bà con đồng bào cũng tổ chức luyện tập quân sự, sẵn sàng tham gia khi có lệnh.

Đề đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi toàn dân làm cơ sở cho kháng chiến thắng lợi, ngày 28 - 5 - 1946, Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt) được thành lập do chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng - một người con ưu tú của Quảng Nam làm Chủ tịch, tập hợp tất cả các đảng phái và đồng bào yêu nước, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, chủng tộc, xu hướng chính trị, phấn đấu cho nước Việt Nam độc lập, thống nhất, giàu mạnh. Hội nghị thông qua Cương lĩnh, Điều lệ với tôn chỉ, mục đích đoàn kết tất cả đảng phái và đồng bào yêu nước, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, xu hướng chính trị, chủng tộc để làm cho nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân chủ, phú cường.

Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam ra bản Tuyên ngôn nêu lên lý do ra đời của Hội, 4 nhiệm vụ khẩn cấp và trọng yếu của quốc dân Việt Nam và nêu rõ đứng trước sự đòi hỏi của Tổ quốc, đứng trước những nhiệm vụ thiêng liêng đối với đất nước, ở giờ phút lịch sử tồn vong của quốc gia dân tộc, những mâu thuẫn giữa các xu thế chính trị, các giai cấp, các tôn giáo, những sự chia rẽ vô lý giữa các thành phần dân tộc đều phải dàn xếp, xóa



Ông LÊ ĐÌNH THÁM
Chủ tịch Hội Liên Việt tỉnh
QN - ĐN (5/1946 - 3/1951)

bỏ và nhường bước cho sự đại đoàn kết rộng rãi, thành thực, vững chắc, đó chính là mục đích ra đời của Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam.

Tuyên ngôn kêu gọi đồng bào toàn quốc hãy hưởng ứng và tham gia Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam. *Hai mươi triệu người đồng tâm nhất trí như một người*, đó là khẩu hiệu của Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam. Đoàn kết đã đưa nước nhà đến những ngày chói lọi khởi nghĩa Tháng Tám và sự đoàn kết rộng rãi chân thành trong Hội Liên

hiệp quốc dân Việt Nam sẽ đưa nước nhà đến thắng lợi mới, sự đoàn kết sẽ làm cho nước nhà độc lập, thống nhất, dân chủ, phú cường¹.

Tại Quảng Nam, Đà Nẵng bên cạnh Mặt trận Việt Minh, ta thành lập thêm Hội Liên Việt Quảng Nam - Đà Nẵng do bác sĩ Lê Đình Thám làm Chủ tịch, Chi bộ Đảng Xã hội² do ông Phan Xuân Hoàng làm Bí thư, Chi bộ Đảng Dân chủ³ do ông Trần Văn Hồng làm Bí thư, nhằm tập hợp, đoàn kết mọi tầng lớp tư sản dân tộc, tiểu tư sản, trí thức yêu nước và tiến bộ trên địa bàn chưa tham gia Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt.

1. *Lược sử Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1995, trang. 77.

2. Đảng Xã hội Việt Nam ra đời ngày 22-7-1946.

3. Đảng Dân chủ Việt Nam ra đời năm 1944.

Nhờ có chính sách đúng đắn trong việc thu nhận, sử dụng nhân tài, ta đã tập hợp được không ít trí thức, nhân sĩ tham gia hoạt động cách mạng như bác sĩ Lê Đình Thám, Trương Côn, Võ Văn Toàn, Nam Trân, Nguyễn Mai, Hà Mão, Lương Trọng Hối, Lê Cao Thuyên, Đào Quý, Lương Quý Di, Lê Bá Ngọc, Lê Ám, Phan Thị Châu Liên, Trần Đình Đàn... Nhiều vị đã hiến ruộng đất, nhà cửa, cơ sở sản xuất cho cách mạng. Nhiều nhân sĩ, trí thức giác ngộ, được kết nạp vào Đảng, giữ những chức vụ quan trọng trong bộ máy chính quyền, Mặt trận Việt Minh...

Công tác tôn giáo và vận động Hoa kiều cũng được đẩy mạnh, tại Hội An ta thành lập Hội Hoa - Việt thân thiện do ông Võ Văn Đăng làm Hội trưởng, với các hoạt động chủ yếu nhằm thuyết phục bà con Hoa kiều hiểu rõ và ủng hộ kháng chiến.

Để chỉ đạo phong trào miền núi, Mặt trận Việt Minh và chính quyền cách mạng tỉnh quyết định thành lập Phòng liên lạc Quốc dân thiểu số (6 - 1946). Sau khi ra đời, Phòng liên lạc Quốc dân thiểu số đã đẩy mạnh công tác vận động quần chúng vùng giáp ranh và vùng dân tộc thiểu số, tuyên truyền 10 chính sách lớn của Mặt trận Việt Minh, vận động Nhân dân ủng hộ kháng chiến, tuyển chọn cán bộ và tổ chức Phòng liên lạc Quốc dân thiểu số vùng Trà My - Phước Sơn và vùng Bến Hiên - Bến Giằng, xây dựng mối đoàn kết Kinh - Thượng theo đúng tinh thần bức thư của Bác Hồ gửi cho Đại hội đại biểu các dân tộc miền Nam (4 - 1946): *“Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng*

nhau, no đói giúp nhau...Giang sơn và Chính phủ là giang sơn và Chính phủ chung của chúng ta. Vậy nên tất cả dân tộc chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn nước non ta, để ủng hộ Chính phủ ta. Chúng ta phải thương yêu nhau, phải kính trọng nhau, phải giúp đỡ nhau để mưu cầu hạnh phúc chung của chúng ta và con cháu chúng ta. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết chúng ta không bao giờ giảm bớt. Chúng ta quyết góp chung lực lượng lại để giữ vững quyền tự do, độc lập của chúng ta”¹.

Tháng 8 - 1946, do nhu cầu mở rộng hơn nữa cuộc vận động, tổ chức công nhân và lao động, Hội Công nhân cứu quốc tỉnh mở Đại hội tại Hội An, đề ra chủ trương đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục tinh thần yêu nước và đoàn kết, tương trợ trong công nhân, phát triển hội viên, xây dựng một số công đoàn dọc. Đồng thời Đại hội cũng quyết định đổi tên Hội Công nhân cứu quốc tỉnh thành Liên hiệp Công đoàn² tỉnh, bầu Ban Chấp hành do ông Phạm Tích (Bích) làm Thư ký. Ở các huyện vẫn giữ tên là Hội Công nhân cứu quốc huyện³. Sau Đại hội các công đoàn ngành như hỏa xa, xe hơi, thuyền tải và hội công chức lần lượt ra đời. Ở Hội An, Tam Kỳ, Vĩnh Điện, Túy Loan, Hà Lam..., có nhiều thợ thủ công hăng hái tham gia vào Hội Công nhân cứu quốc. Hội Phụ nữ cứu quốc tỉnh cũng thay đổi tên gọi thành Hội Liên hiệp Phụ nữ⁴ tỉnh và tiến hành củng cố, kiện toàn Ban Chấp hành gồm 7 thành viên, do bà Phan Thị Nễ làm Bí thư, bà Lê Thị Kinh làm Phó Bí thư.

1. *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 4, Nxb. CTQG, Hà Nội 1995, trang 217.

2. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam được thành lập ngày 20-7-1946.

3. *Lịch sử phong trào công nhân lao động và Công đoàn tỉnh Quảng Nam* (1929 - 2000), trang 63.

4. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thành lập ngày 20-10-1946.

Mùa thu năm 1946, cán bộ Mặt trận Việt Minh và đồng bào các huyện Tiên Phước, Đại Lộc; các linh mục và đồng bào Thiên Chúa giáo Trà Kiệu (Duy Xuyên); các nhân sĩ Lương Quý Di, Lương Trọng Hối, Nguyễn Đình Hiến, Lê Nhíp (Quế Sơn)..., vinh dự được cụ Huỳnh Thúc Kháng, với danh nghĩa đại diện của Chính phủ, trên đường kinh lý miền Trung đã ghé thăm, truyền đạt chủ trương kháng chiến của Đảng và Chính phủ, kêu gọi đoàn kết lương giáo, động viên đồng bào cố gắng tăng gia sản xuất, tin tưởng vào sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tháng 11 - 1946, để thống nhất chỉ đạo kháng chiến, tỉnh Quảng Nam và Đà Nẵng sáp nhập thành liên tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, ông Trương Quang Giao - Ủy viên Ban Thường vụ Xứ ủy làm Bí thư liên Tỉnh ủy, ông Trần Tổng làm Phó Bí thư. Cùng thời gian này, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt tỉnh phối hợp với Ủy ban quân dân liên tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng triển khai thực hiện kế hoạch vườn không, nhà trống, tiêu thổ kháng chiến, chuẩn bị tản cư và tiếp cư, cử cán bộ đi chỉ đạo xây dựng các đường quốc phòng, căn cứ kháng chiến ở các huyện, nhất là các huyện miền núi. Ủy ban quân sự liên tỉnh lập kế hoạch tác chiến cho các Trung đoàn bộ đội chủ lực 93, 96 hình thành thế chia cắt, ngăn chặn không cho quân Pháp ở Đà Nẵng đánh lan rộng về phía nam của tỉnh.

Như vậy, cho đến cuối năm 1946, cùng với khí thế chung của cả nước, quân và dân Quảng Nam - Đà Nẵng đã sẵn sàng trong tư thế kháng chiến lâu dài, kiên quyết chiến đấu giành thế chủ động ngay từ đầu, bao vây chia cắt, tiêu hao sinh lực địch, đẩy địch vào thế bị động, nhằm làm thất bại âm mưu “*đánh nhanh, thắng nhanh*” của thực dân Pháp”.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA MẶT TRẬN VIỆT MINH VÀ HỘI LIÊN VIỆT TỈNH QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1946 - 1950)

1. Hưởng ứng lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chiến đấu giam chân địch ở bờ bắc sông Thu Bồn, góp phần đánh bại chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh” của thực dân Pháp (12/1946 - 6/1947)

Thực dân Pháp bội ước Hiệp định sơ bộ (6 - 3 - 1946) và Tạm ước (14 - 9 - 1946), chúng tăng cường đưa quân vào chiến trường Đông Dương. Riêng tại Đà Nẵng số quân Pháp lên tới 6.745 tên với 934 súng trường, 100 tiểu liên, 44 trung liên, 37 đại liên¹. Ngày 12 - 12 - 1946, Cao uỷ Pháp ở Đông Dương Georges Thierry d'Argenlieu (Đác-giăng-li-ơ) đến Đà Nẵng, ngang nhiên tuyên bố “*Hà Nội, Hải phòng, Đà Nẵng là lãnh thổ của Pháp*”. Đứng trước nguy cơ đó, các lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ địa phương phối hợp với bộ đội chủ lực sẵn sàng chiến đấu. Nhân dân tản cư ra các vùng an toàn thuộc Hoà Vang, Điện Bàn, Đại Lộc, Duy Xuyên. Ta chuẩn bị tư thế sẵn sàng cắt đứt giao thông của quân Pháp trên tuyến đường quốc lộ 1A từ Đà Nẵng đi Vĩnh Điện và đường từ Tuý Loan đi Ái Nghĩa. Các trạm cứu thương, lương thực, vũ khí được lập ngay ở những điểm tiếp cận với mặt trận Đà Nẵng.

Hưởng ứng Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19 - 12 - 1946). Cùng với cả nước, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở mặt trận Quảng Nam - Đà Nẵng chính thức bắt đầu từ lúc 6 giờ 30 phút ngày 20 - 12 -

1. *Quảng Nam - Đà Nẵng, Lịch sử chiến tranh nhân dân*, tập 1: 1945-1954, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, xuất bản lần 2, 1994, trang 74.

1946. Tự vệ Đà Nẵng đã dùng bom đánh sập Nhà máy Đèn, Bru điện, cầu Thủy Tú, Cẩm Lệ; dọc theo tuyến quốc lộ 1A, các chướng ngại vật được dựng lên khắp nơi. Trong những ngày đầu chiến đấu, các đơn vị của Trung đoàn 96 cùng lực lượng vũ trang địa phương anh dũng chặn đánh, bao vây chúng trong thành phố.

Với tinh thần tất cả cho mặt trận Đà Nẵng, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt các cấp ở Quảng Nam - Đà Nẵng đã tuyên truyền vận động hội viên các đoàn thể cứu quốc, nhất là Nông hội cứu quốc các huyện tiếp tế hỗ trợ về mọi mặt. Đoàn viên Đoàn Thanh niên cứu quốc tham gia trong các đơn vị tự vệ tập trung về Đà Nẵng chiến đấu. Đặc biệt, trong những ngày sục sôi cách mạng, ước mơ được tòng quân, làm anh bộ đội cụ Hồ trở thành một lý tưởng cao đẹp của các chàng trai xứ Quảng, như hồi ký của một thanh niên lúc đó đã viết: “...*Ấy là con đường đi tất yếu của cả một thế hệ...*”¹.

Lực lượng tự vệ chiến đấu các huyện Điện Bàn, Đại Lộc, Duy Xuyên cùng bộ đội tổ chức chuyển thương, tải đạn, vận chuyển lương thực phục vụ chiến đấu. Các đoàn thể cứu quốc vận động hội viên đóng góp lương thực, thực phẩm, quyên góp quà bánh cho bộ đội, hưởng ứng tích cực phong trào “*Mùa đông binh sĩ*”. Nhiều áo quần, chăn màn..., góp lại đưa ra phòng tuyến cho chiến sĩ ta đỡ phần lạnh lẽo; chăm sóc thương bệnh binh; tham gia đào hào, đắp chướng ngại vật hình thành vòng vây quanh vùng ven Đà Nẵng; đón tiếp chu đáo đồng bào Đà Nẵng, Hòa Vang tản cư trong tinh thần tương thân tương ái. Nhân dân các huyện bỏ ra hàng triệu ngày công làm đường quốc

1. Nguyên Ngọc, *Chiến trường những năm tháng ấy, sống và viết trong tập Về một vùng văn học*, Nxb. Đà Nẵng 1993, trang 52.



Ông **TRƯƠNG QUANG GIAO**
*Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh
tỉnh QN - ĐN (1/1947-1/1949)*

dân - quân, hậu phương - tiền tuyến giữa Quảng Nam và Đà Nẵng càng thấm đượm trong khói lửa chiến tranh.

Sau hơn 1 tháng anh dũng trụ bám đánh địch, quân và dân ta đã tìm chân chúng tại Đà Nẵng và vùng tây bắc Hòa Vang, không cho chúng vượt qua sông Cẩm Lệ để tiến vào phía nam. Tháng 1 - 1947, Tỉnh ủy họp mở rộng tại Ái Nghĩa (Đại Lộc) đã đề ra nhiều nhiệm vụ cấp bách, đồng thời nhấn mạnh: “*Động viên sự đoàn kết và nỗ lực của toàn dân, vượt mọi khó khăn gian khổ, huy động hết thảy mọi phương tiện, tranh thủ khi địch còn ở phía Bắc sông Cẩm Lệ mà củng cố hệ thống phòng thủ phía Nam sông Cẩm Lệ..., thực hiện tiêu thổ kháng chiến, làm vườn không nhà trống, bất hợp tác với giặc...*”¹. Hội nghị đã

phòng, hai bên có nhiều hầm trú ẩn, công sự chiến đấu và kho dự trữ lương thực, cải tạo địa hình phù hợp với kháng chiến. Nhân dân huyện Quế Sơn làm đường Chợ Đụn - Đèo Le dài hơn 30 km; huyện Duy Xuyên làm đường Trà Kiệu, núi Hòn Tàu dài hơn 10 km. Nhiều huyện còn có sáng kiến thành lập các “*đội du kích thiếu niên*”, gồm những em từ 12 đến 16 tuổi gan dạ, tháo vát, phục vụ và tham gia kháng chiến, tiêu biểu như Đội du kích thiếu niên Hoàng Diệu ở Gò Nổi (Điện Bàn). Hình ảnh

1. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, Nxb. CTQG Hà Nội, 2006, trang 242 - 243.

củng cố lại Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh gồm 15 thành viên, do ông Trương Quang Giao làm Bí thư, kiêm Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh tỉnh, ông Trần Tổng làm Phó Bí thư Tỉnh ủy kiêm Phó Chủ nhiệm Việt Minh tỉnh.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Mặt trận Việt Minh, Hội Liên Việt và các đoàn thể cứu quốc ở Quảng Nam tích cực vận động các tầng lớp Nhân dân xây dựng phòng tuyến, công sự, ụ chướng ngại vật, chòi canh dọc bờ biển, đào hầm trú ẩn máy bay, đóng góp mọi thứ vật liệu cần thiết phục vụ bộ đội; tham gia phá cầu Vĩnh Điện, Bích Trâm, thành La Qua (Điện Bàn); đường 100 (nay là đường ĐT 609), đường sắt, các cầu Kỳ Lam, Chiêm Sơn cũng bị phá dỡ. Ở Đại Lộc, Nhân dân đào giao thông hào từ chân núi Ba Khe ra sát sông Vu Gia để ngăn xe quân sự của địch đưa quân lên Hà Tân, Bến Hiên, Bến Giằng. Tại Thăng Bình, Nhân dân Phú Cang (Bình Quý), Lạc Câu (Bình Dương) và chợ Bà (Bình Giang) dùng thanh sắt làm hàng rào, bờ lũy để chặn giặc vào xã. Nhiều nơi Nhân dân còn có sáng kiến chặt tre thành từng đoạn, vót nhọn cắm ở những bãi trống để chống giặc nhảy dù; làm nò, đắp kè ở các cửa sông dọc theo bờ biển để ngăn ca nô địch chạy vào; hiến cả giường, tủ, bàn, ghế, cột nhà, cối xay, cối giã..., để xây dựng trận địa, công sự đánh địch trên các ngã đường, dọc thôn xóm, ven bờ biển.

Nhân dân Điện Bàn, Hội An chôn giấu tài sản, phá nhà cửa, tản cư sang các huyện phía nam sông Thu Bồn. Ở Duy Xuyên, Thăng Bình, Quế Sơn, Tam Kỳ..., Nhân dân tổ chức làm hầm trú ẩn, đón tiếp giúp đỡ đồng bào tản cư, làm đường sá, kho tàng, nhà thương, tiếp tế, tải thương, dự trữ lương thực, phục vụ bộ đội chiến đấu. Hội Phụ nữ thành lập Hội mẹ, chi

binh sĩ, tổ chức lạc quyền để chăm sóc thương bệnh binh và gửi quà ra mặt trận động viên tinh thần bộ đội.

Hưởng ứng phong trào toàn dân phòng gian bảo mật, bảo vệ nơi đồn trú của bộ đội, nơi đóng các cơ quan của tỉnh, huyện với khẩu hiệu 3 không (không nghe, không biết, không thấy). Ở những nơi đông người như chợ búa, quán xá, Mặt trận Việt Minh đều dán khẩu hiệu để nhắc nhở mọi người giữ bí mật.

“Ở đây tai vách mạch rừng

Chuyện đâu bỏ đấy xin đừng ba hoa”

Ngoài ra, các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh thường xuyên đề cao cảnh giác; những người lạ mặt đến thôn, xóm đều bị dân xem xét giấy tờ và theo dõi, phát hiện báo cáo để cách mạng trừng trị những tên Việt gian, chỉ điểm cho địch.

Trên địa bàn miền núi, đội ngũ cán bộ Phòng liên lạc Quốc dân thiểu số ngày đêm bám sát địa bàn dân cư, kiên trì vận động, cùng ăn, cùng ở, cùng làm, cùng học tiếng nói, phong tục tập quán đã làm cho bà con người dân tộc thiểu số từng bước thấu hiểu về chính sách của Mặt trận Việt Minh, nhờ vậy mà chủ trương xây dựng miền núi thành vùng hậu cứ của cách mạng và tổ chức lực lượng kháng chiến bước đầu đã mang lại một số kết quả thiết thực. Song, vấn đề xây dựng mối đoàn kết Kinh - Thượng trong thực tế vẫn còn những trở ngại, bởi lẽ đa số các tộc người thiểu số trên địa bàn Quảng Nam không biết tiếng Việt, lại chưa có chữ viết riêng, trình độ dân trí thấp, đời sống hết sức khó khăn, tập tục lạc hậu nặng nề... Trong khi đó thực dân Pháp và tay sai đang tìm mọi cách để thực hiện chính sách chia rẽ dân tộc nói chung, chia rẽ Kinh - Thượng nói riêng. Vì vậy, giữa tháng 1 - 1947, Phòng liên lạc Quốc dân thiểu số Trà My - Phước Sơn, mà nòng cốt là các cán bộ của Mặt trận Việt Minh

đã tổ chức Đại hội đoàn kết các dân tộc trong vùng tại bãi cát Bà Huỳnh. Đại hội diễn ra trên tinh thần đoàn kết và tin tưởng, hơn 500 đại biểu dân tộc Bhnong vùng cao (gồm các làng Kadhoat Xum, Roh Roh, Bhaneng Meo, Lagam, Plây Lut, Plây Xe, Xuân Mãi) và trên 100 đại biểu dân tộc Cadong vùng thấp (gồm các làng Kông Van, Giangàn, Giaseq, Kanâng) cùng trên 200 đại biểu người Kinh các xã Vinh Quang, Liên Giang đến dự.

Về dự và chỉ đạo Đại hội có đại diện Mặt trận Việt Minh, Phòng liên lạc Quốc dân thiểu số Trà My - Phước Sơn và đại diện Mặt trận Việt Minh huyện Quế Sơn. Đại hội nghe phổ biến chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng, âm mưu chia rẽ dân tộc của thực dân Pháp và tay sai; tổ chức học tập thư của Bác Hồ gửi Đại hội đoàn kết các dân tộc thiểu số miền Nam tại Plâycu (Gia Lai). Thảo luận tại Đại hội, đại biểu các dân tộc đều hứa quyết tâm xóa bỏ tập tục “*trả đầu*”, “*giặc mùa*”, nguyện đoàn kết chặt chẽ trong Mặt trận Việt Minh, đi theo con đường cách mạng của Đảng và Bác Hồ. Đồng thời các đại biểu còn cam kết sẽ vận động dân làng đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ, ra sức thi đua sản xuất, ủng hộ kháng chiến... Đại hội còn tổ chức lễ ăn thề đoàn kết các dân tộc; tổ chức đâm trâu huê, múa hát công chiêng suốt một ngày đêm theo đúng phong tục của đồng bào. Đại hội đoàn kết đã để lại nhiều kết quả và những ấn tượng sâu sắc, xúc động, vì đây là lần đầu tiên trong lịch sử bà con các dân tộc thiểu số và người Kinh cùng ăn một mâm, ngồi một chiếu, uống chung rượu cần, bàn việc nước¹...

Tháng 3 - 1947, đứng trước yêu cầu nhiệm vụ mới của cách mạng, đòi hỏi phải có tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt

1. *Lịch sử Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Phước Sơn (1945 - 2010)*, tháng 11 - 2012, trang 42, 43.

trận và các đoàn thể thay vai trò của Phòng liên lạc Quốc dân thiểu số Trà My - Phước Sơn, mới đủ sức lãnh đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc ở vùng tự do. Do vậy, Mặt trận Việt Minh và chính quyền cách mạng tỉnh quyết định thành lập châu Trà My (bao gồm cả Phước Sơn), do ông Nguyễn Võ làm Chủ tịch Ủy ban Hành chính. Ngay sau đó, ông Nguyễn Xuân Nhĩ - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy viên Mặt trận Việt Minh tỉnh thay mặt Tỉnh ủy, Mặt trận Việt Minh tỉnh đã triệu tập Hội nghị toàn thể đảng viên và cán bộ Việt Minh đang hoạt động trên địa bàn Trà My - Phước Sơn để thành lập Ban Cán sự Đảng và Mặt trận Việt Minh châu Trà My do ông Nguyễn Đáo làm Bí thư, kiêm Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh, ông Phan Điều làm Phó Chủ nhiệm.

Cùng thời gian này, địch tăng viện binh, nâng tổng số quân trên chiến trường Quảng Nam - Đà Nẵng lên hơn 1 vạn quân, địch bắt đầu mở các cuộc càn quét, đánh sâu vào các vùng nông thôn là hậu phương rộng lớn của ta. Tại Quảng Nam, đến trưa ngày 14 - 3 - 1947, chúng chiếm thị xã Hội An. Từ Hội An, địch đánh thẳng lên Vĩnh Điện, Phong Thử, hợp điểm với gọng kìm tại phía tây Ái Nghĩa (Đại Lộc). Ngày 26 - 3 - 1947, nhằm khai thông đường 14 từ Đà Nẵng lên Kon Tum, cắt đứt hành lang Nam - Bắc và đường qua Hạ Lào của ta, địch tổ chức cuộc hành quân theo đường 14 đánh lên phía tây. Nhận được tin giặc Pháp sẽ kéo lên Bến Giằng, gần 70 đồng bào Cotu với giáo mác, cung tên, dưới sự chỉ huy của Conh Dươi chuẩn bị sẵn sàng phối hợp với bộ đội đánh Tây. Tuy nhiên, do đường sá, cầu cống đã bị Nhân dân phá hỏng; nhiều chướng ngại vật được dựng lên, thêm vào đó các đơn vị của tỉnh, dân quân du kích Đại Lộc liên tục quấy rối, nên địch chỉ tiến lên tới Hà Tân, Hội Khách (Đại Lãnh), sau đó chúng phải rút lui về Ái Nghĩa. Dù chưa có cơ hội

chạm trán với quân Pháp, song sự kiện “*đồng bào Cotu đi đuổi Tây*” khẳng định ý chí đoàn kết, tinh thần quả cảm của đồng bào quyết tâm chống xâm lược, bảo vệ núi rừng.

Tại Vĩnh Điện, Phong Thử, Ái Nghĩa, hai Trung đoàn 93, 96 phối hợp với bộ đội, dân quân du kích các địa phương đã tổ chức nhiều trận đánh quyết liệt với quân địch. Nhưng do sự tương quan lực lượng quá chênh lệch, các lực lượng vũ trang của ta vừa chiến đấu, vừa rút lui dần sang bờ nam sông Thu Bồn để bảo toàn lực lượng, chuẩn bị chiến đấu lâu dài với thực dân Pháp.

Sau đợt tiến công này, chúng chiếm được vùng đồng bằng phía bắc sông Thu Bồn. Các cơ quan của huyện Hoà Vang, Hội An, Điện Bàn cùng một bộ phận Nhân dân lần lượt chuyển vào các huyện phía nam của tỉnh. Mặc dù các trạm tiếp cư từ phía nam sông Thu Bồn trở vào đã được Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc chuẩn bị trước, với đầy đủ nước uống, lương thực và các vật dụng thiết yếu phục vụ cho đồng bào tản cư theo dự kiến. Nhưng, Nhân dân các huyện Duy Xuyên, Thăng Bình, Quế Sơn, Tam Kỳ, Tiên Phước vẫn không thể đáp ứng kịp số lượng hàng chục vạn đồng bào tản cư cùng một lúc, nên không khỏi xảy ra tình trạng nhiều gia đình tản cư phải sống trong cảnh màn trời chiếu đất, không nhà cửa, không lương thực, không thuốc men lúc ốm đau...

Trước tình hình đó, cuối tháng 3 - 1947, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc vận động đồng bào các huyện phía bắc hồi cư. Các huyện, thị, thành phố tổ chức những đội công tác bám theo dân trở về từng vùng địch tạm chiếm để hoạt động và giúp dân tổ chức sản xuất, chống âm mưu gom dân lập tề của địch.

Quán triệt sâu sắc đường lối kháng chiến “*toàn dân, toàn diện, trường kỳ, tự lực cánh sinh*” của Trung ương. Với khẩu hiệu “*Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng quân xâm lược*”. Mặt trận Việt Minh, Hội Liên Việt và các đoàn thể cứu quốc trong tỉnh một mặt động viên con em tham gia bộ đội, dân quân du kích xã thôn để đánh giặc giữ làng; tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, trồng nhiều rau để chống đói, cứu đói, ổn định đời sống; đóng góp quỹ nuôi quân; giúp dân quân, tự vệ phát hiện và diệt bọn ác ôn trà trộn trong Nhân dân. Mặt khác, vận động Nhân dân đấu tranh chống lập tề chiêu an, làm hầm bí mật, bảo vệ cán bộ, chống địch càn quét cướp bóc, đẩy mạnh công tác địch vận, trừ gian ở những vùng tạm bị chiếm. Cạnh đó, Mặt trận Việt Minh các cấp còn vận động hàng vạn đồng bào phá hủy các công trình giao thông, nhằm ngăn chặn giặc tấn công bằng đường bộ; cấm cọc ở những vùng đất trống để hạn chế địch đổ quân nhảy dù, canh gác chống địch đổ bộ bằng đường biển; đào giao thông hào, công sự, địa đạo, rào làng chiến đấu, để đánh địch và che giấu lực lượng, xây dựng thực lực cách mạng ở vùng tự do.

Ở Điện Bàn, để phục vụ chính sách chiêu an, dôn dân, bình định, khống chế tinh thần của Nhân dân, ngày 16 - 4 - 1947, chỉ trong một cuộc càn chúng đã sát hại 11 người dân vô tội tại La Huân, Giáng La; đốt phá nhà cửa và giết hại thêm 21 người dân tại La Thọ. Đi đôi với thủ đoạn khủng bố, thực dân Pháp còn bày trò dùng thủ đoạn chính trị, dùng chính sách chia rẽ, lợi dụng tôn giáo, mê hoặc một số người làm tay sai cho chúng, gây mâu thuẫn giữa lương và giáo. Một số nơi chúng bắt dân tập trung mít tinh, biểu tình, hô khẩu hiệu chống lại kháng chiến...

Sau khi đánh chiếm đồng bằng Bắc Bộ và Trung Bộ, Pháp tăng cường viện binh tiến hành càn quét, chiêu an, lập tề, bắt dân tập trung về ở sát hai bên đường giao thông, những nơi chúng dễ kiểm soát; chúng cho xe đón tiếp đồng bào hồi cư, phát thuốc men, bán gạo rẻ, đưa những tên Việt gian đến diễn thuyết, dụ dỗ đồng bào về làm ăn; tiến hành nắm sổ dân, cử tri và cấp thẻ, bắt dân đi làm trâu, nộp thuế, đắp đường, xây đồn bót; cướp trâu bò, tài sản rồi cho lý trưởng ra nhận dân mới cho về và trả lại tài sản.

Tháng 6 - 1947, thực dân Pháp tập trung lực lượng vượt qua sông Thu Bồn, mở rộng vùng chiếm đóng sang đất Duy Xuyên, tây Đại Lộc, lập hệ thống đồn bót ở nam sông Thu Bồn. Từ đây, hình thái chiến trường Quảng Nam hình thành hai vùng rõ rệt: nửa phía bắc sông Bà Rén trở ra là vùng địch tạm chiếm gồm các huyện Duy Xuyên, Điện Bàn, Hội An, Đại Lộc. Vùng tự do của tỉnh gồm 4 huyện miền núi: Hiên, Giăng, Phước Sơn, Trà My và 4 huyện đồng bằng: Quế Sơn, Thăng Bình, Tam Kỳ, Tiên Phước nối liền với các tỉnh bạn phía nam, tạo thành vùng tự do Nam - Ngãi - Bình - Phú của Khu 5 trong suốt thời gian còn lại của cuộc kháng chiến chống Pháp.

2. Tham gia xây dựng và bảo vệ vùng tự do, đẩy mạnh chiến tranh du kích vùng sau lưng địch, giành thế chủ động trên chiến trường (6/1947 - 1950)

Ở vùng tự do, nhiệm vụ đặt ra cho các cấp uỷ Đảng, chính quyền, Mặt trận Việt Minh, Hội Liên Việt và các đoàn thể cứu quốc là vận động Nhân dân cứu mang, giúp đỡ đồng bào tản cư, tham gia bố phòng, chống địch lấn chiếm, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự trị an; bảo vệ các cơ quan, đơn vị đến đóng quân; tăng gia sản xuất, đóng góp lương thực cho tiền tuyến;



Các đại biểu dân tộc thiểu số Quảng Nam dự Hội nghị bàn về công tác miền núi và dân tộc Liên khu V (1948)

xây dựng đời sống văn hóa, xã hội, phát triển giáo dục, nhanh chóng đưa vùng tự do thành hậu phương vững chắc của cuộc kháng chiến.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền, đoàn thể các cấp từ tỉnh đến cơ sở, nhằm tập hợp lực lượng, mở rộng hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân, đáp ứng yêu cầu phát triển của cuộc kháng chiến, tháng 7 - 1947, Hội Liên Việt tỉnh mở đại hội gồm đại diện các tôn giáo, đảng phái, nhân sĩ, thương gia..., bàn việc thống nhất

hành động chống Pháp. Ngày 25 - 7 - 1947, Đại hội thành lập Đoàn Thanh niên Việt Nam tỉnh Quảng Nam được tổ chức với sự tham dự của 120 đại biểu, đại diện cho Đoàn Thanh niên các địa phương, các đoàn thể (công nhân, nông dân, phụ nữ) cấp tỉnh; các đơn vị quân đội, viên chức, giáo viên, học sinh, đại biểu thanh niên trong các tôn giáo (Thiên Chúa giáo, Phật giáo, Tin Lành, Cao Đài), nhằm tập hợp và đoàn kết rộng rãi các tầng lớp thanh niên tham gia kháng chiến, cứu nước¹. Ngày 10 - 7 - 1947, Hội Lão thành cứu quốc Quảng Nam tổ chức đại hội, xác định nhiệm vụ cho 47.000 hội viên của Hội. Đảng Xã hội tại Quảng Nam có 310 đảng viên thuộc tầng lớp trí thức và công chức. Đảng Dân chủ tại Quảng Nam phát triển được 500 đảng viên. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tỉnh có 35.000 hội viên, Hội Nông dân cứu quốc tỉnh có 84.000 hội viên, Liên hiệp Công đoàn tỉnh có 8.859 hội viên, Nhi đồng cứu quốc tỉnh có 21.000 đội viên. Tổ chức Đoàn lúc này đã có tới 40.220 đoàn viên, đây là bước trưởng thành rất lớn của Đoàn Thanh niên Quảng Nam. Về xây dựng lực lượng vũ trang, tính đến tháng 12 - 1947, hầu hết các xã trong tỉnh đều có đội du kích tập trung với tổng số 15.099 đội viên, dân quân tự vệ có 73.429 đội viên, toàn tỉnh có 16 trung đội biệt động huyện²...

Ngày 6 - 1 - 1949, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ I họp tại xã Tam An (nay thuộc huyện Phú Ninh). Tại Đại hội này, ông Nguyễn Xuân Hữu được bầu làm Bí thư, kiêm Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh tỉnh. Sau đó, ông Nguyễn Xuân Hữu được Liên khu uỷ 5 điều vào làm Bí

1. BCH Tỉnh Đoàn Quảng Nam, *Lịch sử Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và phong trào thanh thiếu nhi tỉnh Quảng Nam (1927 - 2011)*, Tam Kỳ, tháng 3 - 2011, trang 58 - 59.

2. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, trang 255.



Ông NGUYỄN XUÂN HỮU
*Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh
tỉnh QN - ĐN (1/1949 - cuối
năm 1949)*

thư Tỉnh ủy Khánh Hòa, ông Cao Sơn Pháo - Phó Bí thư Tỉnh ủy làm Quyền Bí thư. Tiếp theo, từ ngày 21 - 2 đến ngày 2 - 3 - 1950, tại làng Bà Bầu (Tam Anh Bắc, Núi Thành hiện nay) đã diễn ra Đại hội Đảng bộ lần thứ II. Ông Cao Sơn Pháo được bầu làm Bí thư, kiêm Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh tỉnh, ông Lê Bình làm Phó Bí thư.

Sau khi các đoàn thể cứu quốc và lực lượng vũ trang được kiện toàn, củng cố, tính đến đầu năm 1950, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt tỉnh đã tập hợp được 454.859 hội viên, trong đó có 97.000 thanh niên, 227.197 phụ nữ, 68.638 nông dân, 30.000 lão thành và các tầng lớp, cá nhân yêu nước đứng vào mặt trận chống Pháp. Đặc biệt sau khi có chủ trương về đẩy mạnh kháng chiến được Tỉnh ủy thông qua tại Đại hội Đảng bộ lần thứ I (1 - 1949) & lần thứ II (3 - 1950), Mặt trận Việt Minh và đoàn thể cứu quốc các cấp tiếp tục động viên con em vào du kích, tạo thành đội quân đông đảo, rộng rãi của chiến tranh nhân dân, vừa gắn chặt với ruộng vườn, vừa chiến đấu đánh giặc giữ làng, đây cũng là lực lượng dự bị để bổ sung cho lực lượng bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương.

Trong gian khổ chiến tranh, hầu hết Nhân dân xứ Quảng ở vùng tự do đều ý thức rất rõ về nghĩa vụ của mình với kháng

chiến, nên đã hết lòng đùm bọc cán bộ, đảng viên, dân quân du kích, bộ đội đóng trên địa bàn. Bà con đã quyên góp quần áo, tiền bạc, thuốc men, nhận thương binh, con mồ côi về chăm sóc, nuôi dưỡng qua các phong trào “*Ủng hộ bộ đội*”, “*Nhận thương binh về làng*”, “*Hướng về vùng tạm chiếm*”..., do Hội Phụ nữ làm nòng cốt. Các đợt vận động của tỉnh về đóng góp quỹ kháng chiến, mua “*công phiếu kháng chiến*”, “*quỹ nuôi quân*”, đều được các tầng lớp Nhân dân hưởng ứng tích cực, đóng góp hàng chục triệu đồng, hàng vạn ang lúa, mắm, muối... Năm 1948, nhiều nơi còn tổ chức “*Hội chợ kháng chiến*” nhằm giáo dục tinh thần thi đua yêu nước, huy động vật chất đóng góp cho kháng chiến.

Để bảo vệ vùng tự do, Mặt trận Việt Minh và các đoàn thể cứu quốc các cấp vận động hội viên và Nhân dân phối hợp với các lực lượng vũ trang tăng cường công tác phòng thủ, chú trọng vùng giáp ranh và ven biển. Hàng ngày nhìn về vùng tạm chiếm thấy bao cảnh đau thương tan tác do giặc gây ra, khiến người dân càng quyết tâm bảo vệ bằng được mảnh đất tự do còn lại của quê hương. Ở các cửa sông, Nhân dân góp cây, đóng cọc, làm kè chống ca nô địch; dọc bờ biển thì đào giao thông hào, công sự; dọc các trục đường giao thông thì trồng cây, đào hầm trú ẩn. Tất cả các hoạt động như họp chợ, hội họp, sản xuất mùa vụ đều diễn ra vào ban đêm. Ngư dân thực hiện phương châm “*địch đánh ban ngày ta làm ban đêm, địch phá ghe thuyền ta sắm thúng đi câu*”.

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về nhân tài, vật lực chi viện cho tiền tuyến, hàng vạn lượt người đã đi dân công, vận chuyển đưa gạo, muối, súng đạn ra tiếp tế cho các chiến trường phía bắc của tỉnh, tây bắc Hòa Vang, lên bắc Kon Tum, sang Hạ



Đại hội Việt Minh Quảng Nam- Đà Nẵng năm 1949

Lào làm đường hành lang chiến lược. Chỉ tính riêng các huyện miền núi, đến tháng 7 - 1948 đã góp 45.000 ngày công; nhận chăm sóc, đỡ đầu hàng ngàn thương binh.

Trên lĩnh vực sản xuất, các đoàn thể thanh niên, nông dân, phụ nữ, lão thành, thiếu nhi, cơ quan, lực lượng vũ trang đều có chương trình, kế hoạch tăng gia sản xuất. Năm 1949, Nhân dân toàn tỉnh lập được 60 hội khẩn hoang để mở rộng diện tích (tăng 15% so với năm 1948), chủ yếu trồng lúa, rau, sắn, khoai, ngô và chăn nuôi gia súc gia cầm. Bên cạnh việc khai hoang mở rộng diện tích canh tác, Nhân dân còn tổ chức thâm canh, xen canh, tăng vụ. Để nâng cao năng suất cây trồng, công tác phát triển thủy lợi, bón phân được chú trọng. Ngoài các bara An Trạch, đập Vĩnh Trinh, Duy Lộc, Khe Cống, Thạch Bàn, Hồng Quang, Tây Long, Hương Mao, Hồ Chình..., được nhanh chóng phục hồi, các địa phương còn làm thêm 41 đập bồi. Các phương tiện “*dẫn thủy nhập điền*” để chống hạn như xe trâu, xe nước, gàu giai, gàu sòng..., được từng hộ gia đình

triệt để sử dụng. Trên địa bàn miền núi, ngoài việc sản xuất nông nghiệp theo lối phát rẫy, đồng bào các dân tộc ít người được Hội Nông dân cứu quốc và phòng Quốc dân thiểu số hướng dẫn làm vườn, trồng cây ăn quả. Nhờ đó, trong ba năm 1949 - 1951, Nhân dân Quảng Nam đã đóng góp hơn ngàn tấn lương thực, hàng trăm tấn muối, mắm cho chiến trường.

Công tác văn hóa giáo dục ở vùng tự do liên tục phát triển. Bên cạnh phong trào bình dân học vụ, hệ thống giáo dục phổ thông cũng phát triển mạnh, đến năm 1950, trên địa bàn tỉnh ngoài các trường cấp I và nhiều lớp vỡ lòng ở các xã, còn có các trường cấp II¹ như Trường Trần Du (còn gọi là Trường Tam Kỳ 2), Trường Bình dân, Trường Phan Châu Trinh, Trường Quế Sơn 2..., do tỉnh mở để đào tạo cán bộ. Học sinh được giáo dục toàn diện cả về kiến thức văn hóa, phẩm chất đạo đức và ý thức lao động... Đặc biệt, cụ Nguyễn Ban ở Bình Lâm (Hiệp Đức) mặc dù đã ngoài 70 tuổi nhưng vẫn chăm chỉ học chữ quốc ngữ, đã được Bác Hồ gửi thư khen ngợi. Bức thư có đoạn viết: *“Đời xưa bên Trung Quốc có ông Tô Lão Tuyền 72 tuổi mới bắt đầu học, tiếng thơm còn để đến ngày nay. Bây giờ nước Việt Nam ta cụ 77 tuổi mới đi học, chắc tiếng thơm sẽ truyền khắp nước. Cụ thật xứng đáng bốn chữ “lão đương ích tráng”. Cụ là một tượng trưng phúc đức của nước nhà. Đó là một thành công to lớn và ý nghĩa sâu xa”*².

Tuy trong điều kiện còn rất nhiều khó khăn, thiếu thốn, nhưng các sinh hoạt văn hóa tinh thần của các tầng lớp Nhân dân vẫn được Mặt trận Việt Minh, Hội Liên Việt và đoàn thể

1. Với cuộc cải cách giáo dục lần thứ I (1950), hệ thống giáo dục phổ thông của ta lúc đó gồm 3 cấp, đó là cấp I: 4 năm (lớp 1, 2, 3, 4), cấp II: 3 năm (lớp 5, 6, 7), cấp III: 2 năm (lớp 8, 9).

2. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, trang 281.

cứu quốc các cấp chăm lo chu đáo. Nông hội cứu quốc tổ chức hội thi “*Tiếng hát nhà nông*”, vận động hội viên xây dựng nếp sống mới, cải tiến việc ma chay, cưới hỏi, ăn ở vệ sinh... Vợ tuồng Chị Ngộ, tiểu thuyết Con Trâu của nhà văn Nguyễn Văn Bổng về đề tài kháng chiến là những tác phẩm được nhiều người xem, đón đọc, cổ vũ; phong trào ca hát, múa tập thể, sinh hoạt lửa trại do các đoàn thể tổ chức diễn ra thường xuyên, tạo nên không khí phấn khởi, vui tươi, tin tưởng trong Nhân dân vùng tự do và có sức lan tỏa đến cả Nhân dân các vùng bị tạm chiếm.

Tình đoàn kết, thương yêu, tương thân tương trợ được bà con chăm lo vun đắp trong xóm làng, giữa Nhân dân sở tại và đồng bào tản cư đã tạo nên những tình cảm thân ái giữa các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh. Vì nghĩa lớn của cuộc kháng chiến, người ta gắn bó sâu sắc với nhau, chăm nom đùm bọc nhau, tình nghĩa đồng bào bền chặt hơn và hai chữ *đồng bào* cũng có thêm những sắc thái mới. Từ lời ăn tiếng nói thường nhật cho đến tập quán sinh hoạt đều có sự đổi thay: “*Phụ nữ ăn dưa hai đầu, lấy chồng bộ đội làm dâu Cụ Hồ*”. Trong đó lớn nhất là tình cảm đồng bào vùng tự do dành cho đồng bào vùng tạm chiếm:

*“Hòn cặm sông núi chắt chùng
Ai về bị chiếm cho lòng ta theo”*

Hay

*Ngó lên ngó xuống thì vui
Nhìn về bị chiếm bùi ngùi nhớ thương
Nhiều điều phải lấy giá gương
Giúp vùng bị chiếm là thương giống nòi*

Không chỉ tổ chức nuôi dưỡng cán bộ du kích vùng bị chiếm vào an dưỡng, giúp đỡ đồng bào tản cư có nơi ăn chốn ở,

sớm ổn định cuộc sống; mà các đoàn thể cứu quốc vùng tự do còn thường xuyên tổ chức quyên góp tiền bạc, lương thực, thực phẩm, trích quỹ mua thuốc men, cử đại biểu bí mật đi thăm hỏi, ủng hộ đồng bào vùng tạm chiếm. Đặc biệt, hưởng ứng chủ trương của tỉnh và Trung ương về việc giúp đỡ cách mạng Lào, Nhân dân xã Tam Dân (Phú Ninh) đã nhiệt tình giúp đỡ và bảo vệ cơ quan Ban Cán sự Hạ Lào và bộ đội Hạ Lào suốt hai năm liền khi về đây an dưỡng, huấn luyện.

Ở những vùng bị tạm chiếm, do không mở rộng thêm được phạm vi chiếm đóng, địch quay về lập hệ thống cứ điểm nhằm bảo vệ những nơi chúng vừa giành được và các trục hành lang. Tại Duy Xuyên, Điện Bàn, Đại Lộc, Hội An sau khi xây dựng xong hệ thống đồn bót dày đặc, chúng liên tiếp mở các cuộc càn quét vào những khu vực chúng chưa thể kiểm soát được để chiêu an, lập tề, dồn dân vào chung quanh các đồn bót. Đi đôi với thủ đoạn khủng bố, thực dân Pháp còn dùng thủ đoạn chính trị, chính sách chia rẽ, lợi dụng tôn giáo, mê hoặc một số người làm tay sai cho chúng chống lại kháng chiến, gây mâu thuẫn giữa lương và giáo. Một số nơi chúng bắt dân tập trung mít tinh, biểu tình..., chống cách mạng. Trong các cuộc càn quét, quân Pháp dùng nhiều thủ đoạn độc ác, xảo quyệt; mua chuộc, dụ dỗ đi đôi với khủng bố trắng, tàn sát, đốt nhà, cướp của, hãm hiếp, chém giết bất kể người già, trẻ em. Tại Điện Bàn, tháng 7 - 1947, địch dùng máy bay ném bom chợ Tư Phú, giết 200 đồng bào đang họp chợ; ngày 16 - 11 - 1947, địch mở cuộc càn lớn vào các làng Bích Trâm, Hà Thanh, La Thọ, Quang Hiên, Cổ Lưu giết 50 người và bắn chết nhiều trâu bò, đốt phá 1.030 nóc nhà. Sự đánh phá, càn quét liên tiếp của địch làm cho 2.750 mẫu ruộng ở Điện Bàn bị bỏ hoang, thêm vào đó là thiên tai lũ lụt làm cho đời sống Nhân dân càng khó khăn,

hiều nơi bị đói nặng. Tại Đại Lộc, tháng 8 - 1947, chúng tàn sát rồi chặt đầu 28 người đem bêu ở sân vận động Mỹ Hòa.

Trước tình hình đó, tháng 1 - 1948, Hội nghị Tỉnh ủy đề ra nhiệm vụ đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng tạm chiếm, đánh bại kế hoạch bình định, dồn dân, lập tề của địch. Hàng trăm cán bộ đã qua thử thách và có kinh nghiệm được tăng cường cho các vùng bị địch kiểm soát. Nhờ đó, tình hình bước đầu có những chuyển biến tích cực, cơ sở cách mạng tiếp tục được xây dựng, phong trào kháng chiến được duy trì.

Trên mặt trận kinh tế - chính trị, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt tỉnh vận động Nhân dân đấu tranh chống thu thóc, chống nộp thuế, chống đi phu, đi lính. Một mặt ta ra sức xây dựng nền kinh tế tự cấp, tự túc tại chỗ cho kháng chiến; đồng bào từng ngày, từng giờ vừa sản xuất, vừa chống giặc, bảo vệ hoa màu. Mỗi khi đến mùa thu hoạch, Nhân dân và lực lượng dân quân du kích tập trung giành giật hoa màu với quân thù trên từng thửa ruộng. Mặt khác, ta tăng cường đấu tranh với địch, kiểm soát chặt chẽ việc giao lưu hàng hoá giữa vùng tự do và vùng tạm chiếm, ngay cả khi địch ra sức kiểm soát, cấm lưu hành bạc Tín phiếu¹, nhưng đồng bào ta vẫn tin tưởng và trân trọng tiêu dùng, tẩy chay tiền Đông Dương của Pháp. Song song với việc du kích mở rộng vùng kiểm soát, ta tổ chức họp chợ, phá chợ địch, bài trừ hàng ngoại hóa, hàng xa xỉ phẩm.

“Duy Sơn thách với Duy Hòa

Đừng đi chợ địch mới là thi đua”

1. Để đảm bảo chủ động chỉ tiêu cho kháng chiến và chuẩn bị đấu tranh kinh tế tài chính với địch, Chính phủ ta cho lưu hành đồng bạc Việt Nam ở miền Nam Trung Bộ. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, chiến trường chia cắt, năm 1947, Trung ương cho Nam Trung Bộ phát hành tờ Tín Phiếu, thu dần đồng bạc Việt Nam.



Ông CAO SƠN PHÁO
Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh
tỉnh QN - ĐN
(cuối năm 1949 - 3/1951)

Phong trào Nhân dân du kích chiến tranh nổ ra ở nhiều nơi, Nhân dân đánh địch bằng tất cả những gì có trong tay. Tại Điện Bàn, du kích Chơn Hoà (Điện Nam) dùng đòn gánh đánh chết 2 tên địch ở bến đò Sở, thu 2 khẩu súng; cụ Nguyễn Đệ (Điện Tiến), dùng gọng bừa đánh chết lính Tây; cụ Hương Tam, bạch đầu quân xã Điện Quang mưu trí dùng nước đường đang sôi diệt địch, cướp súng tìm du kích bàn giao; ông Tào Hào (Điện Quang) bị giặc bắt vào đồn Xuân Đài giúp chúng đồn tre, lừa lúc chúng sơ

hở, đã dùng rựa chém vào cổ một tên lính Pháp, cướp súng, bơi qua sông về làng gia nhập dân quân chiến đấu...

Phối hợp với chiến trường Bắc Bộ, trong chiến dịch Đông Xuân 1948 - 1949, ta chọn đèo Hải Vân làm điểm mở màn chiến dịch. Mặc dù tại thời điểm đó, Nhân dân tây bắc Hòa Vang vừa trải qua những ngày gian khổ trước chính sách “tam quang” (đốt sạch, phá sạch, giết sạch) của giặc Pháp, nhưng đồng bào vẫn tích cực tham gia. Đặc biệt các nữ giao liên của Nam Ô đã dũng cảm, mưu trí dùng thuyền chở cán bộ của tỉnh và Huyện đội Hòa Vang qua trạm kiểm soát Quan Nam, xuôi theo sông Trường Định về Nam Ô chuẩn bị trận đánh. Hàng ngàn đồng bào tây bắc Hòa Vang mua gạo dự trữ, có nhiều gia đình bán từng gánh củi, mua từng lon gạo dành dụm chuẩn bị cho chiến

địch. Đêm đêm các đoàn thể cứu quốc như thanh niên, phụ nữ bí mật huy động hội viên hợp pháp vận chuyển gạo tập trung về Nam Ô, Trung Sơn, Xuân Thiều, Hưởng Phước để đưa lên núi phục vụ bộ đội. Nhân dân tổ chức cảnh giới, che chở, xóa dấu chân hành quân, tiếp tế cơm nước ròng rã 36 ngày đêm giúp bộ đội vượt qua nhiều phòng tuyến của địch, để tiếp cận với chiến trường, góp phần quan trọng vào thắng lợi của trận đánh.

Tháng 8 - 1949, bộ đội địa phương, dân quân du kích Quảng Nam đã phối hợp chặt chẽ cùng bộ đội chủ lực Liên khu 5 mở cuộc tập kích vào cứ điểm Thu Bồn - phía tây Duy Xuyên, tiêu diệt và bắt sống toàn bộ lực lượng địch ở đây, thu nhiều vũ khí, quân trang, quân dụng, làm rung chuyển cả hệ thống tiền đồn phía nam của địch. Đây là một trận đánh hay, bí quyết thắng lợi là bí mật, bất ngờ, sự phối hợp chặt chẽ giữa quân, dân, chính địa phương và chủ lực, kết hợp quân sự và binh vận, giữa bên trong và bên ngoài, thể hiện đặc sắc tính chất chiến tranh nhân dân của Đảng. Cùng với Duy Xuyên, phong trào chiến tranh Nhân dân phát triển đều khắp các vùng tạm bị chiếm; du kích Hội An, Điện Bàn, Đại Lộc..., tiến công đồn Cẩm Phô (Hội An), tập kích đồn Núi Lở (Đại Lộc), phục kích tiêu diệt địch ở Lục Giáp (Điện Bàn). Với những nỗ lực của quân và dân ta, đến cuối tháng 9 - 1949, vùng phía tây Duy Xuyên, nam Đại Lộc được giải phóng, nối liền với vùng tự do phía nam của tỉnh, góp phần động viên tinh thần cách mạng, quyết tâm đánh đuổi quân xâm lược.

Bước sang năm 1950, bộ đội chủ lực cùng dân quân, du kích các địa phương tiếp tục mở các cuộc tiến công địch. Nhân dân xã Điện Hòa (Điện Bàn) cảnh giới, cải trang xóa dấu chân, nắm tình hình địch, giúp Trung đoàn 108 hành quân từ chiến

khu Phú Túc xuống đóng ở địa phương. Tại đây, bộ đội được Nhân dân bí mật nuôi giấu trong nhà, mặc dù hàng ngày địch thường xuyên lùng sục khắp thôn xóm, nhưng chúng không thể nào phát hiện được cả một trung đoàn đang ở trong dân, tạo nên yếu tố bất ngờ để ngày 6 - 2 - 1950, bộ đội nổ súng đánh đoàn xe địch tại Gò Phạt phía bắc Thanh Quýt (Điện Thắng), diệt một đại đội lính lê dương, bắt 50 tên, phá hỏng 14 xe. Đặc biệt, từ tháng 8 - 1950 trở đi, phối hợp với chiến dịch Biên giới Thu Đông, quân và dân Quảng Nam liên tục tiến công địch ở Bảo An, Điện Hoà, Vĩnh Điện (Điện Bàn), Cẩm Phô (Hội An)..., gây cho địch nhiều thiệt hại. Ở Trường Định, Nam Định, Hiền Phong dân bung về làng cũ, đưa tài sản cất giấu vào núi, tham gia du kích, canh gác, bố phòng. Ở những nơi chưa bung ra được thì đấu tranh chống bắt lính, chống nộp thuế, chống tập trung tài sản.

Kết hợp chặt chẽ với đấu tranh quân sự, ngày 10 - 2 - 1950, Hội Trung Hoa kiều vụ Quảng Nam - Đà Nẵng tổ chức biểu tình, tuần hành khắp thành phố Đà Nẵng, hoan nghênh việc thừa nhận quan hệ ngoại giao giữa hai Chính phủ Việt Nam và Trung Hoa, với sự tham gia của hơn 3.000 người cả Hoa và Việt¹.

Những chiến thắng mà quân và dân Quảng Nam đạt được trong giai đoạn này, đã góp phần cùng với cả nước đẩy địch vào thế bị động đối phó, tạo bàn đạp để ta tấn công địch giành thắng lợi trong giai đoạn tiếp theo.

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập 1 (1930 - 1954), trang 679.

III. MẶT TRẬN LIÊN VIỆT TỈNH QUẢNG NAM CÙNG CẢ NƯỚC CHUYỂN SANG TỔNG PHẢN CÔNG, ĐÁNH THẮNG THỰC DÂN PHÁP (1951 - 1954)

1. Thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thành Mặt trận Liên Việt, củng cố hậu phương, phát triển cuộc kháng chiến

Chiến thắng Biên giới Thu - Đông 1950 đã đưa cuộc kháng chiến của Nhân dân ta chuyển sang thời kỳ mới - thời kỳ giữ vững và phát huy quyền chủ động chiến lược trên chiến trường chính (Bắc Bộ). Nhưng cũng trong thời gian này, được sự giúp đỡ của đế quốc Mỹ, thực dân Pháp âm mưu cố giành lại quyền chủ động. Cuộc chiến tranh trở nên gay go, quyết liệt.

Ở vùng tạm chiếm của tỉnh, một mặt chúng ra sức bố phòng, đánh phá các khu du kích, củng cố tháp canh, đồn quân bắt lính, tiến hành chiêu an quyết liệt, mặt khác chúng tăng cường cướp bóc, vơ vét, đặt ra nhiều thứ thuế để bóc lột nhiều hơn. Ở vùng du kích, chúng bao vây, càn quét, cướp phá hoa màu, các kho dự trữ của ta; phá hoại vùng căn cứ hậu phương và chuẩn bị tiến công vào các vùng tự do của ta.

Đối phó với các âm mưu, thủ đoạn mới của Pháp - Mỹ, tranh thủ các điều kiện trong và ngoài nước đang có nhiều thuận lợi để đẩy mạnh cuộc kháng chiến. Từ ngày 11 đến ngày 19 - 2 - 1951, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ II khai mạc tại chiến khu Việt Bắc. Đại hội đã hoàn chỉnh đường lối kháng chiến: *“Toàn dân, toàn diện, trường kỳ, dựa vào sức mình là chính và tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế”*, đưa Đảng ra hoạt động công khai và đổi tên Đảng thành Đảng Lao động Việt Nam, tiếp tục đảm nhận sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cuộc kháng chiến của Nhân



Ông HỒ NGHINH

Chủ nhiệm Mặt trận Liên Việt tỉnh (3/1951 - 7/1954); Chủ tịch MTDTGP tỉnh Quảng Đà (10/1967); Chủ tịch MTDTGP Đặc khu Quảng Đà (11/1967 - 10/1975); Chủ tịch MTDTGP tỉnh QN-ĐN (10/1975 - 7/1977)

dân ta. Xác định nhiệm vụ cấp bách là đưa sự nghiệp kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Tiếp theo, từ ngày 3 - 3 đến ngày 7 - 3 - 1951, Đại hội toàn quốc thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt thành một Mặt trận duy nhất, lấy tên là Mặt trận Liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Mặt trận Liên Việt), thông qua Tuyên ngôn, Chính cương, Điều lệ của Mặt trận. Mục đích phấn đấu của Mặt trận Liên Việt là: Tiêu diệt thực dân Pháp xâm lược, đánh bại bọn can thiệp Mỹ, trừng trị Việt gian phản quốc, củng cố và phát triển chế độ dân chủ Nhân dân, xây dựng một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, dân

chủ, tự do, phú cường và góp sức cùng Nhân dân thế giới bảo vệ hòa bình lâu dài. Đại hội đã cử ra Ủy ban toàn quốc của Mặt trận Liên Việt gồm 53 thành viên, do Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch, Hồ Chí Minh là Chủ tịch danh dự của Mặt trận Liên Việt. Báo *Cứu quốc* - cơ quan ngôn luận của Tổng bộ Việt Minh, chuyển thành cơ quan ngôn luận của Trung ương Mặt trận Liên Việt.

Thành công của Đại hội thống nhất Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt là một sự kiện chính trị quan trọng, là hình ảnh “...rừng cây đại đoàn kết ấy đã nở hoa kết quả và gốc rễ nó đang ăn sâu lan rộng khắp toàn dân và nó có một cái tương lai

trường xuân bất lão”¹. Khôi đại đoàn kết dân tộc đã tạo thành một lực lượng vĩ đại, thúc đẩy sự nghiệp kháng chiến đi đến thắng lợi, kiến quốc thành công.

Thực hiện chủ trương hợp nhất của Trung ương, Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt Quảng Nam - Đà Nẵng cũng được hợp nhất thành Mặt trận Liên Việt tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, do ông Hồ Nghinh - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm Chủ nhiệm, ông Vũ Trọng Hoàng làm Phó Chủ nhiệm. Cùng thời gian này, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh cũng tổ chức đại hội, bầu ban chấp hành, do bà Hồ Thị Như Cẩn làm Hội trưởng. Nông hội tỉnh do ông Nguyễn Thế Kỷ làm Bí thư. Đoàn Thanh niên cứu quốc tỉnh do Lâm Quang Huyền làm Bí thư...

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Mặt trận Liên Việt tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng đã tập trung xây dựng khối đoàn kết dân tộc, động viên các tổ chức thành viên thực hiện các chủ trương của Tỉnh ủy: Phá chiêu an đồn dân lập tề, nắm lại từng bộ phận Nhân dân vùng bị chiếm; giữ vững và mở rộng các vùng căn cứ địa đã có, lập các căn cứ địa mới, tạo thành thế kết nối liên hoàn, kể cả việc hình thành các khu căn cứ du kích ở vùng sau lưng địch; đẩy mạnh du kích chiến lên cao độ, tạo điều kiện tiến hành vận động chiến, tiêu diệt sinh lực địch. Thực hiện chủ trương đó, các tổ chức thành viên của Mặt trận Liên Việt các cấp đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục hội viên, vận động hội viên hưởng ứng nổi dậy đấu tranh với nhiều hình thức phong phú về kinh tế, chính trị, quân sự, liên tiếp gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề.

Trong thời gian này, trên địa bàn miền núi, để tiếp tục hóa giải mối nghi kỵ sau vụ quân Pháp bắt ép một số người dân Đăk

1. Hồ Chí Minh toàn tập, tập VI, Nxb. CTQG, Hà Nội 1995, trang 181.

Glei (Kon Tum) dẫn đường càn quét, cướp bóc, giết hại đồng bào làng Xà Riêng (Phước Sơn) vào tháng 6 - 1950, đang có nguy cơ dẫn đến một sự “*trả đầu*”. Các ông Vũ Quỳnh (Bí thư Huyện ủy), Phạm Đình Thông, Đinh Xấu, Nguyễn Xuân Hùng thay mặt cho chính quyền và Mặt trận Liên Việt huyện Phước Sơn trực tiếp xuống làng Bhaneng Meo để vận động Nhân dân, giải thích rõ âm mưu chia rẽ dân tộc của kẻ thù và coi những người dẫn đường là nạn nhân bị giặc Pháp o ép, không phải là kẻ phản bội tiếp tay cho giặc và kêu gọi đồng bào đoàn kết chống quân thù, không để thực dân Pháp lợi dụng sơ hở gây chia rẽ, chống phá cách mạng. Đồng thời phối hợp Mặt trận Liên Việt huyện Đắk Glei tổ chức lễ đâm trâu huê, để dân làng vùng giáp ranh ăn thề đoàn kết dưới cờ Tổ quốc và ảnh Bác Hồ, đồng đạo bà con làng Bhaneng Meo và các làng giáp ranh huyện Đắk Glei đến dự. Lễ ăn thề đoàn kết kéo dài một ngày đêm, các dân làng cùng “*ta mút*”, uống rượu cần, múa hát công chiêng, cam kết xóa bỏ nạn “*trả đầu*”.

Về xây dựng lực lượng bán vũ trang, đến đầu năm 1951 ở Quảng Nam có 267.290 dân quân du kích, gồm 265.950 dân quân và 1.340 du kích xã tập trung. Lực lượng vũ trang sắp xếp theo biên chế của Liên khu đến cuối năm 1951 có 3.123 người. Ngay tại những vùng xung yếu như Hòa Liên, Hòa Thắng, Hòa Nhơn..., lực lượng dân quân cũng chiếm tỷ lệ lớn. Mỗi xã đều có đội du kích tập trung từ 30 đến 50 người. Tại Đà Nẵng, lực lượng bán vũ trang có 2.215 người gồm 1.580 nam dân quân, 497 nữ dân quân, 49 bạch đầu quân, 40 thiếu sinh quân và 49 du kích mật. Trên cơ sở lực lượng vũ trang và bán vũ trang ngày càng trưởng thành, chỉ trong tháng 1 và tháng 2 - 1951, bộ đội địa phương của tỉnh đã đánh 29 trận, diệt 127 tên; du kích

đánh 32 trận, diệt 53 tên, có nơi như ở Điện Ngọc, du kích đã mưu trí dùng mìn giết chết tên sĩ quan Pháp - đồn trưởng đồn Tứ Câu, khiến địch hoang mang, lo sợ, không dám hung hăng đi lùng sục như trước. Phát huy những thắng lợi vừa đạt được, ngày 1 - 5 - 1951, bộ đội ta tiến công tiêu diệt tháp canh Cây Bản (Duy An, Duy Xuyên) - đây là một trong những tháp canh quan trọng trong hệ thống kiểm soát liên hoàn trên quốc lộ 1 đoạn Vĩnh Điện - Bà Rén do một tiểu đội địch đóng giữ. Tại Điện Bàn, vùng trọng điểm thực hiện kế hoạch chiêu an của địch, chỉ trong tháng 7 - 1951, ta diệt 11 tháp canh, làm thất bại kế hoạch mở rộng hệ thống tháp canh của địch, đưa phong trào du kích chiến tranh phát triển lên một bước mới. Qua thực tiễn chiến đấu đã xuất hiện nhiều tấm gương dũng cảm như Bùi Chát ở Đại đội công binh Hải Vân; Nguyễn Thị Dung - chiến sĩ binh vận Hội An; Trần Đích - chiến sĩ du kích xã Điện Ngọc (Điện Bàn) đã gan dạ, mưu trí dùng mìn giết chết tên sĩ quan Pháp, đồn trưởng đồn Tứ Câu; Lê Thị Ngoạt - cơ sở bảo vệ cán bộ ở Đại Lộc; Phạm Thị Biên - nữ chiến sĩ biệt động thành Đà Nẵng mưu trí dùng mìn đánh cháy kho xăng Nại Hiên, diệt tiểu đội lính Âu - Phi và thiêu hủy gần 1 vạn phuy xăng của địch; Trần Văn Nhu - công nhân hỏa xa, gan dạ phối hợp với công binh đặt mìn làm nổ tung một đầu máy xe lửa chở hàng quân sự tại ga Nam Ô...

Phối hợp với đấu tranh quân sự, ngày 1 - 5 và ngày 19 - 5 - 1951, dưới sự lãnh đạo của Công đoàn bí mật, công nhân Đà Nẵng, Hội An đã rải truyền đơn, căng biểu ngữ lên án hành động khùng bố của địch, nêu yêu sách đòi tăng lương, tăng phụ cấp, chống bắt lính, làm rối loạn hậu phương của địch.

Phong trào vận động tham gia nuôi quân cũng được Mặt

trận Liên Việt các cấp quan tâm thường xuyên. Chỉ trong một đợt vận động, Nhân dân vùng giáp ranh đã đóng góp cho du kích vùng sau lưng địch ở Cẩm Lệ, Hòa Tiến 127.000 đồng Việt Nam và 200 đồng Đông Dương để mua sắm nấp hầm bí mật và dụng cụ sinh hoạt. Nhân dân còn đài thọ 2/3 nhu cầu ăn, mặc cho các đại đội tập trung. Nhờ vậy, lực lượng vũ trang Quảng Nam - Đà Nẵng từng bước trưởng thành ngay từ trong lòng Nhân dân.

Trên mặt trận đấu tranh kinh tế, các cán bộ của Mặt trận Liên Việt đi sâu vận động Nhân dân dùng bạc tín phiếu và bạc Việt Nam ngay cả ở vùng tạm bị chiếm; gắn với phong trào bảo vệ chợ ta, phá địch lập chợ Phú Hòa, Diên Phong, giải tán chợ Bến Hực; giáo dục các tầng lớp Nhân dân nêu cao ý thức bảo vệ hàng nội địa, bài trừ hàng cấm, hàng xa xỉ phẩm; đẩy mạnh giao lưu hàng hóa với Nhân dân các tỉnh láng giềng. Ngành tiểu, thủ công nghiệp trong tỉnh cũng dần dần được hồi phục và phát triển. Ở các huyện Duy Xuyên, Điện Bàn, sản phẩm của Nhân dân làm ra không chỉ thỏa mãn nhu cầu tại chỗ, mà còn bán ra các tỉnh thuộc vùng tự do Liên khu 4, vào tận các tỉnh phía nam thuộc Liên khu 5 như Quảng Ngãi, Bình Định... Các phong trào thi đua nhằm cải tiến kỹ thuật, vượt mức sản xuất, nâng cao đời sống công nhân được Liên hiệp Công đoàn tỉnh phát động trong các cơ quan, xí nghiệp, đem lại nhiều kết quả thiết thực.

Văn hóa, giáo dục, y tế cũng có bước chuyển biến. Đầu năm 1952, ngành giáo dục tỉnh mở nhiều lớp học nhằm nâng cao phẩm chất, đạo đức, chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên. Nhờ vậy, giáo dục bình dân học vụ và giáo dục phổ thông có những bước tiến đáng kể. Nếu năm 1950, giáo dục bình dân

học vụ toàn tỉnh chỉ có 69.389 học viên, thì đến năm 1951 tăng lên 112.700 học viên. Về giáo dục phổ thông toàn tỉnh có 39.500 học sinh và 502 giáo viên (cả cấp 1 và cấp 2).

Mạng lưới y tế ngày càng được củng cố và phát triển. Phong trào uống nước đun sôi, ăn đũa 2 đầu, dùng thuốc nam chữa bệnh lan rộng. Cán bộ y tế của tỉnh về tận các thôn xóm để chăm sóc sức khỏe và chữa bệnh cho Nhân dân.

Phong trào văn hóa văn nghệ diễn ra khắp nơi, nhất là trong tầng lớp thanh thiếu niên, bộ đội. Với nhạc cụ cổ truyền của dân tộc, trong những lúc rảnh rỗi bộ đội cùng với thanh thiếu niên địa phương ca hát, nhảy múa, tạo nên cuộc sống tinh thần vui tươi, lành mạnh trong từng thôn xóm. Các đoàn nghệ thuật, văn công thường xuyên biểu diễn tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân thực hiện tốt các chính sách của Đảng và Mặt trận. Báo *Thái Phiên* của Đà Nẵng, báo *Chiến Thắng* của Quảng Nam, cùng nhiều sách, báo, tranh ảnh khác đã góp phần giáo dục chính trị cho Nhân dân.

Để đẩy mạnh hơn nữa cuộc kháng chiến, phát huy vai trò của các giai cấp, tầng lớp Nhân dân trong tỉnh, tháng 3 - 1952, Đại hội Đảng bộ tỉnh chủ trương: Về quân sự phải lấy phương châm du kích chiến tranh là chính, học tập đánh vận động chiến trong điều kiện thuận lợi. Trong vùng du kích và vùng tạm chiếm phải nắm vững phương châm của Trung ương là kết hợp chặt chẽ công tác dân vận, nguy vận và phát triển du kích chiến tranh, lấy dân vận làm căn bản. Riêng trong vùng du kích, chiến tranh du kích là hình thức đấu tranh chính để thúc đẩy toàn bộ các mặt đấu tranh. Vùng tự do phải tăng cường phòng thủ miền biển, miền núi, chống phi cơ oanh tạc, đề phòng gián điệp, chú ý cơ quan và các cơ sở kinh tế quốc phòng; về kinh tế tài chính

phải chú trọng đẩy mạnh sản xuất ở các vùng bị chiếm, vùng du kích, vùng căn cứ địa nhằm giải quyết vấn đề lương thực tại chỗ; đồng thời thực hiện tốt chính sách ruộng đất của Đảng. Về chính trị, đối với công tác dân vận, mặt trận, phải chú ý công tác rèn luyện tư tưởng và lập trường cho cán bộ, đoàn viên, hội viên; chỉnh đốn tổ chức và lề lối làm việc, đặc biệt ở cơ sở vùng tạm bị chiếm, phải động viên đoàn viên, hội viên thực hiện công tác trọng tâm của Đảng, Chính phủ nhằm phục vụ tiền tuyến, tăng gia sản xuất, cải thiện dân sinh.

Tuy nhiên, Đại hội cũng chỉ ra những tồn tại như: Việc thực hiện chủ trương của Liên khu 5 về “*kiện toàn tỉnh, đơn giản huyện, tăng cường xã*” có nhiều lệch lạc, các đoàn thể ở vùng tạm bị chiếm được tổ chức và hoạt động như ở vùng tự do, làm cho việc thực hiện các chủ trương của Đảng còn hạn chế. Do cách tổ chức chưa đồng bộ, không tuyên truyền giải thích cho họ hiểu rõ, thậm chí có nhiều người vào Hội mà không hiểu điều lệ Hội, mặt khác, tổ chức trong phạm vi rộng nên ảnh hưởng đến việc tập hợp, sinh hoạt chưa thiết thực với họ, ít bàn đến công việc làm ăn, quyền lợi thiết thực của họ mà chỉ động viên chính trị suông. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ mới gồm 22 thành viên, ông Võ Toàn được Liên khu ủy V chỉ định làm Bí thư.

Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh, song song với việc kiện toàn công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Liên Việt và lực lượng vũ trang là công tác chỉnh huấn. Theo đó, ở vùng tự do lấy công tác thuế nông nghiệp, vùng núi lấy công tác thương du vận, vùng tạm bị địch chiếm lấy chính sách chống tổng động viên của địch làm nội dung chỉnh huấn. Tuy nhiên, để khắc phục nạn đói do thiên tai gây ra vào đầu năm 1952, thì nhiệm

vụ trọng tâm cần tập trung giải quyết lúc đó là phát động phong trào thi đua sản xuất tự túc, để đẩy lùi nạn đói, tạo thực lực cho kháng chiến.

Cùng thời gian này, tình hình của tỉnh gặp rất nhiều khó khăn, các trận bão lụt lại xảy ra liên tiếp, gây thiệt hại nặng về tính mạng và tài sản của Nhân dân, các vùng dọc triền sông Đại Lộc mất mùa nặng. Nhiều nơi mất sạch như Thăng Lâm (nay thuộc Hiệp Đức), Quế Châu (Quế Sơn), Tam Hải (Núi Thành), Tiên Quang (Tiên Phước)... Trong lúc đó, địch lại ra sức bao vây, càn quét, cướp bóc, đốt phá, kiểm soát đường sông, đường bộ. Ở vùng tự do, chúng đổ bộ vào ven biển đốt phá ghe thuyền, bắt người cướp của, thả bom vào những nơi tập trung dân ở như Trung Phước (Nông Sơn), Chợ Đước (Thăng Bình), Cây Sanh, Chiên Đàn (Phú Ninh), An Tân (Núi Thành), gây nhiều thiệt hại về người và của cho Nhân dân.

Hậu quả thiên tai, bão lụt và sự đánh phá của giặc Pháp làm cho tình hình kinh tế trong tỉnh lâm vào tình cảnh khó khăn nghiêm trọng, dẫn đến nạn đói năm 1952. Lúc đầu, nạn đói xảy ra ở nông thôn và ven biển, đến tháng 7 - 1952, nạn đói gần như lan ra toàn tỉnh, trong đó trầm trọng nhất là các địa phương thuộc các huyện Thăng Bình và Tam Kỳ.

Mặt trận Liên Việt và đoàn thể các cấp trong tỉnh vừa đẩy mạnh công tác vận động Nhân dân tăng gia sản xuất; vừa phát động phong trào tương thân tương ái, giúp đỡ đồng bào bị đói. Với tinh thần *“một miếng khi đói bằng một gói khi no”*, Nhân dân nhiều nơi tự nguyện góp gạo, rau, thóc giống, tiền, áo quần, công sức giúp đỡ những gia đình bị đói và những địa phương gặp khó khăn. Học sinh trường Phan Châu Trinh tham gia 230 công vận chuyển, đưa hàng cứu trợ đến tận tay Nhân dân. Tính

đến tháng 12 - 1952, cơ quan, bộ đội, Nhân dân đã giúp cho đồng bào bị đói gần 23 tấn gạo, trên 100 tấn lúa, hơn 8.000 tấn bắp, gần 2.000 bộ quần áo, chưa kể số hàng viện trợ trong thôn xóm láng giềng với nhau.

Phong trào tăng gia sản xuất diễn ra sôi nổi, rầm rộ. Trong đợt thi đua từ ngày 1 - 5 đến ngày 2 - 9 - 1952, Tam Kỳ và Thăng Bình là nơi đạt được nhiều thành tích nhất. Trước yêu cầu về nước tưới, cùng với việc tiến hành sửa các công trình thủy nông An Trạch, các đập Hồ Chình, Hồ Gia, Đá Chồng..., Nhân dân Tam Kỳ cùng nhau đắp đập Thác Mui, đào kênh Ba Kỳ. Ở vùng tạm bị chiếm, ta vận động Nhân dân bám ruộng đồng, đấu tranh bảo vệ hoa màu. Cùng với nông dân, nhân viên các cơ quan, đoàn thể, công nhân các xí nghiệp..., cũng trồng hoa màu, góp phần giải quyết khó khăn về lương thực trong tỉnh.

Nhờ những chủ trương và biện pháp kịp thời ấy không những nạn đói trong tỉnh được đẩy lùi, mà trong sản xuất còn đạt nhiều thành tích quan trọng. Năm 1952, sản lượng hoa màu phụ tăng gấp hai, ba lần so với năm 1951.

Bên cạnh những thành tựu trong sản xuất, cũng giống như tình hình chung của cả nước, tình hình thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng ở nhiều nơi còn có những sai phạm, lệch lạc. Việc bồi dưỡng sức dân theo lối bình quân, chưa chú ý đúng mức đến bản cố nông, gây ảnh hưởng đến phong trào, khối đoàn kết ở nông thôn chưa vững chắc, cá biệt ở một vài nơi bản cố nông bị phú nông, địa chủ chèn ép, bóc lột. Nguyên nhân chủ yếu vẫn là do hoạt động của Mặt trận Liên Việt và đoàn thể các cấp vẫn còn mang tính hình thức, như báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng (11 - 12 - 1952) đã nêu: “*Gần đây công tác mặt trận lu mờ...; các đoàn thể,*

các cơ quan chưa chú ý làm công tác mặt trận. Bản thân Mặt trận cũng chưa thực hiện đúng chính sách, những sai lầm chưa được điều chỉnh, những thắc mắc trong các tầng lớp chưa được giải quyết, chưa thuyết phục đấu tranh, xây dựng tư tưởng cho các tầng lớp trên. Các đoàn thể quần chúng thì rời rạc, thiếu sinh hoạt, nhiều nơi mất hẳn, không đảm bảo được công tác, khó tập hợp để động viên và giáo dục nhất là các tổ chức Nông hội không được chú ý xây dựng đúng mức”¹.

Đầu năm 1953, Trung ương Đảng có chủ trương khắc phục những sai lầm, khuyết điểm có nội dung như trên diễn ra ở nhiều địa phương trong cả nước. Theo đó, từ ngày 17 đến ngày 21 - 2 - 1953, Tỉnh ủy triệu tập hội nghị học tập chính sách ruộng đất của Đảng, trong đó nhấn mạnh: “Đối với vùng du kích, việc giảm tô tùy theo hoàn cảnh từng nơi, căn cứ vào trình độ giác ngộ của nông dân, vào điều kiện địch và ta, khả năng lãnh đạo của cán bộ mà tiến hành giảm tô. Đối với vùng tạm bị chiếm, tùy từng nơi mà có thể đặt vấn đề giảm tô, nguyên tắc là nhằm đem lại quyền lợi cho nông dân, đảm bảo giữ được cơ sở và phong trào”².

Sau khi khắc phục những sai lầm, hạn chế, bộ mặt nông thôn Quảng Nam có nhiều chuyển biến, văn hóa, xã hội từng bước được nâng cao. Ở miền núi, phong trào xây dựng nếp sống mới ngày càng đi vào chiều sâu. Ở các vùng tự do, công cuộc phản phong diễn ra khá mạnh mẽ, thể hiện qua cuộc đấu tranh với các địa chủ gian ác như Phan Cách (Tiên Phước), Huỳnh Khóa, Huỳnh Đình (Tam Kỳ)...; vạch trần tính chất phản động

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập 1 (1930 - 1954), trang 746 - 747.

2. *Lịch sử phong trào nông dân và Hội Nông dân tỉnh Quảng Nam (1930 - 2005)*, trang 125.

của tổ chức Quốc dân đảng qua các hành động phản nước, hại dân của Hồ Đệ (Tam Thái), Võ Mạnh Phát (Thăng Bình) tại cuộc xử án của Tòa án Liên khu 5.

Mạng lưới giao thông liên huyện, liên xã và các tuyến đường huyết mạch như Tam Kỳ - Trà My, Trường Xuân - Trung Phước, Quán Rường - Việt An - Tân An liên tục được củng cố và mở rộng. Đặc biệt, chỉ trong thời gian ngắn ta đã khôi phục và sửa chữa 70 km đường từ Thanh Mỹ đi Nam Đông, nối liền Quảng Nam - Đà Nẵng với Bình - Trị - Thiên, đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển quân đội, lương thực, thuốc men, quân trang, quân dụng phục vụ các chiến trường.

Trên mặt trận quân sự, hoà cùng khí thế tiến công của quân và dân cả nước nói chung và Liên khu 5 nói riêng, các lực lượng vũ trang Quảng Nam vừa phân tán về cơ sở chống càn, vừa đánh địch trên nhiều tuyến đường giao thông quan trọng, tiêu diệt nhiều sinh lực địch. Qua 3 tháng đầu năm 1953, phối hợp với hoạt động Đông Xuân trên chiến trường Liên khu 5, Nhân dân và các lực lượng vũ trang Quảng Nam đánh 208 trận, diệt 195 tên, bắt sống 14 tên khác. Phát huy thắng lợi vừa giành được, Bộ tư lệnh Liên Khu 5 quyết định mở chiến dịch Hè 1953 trên chiến trường Quảng Nam - Đà Nẵng. Công tác chuẩn bị được tiến hành khẩn trương; hàng ngàn dân công được huy động để vận chuyển lương thực, súng đạn... Ngày 12 - 4 - 1953, ta nổ súng đánh vào cứ điểm Bà Rén (Quế Sơn), đập tan mọi sự chống trả quyết liệt của kẻ thù và làm chủ cứ điểm. Sau đó, ta tiếp tục tiến công, diệt cứ điểm Cầu Chìm, Non Trục, đột nhập đánh địch ở vùng trung Duy Xuyên; hạ tháp canh Tuý La (Điện Hồng), đánh vào khu hành chính Kỳ Lam (Điện Quang) diệt nhiều sinh lực địch, hỗ trợ phong trào du kích chiến tranh.

Qua chiến dịch hè 1953, ta loại khỏi vòng chiến đấu 1.500 tên địch, bắt sống 242 tên, thu hơn 3.000 súng các loại. Nhưng quan trọng và có ý nghĩa nhất là ta đã phá được thế uy hiếp của địch, hỗ trợ đắc lực phong trào đấu tranh của Nhân dân vùng tạm chiếm, giữ vững phong trào Nhân dân du kích chiến tranh trong tỉnh. Đó là tiền đề, là cơ sở vô cùng quan trọng để quân và dân Quảng Nam cùng với cả nước bước sang Đông - Xuân 1953 - 1954.

2. Mặt trận Liên Việt Quảng Nam - Đà Nẵng phát huy sức mạnh của quân và dân toàn tỉnh, góp phần đánh bại thực dân Pháp trong cuộc chiến Đông Xuân 1953 - 1954, kết thúc chiến tranh

Sau 8 năm tiến hành chiến tranh xâm lược, lực lượng của thực dân Pháp trên chiến trường Đông Dương đến năm 1953 đã bị suy yếu rõ rệt, vùng chiếm đóng của chúng bị thu hẹp, mâu thuẫn giữa tập trung và phân tán ngày càng sâu sắc. Những khó khăn, bế tắc về kinh tế - xã hội ở nước Pháp cũng ngày càng tăng lên. Mặc dù vậy, thực dân Pháp vẫn chủ trương tranh thủ thêm viện trợ của Mỹ, tập trung mọi cố gắng đẩy mạnh chiến tranh, hòng tìm một “*lối thoát danh dự*”. Ngày 7 - 5 - 1953, được sự thoả thuận của Mỹ, Chính phủ Pháp cử tướng Henri Eugène Navarre (Na-va) sang làm tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương thay tướng R.Salan (R.Xa-lăng). Sang Đông Dương, đích thân Na-va trực tiếp thị sát chiến trường và đề ra kế hoạch quân sự mới mang tên mình.

Đây là kế hoạch quân sự có quy mô rộng lớn, thể hiện tập trung sự cố gắng lớn nhất và cuối cùng của thực dân Pháp, có sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn của Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm

lược Đông Dương. Cả Pháp - Mỹ đều hy vọng với kế hoạch Na-va, trong 18 tháng, chúng sẽ “*chuyển bại thành thắng*”.

Thực hiện kế hoạch quân sự mới, trên chiến trường Liên khu 5, Na-va tập trung 20 tiểu đoàn bộ binh mở “*Chiến dịch Atlante (Át-lăng)*” tiến công đánh chiếm Tuy Hoà (Phú Yên), rồi mở rộng đánh chiếm toàn bộ vùng tự do của ta ở Liên khu 5. Ở Quảng Nam - Đà Nẵng, thực dân Pháp tăng cường bắt lính, phát triển dân vệ, củng cố vùng tạm chiếm, đánh phá vùng du kích và tung lực lượng do thám, gián điệp vào vùng tự do nắm tình hình, chuẩn bị lấn chiếm vùng tự do.

Trước những thay đổi trong cục diện chiến tranh ở Đông Dương, đồng thời trên cơ sở nhận định âm mưu mới của Pháp - Mỹ. Tháng 9 - 1953, Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã đề ra kế hoạch tác chiến Đông Xuân 1953 - 1954, với quyết tâm giữ vững quyền chủ động chiến lược, đánh địch trên cả hai mặt trận chính diện và sau lưng địch, với phương hướng chiến lược: “*Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công chiến lược vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu, nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, giải phóng đất đai, đồng thời buộc chúng phải bị động phân tán lực lượng đối phó với ta trên những địa bàn xung yếu mà chúng không thể bỏ, do phải phân tán lực lượng mà tạo ra cho ta những thuận lợi mới để tiêu diệt thêm từng bộ phận sinh lực của chúng*” và phương châm chiến lược chung trong toàn bộ cuộc tiến công Đông Xuân là: “*Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt*”, “*Đánh chắc thắng*”¹.

Quán triệt kế hoạch của Trung ương, Liên khu ủy 5 xác định: Ở vùng địch hậu, phải đẩy mạnh chiến tranh du kích, đánh

1. Võ Nguyên Giáp, *Điện Biên Phủ*, Nxb. QĐND, Hà Nội, 1964, trang 47.

sâu vào thành thị, kìm chân địch phối hợp chặt chẽ với chiến trường Tây Nguyên, tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng vùng du kích và vùng giải phóng. Vùng tự do tự đảm nhận nhiệm vụ đánh địch, khẩn trương xây dựng lực lượng về mọi mặt, vùng nào địch chưa đến phải động viên Nhân dân tham gia dân công phục vụ tiền tuyến.

Từ ngày 13 đến ngày 17 - 2 - 1954, Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng họp Hội nghị mở rộng, căn cứ kế hoạch tác chiến Đông Xuân 1953 - 1954 của Trung ương và phương hướng của Liên khu ủy 5, đồng thời trên cơ sở nhận định tình hình địch ta, đánh giá những ưu khuyết điểm trong công tác lãnh đạo kháng chiến của các địa phương, Tỉnh ủy đã đề ra nhiều chủ trương mới về đẩy mạnh chiến tranh du kích, về quân sự về phương pháp và hình thức hoạt động của Mặt trận cũng như các đoàn thể chính trị... Theo đó, Mặt trận Liên Việt và các đoàn thể chính trị xác định công tác chuẩn bị tư tưởng cho cán bộ và Nhân dân là mấu chốt, từ đó đẩy mạnh công tác vận động quần chúng đấu tranh chính trị, vạch trần âm mưu thủ đoạn của Pháp - Mỹ, chống đồn quân, bắt lính; tăng cường công tác giáo dục Nhân dân, tổ chức đấu tranh hợp pháp...

Sau Hội nghị Tỉnh ủy, Mặt trận Liên Việt và các đoàn thể được kiện toàn về tổ chức. Ban Hoa vận, Tôn giáo vận và Liên hiệp Công đoàn, Hội Nông dân cứu quốc, Liên đoàn Thanh niên Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ ngay cả ở những vùng bị tạm chiếm, cũng từng bước được củng cố. Chỉ tính riêng Nông hội với hơn 100.000 hội viên vào cuối năm 1950 đã phát triển lên 180.000 hội viên vào tháng 6 - 1953; đoàn viên Công đoàn từ hơn 18.000 năm 1952 đã tăng lên gần 22.000 vào năm 1953. Ở các vùng trung du và miền núi thì lấy từng nóc làm cơ sở và

dựa vào các đoàn thể nông dân, phụ nữ, thiếu nhi để thực hiện công tác chinh đồn tổ chức quần chúng; đồng thời vận động hội viên, Nhân dân tham gia các phong trào cách mạng phù hợp với đặc điểm từng vùng, từng giới.

Đầu năm 1954, hòa nhịp với chiến trường đang sôi động cả nước, quân và dân Quảng Nam cũng mở những trận quyết chiến với địch. Mở đầu là trận tập kích, tiêu diệt hoàn toàn lô cốt Gò Đình (Ái Nghĩa, Đại Lộc) vào đêm ngày 4 - 1 - 1954; đánh vào thị xã Hội An (7 - 1 - 1954), sào huyệt của bọn đầu sỏ nguy quyền Quảng Nam, đã cổ vũ mạnh mẽ tinh thần tiến công tiêu diệt địch của bộ đội và Nhân dân ta, khiến kẻ thù khiếp sợ, tinh thần binh lính địch hoang mang, dao động. Cũng trong đêm 7 - 1 - 1954, bộ đội ta hạ đồn Châu Lâu và Non Trục (Duy Xuyên). Ngày 22 - 3 - 1954, ta tiếp tục đánh vào Hội An, diệt trụ sở bù nhìn tỉnh Quảng Nam và 3 vị trí địch ở phía bắc thị xã. Tại Đại Lộc, ta phá sập 3 cầu, cắt đứt giao thông trên đoạn đường Tuý Loan - Ái Nghĩa. Ngày 12 - 4 - 1954, ta phục kích đánh địch tại Xuyên Tây, buộc bọn địch ở lô cốt Cây Bản tháo chạy về Trà Kiệu. Trên cơ sở đó, ta liên tiếp tấn công vào nội ô Hội An, đánh sở chỉ huy Việt Bình Đoàn cùng 2 đại đội thuộc trung đoàn Võ Tánh, giải thoát 1.000 đồng bào và cán bộ bị địch bắt giam tại nhà lao Thông Đăng; hàng loạt đồn bót địch ở Đông Lý (Điện Bàn), Non Trục, Câu Lâu (Duy Xuyên), Nông Sơn..., lần lượt bị ta san thành bình địa. Du kích Điện Thắng (Điện Bàn) chặn đánh quyết liệt các mũi tiến quân của địch ở xóm Cát, La Hòa không cho chúng vượt qua sông La Thọ. Phong trào diệt ác, trừ gian, giành quyền làm chủ ở các huyện Hòa Vang, Đại Lộc, Điện Bàn, Duy Xuyên cũng diễn ra quyết liệt, làm cho địa bàn chiếm đóng của địch ngày càng bị thu hẹp.

Phối hợp với các hoạt động quân sự, phong trào đấu tranh chính trị của các tầng lớp Nhân dân cũng diễn ra sôi nổi ở khắp mọi địa bàn. Cán bộ Mặt trận Liên Việt và các đoàn thể chính trị các cấp được tăng cường về các vùng xung yếu, vận động Nhân dân đấu tranh chống địch bắt lính. Đoàn Thanh niên các địa phương vận động thanh niên viết cam kết không đi lính cho giặc. Tại Đà Nẵng, Hội Phụ nữ vận động các cụ già đấu tranh chống bắt lính bằng cách nằm trên đường ray xe lửa, không cho chúng đưa con em mình ra chiến trường làm bia đỡ đạn. Tại Điện Bàn, mỗi khi chúng đến bắt thanh niên đi lính, ta hướng dẫn các em thiếu niên, nhi đồng níu chân người thân, khóc lóc không cho đi.

Ở vùng tạm chiếm, cùng với phong trào chống bắt lính là phong trào chống lập tề, phá tề, chống địch tổ chức bầu cử hội đồng hương chính, chống chiêu an, dòn dân cũng diễn ra ở nhiều nơi và thu được nhiều kết quả quan trọng. Tại Đà Nẵng, cán bộ Mặt trận Liên Việt rải truyền đơn tố cáo tội ác của giặc, tổ chức cho Nhân dân học lời hiệu triệu của Mặt trận Liên Việt Trung ương, kết hợp với du kích Hòa Vang bắt 15 tên lý trưởng đưa về răn đe, giáo dục rồi trả về lại địa phương... Những hoạt động ấy đã góp phần làm phá sản âm mưu lập tề, bầu cử của địch ở phần lớn địa bàn nông thôn và vùng ven đô. Tại Hòa Vang, Đại Lộc, Điện Bàn Nhân dân dùng mọi lý lẽ để không chịu đỡ nhà vào các khu dòn của địch, kiên quyết đấu tranh đòi về làng cũ làm ăn.

Ở vùng tự do, Nhân dân tổ chức bố phòng, cất giấu tài sản, bảo vệ kho tàng, động viên con em tham gia du kích, bộ đội, sẵn sàng đi dân công phục vụ tiền tuyến, sẵn sàng đập tan mọi cuộc hành quân càn quét của địch, đẩy mạnh tăng gia sản

xuất. Trong đó trọng tâm là công tác tổng động viên nhân tài, vật lực phục vụ cuộc tổng phản công giành thắng lợi quyết định trong thời gian tới. Mặc dù Nhân dân Quảng Nam còn gặp nhiều khó khăn, nạn đói vừa mới được khắc phục, song Mặt trận Liên Việt và các đoàn thể chính trị đã động viên Nhân dân làm tròn nhiệm vụ chi viện cho tiền tuyến. Đặc biệt *Ban Dân công* các địa phương đã làm tốt công tác tổ chức cho dân công vận chuyển lương thực, vũ khí, tải thương phục vụ các chiến trường. Nhiều đợt dân công kéo dài cả tháng, phải băng rừng vượt suối đi cả ngày lẫn đêm, để đưa hàng kịp thời ra phục vụ chiến trường, lớn nhất là đợt đi dân công suốt 3 tháng liền phục vụ cho chiến trường bắc Tây Nguyên (Gia Lai - Kon Tum) và Hạ Lào. Mặc dù vất vả, nhưng mỗi người dân vẫn cố gắng nhận số lượng vận chuyển trên mức qui định, cũng như hạn chế thất thoát đến mức thấp nhất trên đường vận chuyển ra các chiến trường.

Nhân dân Quế Sơn, Thăng Bình, Tam Kỳ, Tiên Phước..., dùng cuốc, thuổng, giáo mác phá hủy cầu cống, đường giao thông; dựng chướng ngại vật, lập trạm kiểm soát, cấm chông dầy đặc trên các vùng giáp ranh, nhất là ở các vùng ven biển. Nhân dân các huyện miền núi khai thông hành lang, lập các trạm dừng chân, kho tàng cất giấu tài sản, vót chông gửi xuống giúp Nhân dân đồng bằng bố phòng đánh địch, tạo điều kiện cho quân và dân ta tiến lên giành những thắng lợi quyết định trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Tháng 4 - 1954, thực hiện Nghị quyết của Tỉnh ủy về việc khẩn trương đẩy mạnh mọi mặt công tác, tập trung phát triển kinh tế, Mặt trận Liên Việt các cấp phối hợp với các đoàn thể, nhất là Nông hội vận động nông dân làm các công trình thủy

lợi để chống hạn; diệt chuột, trừ sâu, giữ vững diện tích canh tác, cải tiến kỹ thuật, thâm canh tăng năng suất lúa và các loại cây hoa màu. Ở vùng sau lưng địch, Nhân dân Hòa Vang, Đại Lộc, Điện Bàn tổ chức đắp đập, dùng máy bơm, phục vụ tưới cho 34.400 mẫu đất canh tác. Ở vùng tự do, nông dân Tam Kỳ làm đập Ba Suối để giải quyết việc tưới nước cho hàng trăm ha ruộng đất; Nhân dân Tiên Phước tổ chức phong trào bắt sâu, diệt chuột, kịp thời cứu hàng trăm ha lúa và hoa màu khỏi sự phá hoại của sâu, chuột...

Tại các huyện miền núi của tỉnh, do mất mùa liên tiếp, nên bà con dân tộc gặp rất nhiều khó khăn, nạn đói cơm lạt muối của đồng bào khu vực miền núi cao diễn ra trong thời gian dài. Trước tình hình đó, Mặt trận Liên Việt các cấp đã vận động các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh chung tay góp sức giúp đỡ đồng bào. Chỉ trong thời gian ngắn, toàn tỉnh đã ủng hộ 72 tấn muối, 6 tấn gạo, 18.404 nông cụ sản xuất, góp phần giải quyết khó khăn trước mắt của đồng bào. Các đoàn thể còn lập kế hoạch sản xuất cho từng nóc, từng gia đình, khuyến khích đồng bào mở rộng diện tích trồng các loại cây lương thực, chuyển làm rẫy sang làm ruộng ở một số nơi có điều kiện. Kết quả, ta đã thành lập được 566 tổ sản xuất, 5.657 hội viên, giúp 2.647 người thoát đói, 1.167 người thoát nghèo. Vấn đề chăm sóc sức khỏe cho đồng bào miền núi cũng được Mặt trận Liên Việt, các cấp, các ngành quan tâm đúng mức. Qua đó, đồng bào các dân tộc thiểu số càng thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ.

Tiếp tục thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng, Mặt trận Liên Việt và Nông hội tổ chức cho nông dân học tập, nâng cao ý thức giác ngộ giai cấp và điều chỉnh mức tô phù hợp với

từng địa phương. Kết quả đến đầu tháng 6 - 1954, tại các vùng tự do và cả vùng tạm bị chiếm thuộc các huyện Hòa Vang, Đại Lộc, Điện Bàn, Thăng Bình, Tam Kỳ đã có trên 5 nghìn bản, cổ, trung nông được giảm tô 200 tấn lúa trên 1.700 mẫu. Ở vùng địch, hầu hết các xã hoàn thành việc chia công điền cho nông dân. Nhờ vậy, chỉ trong 6 tháng đầu năm 1954, nông dân vùng tự do đã nộp 8.131 tấn thuế nông nghiệp, vùng du kích nộp 882 tấn, gấp 2 lần so với năm 1953, góp phần tạo nên thực lực rất lớn cho công cuộc kháng chiến.

Chính sách ruộng đất của Đảng đã làm cho bộ mặt nông thôn Quảng Nam có nhiều thay đổi, đời sống vật chất của người dân từng bước được cải thiện. Ôn Đảng, ơn Bác Hồ, gắn bó sâu sắc với tổ chức đoàn thể của mình, được chị em phụ nữ biểu lộ qua câu hát ru con.

*Ru con con ngủ cho ngoan
Mẹ ra nông hội mẹ bàn đấu tranh
Nay em có chiếc áo lành
Là nhờ ơn Đảng đã giành cho em
Mẹ xưa đói khổ gây mòn
Vì tô vì thuế vì phường thực dân.*

Ngày 7 - 5 - 1954, sau 56 ngày đêm liên tục chiến đấu, quân ta tiêu diệt toàn bộ quân địch ở tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Đây là chiến thắng lớn nhất của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, làm nức lòng quân dân cả nước, đồng thời làm sụp đổ tinh thần binh lính địch.

Trước tình hình đó, Tỉnh ủy chủ trương tiến công tiêu diệt địch trên hướng chính, tiếp tục đánh điểm, diệt viện cắt cầu Cầu Lâu, cô lập Bà Rén, Trà Kiệu, sẵn sàng bảo vệ vùng mới giải phóng và căn cứ du kích. Thực hiện chủ trương trên,

Mặt trận Liên Việt và đoàn thể các cấp vận động Nhân dân tích cực phối hợp cùng các lực lượng vũ trang bám đồn đánh địch, bảo vệ cơ sở, giữ vững vùng mới mở ra. Nhân dân các xã Điện Hồng, Điện Tiến, Điện Phước (Điện Bàn) tham gia mở đường tiếp tế súng đạn, tải thương, thu dọn chiến trường. Hơn 100 dân công xã Điện Hồng, Điện Tiến dùng sức đưa hai khẩu pháo 94 mm thu được trong trận đánh Bồ Bồ lần thứ nhất (9 - 6 - 1954) xuống đồi và chuyển về căn cứ an toàn.

Ngoài ra, Mặt trận Liên Việt và đoàn thể các cấp còn vận động các tầng lớp Nhân dân đấu tranh chống bắt lính, không dời nhà; vận động binh lính địch đào ngũ, rã ngũ, đòi bồi thường thiệt hại trong chiến tranh... Từ các cuộc đấu tranh lẻ tẻ hàng ngày, đã bùng phát thành phong trào đấu tranh chính trị rộng lớn, chống các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc, lừa bịp của địch, nhất là ở Hòa Vang, khu đông Hội An; các xã Điện An, Điện Hòa (Điện Bàn). Tại Đà Nẵng có 200 thanh niên bỏ chạy ra vùng tự do. Từ tháng 1 đến tháng 6 - 1954, toàn tỉnh có 1.146 thanh niên chạy thoát khỏi tay giặc. Tại Hội An, Đà Nẵng, công chức, học sinh, Nhân dân và các gia đình binh lính địch đấu tranh đòi Pháp chấm dứt chiến tranh, ủng hộ lập trường của ta tại Hội nghị Genève làm cho nội bộ địch càng thêm rối loạn. Đặc biệt, cuộc đấu tranh của 1.500 đồng bào Đà Nẵng, hơn 4.000 đồng bào ở Hội An vào ngày 10 - 6 - 1954 đã gây tiếng vang lớn. Nhiều binh lính địch cũng nổi dậy đấu tranh tập thể như các đơn vị 97, 12, 11 quân thứ hành chính lưu động. Lính ngự ở Quá Giáng không chịu đi tiếp viện. Lính ở Hội An không chịu vào đánh nhau ở Tuy Hòa...

Trước sự tấn công dồn dập cả quân sự, chính trị, binh vận của quân dân ta, địch lâm vào tình thế nguy ngập. Vùng tạm

chiếm bị chia cắt từng mảnh, bộ máy nguy quyền ở nhiều nơi bị tan rã. Để cứu vãn tình thế, ở Quảng Nam, địch mở cuộc hành quân “Con Báo”, nhằm phá vùng du kích Điện Bàn, chiếm lại cứ điểm Bồ Bồ, biến Bồ Bồ thành hậu cứ cho các cuộc càn quét, giải tỏa, tiếp tế cho một số cứ điểm xung quanh.

Trước âm mưu mới của địch, quân ta lợi dụng yếu tố bất ngờ, dùng chiến thuật tập kích tiêu diệt địch ngay từ khi chúng vừa đặt chân đến Bồ Bồ. Phối hợp cùng bộ đội, Nhân dân các xã Điện Hồng, Điện Tiến, Điện An, Điện Hòa (Điện Bàn)..., huy động 500 dân công hỏa tuyến, 650 dân công thu chiến lợi phẩm và một số dân công dự trữ; tham gia đắp đường, góp phần vào thắng lợi của cuộc tập kích Bồ Bồ ngày 19 - 7 - 1954.

Bị thất bại nặng nề ở Điện Biên Phủ và trên các chiến trường trong nước, kể cả Thượng Lào, buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Genève chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương. Đánh dấu sự kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược của Nhân dân ta.

Nhìn lại, trong thời kỳ 1945 - 1954, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, Mặt trận Việt Minh, Hội Liên Việt và sau đó là Mặt trận Liên Việt Quảng Nam đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình trong việc tập hợp, đoàn kết rộng rãi lực lượng dân tộc, vận động các tầng lớp Nhân dân thực hiện cộng cuộc kháng chiến - kiến quốc. Đặc biệt, khi Đảng ta tuyên bố tự giải tán (1945) để rút vào hoạt động bí mật, đặt quyền lợi đất nước lên trên hết và tránh mọi sự hiểu lầm không cần thiết của dư luận trong, ngoài nước, gây bất lợi đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đến khi trở lại hoạt động công khai, với tên gọi mới là Đảng Lao động Việt Nam (1951), thì Mặt trận Việt Minh thực sự trở thành biểu tượng của khối đại đoàn kết

toàn dân tộc. Đảng thông qua Mặt trận Việt Minh để lãnh đạo dân tộc và Mặt trận Việt Minh xứng đáng với sự tin cậy của Đảng, góp phần quan trọng đưa sự nghiệp kháng chiến - kiến quốc đi tới thành công.

Quân và dân Quảng Nam, sau hơn ba ngàn ngày cùng với quân dân cả nước tự lực cánh sinh, trường kỳ kháng chiến đã anh dũng chiến đấu, không quản ngại mọi hy sinh gian khổ để cuối cùng góp phần buộc thực dân Pháp phải thừa nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước ta. Những thành quả to lớn ấy, bắt nguồn từ đường lối kháng chiến đúng đắn của Đảng và Bác Hồ, sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sáng tạo của Đảng bộ tỉnh Quảng Nam; sự đồng tâm nhất trí, đoàn kết trên dưới một lòng của các tầng lớp Nhân dân, tập hợp trong Mặt trận dân tộc thống nhất và các đoàn thể chính trị, quyết tâm đánh thắng thực dân Pháp xâm lược.

Trong điều kiện một tỉnh vừa có vùng tự do, vừa có vùng bị chiếm, song các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận từ tỉnh đến cơ sở đã làm hết sức mình để xây dựng và phát triển chính quyền dân chủ nhân dân trên khắp các vùng lãnh thổ và đây là công cụ đắc lực để tổ chức, động viên, huy động được sức mạnh của toàn dân đánh giặc. Thành công này không những chỉ có ý nghĩa trong kháng chiến chống thực dân Pháp, mà còn có ý nghĩa lâu dài trong đường lối và nghệ thuật tiến hành chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện của Đảng.

Chương 3

ĐẤU TRANH GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG, CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH ĐẶC BIỆT” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1954 - 1965)

I. SẮP XẾP TỔ CHỨC, CHUYỂN ĐỔI PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG, GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG (1954 - 1960)

1. Chính sách của Mỹ - Diệm và tình hình Quảng Nam sau Hiệp định Genève

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ tháng 5 - 1954, Pháp phải ký Hiệp định Genève (21 - 7 - 1954) về việc lập lại hoà bình ở Đông Dương, chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp được đế quốc Mỹ giúp sức đối với 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia. Đây là văn bản pháp lý quốc tế ghi nhận các quyền dân tộc cơ bản của Nhân dân các nước ở Đông Dương và được các cường quốc cùng các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng.

Theo Hiệp định, quân đội hai bên phải ngừng bắn, tập kết, chuyển quân và bàn giao khu vực, lấy vĩ tuyến 17 (dọc theo sông Bến Hải - Quảng Trị) làm giới tuyến quân sự tạm thời; không phân biệt đối xử, không trả thù đối với những cá nhân, những tập thể cũng như với gia đình của những người đã cộng tác với một trong 2 bên trong thời gian chiến tranh; Việt Nam tiến tới thống nhất bằng cuộc tổng tuyển cử tự do trong

cả nước sẽ được tổ chức vào tháng 7 - 1956 dưới sự kiểm soát của một Ủy ban Quốc tế. Những điều khoản này sẽ được hai bên thực hiện trong thời gian 300 ngày, kể từ ngày 21 - 7 - 1954 đến ngày 19 - 5 - 1955. Tuy nhiên, thi hành Hiệp định Genève, Quảng Nam chỉ có một thời gian rất ngắn từ 15 ngày ở các huyện phía Bắc, 30 ngày ở các huyện phía Nam¹ phải rút hết toàn bộ lực lượng vũ trang, tập trung vũ khí để vào Quy Nhơn, tập kết ra Bắc. Đại bộ phận cán bộ công nhân viên thoát ly của các ngành, các cấp và cán bộ đảng viên ở cơ sở đều ở lại và trở về sinh hoạt với gia đình trong vùng ta mới bàn giao cho địch quản lý, một bộ phận được chỉ định thoát ly hoạt động bí mật.

Trong lúc ta đang thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp định Genève, thì địch lại trắng trợn vi phạm Hiệp định. Trên địa bàn Quảng Nam, ngay cả khi cán bộ và các lực lượng vũ trang ta chưa chuyển quân xong thì địch đã lo móc nối với bọn Quốc dân đảng, bọn lưu manh có hận thù với cách mạng ráo riết chuẩn bị các đòn tiến công phủ đầu phong trào các huyện vùng tự do phía nam như Quế Sơn, Thăng Bình, Tam Kỳ, Tiên Phước, nhằm khủng bố tinh thần đấu tranh của cán bộ, Nhân dân, hạ uy thế của Đảng. Bọn phản động địa phương lập danh sách phân loại đảng viên, cán bộ, phao tin hù dọa, ám sát gây căng thẳng trong Nhân dân.

Song song với việc xây dựng chính quyền trung ương, Mỹ - Diệm ra sức củng cố chính quyền xã, thôn (ấp)² bằng cách

1. Trong kháng chiến chống Pháp, Quảng Nam hình thành 2 vùng: Vùng tạm bị địch chiếm từ phía bắc sông Bà Rén trở ra, vùng tự do gồm các huyện từ phía nam sông Bà Rén trở vào: Quế Sơn, Thăng Bình, Tam Kỳ, Tiên Phước, Trà My nối liền với 3 tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên thành một vùng tự do rộng lớn của Khu 5.

2. Trần Bá Đệ (chủ biên) - Lê Cung, *Giáo trình Lịch sử Việt Nam*, tập VII: Từ 1954 - 1975, Nxb. DHSP, 6-2010, trang 51.

bổ nhiệm những người thuộc phe cánh Diệm làm xã trưởng, ấp trưởng. Đi ngược lại truyền thống dân chủ vốn có của làng xã Việt Nam, Mỹ - Diệm bãi bỏ các hội đồng dân cử thay vào đó bằng chế độ “*chỉ định*”. Do chế độ “*chỉ định*”, nên bộ máy chính quyền thôn, xã ra sức bạo hành, ức hiếp lương dân. Chính những người trong bộ máy chính quyền Ngô Đình Diệm cũng phải thừa nhận rằng: “*Một trong những khuyết điểm lớn nhất của Diệm là việc các viên chức làng xã được bầu cử đã bị chính quyền trung ương thay thế một cách độc đoán bằng những kẻ tay sai được chỉ định*”¹. Bộ máy an ninh của địch từ xã đến thôn (ấp) cũng được thiết lập khá chặt chẽ, ở xã có cuộc cảnh sát do xã phó phụ trách an ninh làm cuộc trưởng, ở cơ sở do thôn (ấp) phó phụ trách. Bọn địch tiến hành thanh lọc quần chúng thành 4 loại: Loại A (gia đình tập kết), loại B (gia đình đảng viên), loại C (gia đình tình nghi), loại D (dân thường). Ngoài ra, chúng đã thu thập được danh sách cán bộ, đảng viên, những người tham gia kháng chiến cũ và tập trung đánh phá quyết liệt vào lực lượng này để tiêu diệt phong trào đấu tranh của Nhân dân.

Cùng với bộ máy cai trị từ trung ương xuống xã, Mỹ - Diệm lập các tổ chức quần chúng trá hình như “*Thanh niên cộng hòa*”, “*Phụ nữ liên đới*”, “*Nhân dân tự vệ đoàn*”, “*Ngũ gia liên bảo*”, “*Liên gia tương trợ*” để theo dõi, giám sát các hoạt động của Nhân dân.

Thực hiện âm mưu phá hoại Hiệp định Genève, loại trừ cộng sản để chiếm đóng lâu dài miền Nam Việt Nam, các loại tay sai của Mỹ - Diệm mặc sức bắn giết cán bộ và Nhân dân; liên tiếp gây ra các vụ tàn sát hàng loạt đồng bào ta tại Hà Lam

1. Trần Văn Đôn, *Our Endless War* (inside Vietnam), Pressidio Pres, San Rafael, CA, USA, 1987, trang 124.

- Chợ Đuộc (Thăng Bình), Chiên Đàn (Phú Ninh), Cây Cốc (Tiên Phước); truy tìm khủng bố trả thù những người kháng chiến cũ bằng những hình thức giết người dã man như xẻo tai, móc mắt, mổ bụng, thủ tiêu, chôn sống, bỏ bao tải thả sông, thả biển hàng trăm người ở Phước Đức (Quế Sơn), Tất Viên (Thăng Bình), Vĩnh Trinh (Duy Xuyên); Ba Cây, Tư Phú (Điện Bàn); Phiếm Ái, Khe Cồng, Hà Sóng (Đại Lộc), Khánh Thọ (Phú Ninh), Tam Hải (Núi Thành), Sơn - Cẩm - Hà (Tiên Phước)... Cạnh đó, chúng còn gây ra nhiều vụ giết người trên sông Thu Bồn, Vu Gia, Bàn Thạch, Khe Tre... Tính đến ngày 14 - 11 - 1954, chưa đầy 3 tháng tiếp quản, bọn tay sai Mỹ - Diệm đã bắt tra tấn, giết hại trên 300 cán bộ trong tỉnh.

Đầu năm 1955, Mỹ - Diệm tiến hành giai đoạn một “*tổ cộng*” nhằm đi sâu đánh phá ta một cách toàn diện. Trong đó, địch tập trung đánh vào Đảng, đánh vào dân, vừa tiêu diệt con người, vừa tiêu diệt tư tưởng, cốt làm cho Nhân dân từ bỏ Đảng và trở thành người dân “*quốc gia*”, ngăn chặn cuộc đấu tranh của Nhân dân đòi hiệp thương tổng tuyển cử. Tháng 2 - 1955, chúng mở chiến dịch tổ cộng Phan Châu Trinh; tháng 7 - 1955, chúng mở chiến dịch tổ cộng Trịnh Minh Thế. Địch mở trại “*cải huấn*” ở các huyện lỵ, bắt cán bộ, đảng viên ta sám hối, xé cờ Đảng, ảnh Bác Hồ. Không chỉ có cán bộ, đảng viên mà cả Nhân dân cũng bị địch bắt đi học “*tổ cộng*”, địch bắt học viên học tài liệu “*Tội ác Việt cộng*”, “*Công đức Ngô Đình Diệm*”... Sau khi học, học viên phải tự viết tờ ly khai Đảng, khai báo đảng viên, cơ sở cách mạng. Song các chiến dịch này nhìn chung còn hạn chế do Mỹ - Diệm phải lo đối phó với các giáo phái và các lực lượng thân Pháp¹. Trước đó, vào cuối tháng 5 - 1955, mâu

1. Do mâu thuẫn về quyền lợi giữa bọn tay sai thân Pháp và thân Mỹ, tháng 3-1955,

thuần nội bộ địch diễn ra gay gắt, bọn Quốc dân đảng ly khai chính quyền Diệm, kéo lên Tiên Phước lập chiến khu chống Diệm lấy tên “Nam - Ngãi - Bình - Kỳ”, đưa tên Nguyễn Đình Thiệp, nguyên Tỉnh ủy viên Quốc dân đảng lên làm tư lệnh, chỉ huy trưởng. Âm mưu của Quốc dân đảng là chiếm cứ cả vùng thấp bắc Trà My, nối liền với vùng thấp huyện Phước Sơn, xây dựng chiến khu dự bị, nếu ở đồng bằng chúng không chống cự nổi quân của Diệm thì lui về miền núi hoạt động.

Sau một thời gian ly khai chống Diệm, bọn Quốc dân đảng vì quá tàn ác không thu phục được lòng dân, không được dân ủng hộ nên càng chống Diệm càng suy yếu, sức mòn lực kiệt phải tính đến chuyện quy hàng chính quyền Diệm. Trước khi ra hàng Diệm, bọn Quốc dân đảng đã gây ra vụ thảm sát man rợ, bắt 200 người đem chôn sống ở hầm heo Đồng Trại thuộc thôn 2 xã Tiên Cẩm. Riêng trong ngày 2 - 12 - 1955 (21 - 11 âm lịch) chúng bắt chôn sống một lúc 35 cán bộ, đảng viên của ta tại hầm heo Gò Vàng ở Tiên Sơn. Tại 3 xã Sơn - Cẩm - Hà (Tiên Phước), chỉ trong vòng 9 tháng, bọn Quốc dân đảng đã bắt giết gần 400 cán bộ, đảng viên và Nhân dân ta.

Ở miền núi, từ giữa năm 1955, Mỹ - Diệm mở nhiều đợt khủng bố Nhân dân rất dã man. Chúng bày trò “*ăn yên*”¹, xây dựng nhà thờ, phát triển tôn giáo,... nhằm ru ngủ, lôi kéo Nhân dân.

Đến cuối năm 1955, sau khi loại trừ được các lực lượng thân Pháp và các giáo phái, bắt bọn Quốc dân Đảng ở Quảng

các lực lượng Bình Xuyên, Cao Đài, Hòa Hảo..., đã nổi lên chống Diệm ở Nam Bộ. Cùng thời gian đó, Quốc dân đảng ở Quảng Nam cũng ly khai chống Diệm, lấy Tiên Phước làm trung tâm, chúng vừa chống Diệm, vừa chống Cộng, chống Nhân dân. Mãi đến tháng 11 - 1955, do bị cô lập, chúng đã kéo quân ra đầu hàng Diệm.

1. Lễ đâm trâu tế thần, cầu yên hàng năm.

Nam phải đầu hàng, dịch tập trung cao độ thực hiện quốc sách “*tổ cộng, diệt cộng*” như mở liên tiếp các chiến dịch “*Thanh minh tổ cộng*”, “*càn quét vi trùng cộng sản*”, tấn công quyết liệt vào các tổ chức Đảng, khủng bố phong trào đấu tranh của Nhân dân. Nham hiểm hơn là việc chúng cho bọn tay chân trà trộn vào các lớp “*cải huấn*”, “*tổ cộng*” để phát hiện đảng viên, cán bộ cốt cán của ta; theo dõi thái độ từng học viên và kích động Nhân dân khai báo, ly gián quần chúng, đảng viên, tung tin người này khai báo người kia gây nghi kỵ lẫn nhau. Dùng biện pháp “*dĩ Đảng trị Đảng*”, “*dĩ dân trị dân*”, “*tự tổ tha tổ*”, bắt học viên đánh học viên. Ngoài ra, chúng còn sử dụng một số thành phần xấu trong các tôn giáo, tiến hành các hoạt động khiêu khích, tạo thành kiến và gây chia rẽ đồng bào lương giáo.

Không khí khủng bố bao trùm, căng thẳng. Đối với những gia đình có người tập kết hoặc thoát ly, chúng bắt vợ phải ly dị chồng, cha phải từ con, anh em phải từ nhau, làm cho cha không dám nhìn con, vợ không dám nhìn chồng, anh em không dám nhìn nhau. Chúng vừa khủng bố, vừa lừa bịp mua chuộc, âm mưu biến ý chí cách mạng của Nhân dân thành sợ sệt cầu an, thủ phận làm ăn.

Để uy hiếp tinh thần những người bị bắt và tạo ra sự sợ hãi trong quần chúng, dịch đưa một số tên đầu hàng phản bội tổ cáo Đảng, xuyên tạc chủ trương, đường lối cách mạng, xé cờ Đảng và ảnh Bác Hồ, tham gia tra tấn, thẩm vấn những người bị bắt. Cách thức tra tấn của Mỹ - Diệm còn dã man hơn cả thời trung cổ, chúng dùng đinh đóng vào các khớp xương, treo người lên xà nhà, đổ nước xà phòng, tra điện... Tại các trung tâm cải huấn, hằng đêm dịch bắt người “*sám hối*” phải đứng, hoặc quỳ lên

những chồng gạch xếp cao chên vên, dưới đất có cắm chông sắt nhiều ngạnh, mắt nhìn thẳng vào ảnh Ngô Đình Diệm, bên cạnh một ngọn đèn điện công suất hàng 100 oát. Trong phòng “*sám hối*” còn có hương, trầm, khói xông lên ngạt thở. Người bị “*sám hối*” phải đứng liên tục nhiều giờ trong điều kiện như vậy, nhiều người không chịu nổi đã ngất xỉu, có người đứng lâu cơ bắp tê mỏi buộc phải cựa mình, thế là bị tay chân Diệm tra tấn, đánh đập, ngã nhào bị chông đâm rách da thịt.

Tội ác man rợ, đẫm máu của quân Mỹ - Diệm trong các đợt huấn chính tổ cộng diễn ra trên đất Quảng Nam không bút mực nào có thể tả xiết.

Ngày 22 - 10 - 1956, dưới chiêu bài chính phủ cách mạng quốc gia, Ngô Đình Diệm ra chỉ dụ số 57 thực hiện chương trình “*cải cách điền địa*”, nhằm lấy lại ruộng đất mà cách mạng đã giao cho nông dân trong kháng chiến, lập ra các khu “*dinh điền*”¹, khu “*trù mật*”² vừa là tổ chức mang tính chất kinh tế nhằm bóc lột Nhân dân, vừa là tổ chức chính trị - quân sự để kìm kẹp, khống chế Nhân dân nhằm tách họ khỏi cách mạng, “*tát nước bắt cá*” như chúng đã huênh hoang tuyên bố. Mặt khác, địch tập trung truy bức các gia đình có quan hệ với cách mạng, những ai trong diện nghi ngờ chúng đều bắt đưa đi kinh tế mới ở Tây Nguyên. Thực hiện chính sách này, Mỹ - Diệm đã làm xáo trộn cơ cấu xã hội nông thôn đồng bằng, làm thay đổi các địa bàn dân cư, qua đó phá vỡ các tổ chức cách mạng.

1. Đây là những trại tập trung được xây dựng ở những vùng xa xôi, hẻo lánh để giam giữ những người kháng chiến và gia đình cách mạng xen lẫn với đồng bào Thiên Chúa giáo di cư.

2. Đây cũng là những trại tập trung được dựng lên ở những khu vực thuận tiện giao thông, gần các căn cứ quân sự..., để gom dân từ các địa bàn nhỏ lẻ, hiểm trở, đường sá đi lại khó khăn về tập trung quản chế.

Tư tưởng bao trùm, chỉ đạo mọi hoạt động của chính quyền Ngô Đình Diệm là chống cộng. Vũ khí tư tưởng mà bọn chúng sử dụng để chống cộng, tức chống lại Nhân dân đó là *chủ nghĩa nhân vị*¹, một học thuyết duy tâm nhằm thủ tiêu tinh thần đấu tranh của quần chúng, một thứ triết học phản động được Diệm - Nhu khai thác và sử dụng. Dưới chính quyền Diệm, chủ nghĩa nhân vị được giảng dạy ở đại học, do các linh mục phụ trách. Tại Vĩnh Long, chúng lập Trung tâm huấn luyện nhân vị, viên chức nguy quyền từ trung ương đến địa phương trong cả miền Nam đều bị bắt buộc phải về thụ huấn tại trung tâm này, nhằm để “*am tường*” chủ nghĩa nhân vị, nhưng khi về đây họ bị bắt ép học tập giáo lý Thiên Chúa giáo và dụ dỗ hoặc mua chuộc họ vào Thiên Chúa giáo. Sau đó, chủ nghĩa nhân vị được tay chân Diệm đưa xuống nông thôn thông qua các đợt “*chỉnh huấn*” và các lớp học “*tố cộng*”, “*diệt cộng*”, đã gây ra bao nỗi thống khổ cho người dân vô tội. Rất nhiều trường hợp bị chính quyền Ngô Đình Diệm buộc phải “*cải đạo*” qua Thiên Chúa giáo, nếu không thì đủ mọi thứ tai ương sẽ ập đến.

Từ năm 1958 trở đi, địch tập trung đánh phá phong trào cách mạng ngày càng khốc liệt hơn. Ngày 23 - 3 - 1959, Ngô Đình Diệm tuyên bố đặt miền Nam trong tình trạng chiến

1. Chủ nghĩa nhân vị (Personalism) do Muniê (một trí thức Thiên Chúa giáo) xây dựng. Đại khái như sau: Nhân vị là vị thể con người, lấy con người làm giao điểm trong trục tương quan với đồng loại, thiên nhiên và Thượng đế. Người là trung tâm để phục vụ, có ưu điểm hơn các thực thể khác như dân tộc, nhân loại hay nhu cầu vật chất. Con người có phần hồn lẫn phần xác, mà linh hồn được coi là chủ yếu hơn vì linh thiêng, bất tử và là nguồn gốc của văn minh. Tinh thần có tính thiêng liêng vì do Thượng đế tạo ra và có khả năng vươn lên cảm thông với thượng đế. Ngô Đình Nhu tiếp thu chủ nghĩa nhân vị, gộp nhặt mỗi thứ một ít, từ giáo lý Thiên Chúa giáo đến chủ nghĩa nhân vị của Muniê, pha trộn thêm thuyết nhân ái của Khổng Tử, cộng thêm vài nét của chủ nghĩa tư bản lẫn lộn với chủ nghĩa duy linh chống Cộng.

tranh. Tháng 5 - 1959, Ngô Đình Diệm ban hành luật 10/59, đặt Cộng sản ra ngoài vòng pháp luật, lê máy chém đi khắp miền Nam, thực hiện triệt để khẩu hiệu “*giết nhằm hơn bỏ sót*”, nghiêm cấm tất cả các hoạt động hội họp, tụ tập đông người với bất cứ lý do nào; đồng thời ra sức bắt lính đồn quân, tăng cường càn quét, lùng bắt cán bộ đảng viên, đe dọa, trấn áp quần chúng Nhân dân.

Trên địa bàn Quảng Nam, địch dùng đủ mọi biện pháp để tăng cường việc truy lùng, vây bắt cán bộ như tổ chức phục kích khắp các nẻo đường; tung bọn dân vệ, điệp báo đóng giả làm người khai thác gỗ, thợ săn vào rừng tìm tung tích cán bộ và các cơ quan của ta, kể cả việc treo giải thưởng cao cho những ai cung cấp thông tin về số cán bộ, đảng viên còn lại của ta.

2. Chủ trương của Đảng và cuộc đấu tranh của các tầng lớp Nhân dân đòi thi hành Hiệp định Genève, chống “*tổ cộng, diệt cộng*”, bảo tồn lực lượng cách mạng (1954 - 1958)

Ngay từ khi Hội nghị Genève đi vào hồi kết, ngày 17-7-1954, Đảng ta đã nhận định: “*Đế quốc Mỹ là trở lực chính ngăn cản việc lập lại hoà bình ở Đông Dương..., và hiện đang trở thành kẻ thù chính, trực tiếp của Nhân dân Đông Dương*”¹. Đồng thời đề ra chủ trương: “*Thay đổi phương châm, chính sách và sách lược đấu tranh cốt để thực hiện một cách thuận lợi mục đích trước mắt. Đây là một sự thay đổi quan trọng về phương châm và sách lược cách mạng, nhưng mục đích của cách mạng vẫn là một*”².

Thực hiện chủ trương của Trung ương và căn cứ vào đặc điểm tình hình của tỉnh, đầu tháng 8 - 1954, Tỉnh ủy triệu tập

1. *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 15 (1954), Nxb. CTQG, Hà Nội, 2001, trang 225.

2. *Văn kiện Đảng, Toàn tập*, tập 15 (1954), trang 226.

hội nghị mở rộng tại Chiên Đàn (Phú Ninh) quyết định: Mở đợt học tập cho cán bộ, Nhân dân nắm vững chủ trương đường lối của Đảng, ổn định tình hình Nhân dân, tạo ra khối đoàn kết để đối phó với các âm mưu, thủ đoạn của địch, sắp xếp lại tổ chức và chuyển hướng hoạt động cho phù hợp với tình hình mới.

Về tổ chức, Tỉnh uỷ giải thể bộ máy lãnh đạo kháng chiến các cấp, chuyển tổ chức Đảng vào hoạt động bí mật. Mặt trận Liên Việt và các tổ chức quần chúng được sắp xếp lại, chuyển thành các tổ chức hợp pháp. Ở nông thôn thành lập các nhóm phòng gian, chống cướp, tổ đổi công, vòng công, hội tương tế... Ở thành phố, thị xã có tổ chức nghiệp đoàn, phụ nữ, thanh niên, học sinh và tổ trung kiên làm nòng cốt trong các phong trào. Các tổ chức này đều có đảng viên¹, cán bộ làm nòng cốt hướng dẫn quần chúng đấu tranh đòi các quyền lợi về dân sinh, dân chủ. Tại Tam Kỳ, Đảng Xã hội, Đảng Dân chủ ra hoạt động công khai. Hầu hết hội viên trong các tổ chức đoàn thể trước đây và Nhân dân trong tỉnh cũng được tổ chức đảng phổ biến đường lối chủ trương của Đảng trong thời kỳ mới, hướng dẫn dựa vào các điều khoản của Hiệp định Genève để làm cơ sở pháp lý đấu tranh với địch.

Như vậy, về danh nghĩa công khai ở miền Nam nói chung, tỉnh Quảng Nam nói riêng, lúc này không có bất cứ một tổ chức nào có liên quan đến cộng sản làm đại diện cho Nhân dân, lãnh đạo Nhân dân chống lại sự khủng bố, đàn áp của kẻ thù. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng bí mật, mọi tầng

1. Trong các tổ chức xã hội, nghề nghiệp được ta lập ra trong thời gian này, bên cạnh các đảng viên trung kiên, chi bộ xem xét chuyển toàn bộ số đảng viên không được sắp xếp vào chi bộ mới và đại bộ phận dân quân du kích xã, thôn sang hoạt động trong các tổ chức quần chúng.

lớp Nhân dân vẫn được tập hợp vào mặt trận đấu tranh chống Mỹ - Diệm trước sự ngoan cố, độc tài, tàn bạo của chúng.

Đây là bước ngoặt lịch sử trong đời sống chính trị của cả miền Nam nói chung, Quảng Nam nói riêng. Thế và lực của cách mạng đột ngột thay đổi, từ chỗ cách mạng công khai làm chủ cả một địa bàn rộng lớn, với một hệ thống chính trị vững mạnh từ huyện đến cơ sở bao gồm Đảng, chính quyền, lực lượng vũ trang, Mặt trận Liên Việt và các đoàn thể chính trị - xã hội được dân tin yêu, nay vì lợi ích chung của cả nước, buộc phải tạm thời bàn giao lại cho đối phương, chuyển quân tập kết; giải thể chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể từ trên xuống, chuyển giao quyền quản lý lãnh thổ lại cho địch; toàn bộ hoạt động của cách mạng phải chuyển sang phương thức bí mật, bất hợp pháp. Nhân dân Quảng Nam từng là người đã giành được tự do nay quay trở lại kiếp sống nô lệ, lầm than cơ cực dưới ách cai trị của chính quyền thực dân mới và bè lũ tay sai bán nước. Đây là sự đảo lộn lớn và là một tình thế nguy hiểm đối với cách mạng. Sự thay đổi đó tác động mạnh đến tâm tư, tình cảm của đồng bào, đồng chí và đặt ra cho cách mạng những nhiệm vụ mới vô cùng khó khăn. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “...Vùng xưa nay tự do mà nay địch sẽ đến tạm đóng thì đồng bào vùng ấy thắc mắc, có người sẽ bị quan thất vọng, dễ bị địch lợi dụng. Ta phải nói cho đồng bào biết rõ: Vì lợi ích toàn quốc, vì lợi ích lâu dài mà tạm thời phải chịu đựng, đó là một điều vẻ vang, toàn quốc đều biết ơn. Tâm tư của cán bộ chiến sĩ cũng như nhân dân bản khoả xúc động chỉ tiếc là đang thắng lợi dồn dập, địch đang thua to mà phải ngừng chiến, chuyển quân tập kết”¹. Nhưng với lòng tin tuyệt đối vào

1. *Quảng Nam - Đà Nẵng 30 năm chiến đấu và chiến thắng*, Nxb. QĐND, 1985, trang 252.

Trung ương Đảng và Bác Hồ, cán bộ và Nhân dân Quảng Nam cũng như cả miền Nam nói chung đã chấp hành nghiêm chỉnh Hiệp định Genève. Trước lúc cán bộ và lực lượng vũ trang rời quê hương đi tập kết, tại sân vận động Tam Kỳ (nay là khu vực trường Trung học cơ sở Lý Tự Trọng), Tỉnh uỷ đã tổ chức một cuộc mít tinh lớn, vừa mừng chiến thắng; vừa đề đồng bào, đồng chí tiễn đưa cán bộ, bộ đội lên đường đi tập kết.

Đến ngày 30 - 8 - 1954, ở Quảng Nam về cơ bản các đơn vị bộ đội và một số ít cán bộ, học sinh đã hoàn thành việc tập trung về An Tân (Núi Thành), sau đó tiếp tục vào Quy Nhơn để tập kết ra miền Bắc. Những người ở lại tìm mọi cách sống hợp pháp để có thể tiếp xúc, vận động và hướng dẫn quần chúng đấu tranh hợp pháp đòi đòi phương thi hành Hiệp định Genève để sau 2 năm thì *“hiệp thương tổng tuyển cử”*.

Ngày 31 - 5 - 1955, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đề ra chủ trương tập hợp tối đa đại đa số quần chúng thành một mặt trận rộng rãi để đấu tranh thực hiện hiệp thương thống nhất Bắc - Nam. Chỉ thị số 20 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về việc phát động quần chúng đấu tranh đòi thực hiện Hội nghị hiệp thương giữa hai miền Nam - Bắc đã cụ thể hóa nhiệm vụ công tác Mặt trận giữa hai miền. Cuộc đấu tranh ở miền Nam phải dựa vào sức mạnh của quần chúng làm căn bản, tập hợp đa số quần chúng thành một mặt trận rộng rãi, bao gồm các tầng lớp Nhân dân, bao gồm các đảng phái, tôn giáo, các xu hướng, miễn là tán thành hòa bình, thống nhất, chống Mỹ - Diệm nhằm đòi thực hiện Hội nghị hiệp thương đúng thời gian quy định. Nhiệm vụ trước mắt là phát động phong trào đấu tranh chính trị lên một mức độ cao hơn; kết hợp các cuộc đấu tranh này với đấu tranh đòi tự do, dân chủ, chống đàn áp, khủng bố. Trong

quá trình đấu tranh phải củng cố, mở rộng Mặt trận Dân tộc Thống nhất và cơ sở Đảng. Về sách lược đấu tranh, Chỉ thị nêu rõ phải triệt để phân hóa và lợi dụng các loại mâu thuẫn giữa Mỹ - Pháp, bọn thân Mỹ, bọn thân Pháp, triệt để phân hóa và lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ chúng, đoàn kết tất cả những người có thể đoàn kết được; tranh thủ, tập hợp tất cả những người nào có thể tranh thủ được. Trong vận dụng sách lược ta phải nhân nhượng những quyền lợi kinh tế, chính trị đúng mức, nhưng không để mất lập trường, mất nguyên tắc...

Từ ngày 5 đến ngày 10 - 9 - 1955, tại Hà Nội đã diễn ra Đại hội Mặt trận Dân tộc Thống nhất toàn quốc quyết định thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thông qua Cương lĩnh 10 điểm và tuyên bố Mặt trận Liên Việt đã hoàn thành nhiệm vụ, từ nay sẽ hòa mình trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Tuy nhiên, do điều kiện cụ thể của cách mạng 2 miền Nam Bắc, trên thực tế từ sau tháng 9 - 1955 ta chỉ mới vận động thành lập Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở các địa phương thuộc miền Bắc. Còn ở miền Nam nói chung, Quảng Nam nói riêng, công tác Mặt trận nằm chung trong công tác Dân vận của Đảng.

Từ ngày 9 đến ngày 18 - 10 - 1955, Ban Bí thư Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đề ra chủ trương tuyên truyền, phổ biến thực hiện Cương lĩnh Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để chống lại vieăc “*trưng cầu dân ý*” của bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm. Ban Bí thư chỉ rõ cần đẩy mạnh tuyên truyền cho Nhân dân nhận rõ âm mưu của Diệm, vạch trần những thủ đoạn mị dân lừa gạt thanh niên bằng những công trình cải cách xã hội, thông qua báo chí công khai để vạch mặt Mỹ - Diệm trong việc trưng cầu dân ý; vận động Nhân dân mít tinh, mở hội nghị, xé truyền đơn, xé băng khẩu hiệu; đồng thời xuất bản một số tờ

báo bí mật để giải thích cho đảng viên và quần chúng hiểu rõ âm mưu của địch. Trong cuộc đấu tranh chống trung cầu dân ý, phải tỉnh táo, không được chủ quan khinh địch, có kế hoạch đề phòng khủng bố, phải đấu tranh thắng lợi và giữ vững lực lượng của ta.

Tiếp đến, ngày 18 - 10 - 1955, Ban Bí thư lại ra Chỉ thị số 42 - CT/TW nhận định: Do những mâu thuẫn về quyền lợi giữa các phe phái là điều kiện tốt để ta tập hợp rộng rãi các tầng lớp Nhân dân theo bản Cương lĩnh của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đẩy mạnh cuộc đấu tranh giành thống nhất nước nhà. Chủ trương của ta là trên cơ sở Cương lĩnh của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam mà tập hợp rộng rãi mọi lực lượng chống Mỹ - Diệm, kết hợp chống trung cầu ý dân, chống tuyên cử Quốc hội bù nhìn với việc tuyên truyền, phổ biến và thực hiện Cương lĩnh của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở miền Nam.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Cương lĩnh của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cùng với việc chuyển hướng, sắp xếp tổ chức, phong trào đấu tranh chính trị của Nhân dân tỉnh ta nổ ra mạnh mẽ ở nhiều nơi, lôi cuốn nhiều tầng lớp Nhân dân tham gia.

Theo chỉ đạo của Đảng, Nhân dân trong tỉnh đấu tranh với địch theo phương châm “*có lý, có lợi, có mức*”. Ở Phiếm Ái (Đại Lộc), khi địch sát hại chị Nguyễn Thị Thơ - người lãnh đạo quần chúng phản đối địch bắt người, cướp phá tài sản. Bà con đã kiên trì xác chị xuống quận đấu tranh, buộc chúng phải đứng ra xin lỗi và bồi thường nhân mạng, chăm sóc người bị thương. Hàng ngàn dân Đại Hòa (Đại Lộc), Hà Mật (Điện Bàn), Chiên Đàn (Phú Ninh)..., tập trung phản đối địch vi phạm hiệp định Genève, lên án sự lộng hành. Tại Tam Quang

(Núi Thành), Nhân dân tổ chức vớt xác 2 cán bộ xã Tam Hải bị chúng thả xuống biển, làm bằng chứng tố cáo tội ác của chúng trước Ủy hội quốc tế.

Phong trào chống Diệm tổ chức “*trưng cầu dân ý*”(23 - 10 - 1955) phẩy truất Bảo Đại, đưa Diệm lên làm tổng thống, được Nhân dân Quảng Nam hưởng ứng mạnh mẽ bằng cách vạch mặt quá trình làm tay sai của Ngô Đình Diệm và thực hiện khẩu hiệu “*xanh bỏ giỏ, đỏ bỏ túi quần*”¹. Ngoài ra, phong trào đấu tranh đòi quyền “*tự do dân chủ*” và các quyền lợi kinh tế, phản đối chính sách áp bức bóc lột của Mỹ - Diệm cũng diễn ra sôi nổi ở nhiều địa phương như Đại Lộc, Điện Bàn, Duy Xuyên...

Ở miền núi, đồng bào ở các nóc, dựa vào các phong tục tập quán, phao tin “*giặc mùa*”, ngải nghê, thú rừng, nước độc để dọa địch. Họ nói: “*quốc gia đã vi phạm tục kiêng cử của đồng bào, đồng bào sẽ bỏ làng kéo vào rừng chống lại*”, hoặc “*quốc gia tốt thì không được làm bậy, nếu làm bậy thì phải thế mạng*”. Diễn hình như Nhân dân làng Bharvang (Bến Hiên) phao tin đang có “*giặc mùa*” và nửa đêm nổi dậy reo hò, vác gươm ra đón các ngả đường, làm cho địch sợ phải rút lui, bọn còn ở lại không dám lúng sục vào làng. Địch bắt treo ảnh Ngô Đình Diệm giữa nhà, đồng bào đem ảnh Diệm treo trên giàn bếp và trả lời với địch: Phong tục của đồng bào cái gì quý đều treo ở giàn bếp. Địch biết đó là hành động coi thường Diệm, nhưng không làm gì được đồng bào. Mặt khác, để chống lại chính sách chia rẽ của địch, đồng bào đã tổ chức Đại hội đoàn kết giữa các dân tộc trong làng và giữa các làng với nhau. Trong Đại hội, mỗi làng báo cáo những thành tích đạt được về việc

1. Ngô Đình Diệm vận động “*xanh bỏ giỏ, đỏ bỏ thùng*”, phiếu xanh là phiếu của Bảo Đại, đỏ là phiếu của Diệm. Ta vận động phiếu Bảo Đại bỏ giỏ, phiếu Diệm bỏ túi quần.

nuôi dưỡng cán bộ, tăng gia sản xuất, học văn hóa và giao ước thi đua: “*Trong làng nếu người nào theo địch thì làng đó xử, nếu làng theo giặc thì làng khác xử*”.

Đầu năm 1956, ta phát động phong trào đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Tiêu biểu ở một số nơi như Điện Bàn ta tập hợp được 2.000 bản kiến nghị, xã Quế Xuân (Quế Sơn) có 16.000 trên 24.000 dân trong xã ký kiến nghị; Nhân dân Bình Dương, Bình Giang (Thăng Bình) tham gia thảo luận đòi nhà cầm quyền miền Nam hiệp thương với miền Bắc và ký kiến nghị gửi lên ngụy quyền quận, tỉnh. Ở Đại Lộc, hội đồng hương chính xã Đại Phong đứng ra cảnh giới, bảo vệ cho Nhân dân ký kiến nghị. Các bản kiến nghị được gửi theo đường bưu điện, hoặc cử người mang trực tiếp đến Ủy hội quốc tế và cơ quan ngụy quyền. Phong trào đấu tranh đòi hiệp thương tổng tuyển cử kéo dài đến tháng 7 - 1956 mới chấm dứt¹.

Cuối năm 1956, trước tình hình cán bộ bất hợp pháp hoạt động ngày càng khó khăn, thực hiện chủ trương của Liên khu ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chuyển một số cán bộ ra hoạt động hợp pháp để bám phong trào. Tất nhiên đây là vấn đề rất khó khăn, có những cán bộ chuẩn bị ba, bốn tháng mà vẫn không ra được. Một bộ phận phải chuyển ra Huế, Quảng Trị, hoặc vào Sài Gòn hoạt động để lại liên lạc với tỉnh. Nhưng hầu hết số cán bộ này đều bị địch phát hiện và theo dõi. Nhiều cán bộ chuyển đi xa không liên lạc lại được. Cán bộ trong tỉnh tiếp tục bị tổn thất. Tháng 7 - 1958, cơ quan Tỉnh ủy chuyển từ Trung Mang (nay thuộc huyện Đông Giang) lên đóng tại thôn Phghi (Nam Giang).

1. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, trang 380.

Phong trào ở đồng bằng gặp phải những khó khăn cực kỳ nghiêm trọng. Những vùng giáp ranh núi, cán bộ hoạt động theo “*tuần trăng*”, những đêm tối trời về địa phương xây dựng cơ sở, những đêm trăng sáng lại lên núi. Phương thức hoạt động là “*đi không dấu, nấu không khói, nói không ra tiếng*”. Trong hành trang của người cán bộ luôn luôn có tấm ni lông đi mưa để làm phao bơi qua các sông suối. Tại đồng bằng, cán bộ được Nhân dân đùm bọc che giấu bằng hầm bí mật trong nhà hoặc ở ngoài sân, vườn; hoặc cán bộ phải bí mật tự đào hầm ngoài bờ ruộng, rặng tre, cồn cát để giấu mình, tối lại bắt liên lạc với cơ sở. Sự lãnh đạo của tỉnh đối với huyện, huyện đối với xã trong thời gian này có lúc bị đứt liên lạc, hơn một ngàn cán bộ Quảng Nam - Đà Nẵng bị lưu đày tại nhà tù Côn Đảo, nhà lao Thông Đẳng (Hội An), nhà lao Kho Dạn - Chợ Cồn (Đà Nẵng).

Trong gian khổ đấu tranh đã xuất hiện nhiều tấm gương kiên cường, bất khuất trước quân thù, nhất quyết không ly khai xé cờ Đảng, đầu hàng địch, giữ vững khí tiết, một lòng một dạ bảo vệ Đảng, bảo vệ phong trào như các ông Cao Sơn Pháo (Phó Bí thư Tỉnh ủy), Trương Vạn (Huyện ủy viên Đại Lộc), Nguyễn Liệu (Tiên Phước); Đinh Tùng, bà Trần Thị Lý (Điện Bàn), ông Đoàn Nghiên (Đại Lộc)... Những bà mẹ như Nguyễn Thị Thứ, Dương Thị Ngát, Nguyễn Thị Thuận (Hội An)... cùng hàng ngàn bà con khác bao lần bị địch bắt đi học “*tổ cộng*”, hành hạ, tra tấn nhưng vẫn không khai báo, khi địch thả về lại tiếp tục hoạt động, giúp đỡ cách mạng. Nhiều cơ sở đứt liên lạc với Đảng nhưng vẫn âm thầm hoạt động, nuôi giấu cán bộ nằm vùng. Địch theo dõi từng hũ gạo trong nhà, từng gói cơm mang theo ra đồng khi đi làm, nhưng Nhân dân vẫn có cách để tiếp tế cho cán bộ. Các gia đình “*tình nghi can cứu*”

có nhiều kinh nghiệm trong chống “*tổ cộng*” và là chỗ dựa của phong trào cách mạng. Sự đóng góp của Nhân dân, đặc biệt vai trò của phụ nữ là một trong những nhân tố quan trọng góp phần duy trì sự tồn tại của tổ chức Đảng ở cơ sở.

Diễn hình như mẹ Phạm Thị Cộng - Một người mẹ nghèo sống dưới chân núi Bồ Bồ (Điện Tiến, Điện Bàn), vẫn hằng thức trắng đêm chăm chú theo dõi từng động tĩnh của quân thù, để mỗi khi ngọn đèn nơi ngõ nhà mẹ thấp sáng, tức là mẹ Cộng đã báo yên, cán bộ của ta từ trên núi có thể yên tâm lên đường về với dân. Đất Quảng trong những năm tháng ấy có hàng vạn người dân trụ bám giữa lòng địch như mẹ Cộng và mỗi người dân trụ bám như ngọn đèn soi sáng cho cán bộ, đảng viên lần tìm lại lối đi ra khỏi hiểm nguy để tiếp tục sống và hoạt động cách mạng.

Song song với cuộc đấu tranh chống địch “*tổ cộng*”, là cuộc đấu tranh chống việc thành lập các khu “*đình điền*”, khu “*trù mật*” của Mỹ - Diệm. Nhân dân Duy Xuyên, Điện Bàn, Tam Kỳ..., tuyên bố thà chết chứ không đi “*đình điền*”, họ ôm kỹ cột nhà, nhảy xuống xe khi bị chúng bắt, kiên quyết phản đối việc dồn dân lập làng kiểu mẫu, thậm chí dùng cả vũ lực để chống lại sự cưỡng bức của địch.

Đảng ta chủ trương xây dựng miền núi thành căn cứ địa cách mạng lâu dài, toàn diện và vững chắc. Muốn vậy, trước tiên phải có đội ngũ cán bộ tại chỗ biết chữ, để tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng đến với quần chúng. Năm 1956, Ban Cán sự miền Tây Quảng Nam và Huyện ủy Bến Giằng giao cho các ông Trần Tường, Lê Văn Nam (Cánh Yêm), Lê Hồng Mao (Cánh Ta Lăng) - những cán bộ người Kinh am hiểu tiếng Cotu, dưới sự chỉ đạo của ông Quách Xuân (Cánh Axóop)

nguyên cứu, phiên âm tiếng Cotu thành chữ viết và mở lớp dạy thử tại khe Avur với 12 học sinh người dân tộc theo học. Sau rút kinh nghiệm chỉnh lý, hoàn chỉnh bộ vần Cotu, qua đó ta tiếp tục mở một lớp học tại khe Zhuong, sau 4 tháng học tập 82/84 học sinh đều biết đọc, biết viết chữ Cotu, phong trào học vần Cotu từ đó đẩy lên nhiều nơi.

Tháng 6 - 1957, Huyện ủy Bến Hiên và Huyện ủy Bến Giằng trao đổi với Ban Cán sự miền Tây Quảng Nam tổ chức mở lớp học vần Cotu và cử 2 ông Cánh Ta Lãng, Cánh Yêm cùng với 4 học sinh giỏi của trường Zhuong qua giúp Bến Hiên tổ chức và khai giảng khóa học đầu tiên tại trường Gồ (xã Za'hung, huyện Đông Giang hiện nay), lớp có 75 học sinh, do ông Cánh Ta Lãng phụ trách; trường A pát T'ghêy (xã Avuong, huyện Tây Giang hiện nay) có 69 học sinh, trong đó có 6 học sinh ở Thừa Thiên - Huế gửi vào học, lớp này do ông Cánh Yêm phụ trách. Khi mãn khóa cán bộ và Nhân dân đến chứng kiến rất đông và tận mắt thấy được những người con của dân tộc Cotu, như Cánh Cơ Đông lớp trưởng và em gái ALãng Chốt thay mặt học sinh đọc cảm tưởng bằng giấy trắng mực đen, bằng chính tiếng mẹ đẻ của mình. Đồng bào rất ngạc nhiên và rất phấn khởi, ông Phạm Tứ (Mười Khôi) - Phó Bí thư Tỉnh ủy đến dự lễ bế giảng và phát biểu: *“Trước đây đồng bào ta bị thực dân phong kiến áp bức, bóc lột. Đảng đem lại văn minh cho đồng bào, người Cotu đã có chữ viết, chúng ta phải phát huy những điều lợi ích mà Đảng đã đem lại để làm cho đồng bào ta mau tiến bộ, ấm no, tích cực xây dựng căn cứ miền núi góp phần đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”*. Sau đó số học sinh này trở về làng, xã của mình, các vị già làng và bà con phấn khởi tổ chức ăn mừng đón chữ Bác Hồ, mừng cho làng mình, dân tộc mình có chữ. Từ đó về sau,

hiều lớp học tiếp tục mở rộng ra khắp huyện, văn chữ Cotu tiếp tục được chỉnh lý, hoàn chỉnh cho phù hợp hơn với thực tế, không những đáp ứng được yêu cầu học chữ của người Cotu, mà còn cho cả các cán bộ người Kinh hoạt động trên địa bàn miền núi¹.

Từ thành công phiên âm chữ Cotu, Ban Cán sự miền Tây tiếp tục thực hiện chủ trương phiên âm chữ Cadong. Huyện ủy Trà My mở trường dạy chữ Cadong tại Takpỏ, sau đó phổ biến rộng ra các xã. Khi đồng bào biết chữ, Ban Cán sự miền Tây ra tờ báo “*Gung Dur*” (Vùng lên), in song ngữ bằng chữ phổ thông và chữ Cotu, tờ “*Pruduong*” cũng bằng song ngữ phổ thông và Cadong để tuyên truyền chủ trương, đường lối cách mạng của Đảng đến tận các bản làng. Chỉ tính riêng 2 năm 1957 - 1958, các trường dạy chữ Cotu, Cadong đã đào tạo trên 300 cán bộ, phục vụ cho phong trào cách mạng miền núi. Việc đồng bào Cotu, Cadong có chữ viết đã góp phần làm thay đổi đời sống văn hóa ở miền núi. Buổi tối thanh thiếu niên đốt lửa học chữ, tiếng đánh vần râm ran khắp các thôn, nóc. Thanh niên nam nữ dùng chữ để viết thư cho nhau, chép những bản nhạc cách mạng để hát và quan trọng hơn là từ đó ở những cơ sở cách mạng người dân tộc thiểu số và cán bộ người Kinh công tác ở miền núi đã có thể trao đổi, liên lạc, hướng dẫn công tác cho nhau bằng chính tiếng mẹ đẻ của người Cadong, Cotu.

Có thể nói, trong khi phong trào cách mạng ở đồng bằng đang gặp nhiều khó khăn, thì phong trào ở miền núi vẫn được giữ vững và phát triển. Miền núi thực sự trở thành chỗ dựa để

1. Bھ' riu Liểc, *Tiếng thông dụng Cotu - Kinh và văn hóa làng Cotu*, xuất bản tháng 3 - 2006, trang 11 - 13.

chúng ta tiếp thu Nghị quyết 15 của Trung ương, chuyển phong trào cách mạng sang thời kỳ mới.

3. Thực hiện Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, Nhân dân Quảng Nam nổi dậy đấu tranh chống Mỹ - ngụy (1959 - 1960)

Tháng 1 - 1959, Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) đề ra đường lối phát triển của cách mạng miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay Nhân dân... Đó là lấy sức mạnh của quần chúng, dựa vào lực lượng quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang để đánh đổ chế độ thống trị của đế quốc và phong kiến, dựng lên chính quyền của Nhân dân, đồng thời đề ra chủ trương thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất riêng cho miền Nam.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 15 cũng chỉ rõ: “Đảng phải đẩy mạnh công tác dân vận, tiến tới thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất chống Mỹ - Diệt thật rộng rãi. Mặt trận ở miền Nam phải nhằm tập hợp mọi lực lượng Nhân dân miền Nam chung quanh các yêu cầu cấp bách nhất ở miền Nam. Mặt trận ở miền Nam tuy là riêng chỉ miền Nam, không nằm trong Mặt trận Tổ quốc, nhưng cùng thực hiện mục tiêu chung với Mặt trận Tổ quốc là nhằm xây dựng nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh và phải do Đảng lãnh đạo”¹.

Nghị quyết 15 của Đảng có ý nghĩa trọng đại đối với sự phát triển của cách mạng miền Nam nói chung và Quảng Nam nói riêng, mở hướng kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và nổi dậy giành quyền làm chủ.

1. Văn kiện Đảng, Toàn tập, tập 20, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2001, trang 196.



Đồng bào các dân tộc thiểu số miền núi Quảng Nam - Đà Nẵng biểu tình chống chế độ Mỹ - Diệm (1959)

Ngay sau khi Đảng ta có Nghị quyết 15, Mỹ - Diệm liền đưa ra luật 10/59, “*loại cộng sản ra ngoài vòng pháp luật*”, kéo lê máy chém đi khắp nơi, thực hiện phương châm “*Giết làm hơn bỏ sót*”... Đây là đỉnh cao hành động phát xít của chính quyền Mỹ - Diệm, tiếp tục gây đau thương tang tóc cho đồng bào và đặt phong trào cách mạng ở miền Nam vào những khó khăn mới.

Ở Quảng Nam - Đà Nẵng, từ tháng 3 - 1959, địch mở liên tiếp nhiều cuộc càn quét, lùng sục vào vùng giáp ranh và miền núi, truy tìm gắt gao việc ăn, ở, đi lại của cán bộ, cắt đứt việc Nhân dân tiếp tế cho cách mạng. Trước tình hình đó, quán triệt Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV (1 - 1960) họp tại thôn Adhur (A Duân), bên bờ sông A Vương đã đề ra chủ trương: Tạo mọi điều kiện để tiến công vào hàng ngũ địch, hạ uy thế, phá thế kìm kẹp, mở rộng

và phát triển lực lượng cách mạng xuống đồng bằng, xây dựng miền núi vững mạnh về mọi mặt, làm căn cứ địa cho phong trào cách mạng toàn tỉnh. Tại Đại hội này, ông Trương Chí Cương được Liên Khu uỷ 5 chỉ định làm Bí thư Tỉnh uỷ, đến cuối năm 1960, ông Trương Chí Cương về Liên Khu, ông Phạm Tứ (Mười Khôi) làm Bí thư Tỉnh uỷ.

Sau thời gian dài bị địch đánh phá tàn khốc, ở vùng đồng bằng và đô thị số đảng viên còn lại rất ít, nhiều vùng trắng cơ sở cách mạng; tư tưởng của quần chúng diễn biến rất phức tạp. Bởi vậy, việc móc nối, liên lạc với các cơ sở cũ, cũng như việc vận động gây dựng cơ sở mới không đơn giản, đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải thật sự linh hoạt, sáng tạo, tìm tòi các biện pháp thích hợp nhất để tiếp xúc với quần chúng, tuyên truyền, vận động quần chúng nắm bắt chủ trương chuyển hướng đấu tranh của Đảng, từ đó gây dựng cơ sở cách mạng, tổ chức Nhân dân thực hiện. Để tiếp cận với cơ sở, cán bộ ta phải sử dụng phương thức “*bắt rết xâu chuỗi*”, “*đi vòng*”, “*nhảy vọt*” để liên lạc. Đối với những vùng trắng cơ sở, cán bộ ta phải dựa vào quan hệ bà con, bạn bè để thăm dò, điều tra và bắt mối. Phần lớn cơ sở lúc này là những đối tượng địch “*tình nghi can cứu*” đã từng bị bắt giam, đứt liên lạc với Đảng trong thời gian dài, nay được cán bộ về bắt liên lạc giao nhiệm vụ hoạt động lại. Những đảng viên tốt và tích cực hoạt động được tập hợp lại thành chi bộ nhỏ, bí mật, hoặc sinh hoạt đơn tuyến với cán bộ thoát ly. Trên cơ sở đó, phong trào cách mạng từng bước được phục hồi, phát triển.

Ngay cả việc rút thanh niên lên căn cứ để xây dựng lực lượng vũ trang trong thời gian đầu cũng gặp rất nhiều vấn đề nan giải, bởi địch kim kẹp rất chặt, mỗi khi phát hiện cán bộ về

làng là chúng bắt dân phải đánh mõ, la làng, đốt đuốc sáng rực cả xóm làng để chúng truy bắt... Tuy nhiên, nhiều gia đình cách mạng vẫn không nao núng, lấy cớ đưa con em vào rừng đốn củi, xin đi nơi khác làm ăn để lên căn cứ, tham gia lực lượng vũ trang cách mạng. Khi phong trào diệt ác phá kìm mở ra, thanh niên lên núi ngày càng đông, đặc biệt là thanh niên các huyện Điện Bàn, Tam Kỳ, Hòa Vang. Xã Kỳ Xuân (nay thuộc huyện Núi Thành); Phú Phong, Phú Hương, Phú Thạnh, Sơn Thuận, Sơn Bình (Quế Sơn); Điện Tiến, Điện Hòa, Điện Thọ (Điện Bàn) thanh niên có đêm “*nhảy núi*” từ 50 đến 60 người. Ở miền núi, đồng bào đi dân công, vận chuyển hàng hóa từ miền Bắc vào các căn cứ cách mạng, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, “*làm rẫy cách mạng, nuôi con heo, con gà cách mạng*”, làm thêm vụ 2, tía lúa tháng 3 thu hoạch tháng 6, thành lập các tổ đoàn kết sản xuất, hầu hết thanh niên tham gia lực lượng dân quân du kích. Từ huyện Hiên đến Trà My, nơi nơi đều lập kế hoạch sản xuất, giao ước thi đua với khẩu hiệu “*Tăng gia sản xuất, đánh giặc giữ làng*”, mỗi người trồng từ 5.000 đến 10.000 gốc sắn. Tất cả các rẫy đều được đồng bào đặt tên: “*rẫy cách mạng*”, “*rẫy đoàn kết*”, “*rẫy độc lập*”, “*rẫy nhớ Bác Hồ*”, “*rẫy mong thống nhất*”...Sôi nổi nhất là phong trào “*dân haro cách mạng*” (cho lúa cách mạng), với khẩu hiệu: “*ăn rau, ăn cháo dành gạo cho bộ đội*”, “*góp sức góp công, xông ra tiền tuyến*”, “*đàng sau công việc nước, đàng trước công việc nhà*”. Sắn, lúa thu hoạch về đồng bào chỉ để lại một ít, thậm chí có gia đình chỉ ăn lúa nảy mầm, lúa lép, chỉ dùng gạo để nấu cháo cho trẻ em và cụ già, còn bao nhiêu hiến hết cho cách mạng. Tháng 9 - 1959, lực lượng vũ trang tỉnh được thành lập, mở công binh xưởng đầu tiên tại thôn Bờ Nai, xã Tà Nu (Bến Hiên), xây dựng các lò

rèn để sản xuất vũ khí, các đội vũ trang lần lượt được thành lập ở hầu hết các huyện miền núi. Cũng trong thời gian này, Quảng Nam được Trung ương bổ sung một số cán bộ chính trị, quân sự từ miền Bắc vào, trong số đó có cả một số cán bộ Quảng Nam đi tập kết nay trở về tham gia chiến đấu cùng với đồng bào, đồng chí trên quê hương thân yêu của mình. Đây là một điều thuận lợi cho Đảng bộ và Nhân dân Quảng Nam trước yêu cầu và nhiệm vụ mới của cách mạng.

Bên cạnh chính sách kìm kẹp, địch còn tiến hành bao vây kinh tế đối với miền núi, ngăn chặn sự trao đổi hàng hóa, làm cho đồng bào thiếu muối ăn, vải mặc, thuốc chữa bệnh... Trước tình hình đó, đồng bào các huyện Trà My, Phước Sơn, Bến Giằng tổ chức thành từng đoàn công quế xuống đồng bằng đấu tranh với địch để được trao đổi hàng hóa, trước áp lực của quần chúng, địch buộc phải nhượng bộ.

Cuộc vận động xây dựng, mở rộng các đường hành lang ở miền núi, nhất là trục Nam - Bắc trên địa bàn Trường Sơn (đường mòn Hồ Chí Minh), cũng được đồng bào các dân tộc hưởng ứng nhiệt tình, hăng hái chặt cây phá rừng làm đường, đi dân công, xây dựng kho tàng, bảo vệ hành lang, biến miền núi thành căn cứ địa vững chắc của cách mạng, tạo điều kiện thuận lợi cho Đảng bộ và Nhân dân Quảng Nam triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, đẩy mạnh đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang.

Trong khi phong trào cách mạng ở miền núi được mở ra, thì ở đồng bằng địch bố phòng canh gác nghiêm ngặt các ngã đường, bắt dân rào làng, phát quang bờ bụi. Tuy vậy, đồng bào Quảng Nam vẫn bất chấp nguy hiểm, sẵn sàng nuôi giấu, che chở, hỗ trợ cán bộ, bộ đội, du kích đột nhập diệt ác, phá kìm.

Ngày 28 - 1 - 1960, được sự hỗ trợ của Nhân dân, các đội công tác của ta đã tiêu diệt các tên canh sát, có nhiều nợ máu với Nhân dân như Phan Đình Nhung ở Đại Quang (Đại Lộc), Cao Hữu Dung ở Sơn Long (nay là Quế An, Quế Sơn), Trần Khoái ở Phú Hương (nay là Quế Phú, Quế Sơn)...

Cùng thời gian này, địch đưa một tiểu đoàn cộng hòa đánh phá vùng thấp Phước Sơn. Ngoài các đồn bốt cũ dọc đường 16, địch rải quân ra các làng ông Tía, ông Viên, ông Điều, ông Nuông... Mỗi làng chúng bố trí từ 2 tiểu đội đến 1 trung đội. Tại nóc ông Tía (còn gọi là làng Trà Nô), đây là một thôn của xã Phước Nham (nay thuộc xã Phước Trà, huyện Hiệp Đức), địch cho thành lập và xây dựng cơ quan hành chính trên một mỏm đồi dưới chân núi Vin, cách làng 20 mét, xung quanh có bờ rào bao bọc ngăn cách với dân làng và cử ông Tía làm đại diện, ông Dép làm canh sát. Chúng bày trò “*cùng ăn, cùng ở*” với dân để xâm nhập, đánh phá cách mạng. Để ngăn ngừa các hành động chống đối của Nhân dân, chúng vừa đe dọa, vừa cho lính thu hết giáo, mác, tên, nỏ của đồng bào. Sớm nhận rõ các âm mưu của địch, ta vận động đồng bào mang vũ khí tốt vào rừng sâu cất giấu, số còn lại nói với địch muốn giữ lại để chống thú rừng, bảo vệ tính mạng và tài sản. Nhưng địch vẫn ngoan cố trấn áp, truy bức để tịch thu hết vũ khí của đồng bào. Trước tình hình ấy, đồng bào bảo nhau: “*Địch thu hết giáo mác của ta, nếu không giết chúng, chúng sẽ giết ta*” và cùng thề đứng lên giết địch.

Ngày 13 - 3 - 1960, Nhân dân và lực lượng tự vệ làng ông Tía, dưới sự chỉ huy của ông Đình Đề, bí mật tổ chức khởi nghĩa vũ trang, tiêu diệt một tiểu đội quân ngụy dưới chân núi Vin, sát làng ông Tía, thu toàn bộ chiến lợi phẩm, rồi đưa dân

vào rừng thành lập làng chiến đấu, tiến hành chiến tranh du kích chống địch. 5 ngày sau địch cho một đại đội tràn vào làng ông Tía, đốt sạch nhà cửa, tàn phá hoa màu. Nhưng càng tiến sâu vào làng mới, chúng đã vấp phải trận địa chông, thò của ta, gây thương vong thêm một số, buộc chúng phải tháo chạy trở ra.

Khởi nghĩa làng ông Tía thắng lợi, đã gây tiếng vang lớn không những ở miền núi Quảng Nam, mà còn có ý nghĩa sâu sắc đối với phong trào cách mạng cả tỉnh, thể hiện sự vận dụng sáng tạo đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng trong từng địa bàn cụ thể, kết hợp linh hoạt phương châm đấu tranh chính trị với vũ trang nổi dậy của quần chúng. Tuy quy mô không lớn, nhưng đây là cuộc nổi dậy của quần chúng có vũ trang đầu tiên ở Quảng Nam kể từ sau khi có Nghị quyết 15, chính vì thế nó đã có tác dụng lôi cuốn mạnh mẽ tinh thần chiến đấu của Nhân dân, củng cố lòng tin vào đường lối đúng đắn của Đảng. Sau làng ông Tía, đã có hàng chục làng khác hình thành thế trận đấu tranh bất hợp pháp, xây dựng lực lượng vũ trang, bố phòng đánh địch, nhất là ở vùng thấp các huyện miền Tây Quảng Nam.

Như ngày 28 - 3 - 1960, Nhân dân làng A Ró, xã Chà Vài, huyện Bến Giằng đấu tranh không cho địch phá làng, mở rộng phạm vi hoạt động. Ở Bến Hiên, đồng bào bố trí chông thò khắp nơi, làm không ít tên đã phải đền tội trong các cuộc hành quân càn quét, vũ khí chông thò tuy thô sơ nhưng đã trở thành nỗi kinh hoàng đối với binh lính địch; ngày 27 - 7 - 1960, ta đánh vào cơ quan Lộc Chánh (Đại Hiệp), diệt ác ôn, giải thoát số đảng viên bị địch bắt; đêm 19 rạng ngày 20 - 8 - 1960, ta nổ súng tấn công vào Chi khu quận lỵ Hiệp Đức tiêu diệt đại đội bảo an, thiêu huỷ đồn trại địch, thu chiến lợi phẩm; ngày 15 - 10 - 1960, lực lượng ta cải trang thành quân Cộng hoà đột

nhập vào đôt cơ quan Hội đồng xã Xuyên Phú (nay là Duy Tân, Duy Xuyên); ngày 27 - 10 - 1960, đội vũ trang công tác huyện Tiên Phước sau khi tấn công tiêu diệt đồn Nông Trại (Trà My) và trụ sở xã Tiên Hương (Tiên Phước), đã tổ chức mít tinh tuyên truyền chủ trương của Đảng, kêu gọi Nhân dân nổi dậy diệt ác, giành chính quyền. Tháng 10 - 1960, các lực lượng vũ trang ta tiếp tục tấn công tiêu diệt một số đồn địch ở các huyện Bến Hiên, Bến Giằng, đồng bào làm chướng ngại vật trên những tuyến đường mà địch sẽ đồn quân, càn quét trở lại... Đây là những trận diệt ác, phá kìm đầu tiên ở Quảng Nam sau khi Nghị quyết 15 của Đảng ra đời, đã tác động mạnh mẽ đến tinh thần cán bộ, Nhân dân. Về phía địch, đây là những thất bại thảm hại như lời tự thú của Trung tướng nguy Trần Văn Đôn: *"Việt cộng đã có một lực lượng chiến đấu thực sự ở Trung bộ, một vùng mà từ lâu được coi là không có hoạt động của cộng sản, các cơ quan Chính phủ ở Trung bộ lúc này không những không nhận thức được mối nguy cơ cộng sản, mà còn tìm cách che dấu sự thật"*¹.

Cũng trong khoảng thời gian này, Liên khu ủy 5 lấy 4 huyện: Tam Kỳ, Tiên Phước (Quảng Nam) và Bình Sơn, Sơn Tịnh (Quảng Ngãi) thành lập Đảng ủy (mật danh 32A²) để lãnh đạo Nhân dân đứng lên phá áp chiến lược, giải phóng nông thôn. Tỉnh ủy Quảng Nam cử Bí thư Huyện ủy Tam Kỳ và Tiên Phước tham gia Đảng ủy và nhiều cán bộ tham mưu, giúp việc khác. Huyện Tam Kỳ (Quảng Nam) và huyện Bình Sơn (Quảng Ngãi) được chọn làm điểm trong việc mở rộng căn cứ bàn đạp, tiến xuống đồng bằng của Liên khu.

1. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, trang 414.

2. Có tài liệu viết Mặt trận 32A.

Phong trào diệt ác phá kìm, giành quyền làm chủ đã thúc đẩy mạnh mẽ phong trào đấu tranh chính trị, nhất là phong trào đấu tranh của thanh niên. Theo lệnh Ngô Đình Diệm, tất cả các Bộ Tư lệnh cấp Quân khu ngay đều phải coi việc huấn luyện chính trị và quân sự cho thanh niên là một trong những nhiệm vụ chính. Chúng lôi kéo thanh niên, lập các tổ chức phản động với nhiều tên gọi khác nhau: “*Thanh niên cộng hòa*”, “*Thanh niên cách mạng quốc gia*”, “*Thanh niên lao động công giáo*”, “*Thanh niên hướng đạo*”, “*Thanh niên bảo vệ hương thôn*”... Nhờ công tác vận động thanh niên, tháng 8 - 1960 tại “*Trại huấn luyện thanh niên cộng hòa*” ở huyện Tiên Phước, 500 trong số 1.000 thanh niên bị địch đưa về đây để “*huấn luyện*” đã bỏ trại trốn về nhà¹.

Cùng với thắng lợi của phong trào đồng khởi ở Bến Tre, Nam Bộ, Tây Nguyên, Nam Trung Bộ. Những thắng lợi của quân và dân Quảng Nam đã đưa đến sự sụp đổ từng mảng cơ sở nguy quyền ở thôn xã, nhất là ở địa bàn miền núi. Tính đến cuối năm 1960, hầu hết các đồn địch đóng ở vùng trung, cao ở miền núi Quảng Nam đều bị ta tiêu diệt. Ở phía bắc, chỉ còn 2 thôn Tống Cói và Ô Rây ta giữ thế hợp pháp để mua hàng nhu yếu phẩm phục vụ kháng chiến. Miền núi Quảng Nam thực sự trở thành căn cứ địa vững chắc của cách mạng, tạo điều kiện thuận lợi để quân và dân Quảng Nam tiến lên giành những thắng lợi mới.

Như vậy, sau Hội nghị lần thứ 15 Ban Chấp hành Trung ương Đảng cho đến cuối 1960, cách mạng miền Nam đã có bước phát triển nhảy vọt, đòi hỏi phải có một hình thức tổ chức

1. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập II (1954 - 1975), Nxb. CTQG, 2004, trang 231.

công khai, có một chương trình hành động cụ thể để tập hợp lực lượng yêu nước trên toàn miền Nam. Nhiều nhân sĩ trí thức từ bỏ hết gia sản, chức vụ trong bộ máy chính quyền Sài Gòn vào khu căn cứ cách mạng, tiêu biểu như bác sĩ Phùng Văn Cung, Giáo sư Nguyễn Ngọc Thương, nhà soạn kịch Trần Hữu Trang...

Ngày 20 - 12 - 1960, tại một “làng rừng” (tên gọi các căn cứ lùm ở R) thuộc xã Tân Lập, huyện Châu Thành (nay là huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh), trong một khung cảnh giản dị nhưng trang nghiêm, đại diện các lực lượng yêu nước, nhân sĩ, trí thức tổ chức Hội nghị thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, cử ra Trung ương lâm thời; thông qua Tuyên ngôn và Chương trình hành động 10 điểm¹. Tuyên ngôn nêu rõ: *“Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam chủ trương đoàn kết tất cả các tầng lớp Nhân dân, các giai cấp, các dân tộc, các đảng phái, các đoàn thể, các tôn giáo và nhân sĩ yêu nước, không phân biệt xu hướng chính trị, để đấu tranh đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tập đoàn Ngô Đình Diệm, tay sai của Mỹ, thực hiện độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập, tiến tới hòa bình, thống nhất Tổ quốc”*². Chương trình hành động 10 điểm được công bố rất ngắn gọn, súc tích, chỉ ra kẻ thù

1. Gồm: - Đánh đổ chế độ thuộc địa trá hình của đế quốc Mỹ và chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai của Mỹ, thành lập chính quyền liên minh dân tộc, dân chủ; Thực hiện chế độ dân chủ rộng rãi và tiến bộ; Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, thực hiện cải thiện dân sinh; Thực hiện giảm tô, tiến tới giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân, giúp người cày có ruộng; Xây dựng nền văn hóa giáo dục dân tộc, dân chủ; Xây dựng một quân đội bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ nhân dân; Thực hiện dân tộc bình đẳng, nam nữ bình quyền, bảo hộ quyền lợi chính đáng của ngoại kiều và kiều bào; Thực hiện chính sách ngoại giao hòa bình, trung lập; Lập lại quan hệ bình thường giữa hai miền, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc; Chống chiến tranh xâm lược, tích cực bảo vệ hòa bình thế giới.

2. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước*, tập II: Chuyển chiến lược, Nxb. CTQG, Hà Nội, 1995, trang 411.

phải đánh đổ, xây dựng chế độ chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục đáp ứng lợi ích, yêu cầu của mọi tầng lớp Nhân dân, chính sách ngoại giao hòa bình trung lập.

Sự ra đời của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam là sự kiện lớn đánh dấu bước trưởng thành của cách mạng miền Nam. Kể từ đây Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam trở thành người đại diện chân chính, duy nhất, đoàn kết, tập hợp Nhân dân miền Nam tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến thắng lợi hoàn toàn.

Khẩu hiệu tập hợp lực lượng yêu nước của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ngay từ đầu đã có tác dụng to lớn như “*Chống độc tài*”, chống sự hiện diện của cố vấn Mỹ...Ngọn cờ Dân tộc, Dân sinh, Dân chủ được gương cao. Các tổ chức công khai trong các tầng lớp nhân dân, các tôn giáo dần dần bị phân hóa và những người yêu nước cũng lần lượt đi theo ngọn cờ tập hợp đấu tranh của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, làm cho chính quyền Diệm ngày càng bị cô lập.

Không lâu sau ngày Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, vào cuối năm 1960, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam Trung Trung bộ cũng được thành lập tại căn cứ Nước Lả (xã Trà Mai, huyện Nam Trà My, tỉnh Quảng Nam ngày nay). Tại Quảng Nam - Đà Nẵng, Tuyên ngôn và Chương trình hành động 10 điểm của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam từng bước được tuyên truyền trong dân chúng, trước hết là đối với các gia đình cơ sở cách mạng.

II. MẶT TRẬN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VIỆT NAM TỈNH QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG ĐƯỢC THÀNH LẬP, TẬP HỢP NHÂN DÂN NỔI DẬY DIỆT ÁC PHÁ KÌM, GIÀNH QUYỀN LÀM CHỦ (1961 - 1965)

1. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng được thành lập, đẩy mạnh đấu tranh chính trị, diệt ác phá kìm, từng bước xóa bỏ “Áp chiến lược” của địch (1961 - 1963)

Phong trào Đồng Khởi (1959 - 1960) của Nhân dân miền Nam đã đánh sập bộ máy cai trị của Mỹ - ngụy ở nhiều vùng nông thôn, lật đổ phần lớn bộ máy ngụy quyền ở thôn xã Nam Bộ, Tây Nguyên và Nam Trung Bộ. Thắng lợi đó đã chấm dứt hẳn giai đoạn “*tạm thời ổn định*” của chính quyền Ngô Đình Diệm, đánh dấu sự thất bại của đế quốc Mỹ trong ý đồ thực hiện chủ nghĩa thực dân mới thông qua chế độ cai trị độc tài phát xít Ngô Đình Diệm, Mỹ buộc phải thay đổi chiến lược, chuyển sang tiến hành “*Chiến tranh đặc biệt*”. Đây là một hình thức chiến tranh xâm lược thực dân mới, được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của hệ thống cố vấn Mỹ, dựa vào vũ khí, trang bị kỹ thuật, phương tiện chiến tranh của Mỹ, nhằm chống lại các lực lượng cách mạng và Nhân dân ta. Âm mưu cơ bản của Mỹ trong chiến lược này là “*dùng người Việt đánh người Việt*”.

Mỹ đề ra kế hoạch Staley - Taylor với nội dung chủ yếu là bình định miền Nam trong vòng 18 tháng (7 - 1961 đến 12 - 1962). Thực hiện kế hoạch, Mỹ tăng cường viện trợ quân sự cho chính quyền Ngô Đình Diệm, tăng nhanh lực lượng quân

đội Sài Gòn, tiến hành dồn dân lập “*Áp chiến lược*”¹, sử dụng phổ biến các chiến thuật mới “*trục thăng vận*”, “*thiết xa vận*” để đi càn quét, đánh phá. Viện trợ quân sự của Mỹ tăng gấp đôi. Bộ chỉ huy quân sự Mỹ (MACV) được thành lập tại Sài Gòn thay cho Đoàn cố vấn viện trợ quân sự Mỹ (MAAG) để trực tiếp chỉ huy cuộc chiến tranh ở Việt Nam.

“*Áp chiến lược*” là sự kế thừa và phát triển chính sách “*dinh điền*” và khu “*trù mật*” lên một mức cao, cả về quy mô, hình thức và thủ đoạn kìm kẹp đối với Nhân dân miền Nam, được xây dựng rộng rãi ở khắp cả nông thôn đồng bằng, miền núi, kể cả vùng vành đai các đô thị để gom toàn bộ Nhân dân miền Nam vào sinh sống tại đây. Đây là một điểm mới, một sự phát triển hơn hẳn cả về lượng và chất của “*áp chiến lược*” so với chính sách “*dinh điền*” và khu “*trù mật*” mà Mỹ - Diệm đã thực hiện trong những năm trước đó.

Để thực hiện mục tiêu trên, ở Quảng Nam - Đà Nẵng, địch tăng quân chủ lực lên 3 trung đoàn bộ binh, 5 tiểu đoàn đặc nhiệm, 18 tiểu đoàn bảo an, 75 tổng đoàn nghĩa quân, 12 đại đội dân vệ². Ngoài lực lượng chính quy, tổng đoàn dân vệ, lực lượng thanh niên chiến đấu hương thôn cũng được chúng xây dựng, phát triển rộng khắp. Với lực lượng trên, địch triển khai lực lượng đóng giữ các cụm cứ điểm chiến lược quan trọng và nối các cụm cứ điểm này lại với nhau bằng một hệ thống chốt

1. “*Áp chiến lược*” (sau đó gọi là *Áp tân sinh*) được Mỹ và chính quyền Sài Gòn coi như “*xương sống*” của “*Chiến tranh đặc biệt*” và nâng thành “*quốc sách*”. Chúng coi việc lập “*Áp chiến lược*” như một cuộc chiến tranh tổng lực nhằm đẩy lực lượng cách mạng ra khỏi các xã, ấp, tách dân khỏi cách mạng, tiến tới nắm dân, thực hiện chương trình “*bình định*” miền Nam. Chúng dự định dồn 10 triệu nông dân vào 16.000 ấp trong tổng số 17.000 ấp toàn miền Nam.

2. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, trang 420.

điêm dày đặc, tạo thành tuyến phòng thủ thông suốt dọc theo rãnh núi từ tây bắc Hòa Vang đến tây nam Tam Kỳ, chặn ta từ căn cứ miền núi hoạt động xuống đồng bằng.

Từ giữa năm 1961, địch tập trung đánh phá phong trào cách mạng, ra sức dồn dân lập “*ấp chiến lược*”, nhằm thực hiện tham vọng “*bình định cấp tốc*” của quan thầy Mỹ. Bằng nhiều thủ đoạn như càn quét, đốt phá, khủng bố, mua chuộc, dụ dỗ..., địch đã gom dân 2 hoặc 3 thôn lại một nơi qui định, bắt dân phải rào xung quanh 3 lớp và đào 2 dãy hào sâu gọi là “*2 sông 3 núi*”, chỉ để lại 1 hoặc 2 cổng ra vào, ngày đêm có dân vệ túc trực canh gác. Trong mỗi ấp, chúng lại chia thành nhiều khu, những gia đình có người thoát ly hoặc tập kết ở một khu riêng. Mỗi người dân trong ấp phải sắm gậy, mõ, dây để khi có báo động thì lập tức hưởng ứng. Tính đến cuối năm 1962, trên địa bàn Quảng Nam - Đà Nẵng, chúng đã gom được gần 400.000 dân vào ở trên 200 ấp, gây nhiều khó khăn cho các hoạt động của ta, làm đảo lộn mọi sinh hoạt, đời sống, sản xuất, phong tục tập quán lâu đời của Nhân dân.

Trong tình thế đó, thực hiện chủ trương của Trung ương: “...*Phải khởi nghĩa bằng lực lượng chính trị là chính, có lực lượng vũ trang phối hợp, trên cơ sở đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Dân tộc Thống nhất, mà nòng cốt là công, nông, binh liên hiệp*”¹, Liên Khu ủy 5 phát động quần chúng nổi dậy giành quyền làm chủ và giải phóng nông thôn đồng bằng, rút thanh niên lên xây dựng lực lượng du kích, xây dựng làng chiến đấu chống địch lấn chiếm, giữ vững vùng giải phóng. Đầu tiên là giải phóng thôn Tứ Mỹ, xã Kỳ Sanh, huyện Tam Kỳ (nay thuộc

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam, tập II (1954 - 1975)*, trang 259.

xã Tam Mỹ Tây, huyện Núi Thành), rút kinh nghiệm chỉ đạo toàn Liên khu¹.

Kế tục sự nghiệp của các tổ chức đoàn thể cứu quốc trước đó ngừng hoạt động do sự đánh phá ác liệt của địch, trong năm 1961, các tổ chức quần chúng ở Quảng Nam - Đà Nẵng lần lượt ra đời như Hội Phụ nữ giải phóng tỉnh, Hội Nông dân giải phóng tỉnh..., làm nòng cốt trong các phong trào đấu tranh giải phóng quê hương, đất nước.

Cũng trong năm 1961, thực hiện chủ trương của Đảng và để phù hợp với tình hình, nhiệm vụ mới của cách mạng, trên địa bàn tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, ta cũng tuyên bố thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh² để làm ngọn cờ hiệu triệu quần chúng đứng lên chống Mỹ và tay sai. Mặc dù, trong thực tế ta chưa hình thành tổ chức và phân công cán bộ phụ trách, nhưng tất cả mọi hoạt động do Đảng khởi xướng và lãnh đạo đều nhân danh Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam từ tỉnh đến xã, phường để thực hiện. Cạnh đó, nhằm tạo điều kiện mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, tập hợp rộng rãi các tầng lớp Nhân dân yêu nước, báo “*Quyết Tiến*” của Tỉnh ủy được đổi tên thành báo “*Giải Phóng*” với danh nghĩa là cơ quan tuyên truyền của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh. Đặc biệt, trong bối cảnh Nhân dân Quảng Nam đang sục sôi khí thế, nguyện đoàn kết một lòng xung quanh Đảng và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam chống Mỹ và tay sai, giành độc lập tự do, thì nhận được tin cụ Lê Đình Thám - một người con của Điện Bàn,

1. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, trang 423.

2. Ghi theo lời kể của đồng chí Nguyễn Thành - nguyên Phó Bí thư Tỉnh ủy QN - ĐN (Dẫn lại từ tập sách *Biên niên sự kiện lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam (1975 - 2005)*, Tam Kỳ, 1 - 2007, trang 15.

nguyên Chủ tịch Hội Liên Việt tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, nguyên Chủ tịch Hội Liên Việt khu V, nguyên Chủ tịch Ủy ban Kháng chiến - Hành chính miền Nam Trung Bộ, Chủ tịch Ủy ban bảo vệ hòa bình thế giới của Việt Nam, kiêm Ủy viên Hội đồng hòa bình thế giới, Phó Hội trưởng Hội Phật giáo thống nhất Việt Nam vinh dự được Đảng, Chính phủ và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trao Huân chương Kháng chiến (13 - 2 - 1961)¹. Đây cũng là vinh dự, niềm tự hào lớn lao của đồng bào các dân tộc, các tầng lớp nhân dân xứ Quảng, có tác dụng cổ vũ, động viên, khích lệ rất lớn đối với sự nghiệp xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của Nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng.

Thực hiện chủ trương của Khu ủy và Tỉnh ủy, các lực lượng vũ trang, chính trị đẩy mạnh diệt ác, phá kìm, giành quyền làm chủ nông thôn đồng bằng. Mở đầu, ngày 5 - 2 - 1961, các lực lượng vũ trang ta tiến công 2 trung đội tổng đoàn của địch đang đóng quân tại làng Thu Bồn (Duy Xuyên). Bị đánh quá bất ngờ, quân địch một số bị diệt, số khác bỏ súng tháo chạy thoát thân, ta thu toàn bộ vũ khí. Đặc biệt, thực hiện kế hoạch phát động Nhân dân nổi dậy giành quyền làm chủ trên địa bàn nông thôn đồng bằng của Khu ủy 5, ngày 31 - 8 - 1961², được sự hỗ trợ trực tiếp của Tiểu đoàn 90 - Quân khu 5 cùng với lực lượng vũ trang huyện Tam Kỳ, đội công tác xã Kỳ Sanh chính thức phát động Nhân dân thôn Tứ Mỹ (xã Kỳ Sanh, huyện Tam Kỳ) nổi dậy giành quyền làm chủ. Trước sự tiến công của lực lượng vũ trang và sự nổi dậy của quần chúng, địch không dám phản ứng, chính quyền địch hoàn toàn bị tê liệt, Tứ Mỹ được hoàn toàn giải phóng. Ngay tối hôm đó, ta tổ chức mít

1. Báo *Nhân dân*, ngày 19 - 2 - 1961.

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Huyện ủy Núi Thành, Kỷ yếu hội thảo: *Giải phóng Tứ Mỹ - Ý nghĩa và bài học lịch sử*, tháng 7 - 2013, trang 195, 196.

tỉnh tuyên bố giải tán chính quyền địch, thành lập chính quyền cách mạng, một cán bộ lãnh đạo huyện Tam Kỳ - đại diện cho Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam huyện (danh nghĩa)¹ phát biểu ý kiến nêu rõ chính sách của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, nhất là chính sách khoan hồng của cách mạng đối với những người lầm lỗi nhưng biết ăn năn, hối cải sẽ được cách mạng tha thứ; kêu gọi Nhân dân đoàn kết chiến đấu chống kẻ thù, bảo vệ vùng giải phóng, thi đua phát triển sản xuất đảm bảo đời sống và động viên sức người, sức của cho sự nghiệp cách mạng giải phóng quê hương. Đây là điểm phát động quần chúng giải phóng nông thôn đồng bằng thắng lợi đầu tiên của tỉnh và để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý, nhất là bài học về phát huy sức mạnh tinh thần cách mạng của Nhân dân. Trên đà thắng lợi, ta phát động quần chúng nổi dậy giải phóng 2 thôn Xuân Bình, Phú Thọ của xã Kỳ Yên (nay thuộc xã Tam Trà, Núi Thành), là 2 thôn nằm liền kề với Tứ Mỹ, tạo ra vùng giải phóng liên hoàn ở 2 xã Kỳ Sanh và Kỳ Yên. Điểm nổi bật là tại Xuân Bình, Phú Thọ mặc dù có khá đông đồng bào theo đạo Tin Lành, nhưng được ta tuyên truyền, phát động đã tích cực hưởng ứng nổi dậy giành quyền làm chủ, góp phần vào thắng lợi chung.

Ngày 27 - 10 - 1961, bộ đội tỉnh và đội vũ trang công tác huyện Tiên Phước tổ chức vượt sông Tranh đánh tan trung đội Dân vệ, giải phóng 2 xã Tiên Lãnh và Tiên Ngọc (Tiên Phước) với trên 8.000 dân. Quân ta trụ lại phát động quần chúng xây dựng chính quyền tự quản xã, thôn, bộ phòng chống địch phản

1. Lương Văn Hận, *Tứ Mỹ, Xuân Bình, Phú Thọ vùng đồng bằng được giải phóng đầu tiên ở Quảng Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (31 - 8 - 1961)*. Bài in trong tập Kỷ yếu hội thảo: *Giải phóng Tứ Mỹ - Ý nghĩa và bài học lịch sử*, tháng 7 - 2013, trang 116, 117.



Ông **TRẦN MINH (MÃN)**
*Phụ trách công tác Dân vận -
Mặt trận tỉnh Quảng Nam (đầu
năm 1962 - cuối năm 1963)*

kích lấn chiếm. Ta đã giải phóng các thôn Tứ Mỹ (Kỳ Sanh), Xuân Bình, Phú Thọ (Kỳ Yên), nay thêm hai xã Tiên Lãnh, Tiên Ngọc được giải phóng. Tuy đất chưa rộng, người chưa đông nhưng nó có ý nghĩa là ngọn cờ của thời kỳ giải phóng nông thôn đồng bằng trong tỉnh.

Cùng thời gian này, các lực lượng vũ trang ta đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền, xây dựng cơ sở, diệt ác phá lỏng kìm, phá ấp chiến lược, giành quyền tranh chấp và làm chủ nhiều thôn, xã thuộc phía tây các huyện Duy Xuyên, Quế Sơn, Điện Bàn, Hòa Vang với những mức độ khác nhau, bước đầu tạo hành lang bàn đạp hoạt động xuống đồng bằng và bổ sung nguồn nhân lực, vật lực cho cách mạng.

Từ ngày 16 - 2 đến ngày 3 - 3 - 1962, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam mở Đại hội lần thứ nhất tại vùng gần Kà Tum (Tây Ninh), với sự tham gia của hơn 80 đại biểu đại diện các chính đảng, các đoàn thể, lực lượng vũ trang giải phóng, đại diện các dân tộc, các tôn giáo. Đại hội đã đề ra 4 chủ trương cứu nước khẩn cấp trong tình hình mới: Đế quốc Mỹ phải đình chỉ cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam; Giải tán toàn bộ “*ấp chiến lược*”; Thành lập ở miền Nam một chính

phủ liên hiệp dân tộc; Thực hiện đường lối đối ngoại hòa bình, trung lập. Đại hội biểu thị sự nhất trí cao bầu Luật sư Nguyễn Hữu Thọ làm Chủ tịch, ông Võ Chí Công - người con ưu tú của Quảng Nam, với danh nghĩa đại diện Đảng bộ miền Nam được bầu làm Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam.

Để nâng cao hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đáp ứng chủ trương cứu nước khẩn cấp trong tình hình mới của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Tỉnh ủy phân công ông Trần Minh (Mẫn) - Trưởng ban Tuyên huấn Tỉnh ủy, trực tiếp phụ trách công tác Dân vận và Mặt trận của Đảng bộ tỉnh (1962). Dưới ngọn cờ đoàn kết cứu nước của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam do Đảng lãnh đạo, các lực lượng vũ trang cùng với Nhân dân đẩy mạnh đấu tranh chống Mỹ - ngụy, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, nổi dậy với tiến công trên cả 3 vùng chiến lược (rừng núi, nông thôn đồng bằng, đô thị), tiến công địch bằng cả 3 mũi chính trị, quân sự, binh vận và đã giành nhiều thắng lợi có ý nghĩa.

Trên chiến trường Quảng Nam - Đà Nẵng, để đánh vào nơi sơ hở của địch, làm lạc hướng chú ý của chúng, tạo điều kiện cho các hoạt động mở ra giải phóng nông thôn đồng bằng tiếp tục phát triển, ngày 26 - 4 - 1962, đội đặc công của tỉnh gồm 7 chiến sĩ được giao nhiệm vụ tổ chức thọc sâu về Điện Ngọc (vùng sâu Điện Bàn) phá thế kìm kẹp của địch, nhưng do kế hoạch bị lộ, địch huy động lực lượng đến vây đánh suốt ngày. Nhờ Nhân dân che chở, các chiến sĩ đặc công đã dũng cảm, mưu trí, lợi dụng địa hình vừa di chuyển vừa chiến đấu đánh địch từ sáng đến chiều tối, gây cho địch nhiều thương vong. Trận Điện Ngọc nổ ra tại hậu phương của địch giữa ban

ngày làm cho bọn địch ở Điện Bàn hết sức lo ngại, gây tiếng vang lớn trong tỉnh. Những chiến sĩ quả cảm đó được Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam phong tặng danh hiệu “*Dũng sĩ Điện Ngọc*”.

Tháng 7 - 1962, chính quyền Ngô Đình Diệm tách Quảng Nam thành 2 tỉnh là Quảng Nam và Quảng Tín¹, thành phố Đà Nẵng trở thành một đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương của chúng.

Ngày 25 - 9 - 1962, quân chủ lực Khu 5 và tỉnh mở chiến dịch vượt sông Tiên giải phóng Sơn - Cẩm - Hà (nay là Tiên Sơn, Tiên Cẩm, Tiên Hà), huyện Tiên Phước, nhanh chóng giành thắng lợi. Không lâu sau đó, ta giải phóng và giành quyền làm chủ thêm các xã Tiên Dương, Tiên Trà (Tiên Phước); các xã khu Tây của huyện Duy Xuyên; các xã vùng B huyện Đại Lộc; một số thôn thuộc các xã Điện Thọ, Điện Tiến, Điện Hòa, Điện An, Điện Hồng, Điện Phước của huyện Điện Bàn; các xã Thăng Phước, Bình Lâm và một số thôn thuộc các xã Bình Lãnh, Bình Trị, Bình Định, Bình Quế của huyện Thăng Bình, các vùng Trà Linh, Đồng Làng huyện Quế Sơn...

Cùng với hoạt động vũ trang, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam từ tỉnh đến cơ sở đã tích cực vận động quần chúng đẩy mạnh đấu tranh chính trị, binh dịch vận. Ở vùng giải phóng các huyện Quế Sơn, Tiên Phước, Thăng Bình, Tam Kỳ khi địch đến càn quét, lực lượng vũ trang đánh địch, chị em phụ nữ hợp pháp tập hợp lại cùng gia đình binh lính vừa thuyết phục, vừa đấu tranh làm hạn chế sự đốt phá, cướp bóc của địch. Đồng thời đưa hàng trăm người kéo vào

1. Tỉnh Quảng Nam có địa giới từ huyện Quế Sơn ra đến đèo Hải Vân, tỉnh lỵ đặt tại thị xã Hội An. Tỉnh Quảng Tín có địa giới từ huyện Thăng Bình vào đến giáp tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh lỵ đặt tại thị xã Tam Kỳ.

vùng địch đòi được đi lại buôn bán làm ăn, giao lưu hàng hóa, nhằm chống địch bao vây kinh tế vùng giải phóng, giữ thế hợp pháp cho quần chúng. Nhiều nơi trong tỉnh, dân kéo vào đồn địch, vào cơ quan ngục quyền đòi chúng bồi thường cho gia đình nạn nhân những người bị bom pháo của chúng sát hại, đòi cứu chữa những người bị thương. Ở vùng địch kiểm soát và tranh chấp diễn ra hàng ngàn cuộc đấu tranh của Nhân dân, đòi địch thực hiện quyền dân sinh dân chủ, chống địch bắt dôn dân vào “*Áp chiến lược*”, chống bắt chồng con đi lính, phản đối địch chiếm đất làm căn cứ quân sự..., buộc địch phải lúng túng đối phó, nhiều nơi chúng phải chấp nhận yêu sách của Nhân dân. Tiêu biểu là sự kiện Nhân dân Điện Ngọc (Điện Bàn) đấu tranh không nộp một triệu rưỡi đồng tiền thuế, không chịu đi làm xâu mỗi người hai tháng trong năm, lấy chữ ký tố cáo tội ác và tệt tham nhũng của quận trưởng Trần Quốc Thái, buộc địch phải chuyển Thái đi nơi khác. 300 nông dân Kỳ Trà (Tam Kỳ) kéo vào đồn phản đối địch bắn pháo vào làng. Hàng ngàn nông dân khu Tây Duy Xuyên kéo vào khu kỹ nghệ An Hòa đòi địch bồi thường đất, hoa màu và nhà cửa mà chúng chiếm làm khu kỹ nghệ, địch phải ký giấy bồi thường...

Tuy nhiên về khách quan, đây là thời gian mà giữa vùng ta mở ra làm chủ và vùng giải phóng giằng co quyết liệt, ta mở ra địch chiếm lại, ta tiếp tục mở, địch lại tái chiếm. Trong bối cảnh đó, để đảm bảo thắng lợi và duy trì được thành quả cách mạng, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và các đoàn thể quần chúng từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục phát động quần chúng tại chỗ nổi dậy phá áp chiến lược, diệt tề, giành quyền làm chủ ở nông thôn, xây dựng làng chiến đấu chống địch bằng 3 mũi giáp công (chính trị, quân sự, binh vận) và giữ được thế

hợp pháp theo tinh thần của Hội nghị cán bộ do Tỉnh ủy tổ chức vào cuối năm 1962 tại Nà Cau (Tiên Phước).

Để đáp ứng yêu cầu chỉ đạo chiến tranh trong tình hình mới, tháng 11 -1962, Khu uỷ 5 quyết định chia Quảng Nam - Đà Nẵng thành 2 tỉnh mới: Quảng Nam và Quảng Đà¹. Cùng thời gian này Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam được tổ chức tại Nà Cau (Tiên Phước). Tại Đại hội này, ông Phạm Tứ (Mười Khôi) được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ. 3 tháng sau, ông Phạm Tứ được điều về Khu uỷ 5 công tác, ông Vũ Trọng Hoàng được cử giữ chức Bí thư Tỉnh uỷ. Đến đầu tháng 1 - 1963, Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Đà cũng được triệu tập tại làng Đào, huyện Bến Hiên. Đại hội đã nhất trí bầu ông Hồ Nghinh làm Bí thư Tỉnh uỷ. Nội dung chủ yếu của Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam và Quảng Đà đều nhằm quán triệt chủ trương chung về mở ra giành quyền làm chủ nông thôn, thực hiện phương châm và quyết định những giải pháp cụ thể để đưa phong trào đô thị phục hồi, phát triển.

Sau khi chia tách, về danh nghĩa công khai trên địa bàn 2 tỉnh Quảng Nam và Quảng Đà, tất cả các phong trào cách mạng đều do các cấp Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam và Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Đà tổ chức thực hiện. Cuối năm 1963, Tỉnh ủy điều động ông Hồ Truyền² - Bí thư Huyện ủy

1. Địa giới Quảng Nam từ huyện Quế Sơn đến giáp tỉnh Quảng Ngãi. Địa giới Quảng Đà từ huyện Duy Xuyên đến giáp tỉnh Thừa Thiên - Huế.

2. Tuy nhiên, theo ý kiến của bà Hồ Thị Kim Thanh - nguyên Chủ tịch Hội Phụ nữ giải phóng tỉnh Quảng Nam trong kháng chiến chống Mỹ, Anh hùng LLVTND, con gái dâu của ông Hồ Truyền thì cuối năm 1963, ông Hồ Truyền đã làm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh Quảng Nam, nhưng theo ý kiến của một số nhân chứng lịch sử khác thì từ năm 1962 - 1967, ở Quảng Nam từ tỉnh đến cơ sở chưa có chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt



Ông **HỒ TRUYỀN**
Trưởng ban Dân vận - Mặt trận
tỉnh Quảng Nam
(cuối năm 1963 - 10/1965)

Tiên Phước về làm Trưởng ban Dân vận - Mặt trận tỉnh, phân công ông Lê Văn Học (Lê Tia) làm Phó ban Dân vận - Mặt trận tỉnh. Đặc biệt, để thắt chặt hơn nữa khối đoàn kết giữa các dân tộc, động viên cao độ sức người, sức của phục vụ kháng chiến, ngày 6 - 10 - 1963, các dân tộc miền Tây của tỉnh Quảng Đà mở Đại hội đoàn kết tại huyện Nam Giang. Hàng trăm đại biểu đại diện cho tất cả các dân tộc trong tỉnh về dự Đại hội thề cùng nhau đoàn kết, đẩy mạnh kháng chiến, quét sạch đồn bót địch ra khỏi núi rừng, xây dựng

căn cứ miền núi vững mạnh về mọi mặt, làm hậu phương trực tiếp cách mạng tiến công giải phóng đồng bằng.

Cùng với phong trào cách mạng ở nông thôn và miền núi, phong trào đấu tranh chính trị ở Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ cũng diễn ra sôi nổi, hỗ trợ tích cực cho phong trào diệt ác phá kềm giành quyền làm chủ ở nông thôn. Chiến tranh đã đẩy một bộ phận không nhỏ quân chúng ở nông thôn chạy vào trú ở đô thị, trong số đó có nhiều người là đảng viên, cơ sở cốt cán được cách mạng bố trí đi theo bà con để giúp ổn định cuộc sống và gây dựng phong trào ngay giữa lòng thành thị, thông qua việc

trận Dân tộc Giải phóng. (tài liệu do ông Nguyễn Hoàng Ngọc - nguyên Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam tổng hợp, hiện lưu tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh).

móc nối với những người kháng chiến cũ đang sinh sống và làm việc trong các đơn vị, cơ quan, trường học, bến cảng, nhà ga..., của chính quyền Sài Gòn. Và, chính những đốm lửa nhỏ này đã tạo thành những nhân tố, hướng các phong trào đấu tranh đi theo chủ trương của cách mạng.

Từ những cốt cán tạo ra một mạng lưới tổ chức bí mật của cách mạng làm nòng cốt cho việc phát triển cơ sở, cảm tình viên trong một số tổ chức bí mật, bán công khai và công khai để có thể chi phối và tiến tới giành quyền lãnh đạo từng phần tại các tổ chức này. Tại Đà Nẵng, ngay từ trước đó (cuối năm 1960), ta đã hình thành được Ban Cán sự thành phố, các thành viên Ban Cán sự đã dựa vào địa bàn các xã giáp ranh giữa huyện Hòa Vang và Điện Bàn để làm bàn đạp, từng bước tiếp cận vào hoạt động trong nội thành, móc nối với các cán bộ, đảng viên cũ còn lại xây dựng cơ sở cách mạng. Đến giữa năm 1961, ta đã khôi phục lại cơ sở trong công nhân cảng, trong nghiệp đoàn khuân vác, trong thợ máy, tài xế, xích lô, xe lửa, nhà đèn, trong tầng lớp công thương gia... Tháng 12 - 1961, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Cán sự Đà Nẵng, ông Lê Công Cơ¹ với bí danh Lê Phương Thảo tập hợp những cơ sở tin cậy thành lập Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng Đà Nẵng. Sang năm 1962, ta khôi phục và phát triển được cơ sở trong học sinh, sinh viên, đồng bào Phật giáo..., tạo thành đội quân chính trị đông đảo hoạt động công khai giữa lòng thành phố. Đặc biệt, cùng thời gian này, bên cạnh việc lập được các tổ chức Đảng như chi bộ ở Xuân Đán, Đảng ủy Sông Đà, ta đã xây dựng được các tổ chức đoàn thể như Hội Phụ nữ giải phóng trong chị em tiểu thương; Đoàn Học sinh giải phóng trong các trường học như Phan Châu Trinh,

1. Hiện là Anh hùng Lao động, Nhà giáo Ưu tú, Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Hiệu trưởng Trường Đại học Duy Tân (Đà Nẵng).

Tây Hồ, Nguyễn Công Trứ, Sao Mai... Tháng 9 - 1964, do tính chất đặc biệt của phong trào cách mạng ở đô thị, Khu ủy 5 quyết định tách Đà Nẵng ra khỏi tỉnh Quảng Đà, đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Khu ủy. Tại Đà Nẵng, đến cuối năm 1964, ta đã xây dựng được 5 chi bộ nội thành, 2 chi bộ vùng ven đô với hơn 50 đảng viên; các tổ chức đoàn thể như Đoàn Thanh niên giải phóng, Hội Phụ nữ giải phóng, Công đoàn giải phóng..., lần lượt được hình thành và đi vào hoạt động.

Tại Tam Kỳ¹, đầu năm 1963, nhiều tổ chức quần chúng đã ra đời với những hình thức đấu tranh đa dạng, lôi cuốn các tầng lớp Nhân dân, các giới trong thanh niên, học sinh, tiểu thương, đồng bào Phật giáo trong thị xã và vùng ven tham gia, góp phần vào phong trào đấu tranh đô thị miền Nam ngày càng rộng lớn. Hội người Hoa ở Tam Kỳ, tập hợp được số đông người Hoa tham gia nhằm thống nhất đấu tranh, chống những chính sách hà khắc, phản động của chính quyền. Cuộc đấu tranh bảo vệ quyền lợi của Hội người Hoa được vận động, cũng tương đồng với một số mục tiêu đấu tranh do Đảng lãnh đạo, nên một số người Hoa đã bí mật ủng hộ tiền, cung cấp hàng hóa và trở thành cơ sở của cách mạng. Nhiều thương nhân người Hoa đã lên Trà My, hoặc vào tận Trà Bồng (Quảng Ngãi) để mua lâm thổ sản và điều chuyển lương thực, nhu yếu phẩm, dụng cụ sản xuất vào căn cứ cách mạng, góp phần tháo gỡ khó khăn, khắc phục được sự bao vây phong tỏa của địch. Đặc biệt, tổ chức

1. Đầu tháng 4 - 1963, thực hiện quyết định của Tỉnh ủy Quảng Nam, huyện Tam Kỳ tách thành 3 đơn vị hành chính: huyện Nam Tam Kỳ, Bắc Tam Kỳ và thị xã Tam Kỳ. Huyện Nam Tam Kỳ có địa bàn tương ứng với huyện Núi Thành hiện nay; huyện Bắc Tam Kỳ có địa bàn bao gồm huyện Phú Ninh và các xã Tam Thanh, Tam Thăng, Tam Phú, phường An Phú của thành phố Tam Kỳ ngày nay và thị xã Tam Kỳ tương ứng với các phường nội ô và xã Tam Ngọc của thành phố Tam Kỳ hiện nay.

Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng Trung Trung Bộ¹, do ông Lê Công Cơ làm Chủ tịch đã cử ông Nguyễn Văn Sơn (Sơn Hải), một trong những người giữ vai trò chủ chốt trong Ban chấp hành của Hội ở Đà Nẵng vào đây tuyên truyền, vận động, tập hợp đông đảo học sinh các trường trên địa bàn thị xã, mà nòng cốt là học sinh trường Trung học Trần Cao Vân (đóng tại khuôn viên trường Tiểu học Trần Quốc Toàn hiện nay, đây là trường trung học công lập lớn nhất tỉnh Quảng Tín của địch lúc đó). Trên cơ sở đó, đầu tháng 3 - 1963, hình thành Ban chấp hành Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng tỉnh Quảng Tín², do ông Đỗ Hùng Luân làm Tổng thư ký, ông Nguyễn Nhung làm phó Tổng thư ký, ông Nguyễn Đình Sơn làm Ủy viên liên lạc, ông Nguyễn Vinh (Nguyễn Quang Vinh) làm Ủy viên kinh tài, ông Đào Ngọc Diêu làm Ủy viên báo chí³, lấy nhà bà Nguyễn Thị Giáo ở xã Tam Ngọc, thành phố Tam Kỳ hiện nay làm trụ sở của Hội. Sau khi thành lập, Hội tổ chức các hoạt động như tuyên truyền, xây dựng cơ sở cách mạng trong giới học sinh, thanh niên, nhân sĩ, trí thức, giáo chức, kể cả những người đang làm việc trong bộ máy của chính quyền địch trên địa bàn Quảng Nam, thậm chí cả những con em của Quảng Nam đang sinh sống và làm việc ở các nơi khác. Vì vậy, chỉ một thời gian ngắn, Hội đã bắt mối và xây dựng được các cơ sở nòng cốt như các ông/bà Nguyễn Lương Ý - giáo viên trường bán công Nguyễn Dục, Nguyễn Lương Y - sĩ quan tùy viên báo chí của tướng Nguyễn Chánh

1. Do ông Lê Công Cơ chủ trì Đại hội thành lập vào lúc 11 giờ, ngày 28 - 11 - 1962 tại cửa biển Thuận An (Huế).

2. Lấy theo địa danh hành chính của địch.

3. Lê Công Cơ (chủ biên), *Phong trào đấu tranh đô thị thời quật khởi (1954 - 1975)*, Nxb. Hội Nhà văn, 2015, trang 194. Đến đầu năm 1965, tổ chức Hội được chuyển giao về Thị ủy Tam Kỳ trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo.

Thi (Tur lệnh Vùng I chiến thuật); Nguyễn Viết Xuân, Nguyễn Bích, Ngô Nhược Kim, Huỳnh Thị Liên Hoa, Huỳnh Thị Mộng Hoa, Phan Văn Thê, Phan Văn Trị, Nguyễn Hoàng Linh (Tur Điều), Phan Liễu, Đinh Văn Khôi, Trần Ngọc Bích, Cao Văn Sanh..., tích cực ủng hộ tài chính, cho mượn phương tiện vận chuyển khi cần, nuôi giấu cán bộ, bộ đội...

Đặc biệt, sau khi “*lên núi*” dự các lớp tập huấn do Thị ủy Tam Kỳ tổ chức trở về, nhận thức của đông đảo hội viên Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng tỉnh Quảng Tín được nâng cao, các hoạt động cách mạng được tổ chức bài bản, chu đáo từ việc mua máy đánh chữ làm tờ báo “*Mầm non*” để tuyên truyền, học sử dụng vũ khí, nhận và chuyển tin thu thập được từ vùng địch ra vùng ta và ngược lại; vẽ sơ đồ đồn bốt, cơ quan, nơi co cụm của địch sau mỗi lần hành quân trở về, hoặc nơi xuất phát, báo cáo cho trinh sát nắm tình hình để đánh địch; khắc con dấu và làm các loại chữ ký, giấy tờ giả như căn cước, khai sinh, giấy thông hành để tạo điều kiện đi lại thuận lợi, hợp pháp cho cán bộ, đảng viên và giúp thanh niên trốn lính...¹

Nổi bật nhất trong phong trào đấu tranh chính trị năm 1963 là phong trào Phật giáo, diễn ra từ đầu tháng 5 - 1963. Nguyên nhân sâu xa của phong trào này chính là do chính sách phản dân tộc, chính sách kỳ thị Phật giáo hết sức nặng nề của chính quyền Ngô Đình Diệm qua suốt 9 năm thống trị (1954 - 1963). Điển hình vào dịp lễ Phật đản năm 1963, chính quyền Ngô Đình Diệm ban hành Công điện số 9195/PTT, ra lệnh triệt hạ cờ Phật giáo, vì sợ Phật giáo sẽ tạo ảnh hưởng không có lợi

1. Ghi theo lời kể của ông Nguyễn Quang Vinh - nhân chứng của nội dung lịch sử quan trọng này hiện đang sống tại xã Tam Ngọc, TP. Tam Kỳ.



Các tín đồ Phật giáo ở Hội An mít tinh tại chùa Hội An phản đối Mỹ - Diệm đàn áp Phật giáo và nhân dân yêu nước ở miền Nam (1963)

cho Diệm, lập tức vấp phải sự phản kháng mạnh mẽ của tăng, ni, Phật tử miền Nam, trước hết là ở Huế. Ngô Đình Diệm đã tiến hành phong tỏa các chùa chiền, bắt bớ, đánh đập tăng ni, Phật tử hòng dập tắt mọi phần nộ của Nhân dân, trong đó vụ đàn áp Phật tử tại Đài Phát thanh Huế vào đêm ngày 8 - 5 - 1963, làm nhiều người bị thương và 8 Phật tử (hầu hết ở tuổi thiếu niên) bị thiệt mạng, một số người bị xe thiết giáp cán chết, thi thể không còn nguyên vẹn.

Vụ đàn áp đẫm máu của chính quyền Ngô Đình Diệm ở Huế đã làm dấy lên sự căm phẫn cao độ và những làn sóng xuống đường, tuyệt thực trải khắp từ Quảng Trị đến Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn, Cần Thơ, Đà Lạt, Sài Gòn. Ngày 14 - 5 - 1963, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra tuyên bố: *“Cuộc đàn áp đẫm máu của chính quyền phát xít Mỹ - Diệm đối với đồng bào biểu tình tay không ngày 8 - 5 ở Huế là một hành động tội ác tày trời không thể tha thứ được đối với Nhân dân ta nói chung và đối với đồng bào theo đạo Phật nói riêng... Cuộc đàn áp đẫm máu lần này đã bóc trần lời của Mỹ - Diệm*

*vẫn thường vỗ ngực tự xưng là hữu thân, là tôn trọng tự do tín ngưỡng, và nhất định nó sẽ càng nung nấu thêm lòng căm thù và chí kiên quyết tiêu diệt chúng của tín đồ các tôn giáo ở miền Nam Việt Nam*¹. Bản Tuyên bố ủng hộ 5 nguyện vọng² của tăng ni, tín đồ Phật giáo miền Nam, do Hòa thượng Thích Tịnh Khiết, thay mặt Tổng hội Phật giáo Việt Nam công bố vào ngày 10 - 5 - 1963. Hòa thượng Thích Thiện Hào, Ủy viên Trung ương Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Chủ tịch Hội lực hòa Phật tử, gửi điện cho ban Thư ký thường trực Hội Phật giáo thế giới, tố cáo chính quyền Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo trong ngày Đản sanh của Đức Phật.

Cùng thời gian này, Ủy ban Mặt trận Giải phóng miền Nam Trung Bộ cũng ra Tuyên bố, khẳng định: *“Lòng căm thù của đồng bào Phật giáo âm ỉ từ lâu, nay bốc lên thành ngọn lửa đấu tranh. Đó là điều không tránh khỏi. Máu đã đổ, nhưng cuộc đấu tranh đang tiếp tục lan rộng, điều đó nói lên ý chí bất khuất và lòng yêu chính nghĩa của giới Phật tử và sinh viên, học sinh kiên quyết cùng toàn dân ta lên án chế độ phát - xít Mỹ - Diệm... Ủy ban kêu gọi các tầng lớp đồng bào, các tôn giáo, các dân tộc ở miền Nam Trung Bộ hãy ra sức cùng đồng bào cả nước và dư luận tiến bộ trên thế giới làm hậu thuẫn vững chắc cho cuộc đấu tranh ấy*³.

1. Dẫn lại từ *Giáo trình Lịch sử Việt Nam, tập VII, từ 1954 đến 1975*, Nxb. ĐHSP, Hà Nội, 2010, trang 146.

2. Gồm: 1. Yêu cầu Chính phủ Việt Nam cộng hòa thu hồi vĩnh viễn Công điện triệt giáo kỳ của Phật giáo; 2. Yêu cầu Phật giáo phải được hưởng một quy chế đặc biệt như các Hội truyền giáo Thiên Chúa đã được ghi trong Dự số 10; 3. Yêu cầu Chính phủ chấm dứt tình trạng bất bớ, khủng bố tín đồ Phật giáo; 4. Yêu cầu cho tăng, tín đồ Phật giáo được tự do truyền đạo và hành đạo; 5. Yêu cầu Chính phủ phải đền bồi một cách xứng đáng cho những kẻ bị giết oan vô tội và kẻ chủ mưu giết hại phải đền bồi đúng mức.

3. Báo Nhân Dân ngày 13 - 6 - 1963, trang 4.

Hưởng ứng bản Tuyên bố của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Trung Bộ và bản Tuyên ngôn của tăng, tín đồ Phật giáo miền Nam, trong những ngày nổ ra đấu tranh ở Huế, tại Hội An, Đại Lộc, Duy Xuyên, Quế Sơn, Thăng Bình, Tam Kỳ nhiều thanh niên, học sinh cùng tín đồ Phật giáo hằng ngày tập trung đến các chùa, biểu thị sự đoàn kết và sẵn sàng chung tay đấu tranh chống lại chế độ độc tài Ngô Đình Diệm, cùng nhau kéo ra Đà Nẵng tham gia các đoàn biểu tình, rải truyền đơn, đốt xe cảnh sát, treo khẩu hiệu phản đối chính sách phân biệt tôn giáo. Chính quyền địch ở Quảng Tín bắt giam một số nhà sư trong Ban trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh như Đại đức Thích Thiện Duyên¹ - trụ trì chùa Đạo Nguyên (Tam Kỳ) để hăm dọa, răn đe phong trào đấu tranh; tra tấn những thanh niên, học sinh và Phật tử tham gia biểu tình và bí mật đưa đi thủ tiêu những người chúng cho là cầm đầu đấu tranh, đem chôn 7 hố ở bãi cát thôn Ngọc Nam và Phú Thạnh, xã Tam Phú (Tam Kỳ)².

Tháng 6 - 1963, Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng tỉnh Quảng Tín tổ chức cho học sinh các trường trung học trên địa bàn Tam Kỳ bãi khóa, vận động bà con tiểu thương ở các chợ bãi thị, gây được tiếng vang lớn trong Nhân dân. Tiếp theo, tháng 8 - 1963, Hội gửi kiến nghị cho thiếu tá Thân Ninh - Tỉnh trưởng Quảng Tín, yêu cầu để tín đồ Phật giáo được tự do hoạt động, không được đàn áp Phật tử... Các hoạt động này đã nhận được sự đồng tình, ủng

1. Hiện là Đại lão Hòa thượng, Phó Pháp chủ Hội đồng Chứng minh Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Viện chủ chùa Đạo Nguyên. Nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Trưởng Ban Hướng dẫn Phật tử Trung ương, Trưởng ban trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh Quảng Nam.

2. Lê Công Cơ (chủ biên), *Phong trào đấu tranh đô thị thời quật khởi (1954 - 1975)*, Nxb. Hội Nhà văn, 2015, trang 202.

hộ mạnh mẽ của đông đảo tăng ni, Phật tử. Đặc biệt, Đại đức Thích Chơn Ngộ - trụ trì chùa Tịnh Độ (phường Hòa Hương, Tam Kỳ hiện nay) đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các hội viên của Hội ra vào chùa để hội họp, bàn kế hoạch hành động. Cạnh đó, các cơ sở của Hội còn chia nhiều cánh, đi xe đạp vào buổi tối rải truyền đơn ở nhiều tuyến đường trong thị xã Hội An, Tam Kỳ và bí mật bỏ vào xe Mỹ những lá truyền đơn in bằng tiếng Anh, ngay giữa ban ngày, khi chúng dừng xe bên đường phỏ bước vào các cửa hàng mua sắm...

Bị thất bại liên tiếp trên chiến trường, làm cho mâu thuẫn giữa các loại tay sai của đế quốc Mỹ ở miền Nam phát triển đến cao độ, buộc đế quốc Mỹ phải thay ngựa giữa dòng bằng cuộc đảo chính giết bỏ Diệm - Nhu (1 - 11 - 1963), mở đầu cho thời kỳ khủng hoảng triền miên của chế độ ngụy quyền Sài Gòn.

Phế truất được Diệm - Nhu, Mỹ đưa Dương Văn Minh, rồi Nguyễn Khánh cầm đầu chính quyền Trung ương Sài Gòn, song tình hình chính trị ở các đô thị miền Nam vẫn tiếp tục sôi động, các phe phái trong nội bộ địch vẫn tiếp tục đấu đá nhau để tranh giành quyền lực. Hưởng ứng lời kêu gọi của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam và tỉnh Quảng Đà, quần chúng nổi dậy đấu tranh vạch mặt bọn tay sai gian ác của đảng Cần lao nhân vị; các đội công tác tiếp cận vận động binh lính theo Phật giáo tấn công bọn binh lính theo đảng Cần lao nhân vị. Đẩy mạnh tấn công địch bằng 3 mũi giáp công, làm tan rã từng bộ phận địch, diệt ác, phá kìm, phá áp chiến lược, mở rộng vùng làm chủ, nhanh chóng phát triển thực lực cách mạng ở thành phố, thị xã, vùng địch kiểm soát... Tại Đà Nẵng, ngay sau ngày Diệm bị giết, 20.000 quân chúng mít

ting hô vang các khẩu hiệu “*Bài trừ dư đảng Cần lao*”, “*Tẩy chay thị trưởng Đà Nẵng*”, “*Thị trưởng Đà Nẵng rút đi*”. Thị trưởng Đà Nẵng hoảng sợ bỏ trốn vào Sài Gòn. Tiếp đến, từ ngày 15 đến ngày 17 - 1 - 1964, diễn ra cuộc đình công đòi tăng lương, đòi chủ tuyển dụng chính thức của 30 nữ công nhân Nhà máy dệt Hòa Thọ. Cuộc đình công đã thu hút 900 công nhân các ngành khác tham gia. Ngày 13 - 8 - 1964, cuộc biểu tình quanh thành phố Đà Nẵng của 10.000 người, trong đó đông đảo nhất là công nhân. Các nhà máy, hiệu buôn đóng cửa để ủng hộ cuộc đấu tranh. Cùng thời gian này, ngư dân Đà Nẵng liên tục tổ chức biểu tình trước Tòa Thị chính đòi chính quyền Sài Gòn giảm thuế ghe, trả 70 ghe, thuyền bị bắt giữ trước đây vì “*tình nghi hoạt động cho Việt Cộng*”; trong lúc đó thanh niên, học sinh, Phật tử Đà Nẵng tổ chức hội thảo về chủ đề “*Trước tình hình hiện tại của đất nước, thanh niên phải làm gì? Tại sao có chiến tranh?*” nhằm tố cáo tội ác và đòi trừng trị những tên tay chân của Diệm, đòi tẩy chay những tên Cần lao nhân vị ra khỏi học đường, ra khỏi các nghiệp đoàn. Nhiều tên ác ôn ở nông thôn trốn chạy ra thành phố tránh đòn cũng bị Nhân dân Đà Nẵng phát hiện vây bắt. Các đoàn thanh niên, học sinh, sinh viên dùng gậy gộc kéo về một số quận lỵ và nông thôn truy bắt bọn ác ôn, các tên quận trưởng hoảng sợ chạy trốn. Ngay quyền ở cơ sở hầu như bị tê liệt, nhiều nơi Nhân dân tự quản khóm phường một thời gian, tạo điều kiện cho lực lượng cách mạng xây dựng cơ sở ở nội thành.

Tại thị xã Hội An, cán bộ thoát ly bám địa bàn, cùng cơ sở tổ chức diệt ác, phá lỏng kìm ở Cẩm Châu, bắt sống 3 tên ác ôn ở Cẩm An, phát triển hàng loạt cơ sở vào các xã Cẩm Thanh, Cẩm Châu, Cẩm An, Cẩm Hà, nắm số dân vệ, nghĩa quân ở các

xã này xây dựng thành cơ sở nội tuyến. Số ít đảng viên cũ được phục hồi, phát triển đảng viên mới, tiến hành lập chi bộ Đảng ở các địa phương trên, làm cho thực lực cách mạng ở thị xã Hội An có bước phát triển nhảy vọt.

Cùng với Đà Nẵng, Hội An, tại thị xã Tam Kỳ, Nhân dân nổi dậy tiến công bọn Quốc dân đảng, đập phá nhà cửa những tên tay sai của Ngô Đình Diệm có nhiều tội ác với Nhân dân. Hàng ngàn người biểu tình có nhiều thương phế binh nguy tham gia, tố cáo tội ác của đảng Cần lao nhân vị đã gây ra như vụ chôn sống người ở bãi cát xã Kỳ Phú, đòi quyền lợi cho thương phế binh; lực lượng học sinh cùng thanh niên Phật tử tổ chức biểu dương lực lượng... Trước áp lực của quần chúng nhân dân, không có căn cứ để kết tội, bọn nguy quyền Quảng Tín buộc phải thả một số tù chính trị.

Phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng ở Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ phát triển với quy mô rộng khắp, buộc quân đội Sài Gòn phải kéo về trấn giữ thành thị, tạo điều kiện cho các lực lượng vũ trang ta tiến đánh giải phóng nông thôn, áp sát vùng ven.

Tính từ khi Mỹ tổ chức đảo chính Ngô Đình Diệm (1 - 11 - 1963) đến quý I năm 1964, cả Quảng Nam và Quảng Đà có 214 cuộc đấu tranh chính trị trực diện với địch và 252 cuộc mít tinh lớn nhỏ, với trên 50.000 người tham gia, hàng trăm gia đình bỏ khu tập trung về làng cũ, vận động được 1.000 binh lính, dân vệ của địch đào ngũ trở về với cách mạng. Phạm vi vùng giải phóng chẳng những được lập lại như năm 1962, mà còn mở rộng thêm được 29 thôn, đưa vùng làm chủ của Quảng Đà lên 94 thôn với 89.000 dân, ở Quảng Nam ta giải phóng

thêm xã Kỳ Thịnh và một phần xã Kỳ Long (nay thuộc huyện Phú Ninh), làm chủ thêm một số thôn ở Tiên Phước, Tam Kỳ, Thăng Bình, Quế Sơn.

2. Vận động Nhân dân nổi dậy đồng khởi, giải phóng đại bộ phận nông thôn đồng bằng (1964 - 1965)

Để cứu vãn tình thế, đầu năm 1964, tổng thống Mỹ Lyndon Baines Johnson (Giôn-xon), thay tổng thống John Fitzgerald Kennedy (Ken-nơ-dy) bị ám sát ngày 22 - 11 - 1963, chuẩn y kế hoạch mới của Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Robert Strange McNamara (Mac Na-ma-ra), đẩy mạnh hơn nữa chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*”, tăng cường vai trò của Mỹ trên chiến trường, nhằm bình định có trọng điểm miền Nam trong vòng 2 năm (1964 - 1965).

Tháng 7 - 1964, thực hiện chủ trương phát động phong trào đồng khởi và mở chiến dịch thu đông trên toàn chiến trường của Khu ủy 5. Tháng 8 - 1964, Tỉnh ủy Quảng Nam và Quảng Đà ra nghị quyết phát động quần chúng đồng khởi giải phóng đại bộ phận nông thôn, đồng bằng.

Dưới ngọn cờ đoàn kết cứu nước của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam phối hợp với lực lượng vũ trang, Nhân dân Quảng Nam - Quảng Đà đẩy mạnh đấu tranh chống kế hoạch bình định mới của địch. Phát huy những thành quả trước đó, Nhân dân và các lực lượng vũ trang huyện Thăng Bình liên tiếp nổi dậy diệt ác, giải tán dân vệ, phá ấp chiến lược, giành quyền làm chủ. Đến cuối tháng 9 - 1964, 6 xã vùng đông và 1 xã vùng tây Thăng Bình với 40.000 dân hoàn toàn được giải phóng. Cùng thời gian này, Nhân dân Quế Sơn cũng nổi dậy, cùng du kích và đội vũ trang công tác diệt 5 trung đội dân

vệ, phá 7 ấp chiến lược, lần lượt giải phóng Sơn Thọ, Sơn Phúc, Sơn Khánh, Sơn Thạch, Sơn Long, Sơn Lãnh và nửa xã Sơn Khương, dồn dịch vào vùng xung quanh quận lỵ Quế Sơn.

Ở huyện Nam Tam Kỳ, Nhân dân các thôn Khương Vĩnh, Khương Phú, Khương Đại (xã Tam Hiệp), Kỳ Trà, Kỳ Sơn, Kỳ Long, Kỳ Quế, Kỳ Thịnh, Kỳ Yên, Kỳ Khương, Kỳ Chánh và một phần xã Kỳ Sanh nổi dậy diệt ác phá kìm, thành lập chính quyền tự quản.

Cùng với Quảng Nam, tại Quảng Đà, Nhân dân các xã Xuyên Long, Xuyên Tân, Xuyên An (Duy Xuyên)..., tiếp đó là các xã khu Trung và khu Tây, nổi dậy đấu tranh, tham gia cùng lực lượng vũ trang đánh tan 11 trung đội dân vệ, phá lỏng kìm, giành quyền làm chủ xã thôn. Nhân dân hai xã Cẩm An và Cẩm Thanh (Hội An) cùng đội công tác thị xã đồng khởi giải phóng hai xã liền kề với các xã vùng giải phóng phía đông Duy Xuyên. Tại Điện Bàn, Nhân dân vận động binh lính địch về nhà cơ sở ăn uống để cho lực lượng vũ trang ta tập kích phá đồn. Ngày 10 - 7 - 1964, bộ đội huyện cùng du kích thôn Viên Đông (Điện Ngọc) bất ngờ tiến công địch, diệt 40 tên, bắt sống 22 tên. Cùng lúc, du kích kết hợp với cơ sở nội tuyến tấn công diệt gọn tên hội đồng Thanh Thủy, nổi tiếng gian ác và tiểu đội dân vệ của địch, lập chính quyền cách mạng. Xã Điện Ngọc, vùng cát đầu tiên của huyện Điện Bàn được giải phóng, đã có ý nghĩa quan trọng, tác động mạnh mẽ đến tinh thần của binh lính địch, bọn ác ôn, tề ngụy trong vùng hoảng sợ tháo chạy lên Vĩnh Điện, tạo điều kiện thuận lợi để Nhân dân tiếp tục phá ấp chiến lược, giải phóng Cẩm An, Cẩm Hải (Hội An) và một số thôn của các xã Điện Nam, Điện Dương (9 - 1964), Thanh Phong (Điện An), Thanh Trường (Điện Thắng) vào tháng 10 -

1964, Điện Quang, Điện Hồng huyện Điện Bàn (11 - 1964). Tại Đại Lộc, ta giải phóng thêm xã Lộc Sơn, mở rộng quyền làm chủ ở một số thôn của Lộc Vĩnh, Lộc Bình.

Các xã giải phóng của 2 tỉnh hợp thành những mảng lớn, một ở vùng cát chạy suốt từ Hòa Vang đến Nam Tam Kỳ; một ở trên Quốc lộ I từ nam sông Cẩm Lệ đến bắc sông Thu Bồn; mảng từ Tiên Phước, tây Tam Kỳ, tây Thăng Bình, Quế Sơn; vùng B Đại Lộc, tây Duy Xuyên; mảng tam giác đông Đại Lộc, tây Điện Bàn, Hòa Vang giáp căn cứ miền núi. Đại bộ phận nông thôn đồng bằng của tỉnh đã được giải phóng, hình thành thế uy hiếp mới đối với địch.

Hòa nhịp với phong trào đồng khởi nông thôn, phong trào đấu tranh chính trị ở thành thị miền Nam Việt Nam bùng phát thành những cơn sóng lớn với hình thức, nội dung và qui mô mới, với yêu cầu chính trị cao hơn, thu hút đông đảo Nhân dân tham gia. Lực lượng thanh niên, học sinh, sinh viên qua đấu tranh có bước trưởng thành về chính trị, Thành đoàn Thanh niên Nhân dân cách mạng Đà Nẵng ra các tờ báo bán hợp pháp với tên gọi “*Hương Sóng*”, sau đó là tờ “*Quyết chiến quyết thắng giặc Mỹ xâm lược*”, lưu hành trong thanh niên, học sinh, sinh viên. Các chi đoàn trường học làm ra các bản tin chuyển tay nhau đọc. Truyền đơn, biểu ngữ dă dáo Mỹ, chính quyền Sài Gòn và cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam liên tục xuất hiện trên đường phố, trên các con đường vào thành phố, thị xã, thị trấn, quận ly, có lúc cờ được treo ngay trước đồn cảnh sát ở cảng Đà Nẵng. Đêm 20 - 8 - 1964, hàng ngàn tăng ni, Phật tử và đồng bào Huế xuống đường, thực hiện một cuộc diễu hành, với những ngọn nến trong tay, kéo qua các đường phố, hướng về phía Đài Phát thanh, tưởng niệm các Phật

tử đã bị sát hại vào chính ngày này năm trước. Những ngọn nến sáng rực tưởng nhớ ngày “*Pháp nạn*”. Những ngọn nến đốt cháy u minh. Tổng hội Sinh viên Huế ra Tuyên cáo chống “*Hiến chương Vũng Tàu*”¹ của Nguyễn Khánh. Đà Nẵng xuống đường tiếp sức Huế. Và không chỉ có Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam mà suốt một dải miền Trung cùng sôi sục tinh thần đấu tranh đòi công bằng dân chủ, đòi chủ quyền dân tộc.

Ngày 24 - 8 - 1964, hàng vạn quần chúng Đà Nẵng xuống đường phản đối “*Hiến chương Vũng Tàu*”, sau đó kéo đến tòa Thị chính thành phố đưa yêu sách phản đối. Trên đường tuần hành, lính Mỹ trong cư xá Đồng Đa (khách sạn Đà Nẵng hiện nay) nổ súng khiêu khích, bọn Quốc dân đảng và bọn phản động ở khu Thanh Bò - Đức Lợi, lợi dụng cơ hội đó ném lựu đạn, nổ súng vào đoàn biểu tình làm nhiều người chết và bị thương. Như lửa đổ thêm dầu, lòng căm giận đối với bè lũ cướp nước và bán nước càng có dịp bùng lên. Những người dân bình thường nhất vốn đã không thể chịu đựng được cái cảnh lính Mỹ, từ hơn một năm qua, nghênh ngang trên các đường phố, vác những “*me Mỹ*” trên vai đủ đorn ngay giữa ban ngày, trước mắt mọi người, làm xáo trộn mọi giá trị đạo đức của xã hội. Những snack bar mọc lên như nấm sau mưa, vốn đã gây căm phẫn và cả lo lắng của các bậc phụ huynh trước sự an nguy của con cái mình. Những chiếc xe GMC chở đầy súng đạn, đồ hộp đã tạo nên những cơn sốt cho mọi thanh niên trước nguy cơ phải vào quân trường. Cũng như mọi người dân miền Nam khác, dân Quảng Nam, Đà Nẵng dù không nói ra, trước sau vẫn ghét Mỹ, khi chúng kéo lê gót giày xâm lược tàn phá xóm làng

1. Với Hiến chương Vũng Tàu (16 - 8 - 1964), chính quyền ngụy đồng ý bán Cam Ranh cho Mỹ xây dựng căn cứ quân sự trong thời hạn 99 năm.

Việt Nam. Vốn đã ghét Mỹ, nay lại nhìn thấy tận mắt cảnh lính Mỹ nổ súng vào đồng bào mình đã làm cho người Đà Nẵng càng sục sôi ý chí đấu tranh.

Ngày 25 - 8 - 1964, quân chúng tập trung rất đông, mang theo vũ khí, đi trừng trị bọn giết người và kéo đến tòa Thị chính đòi chính quyền phải trừng trị bọn gây ra tội ác. Hoảng sợ trước sức mạnh của quần chúng, bọn phản động ở khu Thanh Bò - Đức Lợi và bọn nguy quyền ở tòa Thị chính chạy trốn, ngay cả Thị trưởng Đà Nẵng, Lâm Quang Mỹ cũng bỏ chạy ra căn cứ Hải quân ở cảng Tiên Sa để lánh mặt. Lực lượng quần chúng nhân cơ hội đó chiếm lĩnh tòa Thị chính; kéo đến phá nơi ở của bọn Cần lao, bọn phản động ở khu Thanh Bò - Đức Lợi; chiếm Đài Phát thanh, phát đi tin thắng lợi, làm cho hệ thống chính quyền địch ở thành phố hầu như tê liệt, một bộ phận lực lượng quân đội Sài Gòn ngã về phía phong trào tranh đấu của Nhân dân Đà Nẵng, bộ phận còn lại thì án binh bất động. Quần chúng cách mạng đã biến thành phố thành một vùng tự trị và thật sự làm chủ thành phố thân yêu của mình trong 9 ngày đêm.

Cũng trong thời gian này, nhiều nhóm thanh niên, học sinh được tập hợp, có nòng cốt là cơ sở cách mạng, đi bằng xe đạp, xe máy gô-ben, xe lambretta về các huyện như Duy Xuyên, Điện Bàn truy bắt bọn Cần lao. Mũi hướng về Duy Xuyên do ông Phan Hoàng đứng đầu. Quận trưởng Duy Xuyên Phan Kim Ảnh, thuộc đảng Cần lao nhân vị chạy trốn về Đà Nẵng, bị lực lượng nổi dậy truy bắt.

Cuộc đấu tranh của Nhân dân Đà Nẵng cùng với phong trào đấu tranh của học sinh, sinh viên, thanh niên và đồng bào Phật giáo diễn ra sôi nổi ở các đô thị miền Nam đã buộc Nguyễn

Khánh phải thu hồi “*Hiến chương Vũng Tàu*”. Ngày 24 - 10 - 1964, Nguyễn Khánh bị Mỹ hạ bệ, Trần Văn Hương lên làm Thủ tướng. Từ ngày 22 - 12 - 1964 đến ngày 27 - 1 - 1965, ở Đà Nẵng liên tục nổ ra 6 cuộc biểu tình chống Mỹ - nguy, đòi dân sinh dân chủ thu hút trên 10 vạn người tham gia. Ngư dân Sông Đà biểu tình đòi tự do hành nghề ở vùng từng bị cấm, từ chân đèo Hải Vân đến mỏm núi Sơn Trà. Công nhân nhà máy dệt Hòa Thọ đình công đòi tăng lương. Hơn 200 học sinh biểu tình, kéo đến trước nhà 2 tên Mỹ ở đòi thả một học sinh bị bắt ngày 10 - 3 - 1964. Đặc biệt cuộc biểu tình diễn ra ngày 27 - 1 - 1965 đã lôi cuốn cả 2 đại đội lính Việt Nam cộng hòa cùng tham gia, mang theo cả hình nộm Trần Văn Hương và đại sứ Mỹ Taylor để hô ả đảo đã làm cho bọn Mỹ không dám ra đường..., cơ sở cách mạng tranh thủ rải truyền đơn và treo hàng trăm lá cờ Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam trên đường phố.

Cùng với Đà Nẵng, đêm 18 - 12 - 1964, ở Tam Kỳ lực lượng vũ trang ta nổ súng diệt lô cốt trung tâm huấn luyện quân sự và đánh vào lô cốt Nhà thờ Công giáo thị xã nhằm hỗ trợ cho 2 trung đội nghĩa quân gác cầu Tam Kỳ theo cơ sở nội tuyến làm binh biến, mang toàn bộ vũ khí trở về với cách mạng. Phối hợp với hoạt động vũ trang, đồng bào thị xã cùng gia đình binh lính đấu tranh đòi nguy quyền để cho dân và gia đình binh lính đi lại làm ăn, buôn bán. Trước sự đấu tranh kiên quyết và lâu dài của đồng bào, địch buộc phải chấp nhận yêu sách. Đồng bào liền đưa gạo, muối lên tận Trà My đổi lấy quế, mật ong về xuất khẩu. Qua đó, vùng căn cứ cách mạng được tiếp tế lương thực, hàng hóa...

Tính chung, năm 1964, ở Quảng Đà có 189 cuộc đấu tranh chính trị ở thành phố và nông thôn với trên 70 ngàn lượt

người tham gia. Ở Quảng Nam có hàng trăm cuộc đấu tranh với trên 25 ngàn lượt người tham gia. Đấu tranh chính trị liên tục nổ ra, trở thành bạo lực của quần chúng tiến công địch, diệt ác, phá kìm giành chính quyền xã thôn.

Tuy nhiên, phong trào cách mạng trong thời gian này còn có một số hạn chế như việc xây dựng căn cứ miền núi chưa tương xứng với đòi hỏi của cuộc kháng chiến, việc mở ra nông thôn đồng bằng nhiều nơi còn chậm, ba mũi giáp công chưa đều, chưa vững chắc; công tác xây dựng, phát triển cơ sở cách mạng ở vùng nội ô các thành phố, thị xã chưa đạt yêu cầu. Nhưng nhìn chung trong bối cảnh địch tiến hành càn quét đánh phá ác liệt, căn cứ miền núi vẫn được giữ vững; hàng vạn quần chúng nông thôn đã đứng lên hành động cách mạng sôi nổi, quyết liệt với khí thế khởi nghĩa giành chính quyền từng vùng khá rộng lớn, nhất là ở Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ phong trào công nhân, học sinh, sinh viên, Phật tử đã thực sự trở thành cao trào cách mạng như Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Đà và Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam (12 - 1964) đã đánh giá.

Giữa lúc phong trào cách mạng của quần chúng đang lên, từ ngày 9 đến ngày 12 - 11 - 1964, trên địa bàn 2 tỉnh Quảng Nam, Quảng Đà xảy ra trận lụt lớn chưa từng có trong mấy chục năm qua. Trận lụt làm núi lở vùi lấp một số thôn của đồng bào dân tộc. Ở đồng bằng, nhất là vùng ven sông, nước ngập gây thiệt hại to lớn về người và tài sản của nhân dân. Cả Quảng Nam và Quảng Đà có hàng ngàn nhà cửa bị nước cuốn trôi, hàng ngàn người và gia súc chết, hàng ngàn héctà ruộng bị cát bồi lấp... Lợi dụng lúc thiên tai bão lụt đang hoành hành, địch ra sức đánh phá phong trào cách mạng. Ngay lúc trời đang lụt lớn, Nhân dân đang trú trên các cồn cao, nóc nhà, ngọn cây...,

địch cho xuống máy, ca nô, xe lội nước lòng sục, vây ráp, giết người cướp của. Tàn bạo hơn tại Châu Toàn, Tam Xuân, chúng đóng chặt cửa ấp chiến lược không cho đồng bào chạy tránh lút, làm chết nhiều người và trâu bò.

Ngày 17 - 11 - 1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi lời thăm hỏi, động viên đồng bào miền Trung bị bão lụt qua Đài tiếng nói Việt Nam. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam, Quảng Đà cũng kịp thời có chủ trương *“Công tác trung tâm đột xuất trước mắt là khẩn cấp cấp cứu tai nạn bão lụt cho nhân dân, gắn với công tác trung tâm thường xuyên là phá ấp phá kìm giành dân; thực hiện chống đói, chống đau, chống địch”*. Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội các cấp ở Quảng Nam, Quảng Đà ra lời kêu gọi đồng bào nhường cơm sẻ áo giúp đỡ nhau khi hoạn nạn theo tinh thần *“lá lành đùm lá rách”*, *“một miếng khi đói bằng gói khi no”*. Đặc biệt, nhận được tin lũ lụt gây thiệt hại lớn cho Nhân dân Quảng Nam, Quảng Đà, Tổng hội Sinh viên Huế đã ra lời kêu gọi học sinh, sinh viên, tiểu thương và giáo chức Huế đi tham gia cứu trợ tại Quảng Nam. Hàng ngàn người Huế đủ mọi thành phần xã hội đã mang mền, áo quần, xoong nồi, tiền bạc..., góp cho Ủy ban Cứu trợ bão lụt của sinh viên Huế để chuyển vào Quảng Nam.

Tại Đà Nẵng, cơ sở cốt cán của cách mạng đã phối hợp với Giáo hội Phật giáo Đà Nẵng, lập một Ủy ban Cứu trợ bão lụt và cũng huy động được nhiều tiền của đi giúp đồng bào bị nạn. Cả chục đoàn cứu trợ của sinh viên học sinh Phật tử, tiểu thương, giáo chức Huế, Đà Nẵng đã chia nhau đi khắp các vùng hẻo lánh thuộc các huyện Đại Lộc, Quế Sơn, Tiên Phước, Trà My, Hiệp Đức..., trực tiếp gặp từng gia đình để trao quà cứu

trợ. Đi đến đâu các đoàn cứu trợ cũng được đồng bào và quân giải phóng tiếp đón ân cần. Nhiều người được gặp quân giải phóng trò chuyện, qua đó họ hiểu hơn về Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam; tạo nên sự gắn bó sâu sắc hơn giữa đồng bào thành thị với nông thôn, rừng núi. Việc cứu trợ có tác dụng giác ngộ rất lớn, tạo điều kiện cho cơ sở tại chỗ phát triển người tốt, xây dựng thành cơ sở trong các tầng lớp quần chúng tại các đô thị.

Được sự giúp đỡ, tương trợ của đồng bào cả nước, các đoàn thể chính trị của tỉnh phát động phong trào tăng gia sản xuất chống, cứu đói, trồng cây ngăn ngày làm vụ mùa tháng 3 hết diện tích, nhanh chóng phục hồi các hầm hào, củng cố làng chiến đấu, bố phòng chống địch càn quét, bảo vệ thành quả cách mạng, ra sức phát triển thực lực mọi mặt chuẩn bị cho chiến dịch đồng khởi tiếp theo... Từ đó, Nhân dân càng thấy rõ tầm lòng của cách mạng lo cho dân trong hoàn cảnh hoạn nạn, đồng thời cũng nhận rõ bộ mặt dã man, độc ác của địch, càng thêm căm thù chúng.

Nhằm khắc phục những hạn chế, phát huy những thành tựu trong thời gian qua, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam (12 - 1964) đã xác định phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới: *“Động viên toàn Đảng bộ, toàn quân, toàn dân trong tỉnh nỗ lực liên tục tấn công địch, phá ấp, phá kìm giành lại toàn bộ nông thôn đồng bằng, xây dựng vùng giải phóng thành căn cứ vững mạnh liên hoàn, đẩy mạnh hơn nữa công tác thành phố, nhất là xây dựng phát triển thực lực cách mạng trong nội ô, ra sức xây dựng miền núi vững mạnh về mọi mặt”*. Đại hội bầu Ban chấp hành Đảng bộ gồm 15 ủy viên. Ông Vũ

Trọng Hoàng được bầu làm Bí thư, ông Đào Đắc Trinh được bầu làm Phó Bí thư.

Triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và thực hiện chủ trương của Khu ủy 5 về việc mở chiến dịch Xuân năm 1965 nhằm tiến công tiêu diệt sinh lực địch, hỗ trợ quần chúng nổi dậy đồng khởi giải phóng đại bộ phận nông thôn đồng bằng. Đêm 7 - 2 - 1965, sau khi bộ đội ta bức rút hàng loạt đồn bót địch dọc đường 16, Nhân dân các xã Bình Lãnh, Bình Quế, Bình Sơn, Bình Lâm, Bình Định và nửa xã Bình Quý đã đồng loạt nổi dậy đồng khởi giải phóng, đưa số xã được giải phóng của Thăng Bình lên 12 xã và một số thôn. Cùng ngày, ở Quế Sơn, Nhân dân Sơn Thọ, Sơn Phúc nổi dậy giải phóng xã. Ngày 15 - 2 - 1965, được sự hỗ trợ của bộ đội tỉnh, huyện, Nhân dân các xã vùng trung của huyện nổi dậy đồng khởi giải phóng các xã vùng trung đến vùng đông của huyện, cắt đứt đường 105 bao vây quận lỵ. Đến tháng 6 - 1965, toàn huyện Quế Sơn với 22/29 xã hoàn toàn được giải phóng.

Ở tây bắc Tam Kỳ, sau khi lực lượng bộ đội chủ lực Khu 5 tập kích đồn Trà Vu, bao vây đồn Đá Nẻ, hàng ngàn đồng bào ở các xã Kỳ Phước, Kỳ An, Kỳ Thịnh, Kỳ Nghĩa và một phần Kỳ Lý nổi dậy giải phóng xã, thôn. Ở Tiên Phước, Nhân dân không những chống càn, giữ vững vùng đã giải phóng mà còn tiếp tục nổi dậy đấu tranh mở ra giải phóng thêm xã Tiên Lập, Tiên Dương và một số thôn khác.

Với sự nổi dậy mạnh mẽ của phong trào quần chúng đã mở ra vùng giải phóng rộng lớn của tỉnh từ Quế Sơn đến Tam Kỳ, nối liền với vùng giải phóng Tiên Phước, căn cứ miền núi với hơn 300 ngàn dân, hình thành mạng lưới giao thông thông suốt cả tỉnh.

Phối hợp chặt chẽ với phong trào đồng khởi ở Quảng Nam, ở Quảng Đà, phong trào đồng khởi của Nhân dân cũng diễn ra rất sôi nổi. Ngày 7 - 2 - 1965, được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang địa phương, Nhân dân các xã Xuyên Thanh, Xuyên Mỹ, Xuyên Trà, Xuyên Trường, Xuyên Hiệp và một phần Xuyên Khương (Duy Xuyên), Điện Chính, Điện Nhơn, Điện Phong, Điện Tân (Điện Bàn) hưởng ứng nổi dậy đấu tranh giành quyền làm chủ và giải phóng.

Tháng 5 - 1965, đồng bào Xuyên Tân (Duy Xuyên) tham gia xây dựng hệ thống giao thông hào, dùng dao, rựa cùng lực lượng vũ trang chống càn. Nhân đó, Nhân dân các xã Xuyên Quang, Xuyên Long, Xuyên An, Xuyên Thái và một phần Xuyên Châu nổi dậy đấu tranh giành quyền làm chủ. Ở huyện Đại Lộc, được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, Nhân dân các xã Lộc Vĩnh, Lộc Thành, Lộc Sơn, Lộc Hòa, Lộc Quý, Lộc Phước, Lộc Tân, Lộc Quang đồng loạt nổi dậy tham gia đấu tranh giành quyền làm chủ. Ở Hội An, Nhân dân các xã Cẩm Hà, Cẩm An, Cẩm Thanh và Cẩm Hải cũng đồng loạt hưởng ứng nổi dậy đấu tranh giành quyền làm chủ.

Thắng lợi của phong trào đồng khởi năm 1964 và chiến dịch Xuân 1965, đại bộ phận nông thôn đồng bằng Quảng Nam, Quảng Đà được giải phóng, tạo thế liên hoàn bao vây, chia cắt các quận lỵ, căn cứ vùng địch kiểm soát. Đặc biệt, tại Quảng Đà, khi ta mở chiến dịch Xuân 1965 vẫn là một tỉnh có lực lượng vũ trang còn ít, thậm chí không có cả lực lượng hỗ trợ trực tiếp của bộ đội chủ lực Quân khu 5, nhưng dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy, các tổ chức đoàn thể cách mạng trên địa bàn đã biết phát động quần chúng nổi dậy với khí thế long trời lở đất và đã căn bản giải phóng được nông thôn đồng bằng như

đánh giá của Bộ Tư lệnh Quân khu 5 khi tổng kết chiến dịch Xuân 1965¹.

Trong quá trình đồng khởi, vai trò đấu tranh chính trị và công tác binh vận đã phối hợp nhịp nhàng với đấu tranh vũ trang. Ở Quảng Nam có hàng trăm cuộc đấu tranh chính trị, trong đó 4 cuộc có từ 500 đến 2.000 người tham gia. Ở Quảng Đà có 198 cuộc đấu tranh chính trị với 73.600 lượt người tham gia, trong đó 5 cuộc có từ 3.000 người trở lên tham gia. Đấu tranh chính trị phát triển rất cao, trở thành bạo lực của quần chúng nổi dậy vũ trang diệt ác, phá kìm, phá ấp chiến lược giành chính quyền xã thôn. Công tác binh vận cũng trở thành mũi tiến công địch, làm tan rã hàng trăm trung đội dân vệ và phòng vệ dân sự. Cơ sở nội tuyến của binh vận phục vụ tình hình và có 43 lần làm nội ứng phối hợp cùng lực lượng vũ trang đánh địch. Tính riêng năm 1964 có tới 6.000 binh sĩ đào, rã ngũ, mang về nộp cho cách mạng 218 khẩu súng các loại. Đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị kết hợp với công tác binh vận trong phong trào đồng khởi đã trở thành 3 mũi giáp công, tạo nên sức mạnh tổng hợp giành thắng lợi

Để bảo vệ thành quả đồng khởi, Nhân dân trong tỉnh tích cực tham gia mọi công tác để bảo vệ vùng giải phóng như hưởng ứng phong trào thi đua *“Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”* với yêu cầu *“khẩn trương, nỗ lực xây dựng vùng giải phóng thành hậu phương vững mạnh toàn diện nhằm đảm bảo cung cấp nhân tài vật lực cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân, bảo phòng chống địch càn quét lấn chiếm”*.

1. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, trang 463.

Đầu năm 1965, bên cạnh việc chỉ đạo đấu tranh vũ trang, đấu tranh chính trị, thu hẹp phạm vi chiếm đóng của địch, ở vùng giải phóng và vùng ta mới làm chủ, Khu ủy 5 còn ban hành chính sách thu đảm phụ kháng chiến trong sản xuất nông nghiệp, công thương nghiệp; thu quỹ nuôi quân, bán công phiếu kháng chiến trong vùng địch kiểm soát. Nhân dân trong tỉnh hăng hái thi đua hưởng ứng đưa tỷ lệ người có đóng góp cho kháng chiến ngày càng tăng. Trong những tháng đầu năm 1965, Quảng Đà huy động được 31.600 ang lúa; Quảng Nam huy động 10 triệu đồng, bán công phiếu được 6 triệu đồng¹. Nhân dân còn đóng góp hàng ngàn ngày công vận chuyển lương thực, xay lúa giã gạo, làm kho, làm đường chuyển thương binh, vũ khí, đạn dược ra chiến trường...

Phong trào toàn dân tham gia bố phòng được duy trì. Nhân dân các thôn, xã vùng giải phóng đóng góp gai, tre làm rào chiến đấu, vót chông tre làm cạm bẫy, đào giao thông hào nối liền các thôn trong xã. Ở từng gia đình và nơi sinh hoạt công cộng, Nhân dân còn làm hầm chống phi pháo, hầm tránh bom đạn cho trâu bò, tài sản, hầm bí mật nuôi giấu cán bộ, bộ đội. Ở Quảng Nam, Nhân dân đào được 72.000 mét địa đạo, 383.000 mét giao thông hào, 426.000 hầm chống phi pháo, 14.000 hầm bí mật. Ở Quảng Đà, riêng Điện Bàn có 403.000 mét rào làng chiến đấu, 314.000 mét giao thông hào, 40.000 mét địa đạo, 65.000 hầm chống phi pháo; ở Duy Xuyên có 65 thôn, Đại Lộc có 73 thôn xây dựng làng chiến đấu².

1. *Lịch sử phong trào nông dân và Hội Nông dân tỉnh Quảng Nam (1930 - 2005)*, trang 178.

2. *Lịch sử phong trào nông dân và Hội Nông dân tỉnh Quảng Nam (1930 - 2005)*, trang 179.

Công tác y tế, phong trào bồi dưỡng văn hóa, bình dân học vụ thanh toán mù chữ luôn được các cấp ủy Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể chú ý, không ngừng củng cố, kiện toàn nhằm nâng cao sức khỏe và tinh thần cho Nhân dân. Ban Chấp hành các đoàn thể giải phóng được duy trì và tiếp tục được hình thành ở những nơi có điều kiện, đóng vai trò quan trọng trong việc tuyên truyền giáo dục, động viên các tầng lớp nhân dân tham gia kháng chiến và thực hiện mọi chủ trương, chính sách của Đảng, tổ chức mít tinh kỷ niệm các ngày lễ lớn; căng khẩu hiệu, dán biểu ngữ, làm bản tin, thường xuyên giáo dục tư tưởng, phổ biến tin tức, thông báo tình hình chiến thắng, nhắc nhở hội viên đề cao cảnh giác với các âm mưu thủ đoạn của địch, phát động phong trào thi đua sản xuất, xây dựng tổ vùn công, đổi công, khai hoang vỡ hóa, đóng góp lương thực, thực phẩm, đi dân công phục vụ chiến trường.

Cùng với phong trào thi đua xây dựng làng chiến đấu, đi dân công, đóng góp đảm phụ cho kháng chiến..., phong trào tăng gia sản xuất, bình dân học vụ xóa mù cho Nhân dân đã tạo nên khí thế cách mạng sôi nổi, nhất là ở vùng nông thôn, vùng căn cứ cách mạng, góp phần tạo thế và lực mới cho cách mạng đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Qua phong trào toàn dân đánh giặc đã xuất hiện nhiều tấm gương rất anh dũng, sáng tạo trong đấu tranh trực diện với địch. Có cụ bà khi giáp mặt kẻ thù, vừa tố cáo địch tội các của địch, vừa kể lễ thống thiết nỗi khổ sở của Nhân dân làm cho lính địch cũng phải xúc động, đồng tình với cuộc đấu tranh của đồng bào. Nhiều phụ nữ trước khi bị kẻ thù sát hại, vừa động viên chị em tiếp tục tiến lên, vừa hô khẩu hiệu đả đảo đế quốc Mỹ và tay sai; có người cầm đầu xe M113 của địch, không cho chúng phá hoại hoa màu. Nhiều cuộc đấu

tranh bị địch đàn áp khốc liệt, nhưng đồng bào vẫn kiên quyết giữ vững đội hình xông tới.

Nhìn chung, giai đoạn 1954 - 1965, mặc dù bị địch liên tục đánh phá ác liệt, đời sống Nhân dân còn nhiều khó khăn, thiếu thốn; song dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự vận động của các tổ chức đoàn thể các cấp, các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh đã vượt qua mọi khó khăn, bền bỉ chống giặc. Chính sự đấu tranh mạnh mẽ của các tầng lớp Nhân dân, đã trở thành một lực lượng quan trọng trong việc phối hợp, tạo điều kiện cho đấu tranh vũ trang và công tác binh vận giành thắng lợi, góp phần cùng toàn Đảng, toàn quân làm thất bại mọi âm mưu của đế quốc Mỹ, tạo thế và lực mới cho cách mạng tiến lên trong các giai đoạn sau.

Chương 4

MẶT TRẬN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VIỆT NAM TỈNH TĂNG CƯỜNG ĐOÀN KẾT DÂN TỘC, CÙNG CẢ NƯỚC GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN MIỀN NAM (1965 -1975)

I. XÂY DỰNG QUYẾT TÂM ĐÁNH MỸ, CHIẾN ĐẤU CHỐNG CHIẾN LƯỢC “CHIẾN TRANH CỤC BỘ” CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1965 - 1968)

1. Xây dựng quyết tâm đánh Mỹ, hình thành thế trận chiến tranh Nhân dân, đấu tranh chính trị trực diện với quân Mỹ (1965 - 1966)

Chiến lược “*Chiến tranh đặc biệt*” bị phá sản đã đặt nguy quyền Sài Gòn trước nguy cơ sụp đổ hoàn toàn. Đế quốc Mỹ vội vã, ào ạt đưa quân viễn chinh vào miền Nam, ném bom đánh phá miền Bắc, thực hiện chiến lược “*Chiến tranh cục bộ*”. Ngày 8 - 3 - 1965, quân viễn chinh Mỹ đổ bộ xuống bãi biển Xuân Thiều (Đà Nẵng); ngày 7 - 5 - 1965, tiếp tục đổ bộ lên Kỳ Hà (Nam Tam Kỳ). Chỉ trong một thời gian ngắn, chúng đưa vào đây nhiều đơn vị tinh nhuệ, đẩy dân hai xã Kỳ Hà, Kỳ Liên (nay thuộc xã Tam Quang, Tam Nghĩa, huyện Núi Thành) và một phần xã Kỳ Hòa (nay thuộc xã Tam Hải) đi nơi khác để xây dựng căn cứ quân sự Chu Lai, đồng thời triển khai lực lượng chiến đấu, mở nhiều đợt càn quét nhằm tạo vành đai bảo vệ căn cứ, làm cho hàng ngàn gia đình đồng bào ta phải sống cảnh màn trời chiếu đất. Riêng năm 1965, Mỹ - ngụy đã cày

phá hàng trăm mẫu hoa màu, đốt cháy và đánh sập hàng ngàn nóc nhà, đánh đập, giam giữ và giết chết hàng ngàn người¹.

Từ khi Mỹ ồ ạt đưa quân viễn chinh vào miền Nam và liên tục càn quét, đánh phá. Dựa vào Mỹ, quân nguy cũng gượng dậy tổ chức phản công, làm cho mức độ ác liệt của chiến tranh tăng lên, tâm lý ngại Mỹ bắt đầu xuất hiện trong Nhân dân. Mặt khác, do bất đồng ngôn ngữ đã làm cho một bộ phận Nhân dân thiếu tin tưởng vào khả năng đấu tranh chính trị trực diện với quân Mỹ.

Giữa lúc biết bao câu hỏi đang đặt ra cần có câu trả lời, thì vào tháng 5 - 1965, Khu ủy 5 chủ trương mở cuộc vận động học thư Đảng² (thư Trung ương Cục miền Nam) và phát động phong trào “*Toàn dân hiến kế đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*”. Bộ Tư lệnh Quân khu 5 phát động phong trào thi đua “*Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*”. Tỉnh ủy Quảng Nam và Quảng Đà phát động các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh tích cực triển khai chủ trương này. Các tổ chức đoàn thể ở Quảng Nam và Quảng Đà vận động hội viên và các tầng lớp nhân dân từ miền núi đến đồng bằng, từ vùng giải phóng đến các vùng cải rãng lược giữa ta và địch và cả cơ sở cách mạng trong các đô thị..., tổ chức rước thư Đảng, khơi dậy truyền thống cách mạng, phân rõ bạn thù, xây dựng khối đại đoàn kết, thắt chặt hơn nữa mối quan hệ máu thịt giữa các tầng lớp nhân dân với Đảng...

Thư Đảng đến với các giới đồng bào trong tỉnh giữa lúc phong trào đồng khởi đang thắng lợi, Nhân dân càng phấn khởi

1. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, trang 463.

2. Bốn bài học trong thư Đảng: Nêu cao lòng căm thù địch, đoàn kết nội bộ Nhân dân, sử dụng bạo lực cách mạng và tin tưởng tuyệt đối vào Đảng, vào cách mạng.

tin tưởng vào Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, càng hăng hái thực hiện các nhiệm vụ cấp bách trước mắt của cách mạng đề ra, sẵn sàng lực lượng, không sợ Mỹ, quyết tâm đánh Mỹ. Từng ngành, từng giới đều đẩy lên phong trào thi đua phù hợp. Nông dân có phong trào thi đua tăng gia sản xuất, đóng góp và đi dân công tiền tuyến. Bộ đội và du kích có phong trào giết giặc lập công, thi đua bắn máy bay địch bằng súng bộ binh. Phụ nữ có phong trào 4 đảm đang. Thanh niên có phong trào 3 sẵn sàng... Nhưng sôi nổi nhất, hào hứng nhất là phong trào *“Thanh niên tình nguyện thoát ly Nguyễn Văn Trỗi”*. Với phong trào này, trong năm 1965, ở Quảng Nam có 4.000 thanh niên, Quảng Đà có 5.100 thanh niên nam, nữ tình nguyện lên đường gia nhập vào lực lượng vũ trang và các tổ chức khác. Những đợt huy động thanh niên thoát ly như những ngày hội quần chúng tiễn thanh niên lên *“Cầu vịnh quang”*.

Tiếp theo học thư Đảng, chính sách ruộng đất được thực hiện trên diện rộng, đến tháng 6 - 1965, Quảng Nam chia công điền và tạm cấp ruộng vắng chủ được 3.064 mẫu và giảm tô mùa tháng 3 cho tá điền được hưởng 81.000 ang lúa. Ở Quảng Đà, riêng năm 1965, hai huyện Duy Xuyên, Điện Bàn chia 13.000 mẫu công điền và tạm cấp 647 mẫu ruộng vắng chủ, giảm tô được 21.440 ang lúa cho nông dân.

Qua thực hiện chính sách ruộng đất và học thư Đảng gửi cho nông dân, giai cấp nông dân Quảng Nam, Quảng Đà rất phấn khởi, hăng hái tham gia sản xuất, coi sản xuất nông nghiệp là khâu trung tâm hàng đầu của chính sách kinh tế thời chiến. Với phong trào vắn công, đổi công, tương trợ trong sản xuất, nông dân thực hiện các biện pháp kỹ thuật thâm canh (phân bón, thủy lợi), vỡ hóa khai hoang mở rộng diện tích, phân đấu

đạt chỉ tiêu đề ra và đóng góp đảm bảo yêu cầu kháng chiến ngày càng lớn.

Hưởng ứng phong trào “*Ra Hòa Vang đánh Mỹ*”, tháng 5 - 1965, thanh niên các huyện Duy Xuyên, Đại Lộc, Điện Bàn tham gia lực lượng xây dựng vành đai diệt Mỹ ngày càng đông. Ở Quảng Nam, thanh niên các huyện Nam Tam Kỳ, Bắc Tam Kỳ, Tiên Phước, Thăng Bình, Quế Sơn tích cực tham gia chiến đấu và xây dựng vành đai diệt Mỹ ở Chu Lai.

Phối hợp với lực lượng vũ trang đánh Mỹ ở vành đai Chu Lai, phong trào đấu tranh chính trị của Nhân dân đã diễn ra sôi nổi ở nhiều nơi. Tháng 5 - 1965, 4.000 dân xã Kỳ Hà (Nam Tam Kỳ) nổi dậy đấu tranh chống lại việc địch cào nhà, đuổi dân vào các khu đồn để chiếm đất. Bà con xã Kỳ Liên nằm trước đầu xe, kiên quyết không cho địch ủi nhà, san bằng mồ mả. Cùng thời gian này, hơn 3.000 đồng bào 2 xã Kỳ Liên, Kỳ Hà, trong đó đông đảo nhất là chị em phụ nữ đã tổ chức đấu tranh trực diện dưới hình thức đội khăn tang đi lên quận, lên tỉnh yêu cầu Mỹ - ngụy phải dừng ngay hành động khủng bố, giết người, cày ủi mồ mả, xóm làng. Ngoài ra, chị em phụ nữ các xã lân cận còn tổ chức quyên góp giúp đỡ những gia đình bị địch cào nhà, ủi đất. Đặc biệt, những cuộc đấu tranh chính trị đó đã nhận được sự đồng tình, ủng hộ của một số binh lính địch, thể hiện ở việc chúng không nhân tâm thực hiện triệt để mệnh lệnh của bọn chỉ huy khi được ra lệnh đàn áp đồng bào ta.

Các mặt y tế, văn hóa, giáo dục, xã hội trong vùng giải phóng đều phát triển và thể hiện được tính ưu việt của chế độ mới. Vùng giải phóng, căn cứ cách mạng trở thành ngọn cờ hiệu triệu của toàn dân trong tỉnh, nhất là đối với Nhân dân còn ở trong vùng địch kiểm soát.

Thường vụ Khu ủy 5 mở lớp học tiếng Anh, học viên là những người có trình độ tú tài toàn phần, đã từng học tiếng Anh, do thầy giáo Hồ An - Ủy viên Thường trực Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng Trung Trung Bộ trực tiếp giảng dạy. Lớp học kéo dài 2 tháng (Quảng Đà có 5 người dự lớp này). Sau khóa học, các học viên tỏa về các địa phương, mở các lớp học tiếng Anh tại chỗ. Các lớp học tiếng Anh đầu tiên ở Quảng Đà được mở ở Xuyên Hòa và Xuyên Khương (nay là xã Duy Hòa, Duy Xuyên), sau đó mở rộng và liên tục ra toàn tỉnh. Các cốt cán ở vùng tranh chấp cũng ra vùng ta để học. Có lúc đang học thì quân Mỹ tới, học viên đi gặp lính Mỹ để vừa nói chuyện với chúng, vừa trau dồi thêm ngôn ngữ tiếng Anh.

Thế trận chiến tranh nhân dân được giữ vững. Quân và dân ta đánh địch bằng 2 quả đấm quân sự và chính trị, bằng phương châm “2 chân, 3 mũi giáp công” đã đạt nhiều thắng lợi quan trọng.

Đêm 25 rạng ngày 26 - 5 - 1965, lực lượng vũ trang tỉnh Quảng Nam đã tập kích diệt gọn 1 đại đội lính thủy đánh bộ Mỹ trong công sự ở phía tây căn cứ Chu Lai, huyện Nam Tam Kỳ (nay là huyện Núi Thành). Được Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tặng lá cờ có dòng chữ “*Quảng Nam trung dũng kiên cường, đi đầu diệt Mỹ*”.

Chiến thắng Núi Thành và nhiều chiến công vang dội khác, sáng tạo “*Vành đai diệt Mỹ Chu Lai*”, với việc tìm cách đánh Mỹ, sáng tạo phương châm “3 bám” (Đảng bám dân, dân bám đất, du kích bám giặc), kịp thời rút kinh nghiệm báo cáo lên cấp trên để chỉ đạo chung, Đảng bộ, Nhân dân Quảng Nam đã góp phần vào kinh nghiệm đánh Mỹ của Nhân dân miền Nam và cả nước.

Giữa năm 1965¹, tại trại ông Bách, thôn Trung Tín, xã Kỳ Thạnh, huyện Nam Tam Kỳ (nay là huyện Núi Thành), cách đồn Đức Phú của địch chỉ một con đèo Ba Vĩ, trên 200 đại biểu các Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh, thành phố, đại biểu các đoàn thể, đại biểu Đảng bộ Nam Trung Bộ của Đảng Nhân dân cách mạng miền Nam Việt Nam, đại biểu phong trào dân tộc tự trị Tây Nguyên, đại biểu các dân tộc thiểu số, tôn giáo, nhiều nhân sĩ, trí thức, trong đó có nhiều người từ vùng địch kiểm soát, thành phố, thị xã về dự Đại hội lần I của Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam Nam Trung Bộ. Diễn văn khai mạc nêu rõ ý nghĩa và mục đích mà Đại hội cần đạt được là: *“Đoàn kết tất cả các tầng lớp quần chúng, không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tranh thủ những bộ phận, cá nhân có tinh thần yêu nước trong nguy quân nguy quyền tại miền Trung nói riêng, để tạo thành một sức mạnh khổng lồ giải phóng miền Trung nói riêng và giải phóng miền Nam nói chung”*². Nội dung của 24 tham luận của đại biểu các tỉnh thành, tôn giáo, tầng lớp tiêu biểu, liên tục diễn ra tại hội trường suốt 5 buổi liên đều nói lên một nguyện vọng khát khao bất di bất dịch: Giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Đại hội kêu gọi các tầng lớp Nhân dân, các dân tộc ở vùng giải phóng, vùng địch kiểm soát, những người yêu nước

1. Nam Trung Bộ kháng chiến 1945 - 1975, Viện Lịch sử Đảng - Hội đồng biên soạn lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến, Hà Nội 1992, trang 343 - 344. Tuy nhiên, theo ý kiến của ông Nguyễn Đình Bằng - nguyên cán bộ Văn phòng Mặt trận khu 5 lại cho rằng Đại hội lần I của Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam Nam Trung Bộ diễn ra vào ngày 5 - 3 - 1965 và ý kiến của ông Nguyễn Văn Hiếu - Phó Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy Núi Thành lại cho rằng Đại hội diễn ra vào ngày 22 - 4 - 1965. Trong khi còn có nhiều ý kiến khác nhau, Ban biên soạn xin được căn cứ vào nguồn tài liệu chính thống đã được xuất bản.

2. Lê Công Cơ, *Năm tháng dang người (Hồi ký)*, Nxb. Trẻ - Trường Đại học Duy Tân, 2013, trang 240.



*Đại hội lần thứ I Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Trung Trung Bộ
tại thôn Trung Tín, xã Kỳ Thạnh, huyện Nam Tam Kỳ,
nay là xã Tam Thạnh, huyện Núi Thành*

trong bộ máy nguy quyền, nguy quân hãy đoàn kết lại để cùng nhau đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đại hội bầu Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng Nam Trung Bộ gồm 25 vị, do nhà giáo Trần Hữu Duẩn làm Chủ tịch, ông Trương Công Thuận - đại biểu Đảng bộ Nam Trung Bộ làm Phó Chủ tịch; các ông Rơ Chôm Thép (dân tộc Gia Rai), ông Siu Tám (dân tộc Ê đê), nhà báo Hồ Hiếu Dân, Đại đức Thích Giác Lượng (Phật giáo), Linh mục Gia Cô Bê Nguyễn Hữu Thiên (Thiên Chúa giáo), giáo sư Hồ An (đại diện cho giáo chức), Lê Công Cơ (đại diện học sinh, sinh viên)... làm Ủy viên. Đại hội kết thúc với bài hát *Giải phóng miền Nam* như lời đồng vọng của núi sông và của khối đại đoàn

kết toàn dân chỉ với một ý chí: “*Vùng lên Nhân dân miền Nam anh hùng. Thề cứu lấy nước nhà, thề hy sinh đến cùng...*”.

Từ ngày 7 đến ngày 18 - 6 - 1965, Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng lần thứ II cũng nhấn mạnh: “*Công tác mặt trận cần hướng vào việc tranh thủ các tầng lớp trung gian, tập hợp các khuynh hướng chống Mỹ và tay sai, công tác tôn giáo vận hiện nay là một khâu quan trọng của công tác mặt trận, nhất là tranh thủ nắm Phật giáo và tranh thủ lôi kéo quần chúng Công giáo để cô lập bọn phản động trong các tôn giáo. Mở Đại hội Mặt trận tỉnh, huyện, thành lập Ủy ban Mặt trận*”¹.

Tại Tam Kỳ, Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng tỉnh Quảng Tín tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động. Đầu năm 1965, Hội thành lập Lực lượng Nhân dân tranh thủ cách mạng, Chi đoàn Thanh niên Nhân dân cách mạng, phát hành tờ báo “*Đứng đầu gió*”. Tháng 5 - 1965, địch bao vây trụ sở của Lực lượng Nhân dân tranh thủ cách mạng. Nhân đó, Hội tổ chức mít tinh, kêu gọi quần chúng biểu tình rầm rộ từ ngã ba Nam Ngãi, sau đó lan rộng ra toàn nội ô thị xã Tam Kỳ. Đặc biệt, cuộc biểu tình chủ yếu do thanh niên, học sinh, sinh viên Tam Kỳ làm nòng cốt đã nhận được sự đồng tình, hưởng ứng của đông đảo Nhân dân các xã vùng ven thị xã như Kỳ Anh, Kỳ Phú, Kỳ Nghĩa, Kỳ Hương, Kỳ Hưng..., đòi quân đội và chính quyền tỉnh Quảng Tín không được đưa binh lính đi càn quét, bắt bớ, đốt phá nhà cửa, mùa màng và kêu gọi binh lính địch đào ngũ để trở về với Nhân dân.

Sau Đại hội lần I của Ủy ban Mặt trận Giải phóng miền Nam Việt Nam Nam Trung Bộ, đích thân ông Lê Công Cơ

1. Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy mở rộng lần thứ II, Ký hiệu tài liệu A 7-I, hiện lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Nam.

đã bàn giao tất cả cơ sở bí mật tại Tam Kỳ của Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng tỉnh Quảng Tín, do ông Nguyễn Văn Sơn (Sơn Hải) đang phụ trách cho ông Đỗ Thế Cháp - Bí thư Thị ủy Tam Kỳ. Kể từ đây, Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng tỉnh Quảng Tín đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Thị ủy Tam Kỳ. Ngày 2 - 6 - 1965, Thị ủy Tam Kỳ mở lớp bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên tại vùng giải phóng thuộc thôn 5 xã Kỳ Trà¹. Lớp học có đến 10 cơ sở trong tổ chức Hội về dự, đó là các ông: Nguyễn Văn Sơn, Đỗ Hùng Luân, Nguyễn Nhung, Nguyễn Đình Sơn, Vũ Bá Học (Khải), Trương Cao Nhã, Nguyễn Văn Tích (Quốc Quang), Nguyễn Vinh, Nguyễn Tấn An, Nguyễn Hữu Hồng (Hùng), nhằm bồi dưỡng lực lượng cốt cán trong phong trào đấu tranh hợp pháp. Một thời gian sau, nhiều thành viên trong số đó đã vinh dự được đứng vào hàng ngũ của Đảng, trên cơ sở đó đến tháng 8 - 1965, Chi bộ Trần Phú (mật danh chi bộ Đảng của Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng tỉnh Quảng Tín) được thành lập, gồm 5 thành viên: Nguyễn Văn Sơn, Đỗ Hùng Luân, Nguyễn Nhung, Nguyễn Đình Sơn, Vũ Bá Học (Khải) do ông Nguyễn Văn Sơn làm Bí thư. Một số hội viên khác được Thị ủy Tam Kỳ rút lên vùng căn cứ Kỳ Trà, để tổ chức huấn luyện, đào tạo cách đánh giặc của du kích B, giao nhiệm vụ, trang bị vũ khí, chất nổ đưa vào thị xã để phối hợp đánh Mỹ - ngụy.

Để ngăn chặn sự phát triển của phong trào thanh niên, học sinh, sinh viên tỉnh Quảng Nam, chiều ngày 28 - 10 - 1965, đích thân thiếu tá Nguyễn Ngọc Nghĩa - Tỉnh trưởng Quảng Tín trực tiếp tổ chức vây bắt những nhân vật chủ chốt của Hội như Đỗ

1. Vùng đất cách mạng này ngày nay nằm dưới lòng hồ Phú Ninh.

Hùng Luân, Nguyễn Đình Sơn, Nguyễn Nhung, Nguyễn Vinh, Trương Cao Nhã tại trường Trung học Trần Cao Vân; đồng thời vây ráp bên ngoài bắt Nguyễn Văn Sơn, Đào Ngọc Diêu, Nguyễn Viết Xuân, Nguyễn Bích và thầy giáo Nguyễn Lương Ý trước sự ngỡ ngàng, mèn phục của thầy trò nhà trường, tổ chức Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng tỉnh Quảng Tín bị tan vỡ. Tin giáo viên và học sinh trường Trung học Trần Cao Vân bị địch bắt đã nhanh chóng lan ra các trường trong và ngoài tỉnh, được đài Hà Nội đưa tin, báo chí miền Nam đăng tải, phóng viên hãng AFP, UPI của nước ngoài chụp ảnh, phỏng vấn..., gây nên sự xúc động mãnh liệt trong giới trẻ, góp phần làm thay đổi suy nghĩ và hướng đi của những người còn có tư tưởng lừng chừng. Những thành viên còn lại của Hội chưa bị lộ, chưa bị địch bắt vẫn âm thầm hoạt động, tập hợp lực lượng, xây dựng cơ sở, sẵn sàng đấu tranh khi thời cơ đến; một số khác thoát ly lên vùng giải phóng, tham gia lực lượng vũ trang.

Cùng thời gian này, Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam cũng có sự thay đổi về nhân sự, sau khi ông Hồ Truyền về nhận công tác tại huyện Nam Tam Kỳ, ông Nguyễn Hoàng (Hoàng Nguyên Trường) được Tỉnh ủy phân công làm Trưởng ban Dân vận - Mặt trận tỉnh¹.

Nhìn chung, từ khi đế quốc Mỹ vào Đà Nẵng, Quảng Nam, quân và dân ta trong thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc đã kiên quyết trụ bám, bao vây tiến công địch, buộc chúng phải đối phó trong thế bị động phân tán, nên phong trào cách mạng trong tỉnh vẫn được giữ vững. Đặc biệt, với thế trận chiến

1. Ghi theo tài liệu do ông Nguyễn Hoàng Ngọc - nguyên Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Quảng Nam tổng hợp và cung cấp, tài liệu hiện lưu tại Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Quảng Nam.



Ông NGUYỄN HOÀNG
(HOÀNG NGUYÊN TRƯỜNG)
Trưởng ban Dân vận - Mặt trận
tỉnh Quảng Nam
(10/1965 - 7/1967)

tranh nhân dân mang tính “*thiên la địa võng*” của vành đai Chu Lai, Hòa Vang đã thực sự trở thành nỗi ám ảnh của những người lính Mỹ, như chúng đã thú nhận: “*Du kích Việt Cộng, những người đánh nhau trong bóng tối đã trở thành những chuyên viên trong nghệ thuật dùng cạm bẫy và chông mìn. Có tới 20% số lính Mỹ bị thương vong vì hầm chông và mìn của Việt Cộng và con số thương vong này ngày càng tăng...Bất luận ở đâu, qua mỗi cuộc tuần tra, người lính nào cũng nghĩ rằng bước thêm một bước nữa có thể là bước cuối cùng của đời mình*”¹.

Bước sang năm 1966, ở miền Nam, quân Mỹ thực sự là lực lượng đóng vai trò cơ động chủ yếu trên chiến trường. Trên địa bàn Quảng Nam, để mở rộng địa bàn kiểm soát, tạo vành đai trắng bảo vệ các căn cứ, ngày đêm chúng tiến hành càn quét kết hợp với bom pháo, chất độc hóa học liên tục đánh phá ra vùng tranh chấp và vùng giải phóng, nhằm đẩy lực lượng ta ra xa, xúc dân đưa về vùng chúng kiểm soát, lập khu đồn, hỗ trợ cho nguy quân, nguy quyền khổng chế Nhân dân. Cạnh đó,

1. Dẫn lại từ tập sách *Tìm hiểu con người xứ Quảng*, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Nam, 2004, trang 134.

chúng vừa dùng chiến tranh tâm lý, dùng hàng hóa và tiền bạc để dụ dỗ, mua chuộc, lừa bịp Nhân dân; vừa thực thi chính sách đánh vào kinh tế của dân một cách toàn diện, làm cho dân đói, ác liệt, căng thẳng không trụ bám nổi, buộc phải theo chúng; làm cho lực lượng ta mất chỗ dựa, suy yếu không đủ sức tấn công, chỉ viện cho các vành đai. Ở một số nơi như Hòa Liên (Hòa Vang), Điện Phước (Điện Bàn), vùng B Đại Lộc; các xã Kỳ Sanh, Kỳ Trà, Kỳ Yên, Kỳ Chánh, Kỳ Thạnh cùng một số thôn của Kỳ Khương thuộc huyện Nam Tam Kỳ..., ngày đêm không ngớt tiếng gầm rú của bom, pháo. Chỉ tính riêng xã Kỳ Sanh, có tháng hầu như ngày nào quân Mỹ cũng đi càn với những qui mô khác nhau¹. Tại những nơi Mỹ càn đến, không chỉ tính mạng, tài sản của Nhân dân bị uy hiếp nghiêm trọng, mà tình trạng hăm hiếp phụ nữ, kể cả những bé gái mới 14, 15 tuổi xảy ra thường xuyên. Nhưng thâm độc nhất là việc địch dùng mọi thủ đoạn nhằm chia rẽ cách mạng với Nhân dân, chia rẽ Nhân dân thôn này với thôn khác, gây tâm lý bất an nghi kỵ lẫn nhau. Chẳng hạn như tại thôn 7, xã Kỳ Sanh, địch có câu vè: *“Xóm một là xóm quốc gia, xóm hai cách mạng, xóm ba lưng chừng”*. Vì vậy, cán bộ các đoàn thể giải phóng phải tiến hành phân tích, mổ xẻ vấn đề, xây dựng cơ sở, động viên Nhân dân giữ vững sự đoàn kết nhất trí, tin tưởng lẫn nhau.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân và dân ta với thế trận chiến tranh nhân dân vững chắc, bằng nhiều phương thức tác chiến khác nhau, đã chặn đánh địch trên mọi hướng, tiến công chúng khắp nơi. Trên địa bàn Quảng Nam, Quảng Đà, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, hội viên các đoàn thể giải phóng ngày đêm bám sát địa bàn, vận động Nhân dân đấu tranh với

1. *Lịch sử Đảng bộ huyện Núi Thành 1954 - 1975*, Núi Thành 2010, trang 151.

địch. Từ ngày 28 - 1 đến ngày 25 - 2 - 1966, các tầng lớp nhân dân vùng B Đại Lộc tham gia đấu tranh chính trị, binh vận, góp phần cùng lực lượng vũ trang đánh bại cuộc hành quân càn quét của 2 tiểu đoàn thủy quân lục chiến Mỹ và 3 tiểu đoàn quân ngự; từ ngày 8 - 2 đến ngày 10 - 3 - 1966, đồng bào Nam Tam Kỳ cùng lực lượng vũ trang chống các cuộc càn quét, lùng sục của Mỹ - ngự vào Mỹ Sơn, Núi Miếu (Kỳ Chánh), Đất Đỏ (Kỳ Vinh)... Ở các xã quanh căn cứ Chu Lai, địch tiến hành dồn dân, lập vành đai trắng cũng vấp phải sự chống đối quyết liệt của đồng bào. Những nơi bị địch xức tát vào áp chiến lược, khu tập trung, đồng bào vẫn tìm mọi cách trở về làng cũ, trụ bám lại, trồng khoai, tía bắp, cây lúa, nuôi giấu che chở cho cán bộ, bộ đội. Cùng thời gian này, quân ta tiêu diệt trận địa tên lửa Hawk của quân Mỹ trên đỉnh núi Phước Tường; từ ngày 19 đến ngày 27 - 2 - 1966, quân và dân các huyện Thăng Bình, Tiên Phước, Nam Tam Kỳ, Bắc Tam Kỳ đã đánh bại nhiều cuộc hành quân càn quét của Mỹ - ngự; ngày 24 - 3 - 1966, Trung đoàn 31 (Quân khu 5) phục kích tiêu diệt 120 xe quân sự của Mỹ, ngự và Nam Triều Tiên trên Quốc lộ I, đoạn Hương An - Bà Rén; ngày 2 - 4 - 1966, được sự hỗ trợ của Nhân dân và du kích xã Đại Hồng (Đại Lộc), bộ đội địa phương huyện đã tiêu diệt gần trọn 1 đại đội Mỹ tại thôn Ngọc Kinh. Ở vùng tây và vùng trung Hòa Vang, ven thị trấn Vĩnh Điện và vùng cát Điện Bàn, cánh Bắc thị xã Hội An; ven quận lỵ Duy Xuyên, Quế Sơn, các xã xung quanh căn cứ Chu Lai..., phong trào chống dồn dân, lập vành đai trắng, chống lập tề và nhất là lập “*áp chiến lược*” diễn ra quyết liệt, làm cho kế hoạch “*bình định*”, kẹp dân của Mỹ - ngự chững lại.

Do những thất bại nặng nề trên chiến trường và tranh giành quyền lực lẫn nhau, nội bộ ngự quyền Sài Gòn có những

mâu thuẫn gay gắt, dẫn đến cuộc khủng hoảng chính trị, mở đầu là việc Hội đồng quân sự do Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ cầm đầu cách chức Nguyễn Chánh Thi - Tư lệnh Quân đoàn I vào ngày 10 - 3 - 1966. Được tin Nguyễn Chánh Thi bị cách chức, ngày 11 - 3 - 1966, sĩ quan và binh lính thuộc phe phái của y ở miền Trung tổ chức một cuộc mít tinh ở hội trường Trung Vương (Đà Nẵng) nhằm “*yêu cầu chính phủ Trung ương phục chức cho Trung tướng Nguyễn Chánh Thi*”. Tối 11 - 3 - 1966, tay chân của Nguyễn Chánh Thi tổ chức cuộc họp thành lập “*Ủy ban quân dân vùng I chiến thuật*” nhằm chống lại ngụy quyền Trung ương.

Nhân cơ hội này, các cơ sở cách mạng hoạt động trong nội thành như: Vĩnh Kha, Phan Chính Dinh, Tuyết Mai..., đã hướng dẫn học sinh, sinh viên, công nhân, tiểu thương, trí thức và một số tăng, ni, Phật tử trong phong trào Phật giáo ở Đà Nẵng xuống đường phản đối Thiệu - Kỳ, tổ chức đình công, bãi thị, bãi khóa, biểu tình, mít tinh trên các đường phố, đẩy lên cao trào đấu tranh chính trị rộng khắp ở 29 tỉnh, thành phố, thị xã trên toàn miền Nam. Cơ sở bí mật, cán bộ, đảng viên của ta ở Đà Nẵng đưa người vào “*tổ chức ly khai*” của địch, “*lái phong trào theo hướng có lợi cho ta*”. Ngày 13 - 3 - 1966, “*Ủy ban quân dân vùng I chiến thuật*” được đổi thành “*Ủy ban quân dân đấu tranh vùng I chiến thuật*”. Ông Phan Chính Dinh - cơ sở bí mật của ta được bầu vào Ủy ban lãnh đạo, làm Trưởng ban kế hoạch. Một giáo viên yêu nước do cơ sở ta giới thiệu được bầu làm Chủ tịch. Ngày 15 - 3 - 1966, một cuộc mít tinh lớn diễn ra tại công viên Diên Hồng với khoảng 10.000 quần chúng tham dự. Ngày 19 - 3, “*Ủy ban quân dân đấu tranh vùng I chiến thuật*” đổi thành “*Lực lượng Nhân dân tranh thủ cách mạng Đà Nẵng*”. Thị trưởng Đà Nẵng Nguyễn Văn Mẫn tuyên

bổ đứng về phía quần chúng. Ngày 20 - 3 - 1966, “*Lực lượng Nhân dân tranh thủ cách mạng Đà Nẵng*” tổ chức lễ ra mắt trước 15.000 quần chúng tại công viên Diên Hồng, công bố tuyên ngôn về lập trường và mục tiêu đấu tranh của lực lượng, nêu rõ tình trạng Mỹ xâm phạm chủ quyền quốc gia Việt Nam, tuyên bố rút khẩu hiệu ủng hộ Nguyễn Chánh Thi và thông báo 10 điểm quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của lực lượng, quy định tạm thời về việc huy động quần chúng xuống đường và về trật tự trị an trong thành phố. Chiều ngày 21 - 3 - 1966, gần 700 xe xích lô, xe lam tổ chức tuần hành qua nhiều đường phố. Sáng 22 - 3 - 1966, 3.000 học sinh xuống đường tổ chức mít tinh và ra tuyên cáo nêu rõ: Không có trường học nào bằng trường học yêu nước, không có bài học nào bằng bài học Nhân dân, khi nước mất, nhà tan, văn hóa nô dịch thì không thể ngồi yên trên ghế nhà trường.

Ngày 24 - 3 - 1966, Thành ủy Đà Nẵng cử cán bộ vào nội thành trực tiếp chỉ đạo phong trào, cũng trong ngày này, quần chúng chiếm Đài phát thanh Đà Nẵng. Ngày 25 - 3 - 1966, bộ máy an ninh nguy quyền tại Đà Nẵng rệu rã, “*Lực lượng thanh niên tranh thủ cách mạng Đà Nẵng*” (một bộ phận của “*Lực lượng Nhân dân tranh thủ cách mạng Đà Nẵng*” có nhiệm vụ tập hợp lực lượng thanh niên, học sinh) làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự an ninh thành phố. Ngày 26 - 3 - 1966, Nhân dân Hội An chiếm Đài phát thanh Hội An.

Ngày 30 - 3 - 1966, cuộc biểu tình của lực lượng tài xế - thợ máy Đà Nẵng bị binh lính Mỹ khiêu khích, gây thương vong trên đường Thống Nhất (nay là đường Lê Duẩn). Lập tức hàng vạn Nhân dân Đà Nẵng xuống đường tiếp sức cho lực lượng tài xế - thợ máy và tràn đi khắp các đường phố. Ngày

31 - 3 - 1966, ta thực hiện “thành phố chết” và thông báo bắt đầu từ ngày 1 - 4 - 1966, cấm người Mỹ đi lại trong thành phố. Tướng Oantor, chỉ huy thủy quân lục chiến Mỹ tại Đà Nẵng phải ra lệnh di tản tất cả người Mỹ (dân sự) về các căn cứ Mỹ.

Tuy nhiên, từ ngày 19 - 4 - 1966 trở đi, do ta lúng túng trong việc chỉ đạo, nên phong trào có dấu hiệu lắng xuống dần. Chớp lấy cơ hội này, ngày 15 - 5 - 1966, Thiệu - Kỳ đưa 2 tiểu đoàn thủy quân lục chiến từ Sài Gòn ra, đổ bộ lên Thanh Bô - Đức Lợi và sân bay Đà Nẵng, đánh chiếm Bộ tư lệnh Quân đoàn I, Tòa Thị chính, Quân vụ thị trấn, sở Bưu điện, Đài phát thanh, Ngân hàng. Lực lượng quân ly khai cùng với công nhân tài xế - thợ máy, công nhân khuân vác, công nhân hỏa xa, quần chúng lao động ở các khu phố, thanh niên, học sinh, sinh viên quyết tử (sinh viên quyết tử từ Huế hành quân vào) đã dũng cảm chiến đấu, giành với quân Thiệu - Kỳ từng góc phố. Phụ nữ tiểu thương ở chợ Cồn và cơ sở bí mật của ta đã vận động binh lính địch, giằng súng trên tay địch. Một chú tiểu ở chùa Từ Vân nằm dưới xích xe M113 không cho xe địch chạy. Quần chúng phao tin quân giải phóng sắp vào thành phố làm cho địch rất lo ngại.

Ngày 20 - 5 - 1966, Thiệu - Kỳ cho ném bom chùa Tân Ninh. Ngày 23 - 5 - 1966, Thiệu - Kỳ chiếm lại Đà Nẵng. Lực lượng quân ly khai rút ra Huế. Thị trưởng Đà Nẵng Nguyễn Văn Mẫn bị bắt đưa về Sài Gòn, các cán bộ lãnh đạo và cơ sở của ta kịp rút về căn cứ an toàn.

Sự kiện Nhân dân Đà Nẵng làm chủ thành phố 76 ngày đêm thể hiện sức mạnh và tinh thần đấu tranh anh dũng của Nhân dân thành phố và là một bước ngoặt trong phong trào đấu tranh ở đô thị. Đây là cuộc tập dượt vũ trang khởi nghĩa của

Nhân dân Đà Nẵng, đồng thời là một minh chứng sinh động về việc kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, về vận dụng “2 chân, 3 mũi giáp công” trong cao trào cách mạng ở đô thị¹.

Cùng với sự kiện Nhân dân Đà Nẵng làm chủ thành phố 76 ngày đêm, phong trào Nhân dân “*nhập đồn*” đấu tranh chính trị, làm binh vận đòi địch không được bắn phá vào làng mạc, ruộng đồng, đòi địch bồi thường nhân mạng cho những người chết, cứu chữa cho người bị thương..., diễn ra khắp nơi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, Quảng Đà. Từ đó đã hạn chế được hành động cướp bóc, phá phách của địch, đồng thời có tác dụng khơi dậy tình người trong binh lính Mỹ, góp phần tạo nên tâm lý chán ghét chiến tranh, thúc đẩy phong trào phản chiến trong binh lính Mỹ- ngụy.

Tuy nhiên, thắng lợi quan trọng nhất là thông qua các cuộc đấu tranh chính trị trực diện với địch, quần chúng Nhân dân đã khôn khéo kết hợp với công tác binh địch vận, từng bước làm cho binh lính địch hiểu ra bản chất sự thật của cuộc chiến tranh phi nghĩa mà đứng về phía Nhân dân mình, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển phong trào cách mạng ở những giai đoạn tiếp theo.

2. Đại hội Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh lần thứ I; chuẩn bị thực lực cách mạng, góp phần vào thắng lợi của cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1967 - 1968)

Bước vào mùa khô 1966 - 1967, với lực lượng được tăng tên hơn 980.000 quân, trong đó Mỹ và Đồng Minh hơn 440.000 tên. Mỹ mở cuộc phản công chiến lược lần thứ hai nhằm tiêu

1. *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, trang 497 - 502.

diệt quân chủ lực của ta, tạo bước ngoặt trong chiến tranh. Trên chiến trường Quảng Đà, Mỹ tăng cường can quét đánh phá vùng A Điện Bàn, tây Duy Xuyên. Ở Quảng Nam, địch triển khai kế hoạch “*bình định*” nông thôn từ tháng 11 - 1966 với trọng điểm là các xã nằm dọc quốc lộ 1, xung quanh các quận lỵ Thăng Bình, Tiên Phước, Quế Sơn, Bắc Tam Kỳ... Tại Quế Sơn, quân Mỹ hoạt động biệt kích song song với tăng cường can quét, củng cố mở rộng phạm vi chiếm đóng ra các xã Sơn Ninh, Sơn Khương, Sơn Thọ, Sơn Phước. Đánh sâu vào các huyện miền núi Phước Sơn, Bắc Trà My, Nam Trà My để xúc dân đưa về tập trung ở các khu đồn. Riêng đối với 5 xã vùng phụ cận căn cứ quân sự Chu Lai, địch củng cố lại bộ máy kìm kẹp từ xã, ấp đến liên gia, xúc dân các thôn Đức Bó, Thạch Kiều, Khương Nhơn, Xuân Vinh¹ đi nơi khác, để biến khu vực này thành vành đai trắng. Chúng xây dựng nhiều điểm đồn dân tạm thời, gọi là “*khu tiếp cư*”, đồng thời đưa những tên “*cán bộ bình định*” xuống quản lý từng khu đồn ở địa phương.

Trước âm mưu mới của địch, Tỉnh ủy Quảng Nam, Quảng Đà đề ra nhiệm vụ cho toàn Đảng bộ, toàn quân và toàn dân: Chủ động tiến công và phản công địch liên tục bằng “*hai chân ba mũi giáp công*”; tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, đánh bại âm mưu can quét, lấn chiếm vùng giải phóng, xúc dân lập ấp chiến lược; tích cực xây dựng vùng giải phóng nông thôn, đồng bằng và căn cứ miền núi về mọi mặt, nâng phong trào miền núi và phong trào đô thị lên phù hợp với yêu cầu chung, giữ vững vùng giải phóng, mở rộng thế làm chủ ở vùng Mỹ đóng quân, đẩy mạnh sản xuất và phục vụ tiền tuyến, xây dựng lực lượng ta

1. Nay thuộc các xã Tam Xuân 1, Tam Xuân 2, Tam Anh Bắc, Tam Anh Nam, Tam Hiệp (Núi Thành).

manh mẽ về mọi mặt, quyết tâm cùng toàn miền Nam đánh bại cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai của Mỹ.

Thực hiện chủ trương trên, các đoàn thể giải phóng trên địa bàn vận động các tầng lớp Nhân dân chủ động tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu cùng với các lực lượng vũ trang giành nhiều thắng lợi vang dội. Ngày 22 - 1 - 1967, đơn vị R20 Quảng Đà diệt 1 tiểu đoàn Mỹ ở Xuyên Thanh (nay là xã Duy Thành, Duy Xuyên), góp phần động viên, cổ vũ phong trào du kích chiến tranh ở Quảng Nam, Quảng Đà.

Từ cuối tháng 4 - 1967, trên địa bàn Quảng Nam, Quảng Đà, Mỹ- ngụy mở hàng loạt cuộc càn quét, xức tát dân vào các khu đồn; thực hiện chính sách “*tam quang*” (cướp sạch, đốt sạch, phá sạch); đồng thời gây ra nhiều vụ thảm sát đẫm máu. Tiêu biểu như vào tháng 5 - 1967, chúng gây ra vụ tàn sát 34 người dân ở thôn Trung và Châu Lâu, xã Điện Thọ (Điện Bàn) và 21 người dân xã Xuyên Khương (nay là xã Duy Châu, Duy Xuyên). Tháng 6 - 1967, chúng tiếp tục sát hại 85 người dân Xuyên Phước (nay thuộc xã Duy Phước, Duy Xuyên)... , bắn phi pháo, tăng cường rải chất độc hóa học, tiến hành các hoạt động biệt kích vào vùng giải phóng và miền núi.

Trước sự đánh phá, hủy diệt của Mỹ - ngụy, vùng giải phóng của ta bị thưa dân, có nơi trắng dân, gây cho ta nhiều khó khăn. Nhưng từ trong gian khổ hy sinh mỗi quan hệ của dân với Đảng, với lực lượng vũ trang trở nên máu thịt hơn bao giờ hết. “*Bốn bám*” trở thành hành động cách mạng và mệnh lệnh từ trái tim của mỗi người dân yêu nước. Đảng bám dân, cắm sâu gốc rễ vào lòng dân để lãnh đạo Nhân dân và cùng Nhân dân bám trụ đánh địch. Dân bám đất kiên quyết thực hiện “*một tác không đi, một ly không rời*” để Đảng không “*mỏ côi*”

dân; để cán bộ, đảng viên, du kích có chỗ dựa mà tiếp tục hoạt động. Du kích bám địch để tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, bảo vệ Nhân dân, bảo vệ vùng giải phóng. Trên bám dưới để kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo phong trào cách mạng ở các địa phương. Nhiều nơi, địch đánh phá ác liệt, đồng bào chỉ che một vài tấm tranh, một cái nong hay một tấm ni lông trên miệng hầm tránh bom để ở. Nhờ thực hiện “*bốn bám*”, ta vẫn giữ được phong trào, giữ được thế, giữ được đất, giữ được dân và đánh được địch. Những gia đình trụ bám trở thành chỗ dựa, nơi để cán bộ, đảng viên bám chân lãnh đạo phong trào.

Vượt lên gian khổ hy sinh, các đợt đấu tranh chính trị và binh vận của nhân dân Quảng Nam - Quảng Đà vẫn diễn ra trên hầu khắp các địa bàn. Trên mặt trận đấu tranh chính trị đã có hàng chục cuộc đấu tranh lớn nhỏ, có gần 6.000 lượt người tham gia, với nhiều hình thức phong phú. Trong các khu đồn, Nhân dân đấu tranh đòi được trở về quê cũ làm ăn sinh sống. Ở các vùng xung yếu, tranh chấp, Nhân dân đồng loạt kéo vào quận lỵ, nơi đóng đồn của quân Mỹ - ngụy dùng lời lẽ hợp tình, hợp lý để ngăn chặn, không cho chúng cày ủi ruộng vườn, mò mẫm, đốt nhà, giết hại trâu bò; đồng thời mở rộng thế làm chủ hợp pháp ở vùng Mỹ đóng quân; tạo thế thực hiện phương châm đấu tranh ba mũi giáp công, tạo điều kiện để cán bộ và lực lượng vũ trang có chỗ đứng chân.

Không chỉ đấu tranh chính trị chống Mỹ, bài ngụy, đòi các quyền tự do dân sinh, dân chủ. Hội viên các đoàn thể giải phóng còn khéo léo kết hợp đấu tranh chính trị với binh vận, gây hoang mang trong hàng ngũ địch. Các khẩu hiệu “*Gia đình hai mặt, mặc áo hai màu*”, “*Tìm một lối ra vinh dự cho người thân*” luôn được chú ý tuyên truyền trong các gia đình binh sĩ.

Qua đó nhiều gia đình đã hiểu rõ đường lối chính sách “*đánh người chạy đi, không đánh người chạy lại*” của ta nên đã quyết tâm giáo dục, thuyết phục và vận động chồng con, anh em trở về với Nhân dân, với cách mạng. Chính những quan hệ ruột thịt, máu mủ này đã tác động rất lớn đến tâm tư, tình cảm của nhiều sĩ quan, binh sĩ địch. Ngoài đấu tranh tuyên truyền, vận động bằng lực lượng quần chúng, ta còn in ấn phát hành hàng vạn truyền đơn, áp phích, khẩu hiệu; sáng tác thơ ca, hò vè, viết vẽ khắp nơi với những nội dung:

*Chông mìn đánh bọn ác ôn
Anh em binh sĩ biết khôn đừng lòng*

Hoặc:

*- Chim khôn chưa bắt đã bay
Người khôn biết thấy đường ngay trở về
- Mỹ thua Mỹ rút về nước
Anh em binh sĩ đi về nơi đâu*

Chính cách tuyên truyền đa dạng, phong phú như vậy đã thu được nhiều thắng lợi có ý nghĩa quan trọng. Nhiều người tỏ ra do dự cầm súng lấy lệ, hoặc tích cực hơn mang súng về với cách mạng, bỏ ngũ về với gia đình. Kết quả, những tháng đầu năm 1967 đã có hàng trăm binh sĩ ngụy đào rã ngũ trở về với cách mạng. Lực lượng chính trị ở các địa bàn vùng sâu, kể cả trong các khu đồn, ấp chiến lược luôn được xây dựng, củng cố, sẵn sàng hành động khi nhận được chỉ đạo của cấp trên.

Mặc dù còn không ít khó khăn, nhưng đến giữa năm 1967, nhìn chung tỉnh Quảng Nam đã giải phóng đại bộ phận nông thôn và đồng bằng, làm chủ các huyện miền núi, thực lực cách mạng đã mạnh lên nhiều lần. Trong điều kiện toàn tỉnh đã

có vùng giải phóng rộng lớn, Tỉnh ủy quyết định triệu tập Đại hội Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh lần thứ I; giao cho Ban Dân vận - Mặt trận tỉnh cùng các đoàn thể chính trị của tỉnh đảm nhận việc chuẩn bị Đại hội, cả về nội dung và nhân sự.

Qua một thời gian chuẩn bị, Ban Dân vận - Mặt trận đã trực tiếp báo cáo với Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nội dung và nhân sự, được tập thể thảo luận và quyết định triệu tập Đại hội. Trong 2 ngày 26 & 27 - 7 - 1967¹ tại thôn 2 xã Tiên Ngọc, huyện Tiên Phước đã diễn ra Đại hội Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ I. Thành phần đại biểu mỗi huyện, thị xã từ 8 - 10 người, riêng thị xã Tam Kỳ là 15 người cả hợp pháp và bất hợp pháp, trong có có đại biểu của các tôn giáo như Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Tin Lành..., trí thức, công thương gia, đại biểu người Hoa, đại biểu đồng bào các dân tộc thiểu số, các già làng có uy tín...

Đại hội được tiến hành trong thời điểm cuộc chiến đấu giữa ta và địch trên chiến trường Quảng Nam đang diễn ra quyết liệt. Địch tập trung lực lượng càn quét, đánh phá nhằm giành lại những vùng đã mất, đóng chốt thêm nhiều cứ điểm, xúc tát

1. Hiện vẫn còn nhiều ý kiến khác nhau xung quanh thời điểm Đại hội Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ I như: Ông Hoàng Hương Việt - nguyên cán bộ Ban Tuyên huấn tỉnh Quảng Nam thời chống Mỹ cho rằng Đại hội diễn ra vào đầu năm 1966; Bà Hồ Thị Kim Thanh - nguyên Hội trưởng Hội Phụ nữ tỉnh Quảng Nam cho rằng Đại hội diễn ra vào cuối năm 1963; Ông Nguyễn Thành - nguyên Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng thì khẳng định Đại hội diễn ra vào ngày 27 - 7 - 1967... Để thống nhất ngày Đại hội Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh, ngày 1 - 3 - 2018 tại Đà Nẵng, chúng tôi đã làm việc với các nhân chứng lịch sử: Nguyễn Thành, Hoàng Hương Việt, Trần Thanh Trà (nguyên Chánh Văn phòng Tỉnh Đoàn Quảng Nam thời chống Mỹ)... Và đã đi đến thống nhất Đại hội lần thứ nhất của Mặt trận Dân tộc giải phóng tỉnh diễn ra từ ngày 26 đến ngày 27 - 7 - 1967.

dân vùng giải phóng vào các khu tập trung, áp chiến lược. Vì vậy, đường giao liên giữa vùng ta và vùng địch thường bị phục kích, gây cho ta nhiều tổn thất, nên việc đưa các đại biểu từ thị xã Tam Kỳ và vùng địch kiểm soát ra dự Đại hội là một nhiệm vụ rất khó khăn và nặng nề. Ban tổ chức Đại hội được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang và đội công tác các xã liên tục bám địch, nên đã đưa các đại biểu về dự Đại hội an toàn, tiêu biểu như các đại biểu: Ông Chánh Minh (Trần Hữu Minh), ông Phó Ngạc (Nguyễn Tấn Phát) ở xã Tam Dân (Phú Ninh), cụ Nghè Đào (Đào Quỳ) ở Quế Sơn, ông Ngô Như Long - đại biểu Công giáo ở xã Kỳ Sơn (Núi Thành), đại đức Thích Thành Minh (Trần Hữu Đầu) - đại biểu Phật giáo ở huyện Thăng Bình, bác sĩ Võ Tuyển - Trưởng ban Dân y tỉnh, đại diện nhân sĩ, trí thức; ông Phan Lương Ngọc (Phan Hoàng) ở chợ Bà (Thăng Bình) - thầy thuốc Đông y, đại diện tầng lớp công thương gia...

Đại hội vinh dự đón đoàn đại biểu Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng khu Trung Trung Bộ do ông Ngô Hai - Khu ủy viên, Phó Chủ tịch và bà Nguyễn Thị Lãnh - đại biểu Hội Phụ nữ Khu 5 về dự Đại hội.

Đại hội nhất trí đánh giá: Từ khi có Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, Chương trình hành động 10 điểm của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, được sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, Nhân dân các dân tộc trong tỉnh, từ miền núi đến đồng bằng, đô thị; từ vùng giải phóng cho đến vùng địch kiểm soát đã đoàn kết một lòng, đứng lên đấu tranh chống chế độ Mỹ - ngụy bằng phương châm “*hai chân ba mũi giáp công*”, tấn công địch liên tục, tiêu hao nhiều sinh lực địch, mở rộng và giữ vững vùng giải phóng, phát triển thực lực cách mạng ở vùng địch còn kiểm soát, trọng điểm là thị xã Tam Kỳ.

Đại hội thông qua Chương trình hành động của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh trong những năm tới với những nội dung chủ yếu: Tập trung tuyên truyền, phổ biến Cương lĩnh 10 điểm của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và sự thành công của Đại hội Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ nhất đến mọi tầng lớp nhân dân trong tỉnh, trọng điểm là ở vùng địch kiểm soát, các quận lỵ, thị xã, trong hàng ngũ ngũ quân, ngũ quyền; Xây dựng và phát triển cơ sở trong vùng địch, trọng điểm là thị xã Tam Kỳ, chú trọng các chức sắc trong các tôn giáo, công thương gia, trong cộng đồng người Hoa, trong hàng ngũ ngũ quân, ngũ quyền. Thị xã Tam Kỳ cần tập trung chỉ đạo bất liên lạc với các cơ sở của ta như Đinh Thế Hiển, Trần Ngọc Bích, Nguyễn Đình Hòa, Ngô Nhược Kim, Đại đức Thích Thiện Duyên, Mục sư Nguyễn Vọng..., để hình thành lực lượng chỉ đạo hợp pháp ở trung tâm đầu não của địch ở tỉnh lỵ Quảng Tín; Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam các cấp cùng với các đoàn thể quần chúng phân công cán bộ bám sát cơ sở, tổ chức lực lượng, hình thành đội ngũ, thực hiện “*hai chân ba mũi giáp công*”, tấn công địch ở cả 3 vùng: Vùng giải phóng, vùng làm chủ và vùng địch kiểm soát; kiên quyết chống càn quét, lấn chiếm, xức tát dân ở vùng giải phóng, bảo vệ tài sản, tính mạng cho Nhân dân. Đối với quận lỵ, thị xã, huy động quần chúng tấn công địch về chính trị, làm công tác binh vận, làm cho hàng ngũ địch hoang mang, dao động; vận động gia đình binh lính kêu gọi chồng, con em về với gia đình, về với cách mạng...

Đại hội đã hiệp thương thông qua danh sách Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh gồm 25 vị,

do ông Đồng Lương (Phan Hiền) - Phó Trưởng ban Tuyên huấn tỉnh làm Chủ tịch, Đại đức Thích Thành Minh làm Phó Chủ tịch.

Thành công của Đại hội Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh một lần nữa khẳng định sự kế tục truyền thống đoàn kết vốn có của Mặt trận Việt Minh và Mặt trận Liên Việt trước đây trong một hoàn cảnh lịch sử mới, nhằm xây dựng sự đồng thuận xã hội và khoan dung để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động sức mạnh dân tộc để đấu tranh chống Mỹ cứu nước, giải phóng quê hương. Đồng thuận là sự thỏa thuận về cái chung, cái cơ bản nhất, đồng thời chấp nhận sự khác biệt nhất định về thành phần dân tộc, tôn giáo, văn hóa, ngôn ngữ, lợi ích..., trong xã hội. Khoan dung trước hết là sự thừa nhận và tôn trọng sự khác nhau của các thành phần trong cộng đồng dân tộc; là chấp nhận sự khác biệt về văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng..., giữa các dân tộc khác nhau để cùng thực hiện mục đích cao cả nhất là giành độc lập, tự do cho dân tộc. Chính vì vậy, thành công của Đại hội Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh lần thứ I càng có ý nghĩa lịch sử quan trọng.

Từ ngày 15 đến ngày 30 - 8 - 1967, Đại hội bất thường Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam được tổ chức tại Tây Ninh với sự tham dự của các đại biểu đại diện cho khối đại đoàn kết dân tộc trên toàn miền Nam từ Quảng Trị đến Cà Mau. Đại hội đã thông qua *Cương lĩnh chính trị mới* của Mặt trận, trong đó chỉ rõ nhiệm vụ trước mắt và mục tiêu chiến đấu của đồng bào ta là: Đoàn kết toàn dân, kiên quyết đánh bại chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, đánh đổ ngụy quyền tay sai của chúng, thành lập chính quyền liên hiệp dân tộc và dân chủ rộng

rãi, xây dựng miền Nam Việt Nam độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập, phồn vinh, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Cũng như cả miền Nam, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam và Quảng Đà có nhiều tổ chức chính trị lớn gia nhập và trở thành thành viên của Mặt trận: Đảng Nhân dân cách mạng¹, Quân giải phóng (tên gọi các lực lượng vũ trang), Hội Lao động giải phóng, Hội Nông dân giải phóng, Hội Phụ nữ giải phóng, Hội Liên hiệp học sinh - sinh viên giải phóng, Hội Văn nghệ giải phóng, Hội các nhà báo yêu nước và dân chủ, Đoàn thanh niên nhân dân cách mạng, Hội những người kháng chiến cũ, Nhóm những người đấu tranh cho hòa bình, thống nhất, độc lập của Tổ quốc Việt Nam; các Hội quần chúng có tính chất tôn giáo của các tín đồ Phật giáo, Công giáo, Cao Đài, Đảng Xã hội cấp tiến của trí thức, Đảng Dân chủ miền Nam Việt Nam của tư sản dân tộc... Trong các thành viên của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam có những Hội có tới hàng vạn hội viên, như Hội Nông dân giải phóng, Hội Phụ nữ giải phóng, Đoàn thanh niên nhân dân cách mạng, Hội Liên hiệp thanh niên giải phóng...

Sự phát triển của lực lượng cách mạng còn thể hiện ở chỗ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh đã nhanh chóng xây dựng được cơ sở của mình từ xã đến tỉnh. Đến tháng 10 - 1967, nhìn chung ở hầu khắp các địa phương trong tỉnh đều có Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, ở một số nơi có điều kiện Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam đã tổ chức ra mắt Nhân dân. Thông qua báo Giải phóng Quảng Nam (cơ quan ngôn luận của Mặt trận), các tập thơ văn, ca dao kháng chiến, bản

1. Đảng Nhân dân cách mạng miền Nam Việt Nam (tên gọi khác của Đảng Cộng sản Việt Nam) ra đời ngày 1 - 1 - 1962.

tin (đều in li-tô) được phát hành đến tận các cơ quan, đơn vị bộ đội, các huyện, xã, vùng ven, thành phố, thị xã, góp phần thông tin, tuyên truyền, quảng bá, động viên quân và dân thi đua yêu nước, hướng về Mặt trận.

Cuối năm 1967, đầu năm 1968, xuất phát từ nhận định so sánh lực lượng thay đổi có lợi cho ta sau 2 mùa khô, ta chủ trương mở một cuộc “*tổng công kích, tổng khởi nghĩa*”¹ trên toàn miền Nam, chủ yếu vào các đô thị, nhằm tiêu diệt một bộ phận quân viễn chinh Mỹ, đánh sập nguy quân, nguy quyền, giành chính quyền về tay Nhân dân, buộc Mỹ phải đàm phán để rút hết quân về nước. Cùng thời gian này, Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam gửi lời kêu gọi đến công chức, nhân viên, và binh sĩ chính quyền Sài Gòn trở về với Nhân dân, gia nhập hàng ngũ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam: “*Quân Mỹ và chư hầu đang thất bại, sa lầy nghiêm trọng, bọn đầu sỏ Việt gian lưng chừng thối nát. Mặt trận Dân tộc Giải phóng kêu gọi những người đang ở ngã ba đường hãy bỏ đời lính đánh thuê cho giặc về với quê hương, hãy quay súng bắn vào bọn Việt gian, cùng với Nhân dân đánh bại quân Mỹ, cứu nước lập công. Các bạn binh sĩ hãy khởi nghĩa chống Mỹ - Thiệu và ly gián với đội quân bán nước. Chúng tôi sẵn sàng đón tiếp các bạn trở về với Nhân dân và cũng sẵn sàng để các bạn gia nhập Mặt trận*”².

1. Nghị quyết Bộ Chính trị tháng 12/1967 được Ban Chấp hành Trung ương Đảng thông qua tháng 1 - 1968, thành Nghị quyết Trung ương lần thứ 14 với chủ trương đưa chiến tranh cách mạng của ta lên bước phát triển cao nhất bằng phương pháp “tổng công kích, tổng khởi nghĩa”. Về sau Nghị quyết Trung ương lần thứ 21 (7 - 1973) gọi tổng công kích và tổng khởi nghĩa là tổng tiến công và nổi dậy. Chúng tôi thống nhất gọi như Nghị quyết Trung ương.

2. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam, tập II (1954 - 1975)*, trang 554 - 555.

Tại Quảng Nam và Quảng Đà công tác chuẩn bị Tổng tiến công và nổi dậy cũng diễn ra khẩn trương. Từ ngày 14 đến ngày 18 - 10 - 1967, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ VII diễn ra tại xã Đốc (nay là xã Trà Đốc, huyện Bắc Trà My), vạch ra nhiệm vụ và biện pháp thực hiện phương hướng chiến lược của Trung ương Đảng. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ mới do ông Vũ Trọng Hoàng làm Bí thư Tỉnh ủy. Tháng 10 - 1967, Khu ủy 5 quyết định sáp nhập tỉnh Quảng Đà và thành phố Đà Nẵng thành Đặc khu Quảng Đà, ông Hồ Nghinh được Thường vụ Khu ủy chỉ định làm Bí thư Đặc Khu ủy, kiêm Chủ tịch Mặt trận Dân tộc Giải phóng Đặc khu. Đến trước khi cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968 diễn ra, Thường vụ Khu ủy 5 cử ông Trương Chí Cương - Phó Bí thư Khu ủy về trực tiếp làm Bí thư Đặc Khu ủy, ông Hồ Nghinh làm Phó Bí thư Đặc Khu ủy và vẫn phụ trách Mặt trận Dân tộc giải phóng Đặc khu Quảng Đà.

Để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới, đầu năm 1968, Tỉnh ủy điều động ông Trần Hải (Trần Hào) - cán bộ khu Điều dưỡng tỉnh về làm Ủy viên Thường trực Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam.

Theo kế hoạch của Trung ương, cuộc tổng tiến công và nổi dậy sẽ nổ ra vào đêm 29 rạng ngày 30 - 1 - 1968¹ (tức đêm 30 rạng ngày mừng 1 tết Mậu Thân), nhưng cũng chính trong thời điểm đó Tỉnh ủy Quảng Nam, Đặc Khu ủy Quảng Đà lại nhận được lệnh chuyển sang 31 - 1 - 1968. Do lệnh đến quá gấp,

1. Cuối năm 1967, Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hoà tuyên bố ngày mùng 01 tết âm lịch Mậu Thân chậm hơn lịch cũ 1 ngày (tức ngày 31 - 1 - 1968 dương lịch), trong khi đó chính quyền Sài Gòn vẫn giữ nguyên lịch cũ. Trong công trình này chúng tôi sử dụng lịch miền Nam.

không thể chuyển kịp đến các địa phương, đơn vị trong tỉnh nên cuộc tổng tiến công và nổi dậy vẫn nổ ra ở một số nơi.

Trên hướng trọng điểm Quảng Đà, phối hợp với các mũi tiến công của lực lượng vũ trang, với quyết tâm “*Thiệu, Kỳ không đổ, không giổ không tết*”. Tại Điện Bàn, Hội An hàng ngàn người tập hợp thành các cánh quân khởi nghĩa, kéo ra Đà Nẵng và tiến vào nội thị. Tuy nhiên, do địch tổ chức phản kích nên lực lượng khởi nghĩa không vào được nội thị, sau đó được tổ chức bố trí làm hậu cần, chuyển thương binh phục vụ cho bộ đội rút về căn cứ. Tại Thăng Bình, liên tiếp trong bốn ngày từ 30 - 1 đến ngày 2 - 2 - 1968, trên 10.000 lượt người ở các vùng nông thôn kéo vào quận lỵ bao vây, đuổi bắt ngụy tề và diệt dân vệ ác ôn. Những ngày tiếp theo, đội quân khởi nghĩa tiếp tục kéo về quận lỵ; một cánh quân khác từ 3 xã Bình Nam, Bình Hải, Bình Sa kéo vào chi viện cho Tam Kỳ, nhưng đến Quán Gò thì bị bọn Quốc dân đảng đàn áp.

Tại Tiên Phước, Quế Sơn..., Nhân dân cũng đồng loạt nổi dậy, kéo vào quận lỵ, cứ điểm của địch và phá được một số ấp chiến lược. Nhưng nhìn chung, do tương quan lực lượng quá chênh lệch, mục tiêu của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đã không đạt được đầy đủ. Dựa vào quân đông, hỏa lực mạnh, địch đã điên cuồng phản kích, gây cho chúng ta nhiều thiệt hại.

Trong khi đó tại Tam Kỳ, nhận được lệnh hoãn tiến công, tất cả các đơn vị bộ đội chiếm lĩnh trận địa buộc phải bí mật rút lui. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy chậm lại một ngày; khi các chiến trường khác nổ súng, cán bộ binh vận của ta gọi loa uy hiếp địch, nên chúng ráo riết đề phòng, chặn các ngã đường làm cho ta rất khó tiếp cận. 4 giờ 30 phút ngày 30 - 1 - 1968 (tức đêm mùng 1 rạng sáng mùng 2 tết Mậu Thân), bộ đội ta



Văn công quân Giải phóng Quảng Nam đi sát chiến trường phục vụ bộ đội (9-2-1968)

nổ súng tấn công vào các mục tiêu trong thị xã, cuộc chiến đấu diễn ra vô cùng ác liệt, Nhân dân đồng loạt nổi dậy, nhưng do không còn yếu tố bất ngờ, các mũi tiến công đều không vào được thị xã, kế hoạch khởi nghĩa giành chính quyền vì thế không thực hiện được.

Ở phía tây Duy Xuyên, đêm 30 rạng ngày 31 - 1 - 1968, đồng bào cùng bộ đội Sư đoàn bộ binh 2 tấn công vào quận lỵ, giải phóng thị trấn Nam Phước và thôn 6 xã Xuyên Trà, làm chủ đoạn đường quốc lộ I từ cầu Câu Lâu đến cầu Bà Rén. Tại Chu Lai, các lực lượng vũ trang ta bắn phá sân bay, tập kích

cứ điểm quân Mỹ ở Hồ Giang, trảng Bà Mù, căn cứ Ô Vuông, đánh sập cầu An Tân, bao vây quận lỵ Lý Tín.

Mặc dù chưa đạt được đầy đủ các mục tiêu đề ra, nhưng qua 10 ngày Tổng tiến công và nổi dậy, quân và dân Quảng Nam, Quảng Đà đã loại ra khỏi vòng chiến đấu 6.181 tên địch, trong đó có 2.590 tên Mỹ và Nam Triều Tiên, phá hủy 222 máy bay và nhiều vũ khí trang bị, phương tiện chiến tranh, bắt rút 6 cứ điểm, giải phóng hơn 5.000 dân¹.

Trong đợt 2 của cuộc tổng tiến công và nổi dậy (5 - 5 đến ngày 15 - 6), nhờ có sự chuẩn bị và với quyết tâm cao, ta bao vây tiến công chi khu quận lỵ Thượng Đức, đánh vào nội ô và vùng ven Hội An, đưa hơn 1.000 đồng bào trở về vùng giải phóng; tập kích cụm cứ điểm Bà Bầu, bắn phá sân bay Chu Lai, đột nhập thị xã Tam Kỳ, giải phóng Khâm Đức...

Tiếp theo trong đợt 3, liên tục từ ngày 17 - 8 đến đầu tháng 9 - 1968, các lực lượng vũ trang ta bao vây, đánh thiệt hại nặng căn cứ Thượng Đức (Đại Lộc), pháo kích tỉnh đường Quảng Nam tại Hội An, trụ bóm đánh địch càn quét ở tây Duy Xuyên, Gò Nổi (Điện Bàn), diệt địch tại Hà Kiêu, Tư Thiết (Thăng Bình), đánh điểm Gò Vần, phá áp chiến lược Kỳ Mỹ - Kỳ Bình (Tam Kỳ)..., loại ra khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên, phá huỷ một khối lượng lớn quân trang, quân dụng và phương tiện chiến tranh của chúng.

Mặc dù vẫn còn một số hạn chế, chủ quan trong việc đánh giá tình hình, đề ra những yêu cầu chưa sát với thực tế, khi địch phản công ra nông thôn đồng bằng và miền núi, ta đánh trả hạn chế nên địch càn quét bình định nông thôn và đô thị rất quyết

1. *Lịch sử Lực lượng vũ trang Nhân dân tỉnh Quảng Nam, tập 2 (1954 - 1975)*, Nxb. QĐND, Hà Nội 2003, trang 217.

liệt, phong trào nông thôn và đô thị gặp nhiều khó khăn. Nhưng nhìn chung, trong 3 đợt tổng tiến công và nổi dậy năm 1968, ta đã tiêu diệt được một bộ phận quan trọng sinh lực địch, giành được những thắng lợi có ý nghĩa lịch sử, góp phần đánh bại cố gắng quân sự cao nhất của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam. Thắng lợi đó chứng tỏ sức mạnh tổng hợp của chiến tranh Nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Bằng lối đánh táo bạo, bất ngờ, quân và dân Quảng Nam, Quảng Đà đã tiến công vào tận hang ổ của Mỹ - nguy ở các đô thị Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ và hầu hết các thị trấn trong toàn tỉnh, giáng một đòn nặng nề vào chiến lược “*chiến tranh cục bộ*” của đế quốc Mỹ, góp phần làm lung lay ý chí xâm lược của chúng, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh và chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán với ta ở Paris.

II. VẬN ĐỘNG NHÂN DÂN ĐẤU TRANH CHỐNG “BÌNH ĐỊNH” GIÀNH DÂN, GÓP PHẦN LÀM PHÁ SẴN CHIẾN LƯỢC “VIỆT NAM HOÁ CHIẾN TRANH” CỦA ĐỊCH (1969 - 1972)

1. Vận động Nhân dân kiên cường trụ bám, chống bình định giành dân, củng cố và xây dựng thực lực cách mạng (1969 - 1970)

Sau thất bại của chiến lược “*Chiến tranh cục bộ*”, đế quốc Mỹ quay sang thực hiện chiến lược “*Việt Nam hóa chiến tranh*”. Thực chất của chiến lược này là việc tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược bằng cách củng cố và tăng cường nguy quân, nguy quyền “*dùng người Việt đánh người Việt*”, vừa xuống thang chiến tranh rút dần quân Mỹ về nước, vừa tập trung lực lượng đề “*bình định nông thôn*”, đánh bật lực lượng chủ lực của ta ra khỏi nông thôn, xây dựng cơ sở hạ tầng cho bọn tay sai vơ vét sức người, sức của phục vụ chiến tranh.

Quảng Nam, Quảng Đà là một trong những địa bàn trọng điểm của kế hoạch “*bình định nông thôn*” của Mỹ - ngụy. Từ đầu năm 1969, chúng huy động hầu hết các lực lượng quân Mỹ - ngụy và Nam Triều Tiên, liên tục mở các cuộc càn quét, bình định khắp các vùng nông thôn đồng bằng của tỉnh, nhất là vùng trọng yếu xung quanh các đô thị Đà Nẵng, Tam Kỳ, Hội An, Chu Lai, Điện Bàn...Chỉ tính riêng năm 1969, ở Quảng Nam, Quảng Đà, Mỹ - ngụy gây ra hơn 90 vụ thảm sát, giết chết hàng ngàn người, bắn chết 6.000 con trâu bò, đốt phá 12.400 nóc nhà, phá hư hỏng 21 công trình thủy lợi, cây ửi 13.700 ha ruộng lúa và vườn cây ăn quả, cướp đi nhiều tài sản của nhân dân. Điển hình là các vụ tàn sát cùng một lúc hàng trăm đồng bào vùng Tý, Sé (Quế Sơn), Lộc Hòa, Lộc Phước (Đại Lộc), Bình Dương, Bình Phú (Thăng Bình). Man rợ nhất là vào ngày 12 - 11 - 1969, chúng bao vây chợ Bầu Bính, xã Bình Dương (Thăng Bình) rồi xả súng bắn vào chợ, giết hại 210 người, trong đó phần lớn là phụ nữ và trẻ em. Sau đó chúng lừa 75 người khác ra một trảng cát gần đó rồi xả súng bắn. Ở Cẩm Dương (Hội An), chúng treo một cụ già lên cây khế làm mục tiêu để tập bắn, đốt cháy một cụ bà rồi cho chạy làm mục tiêu di động ngắm bắn. Ở Xuyên Phước (Duy Xuyên), chúng bắt một lúc 50 người, phần lớn là phụ nữ lột hết quần áo, hãm hiếp rồi dùng báng súng đập nát sọ từng người.

Đi đôi với các hoạt động càn quét, hủy diệt làng xóm, địch đẩy mạnh chiến tranh tâm lý. Chúng sử dụng những phần tử phản bội đầu hàng để đánh phá cơ sở, dùng thủ đoạn “*bôi đen*” quần chúng để gây nghi ngờ, chia rẽ các tầng lớp Nhân dân. Ngoài ra, chúng còn dùng các thủ đoạn kinh tế để mua chuộc, lừa bịp Nhân dân như thực hiện chương trình “*người cày có*

ruộng”, cứu trợ bão lụt, cung cấp phân bón, thuốc trừ sâu, các máy móc nông nghiệp nhỏ, cấp tiền cho dân làm nhà... Ở miền núi, chúng dùng máy bay thả một số hàng hóa tiêu dùng xuống để dụ dỗ đồng bào các dân tộc thiểu số...

Mặc dù bị địch kìm kẹp, đời sống gặp rất nhiều khó khăn, song vẫn có trên 3.000 đồng bào trong tỉnh tham gia cùng với bộ đội vận chuyển hàng trăm tấn vũ khí, đạn dược từ tuyến đường chiến lược Trường Sơn về các vùng giáp ranh. Từ đó, hàng ngàn đồng bào các huyện, thị lại vượt qua bom đạn và sự kiểm soát của địch, tiếp tục vận chuyển lương thực, vũ khí đến các đô thị và vùng ven, kịp thời cung cấp cho bộ đội đánh địch.

Đầu năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư chúc tết đồng bào, cán bộ, chiến sĩ cả nước. Người chỉ ra phương hướng chiến lược để giành thắng lợi trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Nhân dân ta là: “...*Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào*”, và khẳng định: “*Chắc chắn giặc Mỹ sẽ hoàn toàn thất bại, quân và dân ta trong cả nước thừa thắng xông lên, nhất định sẽ giành thắng lợi hoàn toàn*”. Nghe theo lời Bác, Nhân dân Quảng Nam, Quảng Đà quyết vượt qua bom đạn, đập bằng mọi khó khăn gian khổ, tích cực chuẩn bị mọi mặt cho đợt tiến công Xuân Kỷ Dậu.

Đêm 22 rạng ngày 23 - 2 - 1969, chiến dịch Xuân Kỷ Dậu bắt đầu nổ ra ở chiến trường Quảng Nam, Quảng Đà. Sau hơn 1 tháng chiến đấu, ta đã tiêu diệt và làm bị thương hàng ngàn tên địch, phá hủy 346 máy bay, 147 xe quân sự, 64 khẩu pháo, đốt cháy gần 10 vạn tấn xăng dầu, góp phần duy trì thế tiến công của ta trên chiến trường. Trong đợt tiến công này, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh theo lời kêu gọi của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam đã tham gia rất tích cực trong việc



Ông NGUYỄN THÀNH
*Chủ tịch Mặt trận Dân tộc giải
phóng miền Nam Việt Nam
tỉnh Quảng Nam (3/1969 - đầu
1970), (3/1975 - 10/1975)*

vận chuyển vũ khí, cung cấp lương thực, thực phẩm phục vụ chiến trường.

Tuy nhiên, sau đợt tấn công và nổi dậy tết Mậu Thân 1968, tết Kỷ Dậu 1969, lực lượng ta bị tiêu hao lớn, quân số và trang bị chưa kịp bổ sung. Quân địch tuy bị thiệt hại nặng nhưng tiềm lực chiến tranh còn rất lớn. Mỹ chưa rút quân, quân nguy lại được tăng cường hơn so với năm 1968, chúng vừa tăng cường phòng thủ đô thị, vừa ra sức chốt giữ các trục giao thông chiến lược quan trọng, phản công quyết liệt ở vùng nông thôn đồng bằng và miền

núi. Nhiều vùng đồng bằng, nhất là những vùng xung quanh các căn cứ và đô thị trở nên trắng dân, trắng đất, làm cho thế trận chiến tranh nhân dân trở nên hết sức khó khăn. Tư tưởng của quần chúng, nhất là ở những vùng ác liệt bắt đầu có diễn biến phức tạp.

Cùng thời gian này, lãnh đạo Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam có sự thay đổi. Ông Nguyễn Thành - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách Dân vận - Mặt trận - Đấu tranh chính trị - Binh vận, trực tiếp làm Chủ tịch Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh từ tháng 3 - 1969 đến đầu năm 1970. Sau đó, ông

Nguyễn Thành được Ban Thường vụ Khu ủy 5 và Ban Thường vụ Tỉnh ủy đưa ra miền Bắc để chữa bệnh, đến cuối năm 1971, ông Nguyễn Thành trở lại chiến trường miền Nam. Trong thời gian đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công ông Võ Thiếp - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy đảm nhận công việc thay cho ông Nguyễn Thành. Ông Ngô Thanh Dũng và bà Hồ Thị Kim Thanh (mật danh Thu Hà) - Chủ tịch Hội Phụ nữ giải phóng tỉnh từ đầu năm 1970 được cơ cấu làm Phó Chủ tịch, ông Trần Hải làm Ủy viên Thư ký Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh.

Phối hợp với cuộc tiến công quân sự, Nhân dân Quảng Nam, Quảng Đà đã phá banh hàng chục trại tập trung và khu đồn, đưa 5.000 dân trở về làng cũ làm ăn. Phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ của Nhân dân ở các thị trấn, thị xã diễn ra sôi nổi, làm rối loạn hậu phương của địch, buộc phải bị động đối phó khắp nơi. Nổi bật là nhân Đại lễ Phật đản (1969), hàng ngàn đồng bào Phật tử Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ..., xuống đường đấu tranh chống Mỹ - Thiệu đàn áp Phật giáo, đòi Mỹ phải rút hết về nước, văn hồi hòa bình ở Việt Nam.

Tuy nhiên, từ giữa tháng 8 - 1969, Mỹ - ngụy tăng quân, đánh sâu vào các vùng căn cứ của ta. Đến cuối năm 1969, chúng lập trên 200 khu dồn dân, áp chiến lược cùng một hệ thống dày đặc các chốt điểm để phòng thủ và kìm kẹp Nhân dân. Riêng Đặc khu Quảng Đà có 355 chốt điểm. Trên cơ sở đó, địch đẩy mạnh và mở rộng chương trình “*bình định*” nông thôn, phong trào cách mạng trong tỉnh đứng trước những thử thách nghiêm trọng, đây là thời kỳ ta bị mất đất, mất dân nhiều nhất kể từ khi Mỹ vào miền Nam. Vùng B Đại Lộc từ 9.000 dân, đến cuối năm 1969 chỉ còn 2.000 dân. Xã Điện Hồng (Điện Bàn), một xã kiên cường trụ bám qua mấy năm địch đánh phá ác liệt,

đến thời điểm này cũng bị địch xúc tát 1.200 dân vào khu tập trung; 5 xã vùng cát và 6 xã vùng Gò Nổi (Điện Bàn), không còn bóng dáng một người dân hợp pháp. Đặc biệt là các hành động tàn sát dân thường dã man của bọn lính Nam Triều Tiên đã làm cho dân số bị sụt giảm đáng kể. Vùng giải phóng Quảng Đà đầu năm 1969 là 102.500 người thì đến cuối năm chỉ còn khoảng 40.000 người. Một bộ phận Nhân dân vùng giải phóng chưa bị xúc tát cũng phải lánh vào các đô thị hoặc vùng xa để tránh bom đạn. Vùng ven đô thị hầu như trắng đất, trắng dân. Xã nào còn duy trì được phong trào cũng chỉ còn một ít quần chúng trung kiên, một tổ hoặc một vài du kích mật. Toàn tỉnh có 441 thôn thì có đến 353 thôn bị địch cày ủi, đất đai đầy bom đạn; hai phần ba ruộng đất canh tác ở đồng bằng bị bỏ hoang. Trong khi đó, tại các khu căn cứ và vùng ta kiểm soát, đời sống của Nhân dân hết sức gian khổ, thiếu thốn.

Giữa lúc cuộc kháng chiến đang ở thời kỳ ác liệt, thì đầu tháng 9 - 1969, Nhân dân Quảng Nam, Quảng Đà được tin Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần. Đây là một tổn thất vô cùng to lớn của Đảng ta, dân tộc ta. Trên khắp các địa bàn của tỉnh, từ vùng giải phóng đến vùng địch kiểm soát, không ai bảo ai, mỗi người đều tự tìm cách để tang Bác một cách thích hợp. Nhiều gia đình ở vùng địch kiểm soát không sợ hiểm nguy, lập bàn thờ để tưởng niệm Bác, đón nghe các buổi phát thanh về Bác trên Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Giải Phóng.

Biến đau thương thành hành động cách mạng, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Quảng Nam và Đặc Khu ủy Quảng Đà, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và các đoàn thể giải phóng mở đợt sinh hoạt chính trị “*Học tập và làm theo Di chúc của Bác*” nhằm xây dựng quyết tâm, khắc phục

khó khăn, đập bằng mọi trở lực chông gai để đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn. Đợt sinh hoạt cũng nhằm khắc phục kịp thời tư tưởng bi quan, dao động, ngại khó khăn, gian khổ, ngại bám trụ chiến trường; đồng thời phân tích để cán bộ, đảng viên và Nhân dân nhận thức được tình hình mới, thấy rõ âm mưu và thủ đoạn thâm độc của đế quốc Mỹ trong chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ VIII diễn ra từ ngày 16 đến ngày 30 - 11 - 1969, đã xác định nhiệm vụ: “*Động viên nỗ lực cao nhất của toàn Đảng bộ, toàn quân và toàn dân trong tỉnh ra sức chống “bình định” của Mỹ - ngụy, giữ dân và ra sức diệt kẻ giành dân, mở rộng và xây dựng vùng giải phóng*”.

Địch thực hiện “4 tách” (tách dân khỏi đất, tách du kích khỏi dân, tách thành thị khỏi nông thôn, tách cấp trên với cấp dưới), ta chủ trương xây dựng lực lượng “*nhiều tầng, nhiều tuyến, ngăn cách, bí mật, chủ động*” để đối phó với địch; xây dựng cơ sở bằng móc nối “9 ruột” gồm cha, mẹ, vợ, con, anh, chị, em, chú, bác ruột của mình bị địch xúc vào các khu dồn về lại vùng giải phóng, vùng tranh chấp để trụ bám làm ăn, tham gia cách mạng. Đối với khu vực thành phố, thị xã, thị trấn, Tỉnh ủy Quảng Nam xác định hướng trọng tâm vào việc tăng cường cán bộ cho các địa phương, tìm mọi cách móc nối lại với các cơ sở cũ, đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị và binh vận trong đô thị, từng bước đưa chiến tranh du kích vào tận hậu phương và sào huyệt của địch.

Có thể nói, trong những tháng cuối năm 1969, cuộc đấu tranh giành dân, giữ dân giữa ta và địch diễn ra hết sức quyết liệt. Bởi lẽ, Nhân dân là điều kiện sống còn của cán bộ và phong

trào cách mạng. “*Dân là vàng, mỗi người dân là một viên ngọc, có dân, có tất cả; mất dân, mất tất cả*” là phương châm thuộc lòng của tất cả cán bộ, chiến sĩ. Vì thế, các cán bộ hoạt động bí mật, du kích đã sống hàng tháng dưới hầm bí mật, vùi mình trong cát, ngậm mình dưới nước nhiều ngày liền để bám sát địa bàn, vận động từng người dân, tổ chức đưa từng gia đình về lại làng cũ.

Thực hiện phương châm đánh địch bằng 3 mũi giáp công trên cả 3 vùng chiến lược, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và các đoàn thể giải phóng ở Quảng Nam và Quảng Đà đẩy mạnh vận động quần chúng đấu tranh chính trị ở cả nông thôn và thành thị, góp phần cùng với đấu tranh quân sự làm thất bại âm mưu “*Việt Nam hóa chiến tranh*” của Mỹ - ngụy. Trong các đô thị, phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ diễn ra khá sôi nổi, làm cho ngụy quyền thêm lúng túng, bị động. Học sinh, sinh viên các trường học bãi khóa, chống lệnh tổng động viên, quân sự hóa học đường. Ngày 1 - 5 - 1969, nghiệp đoàn công nhân khuân vác và vận tải Đà Nẵng tổ chức cuộc đình công lớn, huy động gần 1.000 công nhân lao động tham gia đấu tranh đòi tăng lương, trợ cấp thất nghiệp, không chờ các phương tiện chiến tranh. Công nhân làm việc trong các công sở Mỹ đấu tranh đòi hưởng lương tháng thứ 13 trong năm. Ngư dân Sông Đà đấu tranh đòi mở rộng khu vực đánh cá và đi biển sớm hơn giờ quy định.

Nhân dịp lễ Phật đản năm 1969, hàng ngàn đạo hữu và Phật tử ở Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ xuống đường đấu tranh chống Mỹ - Thiệu đàn áp Phật giáo, đòi Mỹ phải rút về nước, văn hòa hòa bình cho Việt Nam. Sang năm 1970, phong trào đấu tranh của Phật tử nổ ra rất rầm rộ, giương cao các khẩu hiệu

dân sinh, dân chủ, dân tộc và hòa bình, chống chiến tranh xâm lược và ủng hộ giải pháp toàn bộ 10 điểm của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tại Hội nghị Paris. Ngày 8 - 5 - 1970, hơn 1.000 đồng bào theo đạo Phật ở Đà Nẵng, tập trung tại chùa Tỉnh Hội, lên án chính quyền Mỹ - Thiệu đồng lõa với bọn phản động Lonnon giết hại kiều bào ta ở Campuchia. Ngày 15 - 5, hơn 35.000 công nhân theo đạo Phật xuống đường biểu tình phản đối chính sách hà khắc và tàn bạo của chính quyền Thiệu - Kỳ đối với đồng bào miền Nam nói chung. Thanh niên, học sinh đi vào các xóm lao động phân phát những tờ báo tiến bộ, tổ chức những đêm văn nghệ lành mạnh, chống văn hóa đồi trụy, lên án lối sống thực dụng, vô cảm với đồng loại. Nhiều thương phế binh và gia đình lính ngụy đấu tranh đòi giải quyết nhà ở, cải thiện đời sống làm rối loạn hậu phương của địch.

Cùng với việc chỉ đạo củng cố lực lượng vũ trang, Tỉnh ủy Quảng Nam luôn chủ trương ra sức xây dựng lực lượng chính trị, cử những cấp ủy viên có uy tín trực tiếp lãnh đạo các đoàn thể. Nhờ đó, trong năm 1970, các phong trào “bốn bám”, “ba sẵn sàng”, “bốn đảm đang”, “năm xung phong” phát triển mạnh mẽ, thu hút hàng ngàn nông dân, thanh niên, phụ nữ tham gia.

Hưởng ứng lời kêu gọi của Liên hiệp Công đoàn giải phóng miền Nam Việt Nam (11 - 11 - 1969): “*Toàn thể anh em công nhân lao động ở các thành thị, thị xã, thị trấn, các đồn điền hãy tăng cường đoàn kết thành một khối chặt chẽ, đề cao tinh thần cảnh giác với mọi âm mưu xảo quyệt của địch, đẩy mạnh đấu tranh đòi quyền Thiệu - Kỳ - Khiêm phải hủy bỏ biện pháp tăng thuế, kiên quyết đòi các quyền lợi cấp bách về đời sống như: tăng lương, tăng phụ cấp, chống sa thải, đòi hạ giá cả sinh hoạt..., từng bước đẩy lùi chính sách vơ vét, bóc*

lột sức người, sức của của Mỹ - nguy, tiến lên kiên quyết đánh đổ chúng”. Lời kêu gọi cũng chỉ rõ: *“Hãy phối hợp chặt chẽ với phong trào của các tầng lớp Nhân dân khác ở thành thị, làm nòng cốt và đi đầu trong mặt trận đấu tranh chung đòi các quyền lợi dân sinh, dân chủ kết hợp đòi chấm dứt chiến tranh, văn hồi hòa bình, đòi quân Mỹ rút hết về nước, đòi lật đổ Thiệu - Kỳ - Khiêm, đòi lập Chính phủ liên hiệp lâm thời”*¹. Giai cấp công nhân miền Nam liên tục vùng lên đấu tranh quyết liệt đòi quyền sống của mình, để trực tiếp chống lại âm mưu thâm độc của Mỹ - nguy hòng mua chuộc, áp bức và bản cùng hóa công nhân và đặc biệt để chống lại tổ chức Tổng Liên đoàn lao công của chúng. Phần lớn các cuộc đấu tranh của công nhân đã liên kết chặt chẽ được nhiều ngành, nhiều địa phương và phối hợp với phong trào của các tầng lớp Nhân dân khác, hình thành nên một mặt trận liên hiệp đấu tranh chung ở thành thị với các khẩu hiệu đòi dân sinh, dân chủ, hòa bình, đòi độc lập dân tộc. Đỉnh cao của cuộc đấu tranh này là cuộc tổng bãi công ngày 7 - 1 - 1970 của hơn 7 vạn công nhân thuộc 118 nghiệp đoàn ở Sài Gòn. Ủng hộ cuộc tổng bãi công này, hàng vạn công nhân ở các thành phố, thị xã như: Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ và khắp cả miền Nam đã liên tục tổ chức mít tinh, biểu tình, hội họp, kịch liệt phản đối chế độ Mỹ - Thiệu và ủng hộ cuộc đấu tranh của công nhân Sài Gòn.

Ở các vùng nông thôn đồng bằng, trong năm 1970, quần chúng nổi dậy phá banh 25 khu đồn, đưa hơn 1.000 dân trở về quê cũ. Một số đồn bót của địch trên các điểm cao và dọc các trục giao thông bị bao vây, cô lập phải dỡ bỏ. Trong Xuân Hè 1970, tại khu II Hòa Vang, vùng đông Duy Xuyên, Thăng Bình,

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam, tập II (1954 - 1975)*, trang 629.



Ông VŨ THIẾP
*Chủ tịch Mặt trận Dân tộc giải
phóng miền Nam Việt Nam
tỉnh Quảng Nam
(đầu năm 1970 - 4 - 1972)*

động Nhân dân đấu tranh đòi quyền sống, đòi hòa bình, chấm dứt chiến tranh. Tại Tam Kỳ, tháng 7 - 1970, dưới sự hướng dẫn, chỉ đạo của đại diện Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng Trung Trung Bộ, những hội viên còn lại của Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng tỉnh Quảng Tín đã phát hành tập san “*Vỡ mặt nhìn nhau*”, bí mật phổ biến đến hầu hết các trường học trong tỉnh. Địch phát hiện và cho mật vụ tìm bắt Nguyễn Minh Thọ¹ - người đứng đầu tập san, nhưng ông đã nhanh chóng trốn thoát vào Sài Gòn.

Gò Nổi (Điện Bàn)..., diễn ra nhiều cuộc đấu tranh chính trị kết hợp với binh vận làm thất bại âm mưu càn quét “*bình định*” của địch. Ở Kỳ Khương (Nam Tam Kỳ), mẹ Trà Thị Tép cùng chị em phụ nữ nằm ngăn 25 xe tăng địch cày ủi hoa màu, bảo vệ 5 hầm bí mật đang giấu bộ đội chưa kịp rút về căn cứ.

Từ 11 - 3 đến 17 - 5 - 1970, phong trào học sinh, sinh viên chống chiến lược “*Việt Nam hóa chiến tranh*” của Mỹ diễn ra sôi nổi tại các đô thị miền Nam. Các đội xung kích của thanh niên, học sinh tỏa về các xóm lao động, các chợ, xí nghiệp vận

1. Hiện là GS.TS. Hóa học, Đại học Leuven (Bi), Viện sĩ Viện hàn lâm khoa học New York (Mỹ).

Tháng 12 - 1970, Trần Đình Hộ tiếp tục phát hành tập san “*Nổi vòng tay lớn*”, thay cho tập san “*Vỡ mặt nhìn nhau*”, nhằm tuyên truyền và khơi dậy tinh thần yêu nước trong học sinh, sinh viên Quảng Nam. Đặc biệt, nhờ sự hoạt động tích cực của các hội viên Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng Trung Trung Bộ, trong thời gian này trên địa bàn tỉnh đã thành lập được Ban chấp hành lâm thời Liên đoàn học sinh Quảng Tín, do ông Nguyễn Văn Long làm Chủ tịch, ông Trần Đình Hộ làm Tổng thư ký.

Với những bước phát triển mới, phong trào đô thị đã trở thành mũi nhọn tấn công vào dinh lũy của địch, làm mất ổn định ngay tại các sào huyệt của chúng; góp phần tạo thế và lực, cùng với phong trào đấu tranh ở nông thôn đồng bằng đã làm nổi lòng ách kìm kẹp của địch, làm tan rã một bộ phận phòng vệ dân sự, kịp thời ngăn chặn và làm phá sản nhiều âm mưu, thủ đoạn bình định của Mỹ - ngụy.

2. Đoàn kết toàn dân, khôi phục thế và lực, góp phần thực hiện thắng lợi cuộc tiến công chiến lược 1972

Bước sang năm 1971, ưu thế tạm thời của Mỹ - ngụy về so sánh lực lượng không còn nữa. Một mặt, sau những đợt rút quân nhỏ giọt, đến cuối năm 1970, những đơn vị lớn của Mỹ bắt đầu rời khỏi chiến trường. Tổng số quân của địch ở đồng bằng Khu 5 giảm 37.800 tên (từ 389.800 tên còn 352.000 tên)¹. Quân số giảm, phương tiện chiến tranh, hậu cần cũng giảm theo làm cho lòng tin của quân ngụy vào quan thầy Mỹ bắt đầu rạn nứt. Cạnh đó, Mỹ - ngụy còn mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương, làm cho lực lượng của chúng càng thêm suy yếu.

1. Bộ Tư lệnh Quân khu 5, Khu V: *30 năm chiến tranh giải phóng*, tập 3, 1989, trang 41.

Quân địch sau khi thất bại nặng nề ở Đường 9 - Nam Lào (12 - 2 đến 23 - 3 - 1971) đã tháo chạy tán loạn về Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ, đào ngũ hàng loạt, gieo tâm lý hoang mang trong các lực lượng nguy quân, nguy quyền.

Trên địa bàn Quảng Nam, Quảng Đà, bằng nhiều thủ đoạn thâm độc, xảo quyệt, địch liên tiếp mở những cuộc hành quân càn quét lên vùng giáp ranh, củng cố các trục giao thông quan trọng, tăng cường phục kích các tuyến hành lang của ta, bao vây kinh tế, ngăn chặn ta tấn công vào các khu vực đô thị. Về phía ta, tuy công tác vận động thanh niên thoát ly tham gia cách mạng còn một số khó khăn, nhưng đến đầu năm 1971, lực lượng bộ đội, du kích cũng đã được bổ sung quân số, trong đó có hàng trăm du kích hoạt động bí mật trong lòng địch, còn lại là du kích xã, thôn; các xưởng quân giới của ta cũng đã có nhiều cố gắng trong việc sản xuất, cải tiến các loại vũ khí để cung cấp cho các đơn vị, đáp ứng yêu cầu tại chỗ. Trong 3 tháng đầu của năm 1971, với quyết tâm cao độ nhằm khôi phục lại thể và lực trên chiến trường, các lực lượng vũ trang Quảng Nam, Quảng Đà đã vận dụng nhiều hình thức tác chiến linh hoạt, sáng tạo, trụ bám vững chắc địa bàn, quần lộn chiến đấu liên tục, đánh hàng trăm trận lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên địch, phá hủy nhiều quân trang, quân dụng của địch, góp phần quan trọng làm đảo lộn tương quan so sánh lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường, tạo đà cho phong trào du kích chiến tranh phát triển đều khắp ở các vùng.

Đặc điểm của thế trận chiến tranh trong giai đoạn này là đã hình thành khá rõ nét 3 vùng, đó là vùng địch kiểm soát, vùng tranh chấp và vùng giải phóng của ta. Vùng địch kiểm soát bao gồm các thành phố, thị xã, thị trấn do địch kiểm soát

từ trước và thêm nhiều vùng bị địch chiếm lại trong giai đoạn đầu của ‘Việt Nam hóa chiến tranh’. Lực lượng vũ trang và hệ thống kìm kẹp của địch trên khu vực này có số lượng đông và mạnh. Đây là nơi địch vơ vét nhân, vật lực phục vụ cho chiến tranh, nhất là khu vực nội ô Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ có vị trí quan trọng, nơi có lực lượng cơ động và các cơ quan đầu não của địch chiếm đóng để từ đó tung quân ra đánh phá phong trào cách mạng của ta ở nông thôn. Ở đây ta hoạt động ban đêm dưới các hình thức hợp pháp và bất hợp pháp, bố trí cán bộ hợp pháp từ ngoài vào móc nối với các cơ sở bên trong hoặc đưa ra vùng giải phóng bồi dưỡng chính trị, phổ biến chủ trương rồi đưa họ về nơi cũ hoạt động hợp pháp. Trong vùng địch kiểm soát, chúng đẩy mạnh các hoạt động bắt lính, đôn quân, tăng cường quân nguy và các hoạt động do thám, gián điệp, chuẩn bị thực hiện kế hoạch hậu chiến lâu dài sau khi quân Mỹ rút về nước. Thủ đoạn chiến tranh gián điệp và kế hoạch hậu chiến của địch ở giai đoạn này rất thâm độc. Thông qua bọn cảnh sát và mật vụ, chúng lập hồ sơ phân loại các đối tượng chính trị có quan hệ với cách mạng, với người đi tập kết hoặc thoát ly hoạt động để sẵn sàng đối phó khi tình hình xảy ra. Mặt khác, chúng tìm mọi cách khống chế, mua chuộc, phát triển tràn lan mạng lưới điệp báo, cảnh sát mật trong Nhân dân, nhằm mục đích gây cho ta khó khăn trong xây dựng cơ sở và nắm dân. Ngoài các thủ đoạn trên chúng còn phát triển rộng rãi các tổ chức chính trị - xã hội, các tôn giáo và đảng phái phản động để bao vây, khống chế quần chúng trong vòng vây chính trị, để làm chỗ dựa chống lại ta.

Vùng tranh chấp bao gồm nhiều khu vực nông thôn đồng bằng và trung du nằm xen kẽ giữa vùng ta với vùng địch. Đây là một vùng mới mở ra sau kế hoạch bình định lần chiếm của địch

trong chiến lược “*Việt Nam hóa chiến tranh*”. Thế trận giữa ta với địch trong vùng này giằng co quyết liệt. Nhiều nơi địch làm chủ ban ngày, ta làm chủ ban đêm; có nơi địch làm chủ buổi sáng, ta làm chủ buổi chiều và tối. Thực lực của ta ở vùng này có cơ sở, du kích mật, căn cứ lõm và chính quyền 2 mặt. Nhân dân trong vùng tranh chấp thường xuyên đấu tranh với địch giữ thế hợp pháp, ổn định sản xuất, tìm mọi cách mở rộng giao lưu hàng hóa bình thường giữa vùng ta với vùng địch. Ta mở nhiều trạm thu mua lương thực bí mật trong dân để lấy lương thực từ vùng địch chuyển về cung cấp cho hậu cứ. Khi có chiến sự ác liệt nhân dân tạm thời lánh vào vùng địch kiểm soát, hết chiến sự thì nhân dân lại quay về làm ăn bình thường, tham gia cách mạng. Hoạt động của ta ở khu vực này thực hiện cả 2 hình thức hợp pháp và bất hợp pháp. Du kích và các đội công tác trụ bám trong dân, phát động quần chúng xây dựng cơ sở, diệt ác ôn, hỗ trợ cho quần chúng nổi dậy phá ấp chiến lược và đưa dân về nơi cũ làm ăn. Phối hợp với lực lượng bên ngoài, còn có lực lượng hợp pháp bên trong, cơ sở đấu tranh chính trị, binh vận, du kích mật diệt ác ôn, xây dựng hầm bí mật để đưa các đơn vị cách mạng vào trong trụ bám diệt địch.

Vùng giải phóng của ta bao gồm phần lớn địa bàn thuộc các huyện miền núi. Ưu thế tuyệt đối của vùng này là có địa thế núi rừng hiểm trở. Ta sử dụng khu vực miền núi làm hậu cứ đứng chân của các cơ quan, các đơn vị vũ trang và đội công tác của tỉnh, huyện, thành phố và thị xã. Những hoạt động của địch đối với các khu vực này chủ yếu là hoạt động phi pháo, biệt kích, gián điệp, uy hiếp hành làng và nơi đóng quân của các đơn vị. Từ khi Mỹ - ngụy tiến hành chiến lược “*Việt Nam hóa chiến tranh*”, ta chủ trương củng cố hậu cứ này thành một vùng an toàn của các lực lượng cách mạng. Đồng thời dựa vào

đó, ta chặn địch đánh sâu vào vùng ta, xây dựng hành lang, bàn đạp đưa các hoạt động của ta ra tấn công địch ở phía trước. Tại đây, trong 2 năm (1971 - 1972), ta đã phát động phong trào sản xuất tự túc lương thực, khôi phục sản xuất, san lấp một số cánh đồng bị xe tăng và bom đạn địch cày xới trước đây. Nhờ vậy, ta đã từng bước khắc phục được một phần khó khăn, giải quyết ổn định đời sống Nhân dân và các cơ quan, đơn vị. Ngoài ra, lãnh đạo Tỉnh ủy, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và các đoàn thể thường xuyên chăm lo công tác y tế, xây dựng trạm xá để điều trị bệnh và thương tật cho cán bộ, bộ đội và Nhân dân; duy trì phong trào học bổ túc văn hóa để bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ.

Bám sát thực tiễn chiến trường và tranh thủ thời cơ thuận lợi, Tỉnh ủy Quảng Nam và Đặc Khu ủy Quảng Đà chủ trương mở chiến dịch Xuân Hè 1971 để chủ động tiến công tiêu diệt địch, nói lỏng kìm, tạo thế cho Nhân dân nổi dậy diệt ác, phá kìm, khôi phục dần thế chủ động chiến trường. Đêm 1 - 2 - 1971, các lực lượng vũ trang 3 thứ quân của ta đồng loạt tiến công hơn 60 mục tiêu của địch, trong đó có gần 20 chốt điểm nhỏ kẹp dân ở xung quanh các khu đồn bị tiêu diệt. Biệt động Đà Nẵng tiến công tiêu diệt 2 chốt cảnh sát, 1 kho đạn, 1 câu lạc bộ sĩ quan, đốt cháy nhiều xe quân sự. Đêm 27 - 3 - 1971, lực lượng vũ trang Quân khu 5 tập kích tiêu diệt 1 tiểu đoàn quân Mỹ tại xã Đốc (Trà Đốc, Bắc Trà My hiện nay). Đêm 29 - 3 - 1971, bộ đội Mặt trận 4 phối hợp với bộ đội địa phương các huyện Đại Lộc, Duy Xuyên đánh vào chi khu quận lỵ Đức Đức và khu căn cứ An Hòa, giải phóng hàng vạn dân. Được chiến thắng Đức Đức- An Hòa cổ vũ, bộ đội địa phương huyện Duy Xuyên tiến công nhiều mục tiêu ở Châu Long, Gò Chùa, Phú

Đa, Đồng Tràm gây cho địch nhiều thiệt hại. Đồng bào ở các khu tập trung Cẩm Lý, Gò Dê (Điện Bàn), Kiềm Lâm (Duy Xuyên)..., tìm cách bung về làng cũ làm ăn. Đêm 26 - 4 - 1971, quân ta tấn công chi khu quận lỵ Đại Lộc, tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng hơn 500 dân. Kết thúc chiến dịch Xuân Hè 1971, quân và dân Quảng Đà phá banh 25 khu đồn, hơn 3.000 người được về lại vùng giải phóng, mở ra 35 thôn giành quyền làm chủ tại chỗ.

Ở Quảng Nam, đêm 25 - 5 - 1971, quân ta tập kích tiêu diệt chốt điểm cầu Chợ Đụn, phá rã khu đồn An Xuân và gò Đồng Mật (Quế Sơn), đưa hơn 100 gia đình quanh quận lỵ về vùng làm chủ. Cùng thời gian này, quân ta đánh địch ở các vùng trọng điểm tây bắc Tam Kỳ, tây Thăng Bình, giải phóng khu vực Quán Rường (Bắc Tam Kỳ), Minh Huy (Thăng Bình), mở hành lang bàn đạp để lấn xuống phía đông. Các cửa khẩu Phú Diên, Phú Thọ (Quế Sơn), Bình Định (Thăng Bình) lần lượt được mở lại. Tại Tiên Phước, được sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, quần chúng nổi dậy làm chủ khu đồn Tài Đa (Phước Tân)...

Phối hợp với đấu tranh vũ trang, phong trào đấu tranh chính trị và binh vận của Nhân dân Quảng Nam, Quảng Đà trong thời kỳ này cũng giành được nhiều thắng lợi có ý nghĩa. Từ tháng 3 - 1971, ngày nào cũng có hàng trăm người kéo đến trụ sở ngục quyền các cấp và bệnh viện Duy Tân (Đà Nẵng) đòi chồng con và phản đối việc đưa người thân của họ sang chết bỏ xác ở Nam Lào. Nhiều đoàn người kéo nhau ra tận Huế, Đông Hà tìm chồng con, gây ra cảnh rối loạn trong thành phố. Ngày 28 - 4, gần 1.000 người tập trung ở ngã ba Cai Lang (Đà Nẵng) tổ chức mít tinh phản đối chiến tranh, tố cáo tội ác của Mỹ - ngụy.

Ngày 1 - 5 - 1971, nhân ngày Quốc tế lao động, gần 1.000 đại diện công nhân kéo đến trụ sở nghiệp đoàn Đà Nẵng đấu tranh chống 7 biện pháp kinh tế của chính quyền Sài Gòn, đòi hủy bỏ sắc thuế hành nghề kinh doanh dịch vụ đánh vào công nhân lao động. Phong trào đấu tranh của công nhân đã thu hút nhiều lực lượng tham gia, kể cả giới trí thức, tư sản dân tộc, hình thành các tổ chức xung quanh Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam như *“Mặt trận nhân dân tranh thủ hòa bình”*, *“Phong trào phụ nữ đòi quyền sống”*, *“Ủy ban đấu tranh cải thiện chế độ lao tù”*. Phong trào phụ nữ đòi quyền sống mở các diễn đàn tập hợp lực lượng đấu tranh cho hòa bình và yêu cầu tổng thống Mỹ phải định rõ thời gian rút quân. Ủy ban đấu tranh cải thiện chế độ lao tù tố cáo chế độ hà khắc của các nhà lao ở Hội An, Đà Nẵng; cử các đoàn đến thăm hỏi tù nhân...

Đặc biệt, hưởng ứng nội dung bức thư của Pháp sư Thích Trí Độ, Hội trưởng Hội Phật giáo thống nhất Việt Nam và Hòa thượng Thích Đôn Hậu, nguyên Chánh đại diện Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất miền Vạn Hạnh, Phó Chủ tịch Ủy ban Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam, Ủy viên Hội đồng cố vấn Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam gửi các nhà tu hành và Phật tử Việt Nam, nhân dịp kỷ niệm lần thứ 2514 ngày Đức Phật thành đạo: *“Đức Thế Tôn ngày xưa muốn đem hòa bình an lạc cho nhân loại, nhưng Người cũng đã dạy hàng môn đệ rằng: Kẻ cướp và rắn độc còn trong nhà thì ta không thể ngủ ngon được. Tuân lời giáo huấn của Ngài, Phật tử chúng ta Nam - Bắc một lòng, quyết kẻ vai, sát cánh bên nhau, đoàn kết cùng toàn dân đánh cho Mỹ cút, ngụy nhào để cứu nước, cứu đạo, làm Tổ quốc sớm được thường trụ, an lạc”*¹. Nhân lễ Phật đản năm

1. Báo Nhân Dân, ngày 5 - 1 - 1971.

1971, Ủy ban vận động hòa bình của Phật giáo tại Đà Nẵng đã huy động hàng vạn đạo hữu, Phật tử, tăng ni Quảng Nam, Quảng Đà tổ chức cầu nguyện hòa bình, vạch trần bộ mặt giả nhân, giả nghĩa của giặc Mỹ xâm lược, ca ngợi tinh thần đấu tranh kiên cường của đồng bào các giới Phật giáo, trí thức, thanh niên, học sinh, lao động, báo chí kể cả dân biểu, nghệ sĩ; đồng thời kêu gọi toàn thể Phật tử phải đề cao cảnh giác trước âm mưu của Mỹ và tay sai tạo nên những cuộc vận động hòa bình giả dối, hòa bình trong đầu hàng nô lệ giặc Mỹ và phục tùng tay sai bán nước, để đánh lạc hướng đồng bào đòi hòa bình với bất cứ giá nào và thấm nhuần lời dạy của Hòa thượng Thích Đôn Hậu: *“Hễ giặc Mỹ còn chiếm đóng, Thiệu - Kỳ - Khiêm còn tồn tại và gây tội ác với đồng bào, nhất quyết Phật tử phải đoàn kết với mọi tầng lớp, đẩy mạnh tranh đấu, bằng mọi hình thức và phương tiện thích nghi, cho đến thắng lợi hoàn toàn”*¹. Cạnh đó, các báo phát hành ở Đà Nẵng cũng đăng tải nhiều bài viết đả kích Níchxon, vạch trần sự phản dân, hại nước và tham nhũng của Thiệu - Kỳ.

Ngày 19 - 4 - 1971, nhân sự kiện em Nguyễn Hữu Hồng - học sinh lớp 9/1 trường Trung học Trần Cao Vân (Tam Kỳ) bị địch bắn chết tại ngã ba Trường Xuân, Ban chấp hành lâm thời Liên đoàn học sinh Quảng Tín đã phát động bãi khóa, kêu gọi hơn 1.000 học sinh các trường trong tỉnh tham gia biểu tình, phản đối hành động giết người dã man của địch. Tiếp theo, tháng 5 - 1971, cơn bão Hertex tàn phá Quảng Nam, học sinh Tam Kỳ kết hợp với phong trào đô thị, nhất là Đà Nẵng, dưới sự lãnh đạo của Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng Trung Trung Bộ, tổ chức lạc quyên, cứu trợ đồng bào, qua đó

1. Báo Nhân Dân, ngày 5 - 1 - 1971.

tập hợp lực lượng đấu tranh. Tại Đà Nẵng, ngay từ cuối năm 1969, đầu năm 1970 đã bùng nổ phong trào phản đối Lonol - Sirik Matak thực hiện âm mưu của đế quốc Mỹ tàn sát kiều bào ta tại Campuchia, thời gian này toàn bộ học sinh các trường ở Đà Nẵng xuống đường, bãi khóa, kết hợp với các phong trào quần chúng khác: công nhân đình công, tiểu thương bãi thị..., làm cho sức mạnh của phong trào học sinh, sinh viên được nhân lên gấp nhiều lần. Đây chính là cuộc tổng diễn tập đầu tiên có tính “phục hưng” của phong trào kể từ sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968, chứng minh tinh thần trời dậy và thể đứng mới của tuổi trẻ các đô thị miền Nam, mà Đà Nẵng là một trong những trung tâm điểm của cả miền Nam, là tiền đề cho việc tập hợp lực lượng và sự ra đời của Tổng đoàn học sinh Đà Nẵng. Tiếp theo, ngày 2 - 6 - 1971, nhân vụ xe Mỹ cán chết học sinh Phạm Văn Cường của trường Bô Đề, hàng ngàn học sinh các trường Bô Đề, Quảng Đức, Phan Châu Trinh, Phan Thanh Giản xuống đường đấu tranh đòi bồi thường nhân mạng. Tự vệ mật trong lực lượng thanh niên, học sinh dùng bom xăng đốt cháy nhiều xe Mỹ ngay trên đường phố.

Ngày 17 - 7 - 1971, tại Tịnh xá Ngọc Cơ (đường Hoàng Diệu, Đà Nẵng), 37 học sinh đại diện cho hơn một vạn học sinh của tất cả các trường Trung học Phan Châu Trinh, Nữ trung học Hồng Đức, Bô Đề, Bán công Nguyễn Công Trứ, Phan Thanh Giản, Sao Mai, Quảng Đức..., họp thông qua Chương trình hành động và bầu Ban chấp hành lâm thời Tổng đoàn học sinh Đà Nẵng, do Đặng Thanh Tịnh làm Chủ tịch, Lương Thanh Liêm làm Tổng thư ký¹.

1. 40 năm Tổng đoàn học sinh Đà Nẵng (1971 - 2011), *Chúng tôi có một thời như thế*, Nxb. Đà Nẵng, 2011, trang 10.

Ngay sau khi thành lập, Tổng đoàn học sinh Đà Nẵng đã ra Tuyên cáo gửi đến đồng bào và tuổi trẻ học đường Đà Nẵng, khẳng định mục tiêu đấu tranh và báo hiệu thời cơ hành động mới của phong trào thanh niên, học sinh, sinh viên yêu nước chống Mỹ và tay sai, đòi hòa bình, thống nhất đất nước, bảo vệ văn hóa dân tộc và quyền lợi tuổi trẻ học đường. Ngày 24 - 8 - 1971, hàng ngàn học sinh và đồng bào các giới ở Đà Nẵng xuống đường tuần hành với khẩu hiệu “*Đả đảo đế quốc Mỹ*”, “*Đả đảo Nguyễn Văn Thiệu*”. Học sinh tổ chức những chiến dịch “*Nói cho đồng bào tôi nghe*” những thủ đoạn lừa bịp của bè lũ Mỹ - nguy, “*Hát cho đồng bào tôi nghe*” và “*Nghe đồng bào tôi nói*” những tội ác của chúng đối với đồng bào. Họ coi đó như “*nước về nguồn*”, “*cây xanh cắm rễ vào lòng đất địch*”, hun đúc thêm lòng căm thù và ý chí đấu tranh, đuổi cho kỳ hết bọn xâm lược Mỹ ra khỏi miền Nam ta. Chùa Tỉnh hội Phật giáo ở đường Ông Ích Khiêm trở thành Tổng hành dinh của Tổng đoàn học sinh Đà Nẵng. Các Ban đại diện học sinh, các Chi đoàn Thanh niên Nhân dân cách mạng và Hội Liên hiệp thanh niên học sinh giải phóng các trường lần lượt được hình thành do các đảng viên, đoàn viên học sinh bí mật và bán công khai phụ trách.

Cùng với thể hoạt động công khai hợp pháp, Tổng đoàn học sinh Đà Nẵng đã huy động được một đội ngũ thanh niên, học sinh, sinh viên yêu nước, nhiệt tình, có lòng căm thù giặc Mỹ sâu sắc, có tinh thần đấu tranh bền bỉ. Tổng đoàn học sinh Đà Nẵng đưa một bộ phận ra hoạt động công khai hợp pháp, còn đại bộ phận cán bộ nòng cốt bí mật chuẩn bị phối hợp với các lực lượng vũ trang và quần chúng tham gia chiến dịch “*Xuân - Hè 1972*”.

Cho thấy phong trào đấu tranh của học sinh Đà Nẵng thời gian này diễn ra sôi nổi, đều khắp, phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng với các phong trào quần chúng do các tổ chức Đảng bí mật lãnh đạo, với nhiều hình thức phong phú, sinh động ở tất cả các mặt: chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, xã hội..., kết hợp nhiều hình thức khác nhau, vừa công khai, bán công khai, vừa hợp pháp, bán hợp pháp. Qua thực tiễn đấu tranh, nhiều học sinh, sinh viên đã xếp bút nghiên, ra mặt trận tham gia chiến đấu chống quân xâm lược.

Tại Tam Kỳ, ngày 17 - 9 - 1971, đại diện học sinh các trường trong toàn tỉnh đã thống nhất tổ chức Đại hội Liên đoàn học sinh Quảng Tín. Tham dự Đại hội, ngoài đại biểu đại diện cho học sinh các trường trong toàn tỉnh còn có đại biểu đại diện Tổng hội sinh viên Huế, Liên đoàn học sinh Huế, Tổng đoàn học sinh Đà Nẵng, Tổng hội sinh viên Vạn Hạnh, Sài Gòn, Cần Thơ...

Đại hội đã thông qua chương trình hành động, bàn phương hướng và kế hoạch đấu tranh đòi Mỹ rút khỏi miền Nam, đòi độc lập dân tộc và thống nhất nước nhà; bầu Ban chấp hành Liên đoàn chính thức do Nguyễn Tân - học sinh trường Trung học Trần Cao Vân làm Chủ tịch; Huỳnh Phước - học sinh trường Trung học Trần Cao Vân, Võ Thị Thu Thủy - học sinh trường Nữ Trung học Quảng Tín làm Phó Chủ tịch, Trần Đình Hộ - học sinh trường Trung học Bồ Đề (do Phật giáo thành lập) làm Tổng thư ký.

Sau Đại hội, Liên đoàn học sinh Quảng Tín cho ra đời tờ báo "*Tiếng gọi học sinh*" và nhiều bản tin khác, lên án tội ác của đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn, vận động học sinh đấu tranh chống quân sự hóa học đường, chống đồn quân, bắt

lính, đòi giảm học phí.... Từ cuối tháng 9 - 1971, kết nối với phong trào học sinh, sinh viên Huế, Đà Nẵng, Liên đoàn học sinh Quảng Tín liên tục tổ chức đấu tranh chống bầu cử độc diễn (3 - 10) của Nguyễn Văn Thiệu dưới nhiều hình thức như triệt hạ bích chương vận động bầu cử, đốt thẻ cử tri tập thể và hình nộm của Thiệu... Tiếp theo, ngày 13 - 10 - 1971, Liên đoàn học sinh Quảng Tín bí mật triệt hạ khẩu hiệu đón tiếp tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, thay bằng khẩu hiệu có nội dung chống Nguyễn Văn Thiệu khi hắn về làm việc với chính quyền tỉnh Quảng Tín.

Trong 3 ngày 14, 15 và 17 - 10 - 1971, thực hiện âm mưu nắm chặt học sinh, sinh viên, hướng các đối tượng này quay lưng với cuộc đấu tranh đòi độc lập dân tộc của nhân dân miền Nam đang diễn ra như vũ bão, chính quyền Sài Gòn cho thành lập tổ chức Liên đoàn học sinh, sinh viên trong các trường học trên khắp các địa bàn ở miền Nam. Trước tình hình đó, Liên đoàn học sinh Quảng Tín nhanh chóng đưa người của mình ra ứng cử vào ban đại diện các trường Trung học Trần Cao Vân, Đức Trí (do Thiên Chúa giáo thành lập), Bồ Đề, Nữ Trung học Quảng Tín, Trần Hưng Đạo (do Cao Đài thành lập)... Ngày 25 - 12 - 1971, nhân việc Giáo sư Trần Kim Hùng của trường Trung học Trần Cao Vân (Tam Kỳ) - thành viên của Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng Trung Trung Bộ bị địch sát hại, lực lượng học sinh Tam Kỳ cùng với học sinh, sinh viên Đà Nẵng, Huế lập tức xuống đường, đấu tranh yêu cầu làm sáng tỏ cái chết của Giáo sư Trần Kim Hùng, khiến cho đường phố và trường học trở nên náo động¹.

1. Lê Công Cơ (chủ biên), *Phong trào đấu tranh đô thị thời quật khởi (1954 - 1975)*, Nxb. Hội Nhà văn, 2015, trang 198.

Để đối phó với phong trào học sinh, sinh viên, chính quyền Sài Gòn vừa sử dụng các thủ đoạn mua chuộc, dụ dỗ; vừa huy động lực lượng và phương tiện thẳng tay đàn áp. Ngày 27 - 12 - 1971, trong lúc học sinh trường Trung học Trần Cao Vân đang chuẩn bị cho đêm văn nghệ, nguy quyền tỉnh Quảng Tín đưa cảnh sát vào trường bắt 5 học sinh lớp 9/5, đồng thời đón lõng bắt luôn 6 học sinh của trường Bồ Đề đang trên đường đi học về đưa về giam giữ tại Trung tâm cải huấn Quảng Tín. Tiếp theo, ngày 3 - 1 - 1972, nhận được tin 2 nhân vật cốt cán của Liên đoàn học sinh Quảng Tín là Nguyễn Tân - Chủ tịch và Võ Thị Thu Thủy - Phó Chủ tịch cũng bị địch bắt, lập tức Hội Liên hiệp Thanh niên - Học sinh - Sinh viên giải phóng Trung Trung Bộ đã cử các hội viên dày dạn kinh nghiệm đấu tranh từ Huế và Đà Nẵng vào tăng viện cho Liên đoàn học sinh Quảng Tín, tổ chức đốt xe cảnh sát để cảnh cáo địch, phát động học sinh kéo đến Ty Cảnh sát, nhà riêng Nguyễn Tri Tài - Hiệu trưởng trường Trung học Trần Cao Vân để phản đối hành động bắt người vô cơ của chúng, buộc chính quyền địch phải trả tự do cho các học sinh bị bắt về lại với học đường. Đồng thời tổ chức các cuộc hội thảo, đấu trí thắng lợi với tổ chức Cảnh Sinh¹, tẩy chay các cuộc tuyên truyền chống cộng của học viên trường Sĩ quan Đà Lạt...

Nét độc đáo của phong trào học sinh, sinh viên miền Nam nói chung, Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ thời kỳ này nói riêng là tuổi trẻ hiên ngang cất cao các bài hát “*Xuống đường*”, “*Dậy mà đi*”..., anh chị em đã đi vào từng khu phố, ra cánh đồng, nơi bà con đang sản xuất để “*Hát cho đồng bào tôi nghe*”, “*Nghe đồng bào tôi nói*”.

1. Tổ chức cảnh sát mật vụ được địch tổ chức cài cắm trong các trường học.



*Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng tỉnh Quảng Nam
tặng quân và dân xã Phú Phong (Quế Phú) - 7/1972*

Trưa ngày 30 - 3 - 1972, lợi dụng lúc địch chủ quan, sơ hở do phán đoán sai thời gian, qui mô và hướng tiến công của ta, quân ta bắt đầu cuộc tiến công chiến lược năm 1972 theo đúng kế hoạch của Quân uỷ Trung ương. Mở đầu cuộc tiến công, quân ta đánh vào Quảng Trị rồi phát triển rộng ra khắp chiến trường miền Nam. Trên chiến trường Quảng Nam, Quảng Đà, từ đêm 8 - 4 - 1972, quân ta tiến công, bao vây, áp sát tiêu diệt các căn cứ quân sự, chi khu, quận lỵ, đồn bót địch, hỗ trợ đắc lực cho nhân dân các địa phương nổi dậy giành quyền làm chủ ở hầu khắp các địa bàn quan trọng như Đà Nẵng, Điện Bàn, Đại Lộc, Hiệp Đức, Tam Kỳ, đẩy mạnh chiến tranh du kích ở những vùng địch kiểm soát, diệt và bắt sống hàng ngàn tên.

Sau hơn một tháng liên tục tiến công và nổi dậy, ta đã phá vỡ hàng loạt đồn bót địch, tiêu diệt nhiều tên tề điệp, ác

ôn, khôi phục vùng giải phóng rộng lớn từ tây Tam Kỳ sang tây Thăng Bình và trung Quế Sơn, với hơn 3.000 dân.

Về lãnh đạo Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam, tháng 4 - 1972, Ban Thường vụ Tỉnh ủy điều động ông Vũ Thiếp đi nhận công tác khác, ông Nguyễn Thành sau thời gian chữa bệnh ở miền Bắc trở về, được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công tiếp tục đảm nhận nhiệm vụ phụ trách Dân vận - Mặt trận - Đấu tranh chính trị - Binh vận, kiêm Chủ tịch Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh.

Trong lúc cách mạng miền Nam đang thắng lớn, Hội nghị Paris đang tiến triển có lợi cho ta, thì ngày 18 - 12 - 1972, đế quốc Mỹ điên cuồng mở cuộc tập kích bằng không quân chiến lược vào Hà Nội, Hải Phòng, hòng phá hoại tiềm lực kinh tế và quốc phòng, ngăn chặn nguồn tiếp tế của hậu phương cho tiền tuyến, nhưng đã bị quân dân miền Bắc giáng trả những đòn đích đáng ngay từ trận đầu, lập nên “*Trận Điện Biên Phủ trên không*”, đánh bại hoàn toàn cuộc tập kích bằng máy bay chiến lược B52 của Mỹ, buộc chúng phải tuyên bố ngừng ném bom miền bắc, quay trở lại đàm phán tại Paris.

Tóm lại, những năm 1969 - 1972, là giai đoạn Đảng bộ, quân và dân Quảng Nam, Quảng Đà đã trải qua nhiều khó khăn khổ, hy sinh. Song dưới sự lãnh đạo của Đảng, khối đại đoàn kết của các dân tộc, các giai cấp, các tầng lớp nhân dân trong tỉnh xung quanh Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và các đoàn thể các cấp đã được phát huy cao độ, là cội nguồn sức mạnh để quân và dân ta anh dũng vượt qua mọi khó khăn thử thách, trụ bám địa bàn, đánh địch, diệt ác phá kềm, giữ vững thế trận chiến tranh nhân dân, đẩy mạnh tiến

công bằng ba mũi giáp công, góp phần đánh bại cơ bản chương trình “*bình định nông thôn*” của địch, cùng cả nước làm phá sản chiến lược “*Việt Nam hóa chiến tranh*” của Mỹ, tạo tiền đề và động lực để tiếp tục tiến lên giải phóng hoàn toàn quê hương.

III. ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN ĐẤU TRANH ĐÒI THI HÀNH HIỆP ĐỊNH PARIS, TIẾN LÊN GIẢI PHÓNG HOÀN TOÀN TỈNH QUẢNG NAM (1973-1975)

1. Đoàn kết toàn dân đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Paris, chống địch bình định lấn chiếm vùng giải phóng (1973 - 1974)

Hiệp định Paris (27 - 1 - 1973) là một thắng lợi to lớn của quân dân ta, đã mang lại không khí phấn khởi đến tất cả Nhân dân vùng địch và vùng ta. Trong những đêm trước khi Hiệp định có hiệu lực, Tỉnh ủy Quảng Nam và Đặc Khu ủy Quảng Đà ngoài việc chỉ đạo các lực lượng vũ trang lập tổ, chốt giữ các vị trí quan trọng, còn bố trí đưa các cơ sở cách mạng nòng cốt vào bên trong tiếp xúc với Nhân dân vùng bị địch kiểm soát chuẩn bị tư tưởng, trang bị lý lẽ để có cơ sở quần chúng cách mạng đấu tranh với địch, buộc chúng chấp hành Hiệp định Paris. Tranh thủ hòa bình để củng cố và phát triển lực lượng cách mạng, làm cho Nhân dân và binh sĩ địch thấy rõ Hiệp định Paris là thắng lợi của cách mạng, Mỹ và đồng minh phải chịu thất bại về nước, thế và lực của cách mạng ngày càng lớn mạnh, kẻ thù mất chỗ dựa, lực lượng suy yếu giảm sút và thắng lợi của cách mạng chỉ còn là vấn đề thời gian. Sáng ngày 28 - 1 - 1973, khi Hiệp định Paris có hiệu lực, cờ của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam không chỉ tung bay trên các vùng giải phóng, mà trên tất cả các vùng ta làm chủ. Tại Quảng Nam, Quảng Đà, vùng giải phóng được mở rộng đến phía tây các huyện đồng



*Đại hội các dân tộc miền núi Tây Quảng Nam
tại Nước Xa, Trà My (1973)*

bằng, nối liền với căn cứ địa miền núi Trà My, Phước Sơn, Đông Giang, Tây Giang và Nam Giang...

Tuy nhiên, sau ngày Hiệp định Paris được ký kết, tình hình chung trên toàn miền vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp. Ngay từ sáng ngày 28 - 1 - 1973, ngày Hiệp định Paris có hiệu lực, Nguyễn Văn Thiệu đã trắng trợn tuyên bố phá hoại Hiệp định, ngang nhiên đưa ra khẩu hiệu 4 không: Không có hòa bình, không có ngừng bắn, không có giải pháp chính trị, không có tổng tuyển cử. Được quan thầy Mỹ hỗ trợ, Thiệu ra lệnh cho

quân nguy thực hiện kế hoạch “*tràn ngập lãnh thổ*”, ào ạt xua quân lấn chiếm vùng giải phóng và tiếp tục thực hiện chính sách “*bình định*”, dùng sức mạnh quân sự giành lại các trục lộ giao thông chiến lược, phân tuyến, chia vùng, đẩy các lực lượng của ta lên núi, tiến tới xóa bỏ hình thái “*da báo*” hòng giành lại các vùng ta đã giải phóng trong năm 1972. Ở Quảng Nam, Quảng Đà, đầu tháng 2 - 1973, địch huy động hàng sư đoàn chủ lực cùng lực lượng địa phương quân đánh chiếm vùng giải phóng Đại Lộc, Duy Xuyên, Quế Sơn, Tiên Phước, Thăng Bình, Tam Kỳ...

Tận dụng những điều kiện thuận lợi sau Hiệp định Paris, Nhân dân ta đẩy mạnh đấu tranh chống âm mưu và hành động mới của Mỹ - nguy. Thực hiện khẩu hiệu “*cắm cờ giữ đất*”, “*còn người, còn cờ, còn đất*” do Đảng đề ra, du kích, bộ đội địa phương và Nhân dân vùng giải phóng quyết tâm đánh địch lấn chiếm, giữ vững trận địa. Từ ngày 29 - 1 đến ngày 10 - 2 - 1973, du kích Lộc Sơn, Lộc Phước, Lộc Hòa (Đại Lộc) sát cánh cùng Tiểu đoàn 1 Bộ binh đẩy lùi nhiều đợt tấn công của địch. Tại Phú Thọ (Quế Sơn), Phước Hà (Tiên Phước), các xã khu tây Duy Xuyên và Điện Hồng, Điện Quang (Điện Bàn)... , Nhân dân cùng du kích trụ bám địa bàn, chiến đấu liên tục, bẻ gãy hàng loạt các cuộc tiến công lấn chiếm của địch.

Trên mặt trận chính trị, chỉ tính riêng mấy tháng đầu năm 1973, trên địa bàn Quảng Nam, Quảng Đà đã có tất cả 111 cuộc đấu tranh với 13.900 lượt người tham gia, đòi dân sinh dân chủ, đòi thi hành Hiệp định Paris.

Cùng với đấu tranh chính trị, công tác binh địch vận cũng đã đem lại nhiều kết quả đáng kể. Hàng đêm, Nhân dân dùng loa tuyên truyền, phát tờ rơi, tổ chức đưa người nhà binh lính

vào đồn tìm con em để giải thích chính sách hòa hợp dân tộc... Qua đó, ta đã vận động được hàng trăm binh lính ngụy rã ngũ, về với cách mạng.

Tuy nhiên, do không đánh giá hết âm mưu phá hoại Hiệp định của địch, quá nhấn mạnh đến hoà bình, hoà hợp dân tộc..., nên trên một số địa bàn quan trọng, chúng ta bị mất đất, mất dân. Chỉ trong 5 tháng (từ đầu tháng 2 đến tháng 6 - 1973), ở Quảng Đà, địch lần chiếm hầu hết các căn cứ lõm và vùng giải phóng của ta như vùng A, B Điện Bàn, vùng tây Duy Xuyên, vùng B Đại Lộc. Tại Quảng Nam, chúng lần chiếm nhiều thôn ở Kỳ Thịnh, Kỳ Long, Kỳ Quý (Tam Kỳ), Phú Thọ, Quế An, Đồng Thành, Phú Diên, Sơn Viên, Phú Hiệp, Sơn Lãnh, Lãnh An, Lãnh Thượng (Quế Sơn), Phước Tiên, Phước Tân (Tiên Phước), Bình Phú, Bình Dương, Bình Lãnh (Thăng Bình)... Đối với các vùng giải phóng còn lại, chúng tăng cường hoạt động thám báo, ngăn chặn việc giao lưu kinh tế giữa vùng ta và vùng chúng kiểm soát. Đến tháng 6 - 1973, về cơ bản chúng thực hiện được phần lớn việc xóa bỏ hình thái “*da báo*” trên chiến trường hai tỉnh, đẩy lực lượng vũ trang của ta ra khỏi dân, đàn áp phong trào đấu tranh của quần chúng và hạn chế phong trào chiến tranh du kích trong vùng chúng kiểm soát. Trên 31.600 dân bị địch xúc tát vào các khu dồn, một số dân vùng giải phóng phải dạt vào vùng ranh núi, đời sống của cán bộ, du kích và Nhân dân vô cùng khó khăn, thiếu lương thực, bệnh tật hoành hành... Máu của đồng bào và cán bộ, chiến sĩ ta lại tiếp tục đổ xuống, khi khát vọng hòa bình vừa được đâm chồi đã bị kẻ thù ngang nhiên chà đạp.

*Một tác đất một tác vàng
Một góc giang sơn, một dòng máu đỏ*

Đó thực sự là những khẩu hiệu của một thời gay go, quyết liệt trong những ngày sau Hiệp định Paris. Những khẩu hiệu đó hiện lên rõ trên từng lá cây, ngọn cỏ, hiện lên trên từng chót giữ cờ, giữ đất, hiện lên rõ trên từng câu nói, trên từng ánh mắt của mỗi cán bộ, chiến sĩ và đồng bào. Nó thực sự là vàng và máu.

Trước tình hình đó, tháng 7 - 1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng có Nghị quyết 21; Khu ủy 5 có Nghị quyết xác định: “*Địch đánh phá lấn chiếm vùng ta thì ta kiên quyết phản công và tiến công lại*”¹; Tỉnh ủy Quảng Nam đề ra nhiệm vụ trước mắt cho toàn quân, toàn dân: “*Địch đánh ta thì ta tiến công lại từ nơi chúng xuất phát*”². Địch đánh ta, ta phải đánh lại. Đó là đạo lý thông thường. Nếu làm khác đi mới là sai, mới có tội với lịch sử. Tiếp thu tinh thần này, Tỉnh ủy Quảng Nam và Đặc Khu ủy Quảng Đà tập trung sức lãnh đạo khắc phục những khó khăn, xác định nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu là đánh địch lấn chiếm; bố trí cán bộ, triển khai lực lượng bám địa bàn.

Tại Quảng Đà, các đơn vị bộ đội chủ lực được lệnh trở lại đồng bằng, cùng du kích và các đội công tác hỗ trợ Nhân dân diệt ác phá kìm, chống lấn chiếm, thu hồi lại vùng giải phóng. Chỉ sau một thời gian ngắn, ta đã đánh bật địch ra khỏi các vùng đất thuộc phía tây Duy Xuyên, trung Điện Bàn, 6 xã tây nam Đại Lộc, Cẩm Thanh (Hội An)... Ở Quảng Nam, Nhân dân vùng tây bắc Tam Kỳ, đông Tiên Phước, tây Thăng Bình và trung Quế Sơn nổi dậy cùng các đơn vị vũ trang tấn công địch, bao vây đồn bót, phá áp chiến lược, bung về làng cũ làm ăn.

1. Nghị quyết Khu ủy V tháng 7 - 1973 (Tài liệu lưu trữ ký hiệu K - 16 - X), hiện lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.

2. *Lịch sử phong trào nông dân và Hội Nông dân tỉnh Quảng Nam 1930 - 2005*, trang 226.

Mạng lưới giao thông miền núi được chú trọng củng cố, phát triển. Cùng với những con đường ở miền tây các huyện Phước Sơn, Hiệp Đức, Quế Sơn, Thăng Bình..., nối với trục đường chiến lược 559 (đường mòn Hồ Chí Minh), đồng bào cùng với bộ đội ngày đêm bạt núi san đồi, mở các nhánh đường tỏa xuống đồng bằng. Chỉ tính riêng đồng bào các dân tộc ít người huyện Nam Trà My trong năm 1973, đã đóng góp trên 55.000 ngày công.

Từ cuối năm 1973, địch đẩy mạnh kế hoạch bình định vùng chúng kiểm soát với qui mô lớn và các thủ đoạn hết sức thâm độc. Tỉnh ủy Quảng Nam và Đặc Khu ủy Quảng Đà chủ trương dùng lực lượng bộ đội địa phương và du kích xã, du kích mật, công an mật thọc sâu vào vùng địch, khu dồn diệt ác; đánh mìn, bao vây bắn bia, bắn tĩa, tiêu hao sinh lực ở các đồn, chốt điểm của địch, nhằm chuyển biến phong trào.

Tại Quảng Đà, đêm 14 - 7 - 1974, quân ta diệt cứ điểm Cổng Tim, tập kích Núi Lở (Đại Lộc), tiến công cứ điểm Trảng Nhật (Điện Bàn)...Trên mặt trận Quảng Nam, 0 giờ 15 phút ngày 18 - 7 - 1974, ta nổ mìn tiến công địch tại điểm cao Cà Tang, mở đầu chiến dịch Nông Sơn - Trung Phước. Sau gần 17 giờ chiến đấu, đến 17 giờ 5 phút cùng ngày, quân ta hoàn toàn làm chủ địa bàn, giải phóng gần 13.000 dân. Phối hợp với Nông Sơn - Trung Phước, các lực lượng vũ trang địa phương tập kích tiêu diệt chốt Đá Bàn, Đá Đen, đồn Kỳ Bích, đánh sập cầu Bà Bầu, pháo kích tiểu khu Quảng Tín, sở chỉ huy Sư đoàn 2 ngự tại Chu Lai...

Khi thế trận của địch ở Quảng Nam, Quảng Đà đang bị phá vỡ từng mảng, thì ngày 29 - 7 - 1974, quân ta tấn công Thượng Đức. Cuộc chiến đấu diễn ra quyết liệt, ta phải chuyển

từ phương thức tấn công trực tiếp sang “*bao vây đánh lấn*”. Trong chiến thuật này, trên 300 người dân được huy động chặt mây bên thành dây thừng, làm ròng rọc, vừa khiên, vừa đẩy, vừa kéo 3 khẩu khẩu 76 ly loại chống tăng, lên điểm cao để bộ đội nã thẳng vào đồn Thượng Đức. Đến ngày 7 - 8 - 1974, ta hoàn toàn làm chủ chi khu quận lỵ. Thượng Đức, cánh cửa thép của địch ở phía tây nam Đà Nẵng bị tiêu diệt, làm chấn động quân địch trên khắp các chiến trường Quảng Nam - Quảng Đà, tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào đấu tranh chính trị và nổi dậy của quần chúng, giành lại được nhiều vùng đất bị địch lấn chiếm sau Hiệp định Paris; khôi phục, giữ vững, mở rộng và hoàn chỉnh vùng giải phóng, nối liền vùng giải phóng phía tây các huyện đồng bằng với căn cứ địa miền núi, tạo ra thế và lực mới, góp phần làm cho tương quan lực lượng so sánh trên chiến trường nghiêng về phía ta, để ta tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn.

Phối hợp với hoạt động quân sự, các tầng lớp nhân dân đoàn kết xung quanh Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, được các đoàn thể giải phóng tích cực vận động, đã tham gia mạnh mẽ các cuộc đấu tranh chính trị cả nông thôn và thị xã, thành phố. Phong trào đòi dân sinh dân chủ, đòi đi lại làm ăn, đòi hòa bình theo như Hiệp định Paris đã ký kết..., thu hút cả những tầng lớp trên và các tôn giáo như Phật giáo, Thiên Chúa giáo ở Quế Sơn, Bắc Tam Kỳ, Điện Bàn, Duy Xuyên..., tham gia. Ngày 17 - 4 - 1973, công nhân ngành đường sắt Đà Nẵng, Tam Kỳ hưởng ứng cuộc tổng đình công của công nhân ngành đường sắt miền Trung, đòi tăng lương, đòi trả các khoản tiền phụ cấp, tiền nợ và phản đối nhà chức trách khủng bố, bắt giữ những người tham gia đấu tranh. Cùng thời gian này, thanh niên Cù Lao Chàm (Hội An) đấu tranh chống địch bắt lính, 3.000 nông dân ở khu đồn Dốc Đó (Điện Dương, Điện Bàn) vận động

được số con em là phòng vệ dân sự nổ súng diệt mấy tên cảnh sát, giải thoát cho 300 thanh niên bị chúng bắt tập trung. Đặc biệt, từ ngày 20 đến ngày 25 - 5 - 1973, đồng bào các xã vùng ven thị trấn Vĩnh Điện liên tục đấu tranh chống địch bắt lính, bảo vệ và giải thoát cho 100 thanh niên khỏi bị bắt lính.

Song song với đấu tranh chính trị, các cán bộ binh vận của ta đã hướng dẫn đồng bào tiến hành công tác binh vận bằng cách dùng loa tuyên truyền, phát tờ rơi, tổ chức đưa người nhà binh lính vào đồn tìm con em giải thích chính sách hòa hợp dân tộc có tác dụng tích cực đẩy lên phong trào trong binh lính không chịu đi lần chiếm, phải chết khi đã có hòa bình, đòi chính quyền Thiệu thi hành Hiệp định Paris...

Mặt khác, để chống lại việc địch bao vây kinh tế, đồng bào các vùng hưởng ứng chủ trương của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, đẩy mạnh sản xuất tự túc, phát triển giao thông, đấu tranh với địch bung về làng cũ làm ăn. Trong bốn tháng cuối năm 1973, có 4.000 dân từ vùng địch trở về vùng ta, xóa đi một số thôn trắng dân ở Tam Kỳ, Quế Sơn, Điện Bàn, Duy Xuyên, tạo điều kiện giao lưu kinh tế giữa các vùng, miền. Ở miền núi và một số vùng giải phóng, giáp ranh miền núi, bom pháo địch giảm hẳn, đồng bào tích cực sản xuất và làm đường giao thông, làm thay đổi bộ mặt nông thôn, công tác sản xuất được phát triển, tổng diện tích gieo trồng gần 10 ngàn héc ta, trong đó diện tích màu chiếm 60%. Phong trào làm ruộng, làm nà có phát triển, một số nơi thực hiện cây hai vụ. Đồng bào bước đầu chú ý đến các biện pháp kỹ thuật về giống lúa mới, bón phân. Trà My trồng thêm 181.000 cây quế, 200.000 cây chè... Phong trào khai hoang vỡ hóa được đẩy lên mạnh mẽ, từ tháng 9 đến tháng 12 - 1973, đã có 598 ha được khai hoang, vỡ hóa.



Học sinh cấp I vùng giải phóng Quảng Nam phấn khởi học tập trong mái trường của Mặt trận Dân tộc Giải phóng (1973)

Hoạt động văn hóa, văn nghệ, báo chí phát triển rộng rãi. Quảng Nam, Quảng Đà đều có báo *Giải Phóng*. Phân hội văn nghệ giải phóng của tỉnh ra được tập san *Văn nghệ Giải phóng* hàng quý. Các đoàn văn công, đội điện ảnh, nhà in của tỉnh hoạt động nhộn nhịp. Báo chí, văn nghệ đã trở thành vũ khí sắc bén trong đấu tranh cách mạng.

Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Nam tháng 6 - 1974 (từ 11 đến 15 - 6) cũng nhấn mạnh: “*Khẩn trương xây dựng phát triển các tổ chức đoàn thể, hướng chủ yếu là bên trong, nhằm yêu cầu phục vụ cho nhiệm vụ trung tâm, ra sức đào tạo cán bộ xã thôn biết làm công tác dân vận, củng cố bộ máy đoàn thể từ huyện đến xã đủ sức hoàn thành nhiệm vụ. Đẩy mạnh sinh hoạt đoàn thể ở phân hội, tổ đoàn, động viên đoàn hội viên hăng hái tham gia mọi công tác của chính quyền và đoàn thể mình. Đoàn thanh niên phấn đấu đến cuối năm 1974 ở các xã vùng địch kiểm soát đều có tổ chức chi đoàn. Tăng cường công tác mặt trận, chuyển mạnh hoạt động công tác dân vận, mặt trận vào bên trong, vào thị xã, thị trấn, quận lỵ, ra sức vận động quần chúng lao động và các tầng lớp trung gian hình thành lực lượng thứ 3, tập hợp trong mặt trận rộng rãi có sức mạnh đoàn kết, chĩa mũi nhọn vào kẻ thù chính là tập đoàn tay sai Nguyễn Văn Thiệu. Tích cực chọn người có uy tín ở địa phương có khả năng vận động quần chúng thừa nhận họ là cán bộ mặt trận giao nhiệm vụ hoạt động. Tích cực chuẩn bị nhân sự thành lập Ủy ban mặt trận thị xã, củng cố Ủy ban Mặt trận tỉnh*”¹.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, công tác củng cố, xây dựng các tổ chức thành viên của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam được quan tâm và bước đầu ổn định sinh hoạt. Khối đoàn kết dân tộc, đoàn kết quân dân được củng cố và phát triển. Uy tín của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam được nâng cao. Công đoàn, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên nhân dân cách mạng mở đại hội để củng cố tổ chức và đề ra phương hướng nhiệm vụ mới. Mỗi

1. Nghị quyết Hội nghị Tỉnh ủy tháng 6-1974, Ký hiệu tài liệu L 81 - I, hiện lưu tại Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Nam.

đoàn thể ở tỉnh và huyện đều có kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng cán bộ của ngành và giới mình, nhất là cán bộ xã, thôn, cán bộ hoạt động trong vùng địch, có ý nghĩa quan trọng, góp phần động viên hội viên và đông đảo Nhân dân chuẩn bị bước vào giai đoạn cách mạng mới.

Tháng 6 - 1974, Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam đã gửi thư đến các nhà trí thức, tư sản, các vị đứng đầu các tôn giáo, sinh viên, học sinh thị xã Tam Kỳ, lên án các hành động vi phạm Hiệp định Paris của Mỹ - ngụy, tỏ rõ thiện chí của ta và kêu gọi mọi người đoàn kết đấu tranh. Nội dung bức thư nêu rõ:

“...Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam ký kết ngày 27 - 1 - 1973 đáp ứng đầy đủ những khát vọng chính đáng về hoà bình, độc lập, dân chủ của toàn thể Nhân dân miền Nam sau hàng chục năm bị chiến tranh tàn phá... Đó là một thắng lợi vô cùng to lớn của toàn thể Nhân dân miền Nam và dân tộc Việt Nam ta đã anh dũng chiến đấu hy sinh gần 20 năm trời, mà tất cả các vị và các bạn cũng như toàn dân ta, ai cũng tự hào và có phần đóng góp.

...Thế nhưng ở miền Nam, gần 17 tháng nay vẫn chưa hề ngưng bắn thực sự, chiến tranh vẫn tiếp diễn, máu của người Việt Nam vẫn tiếp tục đổ; chưa hề có hòa bình, tự do dân chủ, hòa hợp dân tộc; lực lượng thứ ba vẫn bị đàn áp, phủ nhận... Nguyên vọng tha thiết của Nhân dân miền Nam trong đó có các vị và các bạn đều bị chà đạp... Chúng tôi kêu gọi các vị và các bạn triệt để ủng hộ các lực lượng vũ trang nhân dân giải phóng đánh trừng trị quân đội Sài Gòn “bình định” lấn chiếm vùng giải phóng. Chúng tôi kêu gọi các vị và các bạn hãy cùng đồng bào trong vùng chính quyền Sài Gòn kiểm soát đoàn kết rộng

rãi, đẩy mạnh đấu tranh đòi các quyền tự do dân chủ, hòa hợp dân tộc, đòi giải quyết đời sống...¹”.

Bức thư của Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam đến với các nhà trí thức, tư sản, các vị đứng đầu các tôn giáo, sinh viên, học sinh thị xã Tam Kỳ đã tiếp thêm một nguồn sức mạnh mới, thu hút mọi thành phần xã hội đoàn kết xung quanh Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam sẵn sàng chiến đấu, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng thống nhất đất nước.

2. Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn quê hương

Cuối năm 1974 đầu năm 1975, trong tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam thay đổi mau lẹ có lợi cho cách mạng. Hội nghị Bộ Chính trị (từ 30 - 9 đến 7 - 10 - 1974) và Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng (từ 18 - 12 - 1974 đến 8 - 1 - 1975) họp bàn kế hoạch giải phóng hoàn toàn miền Nam. Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng đang họp thì được tin quân dân ta giải phóng đường số 14 và toàn tỉnh Phước Long (6 - 1 - 1975). Chiến thắng Phước Long và tình hình chiến sự sau Phước Long đã giúp Bộ Chính trị củng cố thêm quyết tâm chiến lược, bổ sung và hoàn chỉnh kế hoạch 2 năm (1975 - 1976) giải phóng hoàn toàn miền Nam. Cụ thể là năm 1975, tranh thủ thời cơ bất ngờ tiến công địch trên quy mô lớn, rộng khắp, tạo điều kiện đến năm 1976 tiến hành “Tổng công kích - Tổng khởi nghĩa”, giải phóng hoàn toàn miền Nam. Bộ Chính trị đề ra kế hoạch 2 năm, nhưng lại nhấn mạnh “cả năm 1975 là thời cơ” và chỉ rõ “*nếu thời cơ đến vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam trong năm 1975*”.

1. Tài liệu lưu trữ tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam.

Tại chiến trường Quảng Nam, cuối năm 1974 đầu 1975, phong trào cách mạng phát triển mạnh cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Vùng căn cứ miền núi được củng cố và xây dựng vững chắc. Vùng giải phóng không ngừng được mở rộng. Các đơn vị chủ lực của Bộ, của Quân khu 5 đứng chân vững vàng trên các địa bàn trọng yếu của tỉnh. Lực lượng vũ trang tỉnh và các địa phương được củng cố lớn mạnh. Lực lượng du kích, biệt động, du kích mật và lực lượng hoạt động vùng địch phát triển sâu rộng trong các thành phố, thị xã, thị trấn.

Tháng 2 - 1975, Hội nghị Tỉnh ủy Quảng Nam quyết định *“Động viên sự nỗ lực lớn nhất của Đảng bộ, của lực lượng vũ trang, của Nhân dân các dân tộc trong tỉnh với quân chủ lực của khu thực hiện mục tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, phá hủy phương tiện chiến tranh, giải phóng quận lỵ Tiên Phước- Phước Lâm và các xã vùng đông, tây Thăng Bình, bắc Tam Kỳ, tạo thế bao vây tỉnh lỵ Quảng Tín.”*

Phối hợp với chiến dịch Tây Nguyên, Khu uỷ và Bộ Tư lệnh Quân khu 5 mở chiến dịch Tiên Phước - Phước Lâm. Tỉnh uỷ Quảng Nam được lệnh của Khu uỷ 5 mở chiến dịch A2 giải phóng vùng đông Thăng Bình, bắc Tam Kỳ tạo thế bao vây uy hiếp thị xã Tam Kỳ, tiến lên giải phóng toàn tỉnh khi thời cơ đến. Quảng Đà phối hợp với chiến trường Quảng Nam bằng cuộc tiến công nổi dậy giải phóng trung Duy Xuyên, đông Gò Nổi, vùng A, B Điện Bàn, cắt đứt các trục lộ giao thông, bao vây uy hiếp Vĩnh Điện, đẩy mạnh hoạt động xung quanh Hội An...

4 giờ 30 phút ngày 10 - 3 - 1975, Sư đoàn 2 và các đơn vị phối hợp đồng loạt nổ súng tấn công quận lỵ Tiên Phước, quận lỵ Phước Lâm, Suối Đá và cao điểm 211. Đến 16 giờ cùng ngày quân ta hoàn toàn làm chủ trận địa. Mất Tiên Phước - Phước

Lâm, địch hoảng hốt điều quân ra phản kích hòng ngăn chặn ta tiến về đồng bằng. Sau 7 ngày chiến đấu quyết liệt, ta đã loại ra khỏi vòng chiến đấu 2.000 tên địch, giải phóng 21.000 dân. Giải phóng quận lỵ Tiên Phước và quận lỵ Phước Lâm, cửa ngõ phía tây thị xã Tam Kỳ, tỉnh lỵ Quảng Tín bị chọc thủng, binh lính, tề nguỵ càng hoang mang tan rã. 5 giờ 30 phút ngày 14 - 3 - 1975, các lực lượng vũ trang ta nổ súng tiêu diệt các chốt điểm Gò Dài, điểm 59, Gia Hội, giải phóng 3 xã vùng tây huyện Thăng Bình. Rạng sáng ngày 17 - 3, tiếp tục đánh chiếm 3 chốt: Hương Mỹ, Châu Khê, Đồng Tri hỗ trợ quân chúng nổi dậy giải phóng xã Bình Hải và một phần xã Bình Triều. Đêm 18 - 3, Tiểu đoàn 70 đánh chiếm đồn Chợ Được, các xã vùng đông còn lại của huyện Thăng Bình rơi vào tình trạng hỗn loạn.

05 giờ 15 phút ngày 24 - 3, tất cả các cánh quân của ta đồng loạt nổ súng bắn phá các mục tiêu ngã ba Trường Xuân, sân bay Ngọc Bích, núi Lân, núi Tân Hội, Khánh Thọ, Cẩm Khê...Cuộc tiến công dũng mãnh, phối hợp nhịp nhàng giữa pháo binh, xe tăng, bộ binh ta vào các tuyến phòng ngự của địch ở thị xã Tam Kỳ, khiến chúng không kịp trở tay. Đến 11 giờ ngày 24 - 3 - 1975, thị xã Tam Kỳ, tỉnh lỵ Quảng Tín được hoàn toàn giải phóng.

Trước diễn biến mau lẹ của tình hình, Tỉnh uỷ Quảng Nam, Đặc Khu uỷ Quảng Đà phát động quần chúng nổi dậy với tinh thần một ngày bằng 20 năm; xã giải phóng xã, huyện giải phóng huyện; phối hợp với lực lượng vũ trang tiếp tục truy kích địch tháo chạy, tiêu diệt các cứ điểm còn lại: quận lỵ Lý Tín, Thăng Bình, Quế Sơn, căn cứ Chu Lai, Tuần Dưỡng...

Trên hướng Quảng Đà, tại Duy Xuyên, 5 giờ 30 phút ngày 28 - 3, pháo binh Sư đoàn 2 và hoả lực của tỉnh đánh mạnh vào



*Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng Quảng Đà
ra mắt các tầng lớp nhân dân (3-1975)*

Hòn Bàng, Trà Kiệu, Nam Phước, Câu Lâu. 9 giờ ngày 28 - 3, quân ta đánh tan cụm quân địch án ngữ cầu Bà Rén, chiếm quận lỵ Duy Xuyên và thị trấn Nam Phước. 12 giờ cùng ngày, huyện Duy Xuyên hoàn toàn sạch bóng quân thù.

2 giờ ngày 28 - 3, Nhân dân Xuyên Thái, Xuyên Tân, Cẩm Thanh, Cẩm Kim dùng thuyền đưa bộ đội vượt sông, tiến vào nội ô Hội An. Bọn địch ở Hội An hoang mang dao động, một số tên bỏ nhiệm sở tìm đường thoát thân. Lực lượng nổi dậy phá nhà lao Hội An. Gần 500 chiến sĩ và đồng bào vừa ra khỏi nhà lao đã cùng lực lượng nổi dậy phối hợp với bộ đội chiếm lĩnh tiểu khu quân sự, sân bay, khu vực Tây Hồ, ty cảnh sát... 5 giờ sáng ngày 28 - 3, cờ Mặt trận Dân tộc Giải miền Nam Việt Nam phấp phới tung bay trên dinh lũy kẻ thù, toàn bộ hệ thống nguy quân, nguy quyền ở Hội An bị tan rã.

Cùng trong ngày 28 - 3, quân địch tháo chạy khỏi ngã ba Trùm Giao, cầu Cẩm Lý, đồn Trường Giang, cứ điểm Bồ Bồ

(Điện Bàn). Cơ sở cách mạng gọi hàng được 2.000 tên. Đêm 28 - 3, quân ta đánh chiếm thị trấn Vĩnh Điện. Quân chủ lực địch ở Đại Lộc được lệnh rút về “*tử thủ*” Đà Nẵng. Chớp thời cơ, đồng bào nổi dậy làm chủ khu đông cầu Chìm, sát chân Núi Lở. Khi quân địch ở An Hoà - Đức Dục tháo chạy qua Giao Thủy, nhân dân các xã Lộc Phước, Lộc Hưng, Lộc Phong, cùng du kích, bộ đội huyện chặn đánh quyết liệt, bắn cháy 6 xe GMC, loại khỏi vòng chiến đấu gần 100 tên, phá huỷ 5 pháo 155 mm và 105 mm¹. 24 giờ ngày 28 - 3 - 1975, quân địch ở đồn Cao, vị trí cuối cùng trên địa bàn huyện tháo chạy, bỏ lại 10 khẩu pháo 105 mm và nhiều súng đạn, phương tiện chiến tranh khác.

Đà Nẵng, thành phố lớn thứ hai ở miền Nam - căn cứ quân sự liên hiệp lớn nhất của Mỹ - nguy, rơi vào thế cô lập. Quân ta từ ba phía bắc, tây, nam tiến nhanh áp sát thành phố. Hơn 10 vạn địch bị dồn ú về đây trở nên hỗn loạn, mất hết khả năng chiến đấu. 11 giờ 30 phút ngày 29 - 3 - 1975, cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tung bay trên nóc toà thị chính. 12 giờ quân ta đánh chiếm sân bay Đà Nẵng, 15 giờ cùng ngày ta làm chủ bán đảo Sơn Trà. Đà Nẵng được hoàn toàn giải phóng.

Như vậy, với tốc độ “*một ngày bằng hai mươi năm*”, chỉ trong vòng không đầy 20 ngày (từ 10 - 3 đến 29 - 3 - 1975), phát huy sức mạnh áp đảo cả về quân sự và chính trị, quân và dân Quảng Nam, Quảng Đà đã giành được toàn thắng, tiêu diệt và làm tan rã 10 vạn quân nguy, giải tán nguy quyền các cấp, chấm dứt vĩnh viễn bóng đêm nô lệ của chủ nghĩa thực dân mới, giải phóng hoàn toàn quê hương.

1. *Lịch sử lực lượng vũ trang Nhân dân tỉnh Quảng Nam, tập 2 (1954 - 1975)*, Nxb QĐND, Hà Nội 2003, trang 389.

Trải qua 21 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, quân và dân Quảng Nam đã vượt qua muôn vàn khó khăn, gian khổ, hy sinh, kiên cường trụ bám quê hương, đoàn kết anh dũng chiến đấu, đánh 158.000 trận lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến đấu 203.000 tên Mỹ - nguy, đập tan bộ máy nguy quân, nguy quyền từ tỉnh đến xã thôn; bắn rơi 812 máy bay các loại, bắn cháy 1.522 xe tăng, xe bọc thép; thu và phá huỷ toàn bộ phương tiện chiến tranh của Mỹ - nguy, giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Nam¹; góp sức cùng Nhân dân miền Nam và cả nước giành thắng lợi trong Chiến dịch Hồ Chí Minh, kết thúc cuộc kháng chiến lâu dài nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta.

Thắng lợi của quân và dân Quảng Nam bắt nguồn từ sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, sáng tạo, linh hoạt của Khu uỷ, Đảng uỷ và Bộ Tư lệnh Quân khu 5 - sự hy sinh to lớn của Nhân dân, sự hiệp đồng tương trợ, chia lửa của các tỉnh, thành phố bạn, sự phối hợp chiến đấu của các binh đoàn chủ lực của Quân khu 5 và của Bộ Quốc phòng; đặc biệt là sự chi viện to lớn về sức người, sức của của hậu phương miền Bắc và quân dân 2 tỉnh kết nghĩa Thanh Hoá - Hải Phòng.

Từ đây, ước mơ ngàn đời của Nhân dân Quảng Nam là được làm chủ vận mệnh của mình, xây dựng cuộc sống mới ngay trên quê hương thân yêu đã trở thành sự thật. Tiếp tục tiến bước dưới ngọn cờ vinh quang của Đảng Cộng sản Việt Nam, toàn quân, toàn dân Quảng Nam lại hăng hái cùng cả nước bước vào giai đoạn cách mạng mới - xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

1. *Lịch sử lực lượng vũ trang Nhân dân tỉnh Quảng Nam, tập 2 (1954 - 1975)*, Nxb. QĐND, Hà Nội 2003, trang 399.

Chương 5

MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU HÀN GẮN VẾT THƯƠNG CHIẾN TRANH, XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975-1986)

I. ỔN ĐỊNH TÌNH HÌNH, KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, BƯỚC ĐẦU CẢI TẠO VÀ XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1975 - 1981)

1. Tham gia xây dựng chính quyền, củng cố Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể các cấp, thực hiện chính sách hòa hợp, hòa giải dân tộc, khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục sản xuất (1975 - 1976)

Sau ngày Quảng Nam - Đà Nẵng hoàn toàn giải phóng (29 - 3 - 1975), các cơ quan tiền phương của tỉnh Quảng Nam và Đặc khu Quảng Đà đã vào thành phố, thị xã tiếp quản các cơ sở chính quyền của địch. Các cơ quan của Đặc khu Quảng Đà đóng ở thành phố Đà Nẵng, các cơ quan lãnh đạo tỉnh Quảng Nam đóng tại thị xã Tam Kỳ. Ngày 30 - 3 - 1975, Ban Thường vụ Khu ủy V ra quyết định chỉ định ông Hồ Nghinh - Ủy viên Ban Thường vụ Khu ủy làm Bí thư Đặc Khu ủy Quảng Đà, kiêm Chủ tịch Ủy ban Quân quản thành phố Đà Nẵng. Tỉnh ủy Quảng Nam do ông Hoàng Minh Thắng làm Bí thư, Ủy ban Quân quản tỉnh Quảng Nam do ông Võ Quỳnh (Võ Văn Đoàn) - Phó Bí thư Tỉnh ủy làm Chủ tịch. Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng Đặc khu Quảng Đà do ông Hồ Nghinh - Bí thư

Đặc Khu ủy làm Chủ tịch; Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam do ông Nguyễn Thành - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận - Mặt trận làm Chủ tịch.

Để sớm ổn định tình hình các vùng mới giải phóng, cuối tháng 3 đầu tháng 4 - 1975, chính quyền cách mạng từ tỉnh đến xã, thôn nhanh chóng được thành lập và giữ quyền kiểm soát toàn bộ địa bàn. Các thành viên của chính quyền cách mạng do cơ quan chính quyền cấp trên chỉ định, hoặc do tổ chức Đảng, đoàn thể cùng cấp cử ra.

Quán triệt chủ trương của Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam, tại các vùng mới giải phóng, chính quyền cách mạng tiếp nhận những cơ sở vật chất, kỹ thuật, cơ sở kinh tế, văn hóa, các căn cứ quân sự, các công trình công cộng..., của chế độ cũ. Nhờ ý thức cảnh giác, tinh thần đấu tranh kiên quyết của các tầng lớp Nhân dân, cùng sức mạnh tiến công của các lực lượng vũ trang giải phóng, nên công tác tiếp quản vùng mới giải phóng từ thành thị đến nông thôn, từ đất liền đến hải đảo, từ các căn cứ quân sự đến các cơ sở sản xuất, hành chính, văn hóa được tiến hành khẩn trương và kết quả thu nhận được gần như nguyên vẹn.

Đồng thời với việc xây dựng chính quyền các cấp, các đoàn thể quần chúng cách mạng được thành lập và phát triển trong các vùng mới giải phóng. Ở những nơi đã có các đoàn thể hoạt động bí mật từ trước thì nay đều ra hoạt động công khai và được củng cố, mở rộng thêm đội ngũ. Ở những nơi chưa có cơ sở cách mạng, trong không khí phấn khởi sau ngày giải phóng, đồng bào ta từ thành thị đến nông thôn nô nức gia nhập các đoàn thể cách mạng, hăng hái tham gia các hoạt động xây dựng

cuộc sống mới. Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam các cấp phát triển nhanh, mở rộng phạm vi tới mọi ngành, mọi giới trong xã hội. Mặt khác, thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ Quảng Nam và Đặc khu uỷ Quảng Đà về việc động viên sức người, sức của phục vụ cho chiến dịch giải phóng các tỉnh, thành còn lại của miền Nam. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và đoàn thể các cấp tích cực huy động trong dân hàng ngàn các loại phương tiện vận chuyển để đưa bộ đội, xăng dầu, lương thực, thực phẩm vào các tỉnh phía Nam. Riêng Hội Phụ nữ giải phóng đã vận động chị em trong các tầng lớp Nhân dân, nhất là chị em tiểu thương, tiểu chủ đóng góp lương thực, thực phẩm để ủng hộ bộ đội trên đường vào Nam chiến đấu¹.

Chính quyền cách mạng các cấp cùng các đoàn thể quần chúng đã thực hiện những biện pháp nhanh chóng ổn định tình hình chính trị - xã hội, giữ vững và phát huy những thành quả cách mạng đã giành được. Không lâu sau khi tỉnh Quảng Nam và Đặc khu Quảng Đà được hoàn toàn giải phóng, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam các cấp đã tổ chức tuyên truyền, quán triệt trong các tầng lớp Nhân dân nội dung *Chính sách Mười điểm* đối với vùng mới giải phóng, do Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam công bố (1 - 4 - 1975) về thái độ của cách mạng đối với binh lính, sĩ quan các cấp trong quân đội Sài Gòn và gia đình của họ. Chính sách khẳng định: “*Chỉ trừ số ít những kẻ ngoan cố, cam tâm bán nước, làm tay sai cho Mỹ, gây nhiều tội ác đối với nước, với dân - đại diện là tập đoàn thống trị Nguyễn Văn Thiệu, còn phần lớn anh em binh lính, sĩ quan bị lừa hoặc bị cưỡng bức. Cách mạng hoan nghênh những ai quay trở về với dân tộc,*

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam 1975 - 2005*, trang 16.

ghi nhận những người có công và khen thưởng tùy theo mức độ, không phân biệt đối xử. Ai có công đặc biệt sẽ được thăng cấp. Ai vì lợi ích dân tộc mà gặp khó khăn sẽ được cách mạng giúp giải quyết khó khăn. Ai đưa vốn ra kinh doanh, cách mạng khuyến khích. Về với cách mạng, ai muốn có việc làm, cách mạng tạo cho việc làm, ai muốn tham gia công tác cách mạng, sẽ được cách mạng giao cho công tác thích hợp”¹. Đặc biệt, từ ngày 6 - 4 đến ngày 7 - 4 - 1975, Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và Nhân dân tỉnh Quảng Nam, Đặc khu Quảng Đà vinh dự được đón Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam Nguyễn Hữu Thọ về thăm và làm việc. Chủ tịch đã biểu dương chiến công của 2 địa phương, đồng thời đề nghị 2 địa phương làm tốt công tác ổn định mọi mặt đời sống Nhân dân, giữ vững trị an; động viên sức người, sức của góp phần giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước và tham dự cuộc mít tinh của hàng vạn quần chúng Đà Nẵng tại sân vận động Chi Lăng².

Thực hiện chính sách hòa hợp, hòa giải dân tộc theo tư tưởng nhân văn của Bác Hồ: “Năm ngón tay cũng có ngón ngắn ngón dài... Trong mấy chục triệu người cũng có người thế này, người thế khác, nhưng đều thuộc dòng dõi tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại lượng. Ta phải nhận thấy rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lầm đường, ta phải lấy tình thân ái cảm hóa họ. Có như thế mới thành đại đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc sẽ vẻ vang”, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam các cấp tỉnh Quảng Nam và Đặc khu Quảng Đà

1. Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập, trang 1103.

2. Biên niên sự kiện lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam 1975 - 2005, trang 14.

tích cực phối hợp với chính quyền cách mạng vận động sĩ quan, binh lính, công chức, viên chức, nhân viên của chính quyền Sài Gòn, đảng viên của các đảng phái phản động ra trình diện và giao nộp vũ khí, tài liệu để hưởng chính sách khoan hồng của cách mạng. Kết quả đã tổ chức đăng ký, quản lý 173.834 đối tượng; tập trung cải tạo 8.595 đối tượng, trong đó có 4.129 sĩ quan do Quân khu 5 quản lý, 4.466 nhân viên, cảnh sát và đảng phái phản động do cơ quan an ninh quản lý, 8.307 đối tượng là hạ sĩ quan, nhân viên do cấp quận, huyện, xã, phường quản lý. Các lực lượng vũ trang tổ chức truy quét số ngoan cố không ra trình diện, kịp thời trấn áp bọn phản động dùng chất nổ mưu sát cán bộ, phá hoại các cơ sở kinh tế; một số phần tử cơ hội, lợi dụng các hoạt động tôn giáo, tuyên truyền những luận điệu sai trái, gây ảnh hưởng không tốt trong nội bộ Nhân dân ở một số nơi như Hòa Vang, Điện Bàn, Thăng Bình, Quế Sơn, Tam Kỳ...; thành lập lực lượng An ninh vũ trang Biên phòng, các đồn, trạm an ninh vũ trang vùng biên giới, bờ biển, cửa khẩu, cảng biển, sân bay để ngăn chặn các hoạt động phản cách mạng và các phần tử bất mãn tìm cách vượt biên, vượt biển ra nước ngoài; nhanh chóng thu hồi, bảo quản, khai thác hồ sơ tài liệu do địch để lại, phục vụ cho công tác đấu tranh lâu dài, chống lại các thế lực phản động, thù địch. Đồng thời, tổ chức thu gom, quản lý số vũ khí của địch, tỉnh Quảng Nam và Đặc khu Quảng Đà đã thu 63.616 khẩu súng các loại, trong đó có 35 khẩu pháo 105 mm, 8 khẩu 155 mm, hàng trăm cối 81 mm, 60 mm; 12.225 tấn đạn; hàng chục máy bay, tàu chiến, quân xa và nhiều quân trang, quân dụng của quân đội và chính quyền Sài Gòn để lại¹.

1. Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (1975 - 1996)*, Nxb. Đà Nẵng, trang 13 - 14.

Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam các cấp tỉnh Quảng Nam và Đặc khu Quảng Đà còn phối hợp với chính quyền cách mạng tiến hành vận động, huy động hàng ngàn lượt phương tiện giao thông đưa gần 100.000 dân của các tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế về lại nguyên quán; đưa hơn 70 vạn dân vùng nông thôn trong tỉnh bị địch trấn áp đưa vào thành phố, thị xã, khu dồn về lại làng cũ; hỗ trợ mỗi hộ 20 tấm tôn, 20 kg lương thực đối với mỗi sào đất mà người lao động khai hoang, phục hóa và có chính sách 5 năm không thu thuế trên đất khai hoang. Theo thống kê, dân số Quảng Nam lúc mới giải phóng có 947.900 người, trong đó có 892.700 người sống ở nông thôn¹, lao động nông nghiệp chiếm đa số và chưa được đào tạo về nghề nghiệp, cuộc sống của người dân rất kham khổ, sản xuất đình đốn, không có công ăn việc làm; giáo dục - đào tạo, y tế kém phát triển; các tệ nạn xã hội còn tràn lan.

Ngay sau khi Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, non sông thu về một mối, Ủy ban nhân dân cách mạng khu Trung Trung bộ thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Quảng Nam do ông Võ Quỳnh (Võ Văn Đoàn) làm Chủ tịch, Ủy ban nhân dân cách mạng Đặc khu Quảng Đà do ông Phạm Đức Nam làm Chủ tịch. Để đáp ứng yêu cầu chỉ đạo và tổ chức thực hiện trong tình hình mới, tháng 5 - 1975, Tỉnh ủy Quảng Nam và Đặc Khu ủy Quảng Đà đã chỉ đạo giải thể, sáp nhập một số huyện; thị xã; xã, phường. Ở Quảng Nam, giải thể Ban Cán sự khu Nam Trà, huyện Quế Tiên; sáp nhập huyện Nam Trà My và Bắc Trà My thành huyện Trà My; thị xã Tam Kỳ và huyện Bắc Tam Kỳ thành huyện Tam Kỳ; đồng thời sáp nhập 33 xã nhỏ

1. Lý Nhạc, *Thành quả 30 năm đổi mới cơ cấu cây trồng của Quảng Nam*, Tam Kỳ 2006, trang 8.



Các tầng lớp Nhân dân thị xã Tam Kỳ rước ảnh Bác Hồ diễu hành trên các đường phố chào mừng miền Nam hoàn toàn giải phóng (5/1975)

vào các xã lớn. Qua sáp nhập, tỉnh Quảng Nam còn 7 huyện, thị: Nam Tam Kỳ, Tam Kỳ, Thăng Bình, Quế Sơn, Phước Sơn, Trà My, Tiên Phước với 129 xã, phường. Ở Đặc khu Quảng Đà, hợp nhất các Khu I, II, III thành huyện Hòa Vang, giải thể Ban Cán sự Khu Lam Sơn; sáp nhập huyện Đông Giang và Tây Giang thành huyện Hiên, đổi tên huyện Nam Giang thành huyện Giăng. Đồng thời tỉnh Quảng Nam và Đặc khu Quảng Đà cũng giải thể một số đơn vị không còn phù hợp với tình hình mới như Ban đấu tranh chính trị, Ban binh vận, Ban miền núi¹.

Ngày 19 - 5 - 1975, Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam họp củng cố, kiện toàn gồm 35 vị, do ông Nguyễn Thành - Ủy viên Ban Thường vụ

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam 1975 - 2005*, trang 16.

Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận - Mặt trận tiếp tục làm Chủ tịch; các ông/bà: Hồ Thị Kim Thanh, Nguyễn Thành Nhơn, Võ Xuân Sanh, Huỳnh Thắng, Đỗ Viết Can làm Phó Chủ tịch, ông Trần Hải làm Ủy viên Thường trực. Cùng thời gian này, Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam Đặc khu Quảng Đà cũng tổ chức họp đề cử củng cố, kiện toàn gồm 43 vị, do ông Hồ Nghinh - Bí thư Đặc Khu ủy, tiếp tục làm Chủ tịch; ông Phạm Hồng Quang (Trần Văn Tân) - Ủy viên Ban Thường vụ Đặc khu làm Phó Chủ tịch; ông Trương Văn Dũng làm Ủy viên Thường trực.

Cuối tháng 5 - 1975, Ủy ban Quân quản các cấp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, kết thúc hoạt động và tổ chức bàn giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân cách mạng các cấp vừa được thành lập.

Thực hiện Nghị quyết số 245 - NQ/TW, ngày 20 - 9 - 1975 của Bộ Chính trị về việc bỏ khu, hợp nhất tỉnh, ngày 04 - 10 - 1975, Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời khu Trung Trung bộ ra Quyết định số 119/QĐ về việc hợp nhất tỉnh Quảng Nam và Đặc khu Quảng Đà thành tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng¹.

Ngày 19 - 10 - 1975, Ban Thường vụ Khu ủy V ra Quyết nghị số 01/QN thành lập Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh sau khi hợp nhất gồm 36 người, do ông Hồ Nghinh - nguyên Bí thư Đặc Khu ủy Quảng Đà làm Bí thư Tỉnh ủy, ông Hoàng Minh Thắng - nguyên Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam làm Phó Bí thư kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Quảng

1. Tháng 11-1975, huyện Tam Kỳ và huyện Nam Tam Kỳ được sáp nhập thành huyện Tam Kỳ. Do đó, sau khi hợp nhất, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng có 16 quận, thị, huyện: Tam Kỳ, Thăng Bình, Quế Sơn, Tiên Phước, Duy Xuyên, Điện Bàn, Đại Lộc, Hoà Vang, Hiệp, Giăng, Phước Sơn, Trà My; thị xã Hội An; Quận Nhất, Nhì, Ba (3 quận này thuộc Đà Nẵng trước đây); 192 xã, 34 phường.

Nam - Đà Nẵng. Theo đó, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cũng lần lượt được sát nhập theo đơn vị hành chính mới.

Ngày 25 - 10 - 1975, tại Đà Nẵng, dưới sự chủ trì của ông Hồ Nghinh - Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng, Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam và Đặc khu Quảng Đà đã tổ chức Hội nghị hợp nhất, cử ra Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh gồm 40 vị, ông Hồ Nghinh - Ủy viên Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, Bí thư Tỉnh ủy được cử làm Chủ tịch; các ông Nguyễn Thành, Phạm Hồng Quang được cử làm Phó Chủ tịch.

Để phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ công tác Mặt trận trong thời kỳ mới, ngày 29 - 3 - 1976, Bộ Chính trị (khóa IV) ra Nghị quyết số 249-NQ/TW thành lập Ban Dân vận - Mặt trận Trung ương và các tỉnh, thành trong cả nước, nhằm giúp cấp ủy lãnh đạo Mặt trận Dân tộc thống nhất. Ngày 24 - 5 - 1976, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra quyết định về việc thống nhất các đoàn thể nhân dân và các tổ chức Mặt trận trong cả nước. Theo đó, Ban Dân vận - Mặt trận tỉnh lúc này có cơ cấu nhân sự nhất thể hóa với Mặt trận về mặt tổ chức, cán bộ. Ban phân công các ủy viên của Ban phụ trách từng lĩnh vực công tác như Công - Thương vận, Trí thức vận, Tôn giáo vận, Hoa vận... Các đoàn thể nhân dân cách mạng lúc này là tổ chức thành viên của Mặt trận, người đứng đầu các đoàn thể của tỉnh là Ủy viên của Ban Dân vận - Mặt trận. Ban Dân vận - Mặt trận tỉnh được thành lập đã tạo điều kiện thuận lợi cho Mặt trận có sự chỉ đạo trực tiếp trong việc quán triệt, tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; đồng thời theo dõi, nắm bắt tình hình, tâm tư nguyện vọng của các tầng lớp Nhân dân phản ánh trực tiếp cho Đảng và Nhà nước.

Từ tháng 2 - 1976, Ủy ban Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng và các đoàn thể chính trị - xã hội tiến hành tuyên truyền, hiệp thương giới thiệu những người ra ứng cử đại biểu Quốc hội khóa VI (1976-1981), vận động Nhân dân tiến tới cuộc Tổng tuyển cử được triển khai trong phạm vi cả nước. Ngày 25 - 4 - 1976, cuộc Tổng tuyển cử đại biểu Quốc hội khóa VI chung cả nước, thực sự đã trở thành ngày hội đoàn kết, thống nhất non sông của dân tộc Việt Nam. Cùng với cả nước, cử tri trong tỉnh nô nức đi bỏ phiếu. Tổng số cử tri đi bầu đạt tỷ lệ 99,11%, số đại biểu trúng cử tại khu vực Quảng Nam - Đà Nẵng là 15 vị, gồm các ông/bà: Vũ Trọng Hoàng (Bốn Hương), Võ Chí Công, Nguyễn Ngọc, Trần Đình Tri, Nguyễn Chơn, Trần Thị Liễu, Trần Văn Mố, Nguyễn Thành Long, Hồ Nghinh, Chu Huy Mân, Nguyễn Văn Ứng, Hồ Thị Lý, Lê Thị Hạnh (Lê Thị Hiếu), Vĩnh Linh và Priu Prăm.

Song song với việc thực hiện chính sách hòa hợp, hòa giải dân tộc; củng cố, kiện toàn công tác tổ chức, thực hiện các nhiệm vụ chính trị; khuyến khích hàng chục nghìn lao động ở các vùng đông dân, trọng tâm là ở các đô thị như Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ và các huyện đồng bằng ven biển đi xây dựng các vùng kinh tế mới, chủ yếu là vào miền Đông Nam Bộ, Tây Nguyên... Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam và đoàn thể các cấp rất chú trọng phối hợp với chính quyền cách mạng tiến hành khôi phục kinh tế, nhanh chóng ổn định cuộc sống mọi mặt cho Nhân dân. Trong các vùng nông thôn mới giải phóng, do hậu quả của những cuộc tàn sát theo chính sách “*tam quang*” (đốt sạch, giết sạch, phá sạch), dồn dân lập vành đai trắng của địch, có đến 927 trong

tổng số 1.118 thôn bị cày ủi trắng, trong đó có 400 thôn, bản bị huỷ diệt hoàn toàn, 185.000 trâu bò bị giết hại, hàng ngàn héc-ta đất bị bỏ hoang, hầu hết đường sá, đê đập mương máng thủy lợi bị san bằng; nhà cửa, ruộng đồng xác xơ bởi xe ủi, chất độc hóa học, B52 tàn phá; nhân công, nông cụ và sức kéo thiếu nghiêm trọng. Kỹ thuật canh tác hết sức lạc hậu, đời sống Nhân dân thấp kém. Vì vậy, để khôi phục sản xuất nông nghiệp, ta đã tịch thu, trưng thu ruộng đất của địa chủ và Việt gian phản động; đồng thời vận động địa chủ thường hiến điền; chia lại ruộng đất theo nguyên tắc công bằng và hợp lý. Nhờ đó, chỉ trong một thời gian ngắn, ta đã tiến hành phân chia 20.300 héc-ta ruộng đất cho 14 vạn hộ nông dân không có ruộng đất. Ở những nơi Nhân dân bị địch xúc tát mới trở về thì tiến hành điều hoà lao động, điều chỉnh việc ăn ở; phát động phong trào tháo gỡ bom mìn, khai hoang, phục hoá, mở rộng diện tích canh tác, làm thủy lợi...

Riêng trong công cuộc rà phá bom mìn, dọn sạch đồng ruộng, trong thời gian ngắn đã tháo gỡ 1.130.000 quả bom mìn, san lấp hàng ngàn hố bom, trên 500 người đã hy sinh và trên 3.000 người khác bị thương để làm sạch đất đai. Và trên mặt trận mới này cũng đã xuất hiện những người anh hùng, như xã đội trưởng Huỳnh Tiến Năm (Duy Tân, Duy Xuyên) đã tự tay mình tháo gỡ hàng trăm quả mìn và chỉ huy du kích tháo gỡ hàng nghìn quả khác, ngay cả khi đã bị thương mù cả hai mắt vẫn không chịu rời trận địa, ở lại động viên đồng đội và Nhân dân tiếp tục rà phá bom mìn.

Chiến dịch quy tập mìn đã làm sạch được khá nhiều đất đai, mở rộng diện tích canh tác, qui hoạch lại đồng ruộng. Đến cuối tháng 6 - 1976, toàn tỉnh khai hoang được 2.000 héc-ta

ruộng, phục hóa gần 70.000 héc ta ruộng đất, đưa diện tích canh tác trong toàn tỉnh lên gấp 2 lần, từ 57.000 héc ta lên 122.000 héc ta¹. Xã Bình Dương (Thăng Bình), hai lần được tuyên dương anh hùng trong chiến tranh, lại trở thành một điển hình tiêu biểu của tỉnh vì thành tích khôi phục những rừng phi lao hàng chục triệu cây trên vùng đất cát từng bị kẻ thù huỷ diệt.

Nhằm giải quyết vấn đề lương thực, đảm bảo đời sống Nhân dân trước mắt và đề phòng nạn đói, tiến đến tự túc hoàn toàn lương thực trong năm 1976. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ở nhiều địa phương đã vận động Nhân dân cấy hết diện tích lúa Đông Xuân, đẩy mạnh sản xuất rau màu, thực hiện khẩu hiệu “*Tắc đất tắc rau màu*”, “*Người người trồng rau, nhà nhà trồng rau, rau xanh quanh vườn*”; chuẩn bị đủ nước, phân, giống và làm đất ngay sau khi thu hoạch vụ Đông Xuân; phát triển vụ Xuân Hè, tích cực chuẩn bị các mặt cho vụ Hè Thu, làm tốt công tác thủy lợi; đẩy mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm; làm tốt công tác thu mua và phân phối lương thực; vận động phong trào tiết kiệm lương thực.

Trong chiến tranh, bất chấp mọi hiểm nguy, gian khổ, Nhân dân đất Quảng kiên cường trụ bám với tinh thần “*Một tắc không đi, một lý không rời*”, sau ngày giải phóng, họ đã tiến hành phong trào khai hoang, phục hóa với tinh thần “*Bắt cổ đại đầu hàng, dành chỗ cho ngô, khoai, sắn, đậu*”, “*Trải màu xanh cho đất thép thành đồng*”. Nhờ tinh thần đó, sản xuất lương thực năm 1976 đạt 154.386 tấn, bình quân lương thực tính theo đầu người đạt 140 kg/năm². Về cơ bản, bước đầu đã đẩy lùi

1. *Tìm hiểu con người xứ Quảng*, trang 70.

2. *Thành quả 30 năm đổi mới cơ cấu cây trồng của Quảng Nam*, trang 10 và trang 20.

được nguy cơ của nạn đói và khan hiếm lương thực cho Nhân dân, tạo cơ sở vững chắc cho những năm tiếp theo.

Trên lĩnh vực sản xuất công nghiệp, sau giải phóng nhìn chung ở Quảng Nam không có gì đáng kể. Ngoài các nhà máy điện ở Hội An, Tam Kỳ, Vĩnh Điện với quy mô nhỏ, các cơ sở còn lại đáng kể nhất chỉ có một số ít xí nghiệp tư nhân nhỏ bé như Xưởng in Nam Ngãi, các xưởng sản xuất nước đá ở Hội An, Tam Kỳ, Chu Lai... mỗi cơ sở chỉ giới hạn từ 5 - 10 công nhân. Chính quyền cách mạng tiến hành kiểm kê, khôi phục các cơ sở công nghiệp, thủ công nghiệp; giải quyết công ăn, việc làm cho hàng ngàn lao động.

Sau chiến tranh, mặc dù còn bẽ bộn công việc, nhưng dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, sự vận động tích cực của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và các đoàn thể, nhiều phong trào thi đua yêu nước đã được phát động trong công nhân, viên chức. Trong sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp có phong trào thi đua giành “*Ba điểm cao*” (năng suất cao, chất lượng tốt, tiết kiệm nhiều); trong khối viên chức hành chính có phong trào thi đua “*Ba cải tiến*” (cải tiến về tổ chức, cải tiến nhiệm vụ công tác và cải tiến lề lối làm việc); ngành giáo dục có phong trào “*Bốn ngọn cờ hồng*” (mỗi giáo viên có một giờ dạy hay, 1 giáo án mẫu, 1 dụng cụ trực quan tốt và một sáng kiến hay); trên các công trường xây dựng có phong trào “*Bốn nhất*” (năng suất cao nhất, chất lượng tốt nhất, tiết kiệm nhất và an toàn nhất¹).

Các phong trào thi đua đã được công nhân, viên chức hưởng ứng tích cực và đã đạt được nhiều kết quả quan trọng.

1. *Lịch sử phong trào công nhân lao động và Công đoàn tỉnh Quảng Nam (1929 - 2000)*, trang 167.

Tại Lâm trường Trà My, trong thời gian ngắn, công nhân đã tu sửa, rải đá hàng trăm km đường từ Trà My đi các vùng lân cận và làm mới 20 km đường phục vụ khai thác gỗ. Xí nghiệp cơ khí Hội An, trong đợt chào mừng kỷ niệm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9-1976, chỉ trong vòng 7 ngày (19 đến 25 - 8), công nhân đã sản xuất được 32 máy tuốt lúa đôi cung cấp cho bà con nông dân. Tại Nhà máy Điện Tam Kỳ có phong trào phấn đấu vượt 10 - 15% sản lượng điện, sửa chữa máy phát điện có công suất 200 ki-lô-oát giờ, phục hồi xe có sức chở 3 tấn, sửa chữa hệ thống điện đường thị xã Tam Kỳ, xây dựng đường dây cao thế 15 ki-lô-vôn từ nhà máy đến ga, cầu Tam Kỳ...

Các hoạt động văn hoá, giáo dục, y tế, xã hội được tiến hành rất khẩn trương. Đài phát thanh, vô tuyến truyền hình, báo chí được kịp thời sử dụng vào công tác thông tin, tuyên truyền, cổ động. Các hình thức và nội dung hoạt động văn hoá, văn học, nghệ thuật lành mạnh, sinh động lan tỏa khắp mọi nơi, đồng thời với việc nghiêm cấm những hoạt động văn hoá phản động, đồi trụy, bài trừ những tệ nạn xã hội cũ như mê tín, dị đoan, ma túy... Cuộc sống văn hoá mới dần dần được xây dựng. Hệ thống các trường học lần lượt được mở lại. Việc xoá nạn mù chữ được chú trọng. Các địa phương đều phát động phong trào bình dân học vụ, mở các lớp bổ túc văn hoá ở khắp nơi. Ngành y tế được xây dựng đều khắp. Nhiều đội y tế lưu động được phái xuống các thôn, xã tổ chức tiêm phòng, khám chữa bệnh cho Nhân dân, kịp thời dập tắt những ổ dịch. Công tác vệ sinh phòng bệnh, hoạt động thể dục, thể thao cũng được chú ý phát động thành phong trào quần chúng.

Từ ngày 4 đến ngày 6 - 6 - 1976, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trì hội nghị bàn về công tác Dân vận - Mặt trận, nhằm

đánh giá tình hình công tác kể từ ngày hợp nhất Ủy ban Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam và Đặc khu Quảng Đà. Hội nghị cho rằng, công tác Dân vận - Mặt trận đã đạt một số thành tựu đáng kể, rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu, song vẫn còn yếu, chưa đáp ứng kịp với phong trào quần chúng, chưa phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng¹. Tháng 7 - 1976, trên địa bàn miền núi Hội Nông dân lao động các huyện cũng được thành lập theo Chỉ thị số 48-CT/TV ngày 12 - 7 - 1976 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nhằm tập hợp lứa tuổi nam trung niên vào tổ chức quần chúng, để cùng với Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ làm nòng cốt trong việc xây dựng, phát triển miền núi.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XI (vòng 1) diễn ra từ ngày 10 đến 18 - 11 - 1976 tại Đà Nẵng. Đại hội đã đóng góp ý kiến vào nội dung dự thảo Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III), kế hoạch Nhà nước 5 năm 1976 - 1980 và nhiều ý kiến cụ thể vào nhiệm vụ xây dựng và cải tạo xã hội chủ nghĩa (XHCN) đối với các tỉnh phía Nam. Đối với Mặt trận và các đoàn thể, Nghị quyết Đại hội xác định phải nhanh chóng kiện toàn tổ chức Mặt trận và các tổ chức đoàn thể quần chúng các cấp, từng bước hoàn thành cơ cấu tổ chức, xây dựng đội ngũ có năng lực trình độ.

Từ ngày 14 đến 20 - 12 - 1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV Đảng diễn ra tại Hà Nội. Đây là Đại hội mở đầu thời kỳ cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội (CNXH), vạch ra đường lối chung của cách mạng XHCN ở nước ta trong giai đoạn mới là “*Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền*

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam (1975 - 2005)*, trang 41.

làm chủ tập thể của Nhân dân lao động, tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa”¹. Đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ, nguyên tắc xây dựng Mặt trận Dân tộc Thống nhất trong thời kỳ mới của cách mạng cả nước. Đại hội đã tổng kết những kinh nghiệm phong phú của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; trong đó khẳng định đường lối đại đoàn kết dân tộc và xây dựng Mặt trận Dân tộc Thống nhất trở thành một trong những nhân tố đảm bảo thắng lợi của cách mạng. Đại hội đã định ra đường lối, nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới cả nước tiến lên CNXH và khẳng định vai trò, vị trí quan trọng của Mặt trận; đồng thời chỉ ra nội dung, nhiệm vụ của Mặt trận Dân tộc Thống nhất trong thời kỳ mới.

Nghị quyết Đại hội chỉ rõ: “Ngày nay, Mặt trận Dân tộc thống nhất trong cả nước bao gồm nhiều chính đảng, đoàn thể, giai cấp, tầng lớp khác nhau, lấy liên minh công nông làm cơ sở, do Đảng ta lãnh đạo, mang tính chất yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, mục tiêu chung của mọi thành viên trong Mặt trận là xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa”. Mặt trận có nhiệm vụ củng cố khối đoàn kết toàn dân, đoàn kết các dân tộc anh em, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần làm chủ tập thể xã hội của Nhân dân, động viên toàn dân thi đua xây dựng thành công CNXH ở nước ta. Trên cơ sở đúc kết từ thực tiễn tổ chức, hoạt động của Mặt trận qua các thời kỳ cách mạng, Báo cáo Chính trị tại Đại hội lần thứ IV xác định “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là hình thức tổ chức nhằm thực hiện sự thống nhất hành động

1. *Đại cương lịch sử Việt Nam toàn tập*, trang 1113.

giữa các đoàn thể thành viên, làm việc theo nguyên tắc hiệp thương dân chủ, hợp tác tương trợ”.

Đại hội lần thứ IV của Đảng là đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, đại hội thống nhất Tổ quốc, đại hội đưa cả nước tiến lên con đường XHCN. Từ đây trong trái tim của mỗi người Việt Nam, yêu nước gắn liền với yêu CNXH và mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và XHCN trở thành sợi dây kết nối cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Những thành tựu nêu trên của Đảng, chính quyền và Mặt trận các cấp trong những năm đầu sau giải phóng đã đem lại lòng tin cho Nhân dân, nhất là ở những vùng mới giải phóng. Kết quả hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể về các mặt tuy còn một số hạn chế, nhưng có tác dụng to lớn trong việc sớm ổn định tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. Chính sự ổn định của xã hội, lòng tin của dân chúng vào chế độ mới là điều kiện căn bản để chúng ta cùng cả nước tiến hành công cuộc xây dựng CNXH theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XI.

2. Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ I, động viên toàn dân đoàn kết xây dựng Tổ quốc Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa (1977 - 1981)

Từ ngày 31 - 01 đến ngày 04 - 02 - 1977, tại Hội trường Thống nhất, thành phố Hồ Chí Minh đã diễn ra Đại hội thống nhất 03 tổ chức Mặt trận của cả nước: Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hòa bình Việt Nam và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Đại hội là sự kiện đoàn tụ của đại gia đình dân tộc Việt Nam, là kết quả của cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất suốt mấy chục năm của đồng bào và chiến sĩ cả nước dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam và của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Tại Đại hội, đại biểu các tầng lớp Nhân dân, các tổ chức, đoàn thể nhiệt liệt hoan nghênh việc thống nhất thành một mặt trận duy nhất lấy tên là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Các đại biểu đã thảo luận sôi nổi về những vấn đề quốc kế, dân sinh thuộc nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau, góp nhiều ý kiến cụ thể, phong phú nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân trong giai đoạn mới của cách mạng.

Đại hội nhất trí thông qua Chương trình hành động gồm 8 điểm¹ và Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam dựa trên nguyên tắc: bảo đảm đoàn kết rộng rãi tất cả các lực lượng yêu nước và tán thành CNXH, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và dựa trên cơ sở liên minh công nông; tăng cường thống nhất hành động trong Mặt trận, phát huy vai trò tích cực của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong công cuộc cải tạo XHCN và xây dựng CNXH ở nước ta. Đại hội nhất trí thông qua nghị quyết tán thành Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và ra Lời kêu gọi đồng bào, chiến sĩ cả nước, kiều bào nước ngoài đoàn kết chặt chẽ hơn nữa, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể, nêu cao ý chí tự lực, tự cường, khí phách anh hùng và tinh thần cách mạng tiến công ra sức thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng Cộng sản Việt Nam.

1. Gồm: - Xây dựng chế độ làm chủ tập thể XHCN; Xây dựng nền sản xuất lớn XHCN; Xây dựng nền văn hóa mới, con người mới XHCN; Chăm sóc vật chất và văn hóa của nhân dân; Củng cố quốc phòng - an ninh; Thực hiện dân tộc bình đẳng, nam nữ bình quyền, tôn trọng tự do tín ngưỡng; Tăng cường hữu nghị và hợp tác quốc tế; Đoàn kết rộng rãi các lực lượng yêu nước và yêu CNXH.

Đại hội đã thống nhất hiệp thương cử 191 vị vào Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng được suy tôn là Chủ tịch danh dự của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Ông Hoàng Quốc Việt được cử làm Chủ tịch Đoàn Chủ tịch. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có 44 vị ủy viên. Ban Thư ký có 7 vị do ông Nguyễn Văn Tiến làm Tổng Thư ký và ông Vũ Đức làm Phó Tổng Thư ký.

Ngày 8 - 3 - 1977, Ban Bí thư Trung ương (khóa IV) ban hành Chỉ thị số 05-CT/TW về tăng cường công tác Dân vận và Mặt trận trong tình hình mới. Nêu rõ mục đích đoàn kết toàn dân là động lực phát triển của đất nước và là bản chất của chế độ XHCN. Đồng thời, chỉ đạo các Tỉnh ủy, Thành ủy thành lập và duy trì mô hình Ban Dân vận - Mặt trận; ở cấp huyện mô hình tổ chức, hoạt động là khối Dân vận - Mặt trận, phân công Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện làm Trưởng khối; ở cấp xã có Ủy viên Ban Thường vụ, hoặc cấp ủy viên phụ trách công tác Dân vận - Mặt trận. Như vậy, trong giai đoạn này vừa có Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đồng thời vẫn duy trì hoạt động của Ban Dân vận - Mặt trận. Tuy về bộ máy, tổ chức là một, song về chức năng, nhiệm vụ thì có khác nhau: Ban Dân vận - Mặt trận là cơ quan tham mưu cho cấp ủy về công tác vận động quần chúng còn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là cơ quan có chức năng, nhiệm vụ chủ yếu trong việc tổ chức thực hiện các phong trào hành động cách mạng của quần chúng.

Từ ngày 25 - 4 đến ngày 02 - 5 - 1977, tại Đà Nẵng đã diễn ra Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XI (vòng 2). Đại hội đã xác định phương hướng nhiệm vụ của Đảng bộ đến năm 1980 là: “*Tăng cường sự lãnh đạo và nâng*

cao sức chiến đấu của Đảng bộ, kiện toàn chính quyền các cấp, tiếp tục phát động phong trào cách mạng của quần chúng, chủ yếu là phong trào thi đua lao động sản xuất, cần, kiệm xây dựng CNXH; cơ bản hoàn thành cải tạo XHCN, tạo ra một bước chuyển mới trong việc tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng; tập trung sức đẩy mạnh nông nghiệp để giải quyết cơ bản vấn đề lương thực...”, Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, do ông Hồ Nghinh làm Bí thư.

Để thống nhất hình thức tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp trong cả nước, thực hiện Thông tri số 2-TT/TW ngày 27 - 12 - 1976 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, ngày 15 - 5 - 1977, được chọn là ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Tại Quảng Nam - Đà Nẵng, thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã tiến hành hiệp thương theo nguyên tắc dân chủ và công bằng nhằm lựa chọn những người có đức đủ tài ra ứng cử, đồng thời vận động các tầng lớp Nhân dân tham gia bầu cử. Kết quả, Hội đồng nhân dân tỉnh (khóa I), có 99,35% cử tri tham gia bầu cử và bầu ra 115 vị đại biểu, trong đó có 37 vị là nữ (32,17%) và 10 vị là đại biểu dân tộc thiểu số. Hội đồng nhân dân cấp huyện, tỷ lệ cử tri đi bầu đạt 99,40%, bầu được 700 đại biểu. Hội đồng nhân dân cấp xã, tỷ lệ cử tri đi bầu đạt hơn 99%¹.

Nhằm cụ thể hóa đường lối chiến lược đại đoàn kết toàn dân theo Nghị quyết Đại hội IV của Đảng và Chỉ thị số 05-CT/TW của Ban Bí thư, Chương trình chính trị 8 điểm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XI, từ ngày 07 đến ngày 09 -

1. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (1975 - 1996)*, trang 103.



Ông VÕ VĂN ĐẶNG
Chủ tịch Ủy ban MTTQ
Việt Nam tỉnh QN - ĐN
(7/1977 - 7/1981)

7 - 1977, tại Đà Nẵng đã diễn ra Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ I. Tham dự Đại hội có 240 đại biểu. Đại hội đã đánh giá tình hình công tác của Mặt trận tỉnh trong 2 năm kể từ sau ngày giải phóng; tri ân công lao to lớn của đồng bào, cán bộ và chiến sĩ trong 21 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước và những đóng góp to lớn trong giai đoạn hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; đề ra Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh trong thời gian đến; Hiệp thương cử ra Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (khóa I) gồm 55 vị, ông Võ Văn Đặng - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận - Mặt trận được cử làm Chủ tịch; ông Hà Kỳ Ngộ, Giáo sư Vĩnh Linh, bà Trần Thị Tư làm Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

Sau Đại hội lần thứ I Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, tùy theo điều kiện cụ thể, các huyện, thị, thành phố trực thuộc tiến hành tổ chức Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp mình. Đặc biệt, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh hướng trọng tâm vào việc chuẩn bị tốt nội dung và nhân sự xây dựng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, phùng theo đúng tinh thần Chỉ thị số 49/CT-TV ngày 24 - 10 - 1977 của Ban Thường vụ Tỉnh

ủy. Trên cơ sở kết quả tổ chức Đại hội diễn ở một số đơn vị, sang năm 1978, các xã, phường tiến hành tổ chức Đại hội lựa chọn nhân sự tiêu biểu để hiệp thương thành lập Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp cơ sở. Đảng ủy cơ sở giới thiệu Ủy viên Ban Thường vụ phụ trách công tác dân vận - mặt trận để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiệp thương cử làm Chủ tịch. Thành công của việc vận động xây dựng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, phường đã góp phần tập hợp, thu hút đa số các tầng lớp Nhân dân tham gia các phong trào hành động cách mạng ở địa phương.

Trong 2 tháng 7 và 8 - 1977, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh cũng lần lượt hoàn thành công tác tổ chức Đại hội, kiện toàn nhân sự và đề ra phương hướng, nhiệm vụ phù hợp với tình hình mới. Sang năm 1978, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh có thêm một số thành viên mới như Chi hội Hội Nhà báo tỉnh (25 - 2 - 1978), Bộ Chỉ huy Quân sự thống nhất Quảng Nam - Đà Nẵng (19 - 9 - 1978)... Công tác phát triển đoàn viên, hội viên được các đoàn thể hết sức chú trọng, làm cho số lượng tăng lên nhanh chóng, điển hình như Đoàn Thanh niên tỉnh có 20 vạn thanh niên, 30 vạn thiếu nhi; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh có 130.031 hội viên/312.741 phụ nữ toàn tỉnh; Liên hiệp Công đoàn tỉnh có 23.339 đoàn viên, chiếm tỷ lệ 48,8% công nhân, viên chức toàn tỉnh.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên từ tỉnh đến cơ sở tập trung thực hiện nhiệm vụ xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, vận động các tầng lớp Nhân dân thực hiện các chủ trương của Đảng, Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong bối cảnh Nhân dân tỉnh ta vừa đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong công cuộc khôi phục kinh tế,



Sau ngày quê hương giải phóng, hàng ngàn thanh niên Quảng Nam - Đà Nẵng đăng ký lên đường bảo vệ Tổ quốc

hàn gấm vết thương sau chiến tranh, vừa phải gánh chịu những thiệt hại nặng nề do thiên tai xảy ra liên tiếp trong các năm 1977, 1978, lại phải cùng cả nước đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược ở biên giới Tây Nam và phía Bắc của Tổ quốc. Tuy nhiên, Nhân dân tỉnh nhà đã vượt qua những khó khăn, thực hiện thắng lợi trên nhiều lĩnh vực xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; phát triển kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất, phát triển văn hoá, giáo dục, y tế...

Về xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc, thực hiện lời dạy của Bác Hồ: *“Công tác Mặt trận là công tác rất quan trọng trong toàn bộ công tác cách mạng”*. Đối với nhân sĩ trí thức và những chức sắc đứng đầu các tôn giáo, tư sản dân tộc, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với vai trò là sợi dây nối liền rộng rãi các tầng lớp xã hội với Đảng, chính quyền và các đoàn thể, đã

thực hiện sách lược vừa mềm dẻo, vừa kiên quyết. Một mặt động viên khuyến khích, tích cực cảm hóa bằng chính sách hòa hợp dân tộc của Đảng, bằng tinh thần đại đoàn kết vì đại nghĩa dân tộc, không phân biệt lương giáo, thành phần giai cấp, mỗi người đều phải có nghĩa vụ đối với quê hương đất nước, đồng hành với dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng; tập hợp, đoàn kết, vận động tầng lớp tăng lữ và đồng bào có đạo tham gia các hoạt động xã hội và các hoạt động yêu nước, hướng dẫn giáo hội hoạt động theo tôn giáo đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước. Mặt khác, kiên quyết đấu tranh với những phần tử phản động, lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng để mưu cầu lợi ích cá nhân, móc nối với các phần tử phản động chống lại sự nghiệp cách mạng của toàn dân, đi ngược lại lợi ích dân tộc.

Với phương châm “vừa đoàn kết vừa đấu tranh, đoàn kết để giữ vững mặt trận cách mạng, đấu tranh để đi đến đoàn kết cao hơn. Không thể đoàn kết một chiều, thủ tiêu đấu tranh, cũng không thể đấu tranh vô nguyên tắc để ảnh hưởng đến đoàn kết”¹. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã làm tốt công tác tham mưu cho Tỉnh ủy sử dụng một cách có hiệu quả đội ngũ trí thức của chế độ cũ, hơn 800 người, được đào tạo khá bài bản ở trong và ngoài nước². Chính đội ngũ này cùng với những trí thức từ chiến khu xuống, từ miền bắc vào đã góp phần quan trọng trong sự nghiệp kiến thiết quê hương sau những năm dài bị chiến tranh tàn phá. Nhiều vị chức sắc tôn giáo, nhân sĩ trí thức đã tham gia vào Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và có nhiều đóng góp tích cực trong việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

1. Trích tham luận của ông Tôn Đức Thắng tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (9-1960).

2. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (1975 - 1996)*, trang 142.

Về phát triển kinh tế: Trong lĩnh vực công nghiệp, hàng loạt xí nghiệp được gấp rút xây dựng, như Xí nghiệp uơng tơ Giao Thủy, Mỏ than Ngọc Kinh, Xí nghiệp may Tam Kỳ, Nhà máy vôi Đại Hồng, Xí nghiệp gốm Quảng Thanh (Chợ Đuợc), Xí nghiệp gạch ngói Lai Nghi... Mỗi cơ sở sản xuất thu hút hàng trăm công nhân lao động¹. Trên lĩnh vực nông - lâm nghiệp, nhiều cơ sở sản xuất lớn tiếp tục được xây dựng và nhanh chóng đưa vào hoạt động như Lâm trường Sông Bung, Lâm trường Đại Lộc, Quế Sơn, Tiên Phước, Tam Kỳ và các nông trường như Nông trường Quyết Thắng, Đức Phú, Chiên Đàn..., góp phần quan trọng vào việc thực hiện chính sách dẫn dân, thay đổi cơ cấu kinh tế của tỉnh, tạo công ăn việc làm, nâng cao đời sống cho Nhân dân.

Nhờ tăng cường nhiều biện pháp khai hoang, thâm canh tăng vụ, sản xuất lương thực năm 1977 tăng hai lần so với năm 1975. Bình quân lương thực đầu người năm 1977 là 230 kg. Riêng lúa, nếu lấy sản lượng năm 1975 làm chuẩn thì năm 1977 tăng gần 14.400 tấn. Về gia súc gia cầm so với năm 1975 thì năm 1977 đàn trâu tăng 1,36 lần, đàn bò tăng 1,23 lần, đàn heo tăng 1,62 lần, đàn gia cầm tăng hơn hai lần, đã đáp ứng nhu cầu tiêu dùng cấp bách về lương thực, thực phẩm cho xã hội.

Một sự kiện quan trọng đối với đất và người xứ Quảng là ngày 29 - 3 - 1977, công trình đại thủy nông Phú Ninh, có sức chứa 36.000.000 m³, chủ động tưới cho hàng vạn ha đất nông nghiệp được khởi công. Tham gia xây dựng công trình này, ngoài Trung đoàn bộ đội 977 và các đơn vị thi công chuyên nghiệp, các đội thanh niên xung kích, đội 202, lực lượng các

1. *Lịch sử phong trào công nhân lao động và Công đoàn tỉnh Quảng Nam 1929 - 2000*, trang 175.



Các tầng lớp nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia xây dựng hồ Phú Ninh (năm 1978)

huyện, thị và các tầng lớp Nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng đã đóng góp hàng chục vạn ngày công lao động. Đặc biệt, Nhân dân vùng lòng hồ hy sinh tài sản, từ bỏ quê quán, nơi từng gắn bó với họ hàng trăm năm, sẵn sàng đến vùng tái định cư mới để cho công trình được tiến hành đúng tiến độ. Ngoài Phú Ninh, hàng loạt công trình thủy lợi khác như hồ chứa nước Hồ Giang (Quế Sơn), Cao Ngạn (Thăng Bình), Phước Hà (Tiên Phước)..., cũng được khởi công xây dựng trong thời kỳ này, góp phần mở ra phong trào làm ba vụ lúa trong một năm. Nhờ đó, năm 1980, sản lượng lương thực toàn tỉnh đạt 285.426 tấn, trong đó sản lượng lúa đạt 277.790 tấn, ngô đạt 7.636 tấn, chưa kể các loại hoa màu khác¹.

1. *Quảng Nam, 30 năm xây dựng và phát triển*, Cục Thống kê Quảng Nam, tháng 3 - 2005, trang 92.

Về cải tạo quan hệ sản xuất: Tiếp sau cuộc đấu tranh nhằm xoá bỏ bộ phận tư sản mại bản ở các đô thị, bắt đầu được triển khai từ cuối năm 1975 đến giữa năm 1976, là công tác cải tạo XHCN đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh. Và, từ đầu năm 1978, tiến hành cùng lúc trên qui mô toàn tỉnh, theo phương châm cải tạo kết hợp với xây dựng và tổ chức lại sản xuất. Kết quả là đến giữa năm 1979, chúng ta đã căn bản hoàn thành nhiệm vụ chuyển các cơ sở tư bản tư doanh trong các ngành công nghiệp, thương nghiệp, vận tải, xây dựng và dịch vụ quan trọng thành các xí nghiệp quốc doanh, công tư hợp doanh; đồng thời sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở đó theo qui hoạch từng ngành.

Trên lĩnh vực phân phối lưu thông, tiền tệ: Các công ty, cửa hàng quốc doanh đã từng bước vươn lên quản lý thị trường, ngay cả những thị trường ở các vùng sâu, vùng xa. Để đáp ứng kịp thời nhu cầu của cán bộ, công nhân viên, các lực lượng vũ trang cũng như các tầng lớp Nhân dân. Cán bộ, nhân viên của ngành đã không quản ngại khó khăn, ngày đêm lặn lội thu mua, tổ chức phân phối vật tư hàng hoá phục vụ ngày càng tốt hơn cho sản xuất, đời sống và quốc phòng. Từ trong phong trào, đã xuất hiện nhiều đơn vị tiêu biểu như Cửa hàng Lương thực Tắc Pô huyện Trà My (nay là Nam Trà My), Cửa hàng Lương thực Cây Sanh ở Tam Kỳ, Trạm Kinh doanh hàng xuất khẩu Hội An..., đã hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao. Tháng 5 - 1978, thực hiện chủ trương của Chính phủ về thu đổi tiền để thống nhất lưu thông tiền tệ trong cả nước, ở Quảng Nam - Đà Nẵng, đã thành lập 1.048 bàn đổi tiền và vận động các tầng lớp Nhân dân thực hiện tốt chủ trương này, góp phần thắng lợi vào công tác thu đổi tiền trong cả nước.

Đại bộ phận nông dân toàn tỉnh được hướng dẫn tham gia các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, từ các tổ vòng công, đổi công, đoàn kết tương trợ trong sản xuất hình thành từ những năm chiến tranh được tiếp tục mở rộng ở tất cả các xã nhằm giúp đỡ nhau giữa các hộ nông dân trong sản xuất, ổn định đời sống. Tính đến năm 1977, đã có 5.044 tổ đổi công, với 84,4 % số hộ nông dân đi vào hoạt động. Qua đó đã đào tạo, bồi dưỡng được 17.648 cán bộ tại các trường quản lý hợp tác xã để chuẩn bị cho việc thành lập hợp tác xã nông nghiệp. Cùng thời gian này, tiến hành xây dựng thí điểm 3 hợp tác xã: Duy Phước (Duy Xuyên), Bình Lãnh (Thăng Bình), Hòa Tiến (Hòa Vang) đã thu hút gần 100% số hộ nông dân vào hợp tác xã. Cả tỉnh cũng xây dựng được 4.424 tổ sản xuất, thu hút 257.877 lao động, 476.468 nhân khẩu nông nghiệp, chiếm tỷ lệ 79,5 %¹.

Sang năm 1978, Trung ương có chủ trương mở rộng xây dựng tập đoàn sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, xuất phát từ những điều kiện cụ thể của tỉnh ta, mô hình nông đoàn sản xuất từng được xây dựng ở địa bàn miền núi trong kháng chiến chống Pháp đã tỏ ra không phù hợp. Vì thế, Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà Nẵng đã có ý kiến và được Trung ương nhất trí cho phép chuyển đổi từ tổ vòng, đổi công từng vụ, việc lên hình thức tổ chức sản xuất có định mức khoán việc trong một số khâu sản xuất chủ yếu như làm đất, cấy, thu hoạch mùa vụ..., nhằm mục đích tập dượt cho nông dân làm quen dần với con đường làm ăn tập thể; tạo tiền đề vật chất cho việc mở rộng mô hình hợp tác xã nông nghiệp, tiến tới xây dựng hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc cao.

1. *Lịch sử phong trào nông dân và Hội Nông dân tỉnh Quảng Nam 1930 - 2005*, trang 248 - 250.

Theo chủ trương của Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể phối hợp với chính quyền ở các địa phương đã tiếp tục thực hiện nhiệm vụ điều chỉnh ruộng đất. Đến cuối năm 1978, có thể nói các hình thức bóc lột của giai cấp địa chủ hoàn toàn bị xóa bỏ, phần lớn ruộng đất về tay nông dân. Các hình thức hợp tác lao động như các tổ đổi công, vòng công và xây dựng hợp tác xã thí điểm được tiến hành. Đến cuối năm 1979, toàn tỉnh hoàn thành cơ bản hợp tác hóa nông nghiệp, đưa trên 80 % số hộ nông dân với trên 70 % diện tích ruộng đất vào làm ăn trong các hợp tác xã nông nghiệp. Khí thế sản xuất trong nông nghiệp sôi nổi, năng suất và sản lượng lương thực tăng lên nhiều, đời sống Nhân dân được cải thiện rõ rệt. Trong đó, các hợp tác xã nông nghiệp Duy Phước (Duy Xuyên), Đại Phước (Đại Lộc)..., đã trở thành con chim đầu đàn không những của tỉnh, mà của cả khu vực trong phong trào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp.

Về văn hoá, giáo dục, y tế: Ngành giáo dục mẫu giáo, giáo dục phổ thông, giáo dục chuyên nghiệp phát triển mạnh. Chỉ tính riêng trong năm học 1979 - 1980, cả tỉnh có 25.874 học sinh mẫu giáo, 174.313 học sinh tiểu học, 55.660 học sinh bậc trung học cơ sở và 9.870 học sinh bậc trung học phổ thông. Đặc biệt, trong những vùng mới giải phóng, phong trào bình dân học vụ đã thu hút hàng nghìn người tham gia. Mạng lưới các bệnh viện, phòng khám bệnh, trạm y tế, nhà hộ sinh, cơ sở điều dưỡng được mở rộng. Tính đến đầu năm 1980, cả tỉnh có 1.860 giường bệnh với 1.245 cán bộ y tế¹. Các phong trào văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao có nhiều tiến bộ, gây thành phong trào quần chúng trong các địa phương, xí nghiệp, trường học. Hoạt

1. *Quảng Nam, 30 năm xây dựng và phát triển*, trang 191-193.

động của các ngành văn học, nghệ thuật, thông tin, báo chí, xuất bản đã phản ánh kịp thời nhiệm vụ chính trị, làm sáng tỏ quan điểm, đường lối của Đảng, góp phần tạo sự đồng thuận trong xã hội. Đặc biệt, so với một số nơi ở miền Nam, công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống gắn với việc xóa bỏ tàn tích văn hóa cũ luôn được Tỉnh ủy, đặc biệt là Bí thư Hồ Nghinh quan tâm chỉ đạo thực hiện một cách có chọn lọc, tuân thủ quan điểm phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa. Nhờ đó đã bảo vệ được nhiều di tích lịch sử, văn hóa, danh thắng, trong đó có khu đền tháp Mỹ Sơn, đô thị cổ Hội An, Cổ viên Chăm Đà Nẵng, Hải Vân Quan, Ngũ Hành Sơn...

Về phát triển kinh tế - xã hội miền núi, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể các cấp đã bám sát địa bàn, lấy cuộc vận động định canh, định cư làm nhiệm vụ trung tâm theo đúng Nghị quyết số 09/NQ-TV ngày 12 - 11 - 1977 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về *“Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng miền núi”*; tổ chức lại nền sản xuất theo hướng lâm, nông, công nghiệp kết hợp; phát triển giao thông, vận tải, thương nghiệp, y tế tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo bồi dưỡng cán bộ; vận động để đưa một bộ phận đồng bào miền xuôi, nhất là ở những địa bàn có mật độ dân số đông lên miền núi định cư, tạo điều kiện thuận lợi trong khai thác thế mạnh của miền núi, nhanh chóng rút ngắn khoảng cách chênh lệch kinh tế - xã hội giữa đồng bằng và miền núi.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu, trong quá trình tiến hành cải tạo XHCN ở miền Nam nói chung, Quảng Nam - Đà Nẵng nói riêng trong những năm đầu mới giải phóng, tình hình diễn biến khá phức tạp. Tâm tư tình cảm của các tầng lớp Nhân dân về thực hiện chủ trương xã hội hóa tư liệu sản xuất đã động chạm đến quyền lợi của các tầng lớp Nhân dân. Quá trình thực

hiện có những thiếu sót khuyết điểm trong việc vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; sự suy thoái nội bộ, cơ chế tổ chức lỏng lẻo, quan liêu, trì trệ. Việc hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ và tổ chức lại đời sống xã hội sau chiến tranh gặp nhiều khó khăn lúng túng, vướng mắc cơ chế, cộng thêm cuộc chiến tranh ở biên giới Tây Nam làm cho tình hình vốn đã khó khăn lại càng khó khăn, dẫn đến các tầng lớp Nhân dân đều oán giận, lo lắng, không ít người tỏ ra thiếu lòng tin vào chế độ mới¹. Trong khi đó, so với thời kỳ trước giải phóng, thì sau chiến tranh *“tiếng nói và vai trò của Mặt trận có ảnh hưởng vô cùng giới hạn”*². Ngay cả báo cáo của Ban Bí thư Trung ương Đảng năm 1978 cũng nhận định: *“Sự bóc lột phong kiến bị xóa bỏ; tuy nhiên một số nơi còn tàn dư bóc lột phong kiến, địa chủ và còn tồn tại khá nhiều hình thức bóc lột của phú nông và tư sản nông thôn. Tầng lớp này có nhiều phản ứng tiêu cực với việc thi hành chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và cũng là trở ngại lớn nhất với phong trào hợp tác hóa nông nghiệp, tổ chức lại sản xuất và đời sống ở nông thôn”*³.

Riêng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, lợi dụng những khó khăn về kinh tế - xã hội sau chiến tranh, các thế lực phản động trong và ngoài nước tiến hành lôi kéo các thành phần bất mãn trong các tôn giáo; binh lính, sĩ quan, nhân viên của chế độ cũ; đảng viên các đảng phái phản động không chịu cải tạo tổ chức vượt biên trốn ra nước ngoài. Năm 1977 xảy ra 43 vụ vượt biên, gấp 7 lần so với năm 1976; 4.021 vụ phạm

1. Dẫn lại từ tập sách: *Lịch sử Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thừa Thiên - Huế (1930 - 2010)*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 11 - 2010, trang 382.

2. Nguyễn Thị Bình, Hồi ký, Nxb. Tri Thức, 2012, trang 189.

3. Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam, *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam*, tập III (1975 - 2000), Nxb. CTQG, trang 139.

pháp so với 2.983 vụ của năm 1976; 9 vụ rải truyền đơn, 20 vụ tờ rơi, 11 vụ viết khẩu hiệu và 2 vụ dán áp phích đá kích chế độ, xúc phạm lãnh tụ và Đảng, kêu gọi thanh niên trốn nghĩa vụ quân sự. Cạnh đó, từ tháng 6 - 1978 lại xảy ra “*vấn đề người Hoa*”, do trong thời gian này quan hệ Việt Nam - Trung Quốc không bình thường, lại bị các thế lực bên ngoài xúi giục, nên một bộ phận người Hoa ở Hội An, Đà Nẵng, Tam Kỳ và một số thị trấn, thị tứ đã kéo nhau về nước, gây khó khăn cho sản xuất và đời sống, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự.

Trước sự diễn biến phức tạp của tình hình ảnh hưởng đến tư tưởng trong các tầng lớp Nhân dân, nhất là trong bối cảnh bọn phản động Pôn-pốt - Iêng-xa-ry gây chiến tranh ở biên giới Tây Nam. Từ ngày 28 đến 30 - 8 - 1978, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức Hội nghị lần thứ 3 để bàn về nhiệm vụ trước mắt của đất nước. Nghị quyết nêu rõ: “*Trước tình hình mới, hoạt động của Ủy ban Mặt trận các cấp và các tổ chức thành viên cần tập trung vào việc tăng cường, củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy quyền làm chủ tập thể tạo ra động lực cách mạng mạnh mẽ, phát triển kinh tế, văn hóa, tổ chức đời sống để chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu thắng lợi, đẩy mạnh phong trào lao động sản xuất, tiết kiệm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, đẩy mạnh xây dựng nền quốc phòng toàn dân, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tăng cường đoàn kết, hữu nghị hợp tác quốc tế củng cố và mở rộng mặt trận Nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam.*”

Nghị quyết nhấn mạnh: “*Tình hình hiện nay đòi hỏi Nhân dân ta gánh vác sứ mệnh lịch sử mới, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước*

vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì CNXH hãy ra sức tăng cường đoàn kết, nâng cao cảnh giác vững bước tiến lên, hăng hái và dũng cảm, bình tĩnh, thông minh và sáng tạo, vượt qua mọi thử thách, quyết giành thắng lợi rực rỡ trong cuộc đấu tranh cách mạng hiện nay của Nhân dân ta”¹.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thực hiện trong bối cảnh cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam chưa kết thúc, thì ngày 17 - 2 - 1979, giới cầm quyền Bắc Kinh (Trung Quốc) chính thức phát động cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc với Việt Nam, gây ra nhiều tội ác man rợ với đồng bào ta tại 6 tỉnh biên giới từ Quảng Ninh cho đến Lai Châu, lại làm cho vấn đề an ninh trật tự, diễn biến tư tưởng của các tầng lớp Nhân dân càng trở nên phức tạp hơn. Vì vậy, một mặt các cấp Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong tỉnh đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động các tầng lớp Nhân dân tham gia các phong trào thi đua xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, tăng cường củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội. Mặt khác, tăng cường công tác giáo dục, nâng cao nhận thức trong các tầng lớp Nhân dân về âm mưu và thủ đoạn của các thế lực phản động trong và ngoài nước; kịp thời phát hiện giúp các ngành chức năng phá vỡ một số tổ chức phản động mới nhen nhóm, như nhóm “*Thanh niên vùng dậy*”, tổ chức “*Mặt trận hồi quốc phản cộng sản*” ở Duy Xuyên và một số nơi; các tổ chức phản động như “*Việt Nam dân tộc cách mạng Đảng*” trên địa bàn Đà Nẵng, Hòa Vang, Đại Lộc, Hội An, Điện Bàn, Duy Xuyên; “*Đoàn Thanh niên phục quốc*”,

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam*, tập III (1975 - 2000), trang 138.

“*Trung đoàn 43 phục quốc*” tại Tam Kỳ; bắt và xử lý 1.945 vụ vi phạm an ninh trật tự, tổ chức vượt biên trái phép; trong đó năm 1978 có 159 vụ vượt biên, sang năm 1979 tăng lên 194 vụ, có 2 vụ giết người cướp tàu để vượt biên, đáng chú ý là một số cán bộ tại các trạm kiểm soát bến bãi bị bọn chúng mua chuộc, thậm chí một số cán bộ, bộ đội, tự vệ cũng tham gia vượt biên. Nhờ làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức cảnh giác, năm 1979 ta đã ngăn chặn được 127 vụ, với 1.264 người vượt biên. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên các cấp tích cực tuyên truyền, giải thích cho cộng đồng người Hoa, nhất là ở những nơi có nhiều người Hoa sinh sống hiểu rõ chính sách của Đảng và Nhà nước ta, động viên, giúp đỡ bà con người Hoa yên tâm ở lại Việt Nam sinh sống và làm việc. Đối với những người Hoa có nguyện vọng về nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với chính quyền chủ động giải quyết theo quy định của pháp luật. Do thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, vấn đề người Hoa được giải quyết hợp tình, hợp lý, không gây biến động lớn đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

Từ ngày 12 đến ngày 15 - 12 - 1979, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XII họp tại Đà Nẵng¹. Đại hội đã đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ XI, đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ mới, trong đó tiếp tục quán triệt nghị quyết Đại hội IV của Đảng, phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống kinh tế, văn hoá xã hội trong Nhân dân, góp

1. Tham dự Đại hội có 495 đại biểu đại diện cho 25.719 đảng viên của Đảng bộ. Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ mới gồm 44 uỷ viên, ông Hồ Nghinh tiếp tục được cử giữ chức Bí thư Tỉnh uỷ.

phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII Đảng bộ tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phối hợp với các đoàn thể đẩy mạnh các cuộc vận động, các phong trào hành động cách mạng như: *“Phong trào thi đua tăng năng suất lao động”*, *“Phong trào ngày làm việc 10 giờ vì thắng lợi của sự nghiệp bảo vệ đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội”*, *“Người phụ nữ mới xây dựng đất nước”*, *“Công tác thanh vận và chăm lo xây dựng tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, góp phần xây dựng Đảng vững mạnh”*, *“Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác xây dựng Hội Nông dân tập thể”*, *“Tổ chức học tập quán triệt chính sách dân tộc của Đảng, đẩy mạnh xây dựng miền núi phát triển toàn diện”*, *“Phong trào tình nguyện thực hiện Lệnh Tổng động viên, tham gia quân đội bảo vệ Tổ quốc”*, *“Phong trào đóng quỹ nuôi quân và đảm phụ nông nghiệp”*, *“Phong trào thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội”*..., đã tập hợp lực lượng, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh Tổ quốc.

Công tác tổ chức của các đoàn thể cũng tiếp tục được củng cố, kiện toàn, một số tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh có số lượng hội viên, đoàn viên khá đông đảo, điển hình như Đoàn Thanh niên năm 1978 phát triển được 12.900 đoàn viên, năm 1979 phát triển mới 16.500 đoàn viên, đưa tổng số đoàn viên đến cuối năm 1979 lên 40.350 người, tăng 67% so với năm 1977. Các lực lượng hậu bị của Đoàn đến năm 1979 như Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh có 195.000

đội viên, Đội Nhi đồng Hồ Chí Minh có 86.000 đội viên¹; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đến năm 1980 có hơn 30 vạn hội viên².

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự đoàn kết nhất trí, đồng tâm hiệp lực của các giai cấp, tầng lớp Nhân dân trong tỉnh, ở hầu hết mọi lĩnh vực đều đạt những thành tựu quan trọng. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên đã từng bước vận động Nhân dân phát triển lực lượng sản xuất, xác lập quan hệ sản xuất XHCN, chăm lo phát triển văn hóa, xã hội; tăng cường và củng cố quốc phòng - an ninh, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế; góp phần xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; đồng thời xây dựng và phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng vũ trang nhân dân, công an nhân dân trong việc bố trí thế trận chiến tranh, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc; động viên hàng vạn thanh niên lên đường làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

Trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, đặc biệt sau khi có Nghị quyết số 15/NQ-TV ngày 06/3/1981 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thi hành Chỉ thị số 100/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IV) về cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp toàn tỉnh, góp phần khuyến khích mạnh mẽ người lao động hăng hái sản xuất, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đặc biệt là sử dụng giống mới, chủ động tạo thêm nguồn phân bón, tích cực thâm canh... Nhờ đó mà nông nghiệp đến cuối năm 1981 tăng cả về năng suất và sản lượng, toàn tỉnh tự cân đối được lương thực, đồng thời tăng thêm phần lương thực

1. *Lịch sử Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và phong trào thanh thiếu nhi tỉnh Quảng Nam (1927 - 2011)*, trang 235 - 236.

2. *Lịch sử phong trào Phụ nữ tỉnh Quảng Nam (1930 - 2005)*, trang 344.

đóng góp cho Nhà nước, đời sống nông dân từng bước được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người tăng 7,5% so với năm 1980. Bên cạnh đó, đã xuất hiện nhiều hợp tác xã nông nghiệp đạt năng suất cao, tiêu biểu là Hợp tác xã nông nghiệp Đại Phước (Đại Lộc) đạt năng suất kỷ lục 20 tấn/ha/năm trên toàn bộ diện tích 84 ha canh tác.

Phong trào xây dựng “*Vườn cây, ao cá Bác Hồ*” tiếp tục được phát động rộng rãi trong toàn tỉnh đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần giải quyết vấn đề thực phẩm của Nhân dân, gợi mở cho một số địa phương như Quế Sơn, Tiên Phước, Trà My, Đại Lộc, Điện Bàn..., đẩy lên phong trào cải tạo vườn tạp, trồng cây có năng suất cao, mang lại hiệu quả kinh tế. Tại các huyện miền núi và trung du của tỉnh ta đã tiến hành giao đất, giao rừng, tổ chức lại sản xuất nông lâm nghiệp gắn với việc định canh, định cư, phân bố lại dân cư mới ở nông thôn miền núi, tạo điều kiện cho kinh tế gia đình phát triển, ổn định và cải thiện đời sống nông dân, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn miền núi.

Tại các khu vực thị xã, thị trấn, các cơ sở sản xuất kinh doanh ngành nghề, tiểu thủ công nghiệp, cơ khí nhỏ phục vụ nông nghiệp, nông thôn được khuyến khích mở mang. Sản xuất công nghiệp đến năm 1980 đã có bước phát triển, nhất là đã hình thành một số cơ sở tiểu thủ công, công nghiệp quốc doanh nòng cốt về cơ khí, vật liệu xây dựng, chế biến gỗ, một vài công ty hợp doanh như Xí nghiệp cơ khí Nam Phước (Duy Xuyên), Gạch ngói Nam Sơn (Quế Sơn), Vật liệu xây dựng Điện Bàn, Mộc Hội An, Xí nghiệp Dệt 29 - 3...

II. MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG VẬN ĐỘNG NHÂN DÂN THỰC HIỆN HAI NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC (1981 - 1986)

1. Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng lần thứ II; vận động Nhân dân khôi phục và phát triển kinh tế, tăng cường quốc phòng toàn dân; từng bước xây dựng con người mới XHCN (1981 - 1984)

Từ ngày 18 đến ngày 19 - 3 - 1981, tại Đà Nẵng diễn ra Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ II. Về dự và chỉ đạo Đại hội có ông Hoàng Quốc Việt, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các vị trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Đại hội đã tổng kết, đánh giá công tác nhiệm kỳ I (1977 - 1981) và bàn phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ II (1981 - 1984), thông qua Chương trình Đại hội với nhiều nội dung quan trọng: Vận động Nhân dân phát huy quyền làm chủ tập thể, xây dựng và củng cố chính quyền trong sạch, vững mạnh. Động viên thi đua sản xuất, tiết kiệm, hoàn thành kế hoạch Nhà nước, chăm lo đời sống Nhân dân. Tăng cường quốc phòng toàn dân, đẩy mạnh phòng thủ, sẵn sàng đánh thắng các kiểu chiến tranh phá hoại của địch, bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phát triển mạnh mẽ phong trào cách mạng quần chúng, xây dựng đời sống văn hóa mới, con người mới XHCN; đẩy mạnh cách mạng tư tưởng, văn hóa; tăng cường đoàn kết hữu nghị với Nhân dân thế giới, góp phần tích cực vào công cuộc bảo vệ hòa bình.



Ông **NGÔ XUÂN HẠ**
Chủ tịch Ủy ban MTTQ
Việt Nam tỉnh QN - ĐN
(7/1981 - 10/1991)

Vĩnh Linh, ông Phạm Hồng Quang, ông Lê Chuẩn, ông Lê Công Cơ và bà Trần Thị Tư làm Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

Thực hiện Quyết định số 93-QĐ/TW ngày 17 - 3 - 1981 của Ban Bí thư Trung ương (khóa IV) về việc giải thể Ban Dân vận - Mặt trận ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, để thành lập Ban Dân vận và Đảng đoàn Mặt trận do Phó Bí thư Thường trực hoặc Ủy viên Ban Thường vụ làm Trưởng ban. Ở các huyện, quận, thị, phường, xã không thành lập Ban Dân vận, chỉ phân công Phó Bí thư Thường trực hoặc Ủy viên Ban Thường vụ phụ trách công tác dân vận. Ngày 04 - 7 - 1981, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quyết định số 27/QĐ-TV “Về việc thành lập Ban Dân vận Tỉnh ủy Quảng Nam - Đà

Năng”. Theo đó, Tỉnh ủy cử ông Võ Văn Đăng làm Trưởng Ban Dân vận, kiêm Bí thư Đảng đoàn Mặt trận, điều động ông Ngô Xuân Hạ - Tỉnh ủy viên về làm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh. Đến cuối năm 1983, Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công ông Ngô Xuân Hạ kiêm chức vụ Trưởng Ban Dân vận Tỉnh ủy, Bí thư Đảng đoàn Mặt trận thay cho ông Võ Văn Đăng nghỉ hưu theo chế độ.

Ngay sau Đại hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với đoàn thể các cấp trên địa bàn tỉnh tổ chức tuyên truyền, hiệp thương và tham khảo ý kiến của tập thể Nhân dân lao động, giới thiệu danh sách những người ra ứng cử đại biểu Quốc hội khóa VII và Hội đồng nhân dân tỉnh khóa II, cùng với các cơ quan chính quyền tổ chức việc bầu cử theo đúng quy định. Nhờ làm tốt công tác phối hợp tuyên truyền và vận động, ngày 26 - 4 - 1981, cử tri toàn tỉnh đã đi bầu cử đại biểu Quốc hội khóa VII, nhiệm kỳ 1981 - 1987 và Hội đồng nhân dân tỉnh khóa II, nhiệm kỳ 1981 - 1985 thành công tốt đẹp. Có 15 đại biểu trúng cử đại biểu Quốc hội khóa VII, gồm các ông/bà: Nguyễn Thị Bình, Đào Hồng Cẩm, Trần Văn Đông, Đoàn Khuê, Phạm Đình Kiên, Prieu Prăm, Hà Thị Thu Sương, Nguyễn Phước Thiện, Trần Văn An, Nguyễn Tấn Bình, Võ Chí Công, Mai Hữu Khuê, Trần Văn Mô, Hồ Thị Kim Thanh, Hoàng Minh Thắng.

Tiếp theo thắng lợi của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa VII và Hội đồng nhân dân tỉnh khóa II, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức triển khai hướng dẫn một số điểm về chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, do Ban Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam soạn thảo (15 - 6 - 1981). Theo đó, nội dung, nhiệm

vụ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ yếu tham gia giáo dục chính trị, tư tưởng, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và thực hiện tốt sự phối hợp, thống nhất hành động giữa các thành viên và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có liên quan để triển khai các phong trào hành động cách mạng của các tầng lớp Nhân dân, tham gia xây dựng và củng cố chính quyền, trực tiếp vận động một số đối tượng dân tộc, tôn giáo, người có uy tín trong cộng đồng thực hiện các chủ trương của Đảng và Nhà nước. Đồng thời phối hợp với các ngành, các cấp phát động các phong trào thi đua yêu nước, chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (27 đến 31 - 3 - 1982), Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XIII (3 đến 4 - 2 - 1983).

Thực hiện Chỉ thị số 17- CT/TW ngày 18 - 4 - 1983 của Ban Bí thư *“Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong giai đoạn mới”* và Đề án củng cố tổ chức, đẩy mạnh công tác của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, quận, thị xã và thành phố thuộc tỉnh của Ban Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (10 - 2 - 1984). Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các địa phương tổ chức hội nghị quán triệt, xác định đúng vai trò, vị trí, chức năng và nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã được thể chế hóa trong Điều 9 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980. Theo đó, trong cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị rộng lớn bao gồm các đảng phái chính trị, các đoàn thể quần chúng, các dân tộc, các tôn giáo và các nhân sĩ yêu nước, đại diện chung cho quyền làm chủ tập thể của Nhân dân lao động, là sợi dây

nối liền các tầng lớp xã hội với Đảng, là chỗ dựa vững chắc của Nhà nước. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát huy truyền thống đoàn kết toàn dân, tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong Nhân dân, tham gia xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân, giáo dục và động viên Nhân dân đề cao ý thức làm chủ tập thể, ra sức thi đua xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XIII cũng xác định: Thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và Điều 9 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong thời gian tới, các cấp ủy đảng cần lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện tốt những chức năng chính: Truyền truyền, giáo dục, vận động các tầng lớp Nhân dân; phối hợp và thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên; giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với chính quyền từ tỉnh đến cơ sở, nhằm phát huy quyền làm chủ tập thể của Nhân dân lao động, thực hiện đồng thời 3 cuộc cách mạng, góp phần tích cực vào thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN; phản ánh nguyện vọng, ý kiến của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước, đề xuất và góp phần với Đảng và Nhà nước xây dựng luật pháp và chính sách có liên quan đến các tầng lớp Nhân dân; cùng các đoàn thể thành viên tổ chức thực hiện quyền giám sát của Nhân dân đối với hoạt động của cơ quan Nhà nước; các cấp ủy đảng cần lãnh đạo hướng công tác Mặt trận về cơ sở (xã, phường), nhằm đẩy mạnh các phong trào cách mạng của quần chúng từ cơ sở và tạo ra cuộc sống mới ở khu dân cư bằng những hình thức và phương pháp linh hoạt, thích hợp với đặc điểm, điều kiện từng nơi; các cấp ủy

Đảng cần làm cho cán bộ, đảng viên các ngành, chính quyền, các đoàn thể quần chúng nhận rõ tầm quan trọng của công tác Mặt trận trong giai đoạn hiện nay, uốn nắn những quan điểm, nhận thức không đúng về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Đặc biệt, Đại hội toàn quốc lần thứ II của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam diễn ra từ ngày 12 đến ngày 14 - 5 - 1983 tại Hà Nội, đã đi sâu tập trung thảo luận làm rõ 3 vấn đề cơ bản có quan hệ đến chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đó là vấn đề tăng cường quan hệ với chính quyền các cấp, phối hợp thống nhất hành động giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các tổ chức thành viên và với chính quyền, vấn đề Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở cơ sở. Đại hội cũng thảo luận, thông qua Chương trình hành động, Điều lệ sửa đổi và Lời kêu gọi đồng bào, chiến sĩ cả nước tăng cường sự nhất trí về chính trị và tinh thần đoàn kết chặt chẽ hơn nữa trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thực hiện thắng lợi 2 nhiệm vụ chiến lược và các mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội lần thứ V của Đảng đề ra.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể các cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ II, cũng như nghị quyết của các đoàn thể, gắn với việc vận động các tầng lớp Nhân dân thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XIII, trong đó tập trung thực hiện những chủ trương lớn để khôi phục và phát triển kinh tế của tỉnh như vận động Nhân dân vào con đường làm ăn tập thể, thực hiện “*khoán hộ*”, nhất là việc thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW ngày 13 - 01 - 1981 của Ban Bí thư về cải tiến công tác khoán, mở

rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp; làm thủy lợi để phát triển sản xuất nông nghiệp; phát triển lâm nghiệp, phát triển miền núi, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; về xuất, nhập khẩu...; xây dựng và phát huy vai trò nòng cốt của lực lượng vũ trang nhân dân, công an nhân dân trong việc bố trí thể trận chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Động viên hàng vạn thanh niên lên đường làm nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc và làm tốt công tác đối ngoại bước đầu đã đạt được những kết quả có ý nghĩa.

Về phong trào nông dân và sản xuất nông lâm ngư nghiệp: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể các cấp đã làm tốt công tác đề xuất với Tỉnh ủy tạo điều kiện cho hệ thống hợp tác xã trong tỉnh đi vào hoạt động một cách hiệu quả, thông qua việc ban hành nhiều quyết sách mang tính đột phá như: Giữ nguyên canh đất vườn của mỗi hộ xã viên, vì diện tích đất vườn của mỗi hộ xã viên trong tỉnh nhìn chung không lớn. Các xã có đất cát, độ phì nhiêu kém, thì chưa đưa ngay vào hợp tác xã nông nghiệp, chỉ đưa trâu, bò cày vào hợp tác xã. Trâu ghé, bò thịt vẫn để cho hộ xã viên nuôi. Định giá tư liệu sản xuất khi hợp tác hóa không thấp hơn 85% so với giá thị trường tự do, để nông dân khỏi bán chạy tài sản khi vào hợp tác xã. Bán và khuyến khích hợp tác xã mua các loại máy móc, trang thiết bị cơ giới hóa. Năm 1982, Nhà nước bán 50 máy kéo loại lớn cho hợp tác xã, nâng tổng số máy kéo lớn trong các hợp tác xã nông nghiệp toàn tỉnh lên 120 chiếc, trung bình 2 hợp tác xã thì có 1 chiếc. Nhiều hợp tác xã tự mua ô tô, toàn tỉnh có 80 chiếc, trung bình 3 hợp tác xã có 1 chiếc ô tô. Toàn tỉnh có hơn 10 trạm bơm điện do hợp tác xã tự xây dựng. Đó là những chủ trương đúng đắn và sáng tạo, hợp lòng dân, giúp

dân yên tâm sản xuất, đồng thời là một biện pháp để bảo vệ lực lượng sản xuất.

Tuy nhiên, trong quá trình vận động Nhân dân đi vào con đường làm ăn tập thể, nhiều địa phương đã chủ quan, nóng vội thực hiện hợp tác xã một cách ào ạt, không chú ý đến điều kiện thực tế và thậm chí vi phạm nguyên tắc tự nguyện, nên một bộ phận Nhân dân không đồng tình ủng hộ. Năng suất lao động thấp, sản xuất nông nghiệp chưa đáp ứng được nhu cầu lương thực của xã hội, các nguồn tài nguyên như đất đai, sông ngòi, rừng núi, biển cả chưa được khai thác tốt để phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Lắng nghe cuộc sống, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp gặp gỡ, tiếp xúc, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của Nhân dân, kịp thời đề xuất với Đảng và chính quyền các cấp phát huy những cách làm mới, mang tính sáng tạo và nhất là phù hợp với lòng dân. Những ý kiến, kiến nghị, đề xuất của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam luôn được những người đứng đầu tỉnh tiếp thu, qua đó hoạch định các chủ trương, đường lối linh hoạt, phù hợp với thực tiễn, kiên quyết bãi bỏ những loại hợp tác xã không đem lại lợi ích gì cho người dân và Nhà nước, như các hợp tác xã nghề cá ở khắp Quảng Nam - Đà Nẵng lúc bấy giờ. Ngay cả việc thực hiện khoán hộ theo Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ra Nghị quyết số 15-NQ/TU, ngày 6 - 3 - 1981 xác định: Để thúc đẩy sản xuất, cần giải quyết tốt và hợp lý 3 lợi ích (người lao động, hợp tác xã và Nhà nước), khuyến khích mạnh mẽ lợi ích chính đáng của người lao động, động viên mọi người thật sự gắn bó với sản phẩm cuối cùng; chỉ đạo cải tiến, hoàn chỉnh chế độ “3 khoán” của hợp tác xã đối với đội sản xuất, đó là khoán chi phí

sản xuất, khoán công điền, khoán sản phẩm. Trong đó quan trọng nhất vẫn là việc xác định mức khoán hợp lý và ngăn ngừa tình trạng “khoán trắng”, “khoán chui” trong một số hợp tác xã.

Phấn khởi trước cơ chế mới, người dân bắt đầu tự nguyện khai hoang, đầu tư, thâm canh tăng vụ, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, liên tục gặt hái nhiều thành tựu. Tổng diện tích trồng lúa và các loại cây công nghiệp ngăn ngày tăng lên từng năm, sản xuất lương thực tăng bình quân hằng năm 16,4%, có nhiều hợp tác xã đạt được sản lượng từ 10 - 14 tấn/ha. Riêng hợp tác xã nông nghiệp Đại Phước (Đại Lộc) đạt sản lượng 20 tấn/ha, toàn tỉnh đạt năng suất bình quân 7,5 tấn/ha trên chân ruộng lúa 2 đến 3 vụ, cơ bản đảm bảo được nhu cầu lương thực trong tỉnh, được Trung ương đánh giá cao. Hai năm liền (1983, 1984), Quảng Nam - Đà Nẵng được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng tặng “Cờ dẫn đầu thi đua cả nước”¹.

Xuất phát từ điều kiện thực tế của Quảng Nam lúc bấy giờ là địa bàn có nguồn nước phong phú, đất đai phì nhiêu, nhưng thường xuyên bị thiên tai: Lũ lụt, úng ngập, chua mặn, khô hạn xảy ra triền miên. Mặc dù có nguồn thủy năng phong phú, nhưng chưa được khai thác hợp lý: Tình trạng thiếu nước trầm trọng luôn xảy ra đối với sản xuất công, nông nghiệp, kể cả nước sinh hoạt của người dân và chăn nuôi gia súc.... Để giải quyết vấn đề cốt lõi đó, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về xây dựng công trình đại thủy nông Phú Ninh có ý nghĩa và lợi ích rất to lớn. Tuy nhiên, để di dời hàng ngàn hộ dân phục vụ xây dựng công trình thì rất khó khăn. Bởi trong những năm kháng chiến chống Mỹ ác liệt, chính vùng đất này là nơi che

1. *Tìm hiểu con người xứ Quảng*, trang 141.

chở, nuôi giấu cán bộ cách mạng. Địch đánh phá ác liệt nhưng Nhân dân vẫn kiên cường bám trụ, với tinh thần “*một tác không đi, một ly không rời*”. Hòa bình lập lại, Nhân dân đang ra sức khai hoang, phục hóa, tháo gỡ bom mìn, dọn vườn, làm nhà, cuộc sống đang từng ngày phục hồi thì nay lại phải tiếp tục di dời đến một vùng đất mới với muôn vàn khó khăn phía trước, đó là cả một sự hy sinh to lớn của Nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng và phát triển quê hương.

Với khẩu hiệu “*Tất cả để xây dựng công trình đại thủy nông Phú Ninh*”, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tập trung công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân, với phương châm tiến hành vận động từng bước, từng đợt, từng xã, từng thôn, từng gia đình, từng người. Phân công cán bộ xuống tận công trường để gặp gỡ, trao đổi, động viên, thuyết phục bà con ủng hộ chủ trương của tỉnh. Phát huy truyền thống cách mạng và vì sự phát triển của quê hương, hàng ngàn hộ dân với gần hàng chục ngàn nhân khẩu trong vùng lòng hồ thuộc các xã Tam Sơn, Tam Lãnh, Tam Thái, Tam Dân đã tự nguyện hy sinh tài sản, ruộng vườn, sẵn sàng di chuyển đến vùng tái định cư mới ở Tam Trà, Tam Lộc, Tiên Lập, Tiên An huyện Tiên Phước và huyện Trà My, một số hộ khác đi kinh tế mới ở các tỉnh Tây Nguyên... Nhân dân các xã không phải di dời thì tự nguyện hiến hàng trăm ha ruộng vườn để xây dựng kênh mương mà không đòi hỏi bất cứ điều kiện gì.

Nhờ đó, sau hơn 9 năm ròng rã xây dựng, ngày 27-3-1986, công trình Đại thủy nông Phú Ninh đã được khánh thành trong niềm vui khôn tả của bao người dân Quảng Nam. Việc xây dựng công trình đại thủy nông Phú Ninh là một kỳ tích của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân tỉnh Quảng Nam - Đà



Lễ khánh thành công trình Thủy lợi Phú Ninh (ngày 26-3-1986)

Năng, đây thực sự là một biểu tượng lớn của sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, ý Đảng và lòng dân.

Cùng với việc xây dựng thành công công trình đại thủy lợi Phú Ninh, phong trào làm thủy lợi, thủy điện nhỏ phục vụ sản xuất, sinh hoạt của Nhân dân tiếp tục được triển khai mạnh mẽ khắp các địa phương, tiêu biểu như việc khởi công xây dựng 4 hồ đập Thạch Bàn, Vĩnh Trinh, Phú Lộc, An Trạch và nhiều đập nhỏ, hồ chứa nước như đập Trà Cân, hồ chứa nước Khe Tân (Đại Lộc)... Tại Hội An, từ sáng kiến làm thủy lợi trên vùng cát, lần đầu tiên với kỹ thuật chống thấm bằng tấm lát bê tông và gạch xây, chúng ta mạnh dạn dẫn nước qua nông cát dài 2 km, đưa nước về tưới cho hơn 500 ha đất đai các xã Cẩm Châu, Cẩm Thanh. Phát huy sáng kiến này, trong công

trình thủy lợi Phú Ninh, chúng ta đã mạnh dạn dẫn nước qua những nông cát dài hơn, với kỹ thuật hoàn chỉnh hơn về vùng cát Tam Kỳ, Thăng Bình, Duy Xuyên. Trong đó, tiêu biểu nhất là công trình thủy lợi - thủy điện Duy Sơn (Duy Xuyên) do ông Lưu Ban - Chủ nhiệm Hợp tác xã Duy Sơn 2 thực hiện. Đây không chỉ là một công trình mang tính sáng tạo, đột phá và linh hoạt, tạo điều kiện phát triển mạnh các ngành nghề dệt vải, may, mảnh trúc, mây tre xuất khẩu, du lịch sinh thái, góp phần quan trọng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân; mà còn là biểu tượng của sự đoàn kết lương giáo. Sống giữa một vùng đất Thiên Chúa giáo lâu đời, không cần phải sử dụng bất cứ thủ đoạn chính trị khôn khéo nào, mà bằng chính sự tận tâm, tận lực chăm lo cho các quyền lợi thiết thực của dân, Lưu Ban đã tập hợp được đông đảo giáo dân hăng hái đi theo mình. Ông đến nhà thờ chăm chú nghe giảng đạo nhiều lần, rồi ông nói với vị linh mục phụ trách giáo xứ và với giáo dân Trà Kiệu: *“Tôi thấy giữa Công giáo và Cộng sản có chỗ rất giống nhau, đều là muốn đem lại hạnh phúc cho con người. Công giáo hứa hẹn một thiên đường mai sau trên trời. Cộng sản thì mong muốn xây dựng một thiên đường trên mặt đất, ngay bây giờ. Vậy trong khi chờ đợi việc mai sau, ta hãy cùng nhau cố gắng làm việc bây giờ”*¹. Nói là làm, được sự hỗ trợ của tỉnh, ông đã cùng bà con đào kênh, đắp đập làm thủy điện thành công đạt 800 kw, sau nâng dần lên 1.200, rồi 2.000 kw. Và, ánh điện từ công trình thủy điện của ông Lưu Ban² đã thấp sáng rực rỡ trên khắp vùng đất giáo xứ vào loại lâu đời nhất của xứ Quảng. Con đường vận động giáo sĩ và giáo dân, thực hiện

1. *Tìm hiểu con người xứ Quảng*, trang 353.

2. Năm 1985, ông Lưu Ban được Đảng và Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động.

sự đoàn kết lương giáo của ông Lưu Ban đã đem lại cho chúng ta nhiều bài học có ý nghĩa.

Tại địa bàn các huyện miền núi, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tích cực tuyên truyền vận động Nhân dân thực hiện phong trào định canh, định cư; trồng cây gây rừng, tổ chức các mô hình nông lâm kết hợp và trồng một số cây đặc sản như quế, mít, đào lộn hột; chấp hành những quy định về khai thác rừng, ngăn ngừa nạn cháy rừng, chặn bắt những kẻ khai thác, vận chuyển gỗ trái phép, bảo vệ nguồn tài nguyên rừng; vận động bà con xây dựng nền văn hóa mới, phát triển giai thông vận tải, thương nghiệp, y tế, văn hóa, giáo dục, đồng thời tăng cường lực lượng người Kinh lên xây dựng kinh tế, văn hóa, xã hội miền núi. Thực hiện chủ trương giao đất, giao rừng của Trung ương, cuối năm 1983, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng tiến hành giao đất, giao rừng cho Nhân dân quản lý và canh tác. Đây là một chủ trương đúng đắn và kịp thời của Đảng, được Nhân dân đồng tình ủng hộ. Nhờ vậy, chỉ trong một thời gian ngắn, toàn tỉnh đã trồng 1.500 ha rừng tập trung và trên 20 triệu cây phân tán, đạt 100% kế hoạch đề ra, đảm bảo được kế hoạch khai thác gỗ 40.000 m³. Diện mạo kinh tế - xã hội miền núi của tỉnh từng bước được đổi mới. Sản xuất lương thực đạt bình quân gần 500 kg/người. Chăn nuôi phát triển khá, tiến bộ rõ nhất là chăn nuôi bò. Nhiều huyện đã xây dựng được mô hình định canh, định cư. Đường giao thông đã nối liền các huyện lỵ với trục được quốc lộ 1A bằng ô tô.

Về phong trào công nhân lao động, phát triển tiểu thủ công nghiệp: Trên cơ sở đội ngũ công nhân công nghiệp hình thành từ cuối năm 1980 với khoảng hơn 15.000 người và gần 65.000 lao động tiểu thủ công nghiệp, làm việc tại 73 xí nghiệp

công nghiệp quốc doanh và công tư hợp doanh, trong đó có 11 xí nghiệp của Trung ương, hơn 160 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp chuyên nghiệp, gần 600 tổ sản xuất, giai cấp công nhân xứ Quảng đã sản xuất ra nhiều mặt hàng có giá trị, đưa tổng sản lượng công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp năm 1982 đạt 410 triệu đồng; trong đó tỷ trọng của thành phần công nghiệp quốc doanh là 110 triệu đồng, tiểu thủ công nghiệp là 300 triệu đồng, bằng 167% so với năm 1979, tốc độ tăng bình quân mỗi năm 19%.

Các ngành nghề truyền thống như trồng dâu nuôi tằm, ươm tơ dệt lụa có bước phát triển nhanh chóng, đến cuối năm 1985, toàn tỉnh có 6.000 ha dâu, sản xuất hơn 4.000 tấn kén, 400 tấn tơ.

Trên lĩnh vực văn hóa - xã hội: Sự nghiệp giáo dục, y tế, thể dục thể thao, công tác thương binh xã hội, bảo vệ bà mẹ và trẻ em, thông tin, báo chí, văn hóa nghệ thuật, phát thanh và truyền hình đều có bước phát triển. Về giáo dục, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phối hợp với chính quyền, các tổ chức thành viên mở cuộc vận động *“Nhà nước với Nhân dân cùng làm trường học”*. Qua đó, đã huy động được toàn dân đóng góp công sức, tiền bạc cùng với Nhà nước xây dựng cơ sở vật chất trường học. Trong giai đoạn này, mạng lưới các trường phổ thông ở hầu khắp các xã, phường, thị trấn; một số huyện bên cạnh trường Trung học phổ thông, còn có trường Trung học phổ thông vừa học vừa làm, cho dù các phòng học ở các huyện đồng bằng và miền núi phần lớn được làm bằng tranh, tre, nứa lá, chỉ một ít trường học có tường xây, mái ngói; các hợp tác xã nông nghiệp xây dựng Nhà trẻ, trường Mẫu giáo theo liên đội sản xuất; bình quân toàn tỉnh cứ 3 người dân thì có 1 người

đi học. Tuy nhiên, ngành giáo dục vẫn còn nhiều hạn chế, một bộ phận giáo viên chưa thật sự yêu nghề, chưa yên tâm công tác; việc đầu tư nghiên cứu, học tập, trau dồi nghề nghiệp còn yếu. Tình hình giáo dục trên địa bàn miền núi giảm sút nghiêm trọng.

Ngành y tế có những cố gắng trong việc khám và chữa bệnh cho cán bộ và Nhân dân. Số trạm xá ở các xã, phường có cán bộ đạt trình độ trung cấp y tế trở lên chiếm 31,15%. Cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch chuyển biến tốt, tỷ lệ sinh giảm hằng năm 1,74%. Tuy nhiên, trình độ khám chữa bệnh của cán bộ y tế, nhất là ở tuyến dưới nhìn chung còn yếu, cơ sở vật chất khám chữa bệnh nghèo nàn, các loại thuốc chữa bệnh khan hiếm làm cho hàng nghìn người mắc bệnh, nhất là bệnh dịch thổ tả lây lan, kéo dài, điều trị thiếu kịp thời, làm chết một số người.

Các cuộc vận động *“Người công dân kiểu mẫu”*, *“Gia đình cách mạng gương mẫu”*, *“Đền ơn đáp nghĩa”*..., được Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tổ chức, vận động, tuyên truyền sâu rộng trong các tầng lớp Nhân dân, góp phần làm cho chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trở nên gần gũi, gắn bó với Nhân dân. Đặc biệt, cuộc vận động xây dựng nếp sống mới được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể phát động sâu rộng trong các tầng lớp Nhân dân với nhiều nội dung rất phong phú, như phụ nữ với phong trào *“Người phụ nữ mới xây dựng đất nước”*, thanh niên với phong trào *“Đi đầu trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN”*..., thể hiện rõ trong nếp sống lao động, trong tổ chức việc cưới, việc tang, bài trừ các tệ nạn mê tín dị đoan. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các huyện

miền núi tập trung tuyên truyền giáo dục, vận động đồng bào dân tộc thiểu số xóa bỏ các tập tục lạc hậu, như phụ nữ sinh con ngoài rừng, pajâu (thầy cúng ma), ngãi nghệ... Tuy nhiên, những cuộc vận động này còn mang nặng tính phong trào, chưa đi vào chiều sâu và hiệu ứng xã hội chưa nhiều.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh trong thời gian này còn diễn biến phức tạp, tuy nhiên với thể trận chiến tranh nhân dân vững chắc, đặc biệt là phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc với gần 7.000 tổ an ninh nhân dân, 13.548 dân quân các loại, phong trào Đoàn Thanh niên kết nghĩa với Quân đội, Công an được hình thành ở khắp mọi địa bàn, nhất là ở các địa bàn trọng điểm và vùng ven biển. Quần chúng nhân dân đã cung cấp được 3.540 nguồn tin, trong đó có 947 tin có giá trị giúp cho cơ quan an ninh dập tắt kịp thời nhiều vụ nhen nhóm chống phá cách mạng của các tổ chức phản động như: *“Biệt đoàn thanh niên cờ đỏ”*, *“Mặt trận liên minh phục quốc”*, *“Bảo quốc Việt Nam Cộng hòa”*, *“Hắc long đoàn”* *“Biệt đoàn Quảng Đà”*, *“Việt Nam dân tộc cách mạng đảng”*... Từ phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, trong quần chúng đã xuất hiện nhiều tấm gương mưu trí dũng cảm, nhất là trong việc vây bắt số người vượt biển, đánh trả bọn cướp tàu, tự phá phương tiện hoặc dùng phương tiện phục vụ lực lượng vũ trang đuổi bắt bọn chúng như ông Trình ở Thuận Phước, ông Đinh Xây ở Duy Xuyên...

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, nhất là tổ chức Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp đã vận động hàng vạn thanh niên lên đường làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, qua các năm đều hoàn thành vượt mức công tác tuyển quân; tham gia xây dựng lực lượng bộ đội tập trung, lực lượng

dự bị và dân quân tự vệ...; làm tốt nghĩa vụ giúp đỡ 2 nước bạn Lào và Campuchia về mọi mặt.

2. Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ III; tăng cường công tác Mặt trận và khối đại đoàn kết toàn dân, thực hiện thắng lợi Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (1984 - 1986)

Từ sau Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ II, dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XIII, Nhân dân tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng đã trải qua một thời kỳ phấn đấu đầy khó khăn, liên tục phải đối mặt với những thách thức của tình hình đất nước trong bối cảnh vừa có hòa bình, vừa có chiến tranh.

Nhưng với truyền thống anh dũng kiên cường, đoàn kết trong đấu tranh chống kẻ thù xâm lược, ý chí tự lực tự cường, các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh đã nỗ lực phấn đấu, đạt được nhiều thành tựu trên mọi lĩnh vực. Quan hệ sản xuất mới được thiết lập và từng bước được xây dựng củng cố, cơ sở vật chất bước đầu được xây dựng, sản xuất ngày càng phát triển, nhất là trên lĩnh vực nông nghiệp, từng bước đã giải quyết được mục tiêu số 1 là lương thực, thực phẩm và việc làm cho Nhân dân. Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển; quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Cùng với cả nước và vì cả nước, Nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu, vừa xây dựng hậu phương, đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến đánh thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược ở 2 đầu đất nước, vừa đập tan âm mưu bạo loạn lật

đồ của các thế lực thù địch trong và ngoài nước, vừa làm tròn nghĩa vụ quốc tế cao cả theo đúng phương châm *‘giúp bạn là giúp mình’*. Tình hữu nghị hợp tác giữa Nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng với tỉnh Xalavan (Lào), tỉnh Battambang (Campuchia) ngày càng được củng cố và phát triển, góp phần cùng Nhân dân cả nước đưa sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc lên một tầm cao mới.

Trong 2 ngày, từ ngày 4 đến ngày 5 - 8 - 1984, tại Đà Nẵng đã diễn ra Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ III. Tham dự Đại hội có hơn 300 đại biểu gồm đại diện các tổ chức thành viên, các tôn giáo, dân tộc, nhân sĩ trí thức và cá nhân tiêu biểu trong toàn tỉnh. Về dự và chỉ đạo Đại hội có các vị: Huỳnh Tấn Phát - Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hoàng Minh Thắng - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy. Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị đánh giá những thắng lợi của sự nghiệp đại đoàn kết toàn dân và tổng kết, đánh giá việc thực hiện Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh nhiệm kỳ II (1981 - 1984); đồng thời chỉ ra những khó khăn, hạn chế trong công tác Mặt trận của tỉnh, phân tích nguyên nhân khách quan và chủ quan của những hạn chế; trong đó nguyên nhân chủ yếu là: Nhiệm vụ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chưa cụ thể; cấp ủy nhiều địa phương chưa nhận thức đúng vị trí, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Bộ máy chuyên trách không đủ sức đảm đương nhiệm vụ. Việc xác định nhiệm vụ và quyền hạn của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chưa đủ để phát huy vai trò làm chủ tập thể của Nhân dân, nhất là trong thực hiện giám sát hoạt động của các cơ quan Nhà

nước và góp phần ngăn chặn, đẩy lùi những hiện tượng tiêu cực trong đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội, như báo cáo của Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam¹.

Đại hội thông qua Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ III, đề ra Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết của Đại hội; hiệp thương cử ra Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh gồm 92 vị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh cử ra Ban Thường trực gồm Chủ tịch, 14 Phó Chủ tịch và Ban Thư ký, ông Ngô Xuân Hạ - Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Dân vận, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh khóa II, tiếp tục được cử làm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh khóa III; các ông, bà: Phạm Bân, Lê Công Cơ, Thái Văn Diện, Hồ Huyền, Nguyễn Văn Khương, Nguyễn Thị Lãnh, Nguyễn Lãm, Phan Như Lâm, Vĩnh Linh, Phạm Hồng Quang, Hoàng Thao, Nguyễn Thị Thanh, thượng tọa Thích Quang Thê, linh mục Nguyễn Quang Xuyên làm Phó Chủ tịch.

Căn cứ Chương trình hành động của Đại hội lần thứ II Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (5 - 1983); phương hướng, nhiệm vụ và các mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII đề ra; vai trò, vị trí, chức năng của tổ chức Mặt trận trong thời kỳ mới. Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ III đề ra nhiệm vụ chung trong nhiệm kỳ tới: Phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc, nêu cao ý chí tự lực, tự cường; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động các tầng lớp Nhân dân, các dân tộc, tôn giáo, nhân sĩ trí thức, các thành phần xã hội khác tham gia xây dựng và củng cố chính quyền, tăng cường sự đoàn kết nhất trí về chính trị

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam*, tập III (1975 - 2000), trang 243 - 244.

và tư tưởng, phát huy quyền làm chủ tập thể của Nhân dân lao động, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, với 5 mục tiêu chủ yếu trong 3 năm (1983 - 1985) và những năm 80 là: Nỗ lực khai thác mọi tiềm năng để đẩy mạnh sản xuất, tạo bước chuyển biến mới trên lĩnh vực phân phối lưu thông nhằm ổn định và từng bước cải thiện đời sống vật chất và văn hoá của Nhân dân, trước hết tập trung giải quyết căn bản về ăn, một bước về mặc, đáp ứng những nhu cầu tốt hơn về ở, học hành, chữa bệnh, đi lại, vui chơi, giải trí; trên cơ sở qui hoạch, tổ chức lại sản xuất, hình thành các vùng chuyên canh, tiếp tục xây dựng có trọng điểm cơ sở vật chất kỹ thuật cho CNXH, đặc biệt cần tập trung sức tăng nguồn điện, ứng dụng nhanh các tiến bộ khoa học - kỹ thuật để đẩy mạnh, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế; hoàn thiện quan hệ sản xuất XHCN trong nông nghiệp và công nghiệp, tiếp tục cải tạo thương nghiệp, nghề cá và tiểu thủ công nghiệp; tăng cường lực lượng quốc phòng và an ninh bảo vệ Tổ quốc, kết hợp chặt chẽ giữa kinh tế với quốc phòng; kiện toàn và phát huy hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp.

Từ các nhiệm vụ chung vừa nêu, căn cứ chức năng nhiệm vụ của tổ chức Mặt trận đã được Đại hội lần thứ II Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh xác định, Đại hội đã đề ra nhiều nhiệm vụ cụ thể của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp từ tỉnh xuống cơ sở, trong đó có mấy nhiệm vụ đáng chú ý:

- Tập trung tuyên truyền, giáo dục, vận động các tầng lớp Nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

- Phối hợp và thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với chính quyền từ

tỉnh đến cơ sở, nhằm phát huy quyền làm chủ tập thể của Nhân dân lao động, thực hiện đồng thời 3 cuộc cách mạng, góp phần tích cực vào thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

- Phản ánh nguyện vọng, ý kiến của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng và công tác quản lý của Nhà nước, đề xuất và góp phần với Đảng và Nhà nước xây dựng luật pháp và chính sách có liên quan đến các tầng lớp Nhân dân; cùng các đoàn thể thành viên tổ chức thực hiện quyền giám sát của Nhân dân đối với hoạt động của cơ quan nhà nước.

- Kiến nghị các cấp ủy đảng cần lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng công tác về cơ sở (xã, phường, thị trấn), nhằm đẩy mạnh các phong trào cách mạng của quần chúng từ cơ sở và tạo ra cuộc sống mới ở khu dân cư bằng những hình thức và phương pháp linh hoạt, thích hợp với đặc điểm, điều kiện từng nơi. Đồng thời, các cấp ủy đảng cần làm cho cán bộ, đảng viên các ngành, chính quyền, các đoàn thể quần chúng nhận rõ tầm quan trọng của công tác Mặt trận trong giai đoạn hiện nay, uốn nắn những quan điểm, nhận thức không đúng về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Sau Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh lần thứ III, để tăng cường hơn nữa quan hệ hữu nghị và hợp tác, đặc biệt là tình đoàn kết chiến đấu giữa Nhân dân 3 nước Đông Dương, ngày 3 - 1 - 1985, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra quyết định thành lập Phân hội hữu nghị Việt Nam - Campuchia, ông Ngô Xuân Hạ - Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Dân vận, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh được cử làm Chủ tịch Phân hội. Từ đây, Phân hội hữu nghị Việt Nam - Campuchia trở thành thành viên mới của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà

Năng. Đồng thời, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình hành động của Đại hội, song song với việc triển khai học tập Chỉ thị số 53/CT-TW, ngày 28 - 11 - 1984 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *“Về tăng cường công tác quần chúng của Đảng”*, với tinh thần cơ bản là: Phát huy quyền làm chủ tập thể XHCN của Nhân dân lao động, thực hiện thắng lợi *“hai nhiệm vụ chiến lược”*, *“ba cuộc cách mạng”*, xây dựng thành công chế độ mới, nền văn hóa mới và con người mới XHCN, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN; tổ chức tổng kết Chỉ thị 17- CT/TW, ngày 18 - 4 - 1983 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *“Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong giai đoạn mới”*; vận động Nhân dân mua công trái xây dựng Tổ quốc đợt II năm 1984; tổ chức tuyên truyền và học tập những nội dung cơ bản về Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; chuẩn bị hiệp thương giới thiệu người ra ứng cử Hội đồng nhân dân huyện, thành phố, thị xã, xã, phường, thị trấn trong cả tỉnh vào ngày 20 - 5 - 1984; đồng thời làm tốt công tác chuẩn bị hiệp thương giới thiệu người ra ứng cử Hội đồng nhân dân tỉnh khóa III, nhiệm kỳ 1985 - 1989.

Ngày 29 - 3 - 1985, tại Đà Nẵng, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh tổ chức Lễ mít tinh kỷ niệm 10 năm ngày giải phóng tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (29/3/1975 - 29/3/1985) và đón nhận Huân chương Sao Vàng với sự tham gia của đông đảo các tầng lớp nhân dân. Đặc biệt, Lễ kỷ niệm còn có sự tham dự của Tổng Bí thư Lê Duẩn, đại tướng Chu Huy Mân - Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước. Đánh giá những thành tựu mà Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng đạt được sau 10 năm phấn đấu xây dựng, Tổng Bí thư Lê Duẩn khẳng định: *“Quảng*

Nam - Đà Nẵng đã thực hiện sáng tạo chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng, vận dụng linh hoạt vào điều kiện cụ thể của địa phương. Một số mặt phát triển mạnh, nhất là sản xuất lương thực. Đời sống của Nhân dân được cải thiện, ổn định và giữ vững. Đó là thắng lợi của Đảng bộ và Nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng”¹.

Tiếp theo, ngày 21 - 4 - 1985, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể các cấp vận động các tầng lớp Nhân dân tham gia thành công cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa III². Tuy nhiên, do có 3 đơn vị bầu cử là Đà Nẵng, Tam Kỳ, Tiên Phước không bầu đủ số lượng theo quy định, nên ngày 28 - 4 - 1985, các đơn vị này đã tổ chức bầu thêm 3 đại biểu, đưa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo đủ số lượng là 120 người.

Giữa lúc các tầng lớp Nhân dân ta đang phấn khởi ra sức thi đua thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng các cấp đề ra, công tác tuyên truyền, vận động quần chúng đang chuyển biến tích cực, tháng 4 - 1985, Trung ương tiến hành cuộc tổng điều chỉnh giá - lương - tiền lần thứ 2, xóa bỏ hoàn toàn giá cung cấp và chế độ tem phiếu, chỉ giữ lại sổ gạo cho người ăn lương đã tác động tích cực đến phân phối, lưu thông. Sự kiện này đánh dấu sự xóa bỏ cơ chế quản lý tập trung, quan liêu bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh doanh XHCN trên phạm vi cả nước. Tháng 9 - 1985, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng tiến hành thực hiện bù giá qua lương, đưa lương vào giá thành sản phẩm, điều này khích lệ Nhân dân gửi tiền tiết kiệm

1. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (1975 - 1996)*, Nxb. Đà Nẵng, trang 170.

2. Cả tỉnh có 46 đơn vị bầu cử, với 211 ứng viên. Kết quả có 99,7% cử tri toàn tỉnh đi bỏ phiếu. 117 ứng viên trúng cử, trong đó có 32 nữ, chiếm tỷ lệ 27,35%.

nhiều hơn. Tuy nhiên, với chính sách giá - lương - tiền mới, nhất là khi thực hiện việc đổi tiền, đã làm giá cả tăng đột biến, đồng tiền mất giá, gây ra cú sốc lớn với toàn xã hội.

Nền kinh tế lâm vào khủng hoảng, lạm phát tăng với tốc độ phi mã lên đến mức trên 2 con số (77,4%). Sản xuất bị đình trệ, nhiều nhà máy, xí nghiệp gần như dậm chân tại chỗ; giá cả tăng mạnh, khiến đời sống cán bộ, công nhân viên và Nhân dân lao động gặp rất nhiều khó khăn; phân phối lưu thông gặp nhiều rối ren và trở thành vấn đề cấp bách nóng bỏng, cộng thêm những sai lầm trong quản lý kinh tế - xã hội, quản lý Nhà nước đã ảnh hưởng sâu sắc đến sản xuất, đời sống cán bộ và Nhân dân. *“Những sai lầm nói trên là sai lầm nghiêm trọng cả về chủ trương chính sách, về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện”*¹.

Lợi dụng những khó khăn thiếu sót của ta, các lực lượng phản cách mạng trong và ngoài nước tìm mọi cách nói xấu chế độ, kích động các đối tượng bất mãn, thoái hóa biến chất và các phần tử cực đoan trong các tôn giáo chống lại chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân, hòng làm suy yếu sức mạnh dân tộc. Nhưng với truyền thống đoàn kết, sẵn sàng đương đầu với mọi khó khăn, thử thách, Đảng bộ và Nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng vẫn bình tĩnh, tập trung suy nghĩ tìm cách khắc phục, quyết tâm đưa quê hương thoát khỏi đói nghèo, tiến lên ấm no hạnh phúc không chỉ bằng ý chí sắt đá được tôi luyện qua những năm tháng chiến tranh, mà còn bằng cả trí tuệ và tình yêu mãnh liệt đối với vùng đất *“nặng nghĩa tình”, “chưa mưa đà thấm”* trong truyền thống

1. Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Nxb. Sự Thật, Hà Nội, 1987, trang 213.

nhân văn. Đó là, phải tập trung sức đột phá vào những khâu trọng yếu nhất, như giải quyết vấn đề ách tắc trong phân phối lưu thông, phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, nhằm giải quyết yêu cầu bức thiết trước mắt là vấn đề “ăn” của xã hội; tăng cường trận địa kinh tế XHCN; Nhà nước nắm hàng, nắm tiền và làm chủ thị trường trên những mặt hàng thiết yếu.

Thực hiện chủ trương trên, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với chính quyền và Hội Nông dân các cấp tích cực tuyên truyền, động viên hội viên và các tầng lớp Nhân dân vượt qua khó khăn, sử dụng triệt để mọi nguồn lực của xã hội để phát triển sản xuất; khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong quá trình thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW của Ban Bí thư như tình trạng khoán trắng cho nông dân, buông lỏng công tác quản lý điều hành, giải quyết mối quan hệ “3 lợi ích” chưa thỏa đáng, làm cho lợi ích tập thể tăng lên không đáng kể, sản lượng lương thực đóng góp cho Nhà nước đưa vào phân phối lưu thông còn thấp. Đặc biệt, vận động nông dân thực hiện tốt Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc giao đất, giao rừng đến hộ nông dân, gắn quyền hạn, trách nhiệm và lợi ích vật chất để khuyến khích nông dân tích cực lao động sản xuất; Chỉ thị về củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất ở nông thôn miền núi, nhằm đẩy mạnh ba cuộc cách mạng, nâng cao đời sống của Nhân dân vùng cao (1 - 1985); Chỉ thị về việc tiếp tục xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất XHCN, phát triển kinh tế thủy sản, nông, lâm, ngư nghiệp và ngành nghề miền biển; Chỉ thị về việc cải tiến quản lý kinh tế, hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp (6 - 1985); Chủ trương của Hội

ng nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V) về giá mua lương thực và nông sản...

Nhờ thực hiện những giải pháp mang tính đồng bộ và làm tốt công tác tư tưởng cho Nhân dân, nên phong trào nông dân, nông nghiệp và nông thôn Quảng Nam - Đà Nẵng có bước phát triển khá, nhất là sau hơn 4 năm thực hiện cơ chế khoán mới, nông nghiệp toàn tỉnh có sự chuyển biến lớn, giải quyết thành công mục tiêu tự túc lương thực của tỉnh. Sau hơn 10 năm, tính từ ngày giải phóng, sản lượng lương thực cây có hạt đạt 358,2 ngàn tấn (gấp 3,6 lần so với năm 1975), bình quân lương thực đầu người từ 140 kg (1975) tăng lên 317,8 kg; đàn gia súc, gia cầm tăng gấp 2 lần so với năm 1976; một số nông lâm sản được khai thác, thu mua phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu. Thủy sản đã có bước phát triển, cả khai thác và nuôi trồng. Giá trị sản xuất nông lâm thủy sản chỉ tính riêng năm 1985 gấp 1,98 lần so với năm 1976¹. Đồng bào các dân tộc miền núi, nhất là vùng núi cao hẻo lánh thực hiện định canh, định cư gắn liền với sản xuất tập thể và bước đầu đem lại những kết quả đáng khích lệ. Tính đến năm 1986, có hàng chục ngàn người định canh, định cư. Với phương châm Nhà nước và Nhân dân cùng làm, được Nhà nước hỗ trợ, đồng bào các dân tộc trong tỉnh tham gia xây dựng hàng chục công trình thủy lợi, đắp hàng ngàn km đường giao thông, làm hàng trăm cây cầu. Các xã định canh, định cư đều kết hợp với việc vận động, tổ chức tổ đổi công, vòng công, thâm canh lúa nước đạt năng suất cao, điển hình như Trà Dương, Trà Núi (Trà My), góp phần hạn chế được nạn đói giáp hạt kinh niên. Chăn nuôi, trồng và bảo vệ rừng, xây dựng vườn rừng, đào ao nuôi cá...,

1. *Quảng Nam, 30 năm xây dựng và phát triển*, trang 24 - 25.

phát triển nhanh, đời sống của đồng bào các dân tộc ngày càng ổn định và từng bước được nâng cao.

Trong thời gian này, một sự kiện có ý nghĩa lớn đối với nhân dân vùng B Đại Lộc là ngày 26 - 3 - 1986, tỉnh tổ chức lễ khởi công xây dựng công trình hồ chứa nước Khe Tân. Theo thiết kế, đây là công trình thủy lợi lớn thứ 2 của tỉnh sau công trình đại thủy nông Phú Ninh. Trong quá trình thi công, Nhân dân các huyện trong tỉnh tham gia đóng góp hàng triệu ngày công, góp phần vào thành công của công trình.

Thương nghiệp dịch vụ được mở rộng phục vụ sản xuất, tiêu dùng và xuất khẩu. Số cơ sở kinh doanh, lao động tăng nhanh, gấp trên 4 lần, trong đó có 239 doanh nghiệp hoạt động, chủ yếu là hệ thống hợp tác xã mua bán chiếm gần 50% (116 đơn vị). Tổng mức bán lẻ hàng hoá gấp 4,5 lần so với năm 1976. Xuất khẩu năm 1976 không đáng kể, đến năm 1985 đạt hơn 10 triệu đô la - rúp.

Sau 10 năm, công cuộc khôi phục và phát triển kinh tế đã đạt được những kết quả vượt bậc. Trên lĩnh vực kinh tế, đã có bước phát triển khá toàn diện. Thu nhập quốc dân tăng gấp 2,7 lần; bình quân tăng 11,7%/năm; cơ cấu kinh tế đã có sự thay đổi theo hướng tích cực, bước đầu công nghiệp và dịch vụ có sự phát triển, mặc dù nông nghiệp vẫn giữ vai trò chủ yếu: tỷ trọng nông nghiệp trong thu nhập quốc dân từ 90,3% giảm còn 72,6%; công nghiệp - xây dựng từ 4,6% tăng lên 14,2%; dịch vụ từ 5,1% tăng lên 13,2%¹.

Về văn hóa - xã hội đã tập trung giải quyết ổn định đời sống Nhân dân, chăm lo phát triển giáo dục và tạo công ăn việc

1. *Quảng Nam, 30 năm xây dựng và phát triển*, trang 25.

làm cho người lao động; hệ thống các trường dân tộc nội trú được xây dựng ở tất cả các huyện miền núi, hình thành Trường phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh tại Hội An để trực tiếp tạo nguồn cán bộ người dân tộc thiểu số. Hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội được xây dựng một bước, góp phần phát triển kinh tế, văn hoá và cải thiện vùng nông thôn của tỉnh.

Hoạt động của các tổ chức thành viên, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội nghề nghiệp đã bám sát phong trào cách mạng của quần chúng, tập trung phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị và yêu cầu của sản xuất kinh doanh; kịp thời phát hiện nêu gương “*Người tốt việc tốt*” và các điển hình tiên tiến; lấy điển hình nhân rộng điển hình; lấy cái tốt đẩy lùi cái xấu. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp vận động các tầng lớp Nhân dân đóng góp áo ấm tặng bộ đội theo Thông tri số 35/TT-TU, ngày 24 - 10 - 1985 của Tỉnh ủy; tổ chức phong trào thi đua yêu nước XHCN năm 1986 theo Chỉ thị số 84/CT-TU, ngày 29 - 1 - 1986 của Tỉnh ủy; mở Đại hội thi đua yêu nước toàn tỉnh lần thứ III (29 đến 30 - 3 - 1986)...

Anh chị em văn nghệ sĩ, trí thức đã hòa nhập với nhịp sống quê hương đất nước, vui mừng trước những thắng lợi, chia sẻ những khó khăn, bám sát phong trào quần chúng, phản ánh thực tiễn và hơi thở cuộc sống. Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, văn học nghệ thuật đã có những tiến bộ vượt bậc, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tháng 4 - 1986, để đẩy mạnh công tác Mặt trận cho phù hợp với tình hình mới, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cử ông Phạm Thanh Ba - Tỉnh ủy viên về làm Trưởng Ban Dân vận, ông Ngô Xuân Hạ chỉ đảm nhận chức vụ Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh lãnh đạo, tổ chức xây dựng, phát triển lực lượng dân quân tự vệ; Liên hiệp Công đoàn tỉnh phối hợp với Sở Thủy sản nghiên cứu triển khai tổ chức Hội lao động hợp tác nghề cá với tổ chức lực lượng bảo vệ sản xuất trên biển; kết hợp kinh tế với quốc phòng ở vùng ven biển.

Phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, thực hiện tiết kiệm là một trong những công tác trọng tâm của các cấp công đoàn. Tại Quảng Nam - Đà Nẵng, phong trào đã diễn ra sôi nổi ở hầu khắp các huyện, thị, thành phố. Tiêu biểu như công nhân tổ vận hành Nhà máy xay xát Tam Xuân có sáng kiến dùng sắt chữ V cỡ lớn thay cho sắt chữ V cỡ nhỏ ở bộ phận sàng tạp chất và lấp ròi, giảm độ rung và độ mài mòn của sàng, thiết kế giá gỗ có điểm tựa chính xác khi đưa cánh quạt vào hàn, giảm độ lệch tâm của hệ thống quạt..., đưa tỷ lệ gạo lên 68,5%, vượt 5% do Sở Lương thực giao. Công nhân Xí nghiệp vật liệu xây dựng Điện Bàn có sáng kiến khi xếp gạch vào lò ghép 9 cầu lò thành 3 cầu, đưa công suất nung từ 18.000 viên lên 22.000 viên mỗi kỳ/lò. Tại Xí nghiệp mộc Hội An, công nhân đã chế tạo thành công một máy nghiền và những dụng cụ khác dùng sản xuất sơn đạt chất lượng không kém sơn Hà Nội với giá thành hạ... Cuối năm 1985, chỉ tính ở 193 đơn vị cơ sở đã có 5.528 sáng kiến, làm lợi 2.100.000 đồng, tiết kiệm vật tư, nguyên liệu được 1.849.000 đồng. Phong trào phấn đấu xây dựng tổ, đội lao động XHCN cũng diễn ra sôi nổi khắp mọi nơi, góp phần tạo khí thế trong lao động sản xuất. Nhiều công nhân vượt định mức gấp 2, 3 lần. Số cơ sở sản xuất, lao động công nghiệp tăng gấp 1,7 lần; giá trị sản xuất công nghiệp gấp 4,18 lần so với năm 1976. Một số ngành công nghiệp khai thác, chế biến có bước phát triển mạnh; hàng loạt công trình thủy

điện nhỏ và vừa phục vụ phát triển công nghiệp và sinh hoạt ở nông thôn được hoàn thành đưa vào sử dụng như thủy điện Phú Ninh: 2000 kw, Sông Cù (Đại Lộc): 400 kw, Hà Ra (Nam Giang): 360 kw, Cẩm Dơi (Quế Sơn): 40 kw, Đại Quang 3 (Đại Lộc): 360 kw, Duy Trinh (Duy Xuyên): 40 kw, Tiên Lãnh (Tiên Phước): 80 kw. Tiếp tục khởi công xây dựng các công trình thủy điện Đại Đồng (Đại Lộc): 350 kw, Nước Xa (Phước Sơn): 750 kw, Nước Oa (Trà My): 800 kw, Nông trường Quyết Thắng (Đông Giang): 40 kw, Cà Dập (Đông Giang): 180 kw¹.

Các cấp Hội Phụ nữ trong tỉnh cũng đẩy mạnh công tác vận động, tổ chức, hướng dẫn phụ nữ phát huy vai trò người mẹ, góp phần xây dựng gia đình, nuôi dạy con tốt, xây dựng đội ngũ cán bộ nữ; tích cực chăn nuôi, phát triển đàn gia súc, gia cầm, giữ mức bình quân mỗi hộ từ 1 đến 2 con heo, trọng lượng xuất chuồng cũng tăng từ 35 kg (1980) lên 60 kg (1986). Thi đua với chị em ở đồng bằng, phụ nữ miền núi cũng ra sức tăng gia sản xuất, đẩy mạnh phong trào trồng bông, dệt vải, trồng các loại cây công nghiệp như quế, tiêu, chè, trâu... Nổi bật nhất là chị em phụ nữ huyện Giăng, chỉ tính riêng năm 1986, họ đã khôi phục nghề trồng bông dệt vải, gieo hàng trăm ang giống, dệt được 500 tấm xà lung, 38 tấm tuốt... Phụ nữ công nhân viên chức cũng sôi nổi thực hiện các phong trào thi đua “*Giành 3 điểm cao*”, “*Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật*”, “*Hai tốt*”, “*Thầy thuốc như mẹ hiền*”, “*Hướng về chiến sĩ tiền phương*”, “*Con gà tiền tuyến*”, “*Hũ gạo nuôi quân*”...

Đoàn thanh niên các cấp trên địa bàn tỉnh tăng cường giáo dục truyền thống cách mạng, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin cho đoàn viên, thanh niên, thiếu niên...; vận động đoàn

1. *Quảng Nam, 30 năm xây dựng và phát triển*, trang 24.

viên, thanh niên tiếp tục thực hiện vai trò xung kích. Cuộc hành quân truyền thống “*Theo bước chân những người anh hùng*” do Trung ương Đoàn phát động từ năm 1983 và kết thúc vào ngày 19 - 5 - 1985 đã trở thành ngày hội của tuổi trẻ. Nổi tiếp phong trào này, tuổi trẻ trong tỉnh lại tiếp tục hưởng ứng cuộc hành quân “*Theo chân Bác*”, phát động các đợt thi đua “*55 năm ngày đêm thần tốc tiến công, đập bằng gian khó, quyết giành toàn thắng*”, tổ chức những ngày công lao động XHCN, động viên thanh niên lên đường làm nghĩa vụ quân sự...

Có thể nói, trong giai đoạn 1975 - 1986, cùng với cả nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể trên địa bàn Quảng Nam - Đà Nẵng luôn nêu cao vai trò, vị trí của mình trong việc tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; tích cực vận động, hướng dẫn các tầng lớp Nhân dân phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và đã đạt được những kết quả to lớn trên nhiều mặt, ngày càng xuất hiện nhiều phong trào hành động cách mạng có chất lượng của quần chúng Nhân dân, góp phần xây dựng quê hương, đất nước. Tuy nhiên, nhìn chung tình hình tổ chức và hoạt động của các cấp Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể trong tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, lúng túng. Đặc biệt, các tổ chức đoàn thể chưa thật sự chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của hội viên, đoàn viên; thiếu hướng dẫn giúp đỡ hội viên, đoàn viên phát triển kinh tế gia đình. Đội ngũ cán bộ các tổ chức đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở được tăng cường, nhưng phần lớn chưa được đào tạo, bồi dưỡng cơ bản, còn thiếu năng lực trong công việc, quan hệ giữa các tổ chức đoàn thể ở cơ sở với các đơn vị kinh tế tập thể (nhà máy, xí nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp, tập đoàn sản xuất...) chưa rõ ràng, còn chồng chéo, kém hiệu quả.

Từ giữa năm 1985 trở đi, trên địa bàn tỉnh tư tưởng chủ quan duy ý chí, muốn làm nhanh, “*nhANH NHẤT*”, nhưng lại thiếu và coi thường tri thức khoa học công nghệ, thiếu cả kinh nghiệm, tưởng có thể làm tất cả theo cung cách thời chiến tranh bắt đầu mạnh nha và phát tán mạnh mẽ. Lãnh đạo các cấp cũng dần dần có khuynh hướng xa dân, cũng tức là xa rời thực tế, từ đó đi đến không thật sự lấy lợi ích thiết thực của người dân làm tiêu chuẩn hàng đầu, mà lấy cải tạo quan hệ sản xuất làm mục đích hàng đầu, chạy theo thành tích, chạy theo hình thức, bằng mọi cách hoàn thành sớm, càng nhanh càng tốt bất chấp hậu quả làm cho kinh tế trì trệ, xã hội xuống cấp, nội bộ “*có vấn đề*”¹, mà chúng ta sau này đã phải mất khá nhiều thời gian và công sức mới từng bước khắc phục được.

Mặc dù còn có những hạn chế như trên, nhưng những thành tựu mà Nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng đạt được sau hơn 10 năm xây dựng có ý nghĩa quan trọng. Có được những thành tựu to lớn ấy là do nhiều nguyên nhân: Sự nhạy bén, năng động, sáng tạo của Đảng bộ và chính quyền trong bối cảnh kinh tế - xã hội đầy khó khăn, phức tạp sau chiến tranh, đã mạnh dạn tìm được một lối ra khác, phù hợp với thực tế, hợp với lòng dân, tránh được “*lối tư duy giáo điều vận dụng mô hình xây dựng XHCN từ những năm của thập kỷ sáu mươi ở miền Bắc đang có xu hướng phổ biến, trong điều kiện của sự ràng buộc của cơ chế hành chính bao cấp vốn là cần thiết nhất định trong thời chiến đang được kéo dài quá mức và trở thành nhược điểm*”². Việc hoàn thành thắng lợi xây dựng công trình đại thủy nông Phú Ninh và công tác thủy lợi hoá đồng ruộng

1. *Tìm hiểu con người xứ Quảng*, trang 141.

2. *Tìm hiểu con người xứ Quảng*, trang 140.

nói chung thời kỳ này là một ví dụ điển hình, đó là một “*chủ trương khác với “lý luận” được coi là “kinh điển” thời bấy giờ phải chờ hợp tác hoá thì mới có động cơ và lực lượng để thủy lợi hoá*”¹. Đó là do trên dưới một lòng, cả tỉnh ra sức hàn gắn vết thương chiến tranh, phát triển sản xuất, chăm lo cải thiện và nâng cao đời sống Nhân dân; con người Quảng Nam tiếp tục phát huy cao độ chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong kháng chiến, hừng hực chiến đấu chống lại đói nghèo, lạc hậu, quyết tâm tạo nên những kỳ tích mới trên mảnh đất “*trung dũng kiên cường*” trong đấu tranh chống kẻ thù xâm lược. Đặc biệt, trong những năm tháng này, trên mảnh đất Quảng Nam - Đà Nẵng mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng, giữa những người lãnh đạo với người dân vẫn khăng khít như những những ngày khói lửa chiến tranh. Gần như mỗi ngày Đảng đều nghe được tiếng nói và cả tâm tình, ước vọng của quần chúng đối với hiện tại và cả tương lai. Nhờ đó mà nhiều chủ trương của lãnh đạo đã thực sự trở thành cao trào chính trị trong điều kiện mới - cao trào chính trị trong xây dựng hòa bình của quần chúng. Nhiều vị lãnh đạo cao nhất của tỉnh đã trực tiếp xuống với dân, bàn bạc với các bậc lão nông tri điền như con cháu trong nhà. Tại Gò Nổi (Điện Bàn), không ít lần người dân đã nói thẳng với Bí thư Tỉnh ủy: “*Thôi việc này các chú làm sai rồi, làm sai thì nhận sai đi, đừng có chối, rồi ta bày cho cách mà sửa...*”². Dựa vào dân, tin dân, trọng dân và vì dân, đó là con đường ngắn nhất để đi tới mọi thành công. Vì vậy, có thể nói đây là giai đoạn mà chúng ta đã kế tục xuất sắc mọi tư tưởng về Dân trên hành trình lịch sử hơn 500 năm của xứ Quảng.

1. *Tìm hiểu con người xứ Quảng*, trang 140.

2. *Tìm hiểu con người xứ Quảng*, trang 140.

Chương 6

MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG VẬN ĐỘNG NHÂN DÂN THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1986 - 1996)

I. PHÁT HUY SỨC MẠNH ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC, ĐƯA ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG (1986 - 1990)

1. Tăng cường công tác Mặt trận, đưa đường lối đổi mới của Đảng vào cuộc sống

Từ giữa năm 1985 đến trước Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12 - 1986), mặc dù so với một số địa phương khác của đất nước, tình hình kinh tế - xã hội của Quảng Nam - Đà Nẵng có khá hơn, nhưng cũng như cả nước: *“Tình hình tư tưởng trong Đảng và Nhân dân đang có những diễn biến phức tạp, nổi lên là tâm trạng lo lắng, xao xuyến trước tình hình giá cả ngày càng tăng cao, đời sống khó khăn và không ổn định; lòng tin vào sự chỉ đạo thực hiện các nghị quyết bị giảm sút, bên cạnh đó còn nổi lên một số biểu hiện tư tưởng lệch lạc, bi quan, dao động. Năm 1985 hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể có tiến bộ trên một số mặt công tác. Việc tổ chức phong trào quần chúng đã hướng vào những trọng điểm của kế hoạch kinh tế - xã hội, mở rộng hình thức Quỹ bảo thọ ở cơ sở. Phương hướng công tác của Mặt trận và các đoàn thể đã có một số cải tiến. Tuy nhiên, chỗ yếu trong công tác vận động*

quần chúng vẫn là còn thiếu sự chỉ đạo thường xuyên của cấp ủy đảng để phối hợp hoạt động với các cơ quan chính quyền và đoàn thể trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước”¹. Ngay cả Báo cáo của Đoàn Chủ tịch, tại Hội nghị lần thứ tư Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam diễn ra từ ngày 18 đến ngày 21 - 2 - 1986 tại Hà Nội cũng nêu rõ: “Sự phấn đấu tích cực của các tầng lớp Nhân dân vượt qua nhiều khó khăn giành được những thắng lợi có ý nghĩa trên nhiều lĩnh vực. Nhưng đáng tiếc là từ cuối quý IV - 1985, do những khuyết điểm nghiêm trọng trong việc thực hiện Nghị quyết lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết 28, Bộ Chính trị về giá, lương, tiền nên giá cả, thị trường có nhiều diễn biến phức tạp làm cho sản xuất, đời sống của Nhân dân đảo lộn, gây xao xuyến, lo lắng trong cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân ta... Báo cáo cũng chỉ rõ: Công tác Mặt trận còn phải cố gắng và phải làm nhiều việc thiết thực hơn nữa mới đáp ứng được yêu cầu của cách mạng. Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, những việc chưa làm được đó là hệ thống tổ chức, bộ máy và đội ngũ cán bộ còn nhiều yếu kém. Thực tiễn còn chỉ rõ ở những nơi chưa quán triệt tinh thần, nội dung Chỉ thị 17 thì công tác Mặt trận ít đạt kết quả”². Đầu năm 1987, Ban Dân vận Trung ương ra Thông báo số 01/TB-DV, phản ánh tình hình các tầng lớp Nhân dân tham gia góp ý kiến vào Dự thảo Báo cáo Chính trị Đại hội Đảng lần thứ VI và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 1986, cũng nêu rõ: “Công tác Mặt trận đã được chuyển mạnh về cơ sở; các phong trào:

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam*, tập III (1975 - 2000), trang 339.

2. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam*, tập III (1975 - 2000), trang 340 - 341.

“Quỹ thọ”; “Vườn cây, ao cá Bác Hồ”; vận động gửi tiền tiết kiệm; xây dựng nếp sống văn hóa được mở rộng. Nhiều nơi đã xây dựng được quy ước về việc tang lễ, lễ cưới, hòa giải mâu thuẫn gia đình, phường, xóm; đặc biệt là cuộc vận động xây dựng “Quỹ thọ” và “Xây dựng nhà tình nghĩa” có sức tập hợp lớn và tác dụng rõ nét. Mặt yếu trong công tác mặt trận là sự phối hợp động viên phong trào giữa các thành viên còn lúng túng, rời rạc; đội ngũ cán bộ làm công tác mặt trận còn nhiều mặt yếu”¹.

Trong bối cảnh đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể các cấp ở Quảng Nam - Đà Nẵng đưa cán bộ xuống cơ sở, mở hội nghị bàn việc tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống; phản ánh với các cấp ủy đảng về tình hình đời sống và tư tưởng của các tầng lớp Nhân dân; kiến nghị các biện pháp về tổ chức đời sống vật chất, văn hóa ở cơ sở xã, phường, thị trấn, khắc phục hiện tượng vi phạm quyền làm chủ tập thể của quần chúng; tổ chức phong trào quần chúng thi đua chào mừng Đại hội Đảng các cấp với tinh thần bằng mọi cách phải tạo ra cho được phong trào cách mạng sôi nổi trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, ra sức thi đua thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng năm 1986. Qua đợt thi đua, phải đạt hiệu quả trên cả 3 mặt: Có kết quả cụ thể về nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và tiết kiệm; nâng cao giác ngộ về Đảng, về CNXH, tăng cường mối qua hệ gắn bó giữa Đảng với quần chúng; phát huy rộng rãi kinh nghiệm các điển hình tiên tiến; phong trào thi đua gắn với việc vận động quần chúng tham gia xây dựng và hoàn thiện cơ chế quản lý mới ở

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam*, tập III (1975 - 2000), trang 364 - 365.

cơ sở, gắn với việc giải quyết những vấn đề cấp bách về sản xuất, phân phối lưu thông và đời sống..., cũng qua thi đua tạo được sức mạnh đồng bộ trong tổ chức và chỉ đạo thực hiện thi đua đạt được hiệu quả thiết thực, khắc phục cách làm việc quan liêu, hành chính và bệnh hình thức trong tổ chức thi đua.

Song song với việc phát động các phong trào thi đua, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể các cấp ở Quảng Nam - Đà Nẵng tổ chức đóng góp ý kiến vào các Dự thảo Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV. Các ý kiến góp ý tập trung vào 4 vấn đề: Nhận xét chung về các bản Dự thảo; phân tích tình hình và nhiệm vụ; góp ý về những mục tiêu kinh tế - xã hội; phương hướng, nhiệm vụ những năm 1986 - 1990; về tổng thể cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý. Nhìn chung các ý kiến góp ý, đặc biệt là của các vị nhân sĩ, trí thức yêu cầu đánh giá lại hệ thống chủ trương, chính sách đúng hay sai và tổ chức thực hiện như thế nào? Ai là người phải chịu trách nhiệm chính? Tình trạng bê bối kéo dài nhiều năm, phát hiện không sửa phải chăng nguyên nhân gốc là những người có chức, có quyền còn mang nặng chủ nghĩa cá nhân, không muốn cải tiến, sửa đổi để tình trạng trì trệ, nể nang làm trái nguyên tắc tập trung dân chủ. So sánh việc thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược, hầu hết các góp ý đều cho rằng, nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc giành thắng lợi rất to lớn, còn nhiệm vụ xây dựng CNXH, tuy đạt nhiều thành tựu, nhưng thực trạng đất nước kinh tế sa sút, xã hội mất kỷ cương, các tầng lớp Nhân dân mất lòng tin một cách đáng lo ngại. Cần làm rõ 4 nguyên nhân chủ quan mà chung nhất vẫn là tư tưởng chủ quan, nóng vội và bảo thủ, trì trệ về tổ chức và chính sách.

Về phương hướng, nhiệm vụ, các ý kiến cho rằng cần có cách nhìn mới về các vấn đề: Cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật trước hết là cách mạng điện toán; phải quan niệm lại nội dung của sự phát triển trong đó có cách đặt và giải quyết vấn đề công nghiệp hóa; vấn đề giao lưu và hợp tác quốc tế; phải tìm cách giành lại thế chủ động, phá thế bị bao vây cô lập.

Các khuyến nghị của một số đại biểu đã thẳng thắn chỉ rõ: Chúng ta đừng quá say sưa về chiến thắng, về truyền thống, về tài nguyên phong phú mà cần thực sự chú trọng thực hiện dân chủ XHCN; đề cao luật pháp, khôi phục kỷ cương, lập lại trật tự xã hội; đẩy mạnh giao lưu và hợp tác quốc tế; đổi mới quản lý kinh tế; tổ chức lại bộ máy Nhà nước cho gọn nhẹ; đặt khoa học kỹ thuật đúng với vai trò then chốt của nó; yếu tố con người, chiến lược con người và cần đổi mới công tác cán bộ.

Những góp ý thẳng thắn, tuy có phần gay gắt, nhưng chân thành và đầy tinh thần trách nhiệm trước các vấn đề lớn của địa phương và đất nước của các tầng lớp Nhân dân được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổng hợp, báo cáo trước Hội nghị đặc biệt Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức tại Hà Nội từ ngày 24 đến ngày 25 - 9 - 1986, nhằm đóng góp ý kiến vào Dự thảo Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội lần thứ VI của Đảng và tại Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XIV được tổ chức tại Đà Nẵng từ ngày 21 đến 29 - 10 - 1986, với 546 đại biểu chính thức đại diện cho 39.285 đảng viên toàn Đảng bộ về dự.

Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XIV nhấn mạnh: “*Sản xuất có phát triển, tổng sản phẩm xã hội tăng 8 %, thu nhập quốc dân sử dụng tăng*

3,4%, năng suất lao động tăng 3%, cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH tiếp tục được tăng cường; công tác phân phối lưu thông đạt được những kết quả nhất định, hoạt động xuất nhập khẩu và kinh tế đối ngoại phát triển; quan hệ sản xuất mới được củng cố và tăng cường thêm một bước; sự nghiệp văn hoá - xã hội có những mặt phát triển khá. Đời sống một bộ phận Nhân dân ở nhiều vùng được cải thiện; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng được nâng lên một bước, hiệu lực quản lý điều hành của Nhà nước các cấp được tăng cường, công tác quản chúng có nhiều tiến bộ, góp phần bảo đảm quyền làm chủ và hình thành phong trào cách mạng của quần chúng”¹. Đại hội cũng thẳng thắn nhìn nhận: “Của cải làm ra chưa nhiều, nhưng quản lý và phân phối lại có khuyết điểm, không công bằng, nhiều sơ hở. Hàng vạn lao động chưa có, chưa đủ việc làm. Đời sống Nhân dân lao động, nhất là những người chủ yếu sống bằng tiền lương, các chiến sĩ vũ trang và công an, những người hưu trí, những gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng hết sức khó khăn. Những hiện tượng tiêu cực trong xã hội tiếp tục phát triển, tình trạng không công bằng xã hội chậm được khắc phục. Một số giá trị đạo đức, tinh thần đã được xây dựng những năm trước đây đang bị xói mòn”². Đồng thời Đại hội cũng chỉ ra nguyên nhân của mọi nguyên nhân tồn tại đó là: “Chúng ta chưa quán triệt đầy đủ quan điểm “Lấy dân làm gốc”, chưa thật sự chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân; còn nhiều biểu hiện xa dân; vi phạm quyền làm chủ của Nhân dân, chưa xây dựng và thực hiện tốt chính sách đối

1. Biên niên sự kiện lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam 1975-2005, trang 290.

2. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (1975 - 1996), trang 205.

với các dân tộc anh em, chính sách xã hội nhằm bồi dưỡng phát huy nhân tố con người, nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam”¹.

Từ những hạn chế, khuyết điểm nêu trên, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ và những mục tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội cho cả nhiệm kỳ 1986 - 1990, trong đó nhấn mạnh: “Động viên Đảng bộ, quân, dân toàn tỉnh phát huy truyền thống trung dũng kiên cường, đẩy mạnh phong trào thi đua XHCN, khai thác tốt nhất tiềm năng thế mạnh, mở rộng ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, tổ chức lại sản xuất, đổi mới cơ chế quản lý, dồn sức phát triển nông nghiệp toàn diện, thật sự coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đồng thời phát triển mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, lập lại trật tự trên mặt trận phân phối lưu thông, kiên quyết cải tạo XHCN, nâng cao chất lượng quan hệ sản xuất mới, tiếp tục xây dựng có trọng điểm cơ sở vật chất kỹ thuật, tất cả nhằm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định và cải thiện một bước đời sống Nhân dân, tạo điều kiện cho bước phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tiếp theo”². Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XIV đặc biệt quan tâm đến quyền làm chủ của Nhân dân lao động, coi đây vừa là mục tiêu, vừa là động lực xây dựng và bảo vệ Tổ quốc... Đại hội yêu cầu các cấp ủy đảng và mỗi đảng viên phải là lực lượng chủ yếu, bảo đảm cao nhất quyền làm chủ của Nhân dân, chính quyền các cấp phải thực sự là công cụ đắc lực để thực thi quyền làm chủ. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể Nhân dân phải được kiện toàn tổ chức, đổi mới nội dung và phương pháp công tác, tiếp cận được

1. Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, trang 33 - 34.

2. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (1975 - 1996), trang 206.

quảng đại quần chúng để “*nghe dân nói, nói cho dân nghe, làm cho dân tin*”¹. Đại hội bầu Ban Chấp hành nhiệm kỳ mới gồm 45 uỷ viên chính thức và 7 uỷ viên dự khuyết. Tại Hội nghị lần thứ nhất của Ban Chấp hành Đảng bộ (4 & 5 - 11 - 1986), ông Nguyễn Văn Chi được bầu giữ chức vụ Bí thư Tỉnh uỷ, ông Ngô Xuân Hạ - Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh được bầu vào Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

Tiếp theo Đại hội Đảng bộ tỉnh, tháng 12 - 1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng với phương châm: “*Nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật*”, đã đánh giá tình hình đất nước, kiểm điểm sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước trong thập niên đầu cả nước đi lên CNXH, khẳng định những mặt làm được, phân tích rõ những mặt chưa làm được và đề ra đường lối Đổi Mới toàn diện đất nước, đổi mới cơ chế chính sách, đổi mới phong cách, tổ chức cán bộ, trọng tâm là đổi mới tư duy về kinh tế. Đại hội xác định nhiệm vụ chung của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên CNXH là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, xây dựng những tiền đề cần thiết cho quá trình công nghiệp hoá, tập trung sức người sức của thực hiện cho bằng được 3 chương trình kinh tế lớn: *lương thực, thực phẩm; hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu*, coi đây là nội dung cụ thể của công nghiệp hoá XHCN trong chặng đường đầu tiên.

Với tinh thần thực sự cầu thị, nghiêm khắc tự phê bình những sai lầm khuyết điểm trong 10 năm cả nước quá độ lên CNXH, Đại hội rút ra những bài học kinh nghiệm lớn. Đó là bài học “*lấy dân làm gốc*”; phải xuất phát từ thực tế, tôn trọng

1. *Lịch sử công tác dân vận của Đảng bộ tỉnh Quảng Nam (1930 - 2010)*, trang 333.

và hoạt động theo các quy luật khách quan; phải biết kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong những điều kiện mới; phải xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể quần chúng ngang tầm nhiệm vụ chính trị. Với phương châm hành động là “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*”. Xây dựng nền dân chủ XHCN mà ở đó Nhân dân lao động thực sự là những người chủ giám sát Nhà nước: “*Nhân dân lao động không chỉ là người thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước một cách thụ động, mà còn chủ động tham gia ý kiến đề xuất với Đảng, Nhà nước những vấn đề trọng đại của đất nước cũng như công việc hàng ngày*”¹.

Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Báo cáo Chính trị của Đại hội chỉ rõ: “*Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đảng Dân chủ, Đảng Xã hội và các tổ chức đoàn thể quần chúng có vai trò to lớn trong việc động viên các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng, quản lý kinh tế và xã hội. Các cấp, các ngành và chính quyền phải tôn trọng và phối hợp chặt chẽ tạo điều kiện thuận lợi để các đoàn thể và Mặt trận hoạt động có hiệu quả thiết thực. Đảng viên, cán bộ chính quyền, bộ đội, công an phải tự mình trực tiếp vận động quần chúng, coi đó là một công việc tất yếu để thực hiện tốt công tác chuyên môn của mình. Các cấp ủy Đảng phải lãnh đạo chặt chẽ, nhưng phải tôn trọng tính độc lập về tổ chức, khuyến khích tính chủ động sáng tạo của các đoàn thể... Các đoàn thể cũng phải mau chóng đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của mình cho phù hợp với những cuộc cải cách về quản lý kinh tế, xã hội, hoạt động của*

1. Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương, *Những thành công lớn của Đại hội Đảng trong thời kỳ đổi mới*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2007, trang 20.

đoàn thể phải chuyển mạnh về cơ sở, thu hút đông đảo quần chúng vào các phong trào cách mạng”¹.

Đại hội còn đề ra phương hướng để xây dựng, thực hiện chính sách nhằm đáp ứng lợi ích chính đáng của các tầng lớp nhân dân. Trước mắt tập trung sức giải quyết những vấn đề có thể giải quyết được, phù hợp với từng đối tượng như giai cấp công nhân, nông dân, trí thức, thanh niên, phụ nữ... Đại hội đặc biệt nhấn mạnh các chính sách cần phải tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết và đấu tranh cách mạng kiên cường, dũng cảm của các dân tộc thiểu số nhằm củng cố và nâng cao thêm một bước khối đại đoàn kết các dân tộc. Đảng và Nhà nước trước sau như một thực hành chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng, giúp đỡ đồng bào tôn giáo xây dựng cuộc sống mới. Đảng và Nhà nước đánh giá cao lòng yêu nước của kiều bào, tạo điều kiện thuận lợi để kiều bào xây dựng khối đoàn kết cộng đồng, tiếp xúc với bà con trong nước, đóng góp ngày càng nhiều hơn vào công cuộc xây dựng Tổ quốc. Đại hội VI của Đảng có ý nghĩa lịch sử trọng đại, trở thành bước ngoặt trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta.

Với chủ trương đổi mới của Đảng, nền kinh tế nước ta nói chung, tỉnh ta nói riêng từng bước chuyển dần sang nền kinh tế nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN và đạt được một số thành tựu bước đầu.

Sau Đại hội VI của Đảng, với không khí dân chủ khá cởi mở, nhất là việc hưởng ứng “*Những việc cần làm ngay*” của Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, trên các phương tiện thông

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam*, tập III (1975 - 2000), trang 359 - 360.

tin đại chúng bước đầu công khai đấu tranh phê phán các hiện tượng tiêu cực, bảo thủ, trì trệ, quan liêu hách dịch trong các cơ quan Nhà nước và ngoài xã hội, nêu gương “*Người tốt việc tốt*”. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ động phối hợp với các tổ chức đoàn thể tuyên truyền học tập Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, gắn với việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XIV đề ra. Trọng tâm là quán triệt quan điểm “*lấy dân làm gốc*” và thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn, khắc phục khó khăn ách tắc về phân phối lưu thông, ổn định đời sống cán bộ và Nhân dân, xem đây là nhiệm vụ cốt lõi. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp có sáng kiến tổ chức những buổi nói chuyện “*nói cho dân nghe và nghe dân nói*”, để Nhân dân trực tiếp đối thoại bày tỏ ý kiến, quan điểm của mình đối với Đảng, Nhà nước. Thông qua các diễn đàn này, một mặt ý thức làm chủ tập thể của Nhân dân được thể hiện và nâng cao, phương châm “*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*” thực sự đi vào cuộc sống, tạo được niềm tin và sự phấn khởi của các tầng lớp nhân dân vào đường lối đổi mới của Đảng. Mặt khác, Nhân dân có điều kiện tham gia góp ý cho cán bộ, đảng viên khắc phục những nhược điểm, thiếu sót, nâng cao tinh thần trách nhiệm với Đảng, với dân.

Điều quan trọng hơn, thông qua các diễn đàn đối thoại với Nhân dân, những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn đời sống xã hội được Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tập trung thảo luận, đề xuất với Tỉnh ủy xây dựng, hoàn thiện và ban hành nhiều nghị quyết quan trọng, từng bước khắc phục những hạn chế, góp phần tháo gỡ những khó khăn, tạo điều kiện cho kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển.

Công tác kiện toàn tổ chức các đoàn thể thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cũng được Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh quan tâm chỉ đạo, nhất là khi một số tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được đổi tên cho phù hợp với tình hình mới theo chủ trương của Trung ương, như Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam được đổi thành Hội Nông dân Việt Nam, Tổng Công đoàn Việt Nam được đổi thành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, thay chức danh Thư ký công đoàn thành Chủ tịch công đoàn¹, thành lập Hội Cựu Chiến binh Việt Nam...

Từ ngày 2 đến ngày 4 - 11 - 1988, ông Ngô Xuân Hạ dẫn đầu đoàn đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng tham dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III Mặt trận Tổ quốc Việt Nam diễn ra tại Hà Nội. Đại hội thông qua bản báo cáo về tình hình, nhiệm vụ, bản sửa đổi Điều lệ và Chương trình hành động trong 5 năm (1988 - 1993), khẳng định đổi mới là xu thế của thời đại, là yêu cầu của Đảng và Nhân dân. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phải tự đổi mới về nhận thức, về nội dung và phương pháp hoạt động, về tổ chức cán bộ để phát huy vai trò của mình trong việc tăng cường và mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, đoàn kết các giai cấp, các thành phần kinh tế, các dân tộc, các tôn giáo, các nhân sĩ trí thức, đoàn kết mọi người Việt Nam ở nước ngoài; tổ chức, động viên đông đảo Nhân dân xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có trách nhiệm đầy đủ trước tình hình đất nước, góp sức cùng Đảng, Nhà nước cùng toàn dân ta xây dựng nền dân chủ XHXN và giải quyết tình hình kinh tế - xã hội khó khăn hiện nay đưa đất nước tiến lên.

1. *Lịch sử phong trào công nhân lao động và Công đoàn tỉnh Quảng Nam 1929 - 2000*, trang 225 - 227.

Đáng chú ý là tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh khẳng định: *“Đổi mới thật sự là một cuộc cách mạng trong nhiều lĩnh vực; đổi mới không phải là một con đường rải nhựa bằng phẳng, mà là một con đường gập ghềnh, quanh co, phải vượt qua nhiều khó khăn trở ngại...Điều hết sức quan trọng là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam không đứng ngoài cuộc, mà hãy cùng với Đảng và Nhà nước đồng tâm hợp lực trong cùng một đội ngũ cách mạng kiên cường, khắc phục khó khăn, phấn đấu ổn định tình hình kinh tế - xã hội bằng những hành động cách mạng cụ thể, nói đi đôi với làm”*. Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Võ Chí Công cũng khẳng định: *“Trong cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý hiện nay, muốn đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thì trước hết Đảng phải đổi mới sự lãnh đạo của mình đối với công tác Mặt trận. Phải coi sự đổi mới công tác lãnh đạo của Đảng là điểm mấu chốt để triển khai sự đổi mới của hệ thống Mặt trận”*, còn Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Đỗ Mười thì nhấn mạnh: *“Quan hệ giữa Nhà nước với Mặt trận Tổ quốc là mối quan hệ bình đẳng hợp tác. Mặt trận Tổ quốc cần tích cực, chủ động xây dựng chính sách, pháp luật; thực hiện liên kết, phối hợp hoạt động với các tổ chức thành viên để cùng Nhà nước tạo ra các phong trào hành động cách mạng chung của các tầng lớp Nhân dân. Mặt trận là người đứng ra bảo vệ quyền làm chủ, quyền công dân và lợi ích hợp pháp của các tầng lớp Nhân dân”*¹. Những phát biểu của những vị lãnh đạo cao nhất của Đảng, Nhà nước và quyết tâm đổi mới nội dung

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam*, tập III (1975 - 2000), trang 432 - 434.

và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại Đại hội đã thổi một luồng sinh khí mới, góp phần to lớn trong việc động viên những người làm công tác Mặt trận trên khắp mọi miền của đất nước, trong những năm tháng đầu tiên của sự nghiệp đổi mới do Đảng khởi xướng.

2. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng trong những năm đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986 - 1990)

Ngay sau Đại hội VI của Đảng, thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức hiệp thương, giới thiệu người ra ứng cử và phối hợp với chính quyền tổ chức bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (khóa III), nhiệm kỳ 1985 - 1989 tại đơn vị Duy Xuyên và thành phố Đà Nẵng. Kết quả, ngày 21 - 12 - 1986, các đơn vị đã bầu đủ 2 vị là Đặng Văn Pháo và Phạm Thanh Ba vào Hội đồng nhân dân tỉnh. Đầu năm 1987, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức tuyên truyền, hiệp thương và tham khảo ý kiến của tập thể Nhân dân lao động, giới thiệu danh sách những người ra ứng cử đại biểu Quốc hội khóa VIII, cùng với các cơ quan chính quyền tổ chức việc bầu cử theo đúng quy định. Nhờ làm tốt công tác phối hợp tuyên truyền và vận động, ngày 19 - 4 - 1987, toàn tỉnh có 925.259 cử tri đi bầu cử đại biểu Quốc hội khóa VIII, đạt tỷ lệ 99,62%. Do đơn vị bầu cử số 2 và số 4 bầu thiếu mỗi nơi 1 đại biểu, nên chỉ có 13/15 người trúng cử đại biểu Quốc hội, trong tổng số 28 người có tên trong danh sách bầu cử, gồm các ông/bà: Trần Quang Dũng, Trần Đình Đạm, Trần Hanh, Nguyễn Chơn, Lê Thị Phước, Nguyễn Thị Bình, Lê Công Cơ, Lê Trung Lâm, Hà Thị Thu Sương, Võ Chí Công, Hoàng Minh Thắng, Hồ Văn Điều, Trần Văn Đông. Sau

đó, ngày 3 - 5 - 1987, cử tri tại các đơn vị bầu thiếu trước đây tiếp tục bầu bổ sung, kết quả 2 ông Prieu Prăm, Phan Tứ trúng cử đại biểu Quốc hội khóa VIII.

Tiếp theo, ngay từ đầu năm 1989, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phối hợp với các tổ chức, đơn vị có liên quan tiến hành hiệp thương, giới thiệu người ra ứng cử và phối hợp với chính quyền tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân 3 cấp. Nhờ làm tốt công tác chuẩn bị và tích cực vận động các tầng lớp Nhân dân đi bầu cử, nên cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân 3 cấp vào ngày 19 - 11 - 1989 diễn ra thành công tốt đẹp. Toàn tỉnh có 37 đơn vị bầu cử, nhưng chỉ có thị xã Tam Kỳ là chưa thể tổ chức bầu cử được, do tình hình địa phương đang có một số vấn đề khá tế nhị¹, nên kết quả bầu cử đợt này toàn tỉnh có 97 đại biểu trúng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (khóa IV), trong tổng số 105 đại biểu. Ở cấp huyện, thị, thành phố có 604 đại biểu trúng cử, trong tổng số 607 đại biểu theo quy định. Ở cấp xã, phường, thị trấn có 7.539 đại biểu trúng cử, trong tổng số 7.544 đại biểu ứng cử theo quy định. Sau đó, ngày 26 - 11 - 1989 tiếp tục tổ chức bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, xã và bầu đủ số lượng đại biểu theo quy định. Riêng thị xã Tam Kỳ, mãi đến ngày 10 - 12 - 1989, mới hoàn thành việc tổ chức bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp².

Song song với việc tham gia tổ chức thành công bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân 3 cấp, Mặt

1. Ngay cả nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ thị xã Tam Kỳ khóa XIII (1986 - 1988) cũng phải kéo dài đến năm 1991 mới tổ chức Đại hội Đảng bộ khóa XIV (1991 - 1996). Dẫn theo *Lịch sử Đảng bộ thành phố Tam Kỳ (1975 - 2010)*, tháng 11 - 2017, trang 124.

2. *Lịch sử Đảng bộ thành phố Tam Kỳ (1975 - 2010)*, trang 122.

trận Tổ quốc các cấp xây dựng quy chế phối hợp công tác với Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp; đồng thời phối hợp với ngành tư pháp tổ chức tuyên truyền pháp luật trong các tầng lớp nhân dân, vận động Nhân dân sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật. Tổ chức tiếp xúc cử tri với đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Thông qua các buổi tiếp xúc cử tri, các đại biểu nắm được tâm tư, nguyện vọng và cả những đề xuất chính đáng của Nhân dân để phản ánh trong các kỳ họp Quốc hội, Hội đồng nhân dân.

Các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trên địa bàn tỉnh được củng cố trong bối cảnh toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta đang triển khai, đưa đường lối đổi mới do Đại hội VI của Đảng đề ra. Đây là thời cơ, là điều kiện tốt để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân hưởng ứng, góp phần làm thay đổi bộ mặt kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

Căn cứ vào nội dung các chương trình công tác lớn được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh xác định ngay sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV: Mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, phát động các phong trào hành động cách mạng rộng khắp, hướng mọi hoạt động của Mặt trận về cơ sở, tận địa bàn dân cư để tập trung vào việc giải quyết những công việc thiết thực như xây dựng nền dân chủ XHCN, tham gia xây dựng chính quyền các cấp, thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, phát huy tinh thần chủ động sáng tạo và sự thống nhất cao giữa các tổ chức đoàn thể quần chúng, khơi dậy tinh thần làm chủ của các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh.

Trong thời gian này, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp toàn tỉnh tập trung triển khai các cuộc vận động, tiếp tục ổn định tư tưởng cho các tầng lớp Nhân dân như: *“Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư”*, *“Bình đẳng, tương trợ giúp nhau cùng phát triển”*, *“Đoàn kết bảo vệ an ninh Tổ quốc”* và các phong trào như: *“Tương thân, tương ái”*, *“Lá lành đùm lá rách”*; mở rộng hình thức và phát động phong trào *“Quỹ bảo thọ”*; *“Vườn cây, ao cá Bác Hồ”*; vận động gửi tiền tiết kiệm; hưởng ứng *“Đợt sóng hòa bình”*; xây dựng nếp sống văn hóa; đón quân tình nguyện và chuyên gia Việt Nam ở Campuchia về nước, sắp xếp công việc, ổn định nơi ăn, chốn ở, bảo đảm cuộc sống cho các chiến sĩ tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ trở về. Nhiều nơi đã xây dựng được quy ước về việc tang lễ, lễ cưới, hòa giải mâu thuẫn gia đình, phường, xóm; đặc biệt là cuộc vận động xây dựng *“Quỹ bảo thọ”* và *“Xây dựng nhà tình nghĩa”* có sức tập hợp lớn và tác dụng rõ nét.... Cạnh đó, các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh triển khai nhiều hoạt động, huy động sức dân tham gia vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; các tổ chức quần chúng đã triển khai nhiều chương trình hoạt động, huy động đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, báo chí, các tầng lớp Nhân dân vào việc thực hiện các chủ trương của Đảng, mở đầu cho việc phát huy vai trò của Nhân dân trong công cuộc đổi mới.

Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh đã hướng các hoạt động Hội và phong trào phụ nữ vào việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước thực hiện thắng lợi 3 chương trình kinh tế lớn, tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, làm tốt chính sách hậu

phương quân đội. Đặc biệt với cuộc vận động lớn “*Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình, nuôi dạy con tốt, góp phần hạn chế trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học*”, các cấp Hội đã vận động được 16.406.000 đồng, 65,5 lượng vàng, 33,4 tấn giống các loại, 5.652 con giống gà, vịt; 373 kg gạo, 2.505 ngày công giúp nhau sản xuất, xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống¹... Liên đoàn Lao động tỉnh phát động các phong trào thi đua thực hiện 3 chương trình kinh tế lớn; phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất, thực hành tiết kiệm... Ký kết thi đua giữa các ngành: Thủy lợi, thủy điện, ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và liên kết phục vụ nông nghiệp, để nông nghiệp thật sự là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn XHCN.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh phát động phong trào “*3 xung kích làm chủ tập thể*”, “*Thanh niên lập nghiệp*”, “*Tuổi trẻ giữ nước*”, “*Thanh niên hoạt động xã hội*”... Với khẩu hiệu “*Sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại*”, tuổi trẻ Quảng Nam tiến quân vào sản xuất nông nghiệp, cải tạo đồng ruộng, đào đắp kênh mương, tiếp thu ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật để phát triển sản xuất; xung kích trong phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh học tập rèn luyện, xây dựng cuộc sống mới và con người mới XHCN; phát triển các hình thức Thanh niên xung phong, xây dựng vùng kinh tế mới, xây dựng các mô hình thanh niên làm kinh tế trang trại, kinh tế vườn đồi, kinh tế vườn rừng...; làm nông cốt trong sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phân phối lưu

1. *Lịch sử công tác dân vận của Đảng bộ tỉnh Quảng Nam (1930 - 2010)*, trang 338.

thông, quản lý thị trường, tiến quân vào khoa học - kỹ thuật; củng cố tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam, Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh trong trường học; cam kết hoàn thành mọi nghĩa vụ công dân, góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế, nâng cao đời sống các tầng lớp Nhân dân.

Hội Nông dân phối hợp với chính quyền và đoàn thể các cấp trên địa bàn tỉnh tiếp tục vận động Nhân dân đi tham gia xây dựng các vùng kinh tế mới, qua đó giải quyết công ăn việc làm cho hàng ngàn lao động, thực hiện kế hoạch dân dân, phát triển kinh tế gia đình. Thị xã Tam Kỳ, huyện Thăng Bình là những địa phương đi đầu trong việc đẩy mạnh khai hoang, làm kinh tế vườn, đổi đem lại hiệu quả thiết thực và là điển hình về sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể trong việc vận động và tổ chức dân đi xây dựng vùng kinh tế mới.

Trước tình hình nền nông nghiệp nước ta trong những năm 1986 - 1987 bị sa sút, không ổn định, nhằm tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn nữa cơ chế quản lý nông nghiệp, đưa đất nước ra khỏi tình trạng khủng hoảng lương thực, ổn định tình hình kinh tế - xã hội ở nông thôn, củng cố hơn nữa khối liên minh công nông, ngày 5 - 4 - 1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 10 *“Về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp”*. Nội dung trọng tâm của Nghị quyết là sắp xếp và tổ chức lại sản xuất nông nghiệp, củng cố và mở rộng quan hệ sản xuất XHCN, sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế. Nghị quyết qui định: Hợp tác xã, tập đoàn sản xuất là tổ chức kinh tế tự nguyện của nông dân, lập ra dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự hướng dẫn, giúp đỡ của Nhà nước, hoạt động theo nguyên tắc tự quản lý, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sản xuất kinh doanh; có tính pháp nhân,

bình đẳng trước pháp luật với các đơn vị kinh tế khác, có trách nhiệm phát huy tính ưu việt của quan hệ sản xuất XHCN.

Triển khai thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, ngày 28 - 7 - 1988, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Nghị quyết số 06/NQ-TU về “*Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp*”. Trong đó nhấn mạnh: Cần tập trung đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện, chuyển mạnh sang sản xuất hàng hóa theo hướng chuyên môn hóa, kết hợp kinh doanh tổng hợp và xác định cơ cấu kinh tế nông nghiệp hợp lý làm cơ sở để tổ chức lại sản xuất theo vùng, ngành; củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất XHCN đối với quốc doanh sản xuất, chế biến và dịch vụ; hợp tác xã, thực hiện chế độ tự quản lý của hợp tác xã; tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước trong đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp, nhằm đảm bảo thực hiện chế độ tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị, đổi mới một cách căn bản về phương thức quản lý, thực hiện đúng chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế. Với Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, cơ chế quản lý nông nghiệp có sự thay đổi căn bản. Trước hết, hộ gia đình xã viên được xác định là đơn vị kinh tế tự chủ trên cả 3 mặt: Sở hữu, quản lý và phân phối. Sự thay đổi về căn bản về vị trí, vai trò của kinh tế hộ đã giải phóng kinh tế hộ khỏi những ràng buộc của cơ chế cũ, khơi dậy tiềm năng to lớn trong từng hộ nông dân.

Từ năm 1989, các nước XHCN Đông Âu bắt đầu có những biến động ngày càng phức tạp tác động mạnh mẽ đến nước ta. Các thế lực thù địch đang tìm mọi cách thực hiện âm mưu “*diễn biến hòa bình*”, xuyên tạc sự lãnh đạo của Đảng, tìm cách mua chuộc, nắm dân, nhất là ở vùng biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đồng bào tôn giáo. Một số tiêu cực trong bộ máy Đảng và Nhà nước chưa được giải quyết, ở nông thôn vẫn còn xảy ra các vụ tranh chấp đất đai...

Vượt lên những khó khăn, trên cơ sở các chủ trương của Đảng và Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cấp Hội Nông dân từ tỉnh đến cơ sở đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, quán triệt nghị quyết của Đảng, góp phần tạo ra sự chuyển biến nhận thức của hàng ngàn cán bộ, hội viên, củng cố lòng tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, vào lý tưởng XHCN.

Nhờ cách làm ăn dựa trên cơ chế quản lý mới, lại được sự hướng dẫn, tổ chức của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cấp Hội Nông dân trong tỉnh, phong trào nông dân thi đua sản xuất giỏi và làm giàu, phát triển kinh tế gia đình, mở thêm ngành nghề thủ công..., tiếp tục phát triển sôi động trong cả tỉnh. Nhân dân ngày càng mạnh dạn đầu tư vào sản xuất, phát triển con vật nuôi, cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa. Không ít hộ dân thu nhập trong năm hàng chục triệu đồng nhờ kinh tế hộ gia đình; số hộ thiếu đói, thiếu vốn sản xuất ngày càng giảm. Hội Nông dân vận động hội viên bỏ vốn đầu tư cho sản xuất. Ở các huyện Đại Lộc, Điện Bàn, Duy Xuyên, nhiều gia đình mua máy cày làm công cụ sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao. Nhìn chung, kinh tế nông nghiệp ở tỉnh ta vào cuối thập niên 80 của thế kỷ trước tiếp tục phát triển phần lớn nhờ vào sự năng động của kinh tế hộ gia đình. Đặc biệt, vấn đề xây dựng, củng cố các loại hình kinh tế, trong đó có kinh tế hợp tác xã, phát triển ngành nghề, giải quyết việc làm, có đóng góp không nhỏ vào việc xây dựng nông thôn mới. Qua đó xuất hiện nhiều hợp tác xã tiêu biểu như: Duy Sơn II, Dệt may Duy Trinh (Duy Xuyên), Xí nghiệp mây tre lá xuất khẩu Âu Cơ (Núi Thành), Hợp tác xã Đại Hiệp (Đại Lộc), Hợp tác xã 27/7, Hợp tác xã Phú Xuân...

Trên lĩnh vực sản xuất công nghiệp và hàng tiêu dùng, khắc phục những khó khăn, thiếu thốn về vốn, kỹ thuật, nguyên liệu... Đoàn viên công đoàn và công nhân trong các nhà máy, xí nghiệp vẫn ngày đêm lao động sáng tạo, làm ra nhiều mặt hàng mới, gắn sản xuất với thị trường, coi trọng cả chất lượng và mẫu mã. Nhìn chung, trong khoảng thời gian từ cuối năm 1987 trở về sau, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở tỉnh ta không chỉ đáp ứng được nhu cầu của Nhân dân sở tại về hàng tiêu dùng, mà còn dư thừa để trao đổi trên thị trường trong nước, góp phần tăng nguồn vốn để đầu tư tái sản xuất mở rộng.

Hệ thống các cơ sở kinh tế quốc doanh được sắp xếp lại, theo đó số doanh nghiệp khu vực các huyện, thị giảm mạnh, nhất là trong lĩnh vực thương nghiệp. Hệ thống hợp tác xã mua bán giảm mạnh từ 116 (1985) xuống còn 18 đơn vị (1990). Khu vực kinh tế ngoài nhà nước bắt đầu phát triển, số hộ kinh doanh cá thể tăng nhanh. Số lượng cơ sở sản xuất và lao động công nghiệp những năm 1986 - 1990 tăng khá (năm 1990 có 6.867 cơ sở, tăng 30% và 28.739 lao động, tăng 15,8% so với năm 1985) và bắt đầu làm ăn có hiệu quả.

Đi đôi với phát triển sản xuất, việc thực hiện chính sách an sinh xã hội cho công nhân, viên chức và người lao động cũng được tổ chức Công đoàn, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên trong các cơ quan, đơn vị, cơ sở sản xuất quan tâm đúng mức, vừa để khai thác năng lực sản xuất toàn xã hội, vừa đảm bảo các lợi ích hợp pháp, chính đáng cho Nhân dân. Công tác đền ơn đáp nghĩa, chăm lo các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng, gia đình thương binh, liệt sĩ, đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng, đồng bào các dân tộc ít

người..., luôn được Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với chính quyền các cấp quan tâm hỗ trợ.

Các lĩnh vực giáo dục, y tế, an ninh quốc phòng..., đều có chuyển biến tích cực. Việc khám, chữa bệnh, chăm lo sức khỏe cho Nhân dân có nhiều tiến bộ so với trước. Công tác quốc phòng toàn dân, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội được các cấp, các ngành chú trọng, đảm bảo phục vụ 2 nhiệm vụ chiến lược là xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Phong trào đoàn kết tương trợ của Nhân dân trong tỉnh năm 1989 phát triển mạnh với nhiều hình thức, nội dung sáng tạo, phương pháp và qui mô phong phú, đa dạng. Đặc biệt, thể hiện rõ nhất là sau cơn bão số 2 đổ bộ bất ngờ, trực tiếp vào tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (5 - 1989), gây thiệt hại nghiêm trọng đến tính mạng và tài sản của Nhân dân trong tỉnh. Với tinh thần “*tương thân, tương ái*”, “*lá lành đùm lá rách*”, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với đoàn thể các cấp kịp thời gửi thư thăm hỏi và tổ chức quyên góp ủng hộ vùng bị thiên tai, vận động các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh không chỉ tương trợ giúp đỡ nhau khắc phục hậu quả bão lụt, mà còn giúp nhau giống, cây trồng nhằm đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế gia đình, góp phần giúp đồng bào vùng bị thiên tai vượt qua cơn thử thách lớn lao do thiên tai gây ra, sớm ổn định tình hình, đưa phong trào của tỉnh tiếp tục đi lên. Ở một số nơi như Điện Bàn, Thăng Bình, Đại Lộc, Quế Sơn... Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp làm tốt công tác vận động thực hiện chính sách hậu phương quân đội, đón bộ đội tình nguyện hoàn thành nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia trở về, xây dựng nhà tình nghĩa...

Từ tháng 7 - 1989, hưởng ứng chủ trương của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về đẩy mạnh phong

trào thi đua thiết thực chào mừng các ngày kỷ niệm lớn trong năm 1990. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ tỉnh đến cơ sở đẩy mạnh tuyên truyền giúp cho cán bộ, hội viên hiểu rõ hơn về quá trình đấu tranh cách mạng của Đảng, Bác Hồ và Nhân dân Đất Quảng anh hùng, qua đó củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự nghiệp đổi mới do Đảng lãnh đạo, nâng cao vai trò và uy tín của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, góp phần vận động Nhân dân tham gia ngày càng có hiệu quả các cuộc vận động, các phong trào hành động cách mạng góp phần thiết thực xây dựng quê hương ngày càng tươi đẹp.

Bước vào năm 1990, cùng với tình hình chính trị thế giới có những biến động bất lợi, trên lĩnh vực nông nghiệp, giá phân đạm, thuốc trừ sâu tăng đột biến, thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai nên sản lượng không ổn định, các loại cây trồng khác bị thu hẹp, hoặc tăng không đáng kể, nhất là diện tích cây màu giảm mạnh. Chăn nuôi có chững lại, thậm chí đàn lợn giảm so với năm 1985¹. Trong khi đó giá hàng nông sản rất thấp, nhất là đối với thực phẩm và cây công nghiệp xuất khẩu. Thêm vào đó, lực lượng lao động dư thừa dồn về nông thôn làm cho tình hình kinh tế - xã hội ở khu vực này thêm khó khăn. Bọn đế quốc và phản động nhân cơ hội đó đẩy mạnh tuyên truyền, kích động gây chia rẽ trong nội bộ Đảng và Nhân dân.

Trước tình hình khó khăn nêu trên, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn kiên trì đường lối đổi mới và khẳng định sự lãnh đạo duy nhất đối với cách mạng Việt Nam, có những giải pháp đúng đắn, kịp thời. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể được Đảng ta đặc biệt coi trọng, thể hiện trong nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương

1. *Quảng Nam, 30 năm xây dựng và phát triển*, trang 26.

Đảng (khóa VI) về “*Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và Nhân dân*”. Năm 1990, bắt đầu thực hiện việc miễn thuế nông nghiệp theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã tạo ra không khí phấn khởi trong Nhân dân cả nước.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể các cấp từ tỉnh đến cơ sở bám sát tình hình, tuyên truyền, tổ chức sinh hoạt, học tập trong đoàn viên, hội viên và Nhân dân với nhiều hình thức đa dạng, phong phú, nhất là các hoạt động chào mừng kỷ niệm lần thứ 100 ngày sinh của Bác Hồ (19/5/1890 - 19/5/1990).

Tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở trong năm 1990 được củng cố một bước quan trọng, nhất là ở cơ sở. Tình trạng tập hợp hội viên, đoàn viên mang tính hình thức được khắc phục dần. Các chi đoàn, chi hội, tổ hội được tổ chức lại. Mặc dù số lượng hội viên, đoàn viên có giảm so với trước, nhưng chất lượng được nâng lên.

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của phong trào, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên phối hợp với Trung ương mở lớp tập huấn cán bộ Mặt trận, các đoàn thể cấp tỉnh, huyện, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ cho cơ sở; không ngừng bổ sung cán bộ trẻ có trình độ văn hóa, khoa học kỹ thuật và lòng nhiệt tình vào Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và ban chấp hành đoàn thể các cấp.

Nhờ biết coi trọng việc nâng cao chất lượng cán bộ và hội viên, đoàn viên, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trên địa bàn tỉnh hướng hoạt động vào một số phong trào thiết thực như phong trào nông dân sản xuất giỏi, thanh toán đói nghèo và tiến lên làm giàu, khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai, lao động, tiền vốn, mở rộng việc áp dụng tiến bộ

kỹ thuật vào sản xuất, làm tốt nghĩa vụ đối với Nhà nước, giải quyết các vụ tranh chấp đất đai, hòa giải những xích mích trong nội bộ Nhân dân, tạo điều kiện cho việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến cuối năm 1990, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức kinh tế và cá nhân được triển khai thuận lợi, thêm nhiều công trình điện - đường - trường - trạm được xây dựng mới hoặc tu sửa, công tác dân số kế hoạch hóa gia đình cũng đạt được một số tiến bộ...

Sinh hoạt dân chủ trong xã hội cởi mở hơn. Nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị có một số thay đổi theo hướng phát huy dân chủ và quyền làm chủ của Nhân dân, người lao động được làm chủ trong sản xuất, được khuyến khích tăng thu nhập và làm giàu chính đáng, tạo động lực cho sản xuất phát triển và nâng cao mức sống của từng thành viên trong xã hội; quyền lực của các cơ quan dân cử được tăng cường, lòng tin của quần chúng đối với Đảng và Nhà nước tiếp tục được củng cố...

Tuy nhiên, trong những năm đầu đổi mới, cũng như nhiều nơi khác, trong điều kiện có nhiều tác động bất lợi về thiên tai, thay đổi cơ chế quản lý và ảnh hưởng của các sự kiện chính trị ở Liên Xô và Đông Âu đã làm cho thị trường mất ổn định. Hơn thế nữa, cơ chế quản lý kinh tế mới tuy đã được hình thành, nhưng nhìn chung vẫn chưa thoát khỏi cơ chế tập trung quan liêu bao cấp. Vật tư, tiền vốn và những điều kiện vật chất phục vụ sản xuất tiếp tục mất cân đối nghiêm trọng. Đặc biệt, trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, việc xác định kinh tế hộ tự chủ đã làm thay đổi kết cấu mô hình hợp tác ở nông thôn. Theo cơ chế mới, các hợp tác xã nông nghiệp phải chấn chỉnh lại bộ máy tổ chức, chuyển sang làm chức năng dịch vụ đầu vào, đầu

ra cho sản xuất nông nghiệp, áp dụng các phương thức quản lý theo cơ chế thị trường. Đây là thử thách rất lớn đối với sự tồn tại của các hợp tác xã nông nghiệp trong bối cảnh thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai, giá hàng nông sản rất thấp, nhất là đối với thực phẩm và cây công nghiệp xuất khẩu, mà giá cả vật tư, phân bón, thuốc trừ sâu, xăng dầu..., luôn tăng đột biến trước những biến động bất lợi của tình hình thế giới. Trong thời kỳ 1986 - 1990, phần lớn các hợp tác xã nông nghiệp ở tỉnh ta chưa vượt qua được thử thách này, hàng loạt hợp tác xã phải giải thể. Do đó, sản xuất nông nghiệp mặc dù đã mở rộng tối đa về diện tích canh tác, với 3 vụ lúa/năm, nhưng sản lượng trong những năm 1986 - 1990 thường không ổn định, sản lượng lương thực có hạt từ 358.200 tấn (1985) giảm còn 302.089 tấn (1990); các cây trồng khác lúc này thu hẹp hoặc tăng không đáng kể; diện tích trồng mía từ năm 1985 có 4.023 ha, đến năm 1990 giảm còn 3.195 ha. Đặc biệt, diện tích cây màu giảm mạnh.

Trong 3 năm đầu của thời kỳ đổi mới, do lạm phát phi mã, khiến đồng bạc mất giá, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của Nhân dân; đồng lương của cán bộ, công nhân, viên chức chỉ còn trên danh nghĩa. Hàng nghìn lao động làm việc trong các cơ sở thương nghiệp quốc doanh, hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp..., phải giải thể nên không còn việc làm. Hàng trăm giáo viên do cuộc sống quá khó khăn phải bỏ nghề tìm kế sinh nhai khác. Hai năm cuối của thập kỷ 80, tình hình xã hội có được cải thiện nhưng chưa có sự chuyển biến căn bản.

Những biến đổi về kinh tế, nhất là những biến đổi do việc chuyển sang cơ chế thị trường tác động mạnh đến hoạt động văn hoá, giáo dục, y tế. Do không còn được Nhà nước bao cấp

với mức cao như trước đây, khi nền kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường thì hoạt động của các ngành này có sự hụt hẫng, đặc biệt là ở địa bàn nông thôn. Tình trạng phổ biến là các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể thao mang tính quần chúng ngày càng suy giảm về số lượng và giá trị. Phần lớn các nhà trẻ, nhà mẫu giáo đóng cửa. Các cơ sở y tế xuống cấp. Số lượng học sinh giảm, nhất là bậc trung học phổ thông.

Đối với công tác Mặt trận của tỉnh giai đoạn này, mặt yếu là sự phối hợp đồng viên phong trào giữa các thành viên còn lỏng lẻo, rời rạc; đội ngũ cán bộ làm công tác Mặt trận còn nhiều mặt yếu, ban thường trực các địa phương không ổn định và nổi lên là quan hệ phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với một số ban, ngành trong công tác tôn giáo, dân tộc, đối ngoại nhân dân chưa cụ thể về trách nhiệm, nội dung, phương thức hoạt động...

Trước tình hình đó, để tiếp thêm sức mạnh cho công cuộc đổi mới, ngày 20 - 3 - 1990, Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) đã đề ra Nghị quyết 8B *“Về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân”*, tiếp tục khẳng định: Cách mạng là sự nghiệp của dân, do dân và vì dân; động lực thúc đẩy phong trào quần chúng là đáp ứng lợi ích thiết thực của Nhân dân, kết hợp hài hòa giữa các lợi ích, thống nhất giữa quyền lợi và nghĩa vụ công dân; các hình thức tập hợp quần chúng phải đa dạng; công tác quần chúng là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân. Không lâu sau đó, ngày 16 - 10 - 1990, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 24 về công tác tôn giáo trong tình hình mới, xác định nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng.

Nghị quyết 8B của Trung ương và Nghị quyết số 24 của Bộ Chính trị đã đưa công tác vận động quần chúng, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc sang một thời kỳ mới, thổi luồng gió mới vào đời sống xã hội, nhất là đối với những người làm công tác Mặt trận và các đoàn thể trên phạm vi cả nước.

II. XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ, Củng cố TỔ CHỨC, ĐỔI MỚI CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG QUẦN CHÚNG (1990 - 1996)

1. Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ IV, lần thứ V, tích cực đổi mới công tác vận động quần chúng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân

Ngày 6 - 3 - 1989, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 39-CT/TU, về lãnh đạo tổ chức Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh lần thứ IV, nêu rõ: Các cấp ủy Đảng cần quán triệt sâu sắc hơn nữa quan điểm “*lấy dân làm gốc*”, xác định công tác Mặt trận là một công tác quan trọng trong toàn bộ công tác cách mạng của Đảng như lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có vị trí hết sức quan trọng trong cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý; Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh lần thứ IV phải là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, trong các tổ chức đoàn thể, quần chúng và các tổ chức thành viên, tạo nên một không khí sinh hoạt dân chủ, cởi mở, đóng góp trí tuệ vào nội dung Đại hội, cũng như đề cử được một Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh là hình ảnh tiêu biểu, đại diện khối đại đoàn kết toàn dân, có năng lực hoạt động thực tiễn, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện công tác Mặt trận đạt hiệu quả thiết thực, dựa trên quan điểm: Đoàn kết

phải bằng hành động thiết thực, quyền làm chủ là động lực để tăng cường đoàn kết, ý Đảng và lòng dân là một. Nhân dân chủ động tham gia xây dựng thực hiện và giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thời gian tiến hành Đại hội trong tháng 5 - 1989¹.

Tuy nhiên, vì nhiều lý do khách quan lẫn chủ quan, đến ngày 30 & 31 - 5 - 1990, tại Đà Nẵng mới diễn ra Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ IV, nhiệm kỳ 1990 - 1995, với gần 300 đại biểu chính thức ở các huyện, thị, thành phố trong tỉnh về tham dự Đại hội.

Đại hội thảo luận, đánh giá tình hình công tác Mặt trận từ sau Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ III và đề ra những công tác chính trong nhiệm kỳ tới. Đại hội thống nhất nhận định công tác Mặt trận chịu tác động tích cực từ những thành tựu về kinh tế - xã hội như nạn lạm phát đã được kiềm chế và đẩy lùi dần; không khí dân chủ, cởi mở trong xã hội có bước phát triển và từng bước được thực hiện trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; quyền tự chủ, tự quản của các cơ sở kinh tế và tổ chức xã hội bước đầu được tôn trọng, các thành phần kinh tế được tự do hoạt động theo pháp luật; sản xuất nông nghiệp có tiến bộ; văn hóa, giáo dục, y tế có nhiều khởi sắc... Nhân dân được thông tin đúng hướng, đa chiều và kịp thời hơn. Đặc biệt, từ khi có Nghị quyết 8B của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “*Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân*”, công tác quần chúng của Đảng đã có những chuyển biến đáng kể. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức đoàn

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam 1975 - 2005*, trang 327 - 328.



Ông VÕ XUÂN SANH
Chủ tịch Ủy ban MTTQ
Việt Nam tỉnh QN-ĐN
(10/1991 - 7/1993)

thể như Đoàn Thanh niên, Liên đoàn Lao động, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Chữ thập đỏ, các câu lạc bộ hưu trí..., thường xuyên được củng cố về tổ chức, có những hoạt động thiết thực, đóng góp nhiều lợi ích to lớn đối với xã hội...

Đại hội đã hiệp thương cử ra Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh gồm 70 vị, cử ra Ban Thường trực gồm 8 thành viên, ông Ngô Xuân Hạ - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiếp tục được hiệp thương cử làm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc

Việt Nam tỉnh¹; các Phó Chủ tịch gồm các ông Võ Đắc Hợi, Bnuroch Bút, Nguyễn Kim Cương, trong đó ông Nguyễn Kim Cương làm Phó Chủ tịch chuyên trách.

Đến tháng 10 - 1991, sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, ông Võ Xuân Sanh - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy được cử giữ chức Trưởng ban Dân vận, kiêm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thay cho ông Ngô Xuân Hạ nghỉ hưu theo chế độ. Tuy nhiên, trong năm 1992, các ông Võ Đắc Hợi, Bnuroch Bút không may lần lượt qua đời và đến ngày 6 - 7 - 1993, ông Võ Xuân Sanh cũng bị bệnh mất đột ngột, Ban Thường vụ Tỉnh ủy tạm thời chỉ định ông Nguyễn Kim Cương

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam 1975 - 2005*, trang 342.

- Phó Chủ tịch thường trực điều hành công việc của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; bà Hồ Thị Kim Thanh - Tỉnh ủy viên, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Dân vận Tỉnh ủy, phụ trách Ban Dân vận Tỉnh ủy. Sau hơn 6 tháng Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng không có Chủ tịch, đến đầu năm 1994, Ban Thường vụ Tỉnh ủy điều động ông Lương Văn Hận - Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Núi Thành về làm Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy, kiêm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh. Tháng 5 - 1994, tại Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 15, ông Lương Văn Hận được bầu bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa XV). Tháng 01 - 1995, ông Lương Văn Hận thôi giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh để tập trung làm nhiệm vụ Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy, kiêm Bí thư Đảng đoàn. Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công ông Nguyễn Đình An - Tỉnh ủy viên (khóa XV), người vừa hết nhiệm kỳ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về làm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, đồng thời Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã hiệp thương cử 2 ông Nguyễn Hoàng Ngọc và Lê Văn Kiện làm Phó Chủ tịch.

Sau Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ IV, song song với việc xây dựng chương trình, kế hoạch hành động, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tiến hành tổ chức triển khai các cuộc vận động theo chức năng, nhiệm vụ của mình. Trước hết là tiến hành cuộc vận động xây dựng và phát triển nền dân chủ XHCN, xây dựng chính quyền của dân, do dân và vì dân. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trong tỉnh chủ động phối hợp với các thành viên tổ chức hội thảo, tọa đàm nhân các ngày kỷ niệm, ngày lễ lớn, tổ chức sinh hoạt truyền thống, các cuộc hành hương về thăm lại căn cứ cách mạng,

chiến khu xưa để giáo dục truyền thống yêu nước và cách mạng cho các tầng lớp Nhân dân. Vận động quần chúng tham gia bàn bạc, quyết định và thực hiện quy chế, quy ước thôn, làng văn hóa nhằm phát huy quyền làm chủ trực tiếp của Nhân dân lao động, bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ công dân trong lao động sản xuất và sinh hoạt xã hội. Đặc biệt, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức lấy ý kiến sâu rộng trong các tầng lớp Nhân dân về 4 dự luật thuế nông nghiệp, doanh thu, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế lợi tức. Phần lớn các ý kiến góp ý của các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh đối với 4 dự luật thuế cho thấy chưa đảm bảo 5 mục đích, yêu cầu đổi mới hệ thống thuế, chưa tính kỹ và đầy đủ giữa kinh tế với chính trị, xã hội, tâm lý của Nhân dân; nhất là việc ban hành thuế nông nghiệp trong thời gian thực hiện miễn thuế cho nông dân theo Di chúc của Bác Hồ sẽ không có lợi, một số sửa đổi trái với tinh thần Nghị quyết Trung ương 10 về đổi mới cơ chế quản lý nông nghiệp...

Bước sang năm 1991, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên tổ chức nhiều đợt sinh hoạt chính trị rộng rãi, để lấy ý kiến cán bộ và Nhân dân tham gia góp ý dự thảo văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, dự thảo văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, dự thảo Hiến pháp 1992, dự thảo sửa đổi bổ sung một số điều của Luật hình sự và Luật tố tụng hình sự... Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức hội nghị lấy ý kiến của đại biểu nhân sĩ, trí thức, chức sắc tôn giáo... Liên đoàn Lao động tỉnh tổ chức lấy ý kiến của một số cán bộ quản lý, cán bộ công đoàn, cán bộ khoa học - kỹ thuật và của đại diện những người lao động trực tiếp. Kết quả có hơn 10.000 ý kiến được tổng hợp từ các tầng lớp Nhân dân góp ý cho các dự thảo vừa nêu.

Từ ngày 24 đến ngày 27 - 6 - 1991, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII đã tiến hành tổng kết, đánh giá việc thực hiện đường lối đổi mới của Đảng; đề ra chủ trương, nhiệm vụ tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên. Đại hội thông qua “*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH*” và “*Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*”. Đặc biệt, Cương lĩnh đã nêu lên 6 đặc trưng của CNXH mà Nhân dân ta đang xây dựng, đó là: Do Nhân dân lao động làm chủ; Có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chủ yếu; Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Con người được giải phóng khỏi mọi áp bức bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân; Các dân tộc trong nước sống bình đẳng, đoàn kết giúp đỡ nhau cùng tiến bộ; Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với Nhân dân tất cả các nước trên thế giới. Đây cũng có thể được xem là những định hướng cơ bản của Đảng đối với công tác vận động quần chúng của cả hệ thống chính trị, là cơ sở để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tiếp tục tập hợp, đoàn kết và phát huy sức mạnh của toàn dân, tạo nên các phong trào hành động cách mạng, đưa sự nghiệp xây dựng đất nước bước vào thời kỳ mới.

Từ ngày 16 đến ngày 19 - 10 - 1991, Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XV được tổ chức tại Đà Nẵng, tham dự Đại hội có 353 đại biểu thay mặt cho 43.927 đảng viên trong toàn tỉnh. Đại hội đánh giá những kết quả đạt được trong công tác lãnh, chỉ đạo của Đảng bộ trong nhiệm kỳ XIV. Đồng thời chỉ ra những hạn chế, yếu kém cần nhận thức đầy đủ, sâu sắc cũng như những khó khăn lớn đang đặt ra.

Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể Nhân dân và các tổ chức xã hội, Đại hội nhấn mạnh: *“Cần tích cực đổi mới về tổ chức, nội dung và phương pháp công tác, thật sự đại diện cho quyền làm chủ của Nhân dân, chăm lo bảo vệ lợi ích chính đáng của Nhân dân, góp phần giữ vững và tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân. Thông qua hoạt động của mình phải làm cho đoàn viên, hội viên và đông đảo quần chúng hăng hái tham gia lao động với ý chí quyết tâm chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, làm giàu cho chính mình và cho đất nước. Chú trọng thực hiện chính sách của Đảng về công tác tôn giáo, người Hoa, xây dựng chính sách đoàn kết toàn dân. Hình thức tổ chức và hoạt động của các đoàn thể, tổ chức xã hội phải đa dạng, đáp ứng được nhu cầu chính đáng và sở thích lành mạnh của các tầng lớp Nhân dân. Bộ máy của các đoàn thể phải tinh gọn. Cần đặc biệt quan tâm công tác thanh niên, tạo môi trường thuận lợi để phát huy tài năng và sức sáng tạo của thanh niên trên mọi lĩnh vực”*¹. Đại hội bầu Ban Chấp hành mới gồm 49 ủy viên, ông Nguyễn Văn Chi tiếp tục được Ban Chấp hành bầu làm Bí thư Tỉnh ủy.

Sau Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể các cấp tổ chức tuyên truyền, quán triệt, triển khai và học tập Nghị quyết Đại hội VII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV một cách rộng rãi trong đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân. Căn cứ vào các quan điểm của Nghị quyết 8B - NQ/TW, ngày 27 - 3 - 1990 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) và nhiệm vụ công tác quần chúng được nêu trong các văn kiện Đại hội, Mặt trận

1. *Lịch sử công tác dân vận của Đảng bộ tỉnh Quảng Nam (1930 - 2010)*, trang 352.

Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể tự liên hệ kiểm điểm, đấu tranh phê phán và khắc phục những quan niệm sai trái, lệch lạc trong công tác vận động quần chúng. Trên cơ sở đó, đề ra chương trình hành động và các giải pháp cụ thể để thực hiện. Đặc biệt, trong thời gian này, cũng như ở một vài địa phương trong nước, trên địa bàn tỉnh xảy ra tình trạng một số phần tử cực đoan, phản động trong Phật giáo cấu kết, hoạt động tuyên truyền, chống đối, nhất là trong bối cảnh Đại hội đại biểu Phật giáo Việt Nam lần thứ III chuẩn bị diễn ra tại Hà Nội. Trước tình hình đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã tích cực phối hợp cùng Giáo hội Phật giáo các địa phương vận động, hướng dẫn tăng ni, Phật tử giữ vững đường hướng hoạt động của Giáo hội là “Đạo pháp, Dân tộc và CNXH”; phát huy truyền thống yêu nước của Phật giáo Việt Nam, hướng dẫn Giáo hội các địa phương động viên tăng ni, tín đồ hăng hái tham gia thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội 5 năm 1991 - 1995, nhất là qua các hoạt động từ thiện mà góp phần thực hiện chính sách xã hội của Nhà nước và đoàn kết Phật tử trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, chống âm mưu diễn biến hòa bình và lật đổ của chủ nghĩa đế quốc. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp hướng trọng tâm các hoạt động vào việc tập hợp đoàn kết các chức sắc, tranh thủ đến mức tối đa những người có thể tranh thủ được, cô lập bọn phản động cố tình làm tay sai cho đế quốc phá hoại an ninh quốc gia, phá hoại độc lập dân tộc và CNXH; đồng thời có sách lược mềm dẻo để chống âm mưu chia rẽ, dùng người Việt chống người Việt của bọn đế quốc. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cũng tham mưu cho các cấp ủy Đảng và phối hợp với chính quyền nghiêm chỉnh thực hiện mọi chủ trương, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước, sửa chữa những khuynh hướng lệch lạc

và những hành động coi thường, thiếu tôn trọng sự sãi, vi phạm tự do tín ngưỡng của Nhân dân. Những trường hợp lấn chiếm chùa và đất đai của nhà chùa được xem xét cụ thể và giải quyết theo pháp luật. Quan tâm tạo điều kiện dễ dàng cho việc in ấn, dịch kinh sách, sửa chữa chùa chiền, đào tạo sư sãi và chăm lo đời sống của các chức sắc. Nhìn chung, hoạt động của các tôn giáo ở tỉnh ta thực hiện đúng với chính sách Nhà nước đề ra, tình hình có bước ổn định.

Xác định đổi mới công tác vận động quần chúng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân là điều kiện tiên quyết để củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, là cơ sở vững chắc cho ổn định chính trị. Cấp ủy 16 huyện, thị, thành phố toàn tỉnh đều phân công một Ủy viên Ban Thường vụ làm Trưởng ban Dân vận, kiêm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, cử Ủy viên Ban Chấp hành trực tiếp làm Bí thư Đoàn Thanh niên, Chủ tịch Hội Nông dân, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ và Công đoàn cùng cấp. Ở xã, phường, thị trấn phân công một vị Ủy viên Thường vụ hoặc Ủy viên Ban Chấp hành phụ trách công tác quần chúng, làm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

Tháng 10 - 1992, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị sơ kết 2 năm thực hiện Nghị quyết 8B - NQ/TW, trên 250 đại biểu tham dự, do Bí thư Tỉnh ủy trực tiếp chủ trì. Các đại biểu đến từ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể các cấp trong tỉnh trao đổi thẳng thắn nhiều vấn đề quan trọng xung quanh việc thực hiện Nghị quyết 8B - NQ/TW, để Tỉnh ủy có cơ sở đánh giá đầy đủ những thành công, hạn chế và đề ra những giải pháp thực hiện Nghị quyết có kết quả hơn, đó là việc đổi mới công tác quần chúng của Đảng phải làm từ trong Đảng làm ra, làm từ cơ sở làm lên;

đổi mới từ nhận thức, nội dung, chính sách đến cả phương thức, biện pháp tổ chức thực hiện... Mặt khác, nếu xác định Đảng vừa là lực lượng lãnh đạo, vừa là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thì các cấp ủy, tổ chức Đảng từ tỉnh đến cơ sở cần tôn trọng tính độc lập về tổ chức của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cần khuyến khích tính chủ động sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc thực hiện các nhiệm vụ cách mạng do Đảng tổ chức và lãnh đạo để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực sự là một tổ chức có vai trò to lớn trong việc củng cố và tăng cường khối đoàn kết toàn dân. Các cấp ủy Đảng phải có chủ trương, chính sách, định hướng rõ ràng, đồng thời tôn trọng ý kiến đóng góp rộng rãi, cùng bàn bạc hiệp thương dân chủ, cùng với các thành viên phối hợp và thống nhất hành động. Vì vậy, bản thân Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp cũng phải tự đổi mới theo hướng thiết thực, có hiệu quả, phải chuyển mạnh về cơ sở, chăm lo củng cố và xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trên địa bàn dân cư, vừa phát huy vai trò đoàn kết toàn dân ở cơ sở, vừa có tác dụng thúc đẩy các phong trào hành động cách mạng của quần chúng, tạo ra sức sống mới; đồng thời làm tốt công tác vận động các đối tượng nhân sĩ, trí thức, các chức sắc tôn giáo, những già làng, trưởng bản trong cộng đồng các dân tộc thiểu số, người Việt Nam ở nước ngoài..., để tạo sự đồng thuận, tranh thủ sự nhất trí về quan điểm, tư tưởng, chính sách, góp phần làm cho mối quan hệ giữ Đảng với Dân luôn bền chặt, thể hiện rõ quan điểm *lấy dân làm gốc* trong mỗi chủ trương, chính sách.

Quyết tâm đổi mới toàn diện công tác quần chúng của Đảng trong giai đoạn 1990 - 1996 còn thể hiện ở việc Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị ban hành nhiều nghị quyết

chuyên đề, như Nghị quyết 26 của Bộ Chính trị về khoa học & Công nghệ trong thời kỳ mới; Nghị quyết Trung ương 4 về công tác thanh niên; Nghị quyết 4 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ, Nghị quyết 07- NQ/TW ngày 17 - 11 - 1993 của Bộ Chính trị về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận Dân tộc Thống nhất, Nghị quyết 24 của Bộ Chính trị về công tác tôn giáo trong tình hình mới... Trên cơ sở của các nghị quyết của Trung ương, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể của tỉnh đi sâu nghiên cứu, tổ chức tuyên truyền, kiến nghị với Ban Dân vận Tỉnh ủy tham mưu, đề xuất ban hành nhiều đề án, chương trình hành động và đề ra các giải pháp để chỉ đạo thực hiện như Chương trình hành động số 23/CT-TU ngày 30 - 3 - 1994 của Tỉnh ủy “ *Về thực hiện đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận Dân tộc Thống nhất*” theo tinh thần Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị. Ngay sau đó, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát việc thực hiện các chủ trương, chính sách; kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót, khuyết điểm gây ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết dân tộc. Đồng thời, tiến hành củng cố, kiện toàn tổ chức, tăng cường đội ngũ cán bộ, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của cơ quan thường trực; nghiên cứu vận động các thành viên tiêu biểu trong các tầng lớp Nhân dân, đặc biệt là các nhân sĩ, trí thức, doanh nhân từ các thành phần kinh tế, các dân tộc, các tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia vào Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phối hợp với chính quyền phát động các phong trào thi đua yêu nước, thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Đối với công tác tôn giáo, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể các cấp thường xuyên tổ chức tuyên truyền Nghị quyết 24 của Bộ Chính trị về công tác tôn giáo trong tình hình mới, vận động tín đồ, chức sắc các tôn giáo giúp họ hiểu sâu hơn chính sách đại đoàn kết dân tộc và tôn trọng tự do tín ngưỡng tôn giáo của Đảng, Nhà nước; vận động đồng bào có đạo tham gia các phong trào thi đua phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh trật tự, xây dựng mỗi đoàn kết, gắn bó lương giáo...Cạnh đó, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tích cực phối hợp cùng Ban Tôn giáo, Công an tỉnh hướng dẫn, giúp đỡ các tôn giáo trong việc mở trường đào tạo tăng tài, như Trường Trung cấp Phật học Quảng Nam - Đà Nẵng, hoàn thiện hồ sơ đề nghị Giáo hội Trung ương tấn phong Giáo phẩm; sửa chữa, nâng cấp, xây dựng các cơ sở thờ tự..., cùng thời gian này tổ chức Gia đình Phật tử đăng ký hoạt động tại các cơ sở thờ tự, Hội Cao Đài truyền giáo được Nhà nước công nhận tư cách pháp nhân và được tạo mọi điều kiện thuận lợi để tổ chức Đại hội Nhân sinh lần thứ nhất...

Từ ngày 17 đến ngày 19 - 8 - 1994, tại Hà Nội diễn ra Đại hội lần thứ IV Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Với hơn 600 đại biểu đại diện cho các giai cấp và tầng lớp nhân dân, các dân tộc, các tôn giáo, các nhân sĩ, trí thức, các thành phần kinh tế từ mọi miền đất nước và đồng bào ta ở nước ngoài về tham dự. Đoàn đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, do ông Lương Văn Hân - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh dẫn Đoàn đại biểu tham dự Đại hội.

Trên cơ sở kiểm điểm, đánh giá chặng đường hơn 5 năm, Đại hội rút ra một số bài học kinh nghiệm và chỉ ra phương



Ông LƯƠNG VĂN HẠN

Chủ tịch Ủy ban MTTQ

Việt Nam tỉnh QN - ĐN

(1/1994 - 1/1995);

Chủ tịch MTTQ Việt Nam tỉnh

Quảng Nam (1/1997 - 4/2002)

hướng hoạt động trong thời gian tới và công bố Chương trình 12 điểm về “*Đại đoàn kết dân tộc, xây dựng và bảo vệ đất nước*”. Đại hội cử ra Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Chủ tịch danh dự là Luật sư Nguyễn Hữu Thọ. Ông Lê Quang Đạo được cử làm Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Sau Đại hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tổ chức tuyên truyền, xác định phương hướng hoạt động đúng Chương trình hành động của Đại hội lần thứ IV Mặt trận Tổ quốc Việt

Nam về tổ chức và hoạt động, đoàn kết dân tộc, tập hợp mọi lực lượng, phấn đấu vì độc lập dân tộc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đặc biệt là tuyên truyền chủ trương đoàn kết rộng rãi mọi người Việt Nam không phân biệt quá khứ và ý thức hệ, vì mục tiêu chung, xóa bỏ mặc cảm hận thù, chân thành đoàn kết, hòa hợp thành một khối thống nhất, cùng nhau phấn đấu hoàn thành mục tiêu đưa đất nước tiến lên như Chương trình 12 điểm về “*Đại đoàn kết dân tộc, xây dựng và bảo vệ đất nước*” mà Đại hội đã công bố.

Từ ngày 20 đến ngày 21 - 7 - 1995, tại Đà Nẵng diễn ra Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng

lần thứ V, nhiệm kỳ 1995 - 2000. Dự Đại hội có gần 250 đại biểu chính thức đại diện các tổ chức thành viên, các dân tộc, tôn giáo, các vị nhân sĩ, trí thức, đại diện các cơ quan, ban ngành, đại biểu là cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và cá nhân tiêu biểu trong toàn tỉnh. Về tham dự và chỉ đạo Đại hội có ông Lê Quang Đạo - Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ông Mai Thúc Lâm - Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy.

Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ V diễn ra trong bối cảnh đất nước đứng trước 4 nguy cơ, đó là: tụt hậu về kinh tế, lệch hướng XHCN, nạn tham nhũng quan liêu và “diễn biến hòa bình”. Trên địa bàn tỉnh, cho dù kinh tế, xã hội, văn hóa, an ninh, quốc phòng..., vẫn giữ được ổn định và có mặt phát triển, đời sống một bộ phận Nhân dân được cải thiện; hoạt động của hệ thống chính trị bước đầu có đổi mới. Tuy nhiên, so với yêu cầu của công cuộc đổi mới, so với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV vẫn còn nhiều yếu kém, khuyết điểm, mà nguyên nhân chủ quan là *“do sự lãnh đạo điều hành của Tỉnh ủy, trực tiếp là của Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển mới. Tầm nhìn chiến lược về phát triển kinh tế - xã hội còn hạn hẹp; lúng túng trong xác định cơ cấu kinh tế và quy hoạch cụ thể về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh; chưa phát huy đầy đủ và có hiệu quả các lợi thế và nguồn lực, trước hết là các nguồn lực con người; chưa tập trung giải quyết nhanh và dứt điểm các vụ việc tồn đọng gây ảnh hưởng không lợi đến tâm lý, cán bộ, đảng viên và nhân dân”*¹. Đặc biệt, *“công tác quần chúng của Đảng bộ chuyển biến chậm,*

1. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (1975 - 1996)*, trang 300 - 301.

lúng túng, bị động trước cơ chế mới. Mặt trận và các đoàn thể vẫn chưa chuyển mạnh về cơ sở. Công tác đổi mới và chinh đồn Đảng chưa đáp ứng được lòng mong đợi của cán bộ, đảng viên và Nhân dân”¹. Về nhân sự lãnh đạo chủ chốt của Đảng bộ tỉnh, trước đó ngày 25 - 3 - 1994, Bộ Chính trị cùng một lúc điều động 2 Ủy viên Trung ương Đảng là ông Mai Thúc Lân về làm Bí thư Tỉnh ủy và ông Trương Quang Được về làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Đồng thời tại Hội nghị Tỉnh ủy (khóa XV) giữa nhiệm kỳ diễn ra từ ngày 29 đến 31 - 3 - 1994, đã tiến hành bầu bổ sung 8 vị vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Dù “có ảnh hưởng nhất định đến suy nghĩ của cán bộ tại địa phương. Tuy nhiên, đặt trong bối cảnh tình hình của tỉnh lúc bấy giờ thì việc này đã giải quyết được một số vấn đề nội bộ của Đảng bộ”².

Trên cơ sở quán triệt Chương trình 12 điểm về “Đại đoàn kết dân tộc, xây dựng và bảo vệ đất nước” của Đại hội IV Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; những nhiệm vụ và biện pháp lớn mà Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Tỉnh ủy (khóa XV) đề ra trong việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XV. Đại hội thảo luận, thông qua dự thảo *Báo cáo chính trị* đánh giá kết quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh nhiệm kỳ qua, với những ưu điểm nổi bật như: Công tác vận động quần chúng có nhiều chuyển biến. Các cấp ủy Đảng ngày càng nhận thức đúng đắn hơn vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể Nhân dân trong sự nghiệp đổi mới. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể Nhân dân tiếp tục được đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động, gắn với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc

1. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (1975 - 1996)*, trang 299.

2. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (1975 - 1996)*, trang 305.

phòng - an ninh. Dân chủ XHCN được mở rộng trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhân dân tham gia ngày càng nhiều vào việc quản lý xã hội, góp ý kiến vào việc xây dựng và thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Nhiều phong trào quần chúng sôi nổi hướng vào việc vận động Nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Hình thức tổ chức của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân tiếp tục được mở rộng theo hướng đa dạng, phù hợp với nền kinh tế nhiều thành phần, thu hút và tập hợp ngày càng nhiều quần chúng vào tổ chức, khắc phục dần lối hoạt động hành chính xơ cứng, máy móc, góp phần khẳng định và nâng cao vai trò hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong tình hình mới. Phương thức hoạt động của các đoàn thể cũng từng bước được đổi mới; thực lực chính trị được củng cố, phát triển, góp phần giữ vững ổn định chính trị. Bên cạnh những thành tựu, dự thảo *Báo cáo chính trị* cũng thẳng thắn chỉ ra những tồn tại, đó là: *Công tác xây dựng chính quyền và công tác vận động quần chúng còn nhiều mặt hạn chế, thiếu sót. Trật tự, kỷ cương pháp luật vẫn còn nhiều vấn đề cần chấn chỉnh. Quyền làm chủ của Nhân dân chưa được phát huy đầy đủ, các khuynh hướng dân chủ cực đoan, dân chủ hình thức chưa được khắc phục triệt để. Hiệu quả hoạt động phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể với chính quyền các cấp chưa cao; điều kiện và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chưa được quan tâm, đầu tư đúng mức; năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác Mặt trận và các đoàn thể còn nhiều hạn chế, nhất là cán bộ ở cơ sở.*

Dự thảo *Báo cáo chính trị* cũng rút ra những bài học kinh nghiệm, xác định phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu trong thời



Ông NGUYỄN ĐÌNH AN
Chủ tịch Ủy ban MTTQ
Việt Nam tỉnh QN-ĐN
(1-1995 - cuối năm 1996)

gian tới: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vừa phải tự đổi mới, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng chính quyền vững mạnh, phối hợp đấu tranh phòng chống các hiện tượng tiêu cực, tệ nạn xã hội, phát huy dân chủ đi đôi với bảo đảm kỷ cương, phép nước; thúc đẩy các phong trào hành động cách mạng, đáp ứng yêu cầu chính đáng về vật chất và tinh thần cho Nhân dân, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Đại hội đã nghe ông Lê Quang Đạo - Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc

Việt Nam phát biểu chỉ đạo Đại hội, biểu dương những thành quả của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp ở Quảng Nam - Đà Nẵng và gợi ý những việc cần làm để thực hiện tốt hơn chức năng và nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong nhiệm kỳ tới.

Đại hội hiệp thương cử ra Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh gồm 82 vị. Ông Nguyễn Đình An - Tỉnh ủy viên, tiếp tục được cử làm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các ông Nguyễn Hoàng Ngọc, Lê Văn Kiện làm Phó Chủ tịch chuyên trách; các ông/bà Hồ Văn Điều, Hoàng Châu Ký, Phan Khôi, Nguyễn Thị Vân Lan làm Phó Chủ tịch không chuyên trách. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt

Nam tỉnh gồm 4 thành viên: Ông Nguyễn Đình An (Chủ tịch), ông Lê Văn Kiện, Nguyễn Hoàng Ngọc (Phó Chủ tịch), ông Nguyễn Văn Lai (Ủy viên thường trực).

Sau Đại hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp ở Quảng Nam - Đà Nẵng triển khai phương hướng, nhiệm vụ của Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh lần thứ V, gắn với việc tổ chức cho các tầng lớp Nhân dân góp ý dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XVI và dự thảo văn kiện Đại hội VIII của Đảng.

Từ ngày 24 đến ngày 27 - 4 - 1996, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XVI được tổ chức tại Đà Nẵng. Dự Đại hội có 349 đại biểu, thay mặt cho 45.518 đảng viên trong toàn tỉnh. Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị kiểm điểm các mặt công tác nhiệm kỳ qua; đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong kế hoạch 5 năm 1996 - 2000. Về công tác Mặt trận và các đoàn thể, văn kiện Đại hội nêu rõ: *“Cần làm tốt công tác vận động quần chúng, tăng cường công tác Mặt trận, coi trọng xây dựng các tổ chức công đoàn, nông hội, các hội quần chúng vững mạnh; phải sớm quy hoạch đội ngũ cán bộ, chú trọng công tác phát triển Đảng, chống chủ nghĩa cá nhân, chống suy thoái trong Đảng”*¹.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa XVI, gồm 47 vị. Tại phiên họp lần thứ nhất của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (29/4/1996), ông Mai Thúc Lân được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh ủy. Tiếp theo Đại hội Đảng bộ tỉnh, từ cuối tháng 6, đầu tháng 7 - 1996, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã tổng kết 10 năm đất nước thực hiện đường lối đổi mới, đề ra chủ trương, nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch 5 năm 1996 - 2000.

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam 1975 - 2005*, trang 426.

Đồng thời nhấn mạnh: “*nước ta đã chuyển sang thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa*”.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trên địa bàn tỉnh tổ chức tuyên truyền, đưa các Nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống, tích cực vận động các tầng lớp Nhân dân ra sức thi đua, hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra. Đặc biệt, giữa lúc Đảng bộ và Nhân dân tỉnh ta đang ra sức tập trung thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI, thì chiều ngày 7 - 10 - 1996, Bí thư Tỉnh ủy Mai Thúc Lâm nhận được công điện của Bộ Chính trị về việc nhất trí chia tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng thành tỉnh Quảng Nam và nâng cấp thành phố Đà Nẵng lên thành phố trực thuộc Trung ương¹.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã phối hợp với các ngành, các cấp tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về các phương án chia tách tỉnh, nhanh chóng hoàn tất các thủ tục để kịp trình Quốc hội quyết định trong cuộc họp giữa tháng 10 - 1996.

Ngày 12 - 10 - 1996, Hội đồng nhân dân tỉnh họp bất thường và quyết định chọn phương án chia tách tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng thành 2 đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương như sau: tỉnh Quảng Nam có 14 đơn vị hành chính gồm thị xã Tam Kỳ, thị xã Hội An và các huyện: Hiên, Giăng, Phước

1. Vào đầu năm 1991, ở Quảng Nam - Đà Nẵng đã có ý kiến đề nghị chia tách Quảng Nam và Đà Nẵng. Đầu năm 1996, trong một cuộc làm việc với lãnh đạo tỉnh, Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt đã phát biểu: “*Tôi tán thành việc tách thành phố Đà Nẵng ra trực thuộc Trung ương*”. Tuy nhiên, Bộ Chính trị chưa có ý kiến về vấn đề này và Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI vào tháng 4 - 1996 vẫn được tiến hành như kế hoạch.

Sơn, Trà My, Tiên Phước, Núi Thành, Thăng Bình, Hiệp Đức, Quế Sơn, Duy Xuyên, Điện Bàn, Đại Lộc và có diện tích 10.406,34 km², với dân số 1.364.599 người, tỉnh lỵ đóng tại thị xã Tam Kỳ. Thành phố Đà Nẵng có 7 đơn vị hành chính, gồm các quận: Hải Châu, Thanh Khê, Sơn Trà, Liên Chiểu, Ngũ Hành Sơn, huyện Hòa Vang và huyện đảo Hoàng Sa, có diện tích 942,46 km², với dân số 633.115 người.

Để công việc chia tách tỉnh diễn ra thuận lợi, tạo sự đồng thuận, ủng hộ của các tầng lớp Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể các cấp tổ chức tuyên truyền, làm tốt công tác tư tưởng, để cán bộ, đảng viên và Nhân dân thông suốt, nhận thức đầy đủ yêu cầu khách quan và những lợi ích của việc chia tách tỉnh.

Ngày 6 - 11 - 1996, tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá X ra Nghị quyết chia tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng thành 2 đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương theo phương án đề xuất của tỉnh. Ngày 30 - 12 - 1996, Tỉnh uỷ Quảng Nam - Đà Nẵng tổ chức Hội nghị lần thứ 6, công bố quyết định của Bộ Chính trị về việc thành lập Đảng bộ tỉnh Quảng Nam, Đảng bộ thành phố Đà Nẵng và chỉ định Ban Chấp hành lâm thời của hai Đảng bộ. Đồng thời, công bố quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Quảng Nam - Đà Nẵng về việc chia tách các cơ quan, đơn vị và bộ máy tổ chức, nhân sự lâm thời của tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng.

Đây là Hội nghị cuối cùng của Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng, có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc hoàn tất mọi mặt cho việc chia tách Quảng Nam - Đà Nẵng thành 2 đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương, tạo điều kiện cho sự phát triển năng động của thành phố Đà Nẵng, sớm vươn lên thành

trung tâm kinh tế của khu vực miền Trung; đồng thời khai thác được tiềm năng, thế mạnh và phát huy được nội lực của cả địa bàn Quảng Nam - Đà Nẵng trong quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước. Từ đây, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam bước vào một giai đoạn mới với những khó khăn, thử thách mới.

2. Xây dựng hệ thống chính trị; củng cố tổ chức, tiếp tục đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân

Trong giai đoạn 1990 - 1996, song song với công tác xây dựng chính quyền, củng cố tổ chức, đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân; thực hiện dân chủ XHCN, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đề ra nhiều giải pháp nhằm đổi mới công tác vận động quần chúng, tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với Nhân dân, xem đó là điều kiện tiên quyết để củng cố khối đại đoàn kết toàn dân, là cơ sở vững chắc cho ổn định chính trị. Qua đó, tích cực tham mưu với Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện việc bố trí cán bộ Mặt trận và các đoàn thể theo đúng tinh thần Nghị quyết 8B - NQ/TW, ngày 27 - 3 - 1990 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI). Cấp ủy các huyện, thị trong toàn tỉnh đều phân công Ủy viên Ban Thường vụ cấp ủy làm Trưởng ban Dân vận, kiêm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp; cử cấp Ủy viên Ban Chấp hành trực tiếp làm Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Công đoàn cùng cấp. Đối với cấp cơ sở, nhất là khối xã, phường, thị trấn phân công Ủy viên Ban Thường vụ hoặc Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ phụ trách công tác quần chúng làm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam...

Tháng 7 - 1992, cùng với cả nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tham gia tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa IX theo Hiến pháp 1992 và Luật bầu cử mới. Các khâu tổ chức hiệp thương giới thiệu người ra ứng cử, tổ chức tiếp xúc cử tri, giám sát bầu cử, vận động cử tri tham gia bỏ phiếu...; được tiến hành theo đúng pháp luật¹. Kết quả, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng có 11 ứng cử viên trúng cử đại biểu Quốc hội, gồm các ông/bà: Ngô Văn Dũng, Lê Xuân Trinh, Nguyễn Thị Bình, Nguyễn Văn Trí, Hà Thị Thu Sương, Lê Quốc Khánh, Huỳnh Nghĩa, Hoàng Minh Thắng, Nguyễn Bá Thanh, Nguyễn Đăng Lâm, Nguyễn Đôn.

Để chuẩn bị cho kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa IX, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã tổ chức nhiều buổi tiếp xúc giữa các vị đại biểu Quốc hội với cử tri. Hầu hết ý kiến cử tri Quảng Nam - Đà Nẵng hoan nghênh Quốc hội khóa VIII đã có một bước đổi mới quan trọng, lần đầu tiên trong lịch sử Quốc hội thực hiện việc chất vấn trực tiếp tại diễn đàn giữa các đại biểu với các thành viên của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), nhất là khi Quốc hội thông qua Hiến pháp 1992. Đồng thời đề nghị Quốc hội khóa IX khắc phục điểm yếu của Quốc hội khóa VIII là việc thực hiện quyền giám sát tối cao, việc tuân theo Hiến pháp, luật và các văn bản dưới luật; cần có cơ chế để cử tri giám sát tư cách và hoạt động của đại biểu

1. Ngày 19 - 7 - 1992, toàn tỉnh có 1.071.848 cử tri đi bầu cử Quốc hội khóa IX, đạt tỷ lệ 99,74%. Toàn tỉnh có 1.445 tổ bầu cử thuộc 4 đơn vị bầu cử. Các xã Duy Trung, Duy Thành (Duy Xuyên) thuộc đơn vị bầu cử số 2 có số cử tri đi bầu cử đạt 100% và hoàn thành việc bầu cử sớm nhất. Huyện Duy Xuyên và thị xã Hội An có 100% số cử tri đi bầu cử. Đơn vị bầu cử số 2 (Hội An, Điện Bàn, Duy Xuyên, Quế Sơn, Hiệp Đức) có 99,86% số cử tri đi bầu và hoàn thành việc kiểm phiếu sớm nhất. Công tác bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội phục vụ cho bầu cử được thực hiện tốt, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân đi bầu đông, bầu sớm và đảm bảo đúng luật.

Quốc hội; huy động nhiều người có đức, có tài tham gia công việc Quốc hội; về sự điều hành của Hội đồng Bộ trưởng và cả những yếu kém trong nhiệm vụ chống tham nhũng, buôn lậu cũng như các lĩnh vực kinh tế, văn hóa xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng và thi hành pháp luật...

Tại kỳ họp thứ 12 Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IV (29 - 31/7/1992), đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thông báo về tình hình tham gia xây dựng chính quyền và giới thiệu 18 nhân sự đề bầu Hội thẩm nhân dân, kiến nghị Hội đồng nhân dân xem xét các vấn đề xung quanh việc thành lập và sử dụng “*Quyền đền ơn đáp nghĩa*”. Cùng thời gian này, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tích cực đề xuất, tham mưu đề Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 12/CT-TU, ngày 29 - 10 - 1992 “*Về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết liên tịch giữa Ban thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Nội vụ*” (nay là Bộ Công an). Theo đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể trên địa bàn tỉnh thực hiện sự phối hợp chặt chẽ trong việc vận động đông đảo đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể cùng công an phối hợp thống nhất dự thảo tiêu chuẩn tự quản, lấy hội đồng bảo vệ an ninh trật tự xã, phường, thị trấn, khối phố, thôn xóm làm trung tâm, tạo cơ sở vững chắc cho phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc cho các giai đoạn sau này.

Thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TU, ngày 5 - 4 - 1994 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc lãnh đạo tổ chức cuộc bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (khóa IV), nhằm củng cố Ủy ban nhân dân tỉnh. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức hiệp thương, giới thiệu người ứng cử đảm bảo tiêu

chuẩn; phối hợp với các ngành, các cấp có liên quan hướng dẫn cho các địa phương thuộc đơn vị bầu cử bổ sung, vận động Nhân dân tham gia đầy đủ các buổi tiếp xúc cử tri, phổ biến luật bầu cử. Nhờ làm tốt công tác tuyên truyền, chuẩn bị chu đáo về mọi mặt, ngày 8 - 5 - 1994, hơn 21.000 cử tri, chiếm tỷ lệ 99,96% ở đơn vị bầu cử số 30 thuộc 6 xã vùng tây Thăng Bình đã hăng hái đi bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IV. Kết quả, ông Trương Quang Được - Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy và ông Nguyễn Văn Gặp - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thăng Bình được bầu bổ sung vào Hội đồng nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 1989 - 1994.

Ngay sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IV vừa được củng cố, kiện toàn, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tiếp tục triển khai thực hiện Thông tri số 51/TT-TU, ngày 25 - 8 - 1994 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tổ chức quán triệt, tuyên truyền các đạo luật về tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật trong các tầng lớp nhân dân; lựa chọn, giới thiệu cán bộ ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân, ứng cử các chức danh lãnh đạo chủ chốt của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân đảm bảo yêu cầu, tiêu chuẩn và cơ cấu...

Kế thừa những thành tựu về đổi mới cách làm trong cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa IX theo tinh thần của Hiến pháp 1992 và Luật bầu cử mới, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phối hợp với chính quyền và các ban, ngành, đoàn thể có liên quan tổ chức tuyên truyền, hiệp thương, giới thiệu người ra ứng cử, tổ chức hội nghị gặp gỡ, tiếp xúc giữa ứng cử viên với cử tri, chuẩn bị tốt mọi mặt cho cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân 3 cấp theo đúng kế hoạch và các quy định của pháp

luật. Ngày 20 - 11 - 1994, cùng với cả nước, cử tri toàn tỉnh đi bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân 3 cấp. Kết thúc ngày bầu cử, toàn tỉnh có 1.135.831 cử tri đi bầu cử, đạt tỷ lệ 99,74%¹. Ở 29 đơn vị bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh khóa V trong cả tỉnh đều đảm bảo an toàn bầu đủ 69 đại biểu. Trong đó, có 12 nữ, 13 đại biểu ngoài Đảng, 6 đại biểu dân tộc thiểu số, 41 đại biểu có trình độ đại học, cao đẳng, phó tiến sĩ (nay là tiến sĩ). Đối với hội đồng bầu cử 2 cấp huyện, xã và tương đương, công tác bầu cử cũng được tổ chức chu đáo, an toàn, đúng thời gian.

Trong 2 ngày 8 & 9 - 12 - 1994, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa V tổ chức kỳ họp thứ nhất, bầu các chức danh Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 1994 - 1999. Kỳ họp đã bầu ông Lê Quốc Khánh - Phó Bí thư Tỉnh ủy làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, ông Trương Quang Được - Phó Bí thư Tỉnh ủy làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Đặc biệt, tại kỳ họp thứ 4, Hội đồng nhân dân tỉnh (khóa V) diễn ra từ ngày 27 đến ngày 29 - 12 - 1995, đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh giải trình 4 vấn đề được dư luận quan tâm, đó là: Về quá trình giải nợ của tàu Tiên Sa và việc sử dụng số vàng, đá quý có nguồn gốc từ công tác cải tạo tư bản mại bán trong những ngày đầu giải phóng; về sự cố Đài tưởng niệm của tỉnh; về việc vay 1.500 tấn thép xây dựng của Công ty hợp doanh nhà².

Một sự kiện có ý nghĩa tinh thần to lớn trong đời sống chính trị - xã hội của đất nước, đó là ngày 29 - 8 - 1994, Ủy ban Thường vụ Quốc hội công bố Pháp lệnh quy định danh hiệu

1. Nhiều địa phương có tỷ lệ tham gia bầu cử từ 99,9% trở lên như Duy Xuyên, Hiệp Đức, Điện Bàn, Hội An... Đặc biệt, thị xã Hội An có 100% cử tri tham gia bầu cử.

2. *Biên niên sự kiện lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam 1975 - 2005*, trang 422.

vinh dự Nhà nước “*Bà mẹ Việt Nam anh hùng*” cho các bà mẹ có nhiều công lao sinh thành, nuôi dưỡng và cống hiến những người con thân yêu của mình cho độc lập, tự do của Tổ quốc. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phối hợp cùng chính quyền và các ban, ngành, đoàn thể tổ chức xét chọn theo đúng các quy định, đề nghị cấp trên công nhận danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng cho các mẹ có đủ điều kiện. Trong đợt phong tặng và truy tặng đầu tiên, Quảng Nam - Đà Nẵng rất tự hào là tỉnh có nhiều bà mẹ được nhận danh hiệu cao quý này. Trong tổng số 19.879 bà mẹ cả nước được tuyên dương lần này, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng vinh dự có 4.511 mẹ, chiếm 1/6 tổng số Mẹ Việt Nam anh hùng trong cả nước¹. Ngày 21 - 12 - 1994, trong không khí chào mừng 50 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức lễ trao tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng cho 100 mẹ đại diện 4.511 bà mẹ của tỉnh được Nhà nước tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng đợt đầu tiên.

Ngày 29 - 3 - 1995, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức lễ mít tinh kỷ niệm 20 năm ngày giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (29/3/1975 - 29/3/1995). Tham dự lễ mít tinh có Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Võ Chí

1. Trong đó, huyện Điện Bàn có 726 mẹ, huyện Thăng Bình có 477 mẹ, huyện Duy Xuyên có 426 mẹ, thị xã Tam Kỳ có 331 mẹ, huyện Quế Sơn có 329 mẹ, huyện Hòa Vang có 290 mẹ, huyện Đại Lộc có 263 mẹ, thành phố Đà Nẵng có 171 mẹ, huyện Núi Thành có 152 mẹ, huyện Tiên Phước có 91 mẹ, thị xã Hội An có 89 mẹ, huyện Hiệp Đức có 44 mẹ, huyện Trà My có 4 mẹ và huyện Hiên có 3 mẹ. (Nguồn: *Biên niên sự kiện lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam 1975 - 2005*, trang 404).

Công; các đại tướng Võ Nguyên Giáp, Văn Tiến Dũng, Chu Huy Mân; đại diện các bộ, ngành Trung ương cùng hơn 1.000 cán bộ, đảng viên và đại diện các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh. Phát biểu tại buổi lễ, Cố vấn Võ Chí Công ghi nhận những cống hiến của Đảng bộ, quân và dân Quảng Nam - Đà Nẵng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, cũng như trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. Kết thúc buổi mít tinh là chương trình biểu diễn hoạt cảnh “*Những năm tháng không thể nào quên*” và diễu binh, diễu hành của lực lượng vũ trang và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh, biểu hiện khí thế hào hùng của cả dân tộc nói chung và quân dân trong tỉnh nói riêng trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, giải phóng dân tộc và sức mạnh tổng hợp toàn dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nhằm khắc sâu hơn nữa những công lao to lớn của các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thực hiện Chỉ thị số 32/CT-TU, ngày 10 - 8 - 1995 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc phụng dưỡng các Bà mẹ Việt Nam anh hùng và các bà mẹ liệt sĩ già yếu neo đơn. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể các cấp thực hiện tốt việc tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân hiểu sâu hơn nữa ý nghĩa sự cống hiến của các anh hùng, thương binh liệt sĩ, các Bà mẹ Việt Nam anh hùng đã hy sinh cho độc lập, tự do của Tổ quốc, từ đó xác định trách nhiệm của bản thân trong công tác “*đền ơn đáp nghĩa*”; tổ chức phát động phong trào phụng dưỡng các Bà mẹ Việt Nam anh hùng và các gia đình liệt sĩ có khó khăn trong tỉnh, bằng các hình thức thích hợp với hoàn cảnh của cơ quan, đơn vị, tổ chức mình.

Bên cạnh công tác tham gia xây dựng chính quyền, cùng

cổ và kiện toàn các tổ chức thành viên, đổi mới công tác vận động, đoàn kết các tầng lớp Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể các cấp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 1990 - 1996, còn làm tốt công tác vận động Nhân dân thực hiện Chương trình hành động số 23/CT-TU, ngày 30 - 3 - 1994 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết 07 của Bộ Chính trị đối với vấn đề đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận Dân tộc Thống nhất... Trên cơ sở quán triệt quan điểm của Nghị quyết 8B, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và nhiệm vụ chính trị của địa phương, các đoàn thể quần chúng tích cực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tuyên truyền, vận động Nhân dân nâng cao nhận thức về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, khơi dậy nhiều phong trào hành động cách mạng trong các tầng lớp Nhân dân, thiết thực góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng trên địa bàn tỉnh và đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Sau 5 năm, kể từ khi Nghị quyết của Đại hội Đảng các cấp đi vào cuộc sống, công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội ở Quảng Nam - Đà Nẵng tiếp tục thu được một số thành tựu cơ bản. Nền kinh tế có sự khởi sắc, GDP tăng 5,24%/năm. Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo xu hướng tích cực hơn, tỷ trọng GDP nông nghiệp giảm từ 72,6% (1985) xuống còn xấp xỉ 50% (1996); công nghiệp - xây dựng tăng từ 14,2% lên gần 19%, dịch vụ tăng từ 13,2% lên 31%¹.

Sản xuất nông nghiệp, nhất là từ năm 1993 - 1994, theo chủ trương của Tỉnh ủy vừa đẩy mạnh thâm canh lương thực, vừa chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cây trồng, vật nuôi. Giá cả một số nông sản bắt đầu có nhích lên, nhất là giá thóc gạo đã kích

1. *Quảng Nam, 30 năm xây dựng và phát triển*, trang 27.

thích sản xuất lương thực tiếp tục được mở rộng. Diện tích gieo trồng lúa tăng từ 103.869 ha (1990) lên 105.260 ha (1996); ngô cũng tăng, năm 1996 đạt 6.284 ha gấp 1,5 lần so với năm 1990 (4.231 ha); sản lượng lương thực có hạt từ 302.089 tấn (1990) lên 345.767 tấn (1996) tăng 14,46%; các cây công nghiệp cũng tăng khá, lạc từ 6.806 ha lên 11.874 ha, diện tích mía được khôi phục dần đạt 3.903 ha, gần xấp xỉ mức cao nhất của năm 1985 (4.023 ha).

Số lượng cơ sở sản xuất và lao động công nghiệp thời kỳ này mặc dù không ổn định, nhưng giá trị sản xuất công nghiệp năm 1996 đạt 515,6 tỷ đồng, tăng gấp 2,4 lần so với năm 1985 (năm 1985 so với năm 1976 gấp 4,2 lần). Một số ngành công nghiệp có lợi thế đã được đầu tư phát triển, làm ra ngày càng nhiều sản phẩm cho xã hội: Than sạch 59 ngàn tấn, vải lụa thành phẩm 10,2 triệu m², quần áo may sẵn 6 triệu cái, gạch xây 107,4 triệu viên... Một số công ty, xí nghiệp đã vươn lên làm ăn có lãi như Xí nghiệp Nước khoáng Phú Ninh, Công ty Xây dựng và Kinh doanh nhà Tam Kỳ, Công ty sản xuất vật liệu xây dựng Nam Sơn (Quế Sơn), Lâm trường Ca dy (Giảng), Lâm trường Phước Hiệp, Xí nghiệp cơ khí Nam Phước, Xí nghiệp Gạch ngói An Hoà (Duy Xuyên), Xí nghiệp May Đại Lộc... Đặc biệt, ngày 5 - 4 - 1992, cùng với các địa phương khác trong cả nước, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng tổ chức lễ khởi công tuyến đường dây 500 kv Bắc Nam trên địa bàn tỉnh. Tuyến đường dây đi qua tỉnh trải dài trên 4 huyện với 18 xã và 2 thị trấn. Đường dây có 322 vị trí, nhu cầu vận chuyển và tập kết vật liệu rất lớn gồm hàng trăm ngàn tấn phụ kiện, vật liệu xây dựng. Đây là công trình có ý nghĩa to lớn, đưa ánh sáng đến với đồng bào, góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

Thương mại quốc doanh tiếp tục được thu hẹp, khu vực ngoài nhà nước phát triển mạnh. Số cơ sở kinh doanh đến năm 1996 có 14.552 cơ sở, trong đó có 196 doanh nghiệp với 17.676 lao động. Tổng mức bán lẻ đạt 992,4 tỷ đồng (giá hiện hành). Hoạt động du lịch những năm 1992 - 1996 từng bước phát triển. Riêng năm 1996 doanh thu du lịch, khách sạn đạt 16,8 tỷ đồng. Ở Hội An, năm 1992 mới có 1 khách sạn mini (8 phòng), đến năm 1996 đã có 15 khách sạn với 328 phòng.

Vốn đầu tư phát triển tăng khá, năm 1996 đạt 509 tỷ đồng, trong đó vốn đầu tư xây dựng cơ bản là 209,3 tỷ đồng. Cơ sở hạ tầng được xây dựng khá hơn, tạo nên diện mạo mới. Với phương châm “*Nhà nước và Nhân dân cùng làm*”, Nhân dân trong tỉnh xây dựng nhiều công trình thủy lợi, mở rộng hệ thống tưới tiêu, tu sửa và làm mới hàng trăm km đường giao thông nông thôn, đóng góp xây dựng trường học, trạm y tế... Chỉ tính riêng năm 1994, đã đóng góp hàng trăm nghìn ngày công tu sửa và làm mới 142 km đường giao thông nông thôn, nạo vét 137 km kênh mương với khối lượng 90.000 m³ đất, đóng góp hàng trăm triệu đồng xây dựng 42 công trình phúc lợi như điện, đường, trường học, trạm xá, trong đó huyện Đại Lộc có 18 công trình trị giá 37,6 triệu đồng¹.

Hệ thống giao thông chủ yếu đường tỉnh, huyện nối trục đồng bằng - miền núi; các công trình thủy lợi, mạng lưới điện được xây dựng rộng khắp, phát triển trạm, trại nông - lâm - nghiệp, các cơ sở công nghiệp - dịch vụ..., góp phần thúc đẩy giao lưu hàng hoá, phát triển kinh tế, từng bước cải thiện điều kiện và mức sống nhân dân. Khu vực miền núi, nhất là vùng

1. *Lịch sử phong trào nông dân và Hội Nông dân Việt Nam*, Nxb. CTQG, Hà Nội 1998, trang 585.

sâu, vùng xa cơ sở hạ tầng được tích cực đầu tư xây dựng một bước, cải thiện đáng kể.

Từ năm 1992, cùng với những chuyển biến về kinh tế - xã hội và nhờ thực hiện các chủ trương đa dạng hoá, xã hội hoá... Ngành giáo dục - đào tạo tỉnh ta đã khắc phục được tình trạng suy giảm của những năm trước. Mạng lưới trường học, số giáo viên, học sinh phát triển toàn diện: có 521 trường với 334.774 học sinh và 12.000 giáo viên (từ mẫu giáo trở lên), trong đó có 373 trường phổ thông với 300.853 học sinh và 10.341 giáo viên. Có 5 trường chuyên nghiệp, dạy nghề với 1.845 học sinh theo học.

Trong thời kỳ này, ngành y tế có nhiều cố gắng để chấn chỉnh lại hệ thống chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân, cùng với việc được Nhà nước cho phép thu một phần viện phí và bước đầu triển khai thực hiện có kết quả chế độ bảo hiểm y tế..., tạo điều kiện cho việc huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng, nâng cấp về cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở y tế và xóa các xã trắng về y tế. Nhờ vậy, đến năm 1996, toàn tỉnh có 14 bệnh viện và 211 trạm y tế, nhà hộ sinh (năm 1976 chỉ có 3 bệnh viện huyện, 80 trạm y tế) với 3.370 cán bộ ngành y (gấp 4,9 lần so với năm 1976), trong đó có 1.254 bác sĩ¹.

Việc làm và đời sống Nhân dân đã được cải thiện một bước. Lực lượng tham gia vào các ngành nghề phi nông nghiệp chiếm gần 14,5% dân số. Tỷ lệ hộ đói nghèo có xu hướng giảm dần, theo kết quả điều tra năm 1994 toàn tỉnh là 38,83% (111.169 hộ), đến cuối năm 1996 giảm còn 27,35% (79.488 hộ).

Lĩnh vực báo chí, xuất bản cũng có nhiều khởi sắc: Báo *Quảng Nam - Đà Nẵng*, báo *Công an Quảng Nam - Đà Nẵng*,

1. *Quảng Nam, 30 năm xây dựng và phát triển*, trang 27 - 29.

tạp chí *Đất Quảng*, Nhà xuất bản Đà Nẵng..., có nhiều cố gắng vươn lên, tự đổi mới một bước về nội dung, hình thức, phương pháp hoạt động nhằm thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ chính trị của mình; thông tin kịp thời những diễn biến thời sự quốc tế, trong nước và trong tỉnh; phổ biến, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến các tầng lớp Nhân dân khách quan và toàn diện; kịp thời phát hiện, động viên, cổ vũ những nhân tố mới, phê phán những hiện tượng tiêu cực; tuyên truyền giải thích pháp luật, vạch trần các thủ đoạn phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch, nâng cao ý thức cảnh giác cho Nhân dân, góp phần không nhỏ vào việc hoàn thành các nhiệm vụ của tỉnh. Nhân kỷ niệm 45 năm ngày mất của cụ Huỳnh Thúc Kháng (21/4/1947 - 21/4/1992), ngày 20 - 4 - 1992, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh cùng với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đoàn đại biểu vào viếng mộ cụ Huỳnh tại núi Thiên Ấn, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, cùng nhau ôn lại cuộc đời hoạt động của cụ Huỳnh Thúc Kháng - Chủ tịch Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam (Liên Việt) - một chí sĩ không chỉ xuất sắc về văn chương, báo chí, mà còn sáng ngời đạo đức, nhân cách, tư tưởng yêu nước và đại đoàn kết dân tộc.

Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc bảo vệ bà mẹ và trẻ em, đền ơn đáp nghĩa, nâng cao dân trí, quốc phòng an ninh, vận động con em lên đường thực hiện nghĩa vụ quân sự và thực hiện chính sách hậu phương quân đội..., được các cấp, các ngành tổ chức thực hiện có kết quả và ngày càng đi vào chiều sâu. Các phong trào thi đua yêu nước liên tục được các ngành, các giới phát động. Nổi bật nhất là phong trào xoá đói giảm nghèo, phong trào nông dân sản xuất giỏi, phát triển ngày càng đa dạng, phong phú, diễn ra đều khắp trên

các lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp. Một số nơi thành lập câu lạc bộ nông dân sản xuất giỏi cấp huyện, chi hội nông dân sản xuất giỏi cấp xã. Nhiều vùng gò, đồi, thậm chí đồi trọc ở Trà My, Tiên Phước, Quế Sơn, Thăng Bình, Hiên cũng được Nhân dân cải tạo làm vườn đồi, vườn rừng. Ở các vùng trồng lúa, màu thuộc các huyện Điện Bàn, Duy Xuyên, Đại Lộc, Thăng Bình..., Nhân dân tích cực thâm canh, mở các dịch vụ nông nghiệp, tăng năng suất cây trồng, khai thác triệt để diện tích được giao; nhiều nơi còn khai hoang vỡ hóa, mở rộng diện tích, mạnh dạn đầu tư vốn thâm canh, tăng vụ, áp dụng khoa học kỹ thuật trong trồng trọt, chăn nuôi, từng bước cải tiến công cụ sản xuất, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao hiệu quả sản xuất. Ở vùng lúa ba vụ có nơi đạt từ 6 đến 8 tấn/ha/vụ; ngay cả ở vùng cát, đất chua mặn cũng đạt từ 2-3 tấn/ha/vụ. Đàn gia súc, gia cầm ổn định. Mô hình VAC (vườn - ao - chuồng) phát triển ở hầu hết các huyện. Qua phong trào, ngay từ những năm 1991, 1992, 1993 đã xuất hiện nhiều điển hình tiên tiến như hộ ông Trần Trúc (Hội An) có thu nhập hằng năm từ 40 - 60 triệu đồng từ nghề đánh bắt hải sản; các hộ Phan Văn Hường (Điện Bàn), Nguyễn Xuân Viên (Phước Sơn), mỗi năm thu nhập từ 15-20 triệu đồng từ kinh tế vườn; về thâm canh lúa và chăn nuôi vịt có các hộ Trương Minh Khuê (Núi Thành), Phan Văn Nhân (Điện Bàn) cũng có mức thu nhập ổn định hằng năm từ 15 - 20 triệu đồng. Nhiều tấm gương nông dân sản xuất giỏi như ông Trương Minh Khuê (Tam Xuân 2, Núi Thành), với mô hình nuôi vịt, nuôi tôm, hằng năm thu nhập hơn 200 triệu đồng; làm thức dậy một vùng nước lợ, những mô hình trồng cây đặc sản, cây lâm nghiệp như ông Nguyễn Tấn Vinh (Tiên Lộc, Tiên Phước), Nguyễn Tấn Xúng (Tam Ngọc, Tam Kỳ), Võ Thiều (Bình Định, Thăng Bình); những mô hình VAC của Nguyễn

Quang Tân, Nguyễn Châu Lộc (Đại Lộc), Hồ Viết Ký (Tiên Sơn, Tiên Phước)..., mô hình sản xuất, chế biến kinh doanh dịch vụ của Đặng Xuân Hai (Quế Phú, Quế Sơn), thương binh nặng 1/4 làm giàu bằng nghị lực như Đỗ Phú Nuôi (Điện Thọ, Điện Bàn), khai thác đầm lầy làm dậy lên hương sen Trà Kiệu của Võ Bốn (Duy Trung, Duy Xuyên)...

Đến năm 1996, lại thêm nhiều nhân tố mới xuất hiện, như mô hình trồng quýt của Nguyễn Quới (Cẩm Hà, Hội An); chăn nuôi heo và chế biến thức ăn gia súc qui mô lớn của Lê Tự Rô (Điện Thắng, Điện Bàn), rau xanh của Trịnh Tấn Ưu (Bình Triều, Thăng Bình); mô hình sản xuất, chăn nuôi, dịch vụ của Hồ Tấn Hoàng (Duy Trung, Duy Xuyên); VACR (vườn, ao, chuồng, rừng) với hình thức tổ hợp tác tự nguyện của Đặng Dữ (Duy Châu, Duy Xuyên), lò ấp vịt của Lê Anh Nhàn (Duy Hòa, Duy Xuyên), trồng quế của Nguyễn Văn Định (Tiên Lộc, Tiên Phước), chuối của Nguyễn Sương (Tam Phước, Tam Kỳ), nuôi trăn thịt của Phạm Kích (Quế Phú, Quế Sơn)... góp phần thực hiện thắng lợi chương trình xóa đói giảm nghèo của tỉnh, phát triển kinh tế - xã hội nông thôn.

Thực hiện Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư*” do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động và Chỉ thị số 34/CT-TU ngày 11 - 10 - 1995 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc lãnh đạo thực hiện cuộc vận động nói trên được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Hội đồng nhân dân tỉnh cụ thể hóa bằng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ năm 1996; Ủy ban nhân dân tỉnh có kế hoạch chỉ đạo các ngành phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh để lồng ghép các chương trình của ngành mình vào cuộc vận động với

những mục tiêu, chỉ tiêu, giải pháp cụ thể; các cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tương ứng tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo nội dung, mục đích, yêu cầu và tình hình cụ thể của địa phương; các Đảng bộ xã, phường, các chi bộ và mỗi đảng viên đều có trách nhiệm lãnh đạo, tham gia, gương mẫu thực hiện các nội dung, yêu cầu của cuộc vận động.

Hằng năm, các hoạt động kỷ niệm ngày thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam (18 - 11 - 1930), được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn tỉnh tổ chức dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng, thu hút đông đảo các tầng lớp Nhân dân tham gia, góp phần quan trọng xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên địa bàn tỉnh.

Nhìn chung, giai đoạn 1986 - 1996, nhận thức về công tác quần chúng, về mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân được nâng lên một bước; cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đoàn thể các cấp xây dựng và thực hiện được các chương trình hành động cụ thể gắn liền với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể có những chuyển biến tích cực, đổi mới được một bước nội dung, phương thức và gắn với các phong trào cụ thể, tích cực xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; vận động, tập hợp được đông đảo các tầng lớp Nhân dân, kể cả kiều bào ta ở nước ngoài chung sức, chung lòng thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; góp phần quan trọng vào việc hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng. Mặc dù trong giai đoạn này, bối cảnh tình hình quốc tế diễn biến phức tạp, kinh tế - xã hội trong nước khủng hoảng, các thế lực thù địch ra sức chống phá công cuộc đổi mới của chúng

ta, Đảng bộ và Nhân dân trong tỉnh đã đoàn kết một lòng, nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, thử thách và đạt được những kết quả quan trọng trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, tạo ra những tiền đề quan trọng để chuyển sang một thời kỳ phát triển mới, về cơ bản đã thực hiện được những mục tiêu chủ yếu của Nghị quyết các kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra, duy trì được xu thế phát triển đi lên và giữ vững định hướng XHCN. Tinh thần đoàn kết nhất trí trong Đảng bộ và niềm tin của Nhân dân vào đường lối đổi mới của Đảng ngày càng được củng cố và tăng cường, sản xuất bước đầu được khởi dậy phù hợp với cơ chế mới của nền kinh tế, đó là những điều kiện để chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hóa.

Tuy nhiên, công tác vận động quần chúng của tỉnh vẫn còn một số mặt hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của Nghị quyết 8B. Một số cấp ủy, cán bộ, đảng viên, các cơ quan quản lý Nhà nước chưa nhận thức đầy đủ và sâu sắc các quan điểm cơ bản của Nghị quyết 8B, công tác quy hoạch đào tạo cán bộ có trình độ và năng lực cho các đoàn thể quần chúng chưa nề nếp và chưa được quan tâm đúng mức, nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể vẫn còn lúng túng..., như đánh giá của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (8B) khóa VI và sơ kết các nghị quyết chuyên đề về đại đoàn kết dân tộc, phụ nữ, thanh niên (16 - 9 - 1995). Đó cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng “*lãnh đạo xa rời thực tế, xa dân, nội bộ có vấn đề*”¹ chậm được khắc phục, làm ảnh hưởng không ít đến việc phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trên địa bàn tỉnh.

1. *Tìm hiểu con người xứ Quảng*, trang 141.

Chương 7

MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH QUẢNG NAM TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ (1997 - 2015)

I. PHÁT HUY TRUYỀN THỐNG ĐẠI ĐOÀN KẾT CÁC DÂN TỘC, ĐƯA QUẢNG NAM VƯỢT QUA KHÓ KHĂN, THỬ THÁCH TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU TÁI LẬP TỈNH (1997- 2003)

1. Tình hình Quảng Nam sau tái lập tỉnh và Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ VI

Đầu năm 1997, thực hiện Nghị quyết kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá IX, tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng được tách thành 2 đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương là tỉnh Quảng Nam và thành phố Đà Nẵng¹. Ngày 01 - 01 - 1997, Ban Thường vụ Tỉnh ủy lâm thời Quảng Nam ra Quyết định thành lập Ủy ban lâm thời Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh với tổng số 23 ủy

1. Tỉnh Quảng Nam có 14 đơn vị hành chính gồm: 2 thị xã là Hội An, Tam Kỳ (nay là TP. Tam Kỳ và huyện Phú Ninh) và 12 huyện: Điện Bàn, Duy Xuyên, Đại Lộc, Quế Sơn, Thăng Bình, Hiệp Đức, Núi Thành, Tiên Phước, Phước Sơn, Giang (ngày 16/8/1999 đổi tên thành huyện Nam Giang), Trà My (ngày 1-8-2003 được tách ra thành 2 huyện Bắc Trà My và huyện Nam Trà My), Hiên (ngày 1-9-2003 được tách ra thành 2 huyện Đông Giang và Tây Giang). Có diện tích 10.406,34 Km², với dân số 1.364.599 người. Tỉnh lỵ đóng tại thị xã Tam Kỳ.

Thành phố Đà Nẵng có 7 đơn vị hành chính gồm các quận: Hải Châu, Liên Chiểu, Thanh Khê, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, huyện Hoà Vang và huyện đảo Hoàng Sa. Có diện tích 942,46Km², với dân số 663.115 người.

viên. Trong đó, cơ quan thường trực gồm có: Ông Lương Văn Hận - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy làm Chủ tịch Ủy ban lâm thời Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; các ông Nguyễn Hoàng Ngọc, Trần Văn Minh làm Phó Chủ tịch Ủy ban lâm thời Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, ông Hồ Văn Reo làm Phó Chủ tịch không chuyên trách và 2 Ủy viên thường trực là các ông Lê Ngọc Dũng - Trưởng ban Phong trào kiêm Chánh Văn phòng, ông Hà Đồng Thông - Trưởng ban Dân chủ - Pháp luật. Sau khi thành lập, Ủy ban lâm thời Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam tích cực phối hợp với các cơ quan, ban ngành có liên quan của thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam chuẩn bị tổ chức Lễ tiễn đưa và đón cán bộ, công chức các cơ quan của tỉnh Quảng Nam từ Đà Nẵng vào tỉnh lỵ Tam Kỳ làm việc. Ngày 21 - 2 - 1997, Lễ tiễn đưa diễn ra tại Nhà hát Trưng Vương (thành phố Đà Nẵng) và Lễ đón diễn ra tại Quảng trường 24 - 3 (Tam Kỳ) trong không khí thật xúc động và tràn đầy niềm tin vào sự phát triển mới.

Tổng số cán bộ, công chức, nhân viên cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh khi vào tỉnh lỵ Tam Kỳ làm việc có khoảng 14 người (kể cả một số cán bộ được điều động từ các huyện lên). Cơ sở vật chất, phương tiện làm việc, nơi ăn chốn nghỉ của cán bộ, công chức, nhân viên cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh hầu như chưa có gì đáng kể¹.

Từ đây Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam và các tổ chức thành viên tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng lần thứ XVI và kế hoạch phát triển kinh tế - xã

1. Ghi theo tài liệu do ông Trần Văn Minh - nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh cung cấp.

hội năm 1997 trong điều kiện rất nhiều khó khăn, thử thách. Cụ thể:

Nguồn thu ngân sách toàn tỉnh chủ yếu là nông nghiệp nên rất hạn hẹp không đáp ứng nhu cầu chi thường xuyên và thiếu nghiêm trọng nguồn vốn đầu tư cho phát triển. Năm 1997, tổng nguồn thu ngân sách trên địa bàn tỉnh chỉ có 152 tỷ đồng trong khi nhu cầu chi cần tới 450 tỷ đồng. Tổng nguồn vốn của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh lúc này chỉ có 40 tỷ đồng, bằng 1% so với các doanh nghiệp của thành phố Đà Nẵng¹; chỉ số GDP bình quân đầu người thuộc hàng thấp nhất cả nước. Mặt khác, tỉnh Quảng Nam vừa gánh chịu thiệt hại nặng nề về người và tài sản do thiên tai lũ lụt (1996) cần phải nhanh chóng khắc phục để ổn định sản xuất và đời sống của đồng bào các dân tộc trong tỉnh. Nhìn chung, Quảng Nam là một trong những tỉnh nghèo nhất nước, đối tượng chính sách nhiều, cơ sở hạ tầng lạc hậu và thiếu thốn; có 4/14 huyện, thị xã trong tỉnh là địa phương miền núi, đường sá đi lại còn nhiều cách trở, đời sống của đồng bào các dân tộc còn rất nhiều khó khăn; tỷ lệ hộ đói nghèo chiếm tới 27,3%² theo tiêu chí cũ (riêng 4 huyện miền núi, tỷ lệ này còn rất cao). Thị xã Tam Kỳ được chọn làm trung tâm tỉnh lỵ nhưng cơ sở vật chất, hạ tầng cực kỳ nghèo nàn, thiếu thốn, không đủ cho việc bố trí, sắp xếp chỗ làm việc của các cơ quan cấp tỉnh. Đây là một trong những khó khăn lớn nhất trong quá trình xây dựng và phát triển của tỉnh Quảng Nam.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp còn rất nhỏ bé và phân tán, chưa xác định được hướng đi chủ lực, sản phẩm chủ yếu của các doanh nghiệp đầu đàn còn rất ít ỏi. Năng lực tài

1. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Nam, *Mười năm một chặng đường (1997 - 2007)*, Trung tâm thông tin công tác tư tưởng xuất bản, 1 - 2007, trang 42.

2. *Mười năm một chặng đường (1997 - 2007)*, trang 42.

chính, khả năng phát triển sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế còn rất nhỏ bé.

Hoạt động thương mại và dịch vụ yếu kém. Kim ngạch xuất khẩu còn ở mức thấp so với khả năng khai thác và nhu cầu xuất khẩu. Hoạt động đầu tư trực tiếp của nước ngoài đang ở giai đoạn đầu, chưa có những dự án lớn có tác động thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Kinh tế du lịch đang còn ở dạng tiềm năng chưa được đầu tư khai thác. Đó là những thách thức lớn đặt ra cho sự ổn định và phát triển của nền kinh tế tỉnh Quảng Nam trong những năm tiếp theo.

Trên lĩnh vực văn hoá - xã hội còn nhiều vấn đề bức xúc đòi hỏi phải quan tâm tập trung giải quyết. Chủ trương xóa đói giảm nghèo và các chương trình giải quyết việc làm, đảm bảo an sinh xã hội mặc dù được thực hiện nhưng hiệu quả còn rất thấp. Các đối tượng được hưởng chính sách tuy được xã hội quan tâm, nhưng mức sống vẫn chưa được cải thiện. Công tác giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường còn gặp nhiều khó khăn do thiếu thôn về cơ sở vật chất, về nguồn vốn đầu tư và về đội ngũ cán bộ, giáo viên. Nhiều vấn đề xã hội còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ. Vì vậy, Tỉnh ủy Quảng Nam xác định: *“Giữ vững khối đại đoàn kết thống nhất trong Đảng, toàn quân và toàn dân. Tất cả vì sự nghiệp xây dựng quê hương Quảng Nam giàu mạnh theo đường lối đổi mới của Đảng, vì cuộc sống ấm no hạnh phúc của đồng bào các dân tộc trong tỉnh”*¹.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, ngay từ những năm đầu tái lập tỉnh, việc đa dạng hóa các hình thức tập hợp quần chúng, củng cố, phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc

1. Tỉnh ủy Quảng Nam, *Các nghị quyết, chương trình hành động, kết luận của Tỉnh ủy Quảng Nam (1997 - 2004)*, năm 2004, trang 9.

trên địa bàn tỉnh được Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh quan tâm tập trung triển khai thực hiện. Các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần lượt được thành lập: Liên đoàn Lao động, Hội Nông dân, Tỉnh đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Chữ thập đỏ, Hội Người mù, Hội Làm vườn, Hội Xây dựng, Hội Văn học - Nghệ thuật, Hội Đông y, Hội Nhà báo, Liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật tỉnh, Hội Kiến trúc sư, Hội Dược học, Hội Chăn nuôi thú y, Hội Khuyến học, Hội Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, Liên hiệp các Hội hữu nghị, Hội Từ thiện..., sớm ổn định tổ chức bộ máy và đi vào hoạt động, nâng tổng số thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh lên 23 tổ chức (2003). Số lượng đoàn viên, hội viên trong các tổ chức này ngày càng tăng, các hội nghề nghiệp có bước phát triển mạnh mẽ. Điển hình như Hội Cựu chiến binh tỉnh đã tổ chức xây dựng và phát triển 262 cơ sở Hội, trong đó có 222 cơ sở xã, phường, thị trấn, 1.444 chi hội với tổng số trên 22.500 hội viên ở khắp các địa bàn dân cư, từ các thôn, bản vùng biên giới, hải đảo xa xôi, hẻo lánh cho đến xã, phường, thị trấn và khối phố¹. Hội Nông dân toàn tỉnh có 1.484 chi Hội, 6.078 tổ Hội được tổ chức theo địa bàn dân cư và nghề nghiệp, phát triển được 82.170 hội viên, đạt 81% tổng số hộ nông dân toàn tỉnh; cán bộ chủ chốt của Hội Nông dân ở 221 xã, phường, thị trấn có 280 chủ tịch, phó chủ tịch là đảng viên, trong đó có 90 Đảng ủy viên làm Chủ tịch Hội². Hội Phụ nữ toàn tỉnh có 400.000 hội viên, trong đó có 20.000 nữ công nhân, viên chức, nhiều chị em giữ những vị trí chủ chốt

1. *Kỷ yếu Đại hội Ủy ban MTTQ Việt Nam Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ VII (2003 - 2008)*, Lưu hành nội bộ, trang 43.

2. *Lịch sử phong trào nông dân và Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Quảng Nam (1930 - 2005)*, trang 326 - 327.

trong xã hội: 5 tỉnh ủy viên, 50 huyện ủy viên và ủy viên Ban Thường vụ Huyện, Thị ủy, 211 ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ xã, phường, thị trấn, 185 chị giữ trọng trách từ trưởng phòng đến giám đốc và tương đương các sở, ban, ngành, huyện, thị¹. Liên đoàn Lao động tỉnh với 26.722 đoàn viên trên tổng số hơn 30.000 công nhân, viên chức và lao động, sinh hoạt ở 7 tổ chức công đoàn ngành, 8 tổ chức công đoàn huyện, thị, 271 tổ chức công đoàn cơ sở². Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh với hơn 31.700 đoàn viên thanh niên, sinh hoạt ở 226 tổ chức đoàn cơ sở³, đây là lực lượng xung kích đi đầu trong các phong trào do Đoàn phát động, cùng tập trung mọi nguồn lực, xây dựng quê hương, đất nước trong tình hình mới.

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-TU, ngày 8 - 1 - 1997 của Tỉnh ủy Quảng Nam về phương hướng nhiệm vụ năm 1997: *“Mặt trận và các đoàn thể nhân dân cần nhanh chóng ổn định tổ chức bộ máy, hoàn thành sớm Đại hội để hình thành cơ quan lãnh đạo, kiện toàn tổ chức sau thời gian lâm thời, đảm bảo duy trì hoạt động bình thường của các phong trào quần chúng nhân dân, thực hiện đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước. Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới phương thức và nội dung hoạt động của các hội đoàn thể, đưa phong trào quần chúng đi vào chiều sâu”*⁴.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tập trung tuyên truyền và thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) *“Về định*

1. *Lịch sử phong trào phụ nữ tỉnh Quảng Nam (1930 - 2005)*, trang 402 - 403.

2. *Lịch sử phong trào công nhân lao động và Công đoàn tỉnh Quảng Nam (1929 - 2000)*, trang 264.

3. *Lịch sử Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và phong trào thanh thiếu nhi tỉnh Quảng Nam (1927 - 2011)*, trang 274 - 275.

4. *Các nghị quyết, chương trình hành động, kết luận của Tỉnh ủy Quảng Nam (1997 - 2004)*, trang 16 - 17.

hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000”, vận động Nhân dân tổ chức và thực hiện tốt phong trào quần chúng tiến quân vào khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường rộng khắp trên toàn tỉnh, mang lại những hiệu quả kinh tế - xã hội thiết thực ở từng cấp, từng ngành; phối hợp với các cơ quan, ban, ngành có liên quan tham mưu cho Tỉnh ủy sơ kết việc thực hiện Nghị quyết 24 của Bộ Chính trị “Về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới”.

Đồng thời, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên tập trung thực hiện tốt công tác tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, tổ chức lấy ý kiến rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân vào dự thảo Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 1999; giám sát các cơ quan, đơn vị thực hiện Quy chế tiếp công dân theo Nghị định số 89/CP ngày 7 - 8 - 1997 của Chính phủ; tham gia góp ý kiến các dự thảo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về mức thu học phí và lệ phí thi các cấp; về mức hoạt động phí của Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các phó đoàn thể các xã, phường, thị trấn; về việc phân vạch, điều chỉnh địa giới một số xã, phường trong tỉnh trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định...

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam và các tổ chức thành viên đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền cùng cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và cử tri phát huy quyền làm chủ, tích cực tham gia lựa chọn, quyết định bầu chọn người đại diện ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của mình tham gia vào các cơ quan quyền lực của nhà nước; chủ trì tổ chức thực hiện tốt quy trình hiệp thương giới thiệu người ra ứng cử đại biểu Quốc hội khóa X,

đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đảm bảo nghiêm túc, đúng luật. Ngày 20 - 7 - 1997, cùng với cử tri cả nước, cử tri tỉnh Quảng Nam tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa X và bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa V. Kết quả, cử tri cả tỉnh đã bầu 7 đại biểu Quốc hội khóa X thuộc đơn vị tỉnh Quảng Nam, gồm: Nguyễn Thị Bình, Trương Thị Thúy Hà, Huỳnh Thị Hường, Lê Quốc Khánh, Mai Thúc Lâm, Trần Văn Mai, Nguyễn Văn Tâm và bầu bổ sung 12 đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa V.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XVII (10 - 1997) khẳng định: “*Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể vừa ổn định bộ máy tổ chức vừa bắt tay ngay vào công tác vận động Nhân dân thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, đặc biệt đã làm tốt công tác vận động Nhân dân bầu cử đại biểu Quốc hội khóa X và bầu bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân đạt kết quả tốt...Nhiều phong trào quần chúng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân phát động, nhất là cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư đã tập hợp được đông đảo quần chúng nhân dân thi đua thực hiện những chủ trương chính sách về phát triển kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội và bảo vệ an ninh quốc phòng ở địa phương trong không khí sôi nổi của một tỉnh mới*”¹.

Đại hội nhân mạnh phương hướng xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong nhiệm kỳ đến: “*Thực hiện tốt chính sách đối với các tầng lớp nhân dân, các tôn giáo, dân tộc ít người và người Việt Nam định cư ở nước*

1. Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XVII, Tam Kỳ, tháng 10 - 1997, trang 28 - 29.

ngoài. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân cùng nhau góp sức xây dựng quê hương. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư cả chiều rộng lẫn chiều sâu, động viên nguồn sức mạnh to lớn của Nhân dân vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”¹. Để thực hiện đạt kết quả định hướng nêu trên, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII xác định: “Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác vận động quần chúng, định hướng nội dung hoạt động của Mặt trận, các đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội. Công tác vận động quần chúng phải được xác định là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị ở địa phương. Từng cấp ủy phải lãnh đạo phối hợp tổ chức một cách đồng bộ, thường xuyên, không khoán trắng cho Mặt trận và các đoàn thể. Tiến hành thể chế hóa phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” thành quy chế hoạt động cụ thể của các cấp chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể”².

Tại Đại hội, ông Lương Văn Hận - Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh được bầu vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Tiếp theo Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XVII, trong 2 ngày 27 và 28 - 12 - 1997, tại thị xã Tam Kỳ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ VI, nhiệm kỳ 1998 - 2003. Dự Đại hội có 199 đại biểu chính thức đại diện cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên địa bàn toàn tỉnh. Đại hội kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh nhiệm kỳ qua, đề

1. Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XVII, trang 59.

2. Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XVII, trang 57 - 58.

ra Chương trình hành động của nhiệm kỳ đến. Đại hội nhân mạnh: Trong nhiệm kỳ qua, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên triển khai thực hiện Chương trình hành động đạt được những kết quả quan trọng. Đội ngũ cán bộ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, nhất là cấp tỉnh được tăng cường về số lượng và phần lớn đã được bồi dưỡng nâng cao về trình độ chuyên môn và kỹ năng công tác. Nhờ đó đã kịp thời tham mưu cho các cấp ủy Đảng lãnh đạo, chỉ đạo triển khai có hiệu quả công tác vận động quần chúng từ tỉnh đến cơ sở. Đặc biệt, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động theo hướng sát cơ sở, đưa phong trào quần chúng đi vào chiều sâu, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện xóa đói giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội. Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho cả nhiệm kỳ 1998 - 2003, trong đó trọng tâm là tăng cường và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo sự đồng thuận xã hội; tranh thủ thời cơ, phát huy nội lực, giữ vững ổn định chính trị, phát huy dân chủ; nâng cao ý chí tự lực, tự cường; phối hợp cùng chính quyền thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng mà Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XVII đã đề ra; phát động các phong trào hành động cách mạng trong các tầng lớp Nhân dân, tích cực xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống cho Nhân dân, góp phần thực hiện mục tiêu “*Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*”.

Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ VI thống nhất thông qua Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh nhiệm kỳ 1998 - 2003: Tiếp tục đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; phát huy dân chủ XHCN, xây dựng chính quyền



Đoàn Chủ tịch Đại hội MTTQ Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ VI, nhiệm kỳ 1998-2003.

trong sạch, vững mạnh; vận động, tập hợp, đoàn kết các lực lượng xã hội thành một khối thống nhất nhằm tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân; phát động các phong trào hành động cách mạng của quần chúng để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng của tỉnh; đẩy mạnh các hoạt động văn hóa - xã hội; đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu; tiếp tục triển khai cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư”.

Đại hội hiệp thương cử ra Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh khóa VI gồm 57 vị, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh gồm 9 vị. Ông Lương Văn Hận - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy được Đại hội thống nhất hiệp thương cử làm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh¹, các ông Nguyễn Hoàng Ngọc, Trần Văn Minh tiếp tục

1. *Biên niên sự kiện lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam (1975 - 2005)*, trang 463.

được tái cử làm Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh. Đến tháng 4 - 2002, ông Lương Văn Hận nghỉ hưu theo chế độ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam phân công và được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thống nhất hiệp thương cử bà Phạm Thị Minh Chiến - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam khóa VI.

2. Triển khai thực hiện Chương trình hành động, phát huy truyền thống đoàn kết, quyết tâm đưa tỉnh Quảng Nam vượt qua khó khăn, thử thách, sớm ổn định và phát triển (1998 - 2003)

Triển khai thực hiện Chương trình hành động do Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ VI đề ra trong điều kiện thuận lợi khi Bộ Chính trị (khóa VIII) ban hành Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 18 - 2 - 1998 *về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở* và Quốc hội (khóa X) đã thông qua Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 1999, quy định rõ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong hệ thống chính trị; nhiệm vụ, nguyên tắc tổ chức và hoạt động, thành viên, quan hệ giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với Nhà nước. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam triển khai thực hiện tốt vai trò, chức năng, nhiệm vụ của mình trong giai đoạn mới.

Căn cứ Chỉ thị 30-CT/TW của Bộ Chính trị *về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở*, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân các cấp tổ chức triển khai thực hiện gắn với thực hiện các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước một cách sâu rộng đến các tầng lớp nhân dân

với các nội dung, hình thức, biện pháp cụ thể, sát với tình hình thực tế, tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân góp phần tham gia phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Căn cứ quy định của pháp luật về bầu cử, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các địa phương thực hiện chặt chẽ quy trình hiệp thương, giới thiệu người ra ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp đảm bảo tiêu chuẩn, năng lực, uy tín; tuyên truyền, vận động 99,88% cử tri thực hiện quyền dân chủ trực tiếp tham gia bầu cử và giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1999 - 2004. Ngày 28 - 11 - 1999, cử tri toàn tỉnh đã bầu ra 55 đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 1999 - 2004. Năm 2002, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trong tỉnh tham gia công tác bầu cử và vận động cử tri tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XI và bầu bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp với tỷ lệ 99,97% cử tri đi bầu cử. Có 8 vị trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XI, gồm các ông, bà: Lê Thanh Châu, Trương Quang Được, Vũ Tuyên Hoàng, Huỳnh Thị Hường, Linh mục Nguyễn Tấn Khóa, Phan Đức Nhạn, Nguyễn Xuân Phúc, Hồ Thị Tuyết Vân.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì phối hợp với Đoàn đại biểu Quốc hội và Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức tốt công tác tiếp xúc cử tri ngày càng được nâng cao về chất lượng, kịp thời nắm bắt những tâm tư, nguyện vọng của cử tri trên tất cả các lĩnh vực, số lượng cử tri tham dự các buổi tiếp xúc ngày càng đông. Việc giới thiệu giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân từng bước được thực hiện có kết quả tốt.

Trong thời gian này, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị và Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam về việc tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của các tầng lớp nhân dân về nội dung các văn kiện chuẩn bị Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội IX của Đảng. Đặc biệt, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tổ chức Hội nghị lấy ý kiến các nhân sĩ, trí thức về nội dung các văn kiện trình Đại hội IX của Đảng, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, hầu hết các ý kiến đều mong muốn Tỉnh ủy và Trung ương có những giải pháp cụ thể thiết thực để phát triển kinh tế - xã hội ở những vùng còn khó khăn, nhất là vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng các căn cứ cách mạng.

Đánh giá công tác vận động quần chúng, tập hợp lực lượng, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trong nhiệm kỳ 1995 - 2000, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XVIII (12 - 2000) khẳng định: *“Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân được củng cố, tăng cường và phát huy, công tác vận động quần chúng có những chuyển biến tích cực đã góp phần quan trọng vào việc phát huy nội lực, khắc phục khó khăn, giữ vững ổn định và phát triển trong các năm qua”*. Về vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể trong nhiệm kỳ tới, Đại hội nêu rõ: *“Mở rộng và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh công nông và đội ngũ trí thức, phát huy các truyền thống tốt đẹp của mọi tầng lớp nhân dân tạo ra sức mạnh tổng hợp thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Tăng cường vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị, các hội quần chúng trong công tác vận động Nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền; tham gia các phong trào xây dựng đời sống văn hóa, thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội*

đạt hiệu quả thiết thực. Thực hiện tốt phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, mở rộng và bảo đảm dân chủ thực sự trên các mặt của đời sống xã hội..., đổi mới nội dung và phương thức vận động quần chúng của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể”¹.

Trong những năm 1997 - 2000, tỉnh Quảng Nam liên tiếp gánh chịu những tổn thất nặng nề về người và tài sản do bão lũ gây ra. Năm 1997 thiệt hại hơn 150 tỷ đồng, năm 1998 do ảnh hưởng của cơn bão số 5,6 gây thiệt hại nghiêm trọng về sản xuất và đời sống, tổng giá trị vật chất lên tới 353 tỷ đồng, còn 2 cơn lũ cuối năm 1999 gây hậu quả nặng nề hơn, giá trị vật chất lên tới 450 tỷ đồng và gần 40 người thiệt mạng, phải di dời ra khỏi vùng lũ lụt lên tới 4.000 hộ².

Mặc dù gánh chịu những tổn thất nặng nề tưởng chừng không thể vượt qua, nhưng dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự đoàn kết nhất trí, trên dưới đồng lòng của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân, cùng với sự giúp đỡ của Trung ương, trên cơ sở đa dạng hóa hình thức hoạt động, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tổ chức thực hiện thành công chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh nhiệm kỳ 1998 - 2003. Các phong trào thi đua, các cuộc vận động do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì như: “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, “Ngày vì người nghèo”..., đã phát huy sức mạnh tổng hợp của

1. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XVIII, Tam Kỳ, tháng 12 - 2000, trang 37, 65.

2. Tỉnh ủy Quảng Nam, Kỷ yếu toạ đàm một số vấn đề về Đảng bộ Quảng Nam 70 năm hoạt động và trưởng thành (28/3/1930 - 28/3/2000), Tam Kỳ tháng 12 - 2000, trang 157.

khởi đại đoàn kết toàn dân, tác động sâu sắc đến nhiều lĩnh vực trong đời sống kinh - tế xã hội, góp phần quan trọng vào quá trình xây dựng tỉnh Quảng Nam ổn định, từng bước phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nhờ đó, liên tục trong nhiều năm, kinh tế toàn tỉnh có mức tăng trưởng khá, GDP tăng bình quân hằng năm 9,21%, giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 21,97%, nông nghiệp tăng 3,85%, dịch vụ tăng 12,14%, kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 8,73%, trong đó kim ngạch xuất khẩu địa phương tăng gấp 5 lần lúc mới tái lập tỉnh. Nhiều khu công nghiệp được hình thành, nhất là khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, khu kinh tế mở Chu Lai đã mở ra cho Quảng Nam những triển vọng tươi sáng trên con đường xây dựng và phát triển. Du lịch dịch vụ tăng nhanh, nhất là sau khi Đô thị cổ Hội An và Khu đền tháp Mỹ Sơn được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới (12 - 1999), Quảng Nam có nhiều lợi thế để phát triển du lịch. Cơ sở hạ tầng được nhanh chóng đầu tư xây dựng. Cả tỉnh dấy lên không khí sôi động của một công trường, mỗi ngày càng thêm khởi sắc. Trên 84,5% xã có điện, nhiều tuyến đường mới được mở ra từ thành thị đến nông thôn, làng, bản xa xôi. Sự nghiệp văn hóa, y tế, giáo dục có nhiều tiến bộ trong việc mở rộng quy mô, mạng lưới và không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động. Các vấn đề bức xúc trong xã hội được giải quyết hiệu quả, tỷ lệ hộ đói nghèo từ 27% năm 1997 đến năm 2002 còn 19,54%, là minh chứng hùng hồn về sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân trong quá trình phấn đấu liên tục, bền bỉ từ ngày chia tách tỉnh.

Khởi đại đoàn kết các dân tộc trên địa bàn tỉnh không ngừng được mở rộng trên nền tảng liên minh công nhân, nông dân, trí thức, tập hợp đông đảo các lực lượng, các thành phần

trong xã hội, các dân tộc, tôn giáo, tạo sự đồng thuận, nhất trí cao trong quá trình tham gia sự nghiệp đổi mới và phát triển quê hương. Cụ thể:

Giai cấp công nhân tỉnh Quảng Nam không ngừng lớn mạnh cùng với sự phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tính đến năm 2003, Quảng Nam có gần 1.000 cơ sở ngoài quốc doanh với khoảng 40.000 lao động, hoạt động ở nhiều lĩnh vực khác nhau: kinh doanh, dịch vụ thương mại, da giày, dệt may, xây dựng, chế biến hải sản, nhà hàng khách sạn, thủ công mỹ nghệ, công nghiệp nhẹ... Những cơ sở có từ 10 lao động trở lên là 250 đơn vị, có 148 đơn vị đã thành lập công đoàn cơ sở với 4.350 đoàn viên¹. Với các phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, giai cấp công nhân của tỉnh đã góp phần to lớn làm thay đổi diện mạo Quảng Nam với giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 22% hằng năm. Chủ trương đẩy mạnh phát triển công nghiệp với mục tiêu đến năm 2015 thành một tỉnh công nghiệp là điều kiện để giai cấp công nhân của tỉnh ngày càng lớn mạnh.

Giai cấp nông dân, chiếm trên 74% cơ cấu lao động của tỉnh. Với chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng bộ được triển khai thực hiện từ năm 1997 - 2003 làm cho đại bộ phận nông dân (bao gồm nông, lâm, ngư) có cuộc sống ổn định, tạo điều kiện nâng cao trình độ sản xuất, kinh doanh, tăng năng suất chất lượng sản phẩm đáp ứng căn bản nhu cầu tiêu dùng thị trường và các ngành chế biến dịch vụ... Qua các phong trào do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Nông dân tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

1. *Kỷ yếu Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ VII (2003 - 2008)*, Lưu hành nội bộ, trang 40.



Lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tham dự buổi gặp mặt cán bộ đầu tranh chính trị, binh vận, Dân vận, Mặt trận tỉnh Quảng Nam thời kỳ chống Mỹ

tỉnh phát động đã thu hút đông đảo nông dân tham gia, tăng cường đoàn kết giúp nhau phát triển kinh tế như: hỗ trợ vốn, kỹ thuật, trao đổi kinh nghiệm làm ăn, phát triển kinh tế trang trại, vườn đồi, các ngành thủy sản, hải sản... Nhiều hộ vươn lên làm giàu, ngày càng có nhiều tấm gương tiêu biểu về sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp. Các Hội nghề nghiệp được mở mở rộng vừa tạo mối liên kết giúp nhau làm ăn, đồng thời góp phần đa dạng hóa sản xuất, phục vụ các ngành nghề truyền thống. Đặc biệt phong trào “*Nông dân sản xuất kinh doanh giỏi*” tiếp tục được phát triển với quy mô rộng hơn, sau mỗi kỳ tổng kết số hộ đạt danh hiệu nông dân sản xuất kinh doanh giỏi (NDSXKDG) đều tăng lên. Năm 1999 có 5.436 hộ, đến năm 2003 có tới 28.736 hộ, trong đó số hộ đạt danh hiệu cấp xã tăng

gấp 2 lần năm 2001. So với năm 1993 thì số hộ NDSXKDG tăng gấp 3 lần. Trong đó, có 1.592 người cao tuổi làm kinh tế giỏi, chiếm tỷ lệ 5,5%, có 103 người cao tuổi đạt danh hiệu NDSXKDG cấp tỉnh. Tiêu biểu như cụ Nguyễn Hữu Một, cụ Huỳnh Phụng (Đại Lộc), cụ Cao Xuân Cam (Phước Sơn), cụ Phan Ngọc Thìn (Tiên Phước), cụ Nguyễn Mua (Quế Sơn), cụ Đoàn Ngọ (Thăng Bình), cụ Đỗ Yên (Núi Thành), cụ Huỳnh Ry (Hội An)... Nhiều mô hình làm kinh tế giỏi, có thu nhập bình quân nhân khẩu đạt 7 - 8 triệu đồng/khẩu/năm như mô hình vừa trồng lúa, vừa chăn nuôi gia đình, trồng cây công nghiệp ngắn ngày, trồng dưa trái vụ của ông Nguyễn Văn Ba (Tam Phước, Tam Kỳ), Trịnh Tấn Sanh (Bình Triều, Thăng Bình). Mô hình cải tạo vườn tạp trồng tiêu, quế của ông Nguyễn Văn Bé (Phước Đức, Phước Sơn), Nguyễn Hữu Phước (Tiên Cẩm, Tiên Phước)... Phong trào “*Nông dân sản xuất kinh doanh giỏi*” đã góp phần xóa được 6.922 hộ đói, giảm được 13.883 hộ nghèo, thực hiện tốt việc thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo trên địa bàn tỉnh, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm từ 27,3% năm 1997, xuống còn 16,5% năm 2003 theo tiêu chí mới¹.

Đội ngũ trí thức tỉnh Quảng Nam đã kề vai sát cánh cùng với giai cấp công nhân, nông dân và các thành phần xã hội khác đem hết tài năng, trí tuệ, tích cực tham gia thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, văn hóa, xã hội và đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của tỉnh. Các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp như: Liên hiệp các tổ chức hữu nghị, hội Văn học - Nghệ thuật, Liên hiệp các Hội Khoa học - Kỹ thuật..., đã tập hợp đông đảo đội ngũ trí thức ở các ngành, các lĩnh vực,

1. *Kỷ yếu Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ VII (2003 - 2008)*, trang 50 - 51.

trong từng nhiệm vụ cụ thể, thiết thực góp phần xây dựng quê hương. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về phát triển nguồn nhân lực, thu hút nhân tài hoạt động của đội ngũ trí thức luôn được tạo điều kiện thuận lợi về nhiều mặt. Nhiều công trình nghiên cứu khoa học phục vụ dân trí, dân sinh được triển khai áp dụng trong đời sống xã hội thu hút sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh. Niềm tin của đội ngũ trí thức vào sự lãnh đạo của Đảng, quản lý điều hành của chính quyền càng thêm vững chắc.

Tuổi trẻ Quảng Nam với phong trào “*Thi đua lập nghiệp, lao động sáng tạo tiến quân vào khoa học công nghệ*”, “*Xung kích bảo vệ Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội*”, “*Xây dựng nếp sống văn minh, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc*”..., thành lập các câu lạc bộ, đội, nhóm như *Câu lạc bộ giai điệu xanh, Câu lạc bộ thơ nhạc, Câu lạc bộ tiền hôn nhân, Câu lạc bộ ông bà mẫu mực, con cháu hiếu thảo*..., triển khai nhiều cuộc vận động có ý nghĩa như “*Vì trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn*”, “*Mỗi chi Hội nhận giúp đỡ 1 gia đình thanh niên nghèo thoát nghèo*”, “*Hiến máu nhân đạo*”..., đã góp phần đặc lực vào việc thực hiện các mục tiêu chung của tỉnh. Đặc biệt, phong trào “*Học tập, rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp*” đã khơi dậy và giáo dục cho thanh niên thấm sâu truyền thống hiếu học của quê hương “*Ngũ phụng tề phi*”, thông qua các cuộc thi *Đố vui để học, Bầy sắc cầu vồng, Hội thi tin học trẻ không chuyên*, thi thuyết trình văn học, thi học sinh giỏi các cấp..., góp phần tạo dựng lớp thanh niên mới, có tri thức, có tay nghề. Các chương trình tập huấn khoa học kỹ thuật, dạy nghề, trợ vốn, giúp thanh niên lập nghiệp đã tổ chức 622 lớp tập huấn khuyến nông, khuyến ngư, chuyển giao ứng dụng khoa học - kỹ thuật cho 51.517 lượt đoàn viên thanh niên nông thôn;

trong thanh niên công nhân đã có 563 đề tài sáng kiến, tổ chức 142 cuộc thi tay nghề với 6.778 lượt đoàn viên thanh niên tham gia. Duy trì hoạt động của 120 câu lạc bộ khuyến nông và 152 điểm trình diễn thuật các loại giống cây, con. Tổ chức dạy nghề cho hơn 22.566 lượt đoàn viên thanh niên, giới thiệu việc làm cho 9.367 lượt đoàn viên thanh niên và đã có 6.706 đoàn viên thanh niên được giải quyết việc làm, 12.038 đoàn viên thanh niên được vay vốn và góp vốn giúp nhau phát triển sản xuất với số tiền 23.042,67 triệu đồng¹... Qua đó đã xuất hiện nhiều mô hình sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, góp phần tích cực vào công tác xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho đoàn viên thanh niên.

Là một tỉnh có trên 60% diện tích miền núi cao, gần 10% đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống, đồng bào các dân tộc đã thể hiện rõ nét tinh thần đoàn kết gắn bó giúp nhau cùng phát triển. Đặc biệt, để tăng cường mối quan hệ miền núi, miền xuôi, thiết thực góp phần thúc đẩy sự tiến bộ cho đồng bào các dân tộc miền núi, ngày 24/5/2001, Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 03 - CT/TU về tăng cường công tác kết nghĩa giúp đỡ các xã miền núi đặc biệt khó khăn. Đây là chủ trương hết sức đúng đắn được Nhân dân, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể ở tỉnh hưởng ứng tích cực, đem lại hiệu quả về nhiều mặt, góp phần giải quyết khó khăn về đời sống, tình cảm gắn bó giữa đồng bào miền xuôi và đồng bào các dân tộc thiểu số ngày càng bền chặt.

Cùng với Nhân dân trong tỉnh, hàng trăm ngàn tín đồ các tôn giáo thực hiện tốt phương châm sống “tốt đời đẹp đạo”, chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp

1. Kỷ yếu Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ VII (2003 - 2008), trang 45 - 46..

luật của Nhà nước, hăng hái tham gia các phong trào thi đua, các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phát động. Qua các phong trào, đã xuất hiện nhiều tấm gương tiêu biểu trên nhiều lĩnh vực như xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, công tác cứu trợ, hoạt động nhân đạo, từ thiện khác. Điển hình như tại giáo xứ Thuận Yên (Tam Sơn, Núi Thành), trong giai đoạn này đã vận động thực hiện thành công chương trình ngôi nhà ở cho các hộ nông dân nghèo, xây dựng được 1 vườn ươm cây, giúp cho 34 hộ dân mua ống nhựa, đưa nước sạch về dùng cho sinh hoạt gia đình, xây dựng được một dãy phòng học cho cấp Tiểu học và 3 cơ sở Mẫu giáo. Giáo họ Hòa Lâm (Duy Trung, Duy Xuyên), với sự giúp đỡ, đầu tư của Tòa Giám mục Đà Nẵng đã giúp địa phương xây hồ chứa nước Cây Sơn và 2 con đập (Đập Đá và Đập Thồ) với kinh phí gần 2 tỷ đồng. Giáo xứ Trà Kiệu (Duy Xuyên) xây dựng 1 trạm xá 2 tầng; giáo xứ Tam Kỳ đầu tư nâng cấp trường Trung học cơ sở Tam Thanh, xây 3 cơ sở trường Mẫu giáo; giáo xứ Tiên Phước giúp Hội Người mù của huyện xây 13 căn nhà cho các hội viên. Cạnh đó, qua các buổi giảng dạy giáo lý tại nhà thờ, các vị linh mục, tu sĩ đã cố gắng lồng ghép các nội dung về phòng chống tệ nạn xã hội, giữ gìn an ninh trật tự, nhất là giáo dục cho thanh thiếu niên thấy rõ tác hại của các tệ nạn xã hội. Nhờ vậy, các xứ họ đạo như La Nang, Hoàng Phước, Thuận Yên, Hội An..., không có các tệ nạn xã hội¹. Một số chùa chiền, tự viện, tịnh xá của Phật giáo đã làm tốt *Chương trình bát cháo tình thương* tại các bệnh viện Núi Thành, Thăng Bình, Đại Lộc, Tiên Phước. Riêng tịnh xá Ngọc Kỳ (Tam Kỳ) đã duy trì nấu cháo tình thương tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh suốt nhiều năm liền.

1. *Kỷ yếu Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ VII (2003 - 2008)*, trang 38.

Bà con người Quảng Nam đang làm ăn sinh sống ở các nơi trong nước và nước ngoài, đã có những việc làm đầy tình nghĩa, tham gia góp phần xây dựng quê hương. Hội đồng hương Quảng Nam được thành lập ở nhiều tỉnh, thành đã có nhiều đóng góp với địa phương. Nhiều người đã vận động, quyên góp và trực tiếp hỗ trợ đồng bào trong tỉnh khắc phục thiên tai, lũ lụt, thực hiện công tác đền ơn đáp nghĩa, từ thiện, nhân đạo, an sinh xã hội, phát triển kinh tế, văn hóa, y tế, giáo dục...

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam trong nhiệm kỳ 1998 - 2003 không ngừng đa dạng hóa các hình thức tập hợp Nhân dân, mở rộng khối đại đoàn kết các dân tộc, là hình ảnh tiêu biểu của khối đại đoàn kết các dân tộc trên địa bàn toàn tỉnh. Với cơ cấu tổ chức gồm có 25 tổ chức thành viên, 14 Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, thị, 13 chuyên gia trên các lĩnh vực, 11 cán bộ chuyên trách Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh. Số lượng đoàn viên, hội viên trong các tổ chức thành viên ngày càng tăng, các hội nghề nghiệp có bước phát triển mạnh mẽ. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chủ trì phối hợp với các tổ chức thành viên ký kết nhiều chương trình, quy chế phối hợp để hiệp thương thống nhất triển khai thực hiện Chương trình hành động được Đại hội VI Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đề ra. 5 chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh được triển khai đồng bộ đạt nhiều kết quả quan trọng, góp phần cùng với hệ thống chính trị toàn tỉnh và Nhân dân thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối, nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII đề ra.

Giai đoạn 1997 - 2003, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội tập trung tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và Nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính

sách, cơ chế của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Với những chủ trương, chính sách của tỉnh, việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất được nông dân tích cực hưởng ứng, nhất là thay đổi giống cây trồng và con vật nuôi có năng suất cao, lựa chọn phương thức canh tác, chuyển đổi mùa vụ. Đến năm 2003, toàn tỉnh cơ bản đã chuyển từ 3 vụ lúa thành 2 vụ, đồng thời phát triển mạnh trồng các cây nông nghiệp ngắn ngày. Miền núi, vùng cát bước đầu đã lựa chọn các mô hình sản xuất thích hợp. Kinh tế trang trại, kinh tế vườn đồi, cải tạo vườn tạp ngày càng mở rộng. Một số vùng chuyên canh được triển khai theo hướng sản xuất hàng hóa. Một số ngành nghề, làng nghề truyền thống được phục hồi đã kết hợp yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại, tạo ra các sản phẩm được thị trường ưa chuộng. Phong trào khuyến nông, lâm, ngư, và các dịch vụ phục vụ sản xuất được đẩy mạnh. Việc nuôi trồng đánh bắt thủy sản có tốc độ phát triển nhanh. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nhằm tạo sức bật mới cho sự tăng trưởng kinh tế. Khu kinh tế mở Chu Lai, khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc và các cụm công nghiệp khác cùng với việc từng bước tiến hành công nghiệp hóa nền sản xuất nông nghiệp được triển khai đồng bộ. Thủy điện A Vương đã được khởi công, khơi dậy những tiềm năng phát triển mới, có tác dụng trên nhiều lĩnh vực. Phong trào làm giao thông nông thôn đạt hiệu quả tốt. Du lịch dịch vụ được mở rộng, đặc biệt phổ cổ Hội An, khu đền tháp Mỹ Sơn đã trở thành trung tâm thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. Lễ hội Quảng Nam - Hành trình di sản và kỷ niệm 30 năm quan hệ Việt - Nhật được tổ chức thành công là những tín hiệu của sự phát triển văn hóa và du lịch Quảng Nam trong giai đoạn mới.

Việc xây dựng xã hội học tập có nhiều tiến bộ, nhu cầu được học thật sự trở thành nhu cầu bức thiết trong các tầng lớp Nhân dân. Tỉnh đã hoàn thành sớm việc phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ, đồng thời đẩy mạnh việc triển khai thực hiện phổ cập trung học cơ sở. Các trung tâm học tập cộng đồng ở các địa phương ngoài việc xóa mù chữ, bổ túc văn hóa, vươn lên xóa mù tin học và ngoại ngữ, còn có nhiều hình thức hoạt động chuyên đề như phổ biến tình hình thời sự, pháp luật, chế độ chính sách mới của Đảng, Nhà nước, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật nông, lâm, ngư nghiệp, chế biến lương thực thực phẩm, hướng nghiệp học nghề... Công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân có nhiều chuyển biến. Tuyến y tế cơ sở đã không ngừng được đầu tư mở rộng. Sự kết hợp giữa y học hiện đại với y học cổ truyền đã mang lại hiệu quả trong việc khám và điều trị cho Nhân dân. Việc thực hiện chính sách dân số liên tục được đẩy mạnh. Phong trào xây dựng gia đình, tộc, họ, thôn, khối phố, xã, phường văn hóa được Nhân dân tích cực hưởng ứng. Công tác bảo vệ, phục hồi, trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa được quan tâm hơn trước, truyền thống văn hóa các dân tộc được phát huy. Các hoạt động văn học, nghệ thuật, thể dục thể thao, báo chí, phát thanh - truyền hình đã góp phần nâng cao đời sống tinh thần, thể chất cho Nhân dân. Việc chăm lo các đối tượng chính sách, những đối tượng gặp bất hạnh trong cuộc sống được xã hội quan tâm. Công tác an ninh quốc phòng được giữ vững, Nhân dân nhiệt tình tham gia các phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, phòng chống các tệ nạn xã hội.

Cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”* đã được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt

Nam các cấp phối hợp với các đoàn thể chính trị - xã hội và các tổ chức thành viên triển khai sâu rộng trong cán bộ, đoàn viên, hội viên và Nhân dân với nhiều mô hình, cách làm sáng tạo, hiệu quả, thu hút đại bộ phận các tầng lớp nhân dân ở các địa phương tham gia, thể hiện tính toàn dân, toàn diện với chất lượng ngày càng cao, bao quát các lĩnh vực đời sống. Cuộc vận động đã khơi dậy các nguồn lực trong Nhân dân, phát huy tinh thần tự quản, ý thức trách nhiệm xã hội của mọi người trong việc quan tâm chăm sóc các đối tượng chính sách, đối tượng xã hội. Đã huy động được nhiều nguồn lực lớn để hỗ trợ phát triển kinh tế, giúp nhau khắc phục hậu quả thiên tai; đóng góp hàng vạn ngày công, hàng chục tỷ đồng, bê tông hóa trên 18.000 km đường giao thông nông thôn và kiên cố hóa kênh mương, xây dựng nhiều thiết chế văn hóa như thư viện, nhà sinh hoạt văn hóa thôn, khu phố, sân bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bãi tập; vận động thanh niên lên đường làm nghĩa vụ quân sự hằng năm đạt 100%; đẩy mạnh công tác phòng chống tệ nạn, làm lành mạnh hóa các quan hệ xã hội; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt việc bồi thường thiệt hại, giải phóng mặt bằng, tái định cư để bố trí các khu công nghiệp, các cụm công nghiệp, các dự án lớn và khu kinh tế mở Chu Lai; hòa giải thành công hàng ngàn vụ tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện, đóng góp ý kiến xây dựng chính quyền nhân dân tại cơ sở vững mạnh. Nổi bật là cuộc vận động đã phát huy vai trò các tộc họ trong việc vận động bà con thực hiện tộc ước, quy ước..., góp phần xây dựng khu dân cư ngày càng đậm đà tình làng nghĩa xóm, cùng nhau xây dựng nếp sống văn minh, giàu đẹp. Qua 5 năm, có 385 khu dân cư xuất sắc, 665 khu dân cư tiên tiến, 190.677 gia đình văn hóa, 3.317 tộc họ văn hóa được các cấp công nhận.

Cuộc vận động “*Ngày vì người nghèo*” qua 3 năm triển khai (2001 - 2003), toàn tỉnh đã thu được hàng tỷ đồng, xây dựng mới trên 500 nhà tình thương và gần 500 nhà được hỗ trợ sửa chữa. Nhiều học sinh nghèo được hỗ trợ để tiếp tục học hành, người nghèo được khám chữa bệnh. Ngoài ra, còn huy động hàng vạn ngày công, nhiều hình thức đóng góp khác để hỗ trợ người nghèo nhanh chóng ổn định đời sống. Cuộc vận động “*Ngày vì người nghèo*” đã đem lại những kết quả rất có ý nghĩa, thiết thực góp phần vào việc xóa đói giảm nghèo, khơi dậy tình cảm tương thân tương ái giúp nhau vượt qua những khó khăn vất vả.

Mặt khác, các hoạt động nhân đạo, từ thiện, khuyến học, khuyến tài của các tổ chức thành viên đã góp phần quan trọng trong việc giúp đỡ, hỗ trợ các đối tượng gặp rủi ro, yếu thế trong cuộc sống, tạo nên mối quan hệ tốt đẹp thương yêu đùm bọc lẫn nhau trong cộng đồng xã hội.

Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong việc tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, được xem là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp. Giai đoạn 1997 - 2003, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phối hợp cùng với chính quyền, các tổ chức thành viên tích cực tham gia góp ý xây dựng và đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tích cực thực hiện và tham gia giám sát hoạt động của chính quyền, cán bộ, công chức, đại biểu dân cử; tham gia phòng chống tham nhũng, lãng phí; phối hợp tổ chức tốt hoạt động tiếp xúc cử tri với đại biểu dân cử, qua đó tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân, vận động và tạo điều kiện để các tầng lớp nhân

dân tham gia xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).

Ở cơ sở, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã thường xuyên củng cố, kiện toàn và phát huy vai trò giám sát của Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn, đến năm 2003 có trên 90% xã, phường, thị trấn thành lập Ban thanh tra nhân dân, nhiều địa phương tổ chức hoạt động khá tốt góp phần phát huy quyền làm chủ của Nhân dân ở cơ sở, tham gia xây dựng chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh xây dựng và thực hiện tốt Quy chế phối hợp với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh. Theo đó, định kỳ 6 tháng, 01 năm, tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh, phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thông báo kết quả công tác Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia xây dựng chính quyền, kịp thời tập hợp, tổng hợp, phản ánh ý kiến, kiến nghị của Nhân dân, đề nghị Hội đồng nhân dân và chính quyền xem xét giải quyết.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cấp thường xuyên được bổ sung, kiện toàn, đội ngũ cán bộ chuyên trách, các ban công tác Mặt trận khu dân cư theo hướng trẻ hóa, có năng lực vận động quần chúng, được quần chúng tín nhiệm. Hằng năm cán bộ làm công tác Mặt trận được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nhất là trong thời gian chuẩn bị Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh lần thứ VII, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã tổ chức hội nghị tập huấn cho cán bộ chủ chốt làm công tác Mặt trận và hướng dẫn triển khai tập huấn đến tận cơ sở. Nhìn chung, đến năm 2003, đội ngũ làm công tác Mặt trận ở các huyện, thị, các xã, phường,

thị trấn, các khu dân cư, tổ đoàn kết đã được kiện toàn, bổ sung bảo đảm về số lượng và nâng dần chất lượng. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đa số đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ mới. Nhiều cá nhân tiêu biểu đã tham gia và được tin nhiệm hiệp thương cử làm ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã có đóng góp rất lớn trong việc tuyên truyền, vận động, tập hợp các tầng lớp nhân dân.

Thực hiện Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 1999 và Nghị định 50/2001/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tiến hành sửa đổi, bổ sung Quy chế phối hợp công tác với cùng cấp chính quyền và các tổ chức thành viên để triển khai các chương trình hành động, đảm bảo sự phối hợp, khắc phục tình trạng chồng chéo, trùng lặp về nội dung, đối tượng, phương thức hoạt động. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cấp cải tiến phong cách lề lối làm việc, sinh hoạt, họp hội theo hướng cụ thể, thiết thực. Qua các phong trào, các cuộc vận động đều tiến hành sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm công tác hướng dẫn, kiểm tra. Với phương châm hướng mạnh về cơ sở, công tác Mặt trận ngày càng lan tỏa đến từng khu dân cư, tổ đoàn kết, gần dân, sát dân, được Nhân dân tin cậy.

Trong giai đoạn này, thực hiện chỉ thị của Ban Bí thư, của Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã kịp thời đề ra kế hoạch hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp. Đến năm 2003, 100% xã, phường, thị trấn, huyện, thị xã toàn tỉnh hoàn thành tốt Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp. Riêng đối với hai huyện mới chia tách là Nam Trà My và Tây Giang, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc

Việt Nam tỉnh đã hướng dẫn tổ chức bộ máy của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện theo Điều lệ quy định.

Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã quán triệt sâu sắc quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy, nghiêm túc kiểm điểm, đánh giá tình hình kết quả thực hiện Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhiệm kỳ qua, đề ra chương trình hành động nhiệm kỳ đến theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khóa IX) của Đảng. Về nhân sự Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp hầu hết đảm bảo các tiêu chuẩn, kịp thời bổ sung cán bộ trẻ, có điều kiện và năng lực hoạt động, có uy tín trong xã hội. Cụ thể: Ở cấp xã có tổng số Ủy viên Ủy ban là 5.192 người; trong đó tỷ lệ nữ chiếm 13%, người ngoài Đảng trên 33%, dân tộc thiểu số trên 22%, tôn giáo trên 4%, đại diện các tổ chức thành viên có 1.824 người, cá nhân tiêu biểu có 527 người, chuyên gia có 884 người. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã có 736 người, trong đó có 88 nữ. Ở cấp huyện, có tổng số Ủy viên Ủy ban là 660 người; trong đó tỷ lệ nữ chiếm 14%, ngoài Đảng chiếm 23%, dân tộc thiểu số chiếm 14%, đại biểu các tôn giáo chiếm 6,2%. Ban Thường trực có 57 vị, trong đó có 8 nữ.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, công tác Mặt trận giai đoạn 1997 - 2003 vẫn còn một số hạn chế, khuyết điểm đó là: Việc tập hợp các tầng lớp Nhân dân tham gia vào các tổ chức quần chúng tỷ lệ đạt chưa cao. Ở một số địa phương, tổ chức hội, đoàn thể hoạt động chưa đều, chưa thực sự trở thành nòng cốt trong phong trào, một số nơi yếu kém chậm được khắc phục, còn thiếu các biện pháp nhân rộng mô hình, điển hình tiên tiến. Việc vận động Nhân dân thi đua thực hiện các

chương trình mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội có lúc, có nơi sự phối hợp với chính quyền và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, các cơ quan, ban ngành đoàn thể chưa thật sự đồng bộ. Đời sống các đối tượng chính sách vẫn còn khó khăn, các thiết chế văn hóa ở cơ sở chưa đảm bảo. Một bộ phận học sinh, sinh viên tốt nghiệp ra trường chưa được bố trí việc làm; việc học tập, khám chữa bệnh đối với người nghèo còn gặp nhiều khó khăn; các tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn triệt để, những biểu hiện vi phạm pháp luật vẫn còn xảy ra, làm cho Nhân dân lo lắng, một bộ phận giảm sút lòng tin vào hiệu lực tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách. Trong công tác xây dựng chính quyền, một số địa phương thực hiện chưa tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; chưa quan tâm đúng mức đến việc thu thập ý kiến nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, tạo điều kiện để Nhân dân phát huy dân chủ, trao đổi bàn bạc, thảo luận các vấn đề về phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương; vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc tham gia xây dựng chính quyền ngày càng trong sạch vững mạnh còn hạn chế. Có nơi chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, vị trí, chức năng nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nên chưa có sự phối hợp chặt chẽ. Cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*” và “*Ngày vì người nghèo*” mặc dầu được tích cực triển khai, song chất lượng và hiệu quả đạt được ở nhiều khu dân cư còn thấp. Hoạt động Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở một số địa phương, cơ sở còn bị động, lúng túng cả việc xây dựng các nội dung chương trình lẫn cách thức tổ chức hoạt động. Chế độ đãi ngộ đối với cán bộ làm công tác Mặt trận còn nhiều bất cập, làm cho đội ngũ cán bộ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, nhất là ở cơ sở chưa thật sự an tâm, thiếu tâm huyết với công việc.

II. TIẾP TỤC MỞ RỘNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC, ĐỔI MỚI NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC HOẠT ĐỘNG CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH QUẢNG NAM (2003 - 2008)

1. Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ VII; tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức; đổi mới phương thức hoạt động theo hướng gần dân, sát cơ sở; chú trọng công tác xây dựng Đảng và chính quyền

Từ ngày 29 đến ngày 30 - 9 - 2003, tại thị xã Tam Kỳ, Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ VII, nhiệm kỳ 2003 - 2008, với sự tham gia của 210 đại biểu chính thức thay mặt cho các giai cấp, các tầng lớp Nhân dân, đồng bào các dân tộc, các tôn giáo trong tỉnh và hơn 200 vị khách mời. Ông Phạm Thế Duyệt - Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, ông Vũ Ngọc Hoàng - Bí thư Tỉnh ủy dự và chỉ đạo Đại hội.

Đại hội đã thông qua Báo cáo tổng kết công tác Mặt trận nhiệm kỳ 1997-2003 và thống nhất Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam, nhiệm kỳ 2003 - 2008; Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia góp ý dự thảo Báo cáo chính trị của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khóa V trình Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VI và dự thảo Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (sửa đổi).

Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ VII có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là nhiệm kỳ có nhiệm vụ tiếp tục tập trung vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội IX, các Nghị quyết của Trung ương và của tỉnh. Đặc biệt, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ



*Ông Phạm Thế Duyệt - Chủ tịch Trung ương MTTQ Việt Nam
phát biểu chỉ đạo tại Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh
lần thứ VII, nhiệm kỳ 2003-2008*

quốc Việt Nam sau khi có Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 (khóa IX), đòi hỏi phải có sự chuyển biến mạnh mẽ hơn nữa; góp phần xây dựng tỉnh Quảng Nam đến năm 2015 trở thành một tỉnh công nghiệp, có mức tăng trưởng cao về kinh tế, đẹp về văn hóa, vững mạnh về an ninh quốc phòng, đảm bảo đời sống Nhân dân ngày càng được cải thiện, tiến đến mọi người được hưởng cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Báo cáo chính trị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh khóa VI trình tại Đại hội xác định nhiệm vụ chung của giai đoạn 2003 - 2008: “*Tiếp tục mở rộng khối đại đoàn kết các dân tộc trong tỉnh, tạo thành một khối thống nhất, phối hợp hành động giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với chính quyền, các tổ chức thành viên, dân tộc, tôn giáo, các cơ quan,*

ban, ngành và các tổ chức xã hội khác, qua nhiều nội dung, hình thức phong phú, đa dạng, tập hợp đông đảo các tầng lớp Nhân dân, phát huy quyền dân chủ; hăng hái tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, khơi dậy mọi tiềm lực, tiềm năng, ý chí tự lực, tự cường quyết tâm thi đua hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và của tỉnh. Tích cực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới”.

Trên cơ sở nhiệm vụ chung, Đại hội xác định các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể: Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng, tuyên truyền Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, củng cố mối quan hệ giữa Nhân dân với Đảng và Nhà nước; Phát huy tinh thần yêu nước, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, mở rộng và thúc đẩy các cuộc vận động, các phong trào thi đua, thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội ở tỉnh; Phát huy dân chủ, tham gia xây dựng và củng cố chính quyền của dân, do dân, vì dân ngày càng vững mạnh, cùng Nhà nước chăm lo và bảo vệ chính quyền lợi chính đáng của Nhân dân; Tiếp tục làm tốt công tác đối ngoại nhân dân, công tác dân tộc, công tác tôn giáo; Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giới thiệu tổng kết thực tiễn, thi đua khen thưởng; Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, nâng cao hiệu quả công tác Mặt trận.

Đại hội đã hiệp thương cử Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh khóa VII gồm 82 vị, đại diện cho tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn



Bà **PHẠM THỊ MINH CHIẾN**

*Chủ tịch Ủy ban MTTQ
Việt Nam tỉnh Quảng Nam
(4/2002 - 8/2007)*

giáo trong tỉnh; cử Ban Thường trực và các chức danh trong Ban Thường trực gồm 8 vị. Bà Phạm Thị Minh Chiến - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy được tái cử giữ chức vụ Chủ tịch; các ông/bà: Nguyễn Nhung, Trương Văn Mười, Nguyễn Thị Kim Dung làm Phó Chủ tịch; ông Vũ Khắc Trọng làm Chánh Văn phòng, ông Huỳnh Kim Xuân làm Trưởng ban Tuyên huấn - Tổ chức - Thi đua, ông Lê Công Chiến làm Trưởng ban Dân chủ - Pháp luật và ông Lê Đức Nguyễn làm Trưởng ban Phong trào; cử đoàn đại biểu đi dự Đại

hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VI... Đến tháng 8 - 2007, bà Phạm Thị Minh Chiến nghỉ hưu theo chế độ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy điều động ông Lê Văn Lai - Tỉnh ủy viên làm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (từ tháng 10 - 2008 ông Lê Văn Lai được bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy).

Nhân dịp này, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã tổ chức Lễ đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhì.

Sau khi tổ chức thành công Đại hội lần thứ VII, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tập trung xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động nhiệm kỳ 2003 - 2008.



Lễ đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhì, năm 2003

Thực hiện Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 26 - 11 - 2003 của Bộ Chính trị, Thông tri số 17-TT/TU ngày 5 - 12 - 2003 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Nam về việc lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh xây dựng kế hoạch tham gia công tác bầu cử theo đúng quy định của pháp luật. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã tiến hành các bước hiệp thương giới thiệu người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII, nhiệm kỳ 2004 - 2009 đảm bảo tiêu chuẩn; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực tham gia cuộc bầu cử. Ngày 25 - 4 - 2004, cử tri cả tỉnh đã bầu được 59 đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh (tăng 2 đại biểu so với nhiệm kỳ trước).

Ngay từ đầu nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Hội đồng nhân dân tỉnh xây dựng và ban hành Quy chế phối hợp công tác nhiệm kỳ 2004 - 2009 với các nội dung trọng tâm là: Phối hợp tuyên truyền, động viên Nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; hưởng ứng các cuộc vận động, các phong trào thi đua của địa phương; tham gia xây dựng chính quyền, tổ chức tiếp xúc cử tri và công tác giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan hành chính Nhà nước trên địa bàn tỉnh; phối hợp giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri. Định kỳ 1 năm, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh thông báo kết quả hoạt động của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh thông tin về tình hình và kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh. Đồng thời, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thông báo kết quả công tác Mặt trận tham gia xây dựng chính quyền và phản ánh ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân cho Hội đồng nhân dân tỉnh.

Sau 2 năm thực hiện Chương trình hành động nhiệm kỳ 2003 - 2008, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX (12 - 2005) khẳng định: *“Vai trò Mặt trận và các đoàn thể được phát huy trên các lĩnh vực. Nhiều phong trào quần chúng được Mặt trận, các đoàn thể phối hợp với các ngành phát động đã mang lại kết quả thiết thực như: Ngày hội đoàn kết ở khu dân cư, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, xây dựng đời sống văn hóa, thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, lao động sáng tạo, xóa nhà tạm, giúp nhau phát triển kinh tế gia đình, thanh niên lập nghiệp, thanh niên tình nguyện sống “tốt đời, đẹp đạo”, tích cực tham gia xây*

dựng quê hương... Thông qua công tác vận động quần chúng, tinh thần tương thân, tương trợ giúp đỡ nhau trong cộng đồng được phát huy, khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường, sự đồng thuận trong xã hội được tăng lên”.

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX xác định phương hướng và nhiệm vụ của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh trong những năm đến là: *“Mặt trận và các đoàn thể chính trị phải là chỗ dựa tin cậy của hội viên, đoàn viên và các tầng lớp Nhân dân, là nơi triển khai thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết. Các cấp ủy tập trung lãnh đạo có hiệu quả quy chế dân chủ cơ sở, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong xây dựng chính quyền, xây dựng Đảng, tham gia giám sát các hoạt động kinh tế - xã hội, các chương trình dự án triển khai trên địa bàn. Đẩy mạnh các phong trào: Xóa đói giảm nghèo, làm kinh tế giỏi, thanh niên lập nghiệp, lao động sáng tạo, toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ an ninh Tổ quốc, đền ơn đáp nghĩa, xóa nhà tạm, xây dựng gia đình no ấm - tiến bộ - hạnh phúc, sống “tốt đời đẹp đạo”... Trong đó lấy phong trào giảm nghèo và xây dựng đời sống văn hóa làm trục trung tâm. Mở rộng các hoạt động từ thiện, khuyến học. Phát động các phong trào quần chúng phải chú ý tính thiết thực vì lợi ích của nhân dân, có kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện; thường xuyên động viên và xây dựng lực lượng nòng cốt, điển hình tiên tiến để thúc đẩy nhân rộng phong trào”¹.*

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, công tác củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy, đổi mới nội dung,

1. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XIX Tam Kỳ, tháng 2 - 2006, trang 66.

phương thức hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và của các Ban công tác Mặt trận khu dân cư có nhiều tiến bộ. Giai đoạn 2003 - 2008, đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cấp mặc dù có biến động, một số cán bộ chủ chốt thay đổi nhưng kịp thời được bổ sung, củng cố và kiện toàn. Cuối năm 2008, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh có 85 vị ủy viên đại diện cho 31 tổ chức thành viên, 18 Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện, 26 nhân sĩ, trí thức, cá nhân tiêu biểu, chuyên gia trên các lĩnh vực có liên quan và 10 cán bộ chuyên trách của cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh. Đối với Ban Thường trực, đến giữa nhiệm kỳ, có 1 Chủ tịch và 2 Phó Chủ tịch nghỉ hưu theo chế độ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã hiệp thương cử bổ sung 1 Chủ tịch, 2 Phó Chủ tịch (giữa nhiệm kỳ có 1 Phó Chủ tịch chuyển công tác, bổ sung 1 Phó Chủ tịch) và bổ sung 2 ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh vào Ban Thường trực. Như vậy, đến cuối nhiệm kỳ, Ban Thường trực có 9 vị, trong đó có Chủ tịch, 2 Phó Chủ tịch và 6 ủy viên Ban Thường trực.

Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và huyện trên địa bàn toàn tỉnh, đến năm 2008 có 148/240 Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là Đảng ủy viên, 66 Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã là Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy và 16/18 Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện là Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, 2 Huyện ủy viên.

Để nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã thành lập 3 Hội đồng tư vấn về Dân chủ - Pháp luật; Dân tộc - Tôn giáo và Đối ngoại nhân dân. Nhiều huyện, thành phố đã thành lập

các Ban Tư vấn đề tham gia tư vấn các vấn đề theo đề nghị của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp. Đội ngũ cộng tác viên, tuyên truyền viên, các chuyên gia cũng được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tăng cường, bước đầu phát huy tác dụng. Dù kết quả chưa cao, song những đóng góp của đội ngũ này đối với công tác Mặt trận toàn tỉnh là rất đáng trân trọng. Cơ quan chuyên trách Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thường xuyên được kiện toàn, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Hàng năm, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đều tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ, nâng cao năng lực công tác cho Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các huyện, thành phố, các Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và cán bộ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường, thị trấn, khu dân cư, tổ đoàn kết. Tính đến năm 2008, toàn tỉnh có 1.697 khu dân cư và trên 8.000 tổ đoàn kết, các Ban công tác Mặt trận đều được củng cố, trưởng ban đều là cán bộ chuyên trách, được hỗ trợ 250.000 đồng đến 300.000 đồng/người/tháng. Nhiều địa phương đã hỗ trợ kinh phí cho các Tổ trưởng Tổ Đoàn kết hoạt động, tuy chưa nhiều song cũng đã góp phần động viên, khích lệ cán bộ Mặt trận cơ sở trong việc hoàn thành nhiệm vụ.

Vấn đề đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam luôn được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn tỉnh chú trọng. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã tăng cường xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp công tác với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và cấp huyện ký kết quy chế phối hợp với Viện Kiểm sát

nhân dân và các sở, ngành liên quan; định kỳ tiến hành đánh giá, kiểm điểm việc thực hiện, đồng thời bổ sung quy chế cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới. Từ đó, mối quan hệ công tác giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp với chính quyền và các cơ quan Nhà nước liên quan đã thể hiện sự gắn bó, trách nhiệm, cùng tổ chức vận động Nhân dân tham gia các phong trào, các cuộc vận động đạt nhiều kết quả.

Công tác thi đua - khen thưởng trong hệ thống Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thường xuyên được cải tiến, các phong trào thi đua liên tục được phát động trong từng thời điểm, tập trung vào việc hoàn thành các cuộc vận động lớn do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì. Việc tổ chức sơ kết, tổng kết được tiến hành kịp thời, những cá nhân, tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được biểu dương, khen thưởng. Thi đua thực sự đã trở thành đòn bẩy và là động lực quan trọng trong hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp ở giai đoạn này.

Song song với các nhiệm vụ trên, việc phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, động viên tổ chức Nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và hệ thống chính trị các cấp ở địa phương là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác Mặt trận. Giai đoạn 2003 - 2008, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng các tổ chức thành viên đã tập trung vận động Nhân dân tham gia tìm hiểu, học tập các Nghị quyết của Đảng, đóng góp ý kiến dự thảo văn kiện Đại hội Đảng các cấp và các chủ trương chính sách lớn của Đảng và Nhà nước. Tổ chức lấy ý kiến Nhân dân góp ý với tổ chức Đảng và đảng viên, góp phần xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh; đồng thời vận động Nhân dân tham gia thực hiện thắng lợi các mục tiêu,

nhiệm vụ kinh tế - xã hội do Đảng đề ra, góp phần làm cho các chủ trương, đường lối của Đảng trở thành thực hiện thực sinh động trong cuộc sống.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cấp trong tỉnh chủ động tham gia công tác bầu cử Quốc hội khóa XII và bầu bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009 (do Quốc hội quyết định kéo dài nhiệm kỳ này của Hội đồng nhân dân các cấp thêm 2 năm, từ 2004 - 2011) theo hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh. Theo đó, thực hiện tốt quy trình hiệp thương để lựa chọn và giới thiệu người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; tuyên truyền vận động Nhân dân học tập Luật bầu cử, tìm hiểu tiêu sử ứng cử viên, tổ chức lấy ý kiến cử tri nơi công tác và nơi cư trú; giúp cử tri lựa chọn đại biểu xứng đáng để bầu vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Ngày 20 - 5 - 2007, cùng với cả nước, cử tri toàn tỉnh đã hăng hái tham gia cuộc bầu cử Quốc hội khóa XII (2007 - 2011) và bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004 - 2011. Kết quả, đã bầu được 8 vị đại biểu Quốc hội, gồm các ông/bà: Vũ Thị Phương Anh, Ngô Văn Minh, Đinh Mươk, Nguyễn Quy Nhơn, Nguyễn Tiến Quân, Nguyễn Văn Sỹ, Nguyễn Văn Thuận, Nguyễn Tấn Trịnh; bầu bổ sung 5 đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và hàng trăm đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện và xã. Ngày bầu cử đã trở thành ngày hội về quyền làm chủ của Nhân dân trong việc tham gia xây dựng chính quyền *“của dân, do dân, vì dân”*.

Ngoài ra, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và cấp huyện phối hợp với Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp hiệp thương giới thiệu để Hội đồng nhân dân cùng cấp bầu Hội thẩm

nhân dân theo luật định; tham gia ý kiến vào các dự án luật, pháp lệnh, các chủ trương lớn và đã được các cấp chính quyền bổ sung, điều chỉnh, phối hợp với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Đoàn đại biểu Quốc hội tổ chức tốt các cuộc gặp gỡ tiếp xúc cử tri, phối hợp với các cơ quan chức năng giám sát các chương trình kinh tế - xã hội, với ngành Công an, Tòa án, Viện Kiểm sát tổ chức kiểm tra, giám sát công tác giam giữ, cải tạo phạm nhân, công tác đặc xá, tham gia giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân theo quy định.

Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trong tỉnh vận động các tầng lớp nhân dân tham gia giám sát cán bộ, đảng viên tại các khu dân cư; tổ chức bầu cử các chức danh trưởng thôn, khối phố, tổ chức lấy phiếu tín nhiệm các chức danh chủ chốt do Hội đồng nhân dân xã bầu, qua đó khắc phục tình trạng vi phạm quyền làm chủ của Nhân dân, góp phần nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ Nhân dân, thực hiện cải cách hành chính. Từ khi có cuộc vận động *“Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”*, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên phối hợp triển khai, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực hưởng ứng và giám sát cán bộ, công chức, đảng viên phải gương mẫu trong thực hiện cuộc vận động. Từ đó hiệu lực, quản lý điều hành của Nhà nước được nâng lên, đa số cán bộ, công chức đã thể hiện tinh thần *“Trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân”*. Ban Thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh tiếp tục được kiện toàn, thường xuyên được tập huấn nâng cao kiến thức pháp luật, kỹ năng về nghiệp vụ, tiến hành nhiều hoạt động giám sát, thiết thực góp phần phát huy dân chủ, tham gia xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức và chính quyền cấp xã trong

sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu quả. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã tích cực tham gia công tác hòa giải ở cơ sở, góp phần đáng kể giảm thiểu mâu thuẫn, tranh chấp, xích mích nhỏ trong cộng đồng dân cư, tăng cường đoàn kết, thắt chặt tình làng nghĩa xóm; hạn chế tình trạng khiếu nại, khởi kiện ngay tại cơ sở. Công tác hòa giải ở Phước Sơn, Hội An, Đại Lộc, Bắc Trà My trở thành những kinh nghiệm đáng trân trọng và nhân rộng. Việc phối hợp giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng các cơ quan chức năng tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật trong cộng đồng dân cư được đẩy mạnh. Năm 2005, công tác giám sát đầu tư công của cộng đồng tuy mới được triển khai, song ở một số địa phương như Tam Kỳ, Núi Thành, Điện Bàn, Hiệp Đức, Tiên Phước..., hoạt động của các Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện khá hiệu quả, góp phần tích cực trong việc ngăn ngừa những biểu hiện tham nhũng, lãng phí, giảm thiểu tình trạng thất thoát tài sản của Nhà nước và Nhân dân, góp phần nâng cao chất lượng, công trình, dự án đầu tư ở cơ sở.

Bên cạnh những thành tựu nổi bật, hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trong giai đoạn này vẫn còn một số hạn chế đó là, đội ngũ cán bộ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhìn chung chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ mới, có những trường hợp thiếu tâm huyết, dẫn đến lúng túng trong việc đề ra các nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động. Công tác vận động, tập hợp rộng rãi các thành phần trong xã hội, nhất là đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, cán bộ hưu trí và các cá nhân tiêu biểu có nhiều kinh nghiệm và uy tín tham gia công tác Mặt trận chưa thật sự hiệu quả. Ở một số địa phương, do biến động về nhân sự, làm cho công tác chỉ đạo, điều hành và triển khai thực hiện nhiệm vụ Ủy ban Mặt trận

Tổ quốc Việt Nam gặp không ít khó khăn. Công tác tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, hoạt động giám sát tuy có tiến bộ, nhưng chưa được thể hiện rõ nét. Tình trạng tham nhũng, lãng phí, vi phạm quyền làm chủ của Nhân dân vẫn còn xảy ra ở một số nơi. Việc tham gia giải quyết một số vấn đề bức xúc trong Nhân dân chưa triệt để, thiếu kiên quyết. Sự phối hợp thống nhất hành động giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong nhiệm vụ xây dựng chính quyền và ở một số phong trào chưa chặt chẽ, thiếu thường xuyên. Hội đồng tư vấn, các Ban tư vấn, Tổ tư vấn có nơi chưa thành lập, hoạt động chưa tương xứng với vai trò trong việc tham gia các vấn đề “*Quốc kế, dân sinh*” để nói lên tiếng nói của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng với Đảng, chính quyền chăm lo cuộc sống cho Nhân dân.

2. Tích cực đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận, khơi dậy mọi nguồn lực trong dân để phát triển kinh tế - xã hội

Nhiệm kỳ 2003 - 2008, được sự lãnh đạo thường xuyên, sâu sát của Tỉnh ủy, sự quan tâm hướng dẫn của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, sự phối hợp tích cực, chặt chẽ của chính quyền và các tổ chức thành viên theo quy chế phối hợp công tác, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VII theo hướng cụ thể, thiết thực, hướng về cơ sở, địa bàn khu dân cư đạt được những kết quả có ý nghĩa quan trọng.

Vấn đề đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền các Nghị quyết của Đảng, Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cuộc vận động học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh, nghị quyết của Hội đồng nhân

dân, quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh luôn được Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên chú trọng, triển khai thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng như thông qua việc tổ chức cho cán bộ, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân sinh hoạt tọa đàm, hội thi văn hóa - văn nghệ, trao đổi, tiếp xúc, đối thoại..., ở các khu dân cư nhân các ngày lễ lớn của đất nước, quê hương, góp phần nâng cao hiểu biết, nhận thức về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, nhất là các quan điểm về đại đoàn kết toàn dân tộc, về công tác dân tộc, công tác tôn giáo được nêu trong Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 (khóa IX). Đặc biệt, “Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân ở khu dân cư” được tổ chức hằng năm vào dịp kỷ niệm ngày thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam (18 - 11) với khí thế sôi nổi, hào hứng, thiết thực, huy động được đông đảo Nhân dân, cán bộ, đảng viên tham gia, có ý nghĩa chính trị, xã hội, văn hóa sâu sắc, tạo sự đồng thuận xã hội, xây dựng cộng đồng đoàn kết, gắn bó vì cuộc sống ấm no, tiến bộ, hạnh phúc.

Việc đa dạng hóa các hình thức tập hợp Nhân dân liên tục được mở rộng. Một số tổ chức mới như: *Hội Cựu Giáo chức; Hội Luật gia; Hội Bảo trợ người tàn tật, trẻ mồ côi, bệnh hiểm nghèo; Hội Cựu Thanh niên xung phong; Hội Nạn nhân chất độc màu da cam; Hội Châm cứu; Hội Doanh nghiệp trẻ...*, cùng các hình thức “*Câu lạc bộ*” tập hợp những người có cùng tâm huyết, sở thích, nguyện vọng lần lượt tham gia làm thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh. Các đoàn thể chính trị - xã hội: Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Liên đoàn Lao động và nhiều

tổ chức thành viên khác tăng cường phát triển hội viên, đoàn viên, đa dạng hóa các mô hình tập hợp theo ngành nghề, sở thích, lứa tuổi đồng thời có các hình thức liên kết, phối hợp chỉ đạo các hoạt động.

Tinh thần “*Đoàn kết, bình đẳng, giúp nhau cùng phát triển*” đối với đồng bào các dân tộc thiểu số được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thể hiện khá rõ nét qua việc tổ chức kết nghĩa, vận động bà con chăm lo sản xuất, tự lực vươn lên xóa đói giảm nghèo. Đặc biệt, các huyện Nam Giang, Phước Sơn, Bắc Trà My, Hiệp Đức, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã phát huy vai trò, uy tín của các vị già làng, trưởng bản ở địa phương tích cực tham gia tuyên truyền, vận động bà con các dân tộc hăng hái thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội vùng đặc biệt khó khăn của Chính phủ (Chương trình 134, 135); giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc; từng bước xóa mù chữ, chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

Bà con tín đồ các tôn giáo cùng với các tầng lớp nhân dân trong tỉnh tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua, các cuộc vận động do chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phát động, nhất là cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*” và “*Ngày vì người nghèo*”, các hoạt động nhân đạo, từ thiện góp phần cùng với Đảng, Nhà nước chăm lo cải thiện đời sống Nhân dân. Chức sắc các tôn giáo thể hiện vai trò gương mẫu trong việc vận động tín đồ sống “*Tốt đời, đẹp đạo*”, điển hình như Duy Xuyên với việc xây dựng “*Xứ đạo tiên tiến*”, Điện Bàn với cuộc vận động các chức sắc tham gia hỗ trợ người nghèo. Nhân dịp tết cổ truyền của dân tộc, các ngày lễ trọng của các tôn giáo... Ủy ban

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phối hợp cùng chính quyền đến thăm, chúc mừng, động viên chức sắc các tôn giáo.

Bà con người Quảng Nam ở mọi miền Tổ quốc, kiều bào ở nước ngoài luôn hướng về quê hương và đã có những đóng góp thiết thực, tham gia phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng, trường học, trạm xá, cứu trợ lũ lụt, nhân đạo từ thiện với giá trị nhiều tỷ đồng. Hội đồng hương Quảng Nam được thành lập ở nhiều địa phương trong cả nước đã trở thành tổ ấm, là “cầu nối” giữa bà con xa quê với Nhân dân trong tỉnh. Đặc biệt, nhiều trí thức người Quảng Nam ở các nước như Giáo sư Nguyễn Đăng Hưng - Đại học Liège (Bỉ), là một trong những nhà Cơ học xuất sắc nhất châu Âu, từng được Đức vua Albert II của vương quốc Bỉ phong tặng Huân chương Đại thần của vương triều (Grand Officier de l'Ordre de la Couronne), suốt nhiều năm Giáo sư đã làm cầu nối đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ cho nhiều học sinh Quảng Nam đạt trình độ quốc tế. Giáo sư Kinh tế Trần Văn Thọ - Đại học Waseda (Nhật Bản), từng tư vấn kinh tế cho nhiều đời Thủ tướng Nhật Bản và được mời làm thành viên Tổ tư vấn cải cách kinh tế, Ban Nghiên cứu chính sách của nhiều đời Thủ tướng Việt Nam, được Chính phủ Nhật Bản trao tặng Huân chương Thụy Bảo Tia Vàng (The Order of the Sacred Treasure, Gold Rays with Rosette). Riêng với quê nhà Quảng Nam, Giáo sư Trần Văn Thọ đã dành nhiều tình cảm, sự quan tâm, giúp đỡ, nhất là đối với lưu học sinh Quảng Nam tại các trường đại học của Nhật Bản. Hằng năm, bà con kiều bào về thăm quê đều tặng, dành nhiều tình cảm đặc biệt với quê hương. Nhân các dịp lễ, tết, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các địa phương đều phối hợp với chính quyền tổ chức gặp mặt thân mật, động viên bà con tham gia các chương trình, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, Nghị quyết Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh lần thứ VII, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng các tổ chức thành viên tích cực vận động Nhân dân tham gia chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, hóa hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; tham gia các phong trào thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, áp dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm; đẩy mạnh phát triển kinh tế hộ, vườn đồi, trang trại, chăn nuôi; khôi phục phát triển ngành nghề và các làng nghề truyền thống; thực hiện chủ trương “*Dồn điền đổi thửa*”; phát triển kinh tế thủy hải sản, mở rộng dịch vụ chế biến, tăng cường đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ, thương mại; vận động Nhân dân chấp hành tốt chủ trương thu hồi đất đai, giải quyết đền bù, tạo điều kiện cho việc thu hút đầu tư, triển khai xây dựng các khu công nghiệp, các cụm công nghiệp nhất là khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, khu Kinh tế mở Chu Lai; tham gia đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực văn hóa - xã hội, phát triển giáo dục - đào tạo, y tế, thể dục thể thao, dân số, giải quyết việc làm, bảo vệ môi trường, phòng chống các tệ nạn xã hội, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống của người dân đất Quảng; tham gia giữ gìn, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa.

Giai cấp công nhân Quảng Nam không ngừng lớn mạnh cùng với việc đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng các khu và cụm công nghiệp, nhất là Khu kinh tế mở Chu Lai, Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc, mở rộng các thành phần kinh tế. Đây là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp đổi mới, có khả năng tiếp thu nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật, góp phần quan trọng tạo ra giá trị tăng



Gặp mặt các chức sắc Phật giáo 2006

trưởng hằng năm trong lĩnh vực phát triển kinh tế địa phương. Liên đoàn Lao động tỉnh và tổ chức Công đoàn các cấp, các ngành tập trung phát động thực hiện phong trào “*Lao động giỏi, lao động sáng tạo*” gắn với cuộc vận động xây dựng người cán bộ, công chức, viên chức “*Trung thành, sáng tạo, tận tụy, gương mẫu*”, thu hút đông đảo đoàn viên Công đoàn tham gia.

Giai cấp nông dân tỉnh Quảng Nam chiếm tỷ lệ trên 60% tổng số lao động của tỉnh, là bộ phận giàu truyền thống cách mạng. Giai đoạn 2003 - 2008, nhờ các chính sách ưu tiên đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nông dân và nhất là qua các phong trào “*Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, làm giàu chính đáng, đoàn kết giúp nhau vượt khó, xóa đói giảm nghèo*” do Hội Nông dân các cấp tổ chức, nên đời sống bà con nông dân ngày càng ổn định, hộ nghèo giảm đáng kể, nhiều hộ

biết cách làm ăn nên đời sống khá lên, một số gia đình đã trở nên giàu có, diện mạo nông thôn có nhiều thay đổi theo chiều hướng tích cực. Đặc biệt, thông qua hoạt động của Hội Nông dân, Hội làm vườn, Hội sinh vật cảnh và các hình thức khác bà con nông dân đã thắt chặt tinh thần đoàn kết, giúp nhau phát triển kinh tế, cùng chăm lo cải thiện đời sống.

Phụ nữ tỉnh Quảng Nam có tỷ lệ trên 50% dân số, tích cực tham gia có hiệu quả trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Thông qua hoạt động của Hội Liên hiệp Phụ nữ và phong trào của giới, phụ nữ ngày càng khẳng định được vị trí, vai trò quan trọng trong gia đình và ngoài xã hội. Chị em tích cực hưởng ứng phong trào thi đua yêu nước *“Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”*, giúp nhau xóa đói giảm nghèo, làm nòng cốt trong việc xây dựng *“Gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc”*. Qua phong trào xuất hiện nhiều gương mặt tiêu biểu, nhiều chị em thành đạt góp phần thúc đẩy sự nghiệp bình đẳng giới và phát triển của phụ nữ.

Cựu chiến binh, cán bộ hưu trí, người cao tuổi và người có công với nước góp phần quan trọng trong việc giáo dục truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ, tích cực vận động gia đình tham gia các phong trào, nhiều người dù tuổi cao, sức yếu vẫn hăng hái tham gia công tác tại địa phương. Thông qua các phong trào *“Xây dựng tổ chức Hội trong sạch vững mạnh”*, *“Hội viên cựu chiến binh gương mẫu, gia đình cựu chiến binh văn hóa”*, *“Ông bà cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền”*, *“Tuổi cao gương sáng”*...; góp phần quan trọng làm nên sự thành công của cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”*.

Các thế hệ thanh niên, sinh viên, học sinh là lực lượng

xung kích trong các phong trào, nổi bật là phong trào “*Thanh niên, sinh viên tình nguyện*”; “*Thanh niên lập thân, lập nghiệp*”, “*Thanh niên tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng*”, “*Tuổi trẻ giữ nước*”..., do Đoàn Thanh niên các cấp tổ chức với nhiều hình thức phong phú, đa dạng, hấp dẫn, lôi cuốn đông đảo giới trẻ tham gia, một số người trở thành những tài năng trẻ ở một số lĩnh vực.

Đội ngũ trí thức tỉnh Quảng Nam có vai trò quan trọng trong quản lý, điều hành, thực hiện các chủ trương, chính sách, nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống. Toàn tỉnh có gần 18.000 người có trình độ từ cao đẳng trở lên, trong đó hàng trăm người có trình độ sau đại học. Đây là vốn quý của tỉnh, đóng góp đáng kể trong việc thực hiện chức năng tư vấn, phản biện, giám sát xã hội, triển khai các chương trình kinh tế - xã hội, khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường. Tỉnh đã có nhiều chủ trương khuyến khích thu hút và trọng dụng nhân tài, tăng cường đầu tư cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo; khoa học - công nghệ; văn học - nghệ thuật...

Đội ngũ doanh nhân Quảng Nam có sự phát triển nhanh về số lượng, nhất là trong lĩnh vực kinh tế tư nhân, đóng góp xứng đáng vào sự phát triển chung của tỉnh. Bước đầu hình thành một số doanh nghiệp có khả năng cạnh tranh trong nước, tạo uy tín với các đối tác. Một số doanh nhân tích cực quan tâm chăm lo cho người nghèo, tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, an sinh xã hội. Cùng với các phong trào của Hội Chữ thập đỏ, Hội Từ thiện, Hội Khuyến học và các tổ chức thành viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, góp phần làm cho các phong trào thi đua yêu nước được đẩy lên sôi nổi, lập nên nhiều thành tích trong công cuộc xây dựng quê hương.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ động phối hợp với các tổ chức thành viên tích cực triển khai đạt kết quả các phong trào thi đua, các cuộc vận động lớn do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì. Nội dung các cuộc vận động được cụ thể hóa thành các tiêu chí và chỉ tiêu cụ thể trong từng thời điểm, chất lượng các cuộc vận động ngày càng đi vào chiều sâu. Đặc biệt, cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*” được nhiều địa phương vận dụng một cách sáng tạo, tiêu biểu như: Thành phố Hội An gắn cuộc vận động với đề án xây dựng thành phố văn hóa; Điện Bàn, Đại Lộc với phong trào xây dựng tộc họ, gia đình văn hóa; Duy Xuyên, Thăng Bình, Tam Kỳ với công tác đẩy mạnh bảo đảm an toàn giao thông; Núi Thành, Quế Sơn với phong trào xóa nhà dột nát cho các hộ nghèo và việc giảm nghèo bền vững; Đông Giang, Phước Sơn, Bắc Trà My, Nam Giang với việc phát huy giá trị truyền thống văn hóa các dân tộc; Phú Ninh, Thăng Bình với việc triển khai đề án 02/212 về tuyên truyền pháp luật trong cộng đồng dân cư và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc... Đến cuối năm 2008, toàn tỉnh có 771/1.697 khu dân cư tiên tiến, 268.000 gia đình văn hóa.

Cuộc vận động “*Ngày vì người nghèo*” cũng được sự quan tâm chỉ đạo đồng bộ của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của các cơ quan thông tấn báo chí, tổ chức tôn giáo, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, nhất là sự hưởng ứng nhiệt tình của các tầng lớp nhân dân, góp phần đắc lực cùng với Đảng, chính quyền chăm lo cuộc sống cho Nhân dân. Giai đoạn 2003 - 2008, nguồn quỹ vì người nghèo các cấp vận động được trên 128 tỷ đồng, bao gồm cả tiền mặt và các giá trị vật chất khác. Từ nguồn quỹ đã xây dựng mới 9.724 nhà Đại đoàn kết, sửa chữa 1.087 nhà cho hộ nghèo, gần 1.300

cháu được hỗ trợ học tập, gần 1.500 hộ được trợ giúp sản xuất, trên 700 người được hỗ trợ khám chữa bệnh và nhiều hình thức giúp đỡ khác. Đến năm 2008, có 9 huyện, thành phố và 178 xã, phường, thị trấn hoàn thành việc xóa xong nhà dột nát cho người nghèo, được Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp “*Bằng Ghi công*”. Số hộ nghèo giảm đáng kể. Năm 2003 tỷ lệ hộ nghèo trên 28% (theo tiêu chí cũ) đến cuối năm 2008 tỷ lệ này còn 21,5% (theo tiêu chí mới). Dù vậy, đến năm 2008, toàn tỉnh vẫn còn trên 17.000 nhà tạm, dột nát cần được tiếp tục quan tâm giúp đỡ.

Công tác “*Đền ơn đáp nghĩa*”, nhân đạo từ thiện, khuyến học, khuyến tài, các chương trình phối hợp về đảm bảo an toàn giao thông, dân số kế hoạch hóa gia đình, phòng chống tệ nạn xã hội, ma túy, mại dâm, HIV/AIDS..., tiếp tục được đẩy mạnh, đạt nhiều kết quả. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe Nhân dân được toàn xã hội quan tâm. Tỷ lệ học sinh, sinh viên tốt nghiệp trở nên thực chất hơn, nhất là sau khi ngành giáo dục phát động phong trào “*Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích trong giáo dục*”. Hoạt động văn hóa, thể dục thể thao có nhiều chuyển biến tốt. Các lễ hội văn hóa truyền thống mang đậm nét đặc trưng văn hóa của vùng đất và con người Quảng Nam được tổ chức, mở ra những cơ hội giao lưu văn hóa, du lịch trong nước và quốc tế.

Phong trào “*Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc*”, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, vận động công dân nhập ngũ, chống “*diễn biến hòa bình*” đã được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng với các tổ chức thành viên các cấp phối hợp với Công an, Bộ đội Biên phòng, các ngành chức năng, các cơ quan liên quan phát triển sâu rộng trên địa bàn tỉnh, qua đó

những âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc được kịp thời ngăn chặn.

Với một tỉnh thường xuyên phải đối phó với thiên tai, trong giai đoạn 2003 - 2008, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp cùng chính quyền, các đoàn thể, các Hội Chữ thập đỏ, Hội Từ thiện, Cựu Chiến binh và nhiều tổ chức khác tích cực vận động Nhân dân trong và ngoài tỉnh với tinh thần “*Lá lành đùm lá rách*”; “*Nhường cơm, xẻ áo*”, tham gia cứu trợ đồng bào bị nạn. Tổng số tiền và hiện vật vận động được trên hàng trăm tỷ đồng, giúp đỡ hàng nghìn gia đình vượt qua khó khăn, hoạn nạn.

Việc mở rộng các hoạt động đối ngoại nhân dân, tăng cường đoàn kết quốc tế trong giai đoạn 2003 - 2008 được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên thực hiện khá tốt. Trên cơ sở các quan điểm, đường lối đối ngoại của Đảng, ngoại giao của Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên thực hiện trong giai đoạn này có tác dụng quan trọng trong việc vận động, thu hút đầu tư, triển khai các chương trình phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với chính quyền, các cơ quan chức năng, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại nhân dân, nhằm thắt chặt tình đoàn kết với các nước bạn Lào, Campuchia, Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Nga, Pháp... Việc tổ chức các lễ hội truyền thống văn hóa, du lịch đã góp phần tăng cường mối quan hệ thân thiện, gần gũi với các nước. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tập trung vận động Nhân dân phát huy những giá trị văn hóa của con người Quảng Nam trong giao tiếp, ứng xử để tạo tình cảm tốt đẹp với khách

nước ngoài, như Hội An, Duy Xuyên, Núi Thành, Điện Bàn..., là những nơi có nhiều người nước ngoài đến tham quan, du lịch, đầu tư phát triển kinh tế. Ngoài ra, Quảng Nam còn là tỉnh có đường biên giới với nước bạn Lào trải dài trên 140 km, gồm 12 xã biên giới, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với Bộ đội Biên phòng tập trung vận động bà con tham gia xây dựng biên giới “*hòa bình, đoàn kết, hữu nghị*”.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp vẫn còn không ít hạn chế, nhất là công tác phối hợp giữa Mặt trận cơ sở với chính quyền để chỉ đạo và triển khai cuộc vận động “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*” có nơi chưa đạt yêu cầu, việc xét chọn các danh hiệu còn mang tính hình thức, chạy theo thành tích; phương hướng nhiệm vụ xây dựng ở từng khu dân cư thiếu cụ thể, có trường hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chưa nắm chắc tình hình ở mỗi khu dân cư, có nơi Ban công tác Mặt trận chưa được kiện toàn, lúng túng trong phương pháp hoạt động. Một số khu dân cư nhiều năm liền yếu kém, nhưng chưa có hướng khắc phục. Một số chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước chậm triển khai hoặc thực hiện chưa nghiêm túc; tệ nạn tham nhũng, lãng phí, tình trạng tha hóa, biến chất, quan liêu, cửa quyền, vi phạm quyền dân chủ vẫn còn xảy ra ở một số nơi, nhưng chưa được ngăn chặn triệt để, gây ra những bất bình, làm giảm niềm tin của Nhân dân với Đảng và Nhà nước. Đời sống của một bộ phận không nhỏ công nhân, nông dân do nhiều nguyên nhân, vẫn còn bấp bênh, thiếu ổn định. Việc ăn ở, đi lại, học hành, khám chữa bệnh của người nghèo nhất là bà con vùng cao, vùng sâu còn nhiều bất cập. Một bộ phận người dân ở các khu tái định cư thu nhập thấp, đời

sống khó khăn hơn so với trước. Một bộ phận thanh thiếu niên sống thiếu lý tưởng, đua đòi, nghiện ma túy, lâm vào tệ nạn xã hội, phạm pháp có nguy cơ phát triển; việc tranh chấp, khiếu nại đất đai; vấn đề an toàn giao thông, giải quyết việc làm, khai thác khoáng sản, lâm sản trái phép, thực hiện các chính sách an sinh xã hội vẫn còn là những vấn đề hết sức bức xúc.

Nhìn chung, nhiệm kỳ 2003 - 2008, về cơ bản Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tỉnh Quảng Nam đã phát huy tinh thần đoàn kết thống nhất, ý chí tự lực, tự cường của các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh, từng bước tạo ra diện mạo mới cho quê hương Quảng Nam. Kinh tế tăng trưởng khá, xã hội ổn định, văn hóa tinh thần tiếp tục được phát huy, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, kết cấu hạ tầng liên tục được xây dựng, đời sống đại bộ phận Nhân dân được cải thiện, đó là những nhân tố vô cùng thuận lợi để Nhân dân Quảng Nam tiếp tục bước vào giai đoạn mới.

III. MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH QUẢNG NAM TRONG THỜI KỲ ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ (2009 - 2015)

1. Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ VIII (2009 - 2014); phát huy dân chủ, tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động

Từ ngày 1 đến ngày 2 - 4 - 2009, Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2009 - 2014 chính thức khai mạc tại thành phố Tam Kỳ, với sự tham gia của 250 đại biểu chính thức tiêu biểu cho các tổ chức thành viên, giai cấp, các tầng lớp Nhân dân, đồng bào các dân

tộc, các tôn giáo, cá nhân tiêu biểu trong tỉnh và hơn 200 vị khách mời của Đại hội.

Đại hội đã thông qua Dự thảo Báo cáo chính trị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam khóa VII và Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam, nhiệm kỳ 2009 - 2014 với chủ đề *“Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế thế giới vì mục tiêu: “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”*; thông qua Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Báo cáo chính trị của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khóa VI và Dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trình Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VII.

Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ VIII diễn ra trong tình hình, bối cảnh đất nước và tỉnh có mặt thuận lợi, song cũng không ít khó khăn thách thức. Quảng Nam vẫn còn là một tỉnh nghèo, có nhiều huyện miền núi, trong đó có 3 huyện thuộc diện đặc biệt khó khăn, kinh tế nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng cao, công nghiệp đang trong giai đoạn đầu của sự phát triển; đại bộ phận Nhân dân còn nhiều khó khăn về đời sống. Trước sự khủng hoảng tài chính và sự suy thoái toàn cầu và những diễn biến phức tạp về tình hình thời tiết, dịch bệnh cùng với các âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc của một số thế lực thù địch đã tác động không nhỏ đến tâm tư, tình cảm và đời sống của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.



*Đại hội đại biểu MTTQ Việt Nam tỉnh Quảng Nam
lần thứ VIII, nhiệm kỳ 2009-2014*

Trước tình hình đó, Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ VIII tiếp tục quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội X của Đảng, tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc. Đại hội xác định mục tiêu trong giai đoạn 2009 - 2014: *“Tiếp tục củng cố tổ chức và đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận, khẳng định vai trò, vị trí của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong hệ thống chính trị và đời sống xã hội; hướng mạnh công tác Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cơ sở, triển khai các cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” và “Ngày vì người nghèo”; tích cực phát huy dân chủ, tăng cường công tác giám sát và phản biện xã hội để Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thật sự là chỗ dựa của Đảng, cơ sở*

chính trị của chính quyền, là nơi thể hiện ý chí, tâm tư, nguyện vọng và bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp nhân dân; là nơi phối hợp và thống nhất hành động với các tổ chức thành viên, góp phần hoàn thành thắng lợi nghị quyết Đại hội lần thứ XIX và lần thứ XX của Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết đại hội X của Đảng vì mục tiêu xây dựng quê hương, đất nước ngày càng giàu đẹp, đời sống Nhân dân ngày càng ấm no, hạnh phúc”.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu trên, Đại hội thống nhất đề ra Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam, nhiệm kỳ 2009 - 2014 với các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu đó là: Đa dạng hóa các hình thức tập hợp, vận động Nhân dân tạo ra sự đồng thuận xã hội trên cơ sở quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thắt chặt mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Nhân dân với Đảng; đẩy mạnh triển khai các nhiệm vụ về công tác dân tộc theo tinh thần Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 7 (khóa IX) và các chủ trương, chính sách mới về công tác dân tộc; tăng cường xây dựng khối đại đoàn kết thống nhất giữa các tầng lớp nhân dân với đồng bào có đạo, tinh thần đoàn kết giữa các tôn giáo; qua đó vận động các chức sắc, tín đồ thực hiện nghiêm chỉnh các chủ trương, chính sách về tôn giáo, hăng hái tham gia các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động do Đảng, Nhà nước và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động; tích cực phát huy vai trò của các tổ chức thành viên, cá nhân tiêu biểu trong việc xây dựng và mở rộng tổ chức, phát triển đoàn viên, hội viên, xây dựng các tổ chức mới với nhiều hình thức đa dạng, phong phú để nâng cao chất lượng hoạt động; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động bà

con Quảng Nam ở khắp nơi trong nước và nước ngoài hướng về quê hương; tiếp tục đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, nâng cao chất lượng hai cuộc vận động ‘*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư*’ và ‘*Ngày Vì người nghèo*’, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng của tỉnh; chăm lo bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; tập hợp rộng rãi và phát huy triệt để vai trò các tổ chức Tư vấn, đội ngũ chuyên gia, cộng tác viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trên các lĩnh vực để tham gia góp ý kiến với Đảng, chính quyền cũng như chủ động tổ chức các hoạt động phản biện xã hội ở một số vấn đề, lĩnh vực, trước hết tổ chức các hoạt động giám sát, phản biện về những vấn đề đang bức xúc trong đại bộ phận Nhân dân.

Đại hội thống nhất quyết định số lượng Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh khóa VIII, nhiệm kỳ 2009 - 2014 là 90 vị. Tại Đại hội đã thống nhất hiệp thương dân chủ cử 88 vị (số ủy viên còn lại dự kiến sẽ được cử bổ sung giữa 2 kỳ Đại hội); cử Ủy viên Ban Thường trực và các chức danh trong Ban Thường trực gồm 9 vị. Ông Lê Văn Lai - Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy tiếp tục được cử giữ chức vụ Chủ tịch; 3 Phó Chủ tịch gồm các ông/bà: Trần Ngọc Thanh, Trương Thị Lộc, Trương Văn Mười và 5 vị Ủy viên Thường trực, gồm các ông/bà: Huỳnh Kim Xuân, Lê Đắc Nguyên, Lê Công Chiến, Phạm Thanh Hận, Vũ Khắc Trọng. Đến tháng 9 - 2010, nhân sự chủ chốt của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh có sự thay đổi: Ông Trương Văn Mười được điều động giữ chức vụ Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ tỉnh, ông Đinh Thái Long - Chủ tịch Ủy



Ông LÊ VĂN LAI
Chủ tịch Ủy ban MTTQ
Việt Nam tỉnh Quảng Nam
(8/2007 - 7/2014)

ban nhân dân huyện Đông Giang được Tỉnh ủy điều động về công tác tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và tại Hội nghị lần thứ 5, ngày 21 - 10 - 2010 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã hiệp thương cử giữ chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh khóa VIII; tháng 11 - 2012, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thống nhất hiệp thương cử ông Nguyễn Phi Hùng giữ chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh khóa VIII.

Sau 2 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VIII, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XX, nhiệm kỳ 2010 - 2015, khẳng định: “*Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và đoàn thể chính trị - xã hội đã phối hợp chặt chẽ với chính quyền phát động nhiều cuộc vận động, phong trào thi đua lớn, với nhiều mô hình dân vận khéo, mang lại hiệu quả thiết thực. Đặc biệt trong các đợt thiên tai, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và đoàn thể chính trị - xã hội đã giữ vai trò qua trọng trong việc động viên Nhân dân khắc phục khó khăn, ổn định sản xuất và đời sống*”. Đại hội nêu rõ: “*Tiếp tục thực hiện các Nghị quyết của Đảng về phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc; về công tác dân tộc, về công tác tôn giáo. Xây dựng giai cấp công nhân, đội ngũ trí thức, công tác thanh*

niên, công tác phụ nữ, cựu chiến binh; triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 7 về nông nghiệp - nông thôn - nông dân. Tăng cường hơn nữa công tác giáo dục chính trị và củng cố tổ chức, cán bộ các đoàn thể.”¹

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX và Nghị quyết Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh lần thứ VIII, công tác kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ; đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư thường xuyên được chú trọng. Thực hiện Kết luận số 62-KL/TW ngày 8 - 12 - 2009 của Bộ Chính trị (khóa X) về “*Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội*”, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên đã kịp thời tham mưu với các cấp ủy Đảng lựa chọn, bố trí đảm bảo số lượng cán bộ, công chức là những người có đạo đức, năng lực, được Nhân dân tín nhiệm tham gia Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội; nhiều cá nhân tiêu biểu đại diện đồng bào các dân tộc, tôn giáo, các thành phần xã hội được bổ sung, cơ cấu vào Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp. Giai đoạn 2009 - 2014, đã tổ chức hàng trăm lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác cho cán bộ Mặt trận, góp phần nâng cao năng lực hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp.

Điểm nổi bật trong đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp là tăng

1. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XX, Tam Kỳ, tháng 12 - 2010, trang 37, 75.

cường và nâng cao chất lượng công tác phối hợp thống nhất hành động với các tổ chức thành viên, các cơ quan liên quan; tập trung hướng mạnh về cơ sở, lấy khu dân cư làm địa bàn chủ yếu để triển khai các hoạt động. Định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết công tác phối hợp với chính quyền, các cơ quan liên quan, tạo điều kiện cho các bên thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình; đồng thời phối hợp đẩy mạnh công tác giám sát và các hoạt động khác làm cho hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày càng phong phú và đa dạng; luôn lắng nghe, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân để kịp thời phản ánh với các cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo sự đồng thuận cao trong xã hội; tổ chức quán triệt các quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc, về Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam; về công tác dân tộc, công tác tôn giáo; Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chỉ thị số 03 - CT/TW của Bộ Chính trị về *“Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”*... Đặc biệt, tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12 - 12 - 2013 của Bộ Chính trị ban hành *Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội*, Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12 - 12 - 2013 của Bộ Chính trị ban hành *Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền*.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thành lập được 4 Hội đồng tư vấn (Dân chủ - Pháp luật; Kinh tế - xã hội; Dân tộc - Tôn giáo; Đối ngoại nhân dân); nhiều huyện, thành phố thành lập các Ban Tư vấn. Hoạt động của các tổ chức tư vấn góp phần quan trọng trong việc tham mưu cho Ban Thường trực Ủy ban

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp về nhiều vấn đề đề kiến nghị với Đảng, chính quyền ở tỉnh và các địa phương.

Thực hiện Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khóa VIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, cùng các tổ chức thành viên thực hiện tốt quy trình hiệp thương, thu thập ý kiến cử tri để lựa chọn, giới thiệu những người ứng cử đủ phẩm chất, năng lực, uy tín để cử tri bầu vào Quốc hội khóa XIII và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016; vận động cử tri hăng hái tham gia bầu cử và thực hiện tốt chức năng giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, góp phần tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016 trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

Theo thống kê, toàn tỉnh có 99,31% cử tri tham gia bầu cử (có 209 xã, phường, thị trấn có tỷ lệ cử tri đi bầu đạt 100%; có 12/18 huyện, thành phố có tỷ lệ cử tri đi bầu đạt 100%). Cử tri toàn tỉnh đã bầu đủ 8/13 người ứng cử, gồm các ông/bà: Nguyễn Xuân Phúc, Nguyễn Đức Hải, Lê Phước Thanh, Lê Văn Lai, Ngô Văn Minh, Phạm Trường Dân, Trần Xuân Vinh, Nguyễn Thị Tuyết Thanh. Bầu đủ 58 đại biểu trong 102 người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, nhiệm kỳ 2011- 2016. Bầu được 580 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện trong 968 người ứng cử và 6.145 đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã trong 9.584 người ứng cử. Tại kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp phối hợp hiệp thương giới thiệu để Hội đồng nhân dân tỉnh bầu 23 hội thẩm Tòa án nhân dân cấp tỉnh và 305 hội thẩm Tòa án nhân dân cấp huyện. Hằng năm, Ủy

ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã tham gia Hội đồng xét đặc xá, góp phần thực hiện tốt Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị về cải cách tư pháp.

Công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân phát huy quyền làm chủ, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền các cấp trong sạch vững mạnh, giữ vững mối quan hệ mật thiết giữa Nhân dân với Đảng và Nhà nước là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp. Giai đoạn 2009 - 2014, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; quản lý sử dụng đất đai; khiếu nại, tố cáo; giám sát đầu tư, bảo vệ môi trường... đến Nhân dân. Tăng cường công tác giám sát cán bộ, công chức, đảng viên, cơ quan Nhà nước; việc thực hiện quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, chính sách an sinh xã hội, bảo vệ môi trường..., qua đó kịp thời phát hiện những vấn đề bất cập, những vướng mắc để kiến nghị xử lý, sửa đổi, bổ sung. Tổ chức cho Nhân dân góp ý với cán bộ, đảng viên trong quá trình thực hiện cuộc vận động *“Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”* và Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) *“Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”*.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp chủ động xây dựng kế hoạch, phối hợp với Đoàn đại biểu Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức các Hội nghị tiếp xúc cử tri với đại biểu dân cử.



Lễ đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhất năm 2010

Các cuộc tiếp xúc đã có nhiều cải tiến về nội dung, hình thức, ngày càng được đông đảo cử tri tham dự. Các ý kiến, kiến nghị được tổng hợp, phản ánh với Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan Trung ương, cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp. Đặc biệt, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã tập trung phối hợp tổ chức “diễn đàn dân chủ” để Nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền như: “Nhân dân góp ý đội ngũ cán bộ, công chức”; “Công an lắng nghe ý kiến góp ý của nhân dân”; “Nhân dân góp ý xây dựng ngành Thuế”; “Nhân dân góp ý xây dựng ngành Giáo dục, Y tế”; “Nhân dân góp ý chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất”... Các hoạt động nói trên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã thể hiện rõ tinh thần phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong việc tham gia xây dựng và củng cố chính quyền ở các xã, phường, thị trấn.

Ngoài ra, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thường xuyên phối hợp với Đoàn đại biểu Quốc hội, Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp tổ chức giám sát việc thực hiện các Luật, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, giải quyết kiến nghị của cử tri; tiếp công dân; giải quyết khiếu nại, tố cáo... Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng tiếp tục được củng cố, kiện toàn. Đến đầu năm 2014, có 100% xã, phường, thị trấn có Ban Thanh tra nhân dân với 2.165 ủy viên, 196 Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng với 2.095 ủy viên. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn trực tiếp hướng dẫn, chỉ đạo các Ban Thanh tra nhân dân và Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện tốt chức năng giám sát theo quy định của pháp luật, góp phần quan trọng đảm bảo quyền làm chủ của Nhân dân ở cơ sở; đảm bảo chất lượng, hiệu quả sử dụng các công trình dự án đầu tư ở cơ sở. Qua đó, góp phần đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã, tham gia xây dựng chính quyền cơ sở ngày càng vững mạnh, vai trò, vị trí của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã tiếp tục được thể hiện và khẳng định trong hệ thống chính trị cơ sở.

Công tác tham gia xây dựng chính sách, pháp luật được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên tích cực thực hiện. Giai đoạn 2009 - 2014, tổ chức gần 1.200 hội nghị với sự tham gia trên 120.000 lượt, với trên 5.000 lượt ý kiến đóng góp về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992, Luật Đất đai sửa đổi; tham gia góp ý hàng trăm dự thảo văn bản của cấp ủy, chính quyền các cấp... Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phối hợp các Sở, ban ngành, đoàn thể ở tỉnh triển khai hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến,

giáo dục pháp luật; xây dựng kế hoạch và tổ chức quán triệt Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp. Các tổ chức thành viên, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tổ chức quán triệt trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên và hội viên ở địa phương. Hằng năm, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp tổ chức tập huấn, phát hành trên 12.000 bản tin Mặt trận đến các khu dân cư. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện, sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác Mặt trận, rút kinh nghiệm và đề ra các giải pháp để tiếp tục tăng cường xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

2. Tiếp tục phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu đưa tỉnh Quảng Nam sớm trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại

Quán triệt và thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc, thông qua các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động trong các giới, các ngành, diễn ra trên khắp mọi địa bàn, trên mọi lĩnh vực của đời sống chính trị - xã hội, công tác Mặt trận đã đạt được nhiều thành tựu.

Nhân ngày thành lập Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam 18 - 11 hằng năm, có trên 95% khu dân cư toàn tỉnh tổ chức “*Ngày hội đại đoàn kết toàn dân tộc*” với nhiều nội dung phong phú, thiết thực, sôi nổi. Qua đó, tinh thần và sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy và củng cố vững chắc. Ngày hội đã thu hút nhiều cán bộ, đảng viên, các cấp lãnh đạo có dịp gần gũi, cùng sinh hoạt với Nhân dân, góp phần nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong cộng đồng và xã hội.

Trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên tích cực vận động Nhân dân thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ; hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; các phong trào sản xuất, kinh doanh giỏi, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm; đẩy mạnh phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại; khôi phục phát triển ngành nghề và các làng nghề truyền thống, phát triển kinh tế thủy, hải sản, mở rộng dịch vụ chế biến; tăng cường đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ, thương mại; triển khai xây dựng các khu, cụm công nghiệp; thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực văn hóa - xã hội, phát triển giáo dục - đào tạo, y tế; giải quyết việc làm, bảo vệ môi trường, phòng chống các tệ nạn xã hội; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đặc trưng văn hóa Quảng Nam, bảo tồn các khu di tích lịch sử, văn hóa cấp tỉnh, cấp quốc gia và các di sản văn hóa thế giới.

Đây cũng là thời kỳ mà quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh diễn ra khá mạnh mẽ, nhất là trong việc tập trung xây dựng các khu và cụm công nghiệp, nổi bật là Khu kinh tế mở Chu Lai, Khu công nghiệp Điện Nam - Điện Ngọc..., trở thành nhân tố quyết định sự phát triển của đội ngũ công nhân trên địa bàn tỉnh cả về số lượng lẫn chất lượng. Tính đến đầu năm 2014, toàn tỉnh có trên 110.000 công nhân, viên chức, người lao động có mặt trong tất cả các loại hình kinh tế, cũng là lực lượng tạo ra các giá trị tăng trưởng hằng năm cao nhất, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Các phong trào thi đua “*Lao động giỏi, lao*

động sáng tạo” gắn với cuộc vận động xây dựng người cán bộ, công chức, viên chức “*Trung thành, sáng tạo, tận tụy, gương mẫu*” do Công đoàn tổ chức đã tạo nên bầu không khí thi đua sôi nổi trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

Đội ngũ doanh nhân tỉnh Quảng Nam ngày càng lớn mạnh, toàn tỉnh có gần 4.400 doanh nghiệp, trong đó doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm tỷ lệ 92%. Đội ngũ này vừa đóng vai trò xung kích trong sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế; vừa tích cực tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện. Mặc dù có những khó khăn do biến động về tình hình kinh tế thế giới và trong nước, nhưng với những chủ trương, chính sách hỗ trợ kịp thời của tỉnh, nhất là sự nỗ lực vươn lên của các doanh nghiệp đã giữ vững sản xuất, kinh doanh, bảo đảm việc làm cho người lao động, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Giai cấp nông dân mặc dù vẫn còn chiếm trên 75% dân số toàn tỉnh, nhưng từng bước được trang bị những kiến thức mới về khoa học - kỹ thuật để ứng dụng trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và các ngành dịch vụ khác. Đặc biệt, thông qua các phong trào thi đua như “*Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững*”; “*Nông dân thi đua xây dựng nông thôn mới*” ..., do Hội Nông dân tổ chức đã xuất hiện nhiều gương nông dân sản xuất kinh doanh giỏi, điển hình tiên tiến, tổ chức Hội xuất sắc, tạo nên những chuyển biến tích cực ở nông thôn.

Các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Quảng Nam tích cực đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước; thực hiện bình đẳng giới, điển hình như phong trào “*Phụ nữ tích cực học tập, lao*

động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc” và 2 cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”, “Rèn luyện phẩm chất đạo đức tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang” với các hoạt động đa dạng, phong phú, thiết thực, những gương mặt tiêu biểu của nữ giới, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ sự nghiệp bình đẳng giới và phát triển của phụ nữ Quảng Nam.

Cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang cùng toàn Đảng, toàn dân giữ vững an ninh quốc phòng, tạo môi trường ổn định để phát triển kinh tế, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; góp phần quan trọng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, quê hương. Tổ chức Hội Cựu chiến binh với trên 34.000 hội viên, tiếp tục đẩy mạnh các phong trào *“Cựu chiến binh gương mẫu”*; *“Cựu chiến binh giúp nhau giảm nghèo làm kinh tế giỏi”*..., có nhiều đóng góp quan trọng trong các phong trào thi đua của tỉnh.

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có trên 170.000 hội viên Hội Người cao tuổi, tích cực tham gia các phong trào *“Ông bà, cha mẹ mẫu mực; con cháu thảo hiền”* *“Tuổi cao gương sáng”*..., góp phần động viên thế hệ trẻ phấn đấu vươn lên trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; cùng với các phong trào của Hội Chữ thập đỏ, Hội Từ thiện, Hội Khuyến học, Hội Cựu thanh niên xung phong, Hội Nạn nhân chất độc da cam và các tổ chức thành viên khác của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã tạo nên tinh thần, khí thế thi đua sôi nổi trong nhiều lĩnh vực, góp phần tạo nên những thành tích to lớn.

Lực lượng thanh niên toàn tỉnh có trên 560.000 thanh niên (trong đó đoàn viên trên 100.000, hội viên trên 150.000 người), đầy nhiệt huyết và khát vọng vươn lên trong học tập, lao động, nghiên cứu khoa học; hăng hái tham gia các phong

trào hành động cách mạng, như “*Xung kích tham gia phát triển kinh tế xã hội và bảo vệ Tổ quốc*”, “*Đồng hành với thanh niên lập thân, lập nghiệp*”..., do Đoàn thanh niên phát động đã thể hiện được vai trò tiên phong, xung kích của người thanh niên trên nhiều lĩnh vực, có những đóng góp nhất định trong công cuộc xây dựng quê hương.

Đặc biệt, với quan điểm coi trọng đội ngũ trí thức, xem đây là nguồn lực quan trọng để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập kinh tế thế giới. Giai đoạn 2009 - 2014, song song với việc tăng cường đầu tư cho sự nghiệp y tế, giáo dục, khoa học - công nghệ, văn học - nghệ thuật; tỉnh còn ban hành cơ chế bồi dưỡng, đào tạo, thu hút nhân tài..., nhằm góp phần xây dựng đội ngũ trí thức. Tính đến năm 2014, toàn tỉnh có trên 14.000 người có trình độ đại học, trên 800 người có trình độ sau đại học, tập trung chủ yếu ở 2 lĩnh vực cơ bản là Giáo dục và Y tế. Mặc dù chưa có nhiều sáng kiến, kết quả nghiên cứu khoa học mang tính đột phá, nhưng đội ngũ trí thức của tỉnh cũng đã có nhiều cố gắng trong việc tìm tòi, nghiên cứu, sáng tạo, ứng dụng các tri thức vào các lĩnh vực quản lý, điều hành; xây dựng và triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội; phổ biến những thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất và đời sống; thực hiện các hoạt động tư vấn và phản biện khoa học; liên kết, hợp tác khoa học với các tỉnh bạn và các đối tác nước ngoài...

Đồng bào các dân tộc thiểu số của tỉnh luôn giữ vững truyền thống cách mạng, yêu nước, kính yêu Bác Hồ và tích cực tham gia vào các chủ trương phát triển kinh tế xã hội. Thực hiện Chỉ thị số 06/2008/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về “*Phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu*

số trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, nhiều địa phương tổ chức quán triệt, biểu dương, lựa chọn 383 người hưởng chế độ, chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với người có uy tín trong đồng bào các dân tộc thiểu số. Ngoài ra, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp vận động đồng bào tích cực lao động sản xuất, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn thuộc chương trình 134, 135, 30a..., cùng với sự hỗ trợ của các cơ quan, doanh nghiệp, các nhà hảo tâm góp phần ổn định đời sống đồng bào các dân tộc.

Các chức sắc, tu sĩ, đồng bào đạo Phật giáo, Thiên Chúa giáo, Tin Lành, Cao Đài; trong đó lớn nhất là Phật giáo, với 280 cơ sở thờ tự, trên 500 tăng, ni và trên 100.000 tín đồ; 17 nhà thờ Thiên Chúa giáo, với trên 20 linh mục và hơn 24.000 giáo dân. Hầu hết các chức sắc, chức việc, đồng bào có đạo sống và thực hiện tốt nghĩa vụ công dân; phấn khởi, tin tưởng vào sự nghiệp đổi mới của đất nước và các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Các tôn giáo luôn đồng hành cùng dân tộc, hành đạo theo pháp luật, tham gia phát triển kinh tế - xã hội; công tác từ thiện, nhân đạo; xây dựng đời sống văn hóa, góp phần củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở tỉnh. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trong tỉnh đã phối hợp với chính quyền hướng dẫn, tạo điều kiện cho chức sắc tôn giáo, bà con có đạo thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước. Phối hợp với các cơ quan tổ chức thành công Đại hội đại biểu Phật giáo tỉnh lần thứ IV, nhiệm kỳ 2012 - 2017; Đại hội những người Công giáo Việt Nam xây dựng và bảo vệ Tổ quốc lần thứ VI, nhiệm kỳ 2013 -2018..., góp phần xây dựng mối quan hệ giữa tôn giáo với chính quyền và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày càng trở nên tốt đẹp.

Bà con quê hương Quảng Nam làm ăn, sinh sống và học tập ở mọi miền Tổ quốc, nhất là tại thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và một số địa phương khác có nhiều hoạt động hướng về quê nhà. Tổ chức Hội đồng hương ở các địa phương đã trở thành tổ ấm cho những người con xa xứ và là chiếc cầu nối giữa bà con xa quê với Nhân dân trong tỉnh. Chưa kể, Quảng Nam còn có trên 10.000 kiều bào đang định cư trên khắp thế giới và tiếp tục có những đóng góp quan trọng cho quê hương, đất nước, ủng hộ chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng và Nhà nước ta.

Đề cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”* ngày càng đi vào chiều sâu, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh tham mưu Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 21/CT-TU; phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình hành động số 1640/QĐ-UBND về việc đẩy mạnh Cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”* trong giai đoạn mới; biên soạn và phát hành trên 2.000 cuốn tài liệu hướng dẫn nâng cao chất lượng cuộc vận động ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; chỉ đạo xây dựng 10 xã điểm văn hóa nông thôn mới thực hiện mô hình *“5 đoàn kết - 3 trong sạch”*. Từ năm 2011 đến năm 2014, toàn tỉnh có 280 khu dân cư triển khai thực hiện mô hình. Với những cách làm sáng tạo, huy động sức dân chung tay xây dựng nông thôn mới đã có trên 68.000 ngày công lao động tham gia làm đường giao thông, kiên cố hóa kênh mương; Nhân dân hiến hàng trăm hecta đất, tháo dỡ hàng ngàn công trình, vật kiến trúc để làm đường giao thông; *“Dồn điền đổi thửa”* gần 5.000 hecta đất nông nghiệp để xây dựng cánh đồng mẫu..., với tổng giá trị đóng góp của Nhân dân trên 340 tỷ đồng.

Đến cuối năm 2013, toàn tỉnh có 797/1.719 khu dân cư đạt chuẩn văn hóa (46,36%), 313.368/377.056 hộ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa (83,11%); 634/4.351 tộc văn hóa; trên 90% khu dân cư có nhà sinh hoạt cộng đồng. Cùng với đẩy mạnh công tác tuyên truyền, khơi dậy truyền thống hiếu học trong mỗi gia đình, cộng đồng, hoạt động khuyến học các cấp được duy trì và phát triển. Giai đoạn 2009 - 2014, quỹ khuyến học toàn tỉnh vận động được trên 200 tỷ đồng, tổ chức cấp học bổng, khen thưởng học sinh, sinh viên, nhất là các em con nhà nghèo vượt khó học giỏi, góp phần đẩy mạnh hiệu quả công tác khuyến học, khuyến tài tại các địa phương.

Vấn đề xây dựng và nhân rộng mô hình khu dân cư “*Thực hiện hài hòa xóa đói giảm nghèo và bảo vệ môi trường*”, được Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh chọn 6 khu dân cư để xây dựng điểm. Đến năm 2014, có 398/752 khu dân cư có điểm thu gom rác thải đúng quy định, 387 khu dân cư có đội tự quản về môi trường, trên 500 khu dân cư sử dụng nguồn nước sạch...

Cuộc vận động “*Ngày vì người nghèo*” được triển khai đồng bộ với sự tham gia của cả hệ thống chính trị và sự hưởng ứng của đông đảo các tầng lớp nhân dân. Qua 5 năm, tổng các nguồn lực vận động trên 700 tỷ đồng. Từ nguồn quỹ đã hỗ trợ làm mới và sửa chữa trên 30.000 ngôi nhà cho người nghèo; hàng ngàn trường hợp được hỗ trợ sản xuất, học tập, chữa bệnh, trợ cấp khó khăn... Đến năm 2014, toàn tỉnh được Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp *Bằng ghi công*, công nhận xóa xong nhà dột nát cho hộ nghèo.

Cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*”, tiếp tục được các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận

Tổ quốc Việt Nam quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo; phối hợp với các doanh nghiệp triển khai chương trình đưa hàng Việt Nam về nông thôn, tổ chức Hội chợ hàng Việt, hội chợ hàng tiêu dùng, Hội chợ hàng khuyến mại..., qua đó làm cho thị trường hàng hóa nông thôn sôi động, Nhân dân phấn khởi, tin dùng. Tổng doanh thu mỗi năm trên hàng chục tỷ đồng.

Phong trào *“Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”* tiếp tục được đẩy mạnh, hằng năm Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Công an, Bộ đội biên phòng và các tổ chức thành viên tiếp tục thực hiện Nghị quyết liên tịch về *“Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới”*; tổ chức hội nghị biểu dương những điển hình tiên tiến; gặp gỡ động viên người làm lỗi; tổ chức ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, ngày hội Quốc phòng toàn dân và Biên phòng toàn dân...; mở rộng các mô hình khu dân cư *“Tự phòng, tự quản, tự bảo vệ, tự hòa giải”*; *“Ánh sáng đường làng”*, *“Trong nhà gỗ mờ, ngoài ngõ sáng đèn”*; *“Tiếng mõ bình yên”*; *“Tiếng keng canh phòng”*; *“Tổ tự quản đường biên cột mốc”*; *“Tổ tàu thuyền bến bãi an toàn”*... Đặc biệt, ngày 2 - 5 - 2014, khi Trung Quốc đưa giàn khoan Hải Dương - 981 vào khoan thăm dò ở các vị trí nằm sâu trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa của Việt Nam và cách bờ biển nước ta từ 130 đến 150 hải lý. Hành động này đã xâm phạm nghiêm trọng các quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam theo Công ước của Liên hiệp quốc về Luật Biển năm 1982, vi phạm thỏa thuận của lãnh đạo cấp cao hai nước về không mở rộng, làm phức tạp tình hình biển Đông, bị dư luận quốc tế và trong nước lên án gay gắt. Trước tình hình trên, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam đã kịp thời phối hợp với Ủy ban

nhân dân tỉnh và đoàn thể tỉnh tổ chức Lễ phát động ủng hộ ngư dân và các lực lượng bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

Phát huy truyền thống “*Uống nước nhớ nguồn*”; “*Đền ơn, đáp nghĩa*” chăm lo đời sống của thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ, người có công. Hằng năm, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp xây dựng kế hoạch vận động Quỹ đền ơn đáp nghĩa. Qua 5 năm, với sự góp sức của tổ chức Mặt trận các cấp, toàn tỉnh đã vận động gần 70 tỷ đồng, xây dựng và hỗ trợ sửa chữa trên 8.000 ngôi nhà tình nghĩa, trên 10.000 ngôi nhà cho đối tượng chính sách và tặng gần 4.000 sổ tiết kiệm cho người có công. Ngoài ra, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp cùng với các tổ chức thành viên vận động đóng góp xây dựng đền tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ ở các địa phương, tu bổ nhà tình nghĩa đã xuống cấp, tổ chức quy tập hài cốt liệt sĩ, thăm hỏi các gia đình đối tượng chính sách.

Thực hiện Nghị định 64/2008/NĐ-CP của Chính phủ về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ nạn nhân khắc phục khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn... Từ năm 2009 đến năm 2013, Ban Cứu trợ tỉnh và các huyện, thành phố vận động các tổ chức, cá nhân ủng hộ hàng trăm tỷ đồng, hàng trăm tấn hàng hóa các loại, kịp thời giúp đỡ bà con bị thiệt hại. Cạnh đó, Ban Cứu trợ các cấp cũng vận động Nhân dân đóng góp ủng hộ Nhân dân các nước Nhật Bản, Trung Quốc, Cu Ba, Myanmar bị thiệt hại do thiên tai.

Công tác đối ngoại nhân dân tiếp tục được đẩy mạnh với nhiều hình thức phong phú, góp phần mở rộng quan hệ hợp tác với các nước, thu hút đầu tư, phát triển du lịch, dịch vụ, thương mại, tranh thủ các nguồn tài trợ của các tổ chức phi chính phủ và sự đóng góp của kiều bào, Ủy ban Mặt trận Tổ

quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với chính quyền, Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị đón nhiều đoàn khách nước ngoài đến thăm, làm việc; tổ chức các Lễ hội truyền thống, giao lưu như Lễ hội giao lưu Hội An - Nhật Bản lần thứ X, “*Gặp gỡ giao lưu truyền thống Đoàn kết Hữu nghị Việt - Lào*” nhân kỷ niệm 50 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao (5/9/1962 - 5/9/2012) và 35 năm ngày ký Hiệp ước Hữu nghị Hợp tác Việt Nam - Lào (18/7/1977 - 18/7/2012)... Ngoài ra bình quân mỗi năm, tỉnh tiếp nhận trên 50 dự án của các tổ chức quốc tế, các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam, các tổ chức phi chính phủ với tổng giá trị hàng trăm tỷ đồng; tạo điều kiện cho các đoàn tình nguyện viên đến thực hiện công tác từ thiện, nhân đạo; đồng thời tổ chức đoàn tình nguyện viên của tỉnh sang tỉnh Sê Kông (Lào) khám bệnh, phát thuốc miễn phí và cấp học bổng cho học sinh. Bộ đội Biên phòng tỉnh tổ chức nhiều hoạt động xây dựng biên giới chung giữa hai nước hòa bình, hữu nghị, hợp tác; tổ chức kết nghĩa các cụm dân cư hai bên biên giới tạo mối quan hệ thân mật, gần gũi, giúp đỡ nhau giữa đồng bào các huyện vùng biên.

3. Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ IX - Quyết tâm xây dựng tỉnh Quảng Nam cơ bản thành tỉnh công nghiệp vào năm 2020, vì mục tiêu: “*Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*” (2014 - 2015)

Từ ngày 16 đến ngày 17 - 7 - 2014, tại thành phố Tam Kỳ đã diễn ra Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ IX, nhiệm kỳ 2014 - 2019, với sự tham gia của 250 đại biểu chính thức và 150 đại biểu khách mời đại diện cho các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, các cá nhân tiêu

biểu của các giai cấp, các tầng lớp nhân dân, các tôn giáo, các dân tộc, các vị nhân sĩ trí thức, các doanh nhân doanh nghiệp tiêu biểu.

Đại hội đã thông qua Báo cáo đánh giá tình hình, kết quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam khóa VIII, nhiệm kỳ 2009 - 2014; Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam, nhiệm kỳ 2014 - 2019 với chủ đề *“Tiếp tục phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam, quyết tâm xây dựng tỉnh nhà cơ bản thành tỉnh công nghiệp vào năm 2020, góp phần cùng cả nước hoàn thành thắng lợi mục tiêu: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”*; thông qua Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Báo cáo chính trị của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khóa VII trình Đại hội đại biểu toàn quốc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ VIII và ý kiến góp ý sửa đổi, bổ sung dự thảo Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khóa VIII.

Báo cáo đánh giá tình hình, kết quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam khóa VIII, nhiệm kỳ 2009 - 2014 khẳng định: *“5 năm qua, những thành tựu trên các lĩnh vực đã đánh dấu bước phát triển không ngừng về mọi mặt của tỉnh, trong đó có sự đóng góp tích cực của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc trong việc tập hợp và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc đã trở thành nhân tố quan trọng trong việc thi đua hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm an ninh quốc phòng; cải thiện và nâng cao đời sống Nhân dân”*¹.

1. Kỷ yếu Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ IX (nhiệm kỳ



*Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Đức Hải tặng bức trướng
tại Đại hội MTTQ Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ IX*

Về phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, nhiệm kỳ 2014 - 2019, Đại hội xác định: “*Tiếp tục phát huy mạnh mẽ vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên các cấp, tăng cường củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tỉnh, hướng mạnh về cơ sở triển khai các cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; “Ngày vì người nghèo” và “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”.* Đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, huy động sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc để vượt qua những khó khăn, thử thách về kinh tế - xã hội; nâng cao hiệu quả các hoạt động giám sát và phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh; thực hiện dân chủ, tăng cường

2014 - 2019), Quảng Nam, tháng 9 - 2014, trang 33.

đồng thuận xã hội. Không ngừng xây dựng và củng cố về tổ chức, đổi mới hơn nữa nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong giai đoạn mới”¹.

Chương trình hành động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, nhiệm kỳ 2014 - 2019 xác định 5 nội dung trọng tâm cần tập trung thực hiện, đó là: Đa dạng hóa các hình thức tập hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc vì mục tiêu xây dựng Quảng Nam cơ bản thành tỉnh công nghiệp vào năm 2020; tiếp tục đẩy mạnh các cuộc vận động, các phong trào thi đua yêu nước thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của địa phương; đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết giữa cấp ủy Đảng, chính quyền với Nhân dân; mở rộng và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại nhân dân; kiện toàn tổ chức, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, Ban công tác Mặt trận ở các khu dân cư².

Đại hội hiệp thương và thống nhất cử Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh khóa IX, gồm 89 vị; cử Ban Thường trực và các chức danh trong Ban Thường trực gồm 8 vị. Ông Võ Xuân Ca - Tỉnh ủy viên (ngày 20/11/2014 được bổ sung vào Ban Thường vụ Tỉnh ủy) được cử giữ chức vụ Chủ tịch; 2 Phó Chủ

1. *Kỷ yếu Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ IX (nhiệm kỳ 2014 - 2019)*, trang 36 - 37.

2. *Kỷ yếu Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam lần thứ IX (nhiệm kỳ 2014 - 2019)*, trang 38 - 45.



Ông VÕ XUÂN CA
*Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam
tỉnh Quảng Nam
(từ tháng 7-2014 đến nay)*

tịch gồm các ông: Nguyễn Phi Hùng, Nguyễn Văn Long và 5 vị Ủy viên Thường trực, gồm các ông/bà: Huỳnh Thị Mỹ Lệ, Lê Thị Như Thủy, Lê Công Chiến, Hồng Thị Nga, Nguyễn Thị Thanh Thu. Tháng 7 - 2015, tại Hội nghị lần thứ 4, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã tổ chức hiệp thương cử bổ sung 2 Ủy viên Thường trực đó là các ông/bà Lê Thái Bình, Nguyễn Thị Thanh Phương. Đồng thời hiệp thương bầu ông Lê Thái Bình giữ chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh khóa IX.

Thực hiện Chương trình hành động do Đại hội đề ra, từ năm 2014 đến năm 2015, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác thông tin, tuyên truyền tư tưởng, quan điểm đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hiến pháp năm 2013, Quyết định 217, 218-QĐ/TW ngày 12 - 12 - 2013 của Bộ Chính trị khóa XI về giám sát, phản biện xã hội; góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; các chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh đến đoàn viên, hội viên, cán bộ, đảng viên và

các tầng lớp nhân dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của truyền thống đoàn kết, từ đó phát huy tinh thần và sức mạnh đoàn kết để tham gia xây dựng tỉnh nhà ngày càng phát triển.

Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” theo từng chủ đề, nhiệm vụ, nội dung cụ thể để tạo sự chuyển biến rõ nét trong mỗi hành động, việc làm của đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp gắn với thực hiện nghiêm túc 6 tiêu chí “*Rèn luyện tư cách người cán bộ Mặt trận*” do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quy định.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp cùng các tổ chức thành viên tăng cường xây dựng, phát động các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, tập hợp đông đảo đoàn viên, hội viên và các thành phần, lực lượng trong xã hội thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng trên địa bàn toàn tỉnh. Qua nhiều hình thức tăng cường tiếp xúc, đối thoại với các thành phần xã hội và các tầng lớp nhân dân để nắm bắt tâm tư, nguyện vọng chính đáng đề xuất với các cấp ủy Đảng, chính quyền. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam làm tốt vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân. Đặc biệt, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên đã tăng cường mở rộng tổ chức, tập hợp đông đảo các vị có uy tín trong mọi thành phần xã hội, dân tộc, tôn giáo vào các tổ chức của mình; xây dựng đội ngũ cộng tác viên, phát huy vai trò của nhân sĩ, trí thức, doanh nhân tiêu biểu, đội ngũ làm công tác khoa học tham gia góp ý các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước.



*Gặp mặt lãnh đạo Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Quảng Nam
qua các nhiệm kỳ*

Phát huy vai trò của Ủy ban đoàn kết Công giáo tỉnh; Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo tỉnh, Hội Thánh Tin Lành, Cao Đài..., các giáo xứ, giáo họ, họ đạo để củng cố và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; giữa các tôn giáo, giữa người có đạo và không có đạo, cùng góp sức chăm lo cải thiện đời sống Nhân dân. Vận động đồng bào có đạo thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước nói chung và về tôn giáo nói riêng, hoàn thành nghĩa vụ công dân, tích cực tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện, các phong trào xây dựng “Xứ họ đạo tiên tiến”; “Gia đình tín đồ tiêu biểu”; “Sống tốt đời, đẹp đạo”..., phối hợp triển khai và giám sát việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách về tín ngưỡng, tôn giáo để tham mưu với Đảng, chính quyền giải quyết theo đúng chính sách, pháp luật.

Phát huy vai trò người có uy tín trong đồng bào các dân tộc trong việc tuyên truyền, vận động, tập hợp khối đại đoàn

kết, hỗ trợ lẫn nhau; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc; tuyên truyền vận động bà con xóa bỏ các tập tục lạc hậu. Kịp thời ngăn chặn những hành động sai trái tác dụng xấu đến tư tưởng, tâm lý, đời sống của đồng bào các dân tộc. Định kỳ tổ chức các hội nghị chuyên đề, các cuộc gặp mặt đông viên, biểu dương khen thưởng những cá nhân tiêu biểu trong cộng đồng các dân tộc.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các địa phương tiếp tục triển khai Nghị quyết 36/NQ-TW của Bộ Chính trị về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài. Nhân dịp Tết cổ truyền của dân tộc; các ngày lễ, kỷ niệm trọng đại của quê hương, đất nước, tổ chức các cuộc gặp mặt thân mật với đồng bào ta ở nước ngoài về thăm quê, trao đổi các chủ trương, chính sách mới đối với người Việt Nam ở nước ngoài; vận động bà con Quảng Nam ở khắp nơi trong nước và nước ngoài hướng về quê hương, đem hết khả năng, tài lực, trí lực góp phần xây dựng quê hương.

Tiếp tục thực hiện Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội ban hành theo Quyết định số 217-QĐ/TW và Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo Quyết định 218 - QĐ/TW của Bộ Chính trị; phát huy vai trò của các tổ chức tư vấn, ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp; các chuyên gia trên các lĩnh vực để tổ chức phản biện đối với dự thảo các chủ trương, chính sách của Đảng và dự thảo các đề án, chương trình, văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước; tổ chức giám sát chặt chẽ việc thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật; đồng thời tăng cường giám



Ông Võ Xuân Ca - Ủy viên BTV Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh chủ trì Hội nghị lấy ý kiến các chức sắc tôn giáo về chính sách tín ngưỡng, tôn giáo

sát hoạt động của cơ quan Nhà nước, cán bộ, công chức, đảng viên, đại biểu dân cử..., gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa (XI) “*Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay*” và thực hiện Chỉ thị 03- CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Tích cực đấu tranh ngăn ngừa những biểu hiện vi phạm quyền dân chủ, tham nhũng, lãng phí..., của một số bộ phận cán bộ, công chức thoái hóa, biến chất. Triển khai các chương trình giám sát của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam như: Phối hợp rà soát việc thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng; tham gia giám sát việc thực hiện chế độ bảo hiểm đối với người lao động trong các doanh nghiệp; việc thực hiện pháp luật trong sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp; việc chấp hành pháp luật của các cơ

sở y tế ngoài công lập; việc quy hoạch, xây dựng và vận hành các hồ thủy điện, thủy lợi gắn với công tác tái định cư, đảm bảo đời sống và sản xuất của Nhân dân vùng bị ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Năm 2015, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tổ chức tổng kết 20 năm thực hiện cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”* gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, 15 năm triển khai cuộc vận động *“Ngày vì người nghèo”* và tổ chức phát động triển khai cuộc vận động mới *“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”*.

Ngày hội *“Đại đoàn kết toàn dân tộc ở khu dân cư”* được tổ chức ngày càng chu đáo, nghiêm túc ở phần lễ, sôi động, vui vẻ, đoàn kết ở phần hội; thật sự là ngày hội của toàn dân. Điểm mới trong việc tổ chức ngày hội là Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các địa phương sắp xếp, bố trí thời gian, địa điểm để các đồng chí lãnh đạo Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp về tham dự ngày hội với bà con Nhân dân ở mỗi khu dân cư. Đây là dịp để cán bộ lãnh đạo các cấp gặp gỡ, nắm bắt tình hình đời sống Nhân dân, chia sẻ tình cảm, thắt chặt mối liên hệ mật thiết với Nhân dân; lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của Nhân dân. Tập trung xây dựng và phát huy các mô hình, điển hình trong các phong trào do các tổ chức thành viên phát động như: *“Ông bà cha mẹ mẫu mực, con cháu thảo hiền”*, *“Gia đình nghèo vượt khó”*; *“Khu phố, thôn xóm bình yên”*; *“Tộc họ hiếu học”*..., làm đòn bẩy thúc đẩy cuộc vận động, tạo sự phát triển mới để nâng cao chất lượng thực chất các phong trào. Hằng năm, số gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa, tộc văn hóa, xã đạt chuẩn nông thôn

mới; phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị..., đều tăng so với giai đoạn trước.

Các hoạt động “*Vì người nghèo*” tiếp tục được triển khai đồng bộ, gắn với việc thực hiện các chương trình mục tiêu của Nhà nước; chăm lo các đối tượng chính sách, gia đình thương binh, liệt sĩ, Mẹ Việt Nam anh hùng, nạn nhân chất độc da cam dioxin, người cao tuổi... Cạnh đó, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp còn thường xuyên phối hợp với chính quyền, các tổ chức thành viên, các cơ quan thông tấn báo chí vận động các doanh nghiệp, các nhà hảo tâm, các tôn giáo và tranh thủ các nguồn hỗ trợ của chính quyền, các tỉnh bạn, các tổ chức nước ngoài..., để tập trung giúp đỡ người nghèo và các đối tượng chính sách. Cùng thời gian này, mỗi tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đều tập trung triển khai thực hiện nhiệm vụ “*Vì đoàn viên, hội viên, thành viên nghèo*” và vận động một số đối tượng, khi đã đủ điều kiện tự nguyện đăng ký phần đầu thoát nghèo hằng năm, tập trung thực hiện chủ trương giảm nghèo bền vững qua các hình thức hỗ trợ về phương tiện sinh kế, vốn sản xuất, kinh doanh, quan tâm vấn đề về nhà ở, học hành, khám chữa bệnh cho người nghèo, góp phần đặc lực vào việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu về an sinh xã hội của tỉnh.

Đồng thời, tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng cuộc vận động “*Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam*” thông qua nhiều hình thức tuyên truyền, vận động, phối hợp với các ngành liên quan tổ chức nhiều hoạt động thiết thực, tạo nên những chuyển biến rõ nét trong Nhân dân về tâm lý, thói quen ưu tiên dùng hàng Việt Nam, đồng thời đẩy mạnh việc sản xuất, kinh doanh ở các địa phương.

Năm 2015, các cuộc vận động lớn do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện đều đạt hiệu quả thiết thực. Đặc biệt, phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” đạt nhiều kết quả có ý nghĩa quan trọng, góp phần tích cực phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh của tỉnh. Thực tiễn khẳng định phong trào thực sự đi vào cuộc sống, trở thành phong trào thi đua yêu nước rộng lớn có sức lan tỏa trong các tầng lớp Nhân dân, mang lại những thành tựu kinh tế - xã hội to lớn, toàn diện và sâu sắc¹. Đời sống kinh tế của các thôn - khối phố văn hóa có sự phát triển đáng kể, hằng năm đã giúp hàng nghìn hộ phần đầu thoát nghèo, nhiều hộ gia đình vươn lên làm giàu chính đáng. Môi trường cảnh quan kang trang sạch đẹp, đường làng ngõ xóm cơ bản được bê tông hóa, gần 100% số hộ dùng điện trong sinh hoạt và phục vụ sản xuất².

Về vận động thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn. Đến cuối năm 2015, bình quân chung số tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới (theo Bộ Tiêu chí quốc gia về xây dựng Nông thôn mới: 19 tiêu chí) là 11,5 tiêu chí/xã (240 xã), tăng 8,89 tiêu chí/xã so với năm 2010. Riêng với các xã đạt dưới 5 tiêu chí, cuối năm 2014 toàn tỉnh có đến 48 xã, tuy nhiên đến cuối năm 2015 đã giảm xuống còn 6 xã (mục tiêu kế hoạch là giảm 10 xã đạt dưới 5 tiêu chí). Huyện Phú Ninh, thị xã Điện Bàn đạt chuẩn huyện Nông thôn mới năm 2015. Nhờ vậy, diện mạo nông thôn của tỉnh Quảng Nam đã có nhiều khởi sắc và chuyển biến theo chiều hướng tích cực,

1. Tính đến cuối năm 2015, toàn tỉnh có 331.211 hộ gia đình văn hóa (đạt tỷ lệ 87,9%). Các địa phương có số lượng hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa trên 80% như Hội An 95,7%; Điện Bàn 92,9%, Tam Kỳ 90,5%, Tiên Phước 90,6%, Đại Lộc 89,3%. ... Toàn tỉnh có 1.356 thôn - khối phố văn hóa (đạt tỷ lệ 78,8%).

2. <http://www.vhntdlqnam.gov.vn>.

đời sống vật chất, tinh thần của người dân khu vực nông thôn ngày càng tăng cao. Đến cuối năm 2015, thu nhập bình quân đầu người tại nông thôn tỉnh Quảng Nam đạt 21,108 triệu đồng/người/năm, tăng 11 triệu đồng/người/năm so với năm 2010¹.

Quý vì người nghèo đã vận động được 6,097 tỷ đồng, qua đó hỗ trợ xây dựng 67 nhà đại đoàn kết và trao tặng hàng trăm phương tiện sản xuất cho người nghèo có điều kiện vươn lên thoát nghèo bền vững. Ngoài ra Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh vận động ủng hộ lực lượng chấp pháp và ngư dân làm nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo với số tiền gần hàng tỷ đồng; tiếp nhận và phân bổ hàng ngàn suất quà hỗ trợ người nghèo đón cổ truyền của dân tộc thêm đầm ấm, vui tươi.

Song song với việc xây dựng các mô hình về phát triển kinh tế, bảo vệ an ninh Tổ quốc; phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp cùng với các tổ chức thành viên, cơ quan liên quan đẩy mạnh phong trào *“Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới”*. Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; tổ chức các hoạt động để tuyên truyền về bảo vệ chủ quyền biển đảo, biên giới quốc gia, chủ quyền lãnh thổ; vận động các tầng lớp nhân dân động viên con em nhập ngũ; ủng hộ chiến sĩ nơi biên giới, hải đảo; thực hiện tốt các chính sách hậu phương quân đội; tham gia giữ gìn an ninh, trật tự, đấu tranh ngăn chặn, phòng ngừa các loại tội phạm. Thực hiện tốt chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình; bảo đảm an toàn giao thông, bảo vệ môi trường.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cấp tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động Mặt trận

1. <http://dangcongsan.vn/thoi-su/quang-nam-tong-ket-5-nam-thuc-hien-chuong-trinh-xay-dung-nong-thon-moi-374420.html>.



Hội nghị Tổng kết 20 năm cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư” (1995-2015)

theo Kết luận 62-KL/TW của Bộ Chính trị về “*Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội*”; bảo đảm đúng đủ số lượng Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp theo Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tập hợp rộng rãi các thành phần, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo, cá nhân tiêu biểu tham gia Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp. Tập trung xây dựng và kiện toàn Tổ tự quản, Tổ hòa giải ở cơ sở, mạng lưới cộng tác viên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp. Làm tốt công tác xây dựng “*Xã hội học tập*”, khuyến học, khuyến tài, vận động toàn xã hội tham gia phát triển sự nghiệp y tế, giáo dục, đào tạo; giúp đỡ các trường hợp vượt khó học giỏi; chế độ bảo hiểm y tế toàn dân, việc khám, chữa bệnh cho người nghèo, nhất là các đối tượng ở vùng sâu, vùng xa, các đối tượng chính sách, người tàn tật, nhiễm chất độc da cam, người cao tuổi.

Tham gia tổ chức các Lễ hội văn hóa nhằm quảng bá, mở rộng và nâng cao những giá trị văn hóa dân tộc và những giá trị đặc trưng văn hóa Quảng Nam; bảo vệ, tôn tạo những di sản, di tích văn hóa, lịch sử, bảo tồn, phát triển văn hóa các dân tộc; phối hợp đẩy mạnh các hoạt động thể dục thể thao phong trào, thu hút nhiều lực lượng tham gia.

Đánh giá vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội của tỉnh trong thời gian qua, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XXI khẳng định: *“Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội của tỉnh thường xuyên được kiện toàn về tổ chức; đa dạng hóa các hình thức tập hợp quần chúng; thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, đồng thời, đổi mới hoạt động hướng về cơ sở..., tạo sự đồng thuận trong xã hội; vận động thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua yêu nước...; bước đầu triển khai và thực hiện Quyết định số 217, 218 của Bộ Chính trị (khóa XI) về Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền”*.

Báo cáo Chính trị cũng chỉ ra những hạn chế, đó là: *“Phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội chưa theo kịp với sự thay đổi trong đời sống kinh tế - xã hội của Nhân dân”*. Về định hướng hoạt động trong thời gian tới, Báo cáo Chính trị nêu rõ: *“Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nhất là về công tác dân tộc, công tác tôn giáo, xây dựng giai cấp công nhân, đội ngũ trí thức, công tác thanh niên, phụ nữ, cựu chiến binh...; thực hiện tốt vai trò, chức năng giám sát, phản biện xã hội, chăm lo,*



Đoàn giám sát Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh giám sát kết quả thực hiện chính sách khuyến khích thoát nghèo bền vững 2014 - 2015

bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội. Cũng cố, kiện toàn bộ máy của Mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội phù hợp với yêu cầu ngày càng cao của công tác vận động quần chúng trong tình hình mới”¹.

Trải qua gần 20 năm, kể từ ngày chia tách tỉnh, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên đã không ngừng lớn mạnh về tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc tập hợp và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc đã trở thành nhân tố quan trọng trong việc vận động các tầng lớp nhân dân thi đua hoàn thành thắng lợi các nhiệm

1. <http://baoquangnam.vn/chinh-tri/201509/toan-van-du-thao-bao-cau-chinh-tri-trinh-dai-hoi-dai-bieu-dang-bo-tinh-lan-thu-xxi-nhiem-ky-2015-2020-637266/>.



*Ông Võ Xuân Ca - Ủy viên BTV Tỉnh ủy,
Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh tặng bằng khen
cho các Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam cấp xã tiêu biểu*

vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm an ninh quốc phòng; cải thiện và nâng cao đời sống Nhân dân. Đặc biệt, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp đã không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, đẩy mạnh các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động và chủ trì như: “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”; “Ngày vì người nghèo”; “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” đem lại những kết quả rất đáng phấn khởi. Việc tổ chức: “Ngày Hội đại đoàn kết toàn dân tộc ở khu dân cư” hằng năm đã thực sự trở thành ngày hội biểu dương sức mạnh to lớn của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, có ý nghĩa thiết thực trong việc tăng cường tình nghĩa đồng bào; động viên nhau thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Công tác giám sát việc thực thi pháp luật của các cơ quan Nhà nước và vai trò, trách nhiệm của đại biểu dân cử đã

có nhiều bước tiến so với những thập niên trước đây. Qua việc tăng cường tổ chức các “diễn đàn” góp ý cán bộ, công chức, “đôi thoại trực tiếp” giữa cán bộ với Nhân dân đã phát huy hiệu quả hơn quyền làm chủ của Nhân dân trong tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền tiến tới thực hiện quyền kiểm soát, giám sát quyền lực Nhà nước của Nhân dân. Những vấn đề liên quan đến quyền và trách nhiệm của Nhân dân được bàn bạc cụ thể, hạn chế được nhiều sai phạm của cán bộ trong quá trình thực thi nhiệm vụ, nhất là trong bối cảnh của một tỉnh vừa được chia tách còn nhiều khó khăn, lại nhanh chóng bắt tay vào việc thực hiện các công việc xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, vận động Nhân dân giải phóng mặt bằng để xây dựng các khu, cụm công nghiệp, sân bay, bến cảng, hệ thống thủy điện trên khắp mọi địa bàn, góp phần quan trọng tạo nên những bứt phá ngoạn mục của tỉnh Quảng Nam sau 20 năm tái lập.

Bên cạnh những thành tựu quan trọng nêu trên, công tác Mặt trận của tỉnh trong gần 20 năm qua cũng còn không ít hạn chế, đó là công tác giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền tuy có nhiều chuyển biến tích cực song vẫn chưa tương xứng với chức năng, nhiệm vụ được Hiến pháp, pháp luật quy định cũng như nguyện vọng của Nhân dân. Vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân chưa được phát huy đúng mức. Việc tham gia giải quyết một số vấn đề bức xúc trong Nhân dân chưa hiệu quả; sự phối hợp thống nhất hành động giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và một số tổ chức thành viên ở một số lĩnh vực chưa thường xuyên và thiếu chặt chẽ. Việc triển khai các cuộc vận động và phong trào thi có nơi chưa đạt yêu cầu,

một số địa phương Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận khu dân cư chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên cần được đánh giá, nhìn nhận một cách đầy đủ, toàn diện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp ngày càng vững mạnh, thể hiện rõ vị trí, vai trò quan trọng của mình trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thiết thực đóng góp vào hành trình xây dựng và phát triển tỉnh Quảng Nam ngày càng giàu đẹp, văn minh.

KẾT LUẬN

85 năm từ khi có Đảng (1930 - 2015), là chặng đường ngắn trong hành trình hơn nửa thiên niên kỷ của lịch sử đất Quảng, nhưng trong quãng thời gian ấy, truyền thống đại đoàn kết, đồng cam cộng khổ, tình nghĩa thủy chung, cần cù, bền bỉ lao động, nung nấu tinh thần cách mạng, không ngại gian khổ hy sinh trong đấu tranh chống kẻ thù xâm lược, bảo vệ và xây dựng quê hương đã được Nhân dân Quảng Nam phát huy cao độ, trở thành cội nguồn sức mạnh, làm nên mọi kỳ tích trên mảnh đất này.

Hiện thực lịch sử của đất Quảng cũng như cả nước trong tiến trình hình thành và phát triển đã chứng minh vị trí, vai trò hết sức quan trọng của sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trên tất cả các lĩnh vực từ kinh tế, chính trị, quân sự, đến văn hoá, xã hội... Bằng ý chí vươn lên, cùng chung lưng đấu cật, vượt qua biết bao thử thách, chỉ trong vòng mấy thế kỷ, các bộ phận cư dân Việt từ phía Bắc vào, đã biến Quảng Nam từ vùng hoang địa, sơn lam chướng khí, thiên tai, địch họa, trở thành nơi đất lành cho muôn đời con cháu an cư lạc nghiệp.

Không cam chịu sống đời nô lệ, nên khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta vào nửa sau thế kỷ XIX, bên cạnh những đội quân chính qui của triều đình, lịch sử đã từng chứng kiến các đội “*thân binh bình đồng*” của Nhân dân xứ Quảng, kéo ra tham chiến tại mặt trận Đà Nẵng, gây cho địch nhiều trận kịch chiến kinh hoàng tại Thạch Gián, Thạch Thang, Hải Châu. Cả khi triều Nguyễn đã đầu hàng thực dân Pháp, thể chế

phong kiến không còn đủ sức thu phục nhân tâm, Nhân dân trong tỉnh lại hăng hái chiến đấu dưới cờ của Nghĩa hội Quảng Nam. Quyên góp tiền bạc, ủng hộ Duy tân hội, vận động con em xuất dương học hỏi cách mạng, hưởng ứng phong trào Duy tân trong những năm 1903 - 1908, đẩy lên phong trào chống sưu cao thuế nặng (1908), tham gia khởi nghĩa Duy tân (1916), hưởng ứng phong trào đề tang Phan Châu Trinh và ân xá Phan Bội Châu... Không chỉ ở đồng bằng, những năm đầu thế kỷ XX, đồng bào các dân tộc thiểu số ở miền Tây Quảng Nam cũng liên tiếp nổi dậy chống thực dân Pháp: Năm 1905, đồng bào dân tộc Xơ Đăng kéo đến bao vây đồn Trà My, tháng 6 - 1907 đồng bào Cotu tấn công đồn An Điem (Đại Lộc), tháng 8 - 1910 nổ ra cuộc nổi dậy của đồng bào dân tộc tại 32 nóc ở Trà My..., gây cho thực dân Pháp nhiều thiệt hại.

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, thì truyền thống yêu nước, đoàn kết đấu tranh chống thực dân, phong kiến của Nhân dân Việt Nam, trong đó có Nhân dân Quảng Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, được dẫn dắt bởi tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, Người chỉ ra rằng: Trong thời đại mới, để đánh bại các thế lực đế quốc thực dân nhằm giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người, nếu chỉ có tinh thần yêu nước thì chưa đủ; cách mạng muốn thành công và thành công đến nơi, phải tập hợp được tất cả mọi lực lượng có thể tập hợp, xây dựng được khối đại đoàn kết toàn dân tộc bền vững.

Mặt khác, để quy tụ được mọi lực lượng vào khối đại đoàn kết toàn dân, cần phải có chính sách và phương pháp phù hợp với từng đối tượng. Trong từng thời kỳ, từng giai đoạn cách mạng, trước những yêu cầu và nhiệm vụ khác nhau, chính sách

và phương pháp tập hợp có thể và cần thiết phải điều chỉnh cho phù hợp với từng đối tượng khác nhau, đoàn kết dân tộc phải luôn luôn được nhận thức là vấn đề sống còn, quyết định thành bại của cách mạng, đã được vận dụng sáng tạo, phù hợp với ý Đảng lòng dân.

Chính sách Mặt trận của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt ra là để thực hiện đoàn kết toàn dân tộc. Nhờ tư tưởng nhất quán và chính sách Mặt trận đúng đắn, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xây dựng thành công khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đưa cách mạng Việt Nam giành được nhiều thắng lợi to lớn. Hồ Chí Minh viết: Đoàn kết trong Mặt trận Việt Minh, Nhân dân ta đã làm Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đoàn kết trong Mặt trận Liên Việt, Nhân dân ta đã kháng chiến thắng lợi, lập lại hòa bình ở Đông Dương, hoàn toàn giải phóng miền Bắc. Đoàn kết trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Nhân dân ta đã giành được thắng lợi trong công cuộc khôi phục kinh tế, cải tạo XHCN và trong sự nghiệp xây dựng CNXH ở miền Bắc.

Dưới ánh sáng của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc, bám sát các chủ trương về chiến lược, sách lược của Trung ương Đảng, phù hợp với từng nhiệm vụ cách mạng của mỗi thời kỳ, Đảng bộ tỉnh Quảng Nam ngay từ khi mới được thành lập (28 - 3 - 1930) đã vận dụng sáng tạo tư tưởng ấy vào thực tiễn cách mạng tại địa phương. Từ các hình thức tập hợp lực lượng quần chúng dưới các tên gọi như Hội ái hữu, Hội Cứu tế, Cứu tế đỏ, Nông hội đỏ, Công hội đỏ..., đến việc hình thành các tổ chức Mặt trận Dân tộc Thống nhất từ tỉnh đến cơ sở như Hội Phản đế đồng minh, Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương, Mặt trận Dân chủ Đông Dương, Mặt

trận Việt Minh (1930 - 1945), Mặt trận Liên Việt trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954), Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 - 1975), Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ sau giải phóng miền Nam đến nay.

Mỗi tên gọi Mặt trận Dân tộc Thống nhất qua mỗi thời kỳ lịch sử đều chói sáng những vinh quang, gắn với những sự kiện vĩ đại trên con đường phát triển của lịch sử dân tộc, đều gọi nhớ đến mối quan hệ gần gũi, mật thiết và là cầu nối giữa Đảng với các tầng lớp nhân dân. Ở Quảng Nam, từ tổ chức Hội Ái hữu, Hội Cứu tế... ra đời và hoạt động khá sôi nổi trong năm 1929 đến các tổ Cứu tế đỏ, Nông hội đỏ, Công hội đỏ xuất hiện trên hầu khắp các địa phương: Điện Bàn, Đại Lộc, Quế Sơn, Duy Xuyên... làm nòng cốt tập hợp quần chúng, nổi dậy đấu tranh trực diện với kẻ thù trong phong trào cách mạng 1930 - 1931 dưới nhiều hình thức như rải truyền đơn, treo biểu ngữ, cờ đỏ búa liềm, rồi dùng bạo lực cách mạng. Kể cả khi cách mạng bị tạm thời thoái trào, thì hầu hết những hội viên Cứu tế đỏ, Nông hội đỏ, Công hội đỏ đã chuyển trận địa đấu tranh vào nhà tù đế quốc, biến nhà tù thành trường học để trui rèn ý chí đấu tranh. Trong phong trào dân chủ 1936 - 1939, theo chủ trương của Đảng, Mặt trận Thống nhất Nhân dân phản đế Đông Dương (năm 1938 đổi thành Mặt trận Dân chủ Đông Dương) được hình thành đã công khai tập hợp lực lượng dưới nhiều hình thức khác nhau, tiến hành nhiều hoạt động như phát truyền đơn, kêu gọi ủng hộ Phan Thanh - tranh cử vào Viện Dân biểu Trung Kỳ, lấy chữ ký, đưa “*dân nguyện*” lên các phái đoàn điều tra của Pháp... Qua phong trào, Mặt trận Dân tộc Thống nhất đã trở thành chỗ dựa quan trọng để Đảng nắm lực lượng, tập dượt các giai cấp, các tầng lớp nhân dân đấu tranh. Bước vào thời kỳ

vận động giải phóng dân tộc 1939 - 1945, với tên gọi mới Mặt trận Thống nhất Dân tộc phản đế Đông Dương (gọi tắt là Mặt trận phản đế Đông Dương), rồi Mặt trận Việt Minh đã tập hợp rộng rãi mọi lực lượng dân tộc, nhất tề đứng lên xung quanh Mặt trận Dân tộc Thống nhất đấu tranh đòi quyền độc lập dân tộc ở Duy Xuyên, Điện Bàn, Thăng Bình, Quế Sơn..., vận động hàng ngàn binh lính đấu tranh không chịu xuống tàu sang Pháp làm bia đỡ đạn; và khi tình hình cách mạng đã chín muồi, thời cơ cách mạng ngàn năm đã tới, các giai cấp, tầng lớp nhân dân đã vùng lên với khí thế long trời lở đất, lật đổ ách thống trị của thực dân phong kiến, giành chính quyền.

Trong 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, nhất là từ tháng 7 - 1947, khi hình thái chiến trường Quảng Nam bị chia thành vùng tự do và vùng tạm chiếm, các cán bộ của Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt, sau đó là Mặt trận Liên Việt vẫn sát cánh cùng với các phong trào cách mạng của Nhân dân. Ở vùng tự do, các cấp Mặt trận Liên Việt tích cực vận động Nhân dân tăng gia sản xuất, đón tiếp đồng bào tản cư, tham gia dân công hỏa tuyến..., ở vùng bị tạm chiếm, vận động Nhân dân tham gia cùng bộ đội, du kích trừ gian, diệt ác phá tề. Trong kháng chiến chống Mỹ, dù chiến tranh ác liệt, nghe theo lời hiệu triệu của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, Nhân dân Quảng Nam, từ miền xuôi đến miền ngược một lòng hướng về ngọn cờ của Mặt trận và Bác Hồ kính yêu với tinh thần *“Một tác không đi, một ly không rời”*, trụ bám cùng du kích đánh giặc, nuôi giấu cán bộ, góp máu xương làm nên kỳ tích của đại thắng mùa Xuân năm 1975.

Sau ngày quê hương giải phóng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự vận động và tập hợp lực lượng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Nhân dân Quảng Nam lại hăng hái bắt tay vào công

cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh, tháo gỡ bom mìn, khai hoang phục hoá, cải tạo đồng ruộng; xây dựng những công trình thuỷ lợi Phú Ninh, Duy Sơn 2, Hồ Giang, Cao Ngạn..., làm thay đổi diện mạo kinh tế - xã hội xứ Quảng sau chiến tranh.

Từ khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới (1986), các cấp Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng, chính quyền, đưa các hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng về cơ sở, thực hiện phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*”; không ngừng kiện toàn công tác tổ chức, xứng đáng là chỗ dựa tin cậy của các tầng lớp Nhân dân trong việc thực hiện các chủ trương đường lối của Đảng; cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn tỉnh bám sát cơ sở, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của quần chúng, kịp thời đề xuất với các cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương có các giải pháp kịp thời, khuyến khích phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội; hòa giải các tranh chấp trong nội bộ Nhân dân. Đặc biệt, từ khi tỉnh Quảng Nam được tái lập, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên đã tích cực vận động các tầng lớp Nhân dân, mọi thành phần kinh tế thi đua sản xuất, đầu tư kinh doanh, tích cực xóa đói giảm nghèo và vươn lên làm giàu, song song với việc đẩy mạnh các hoạt động từ thiện, nhân đạo, khơi dậy tinh thần tương thân, tương ái trong các tầng lớp nhân dân, kể cả kiều bào ở nước ngoài; vận động các tôn giáo hướng các giá trị nhân văn vốn có vào các hoạt động xã hội, giáo dục tín đồ sống “*tốt đời đẹp đạo*”, phụng sự dân tộc và CNXH..., góp phần quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh.

Từ thực tiễn hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận Dân tộc Thống nhất tỉnh Quảng Nam trong 85 năm qua, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Một là, nắm vững tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; công tác Mặt trận phải luôn được đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động một cách mềm dẻo, linh hoạt, thích ứng với mọi biến đổi của đời sống chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Đoàn kết, gắn bó chặt chẽ nhằm phát huy sức mạnh của cộng đồng để chống thiên tai và ngoại xâm là truyền thống lâu đời của dân tộc Việt Nam. Đến thời đại Hồ Chí Minh thì đoàn kết là sức mạnh, là cội nguồn của thành công: “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công*”. Muốn thực hiện đại đoàn kết toàn dân thì phải kế thừa truyền thống yêu nước - nhân nghĩa - đoàn kết của dân tộc; phải có tấm lòng khoan dung, độ lượng với con người. Hồ Chí Minh cho rằng, “*bất kỳ ai mà thật thà tán thành hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ thì dù những người đó trước đây chống chúng ta, bây giờ chúng ta cũng thật thà đoàn kết với họ*”¹.

Tùy theo yêu cầu và nhiệm vụ cụ thể của cách mạng trong từng thời kỳ, từng giai đoạn, quần chúng Nhân dân được tập hợp vào các tổ chức Mặt trận Dân tộc Thống nhất rộng rãi với những tên gọi phù hợp, như *Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương* (năm 1938 đổi thành *Mặt trận Dân chủ Đông Dương*), *Mặt trận Việt Minh* (1941), *Mặt trận Liên Việt* (1951)..., và ngày nay là *Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*. Tuy có nhiều tên gọi khác nhau, song về thực chất, mục tiêu của các

1. *Hồ Chí Minh toàn tập, tập 7*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2000, trang 438.

tổ chức đó chỉ là một. Đó là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp rộng rãi, tập hợp đông đảo các giai cấp, các tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, đảng phái..., phấn đấu vì mục tiêu chung là độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc và tự do, hạnh phúc của Nhân dân.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam 85 năm qua đã chứng minh ý nghĩa vĩ đại của tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc. Tư tưởng cách mạng và nhân văn đó của Hồ Chí Minh trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt đường lối chiến lược của Đảng Cộng sản Việt Nam từ cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng XHCN. Tư tưởng đó của Người đã thấm sâu vào trái tim và khối óc, lý trí và tình cảm của mọi người Việt Nam yêu nước; biến thành hành động cách mạng của hàng triệu con người, tạo nên sức mạnh vô địch trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng Tổ quốc Việt Nam XHCN. Đặc biệt trong thời kỳ đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn vận dụng một cách sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc phù hợp với tình hình, yêu cầu và nhiệm vụ mới của cách mạng. Trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, Đảng ta tiếp tục khẳng định đại đoàn kết toàn dân là đường lối chiến lược, là nguồn sức mạnh và động lực chủ yếu của cách mạng Việt Nam. Đại hội IX của Đảng nhấn mạnh: *“Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo, kết hợp hài hoà các lợi ích cá nhân, tập thể và xã hội, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực của các thành phần kinh tế, của toàn xã hội”*¹. Như vậy, cùng với các động lực khác, đại đoàn kết

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2001, trang 23.

dân tộc là động lực tổng hợp, có ý nghĩa quyết định đảm bảo sự thắng lợi và bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hai là, xác định rõ mối quan hệ giữa Đảng với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, để Đảng vừa là người lãnh đạo vừa là thành viên của Mặt trận, đồng thời xây dựng mối quan hệ phối hợp chặt chẽ với chính quyền và các tổ chức thành viên.

Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên, vừa là người lãnh đạo Mặt trận. Điều đó được khẳng định trong “*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*” (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng Cộng sản Việt Nam, được thể chế hóa bằng Hiến pháp và luật hóa trong Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nhằm phát huy sức mạnh của Nhân dân, của khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Theo Hồ Chí Minh: “*Đảng lãnh đạo Nhân dân làm cách mạng, nhưng cách mạng là sự nghiệp của quần chúng Nhân dân đông đảo. Đảng lãnh đạo Nhân dân đứng lên đấu tranh tự giải phóng và xây dựng xã hội mới do mình làm chủ. Sự nghiệp ấy chỉ có thể được thực hiện bằng sức mạnh của cả dân tộc, bằng đại đoàn kết toàn dân tộc*”. Qua quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, Nhân dân ta đều nhận thức được rằng, nếu không có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo cách mạng thì không có Cách mạng Tháng Tám thắng lợi, không có kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ thành công, không có công cuộc đổi mới như ngày hôm nay. Vì vậy, Nhân dân ta thừa nhận Đảng Cộng sản Việt Nam là người lãnh đạo duy nhất của cách mạng Việt Nam. Sự thừa nhận đó là khách

quan, không tùy thuộc vào bất kỳ ý muốn và sức mạnh chủ quan nào. Ngược lại, như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn những người cộng sản Việt Nam: *“Gốc có vững, cây mới bền/ Xây lâu thắng lợi trên nền Nhân dân”*.

Hơn 85 năm qua, nhận thức sâu sắc trách nhiệm lớn lao của mình trước vận mệnh của dân tộc, của Tổ quốc, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo, chèo lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua được nhiều ghềnh thác hiểm nghèo là nhờ ở sự đồng tâm, hiệp lực của Nhân dân Việt Nam anh hùng, thông minh và đầy lòng quả cảm, nhờ ở Mặt trận Dân tộc Thống nhất Việt Nam đã gắn bó keo sơn với Đảng trong mọi thời kỳ cách mạng, lúc khó khăn sóng gió cũng như khi thắng lợi vẻ vang; cùng Đảng tập hợp toàn dân dưới ngọn cờ đại nghĩa của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại. Đảng lãnh đạo cách mạng chứ không thay dân làm cách mạng. Đảng đứng trong Nhân dân, trong giai cấp công nhân, trong Mặt trận Dân tộc Thống nhất để lãnh đạo, không thể đứng ngoài và tuyệt đối không đứng trên để lãnh đạo. Sức mạnh vĩ đại của Đảng là ở sự gắn bó máu thịt với Nhân dân. Là tổ chức chính trị, chắc chắn nhất, cách mạng nhất, là bộ tham mưu của giai cấp công nhân và của cả dân tộc, Đảng lãnh đạo xây dựng Mặt trận Dân tộc Thống nhất, đồng thời lại là thành viên của Mặt trận, Đảng lãnh đạo Mặt trận trước hết bằng việc xác định chính sách Mặt trận đúng đắn, phù hợp với từng giai đoạn, từng thời kỳ cách mạng. Muốn lãnh đạo Mặt trận, lãnh đạo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, trước hết, Đảng phải thực sự đoàn kết thống nhất. Đoàn kết trong Đảng là cơ sở vững chắc để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Sự đoàn kết trong Đảng càng được củng cố thì đoàn kết dân tộc càng được tăng cường. Đảng lãnh đạo là thực hiện vai trò tiên phong của mình bằng việc đề ra đường lối, chính sách, bằng

công tác tuyên truyền, vận động, thuyết phục, bằng tổ chức kiểm tra, bằng việc bố trí cán bộ và phát huy vai trò gương mẫu của đảng viên. Đối với Mặt trận, hiệp thương dân chủ là một nguyên tắc làm việc quan trọng. Mọi vấn đề đều phải thông qua hiệp thương dân chủ để đi đến nhất trí. Qua hoạt động trong thực tiễn có những lúc cho thấy có những việc nhân danh Mặt trận để tiến hành thì thuận hơn, hiệu quả chính trị - xã hội rõ hơn là nhân danh Đảng, như vai trò của Mặt trận Việt Minh và các Hội Cứu quốc trong cuộc vận động đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền (1941 - 1945); Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt trong hoàn cảnh đất nước “*ngàn cân treo sợi tóc*” thời kỳ sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945, khi tình thế buộc Đảng Cộng sản phải tuyên bố “*tự giải tán*” để rút vào hoạt động bí mật; Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Lãnh đạo Mặt trận, điều quan trọng nhất là lãnh đạo sự phối hợp và thống nhất hành động giữa các tổ chức thành viên, nhất là sự phối hợp giữa Mặt trận với chính quyền. Thực tế đã chỉ rõ sự phối hợp giữa các tổ chức thành viên, nhất là giữa Mặt trận với chính quyền thường rất khó nếu như người lãnh đạo Mặt trận không phải là Ủy viên Ban Thường vụ cấp ủy. Là thành viên của Mặt trận, Đảng không chỉ có trách nhiệm phải thực hiện mọi nghĩa vụ mà Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã quy định như mọi thành viên khác, mà hơn thế, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng phải là thành viên hoạt động nhất, gương mẫu nhất. Sự gương mẫu của Đảng trong mọi hoạt động của Mặt trận có tác dụng thúc đẩy các thành viên khác noi theo và tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện tốt sự nghiệp tập hợp, đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ba là, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, thắng lợi của cách mạng cũng là thắng lợi của công tác vận động quần chúng, về sự tập hợp các tầng lớp nhân sĩ, trí thức, chức sắc tôn giáo, công thương gia..., và các cá nhân tiêu biểu trong tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Sức mạnh của Đảng nằm ngay trong mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân và Nhân dân với Đảng. Hồ Chí Minh khẳng định: “Trong bầu trời không có gì quý bằng Nhân dân, trong thế giới không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của Nhân dân. Khi sức dân được huy động, được tổ chức, được tập hợp dưới sự lãnh đạo của Đảng thì thành vô địch”. “Làm việc gì cũng phải có quần chúng. Không có quần chúng thì không thể làm được... Việc gì có quần chúng tham gia bàn bạc, khó mấy cũng trở nên dễ dàng và làm được tốt”; “Để trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”, để nhắc nhở cán bộ, đảng viên về vai trò, sức mạnh của Nhân dân trong sự nghiệp cách mạng.

Trong Cách mạng Tháng Tám - 1945, Quảng Nam là một trong những địa phương giành được chính quyền sớm nhất trong cả nước, ngoài yếu tố quyết định là Tỉnh uỷ Quảng Nam không cứng nhắc ngồi chờ lệnh của Trung ương, đã dũng cảm phát động toàn dân nổi dậy giành chính quyền, còn nhờ vào sức mạnh áp đảo của quần chúng, với gậy gộc, giáo mác, xông vào các cơ quan đầu não của địch ở Hội An, sau đó lan rộng đến các huyện trong toàn tỉnh, đã là một minh chứng hùng hồn về sức mạnh và tinh thần cách mạng triệt để của người dân đất Quảng một khi được tập hợp, được giáo dục, được giác ngộ và tổ chức. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, ngoài việc vận động Nhân dân ở vùng tự do tăng gia sản xuất, mở các lớp

bình dân học vụ, bài trừ hàng ngoại hóa, giúp đỡ đồng bào tản cư nhanh chóng ổn định cuộc sống, xây dựng hậu phương vững mạnh về mọi mặt. Công tác vận động Nhân dân ở vùng tạm bị chiếm được thể hiện qua các phong trào du kích chiến tranh, phong trào toàn dân đánh giặc, mỗi làng xã là một pháo đài, mỗi người dân là một chiến sĩ; già, trẻ, gái, trai đều tham gia đánh giặc, bằng mọi thứ vũ khí thô sơ hoặc hiện đại, đánh bằng các hình thức chiến thuật, kết hợp lực lượng với trận địa chông mìn, cạm bẫy, tạo ra một hệ thống căn cứ du kích liên hoàn, từng bước đưa chiến tranh vào sát nách địch. Không những thế, Nhân dân ở các vùng tạm chiếm còn đóng góp hàng ngàn ngày công, hàng ngàn tấn lương thực, thực phẩm, thuốc men, động viên hàng ngàn con em thoát ly tham gia kháng chiến.

Trong 21 năm chống Mỹ, cứu nước, địa bàn Quảng Nam luôn là trận địa, thử thách ác liệt, các tầng lớp nhân dân luôn là đối tượng giành giật giữa ta và địch. Các khu dinh điền, khu trù mật và tiếp theo là quốc sách “Ấp chiến lược”, là một trong những kế sách quan trọng của chiến lược giành dân của địch, nhằm tách dân ra khỏi cách mạng, phá vỡ các tổ chức cách mạng. Dựa vào dân, lấy Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam và các tổ chức thành viên như Hội Nông dân giải phóng, Hội Phụ nữ giải phóng..., làm lực lượng nòng cốt, Đảng bộ đã lãnh đạo cuộc đấu tranh chống phá ấp chiến lược thu nhiều thắng lợi. Tại các đô thị và vùng ven đô ở Đà Nẵng, Hội An, Tam Kỳ và các thị trấn, phong trào đấu tranh đòi các quyền lợi dân sinh dân chủ của công nhân, tiểu thương, tiểu chủ và học sinh, sinh viên; đặc biệt là phong trào đấu tranh của tăng, ni và đồng bào Phật giáo chống chính sách kỳ thị Phật giáo của Mỹ - ngụy đã làm rối loạn hậu phương của địch, hỗ trợ cho cuộc đấu tranh quân sự giành thắng lợi. Địa bàn các

huyện miền núi phía tây của Quảng Nam, nơi sinh sống của cộng đồng các dân tộc thiểu số không chỉ là hậu phương, mà còn là căn cứ quan trọng của tỉnh và Khu 5 trong suốt các thời kỳ cách mạng.

Sau năm 1975, nhất là giai đoạn 10 năm đầu sau giải phóng, bộ mặt kinh tế - xã hội từ thành phố, thị xã đến đồng bằng, miền núi Quảng Nam có rất nhiều thay đổi. Tuy rằng mô hình các hợp tác xã công, nông, ngư nghiệp và thương mại, dịch vụ còn nhiều hạn chế; nhưng giá trị tích cực của nó trong việc tập hợp, vận động Nhân dân đi vào con đường làm ăn tập thể, đã tạo ra một sức mạnh vật chất trong công cuộc cải tạo đồng ruộng, di dời mồ mả, xây dựng các công trình thủy lợi... Ngày nay, các phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”*, *“Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”*, *“Phong trào nông dân sản xuất kinh doanh giỏi”*, *“Phong trào xây dựng nông thôn mới”*, *Phong trào xây dựng đô thị văn minh*, phong trào bê tông hoá hệ thống kênh mương nội đồng, giao thông nông thôn, giúp nhau sản xuất..., chính là sự kế tục của công tác vận động quần chúng trong điều kiện lịch sử mới, để quần chúng phát huy hết nội lực của mình trên con đường xây dựng quê hương.

Bốn là, sự phù hợp giữa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước với ý chí, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân quyết định thắng lợi của công tác vận động quần chúng.

Cũng như cả nước, khi Nhân dân Quảng Nam sống trong ách thống trị của chế độ thực dân, phong kiến thì khát vọng độc lập dân tộc là vô cùng thiêng liêng, gắn với lợi ích thiết thực, trước hết là ruộng đất, nguồn sống chính của họ. Đảng ra đời đã

đề ra khẩu hiệu “*Độc lập dân tộc và ruộng đất dân cày*”, đã đáp ứng đúng nguyện vọng của giai cấp nông dân, bộ phận đông đảo nhất của xã hội lúc bấy giờ, nên đã được đông đảo nông dân đồng tình hưởng ứng. Đó chính là cội nguồn sức mạnh, tạo nên khí thế áp đảo của Cách mạng Tháng Tám trên mảnh đất Quảng Nam. Và một khi thành quả của cách mạng đứng trước sự đe dọa của kẻ thù, thì người dân Quảng Nam lại đồng lòng theo Đảng, kiên quyết bảo vệ đến cùng. Điều đó lý giải vì sao, trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, mặc dù thực dân Pháp đã dốc sức bung ra, song đến tháng 6 - 1947 vẫn không thể nào mở rộng phạm vi chiếm đóng về phía Nam sông Bà Rén, vùng tự do rộng lớn của tỉnh được duy trì, trở thành hậu phương trực tiếp trong suốt thời gian còn lại của cuộc kháng chiến chống Pháp. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Nhân dân Quảng Nam lại chiến đấu dũng cảm để bám đất, giữ làng với tinh thần “*một tấc không đi, một ly không rời*”.

Sau năm 1975, giữa bao nhiêu bộn bề, gian khó của những năm đầu mới giải phóng, Đảng bộ, chính quyền và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam, hơn ai hết đã nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác thủy lợi đối với sự phát triển của nông nghiệp và nông dân. Vì thế, tỉnh Quảng Nam chủ trương phát triển thủy lợi và đẩy mạnh công tác cải tạo đồng ruộng. Chủ trương đó hợp lòng dân; được Nhân dân đồng thuận, hưởng ứng tích cực. Nhờ đó, chỉ trong vòng chưa đầy một thập kỷ (1975 - 1985), hàng vạn mỗ mã, nhà cửa của Nhân dân vùng đông các huyện Quế Sơn, Duy Xuyên, Điện Bàn..., được di dời, hàng ngàn héc ta ruộng đất được cải tạo bằng chính sức lực của Nhân dân. Mặt khác, nếu không có sự đồng thuận của Nhân dân, thì chúng ta làm sao có thể cùng một lúc di dời dân

của 6 xã phía tây Tam Kỳ để xây dựng công trình đại thủy nông Phú Ninh, đáp ứng khát vọng về nước tưới bao đời của người dân đất Quảng. Không chỉ có Phú Ninh, mà chúng ta còn có công trình thủy lợi - thủy điện Duy Sơn 2 và bao nhiêu công trình thủy lợi khác minh chứng cho sự đồng thuận giữa ý Đảng và lòng dân. Sau ngày chia tách tỉnh đến nay, trên địa bàn miền núi, đồng bào các dân tộc nồng nhiệt hưởng ứng chủ trương giao đất, giao rừng của Đảng đến từng hộ gia đình; Nhân dân các huyện đồng bằng tích cực hưởng ứng phong trào bê tông hoá giao thông nông thôn, xây dựng làng văn hoá, dòng họ văn hoá gắn với các thiết chế của văn hoá làng, truyền thống gia tộc, tạo cơ sở vững chắc cho cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới ở khu dân cư, các tệ nạn xã hội từng bước bị đẩy lùi, đời sống vật chất - tinh thần của Nhân dân không ngừng được cải thiện.

Mặt khác, một khi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước phù hợp với nguyện vọng, lợi ích của Nhân dân thì sẽ tạo điều kiện cho Nhân dân phát huy khả năng sáng tạo không ngừng.

Việc hoàn thành thắng lợi xây dựng công trình đại thủy nông Phú Ninh và công tác thủy lợi hoá đồng ruộng vào nửa sau thập niên 70 của thế kỷ trước là kết quả của tư duy năng động, sáng tạo, nhạy bén của lãnh đạo tỉnh, dám suy nghĩ và chủ trương, khác với lý luận được coi là *kinh điển* lúc bấy giờ: Phải chờ hợp tác hoá thì mới có động cơ và lực lượng để thủy lợi hoá. Nhưng để có tư duy đột phá ấy, ngày đó nhiều người lãnh đạo cao nhất của tỉnh đã xuống ngồi trực tiếp bàn bạc như con cháu trong nhà với các bậc lão nông tri điền. Và khi chủ trương của Đảng phù hợp với lòng dân, đã tạo nên một *sức bật*

mới của xứ Quảng sau giải phóng, được Trung ương đánh giá cao, hai năm liền (1983 - 1984) Quảng Nam - Đà Nẵng được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) tặng “Cờ dẫn đầu thi đua cả nước”.

Năm là, muốn làm tốt công tác vận động quần chúng, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc thì tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phải thật sự vững mạnh; cán bộ Mặt trận phải có trình độ, năng lực, bản lĩnh, tình cảm, trí tuệ và tâm huyết với các phong trào, phải “chân đi, tai nghe, mắt thấy, miệng nói, tay làm”, và địa bàn hoạt động của cán bộ các cấp Mặt trận là ở cơ sở.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có chức năng vận động, giáo dục và tổ chức các phong trào quần chúng, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đảm nhiệm vai trò đó bằng hệ thống tổ chức và đội ngũ cán bộ của mình. Quy mô, hiệu quả của các phong trào cách mạng trong tỉnh qua các giai đoạn lịch sử cho thấy hai mặt đó có tác động trực tiếp lẫn nhau. Trong hệ thống tổ chức các cấp Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ tỉnh đến cơ sở, việc tập trung chỉ đạo xây dựng tổ chức Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có tầm quan trọng đặc biệt, quyết định sự thành bại của công tác vận động quần chúng hưởng ứng các chủ trương của Đảng. Các cấp Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phải thường xuyên tiến hành tuyên truyền, giáo dục các tầng lớp Nhân dân hiểu sâu sắc rằng: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một bộ phận của hệ

thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân. Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên, vừa là người lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam”.

Sự thành công của công tác Mặt trận các cấp là do sự nỗ lực, tự giác hoạt động của mỗi người và sự đoàn kết dân tộc mà cùng góp tay xây dựng nên. Đồng thời, các cấp Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cần chú trọng tạo điều kiện và khuyến khích cán bộ các cấp bám sát cơ sở, cụ thể hoá chương trình, kế hoạch công tác của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trên; xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, kịp thời rút kinh nghiệm để tổ chức thực hiện có hiệu quả trên diện rộng; đẩy mạnh các hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ngày càng sâu rộng trong quần chúng; xây dựng, củng cố Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ở cơ sở sao cho phù hợp với điều kiện sinh hoạt của từng địa bàn dân cư.

Địa bàn hoạt động của cán bộ các cấp Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là ở cơ sở. Muốn hoạt động tuyên truyền, vận động Nhân dân có hiệu quả nhất, đòi hỏi cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phải có tình cảm, trí tuệ, tâm huyết với phong trào; biết lắng nghe ý kiến, cùng bàn bạc với Nhân dân. Trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1946 - 1975), trên địa bàn tỉnh ta biết bao cán bộ của Mặt trận Dân tộc Thống nhất đã nêu cao tấm gương hết lòng vì dân tộc, đã cùng ăn, cùng ở, cùng làm với Nhân dân. Nhờ đó, các phong trào vận động cách mạng do Đảng ta khởi xướng đều thu được kết quả thắng lợi.

Ngày nay, để đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ mới, bên cạnh công tác xây dựng đội ngũ cán bộ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chuyên trách và không chuyên trách có đủ kiến thức

chuyên môn cần thiết cho công tác vận động quần chúng; các cấp Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phải thực hiện tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội, lấy nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xoá đói giảm nghèo làm trọng tâm, hướng các hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vào đúng chức năng đại diện, chăm lo, bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân. Vận động, tập hợp Nhân dân, tổ chức các phong trào hành động cụ thể thiết thực. Trong chỉ đạo thực hiện phải tập trung giải quyết dứt điểm từng vụ việc, chú trọng xây dựng mô hình; tổ chức sơ, tổng kết rút kinh nghiệm; biểu dương khen thưởng đúng, kịp thời nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến, lắng nghe và phản ánh kịp thời tình hình, nguyện vọng chính đáng của quần chúng và kiến nghị với Đảng, Nhà nước các cấp về các chủ trương chính sách đối với các tầng lớp Nhân dân, nhất là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng, thực hiện tốt chính sách hòa hợp dân tộc, đoàn kết lương giáo; tranh thủ, tập hợp rộng rãi đội ngũ trí thức, những người có tài, có đức để thực hiện chức năng tư vấn và phản biện xã hội.

Thực tiễn và kết quả các hoạt động của các cấp Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh ta từ ngày tái lập tỉnh (1997) đến nay cũng chứng minh rằng: Nơi nào đội ngũ cán bộ của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có năng lực, có uy tín, gắn bó mật thiết với Nhân dân; biết tranh thủ sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, sự hỗ trợ tạo điều kiện của chính quyền; biết phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, tạo sức mạnh tổng hợp để tập hợp vận động Nhân dân phát huy nội lực, phát huy quyền làm chủ, thì chính các nơi đó phong trào mới phát triển mạnh mẽ và thật sự bền vững.

Sáu là, để tạo sự đồng thuận của Nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc bền vững, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phải thực hiện tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội.

Để đạt được *sự đồng thuận xã hội*, đòi hỏi mọi thành viên trong xã hội phải tôn trọng và hành động theo những nguyên tắc và ý chí chung. Mỗi quyết định được thông qua phải là “*mẫu số chung*”, phản ánh và thể hiện đầy đủ nguyện vọng, lợi ích của từng thành viên và của toàn xã hội. Do vậy, đồng thuận trong xã hội chúng ta hiện nay đó là sự đồng thuận vì mục tiêu chung: giữ vững độc lập dân tộc và thống nhất Tổ quốc vì dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; đó là sự phát triển hài hoà các lợi ích vì sự phát triển chung; đó là chủ nghĩa yêu nước chân chính, sự hướng tới những giá trị chân - thiện - mỹ, tôn trọng những giá trị văn hoá, đạo đức mang tính nhân văn...

Giám sát và phản biện xã hội là yêu cầu khách quan, mang tính phổ biến trong việc tổ chức và vận hành quyền lực chính trị của các Nhà nước dân chủ. Nó là một trong những bộ phận cấu thành hệ thống kiểm soát quyền lực nhằm khắc phục xu hướng lạm quyền, tha hóa quyền lực Nhà nước và là một phần tất yếu của quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền và thực thi dân chủ.

Hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một trong những công cụ kiểm soát quyền lực của Nhân dân đối với quyền lực chính trị và quyền lực Nhà nước. Thực hiện tốt hoạt động giám sát và phản biện xã hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam sẽ từng bước cụ thể hóa vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân, góp phần

quan trọng đảm bảo mọi quyền lực đều thuộc về Nhân dân.

Quyết định số 217- QĐ/TW ngày 12 - 12 - 2013 của Bộ Chính trị (khóa XI) về quy chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội là công cụ quan trọng để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và Nhân dân thực hiện chức năng giám sát và phản biện của mình, góp phần xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và hệ thống chính trị các cấp ngày càng trong sạch, vững mạnh. Muốn vậy, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ tỉnh đến cơ sở cần tập hợp rộng rãi đội ngũ chuyên gia trên các lĩnh vực, nhất là đội ngũ trí thức của tỉnh, chủ động bám sát tình hình thực tế tại địa phương và những vấn đề bức xúc mà cử tri kiến nghị để xây dựng kế hoạch giám sát hằng năm, ký các chương trình phối hợp giám sát giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam với các đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ quan Nhà nước có liên quan, tập trung vào những việc thiết thực, liên quan đến đời sống, việc làm của người dân để tổ chức giám sát và phản biện xã hội.

Thực tiễn cho thấy, muốn phát huy giám sát của Nhân dân, dựa vào Nhân dân để xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền cần phải có quy định cụ thể, sát thực, dễ hiểu, dễ làm. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từ tỉnh đến cơ sở cần nghiên cứu, xây dựng quy trình tập hợp ý kiến Nhân dân, phát huy tốt nhất vai trò và trí tuệ của các ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, của nhân sĩ, trí thức, các giới, dân tộc, tôn giáo, các nhà khoa học, các chuyên gia, người uy tín, đoàn viên, hội viên và sự ủng hộ của Nhân dân tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.



*Hội thảo khoa học công trình Lịch sử MTTQ Việt Nam
tỉnh Quảng Nam (1930 - 2015)*



*Hội đồng thẩm định khoa học công trình Lịch sử MTTQ Việt Nam
tỉnh Quảng Nam (1930 - 2015)*

PHỤ LỤC

I. CÁC VỊ LÃNH ĐẠO MẶT TRẬN VIỆT MINH TỈNH GIAI ĐOẠN 1930 - 1945

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Ông Trương Hoàn	Chủ nhiệm	Mặt trận Việt Minh từ tháng 10-1941 - 5-1945
2	Ông Trần Văn Quế	Chủ nhiệm	Mặt trận Việt Minh từ tháng 5-1945 - 9-1945

II. CÁC VỊ LÃNH ĐẠO MẶT TRẬN VIỆT MINH, HỘI LIÊN VIỆT VÀ MẶT TRẬN LIÊN VIỆT TỈNH, GIAI ĐOẠN 1945 - 1954

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Ông Nguyễn Xuân Nhị	Chủ nhiệm	Mặt trận Việt Minh từ tháng 9/1945 - 1/1947
2	Ông Nguyễn Quang Chung	Phó Chủ nhiệm	Mặt trận Việt Minh từ tháng 9/1945 - 1/1947
3	Ông Lê Đình Thám	Chủ tịch	Hội Liên Việt từ tháng 5-1946
4	Ông Trương Quang Giao	Chủ nhiệm	Mặt trận Việt Minh từ tháng 1/1947 - 1/1949
5	Ông Trần Tống	Phó Chủ nhiệm	Mặt trận Việt Minh từ tháng 1/1947 - 1/1949
6	Ông Nguyễn Xuân Hữu	Chủ nhiệm	Mặt trận Việt Minh từ tháng 1/1949 - cuối năm 1949
7	Ông Cao Sơn Pháo	Phó Chủ nhiệm	Mặt trận Việt Minh từ tháng 1-1949 - cuối năm 1949
8	Ông Cao Sơn Pháo	Chủ nhiệm	Mặt trận Việt Minh từ cuối năm 1949 đến tháng 3-1951

9	Ông Lê Bình	Phó Chủ nhiệm	Mặt trận Việt Minh từ tháng 2/1950 - 3/1951
10	Ông Hồ Nghinh	Chủ nhiệm	Mặt trận Liên Việt từ tháng 3/1951 - 7/1954
11	Ông Vũ Trọng Hoàng	Phó Chủ nhiệm	Mặt trận Liên Việt từ tháng 3/1951 - 7/1954

III. CÁC VỊ LÃNH ĐẠO ỦY BAN MẶT TRẬN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VIỆT NAM TỈNH QUẢNG NAM, QUẢNG ĐÀ VÀ ĐẶC KHU QUẢNG ĐÀ, GIAI ĐOẠN 1954 - 1975

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Ông Trần Minh (Mẫn)	Phụ trách công tác Dân vận & Mặt trận	1962 - cuối 1963
2	Ông Hồ Truyền	Trưởng ban Dân vận - Mặt trận	Cuối năm 1963 đến tháng 10 - 1965
3	Ông Lê Văn Học	Phó Trưởng ban Dân vận - Mặt trận	Cuối năm 1963 đến tháng 7 - 1967
4	Ông Nguyễn Hoàng (Hoàng Nguyên Trường)	Trưởng ban Dân vận - Mặt trận	Tháng 10 - 1965 đến tháng 7 - 1967
5	Ông Đồng Lương (Phan Hiên)	Chủ tịch	Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam từ tháng 7 - 1967 đến tháng 3 - 1969
6	Đại đức Thích Thành Minh	Phó Chủ tịch	Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam từ tháng 7 - 1967 đến đầu năm 1970

7	Ông Hồ Nghinh	Chủ tịch	Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Đà từ năm 1967 và từ 11 -1967 là Chủ tịch Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam Đặc khu Quảng Đà đến năm 1975
8	Ông Nguyễn Thành	Chủ tịch	Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam từ tháng 3 - 1969 đến đầu năm 1970
9	Ông Vũ Thiếp	Chủ tịch	Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam từ đầu năm 1970 đến tháng 4-1972
10	Ông Nguyễn Thành	Chủ tịch	Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam từ tháng 4-1972 đến năm 1975
11	Ông Ngô Thanh Dũng	Phó Chủ tịch	Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam từ đầu năm 1970 đến tháng 3 -1975
12	Bà Hồ Thị Kim Thanh	Phó Chủ tịch	Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam từ đầu năm 1970 đến tháng 3-1975
13	Ông Trần Hải (Trần Hào)	Ủy viên Thư ký	Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam từ đầu năm 1968 đến tháng 3-1975
14	Ông Nguyễn Hoàng Ngọc	Ủy viên Thư ký	Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam từ đầu năm 1970 đến tháng 3-1975

IV. LÃNH ĐẠO MẶT TRẬN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VIỆT NAM TỈNH QUẢNG NAM SAU GIẢI PHÓNG (24-3-1975)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Ông Nguyễn Thành	Chủ tịch	
2	Bà Hồ Thị Kim Thanh	Phó Chủ tịch	
3	Ông Trần Hải	Ủy viên Thư ký	

V. LÃNH ĐẠO MẶT TRẬN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VIỆT NAM ĐẶC KHU QUẢNG ĐÀ SAU GIẢI PHÓNG (29-3-1975)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Ông Hồ Nghinh	Chủ tịch	

VI. CÁC VỊ LÃNH ĐẠO MẶT TRẬN DÂN TỘC GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VIỆT NAM TỈNH QUẢNG NAM SAU KHI ĐƯỢC KIẾN TOÀN, Củng cố (5-1975)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Ông Nguyễn Thành	Chủ tịch	
2	Bà Hồ Thị Kim Thanh	Phó Chủ tịch	
3	Ông Nguyễn Thành Nhơn	Phó Chủ tịch	
4	Ông Võ Xuân Sanh	Phó Chủ tịch	
5	Ông Hường Thắng	Phó Chủ tịch	
6	Ông Đỗ Viết Can	Phó Chủ tịch	
7	Ông Trần Hải	Ủy viên thường trực	

8	Ông Trần Anh Đoàn (Doan)	Ủy viên, Chánh Văn phòng	
9	Ông Võ Văn Huệ	Ủy viên, phụ trách Tôn giáo	
10	Ông Vũ Văn Sỹ	Ủy viên, phụ trách trí thức, tư sản và Hoa kiều	

**VII. CÁC VỊ LÃNH ĐẠO MẶT TRẬN DÂN TỘC
GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VIỆT NAM ĐẶC KHU
QUẢNG ĐÀ SAU KHI ĐƯỢC KIẾN TOÀN, CUNG CỐ
(5-1975)**

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Hồ Nghinh	Chủ tịch	
2	Ông Phạm Hồng Quang (Trần Văn Tân)	Phó Chủ tịch	
3	Ông Trương Văn Dũng	Ủy viên thường trực	

**VIII. CÁC VỊ LÃNH ĐẠO MẶT TRẬN DÂN TỘC
GIẢI PHÓNG MIỀN NAM VIỆT NAM TỈNH QUẢNG
NAM VÀ ĐẶC KHU QUẢNG ĐÀ SAU KHI HỢP NHẤT
THÀNH TỈNH QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG (10-1975)**

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Ông Hồ Nghinh	Chủ tịch	
2	Ông Nguyễn Thành	Phó Chủ tịch	
3	Ông Phạm Hồng Quang	Phó Chủ tịch	
4	Ông Trương Văn Dũng	Ủy viên thường trực	

IX. BAN THƯỜNG TRỰC ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG KHÓA I (1977 - 1981)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Ông Võ Văn Đặng	Chủ tịch	
2	Ông Hà Kỳ Ngộ	Phó Chủ tịch	
3	Ông Vĩnh Linh	Phó Chủ tịch	
4	Bà Trần Thị Tư	Phó Chủ tịch	
5	Ông Đào Xuân Thắng	Ủy viên Thường trực	
6	Ông Lê Công Cơ	Ủy viên	Từ tháng 5-1980
7	Thượng tọa Thích Long Trí	Ủy viên	

X. BAN THƯỜNG TRỰC ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG, KHÓA II (1981 - 1984)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Ông Võ Văn Đặng	Chủ tịch	Tháng 7-1981 thôi làm nhiệm vụ Chủ tịch Mặt trận, để làm Trưởng Ban Dân vận, kiêm Bí thư Đảng đoàn Mặt trận
2	Ông Ngô Xuân Hạ	Chủ tịch	Từ tháng 7-1981
3	Ông Lê Công Cơ	Phó Chủ tịch	
4	Ông Vĩnh Linh	Phó Chủ tịch	
5	Ông Phạm Hồng Quang	Phó Chủ tịch	
6	Ông Lê Chuẩn	Phó Chủ tịch	
7	Bà Trần Thị Tư	Phó Chủ tịch	

8	Ông Phan Châu Toàn	Ủy viên	
9	Ông Đông Trình	Ủy viên	
10	Linh mục Nguyễn Quang Xuyên	Ủy viên	
11	Ông Trần Nguyên	Ủy viên	
12	Ông Đào Xuân Thắng	Ủy viên	
13	Ông Trương Giai	Ủy viên	
14	Ông Trương Văn Dũng	Ủy viên	

**XI. BAN THƯỜNG TRỰC ỦY BAN MẶT TRẬN
TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH QUẢNG NAM -
ĐÀ NẴNG KHÓA III (1984 - 1989)**

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Ông Ngô Xuân Hạ	Chủ tịch	
2	Ông Lê Công Cơ	Phó Chủ tịch Thường trực	
3	Ông Phạm Bân	Phó Chủ tịch	Từ trần (7-1995)
4	Ông Thái Văn Diện	Phó Chủ tịch	
5	Ông Hồ Huyền	Phó Chủ tịch	
6	Ông Nguyễn Văn Khương	Phó Chủ tịch	
7	Bà Nguyễn Thị Lãnh	Phó Chủ tịch	
8	Ông Nguyễn Lắm	Phó Chủ tịch	
9	Ông Phan Như Lâm	Phó Chủ tịch	
10	Ông Vĩnh Linh	Phó Chủ tịch	
11	Ông Phạm Hồng Quang	Phó Chủ tịch	
12	Ông Hoàng Thao	Phó Chủ tịch	
13	Bà Nguyễn Thị Thanh	Phó Chủ tịch	

14	Thượng tọa Thích Quang Thế	Phó Chủ tịch	
15	Linh mục Nguyễn Quang Xuyên	Phó Chủ tịch	
16	Ông Đào Xuân Thắng	Ủy viên Thường trực	
17	Ông Nguyễn Chiến	Ủy viên Thư ký	
18	Ông Trương Văn Dũng	Ủy viên Thư ký	
19	Ông Trần Hữu Xuân	Ủy viên, phụ trách Văn phòng	

XII. BAN THƯỜNG TRỰC ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG, KHÓA IV (1990 - 1995)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Ông Ngô Xuân Hạ	Chủ tịch	10/1991 nghỉ hưu
2	Ông Võ Xuân Sanh	Chủ tịch	Từ tháng 10/1991 - 7/1993
3	Ông Lương Văn Hận	Chủ tịch	Tháng 1/1994 - 1/1995
4	Ông Nguyễn Đình An	Chủ tịch	Từ tháng 1/1995
5	Ông Võ Đắc Hợi	Phó Chủ tịch	Từ trần 1992
6	Ông Bnướcch Bút	Phó Chủ tịch	Từ trần 1992
7	Ông Nguyễn Kim Cương	Phó Chủ tịch chuyên trách	Điều hành công việc của Chủ tịch Mặt trận từ tháng 7/1993 - 1/1994
8	Ông Nguyễn Hoàng Ngọc	Phó Chủ tịch	Từ tháng 1-1995
9	Ông Lê Văn Kiện	Phó Chủ tịch	Từ tháng 1-1995
10	Ông Hồ Ngọc Hùng	Ủy viên Thư ký	
11	Ông Nguyễn Văn Lai	Ủy viên Thư ký	

XIII. BAN THƯỜNG TRỰC ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH QUẢNG NAM - ĐÀ NẴNG KHÓA V (1995 - 2000)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Ông Nguyễn Đình An	Chủ tịch	Lương Văn Hận - Trưởng ban Dân vận, Chủ tịch Mặt trận từ 1996 thay cho ông Nguyễn Đình An
2	Ông Nguyễn Hoàng Ngọc	Phó Chủ tịch chuyên trách	
3	Ông Lê Văn Kiện	Phó Chủ tịch chuyên trách	
4	Ông Hồ Văn Điều	Phó Chủ tịch không chuyên trách	
5	Ông Hoàng Châu Ký	Phó Chủ tịch không chuyên trách	
6	Ông Phan Khôi	Phó Chủ tịch không chuyên trách	
7	Bà Nguyễn Thị Vân Lan	Phó Chủ tịch không chuyên trách	
8	Ông Nguyễn Văn Lai	Ủy viên Thường trực	

XIV. ỦY BAN LÂM THỜI MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH QUẢNG NAM NĂM 1997

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Ông Lương Văn Hận	Chủ tịch	
2	Ông Nguyễn Hoàng Ngọc	Phó Chủ tịch Thường trực	
3	Ông Trần Văn Minh	Phó Chủ tịch	

4	Ông Hồ Văn Reo	Phó Chủ tịch không chuyên trách	
5	Ông Lê Ngọc Dũng	UVTT, Trưởng ban Phong trào, Chánh Văn phòng	
6	Ông Hà Đồng Thông	Trưởng ban Dân chủ - Pháp luật	

XV. BAN THƯỜNG TRỰC ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH QUẢNG NAM KHÓA VI (1998 - 2002)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Ông Lương Văn Hận	Chủ tịch	Tháng 4/2002 (nghỉ hưu)
2	Bà Phạm Thị Minh Chiến	Chủ tịch	Từ tháng 4/2002
3	Ông Nguyễn Hoàng Ngọc	Phó Chủ tịch Thường trực	
4	Ông Trần Văn Minh	Phó Chủ tịch	
5	Ông Hồ Văn Reo	Phó Chủ tịch không chuyên trách	
6	Ông Lê Ngọc Dũng	UVTT, Trưởng ban Phong trào	
7	Ông Huỳnh Kim Xuân	UVTT, Chánh Văn phòng	
8	Ông Lê Mạnh Phát	Trưởng ban Văn hóa - Xã hội	
9	Ông Hồ Anh Tuấn	Trưởng ban Dân chủ - Pháp luật	Tháng 6-2002 chuyển công tác về Đà Nẵng

XVI. BAN THƯỜNG TRỰC ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH QUẢNG NAM KHÓA VII (2003 - 2008)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Bà Phạm Thị Minh Chiến	Chủ tịch	8-2007 nghỉ hưu
2	Ông Lê Văn Lai	Chủ tịch	Từ tháng 8-2007
3	Ông Nguyễn Nhung	Phó Chủ tịch thường trực	
4	Ông Trần Văn Minh	Phó Chủ tịch	
5	Ông Trương Văn Mười	Phó Chủ tịch	
6	Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Phó Chủ tịch	
7	Ông Huỳnh Kim Xuân	UVTT, Trưởng ban Tuyên huấn - Tổ chức - Thi đua	
8	Ông Lê Công Chiến	UVTT, Trưởng ban Dân chủ - Pháp luật	
9	Ông Lê Đắc Nguyên	UVTT, Trưởng ban Phong trào	
10	Ông Phạm Thanh Hận	UVTT, Trưởng ban Tôn giáo - Dân tộc	
11	Ông Vũ Khắc Trọng	UVTT, Chánh Văn phòng	
12	Ông Lê Mạnh Phát	Trưởng ban Văn hóa - Xã hội	

XVII. BAN THƯỜNG TRỰC ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH QUẢNG NAM KHÓA VIII (2009 - 2014)

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Ông Lê Văn Lai	Chủ tịch	
2	Ông Trần Ngọc Thanh	Phó Chủ tịch	
3	Bà Trương Thị Lộc	Phó Chủ tịch	Năm 2013, được điều động sang làm Chủ tịch Hội LHPN tỉnh
4	Ông Trương Văn Mười	Phó Chủ tịch	Tháng 9-2010, được điều động sang làm Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ tỉnh
5	Ông Đinh Thái Long	Phó Chủ tịch	Từ ngày 21-10-2010
6	Ông Nguyễn Phi Hùng	Phó Chủ tịch	Từ tháng 11-2012
7	Ông Huỳnh Kim Xuân	Ủy viên Thường trực, Trưởng ban Tuyên huấn - Tổ chức - Thi đua	
8	Ông Lê Đắc Nguyên	Ủy viên Thường trực, Trưởng ban Phong trào	
9	Ông Lê Công Chiến	Ủy viên Thường trực, Trưởng ban Dân chủ - Pháp luật	
10	Ông Phạm Thanh Hận	Ủy viên Thường trực, Trưởng ban Tôn giáo - Dân tộc	
11	Ông Vũ Khắc Trọng	Ủy viên Thường trực, Chánh Văn phòng	
12	Bà Nguyễn Thị Bộ	Ủy viên Thường trực, Phó ban Tuyên huấn - Tổ chức - Thi đua	
13	Ông Phạm Văn Công	Ủy viên Thường trực, Trưởng ban Tổ chức - Tuyên giáo	

**XVIII. BAN THƯỜNG TRỰC ỦY BAN MẶT TRẬN
TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA IX (2014 - 2019)**

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	GHI CHÚ
1	Ông Võ Xuân Ca	Chủ tịch	
2	Ông Nguyễn Phi Hùng	Phó Chủ tịch Thường trực	
3	Ông Nguyễn Văn Long	Phó Chủ tịch	
4	Ông Lê Thái Bình	Phó Chủ tịch	Từ tháng 7-2015
5	Bà Huỳnh Thị Mỹ Lệ	Ủy viên Thường trực, Trưởng ban Tổ chức - Tuyên giáo	
6	Bà Lê Thị Như Thủy	Ủy viên Thường trực, Trưởng ban Phong trào	
7	Ông Lê Công Chiến	Ủy viên Thường trực, Trưởng ban Dân tộc - Tôn giáo	
8	Bà Hồng Thị Nga	Ủy viên Thường trực, Chánh Văn phòng	
9	Bà Nguyễn Thị Thanh Thu	Ủy viên Thường trực, Trưởng ban Dân chủ - Pháp luật	
10	Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Ủy viên Thường trực, Trưởng ban Tuyên giáo	Từ tháng 7-2015

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Báo Tiếng Dân số ra ngày 8-4-1932.
2. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh Quảng Nam, *Diễn hình thi đua đất Quảng (2000 - 2004)*, Tam Kỳ, 5-2005.
3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Huyện ủy Núi Thành, Kỷ yếu hội thảo: *Giải phóng Tứ Mỹ - Ý nghĩa và bài học lịch sử*, 7-2013.
4. Ban Dân vận Tỉnh ủy Quảng Nam, *Lịch sử công tác dân vận của Đảng bộ tỉnh Quảng Nam (1930 - 2010)*, 10-2010.
5. Ban Tổ chức Tỉnh ủy Quảng Nam, *Lịch sử ngành Tổ chức xây dựng Đảng Quảng Nam (1930 - 2010)*, Tam Kỳ, 2010.
6. Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh Quảng Nam, *Lịch sử phong trào phụ nữ tỉnh Quảng Nam (1930 - 2005)*, 11-2006.
7. Ban Chấp hành Tỉnh Đoàn Quảng Nam, *Lịch sử Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và phong trào thanh thiếu nhi tỉnh Quảng Nam (1927 - 2011)*, Tam Kỳ, 3-2011.
8. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Nam - Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng TP. Đà Nẵng, *Lịch sử Bộ đội Biên phòng Quảng Nam - Đà Nẵng (1959 - 1997)*, Nxb. Đà Nẵng, 2004.
9. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Nam, *Lịch sử LLVT nhân dân tỉnh Quảng Nam, tập I (1945 - 1954)*, Nxb. QĐND, Hà Nội, 2001.

10. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Nam, *Lịch sử LLVT nhân dân tỉnh Quảng Nam, tập II (1954 - 1975)*, Nxb. QĐND, Hà Nội, 2004.

11. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Nam, *Lịch sử LLVT nhân dân tỉnh Quảng Nam, tập III (1975 - 2005)*, Nxb. QĐND, Hà Nội, 2008.

12. Cristophorro Borri, *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Nxb. TP.HCM, 1998.

13. Công ty Cổ phần Thông tin kinh tế đối ngoại, *Quảng Nam thế và lực mới trong thế kỷ XXI*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2004.

14. Các Kỷ yếu hội thảo khoa học, các hội ký cá nhân, các công trình lịch sử Đảng và các đoàn thể cấp huyện (thành phố, thị xã), xã (phường, thị trấn) ..., trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đã được xuất bản.

15. Các nguồn tài liệu đang lưu trữ tại Ủy ban Mặt trận TQVN tỉnh Quảng Nam.

16. Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Quảng Nam, *Lịch sử phong trào nông dân và Hội Nông dân Việt Nam tỉnh Quảng Nam 1930 - 2005*, Tam Kỳ, 1-2008.

17. Hội đồng biên soạn Lịch sử Nam Trung Bộ kháng chiến, *Nam Trung bộ kháng chiến 1945-1975*. Nxb. CTQG. Hà Nội, 1995.

18. Huỳnh Công Bá, “*Công cuộc khai khẩn và phát triển làng xã ở bắc Quảng Nam từ giữa thế kỷ XV đến giữa thế kỷ XVIII*” (Bản tóm tắt luận án tiến sĩ).

19. Khuyết danh, *Ô Châu cận lục*, Văn hoá Á Châu xuất bản, 1961.

20. Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1977.
21. Lê Quý Đôn, *Toàn tập*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1977.
22. Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Nam, *Lịch sử phong trào công nhân lao động và Công đoàn tỉnh Quảng Nam (1929 - 2000)*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2005.
23. Lý Nhạc, *Thành quả 30 năm đổi mới cơ cấu cây trồng của Quảng Nam*, Tam Kỳ, 2006.
24. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, *Tham luận tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Nxb. CTQG, Hà Nội, 2000.
25. Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 2. Nxb. KHXH, Hà Nội, 1985.
26. Nguyên Ngọc (chủ biên), *Tìm hiểu con người xứ Quảng*, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ Quảng Nam xuất bản, 2004.
27. Nguyễn Xuân Hồng, *Phong tục - tập quán - lễ hội*, Sở Văn hoá Thông tin Quảng Nam xuất bản tháng 9-2004.
28. Nguyễn Khánh Toàn (chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, tập 2, Nxb. KHXH, 1985.
29. Nguyễn Thị Bình, *Hồi ký*, Nxb. Tri Thức, 2012.
30. Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, tập 1, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1992.
31. Phạm Văn Thắng (chủ biên), *Lịch sử Quảng Nam từ nguồn gốc đến năm 2005* (công trình NCKH cấp tỉnh), Sở Khoa học & Công nghệ Quảng Nam, 2008.

32. *Quảng Nam - Đà Nẵng xưa và nay*, Nxb. Đà Nẵng, 1996.
33. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, quyển 3, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004.
34. Quốc sử quán Triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 28, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1973.
35. Quốc sử quán Triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, tập 34, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1974.
36. Sở mật thám faifo: *Báo cáo chính trị quý 2 năm 1920*, tài liệu lưu tại Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng.
37. Sở VH TT & DL Quảng Nam, *Văn hóa Quảng Nam những giá trị đặc trưng*, Kỷ yếu hội thảo, 2001.
38. Tạp chí Hán Nôm, số 4 (29) 1996.
39. Tạp chí *Văn hoá Quảng Nam*, số 17/1999.
40. Thành Thế Vỹ, *Ngoại thương Việt Nam hồi thế kỷ XVII, XVIII và đầu XIX*, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1961.
41. Thích Đại Sán, *Hải ngoại ký sự*, Viện Đại học Huế - Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam xuất bản, 1963.
42. Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng, *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1930 - 1975)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.
43. Tỉnh ủy Quảng Nam - Thành ủy Đà Nẵng, *Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam - Đà Nẵng (1975 - 1996)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.
44. Tỉnh ủy Quảng Nam, *Các nghị quyết, chương trình hành động, kết luận của Tỉnh ủy Quảng Nam (1997 - 2004)*, năm 2004.

45. Tỉnh ủy - UBND tỉnh Quảng Nam, Thành ủy - UBND TP. Đà Nẵng, *Địa chí Quảng Nam - Đà Nẵng*, Nxb. KHXH, Hà Nội, 2010.

46. Tỉnh ủy Quảng Nam, *Biên niên sự kiện lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam (1975 - 2005)*, Tam Kỳ, 1-2007.

47. Tỉnh ủy Quảng Nam, *Kỷ yếu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Nam (1930 - 2010)*, Tam Kỳ, 3/2010.

48. Tỉnh ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN tỉnh Quảng Nam, *Quảng Nam anh hùng thời đại Hồ Chí Minh*, Kỷ yếu, 6-2013.

49. Tỉnh ủy Quảng Nam, *Quảng Nam 45 năm vì sự nghiệp giải phóng dân tộc*, Nxb. Thông tấn, Hà Nội, 2010.

50. Trần Văn Đôn, *Our Endless War* (inside Vietnam), Pressidio Pres, San Rafael, CA, USA, 1987.

51. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi, *Lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất tỉnh Quảng Ngãi 1930 - 2000*, Quảng Ngãi, 2004.

52. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập I (1930 - 1954), Nxb. Chính trị Quốc gia, 2004.

53. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập II (1954 - 1975), Nxb. Chính trị Quốc gia, 2004.

54. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, *Biên niên sự kiện lịch sử Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập III (1975 - 2000), Nxb. Chính trị Quốc gia, 2004.

55. Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, *Văn kiện Đảng về Mặt trận Dân tộc thống nhất Việt Nam*, tập I (1930 - 1945), Hà Nội, 1999.

56. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Phước Sơn, *Lịch sử Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Phước Sơn (1945 - 2010)*, 11-2012.

57. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Việt Nam tỉnh Thừa Thiên - Huế, *Lịch sử Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Thừa Thiên - Huế (1930 - 2010)*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 11-2010.

58. Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Nam lần thứ XVI, XVII, XVIII, XIX.

MỤC LỤC

* Lời giới thiệu	9
Chương mở đầu. Quảng Nam - vùng đất, con người và truyền thống đoàn kết dân tộc	
I. Điều kiện tự nhiên, quá trình mở đất lập làng và đặc điểm về văn hóa - xã hội	13
II. Truyền thống đoàn kết đấu tranh chống phong kiến, thực dân trước khi có Đảng	34
Chương 1. Các hình thức tổ chức Mặt trận Dân tộc Thống nhất ở Quảng Nam và cuộc vận động Nhân dân đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945)	
I. Sự ra đời và hoạt động của các tổ chức quần chúng ở Quảng Nam trong cuộc đấu tranh chống đế quốc, phong kiến (1930 - 1935)	54
II. Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương và Mặt trận Dân chủ Đông Dương với phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ của Nhân dân Quảng Nam (1936 - 1939)	70
III. Mặt trận Thống nhất Dân tộc phản đế Đông Dương và Mặt trận Việt Minh tỉnh Quảng Nam trong cuộc vận động Cách mạng tháng Tám (1939 - 1945)	89
Chương 2. Tập hợp rộng rãi lực lượng dân tộc, bảo vệ chính quyền cách mạng, xây dựng hậu phương, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954)	
I. Tăng cường sức mạnh đoàn kết dân tộc, xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1946).....	118

II. Hoạt động của Mặt trận Việt Minh và Hội Liên Việt tỉnh Quảng Nam trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp (1946 - 1950) 138

III. Mặt trận Liên Việt tỉnh Quảng Nam cùng cả nước chuyển sang tổng phản công, đánh thắng thực dân Pháp (1951 - 1954) 160

Chương 3. Đấu tranh giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng, chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ (1954 - 1965)

I. Sắp xếp tổ chức, chuyển đổi phương thức hoạt động, giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng (1954 - 1960) 183

II. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng được thành lập, tập hợp Nhân dân nổi dậy diệt ác phá kềm, giành quyền làm chủ (1961-1965)..... 214

Chương 4. Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam tỉnh tăng cường đoàn kết dân tộc, cùng cả nước giải phóng hoàn toàn miền Nam (1965 - 1975)

I. Xây dựng quyết tâm đánh Mỹ, chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ (1965 - 1968)..... 251

II. Vận động Nhân dân đấu tranh chống “bình định” giành dân, góp phần làm phá sản chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” của địch (1969 - 1972) 282

III. Đoàn kết toàn dân đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Paris, tiến lên giải phóng hoàn toàn tỉnh Quảng Nam (1973 - 1975)..... 308

Chương 5. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng trong những năm đầu hàn gắn vết thương chiến tranh, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1986)

I. Ổn định tình hình, khắc phục hậu quả chiến tranh, bước đầu cải

tạo và xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa (1975 - 1981).....	325
II. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng vận động Nhân dân thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (1981 - 1986)	362
Chương 6. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng vận động Nhân dân bước đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986 - 1996)	
I. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, đưa đường lối đổi mới của Đảng vào cuộc sống (1986 - 1990).....	395
II. Xây dựng hệ thống chính trị, củng cố tổ chức, đổi mới công tác vận động quần chúng (1990 - 1996)	423
Chương 7. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế (1997 - 2015)	
I. Phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc, vượt qua thử thách, tạo thành tựu mới trong những năm đầu tái lập tỉnh (1997 - 2003).....	459
II. Tiếp tục mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam (2003 - 2008)	490
III. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập kinh tế thế giới (2009 - 2015).....	515
* Kết luận	556
* Phụ lục	578
* Danh mục tài liệu tham khảo chính	591

LỊCH SỬ

MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH QUẢNG NAM

(1930 - 2015)

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

Lô 103 - Đường 30 tháng 4 - Thành phố Đà Nẵng
ĐT: 0236 3 797814 - 3797823 - Fax 0236 3797875
www.nxbdanang.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc **TRƯỜNG CÔNG BÁO**

Chịu trách nhiệm nội dung

Tổng biên tập **NGUYỄN KIM HUY**

Biên tập: **HUỲNH KIM HÙNG**

Bìa & trình bày: **TUẤN ANH**

Sửa bản in: **LÊ THANH HÙNG**

In 900 cuốn, khổ 14,5x20,5cm, tại Công ty CP In - Phát hành Sách và TBTH Quảng Nam * 260 Hùng Vương, Tp. Tam Kỳ - ĐT: 02353. 859367.
Số ĐKXB: 1809-2019/CXBIPH/01-73/ĐaN cấp ngày 28/5/2019. QĐXB số: 436/QĐ-NXBĐaN Nhà xuất bản Đà Nẵng cấp ngày 05/6/2019. Mã số ISBN: 978-604-84-4189-0. In xong và nộp lưu chiểu tháng 7/2019.